MỤC LỤC

PHẦN 3. trong BỘ KINH TRUNG (MN) 687

(I) QUYỂN 1: 689

1. (MN 04) KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM 689

2. (MN 14) TIỂU KINH KHỔ UẨN 697

3. (MN 18) KINH HÒN MẬT ONG [a] 705

4. (MN 27) TIỂU KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI 713

5. (MN 30) TIỂU KINH VÍ DỤ GỖ LÕI 725

6. (MN 35) TIỂU KINH SACCAKA 735

7. (MN 41) KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở SĀLĀ 747

8. (MN 42) KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở VERAÑJA 755

9. (MN 44) TIỂU KINH VẤN ĐÁP 757

(II) QUYỂN 2: 767

10. (MN 51) KINH KANDARAKA 767

11. (MN 52) KINH NGƯỜI TỪ AṬṬHAKANĀGARA 781

12. (MN 53) KINH HỌC NHÂN 789

13. (MN 54) KINH POTALIYA 797

14. (MN 55) KINH JĪVAKA 807

15. (MN 56) KINH UPĀLI 811

16. (MN 58) KINH HOÀNG TỬ ABHAYA 831

17. (MN 59) KINH NHIỀU LOẠI CẢM GIÁC 835

18. (MN 60) KINH KHÔNG THỂ LẦM LỖI 841

19. (MN 78) KINH SAMAṆAMAṆḌIKĀ 859

20. (MN 81) KINH GHAṬĪKĀRA [#] 867

21. (MN 82) KINH RAṬṬHAPĀLA.....877

22. (MN 84) KINH MADHURĀ 897

23. (MN 85) KINH HOÀNG TỬ BỒ-ĐỀ.....905

24. (MN 86) KINH ANGULIMĀLA [a] 913

25. (MN 87) KINH ÁI SINH 923

26. (MN 88) KINH TẤM VẢI NGOẠI NHẬP.....929

27. (MN 89) KINH NHỮNG BẢO THÁP GIÁO PHÁP.....935

28. (MN 90) KINH KAṆṆAKATTHALA.....943

29. (MN 91) KINH BRAHMĀYU.....953

30. (MN 92) KINH SELA [a] 969

31. (MN 93) KINH ASSALĀYANA 979

32. (MN 94) KINH GHOṬAMUKHA.....991

33. (MN 95) KINH CANKĪ 997

34. (MN 96) KINH ESUKĀRĪ 1013

35. (MN 97) KINH DHĀNAÑJĀNI.....1021

36. (MN 98) KINH VĀSEṬṬHA.....1029

37. (MN 99) KINH SUBHA.....1041

38. (MN 100) KINH SANGĀRAVA 1055

(III) QUYỂN 3: 1073

39. (MN 105) KINH SUNAKKHATTA 1073

40. (MN 107) KINH GAṆAKA MOGGALLĀNA.....1083

41. (MN 108) KINH GOPAKA MOGGALLĀNA 1091

42. (MN 114) KINH TU DƯỠNG VÀ KHÔNG TU DƯỠNG #..1099

43. (MN 125) KINH NHỮNG CẤP ĐỘ THUẦN PHỤC #.....1113

44. (MN 126) KINH BHŪMIJA.....1125

45. (MN 127) KINH A-NẬU-LÂU-ĐÀ.....1131

46. (MN 135) TIỂU KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP.....1139

47. (MN 142) KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG.....1147

48. (MN 143) KINH LỜI KHUYÊN DẠY CẤP CÔ ĐỘC.....1153

49. (MN 150) KINH NÓI CHO DÂN LÀNG NAGARAVINDA.1159

50. (MN 152) KINH TU TẬP CÁC CĂN.....1163

BẢNG VIẾT TẮT 1169

CHÚ THÍCH 1171

PHẦN 3

trong BỘ KINH TRUNG (MN)

(50 kinh)

(I) QUYỂN 1:

1. (MN 04) KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM

(*Bhayabherava Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi[1] đã đến gặp đức Thế Tôn, chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói: "Thầy Cồ-đàm, khi những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành vì niềm-tin vào Thầy Cồ-đàm, có phải họ có Thầy Cồ-đàm là người lãnh đạo của họ, người giúp đỡ của họ, và người hướng dẫn họ? Và họ có noi theo tấm gương của Thầy Cồ-đàm hay không?"[2]

"Đúng vậy, này bà-la-môn, đúng là vậy. Khi những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành vì niềm-tin vào ta, họ có ta là người lãnh đạo của họ, người giúp đỡ của họ, và người hướng dẫn họ. Và họ có noi theo gương của ta."

"Nhưng, Thầy Cồ-đàm, những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng khó mà chịu đựng, sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu) khó mà thực hành, và khó mà vui thích sự sống một-mình. Thầy có nghĩ rằng rừng thiêng nước độc sẽ cướp hết tâm trí của một Tỳ kheo nếu người đó không có được sự định-tâm."

"Đúng vậy, này bà-la-môn, đúng là vậy. Những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng khó mà chịu đựng, sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu) khó mà thực hành, và khó mà vui thích sự sống một-mình. Người ta sẽ nghĩ rừng thiêng nước độc sẽ cướp hết tâm trí của một Tỳ kheo nếu người đó không có được sự định-tâm."

3. "Trước khi ta giác-ngộ, khi ta vẫn còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng suy xét như vầy: 'Những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng khó mà chịu đựng … rừng thiêng nước độc sẽ cướp hết tâm trí của một Tỳ kheo nếu người đó không có được sự định-tâm."

4. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ (sa-môn, ẩn sĩ) và bà-la-môn *không trong-sạch trong hành-vi thân* khi lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng, thì bởi do khuyết điểm là hành-vi thân không trong-sạch của họ nên những tu sĩ và bà-la-môn tốt đó sẽ phát khởi sự sợ-hãi và khiếp-đảm không thiện lành. Nhưng ta không lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng mà không trong-sạch trong hành-vi thân. Ta thì trong-sạch trong hành-vi thân. Ta lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng như một trong những thánh nhân với hành-vi thân được trong-sạch.' Sau khi nhìn thấy trong bản thân mình sự trong-sạch của hành-vi thân, ta đã tìm thấy sự yên-ủi lớn lao khi trú sống ở trong rừng.

5.—7. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ và bà-la-môn *không trong-sạch trong hành-vi lời-nói … không trong-sạch trong hành-vi tâm … không trong-sạch trong sự mưu-sinh* khi lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng … sẽ phát khởi sự sợ-hãi và khiếp-đảm không thiện lành. Nhưng … Ta thì trong-sạch trong sự mưu-sinh. Ta lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng như một trong những thánh nhân với sự mưu-sinh được trong-sạch.' Sau khi nhìn thấy trong bản thân mình sự trong-sạch của sự mưu-sinh, ta đã tìm thấy sự yên-ủi lớn lao khi trú sống ở trong rừng.

8. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ và bà-la-môn là những người *thèm-khát và đầy tham-dục* (tham) … Ta thì không thèm-khát …'

9. "'… *với một cái tâm ác-ý và những ý-định thù-ghét* (sân) … Ta thì có một cái tâm từ-ái …'

10. "'… *bị chi phối bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụy miên) … Ta thì không có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ …'

11. "'… *bị chi phối bởi sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá) và không được bình-an trong tâm … Ta thì có một cái tâm bình-an …'

12. "' … *không chắc chắn và còn nghi-ngờ* (nghi) … Ta thì đã vượt khỏi sự nghi-ngờ …'

13. "'… *còn tự khen mình và chê bai người khác* … Ta thì không còn tự khen mình và chê bai người khác …'

14. "'… *còn bị hoảng sợ và khủng bố* … Ta thì đã không còn sự run sợ nào …'

15. "'… *tham muốn lợi, vinh, danh* … Ta thì có ít mong cầu …'

16. "'… *lười biếng và thiếu hụt sự nỗ-lực* (*tinh tấn*) … Ta thì nhiều sự nỗ-lực …'

17. "'… *không có sự chánh-niệm và sự rõ-biết đầy đủ* (*thiếu tỉnh-giác*) … Ta thì thiết lập trong sự chánh-niệm …'

18. "'… *không định-tâm và với những cái tâm lăng xăng* … Ta thì có-được sự định-tâm …'

19. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ và bà-la-môn *không có trí-tuệ, là những người vớ vẩn*, khi lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng, thì bởi do khuyết điểm là không có trí-tuệ và là những người vớ vẩn, nên những tu sĩ và bà-la-môn đó sẽ phát khởi sự sợ-hãi và khiếp-đảm không thiện lành. Nhưng ta không lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng mà không có trí-tuệ, hay là một người vớ vẩn. Ta có được trí-tuệ.[3] Ta lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng như một trong những thánh nhân có-được trí-tuệ.' Sau khi nhìn thấy trong bản thân mình sự có-được trí-tuệ này, ta đã tìm thấy sự yên-ủi lớn lao khi trú sống ở trong rừng.

20. "Ta đã suy xét như vầy: 'Có những đêm đặc biệt phúc lành là đêm thứ mười bốn, thứ mười lăm, và thứ tám của nửa-tháng.[4] Bây giờ, sẽ ra sao nếu trong những đêm như vậy, ta trú ở trong những nơi kinh hoàng

đáng khiếp sợ như những đền miếu trong vườn cây, những đền miếu trong rừng núi, và những đền miếu sát gốc cây to? Có lẽ ta sẽ gặp phải sự sợ-hãi và khiếp-đảm.' Và sau đó, vào những đêm đặc biệt phúc lành như vậy, là đêm thứ mười bốn, thứ mười lăm, và thứ tám của nửa-tháng, ta đã trú ở trong những nơi kinh hoàng đáng khiếp sợ như những đền miếu trong vườn cây, những đền miếu trong rừng núi, và những đền miếu chỗ gốc cây như vậy. Và trong khi ta ở đó, một thú dữ có thể đến chỗ ta, hay một con công làm gảy cành cây, hay một cơn gió làm xào xạc tiếng lá. Ta đã nghĩ: 'Giờ thì sao nếu sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta?' Ta nghĩ: 'Tại sao ta sống mà cứ luôn trông đợi sự sợ-hãi và khiếp-đảm? Giờ thì sao nếu ta khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm trong khi vẫn giữ nguyên tư thế ta đang có khi nó ập đến ta?'[5]

"Khi ta đang đi, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không đứng lại hay ngồi xuống hay nằm xuống cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó. Khi ta đang đứng, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không đi hay ngồi xuống hay nằm xuống cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó. Khi ta đang ngồi, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không đứng lên hay đi hay nằm xuống cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó. Khi ta đang nằm, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không ngồi dậy hay đứng dậy hay đi cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó.

21. "Này bà-la-môn, có những tu sĩ và bà-la-môn là người nhận thức đêm thành ngày và nhận thức ngày thành đêm. Ta nói rằng về phần họ đây là một sự cư trú trong si-mê. Nhưng ta nhận thức ngày là ngày và đêm là đêm. Nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai là: 'Một chúng sinh không bị dính si-mê đã xuất hiện trong thế gian này vì ích-lợi và hạnh-phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt-lành, ích-lợi và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người' thì đó chính là ta người nói một cách đúng đắn đã nói điều này.

22. "Sự nỗ-lực (tinh tấn) không mệt mỏi đã được phát khởi trong ta và sự chánh-niệm không ngừng (liền tục, không ngưng) đã được thiết lập, thân ta được tĩnh-lặng và không bị quấy-nhiễu, tâm ta đạt-định và hợp-nhất.[6]

23. "Hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.[7]

24. "Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.

25. "Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta đã an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: 'Vị đó có sự buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).'

26. "Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

27. "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới ***trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ*** (*túc mạng minh*).[8] Ta đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của ta; đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh,

năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) 'Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục … ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ … và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, ta đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của ta.

28. "Đây là "trí-biết đích thực" **đầu tiên** (nhớ được những cõi kiếp quá khứ của mình) mà ta đã chứng ngộ vào canh một của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

29. "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới ***trí-biết về sự nhìn-thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh*** (*thiên nhãn minh*).[9] Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những

người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

30. "Đây là "trí-biết đích thực" **thứ hai** (thấy biết những sự sinh tử của chúng sinh) ta đã chứng ngộ được vào canh giữa của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

31. "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới tới ***trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt những ô-nhiễm*** (*lậu tận minh*). Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' … 'Đây là nguồn-gốc khổ' … 'Đây là sự chấm-dứt khổ' … 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ'. Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm' … 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm' … 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm'.[10]

32. "Sau khi ta đã biết và đã thấy như vậy, tâm ta được giải thoát khỏi ô-nhiễm do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do vô-minh (vô-minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: 'Nó đã được giải-thoát.'[11] Ta đã trực-tiếp biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'[12]

33. "Đây là "trí-biết đích thực" **thứ ba** (thấy biết những ô-nhiễm đã tận diệt) mà ta đã chứng ngộ vào canh cuối của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

34. "Bây giờ, này bà-la-môn, có thể ông nghĩ rằng: 'Có lẽ ông sa-môn Cồ-đàm đến hôm này vẫn chưa hết tham, sân, si; đó là lý do mà ông ta vẫn lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng.' Nhưng ông không nên nghĩ như vậy. Chính bởi vì ta nhìn thấy hai ích-lợi khi ta vẫn lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng: (i) ta nhìn thấy sự an-trú hạnh phúc (an lạc) cho chính mình ngay tại đây và bây giờ, và (ii) ta có lòng bi-mẫn đối với những thế hệ sau này."[13]

35. "Thật vậy, chính bởi vì Thầy Cồ-đàm là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, nên Ngài có lòng bi-mẫn đối với những thế hệ sau này. "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị quăng đổ, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

2. (MN 14) TIỂU KINH KHỔ UẨN

(*Cūḷadukkhakkhandha Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca[14] đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, từ lâu con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn như vầy: 'Tham là sự ố-nhiễm [sự không hoàn-thiện của tâm] làm ô nhiễm cái tâm, sân là sự ố-nhiễm làm ô nhiễm cái tâm, si là sự ố-nhiễm làm ô nhiễm cái tâm.' Nhưng trong khi con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn như vậy, đôi lúc những trạng thái tham, sân, si xâm chiếm tâm con và ở lại trong đó. Thưa Thế Tôn, con phân vân không biết trạng thái nào vẫn chưa được dẹp bỏ ở bên trong bởi con cho nên đôi lúc những trạng thái tham, sân, si đó cứ xâm chiếm tâm con và ở lại trong đó."[15]

3. "Này Mahānāma, vẫn còn có một trạng thái chưa được trừ bỏ ở bên trong bởi chú cho nên đôi lúc những trạng thái tham, sân, si đó cứ xâm chiếm tâm chú và ở lại trong đó; bởi vì nếu trạng thái (tham, sân, si) đã được trừ bỏ ở bên trong bởi chú thì giờ chú đâu còn đang sống đời sống tại gia, chú đâu còn đang thụ hưởng những khoái-lạc giác quan (dục lạc).[16] Chính bởi vì trạng thái đó vẫn chưa được trừ bỏ ở bên trong bởi chú cho nên chú vẫn đang sống đời sống tại gia và thụ hưởng những khoái-lạc giác quan.

4. (a) "Ngay cả khi một đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, nhưng cho tới chừng nào người đó chưa chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay

chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì người đó vẫn có thể bị hấp dẫn (còn dính) theo những khoái-lạc giác quan.[17] (b) Nhưng khi một đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng thực như nó là, rằng những khoái-lạc giác quan chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, và người đó đã chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì người đó không còn bị hấp dẫn (hết dính) theo những khoái-lạc giác quan.

5. (a) "Trước khi ta giác-ngộ, khi ta vẫn còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng nhìn đã thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là, cách những khoái-lạc giác quan chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, nhưng cho tới chừng nào ta chưa chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì ta vẫn có thể bị hấp dẫn (còn dính) theo những khoái-lạc giác quan. (b) Nhưng khi ta đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng thực như nó là, rằng những khoái-lạc giác quan chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, và ta đã chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay đã chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì ta không còn bị hấp dẫn (hết dính) theo những khoái-lạc giác quan.

6. **[1]** "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự thỏa-thích* trong [trong trường hợp] những khoái-lạc giác quan (dục lạc)? Này các Tỳ kheo, có năm (sợi) dây (như năm sợi quấn thành sợi dây thừng) khoái-lạc giác quan. Năm là gì? (1) Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. (2)

Những âm-thanh được nhận biết bởi tai.… (3) Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi.… (4) Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi.… (5) Những đối-tượng chạm-xúc nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Vậy đó, sự sướng-khoái và sự vui-thích, khởi sinh tùy thuộc năm dây khoái-lạc giác quan đó, chính là sự thỏa-thích trong những khoái-lạc giác quan.

7. **[2]** (a) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự nguy-hại* trong những khoái-lạc giác quan? Ở đây, này các Tỳ kheo, nói về nghề nghiệp của một người họ tộc nào đó phải theo làm để kiếm sống—dù là nghề kiểm đếm, nghề tính toán, nghề ước tính, nghề nông, nghề buôn bán, nghề chăn nuôi, nghề săn bắn, nghề làm công vụ cho triều đình, hoặc bất cứ nghề nào—trong nghề nghiệp để kiếm sống người đó phải chịu nóng chịu lạnh; người đó có thể bị thương do tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát; có thể chết vì đói khát. – Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; *sự khổ* có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

8. (b) "Nếu người họ tộc đó làm việc, chuyên-cần tu, và nỗ lực như vậy nhưng không thu được của cải vào tay, thì người đó ưu sầu, buồn bã, và ai oán, người đó đấm ngực khóc than, và trở nên quẫn trí, kêu rằng: 'Công việc của tôi là vô ích, nỗ lực của tôi chẳng kết quả gì!' – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; *sự khổ* có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

9. (c) "Rồi nếu người họ tộc đó làm việc, chuyên-cần tu, và nỗ lực như vậy, và có thu được nhiều của cải vào tay, thì người đó lại khổ sở và buồn rầu với việc bảo vệ của cải: 'Làm sao để không bị trộm cướp, không bị

vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy rụi, không bị lũ lụt cuốn đi, và không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?' Và người đó canh phòng và bảo vệ của cải, nhưng (vẫn có thể) bị trộm cướp, hoặc bị vua chúa tịch thu, hoặc bị hỏa hoạn cháy rụi, hoặc bị lũ lụt cuốn đi, hoặc bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt. Và người đó ưu sầu, buồn bã, và ai oán, người đó đấm ngực khóc than, và trở nên quẫn trí, kêu rằng: 'Tôi không còn của cải nữa!' – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; *sự khổ* có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

10. (d) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên các vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến-sĩ tranh chấp nhau, các bà-la-môn tranh chấp nhau, các gia-chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau. Và trong những cuộc tranh chấp, tranh cãi, và tranh giành, họ đánh nhau bằng tay, bằng đá cục, gậy gộc, hay bằng dao, từ đó họ chuốc lấy sự chết chóc và sự khổ đau như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

11. (e) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên, cung, tên, và họ giàn trận hai bên; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; và rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy sự chết chóc và sự khổ đau như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ

có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

12. (f) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên, cung, tên, và họ tấn công những pháo đài trơn ướt vừa mới trét bùn; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị tạt nước phân bò đun sôi, và bị đè bẹp bởi những thanh chắn cổng thành rơi xuống, và bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy những sự chết chóc và sự khổ đau như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

13. (g) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta đột nhập nhà cửa, cướp bóc của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, dụ dỗ vợ người khác; và khi bị bắt, họ phải bị rất nhiều hình phạt tàn bạo của vua quan: Họ quất người đó bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu … (*tiếp theo liệt kê những hình phạt khủng khiếp*)[18]… và họ dùng kiếm chặt đầu người đó—theo đó người phạm tội phải chuốc lấy sự chết hoặc đau khổ như chết. – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

14. (f) "Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta sống không đức-hạnh trong những hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Vì đã làm như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Vậy đó, đây cũng là một

dạng nguy-hại trong (sự tìm cầu) những khoái-lạc giác quan, là một đống khổ trong kiếp sau;[19] *sự khổ* có những khoái-lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ là những khoái-lạc giác quan.

15. "Bây giờ, này Mahānāma, trong một lần ta đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Lần có một số Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) đang sống ở vùng Núi Đá Đen, trên những triền dốc Isigili, họ đang thực hành (sự khổ hạnh) đứng liên tục, họ từ chối chỗ ngồi, và đang nếm trải sự đau khổ, đau đớn, thấu tận vì sự cố-sức như vậy.[20]

16. "Rồi, vào buổi cuối chiều, ta ra khỏi chỗ thiền và đi đến chỗ những Ni-kiền-tử đó. Ta đã hỏi họ: 'Này các bạn, vì sao các bạn thực hành sự đứng liên tục, từ chối chỗ ngồi, và nếm trải những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận vì sự cố-sức như vậy?'

17. "Sau khi điều này được nói ra, họ trả lời: 'Này bạn, ngài Ni-kiền-tử Nātaputta (tức giáo chủ Đại Thiên) là toàn trí và nhìn thấy tất-cả và tuyên bố sự-biết và sự-thấy toàn vẹn như vầy: "Cho dù ta đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, sự-biết và sự-thấy có mặt liên tục và không gián đoạn đối với ta." Ngài ấy nói rằng: "Này những Ni-kiền-tử, các ngươi đã làm những nghiệp ác trong quá khứ; hãy triệt chúng bằng cách thực hiện những sự hành xác đau đớn. Và nếu các ngươi ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] giới hạnh về thân, lời-nói, và tâm thì đó là sự không làm những nghiệp ác cho (nghiệp quả) sau này. Như vậy bằng cách tiêu diệt những nghiệp quá khứ bằng sự khổ hạnh và bằng cách không làm những nghiệp mới, thì sẽ không còn hệ quả (nghiệp quả) trong tương lai. Khi không còn hệ quả trong tương lai là có sự diệt nghiệp. Khi có sự diệt nghiệp là có sự diệt khổ. Khi có sự diệt khổ là có sự diệt thọ [cảm-giác]. Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu." Đây là [giáo thuyết] chúng tôi đã đồng ý và chấp nhận, và chúng tôi hài lòng với nó.'

18. "Sau khi điều này được nói ra, ta đã nói với họ: 'Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình đã hiện hữu trong quá khứ hay không hiện

hữu trong quá khứ, hay không?'—'Không biết được, này bạn'—'Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình có làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng, hay không?'—'Không biết được, này bạn'—'Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình đã làm những nghiệp ác như vậy và như vậy trong quá khứ, hay không?'—'Không biết được, này bạn'—'Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được rằng (a) đã có rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu, hay rằng (b) vẫn còn rất nhiều sự khổ cần phải triệt tiêu, hoặc (c) rằng 'khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu', hay không?'—'Không biết được, này bạn'—'Nhưng, này các bạn, các bạn có biết cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện và cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này, hay không?'—'Không biết, này bạn'.

19. "'Như vậy, này các bạn, dường như các bạn không biết được 'mình đã hiện hữu trong quá khứ' hay 'không hiện hữu trong quá khứ'; cũng không biết được 'mình có làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng' hay không; cũng không biết được rằng (a) đã có rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu, hay rằng (b) vẫn còn rất nhiều sự khổ cần phải triệt tiêu, hoặc (c) rằng 'khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu'; cũng không biết cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện và cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này. Nếu đã là như vậy, thì những ai là kẻ giết người, những người làm điều ác tay nhốm máu trong thế gian (trong những kiếp trước) khi họ tái sinh trong số loài người (trong kiếp này), họ xuất gia thành những khổ sĩ Ni-kiền-tử.'[21]

20. "'Này bạn Cồ-Đàm, sự hạnh-phúc (sướng, lạc) không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc chỉ đạt được thông qua sự đau-khổ. Vì nếu như sự hạnh-phúc đạt được thông qua sự hạnh-phúc, thì chắc có lẽ Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) đã đạt được sự hạnh-phúc rồi, vì ông ta đang sống trong sự hạnh-phúc lớn lao hơn thầy Cồ-đàm mà.'

'Chắc hẳn những vị Ni-kiền-tử ở đây đã thốt ra lời đó một cách vội vã và thiếu sự suy xét. Lẽ ra (quý vị) nên hỏi ta như vầy: "Ai là người sống trong sự hạnh-phúc lớn lao, Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha hay thầy Cồ-Đàm?"'"'Này bạn Cồ-Đàm, chắc hẳn chúng tôi đã thốt ra lời đó một cách vội vã và thiếu suy xét. Nhưng cứ cho là vậy. Giờ chúng tôi hỏi thầy Cồ-Đàm: Ai là sống trong sự hạnh-phúc lớn lao, Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha hay thầy Cồ-Đàm?'

21. "'Được rồi, này các vị, để ta hỏi lại các vị một câu hỏi. Cứ trả lời nếu các vị thấy phải. Này các vị, các vị nghĩ sao? Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha có thể sống mà không cử động thân mình hay không nói ra lời, chỉ nếm trải toàn sự hạnh-phúc suốt bảy ngày bảy đêm, hay không?'—'Không, này bạn Cồ-Đàm'—'Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha có thể sống mà không cử động thân mình và không nói ra lời, chỉ nếm trải toàn sự hạnh-phúc suốt sáu ngày sáu, năm, bốn, ba, hai ngày hai đêm hay không? … suốt một ngày một đêm hay không?'—'Không, này bạn'.

22. "'Nhưng, này các vị, ta thì có thể sống mà không cử động thân mình hay không nói ra lời suốt một ngày một đêm … suốt hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày bảy đêm.[22] Này các vị, các vị nghĩ sao? Nếu là như vậy, người sống trong sự hạnh-phúc lớn lao hơn là Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha hay là ta?'

"'Nếu là như vậy, thầy Cồ-Đàm sống trong sự hạnh-phúc lớn lao hơn Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha.'"

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Ông Mahānāma họ Thích-Ca đã hài lòng và vui mừng với lời kể của đức Thế Tôn.

3. (MN 18) KINH HÒN MẬT ONG [a]

(*Madhupiṇḍika Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân họ tộc Thích-Ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kapilavatthu, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi đến khu Rừng Lớn để an trú qua ngày, và sau khi đi vô khu Rừng Lớn, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ gốc cây bilva non để an trú qua ngày.

3. Rồi ông Daṇḍapāni người họ tộc Thích-Ca, khi đang đi dạo mát cũng đi vô khu Rừng Lớn, và sau khi đi vô khu Rừng lớn ông cũng đến chỗ cây bilva non chỗ đức Thế Tôn đang ngồi, và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta đứng qua một bên chống gậy, và hỏi đức Thế Tôn: "Sa-môn khẳng định điều gì, sa-môn tuyên thuyết điều gì?"[23]

4. "Này anh bạn, ta khẳng định và tuyên thuyết [giáo lý của ta] theo cách để một người không tranh cãi với bất kỳ ai trong thế gian này có những thiên thần, có Ma Vương (Māra), và trời Brahmā, trong thế hệ này có những thiên thần và loài người; theo cách để những nhận-thức không còn nằm ẩn bên dưới nên "vị bà-la-môn đó" an trú tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), không còn sự nghi-ngờ, dẹp bỏ lo-âu, không còn dục-vọng được (tái sinh trong) bất kỳ loại hiện-hữu nào."[24]

5. Sau khi điều này được nói ra, ông Daṇḍapāni họ Thích-Ca lắc đầu, lè lưỡi, và nhướng mày cho đến khi trán ông nhăn thành ba đường.[25] Rồi ông ta bỏ đi, tay chống gậy.

6. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ thiền và đi đến Tịnh Xá Nigrodha, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và kể lại cho các Tỳ kheo chuyện đã xảy ra trước đó. Rồi một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn:

7. "Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào đức Thế Tôn khẳng định và tuyên thuyết [giáo lý của mình] theo cách để một người không tranh cãi với bất kỳ ai trong thế gian này có những thiên thần, có Ma Vương (Māra), và trời Brahmā, trong thế hệ này có những thiên thần và loài người? Và, thưa Thế Tôn, theo cách nào để những nhận-thức không còn nằm ẩn bên dưới nên "vị bà-la-môn đó" sống tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, không còn sự nghi-ngờ, dẹp bỏ lo-âu, không còn dục-vọng được (tái sinh trong) bất kỳ loại hiện-hữu nào?"

(Tóm lược)

8. "Này Tỳ kheo, đối với cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người: nếu không tìm thấy thứ gì để khoái thích, chào mừng và nắm giữ, thì đó là sự chấm-dứt của khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự vô-minh; đây là sự chấm-dứt những sự chiến đấu [sự dùng gậy gộc và vũ khí], những sự tranh cãi, ẩu đả, tranh chấp, chống đối, sự nói lời độc ác ma mãnh, và sự nói dối nói láo; ở đây những trạng thái bất thiện xấu ác này sẽ chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]."[26]

9. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong bậc Phúc Lành đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình.

10. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: "Bây giờ, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi

về chỗ trú ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết. Giờ ai sẽ giảng giải điều này một cách chi tiết?" Rồi họ suy xét: "Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahā Kaccāna) được khen ngợi bởi vị Sư Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những đồng đạo trí hiền của thầy ấy trong đời sống tâm linh.[27] Thầy ấy có khả năng giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy ấy và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này."

11. Rồi các Tỳ kheo đó đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói lại chuyện đã xảy ra, và họ nói thêm: "Mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải điều đó cho chúng tôi."

12. [Thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời:] "Này các đạo hữu, cứ như có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi lại nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm trong phần cành và lá của một cây to (đại thụ) đang đứng có chứa gỗ lõi, sau khi bỏ qua phần gốc và thân của nó. Cũng giống như vậy, các thầy lại nghĩ rằng tôi là người nên được hỏi về ý nghĩa của điều này, sau khi các thầy bỏ qua đức Thế Tôn trong khi các thầy đang trực tiếp gặp mặt vị Sư Thầy. Về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy là sự-thấy (tầm nhìn), bậc ấy là sự-biết (trí biết), bậc ấy là Giáo Pháp, bậc ấy là bậc thiên thánh;[28] bậc ấy là người thuyết, người tuyên thuyết, người làm rõ ý-nghĩa, là bậc ban cho sự Bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, bậc Như Lai. Đó lẽ ra là lúc các thầy đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa chi tiết của điều này. Rồi sau khi đức Thế Tôn nói cho các thầy, các thầy đã ghi nhớ nó được rồi."

13. "Chắc chắn đúng là như vậy, này đạo hữu Kaccāna, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy là sự-thấy … bậc Như Lai. Đó lẽ ra là lúc chúng tôi đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa chi tiết của điều đó. Rồi sau khi đức Thế Tôn nói cho chúng tôi, chúng tôi đã ghi nhớ nó được rồi. Nhưng vì thầy Đại Ca-chiên-diên đã được vị Sư Thầy khen ngợi và được kính trọng bởi những đồng đạo hiền trí của thầy trong

đời sống tâm linh. Thầy Đại Ca-chiên-diên là có khả năng giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Cho nên chúng tôi mới đến gặp thầy và hỏi thầy về ý nghĩa của điều đức Thế Tôn đã nói ra một cách ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải nó và không coi đây là sự phiền phức."

14. "Được rồi, này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói."—"Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói điều này:

(Phân giải)

15. "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, như vầy: 'Này Tỳ kheo, đối với cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người: nếu không tìm thấy thứ gì để khoái thích, chào mừng và nắm giữ, thì đó là sự chấm-dứt của khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự vô-minh; đây là sự chấm-dứt những sự chiến đấu … ở đây những trạng thái bất thiện xấu ác này sẽ chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]', thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của điều này là như sau:

16. (1) "Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức mắt khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có mắt là điều-kiện (duyên) nên có cảm-giác. Khi một người cảm giác (thọ) thứ gì, người đó nhận thức (tưởng) nó. Khi người đó nhận thức thứ gì, người đó suy nghĩ (tầm) về nó. Khi một người nghĩ về thứ gì, người đó phóng phiếc trong tâm (phóng tâm; sự tăng phóng, sự tăng động của tâm). Do đã phóng tâm (thành) thứ gì là cái nguồn, nên có những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra]

từ sự phóng tâm bao vây một người về phương diện những hình-sắc trong quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận biết thông qua mắt.[29]

"Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương … Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị … Tùy thuộc vào thân và những đối-tượng chạm xúc … Tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, nên thức tâm khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Khi một người cảm giác thứ gì, người đó nhận thức nó. Khi người đó nhận thức thứ gì, người đó suy nghĩ về nó. Khi một người nghĩ về thứ gì, người đó phóng phiếc trong tâm. Do đã phóng tâm (thành) thứ gì là cái nguồn, nên có những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng tâm bao vây một người về phương diện những đối-tượng của tâm trong quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận biết thông qua tâm.

17. (2) "Khi có mắt, một hình-sắc, và thức mắt, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện (sự có mặt) của sự tiếp-xúc (xúc).[30] Khi có sự thể hiện của sự tiếp-xúc, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của cảm-giác (thọ). Khi có sự thể hiện của cảm-giác, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của nhận-thức (tưởng). Khi có sự thể hiện của nhận-thức thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của sự nghĩ (tầm). Khi có sự thể hiện của sự nghĩ, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm.

"Khi có tai, một âm-thanh, và thức tai … Khi có mũi, một mùi-hương, và thức mũi … Khi có lưỡi, một mùi vị, và thức lưỡi … Khi có thân, một đối-tượng chạm xúc, và thức thân … Khi có tâm, một đối-tượng của tâm, và thức tâm, thì có thể chỉ ra sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm.

18. "Khi không có mắt, không có một hình-sắc, và không có thức mắt, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện (có mặt) của sự tiếp-xúc (xúc). Khi không có sự thể hiện của sự tiếp-xúc, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của cảm-giác (thọ). Khi không có sự thể hiện của cảm-giác, thì không thể

chỉ ra được sự thể hiện của nhận-thức (tưởng). Khi không sự thể hiện của nhận-thức thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của sự nghĩ (tầm). Khi không có sự thể hiện của sự nghĩ, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm.

"Khi không có tai, không có một âm-thanh, và không có thức tai … Khi không có mũi, không có một mùi-hương, và không có thức mũi … Khi không lưỡi, không có một mùi vị, và không có thức lưỡi … Khi không có thân, không có một đối-tượng chạm xúc, và không có thức thân … Khi không có tâm, không có một đối-tượng của tâm, và không có thức tâm, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm.

19. "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, như vậy: 'Này Tỳ kheo, đối với cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người: nếu không tìm thấy thứ gì để khoái thích, chào mừng và nắm giữ, thì đó là sự chấm-dứt của khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự vô-minh; đây là sự chấm-dứt những sự chiến đấu … ở đây những trạng thái bất thiện xấu ác này sẽ chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]', thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của điều này là như vậy. Bây giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn các thầy có thể đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải chi các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó."

20. Rồi, các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời phân giải của thầy Đại Ca-chiên-diên, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đến gặp đức Thế Tôn.

Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và kể lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện đã xảy ra từ khi đức Thế Tôn đi về chỗ trú ở, và nói thêm: "Thưa Thế Tôn, rồi chúng con đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên để hỏi về ý nghĩa của điều này. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã phân giải giải ý nghĩa cho chúng con bằng những từ ngữ, câu chữ, và tuyên bố như vầy."

21. "Này các Tỳ kheo, Đại Ca-chiên-diên là có trí; Đại Ca-chiên-diên có trí-tuệ lớn. Nếu các thầy có hỏi ta về ý nghĩa của điều này, thì ta cũng giảng giải cho các thầy y như cách mà Đại Ca-chiên-diên đã giảng giải nó. Ý nghĩa của điều này là vậy, và các thầy nên ghi nhớ nó như vậy."

22. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda đã nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, cứ như có một người đang bị kiệt sức vì đói và yếu gặp được một hòn mật,[31] thì người đó sẽ thưởng thức được vị ngọt ngon trong từng miếng khi ăn nó; cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, vị Tỳ kheo nào có trí năng, mỗi khi vị đó bằng trí-tuệ soi xét ý nghĩa của bài thuyết giảng Giáo Pháp này, thì vị đó sẽ thấy được sự thỏa mãn và sự tự-tin của tâm. Thưa Thế Tôn, tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?"

"Này Ānanda, nếu đã vậy thì thầy ghi nhớ bài thuyết giảng Giáo Pháp này là 'Bài Kinh Hòn Mật'."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

4. (MN 27) TIỂU KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI

(*Cūḷahatthipadopama Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy.[32] Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào lúc giữ trưa, có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi trên chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa cái trắng. Ông ta nhìn thấy du sĩ Pilotika đang đi tới từ xa, và hỏi du sĩ: "Thầy Vacchāyana đi đâu về vào lúc giữa trưa như vậy?"[33]

"Thưa ngài, tôi đang đi về từ chỗ gặp sa-môn Cồ-Đàm."

"Thầy Vacchāyana nghĩ gì về sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Ông ta là người hiền trí, có phải vậy không?"

"Thưa ngài, tôi là ai mà biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Chắc chắn phải là người ngang bằng với bậc ấy thì mới biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của bậc ấy."

"Thầy Vacchāyana đang khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm với lời khen ngợi cao nhất đó."

"Thưa ngài, tôi là ai mà khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm? Sa-môn Cồ-Đàm được khen ngợi bởi những người được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người."

"Thầy Vacchāyana nhìn thấy những lý do gì mà có niềm-tin chắc chắn về sa-môn Cồ-Đàm đến mức như vậy?"

3. "Thưa ngài, giả sử có một người săn voi khôn khéo đi vô khu rừng voi và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Người đó có thể đi đến kết luận rằng: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Cũng giống như vậy, khi tôi nhìn thấy bốn dấu chân của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo

Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.' Bốn (dấu chân) đó là gì?

4. "Thưa ngài, tôi đã thấy nhiều bậc **thánh nhân** thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những giáo thuyết của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc; họ đến đây đến đó, đả kích những quan-điểm của những người khác bằng trí khôn sắc xảo của họ. Khi họ nghe tin: 'Sa-môn Cồ-Đàm sẽ tới một ngôi làng hay một thị trấn nào đó', họ sắp đặt (chuẩn bị) một vấn đề như vầy: 'Chúng ta sẽ tới gặp sa-môn Cồ-Đàm để hỏi ông ta câu hỏi này. Nếu bị hỏi như vầy, ông ta sẽ trả lời như vầy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách này; còn nếu bị hỏi như vậy, ông ta sẽ trả lời như vậy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách kia.'

"Rồi họ nghe tin: 'Sa-môn Cồ-Đàm đã tới một ngôi làng hay thị trấn.' Họ đi tới gặp sa-môn Cồ-Đàm, và sa-môn Cồ-Đàm đã hướng dẫn, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp. Sau khi họ được hướng dẫn, được khởi xướng, được phát khởi, và được làm hoan hỷ như vậy bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp, họ thậm chí không còn muốn hỏi bậc ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của bậc ấy nữa? Sự thật là, họ đã trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy ***dấu chân thứ nhất*** này của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.*'

5. "Lại nữa, tôi đã thấy nhiều **bà-la-môn** thông thái, những người rất khôn khéo ... Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy *dấu chân thứ hai* của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện ...* '.

6. "Lại nữa, tôi đã thấy nhiều **gia chủ** thông thái, những người rất khôn khéo ... Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi

tôi nhìn thấy *dấu chân thứ ba* của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện ...* '.

7. "Lại nữa, tôi đã thấy nhiều **tu sĩ** (sa-môn) thông thái, những người rất khôn khéo ... họ thậm chí không còn muốn hỏi bậc ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của bậc ấy nữa? Sự thật là, họ đã hỏi xin sa-môn Cồ-Đàm cho phép họ từ bỏ đời sống gia đình để đi sống đời xuất gia, và sa-môn Cồ-Đàm đã cho phép họ xuất gia tu hành. Sau một thời gian, sau khi họ đã xuất gia, sống một mình, lui về (thu mình), chuyên chú (tu tập), nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp nên ngay trong kiếp này [ngay bây giờ và tại đây] họ chứng nhập và an trú trong những mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh (sự giác ngộ, sự giải thoát), mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống đời xuất gia tu hành. Họ đã nói như vầy: 'Chúng tôi đã từng quá lầm lạc, chúng tôi đã từng quá điêu tàn, bởi trước kia chúng tôi cứ tuyên bố mình là tu sĩ (sa-môn) dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những tu sĩ; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những bà-la-môn dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những bà-la-môn; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những A-la-hán dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những A-la-hán. Nhưng bây giờ chúng tôi mới là những tu sĩ, giờ chúng tôi mới là những bà-la-môn (đích thực), giờ chúng tôi mới là những A-la-hán.' Khi tôi nhìn thấy ***dấu chân thứ tư*** của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành*.'"

8. Khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã bước xuống khỏi chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa trắng, và xếp phần y trên qua một vai, ông ta chắp hai tay hướng về hướng đức Thế Tôn (đang ở), và ông đã thốt ra những lời sau đây ba lần: "Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn

Giác! Có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ đến gặp Thầy Cồ-đàm và có cuộc đàm đạo với bậc ấy."

9. Rồi bà-la-môn Jāṇussoṇi đã đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ chào đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ câu chuyện giữa ông với du sĩ Pilotika (như trên). Lúc đó, đức Thế Tôn nói với ông: "Này bà-la-môn, tới chỗ này chuyện ví dụ về dấu chân voi vẫn chưa được nói đầy đủ chi tiết. Để biết nó một cách đầy đủ chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thầy Cồ-đàm", bà-la-môn Jāṇussoṇi đáp lại.

10. "Này bà-la-môn, (1) giả sử có một người săn voi đi vô khu rừng voi và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Một thợ săn voi khôn khéo sẽ không vội kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái nhỏ cũng để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (2) Người thợ săn lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh. Một thợ săn khôn khéo vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có những con voi cái có ngà và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (3) Người thợ săn lại lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi. Một thợ săn khôn khéo vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái cao cũng có ngà lớn và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (4) Người thợ săn tiếp tục lần theo dấu chân và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi, và nhiều cành cây bị gãy đổ. Và anh ta nhìn thấy một con voi đực lớn đang dưới gốc cây,

hoặc đang ở chỗ trống, hoặc đang đi quanh, hoặc đang ngồi, hoặc đang nằm. Lúc đó anh ta mới đi đến kết luận: 'Đó là một con voi đực lớn.'

11. "Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết.

12. "Ví dụ một gia chủ [hay con trai của ông ta] hay người được sinh ra trong họ tộc khác nghe được Giáo Pháp đó. Khi nghe Giáo Pháp người đó đạt được niềm-tin vào Như Lai. Có được niềm-tin đó, người đó suy xét như vầy: 'Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được chà trắng. Hay ta cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Rồi sau đó, sau khi đã dẹp bỏ một gia sản nhỏ hay gia sản lớn, người đó đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

13. "Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của những Tỳ kheo; (1) sau khi dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, hiền hậu, người đó sống tha thương bi-mẫn với tất cả chúng sinh. (2) Sau khi dẹp bỏ gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp (lấy những thứ không được cho); chỉ nhận lấy thứ được cho, chỉ trông chờ thứ được cho; bằng sự không gian-cắp người đó sống an trú trong sự trong-sạch (thanh khiết). (3) Sau khi dẹp bỏ việc

dâm-dục (quan hệ giới tính), người đó giữ giới sống độc-thân, sống tách-ly, kiềm chế và không làm hành vi tính dục nào.

"(4) Sau khi dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; người đó chỉ nói sự thật, nói theo sự thật, (làm người) đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói hiểm-độc, người đó kiêng cữ sự nói lời hiểm-độc; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người khác, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người khác với người này; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó ưa thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, lễ độ, được số đông mong muốn, và được số đông hài lòng. (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói như đáng nghe đáng nhớ, hợp lý, đúng mực, và có ích lợi.

"(8) Người đó kiêng cữ sự phá-hoại hạt giống và cây cối. Người đó chỉ ăn mỗi ngày một bữa, kiêng cữ sự ăn ban đêm hoặc ăn ngoài giờ thích hợp (phi thời).[34] (9) Người đó kiêng cữ sự tham gia hoặc đi coi múa, hát, nhạc, kịch và những màn diễn không phù hợp. (10) Người đó kiêng cữ sự đeo vòng hoa, sự làm đẹp bản thân bằng dầu thơm nước hoa, sự tôn tạo mình bằng son phấn. (11) Người đó kiêng cữ sự dùng ghế ngồi và giường nằm cao và sang. (12) Người đó kiêng cữ sự nhận vàng bạc. Người đó kiêng cữ sự nhận gạo, đậu, ngũ cốc chưa được nấu chín. Người đó kiêng cữ sự nhận thịt sống. Người đó kiêng cữ sự nhận lấy phụ nữ và thiếu nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận người nô lệ phục dịch dù là nam hay nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận dê hay cừu. Người đó kiêng cữ sự nhận gà vịt (gia cầm) hay heo. Người đó kiêng cữ sự nhận voi, trâu, bò, ngựa hay ngựa cái (gia súc).

Người đó kiêng cữ sự nhận ruộng đồng hay đất đai. (13) Người đó kiêng cữ sự làm những việc lặt vặt đây đó (không phải phận sự) hoặc đi báo tin cho người này người nọ (theo kiểu rảnh rang, ngoài phận sự). (14) Người đó kiêng cữ sự mua bán buôn bán. (15) Người đó kiêng cữ sự cân gian, đong lận, lừa lọc tiền bạc. (16) Người đó kiêng cữ sự chấp nhận tiền đút lót, sự lừa gạt, lừa đảo, và gian trá. (17) Người đó kiêng cữ sự làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành.

14. "Người đó hài lòng với y phục che thân, hài lòng với thức ăn được cho (khất thực) để nuôi giữ bụng (khỏi đói yếu), và dù đi bất cứ đâu, người đó cũng chỉ có hai thứ đó mà thôi. *Giống như chim trời, dù bay đi đâu cũng chỉ mang theo hai cánh để bay; tương tự vậy, một Tỳ kheo Tỳ kheo biết hài lòng với y phục để che thân và thức ăn được cho để giữ bụng, và dù có đi tới đâu người đó cũng chỉ mang theo y phục và bình bát khất thực*. Sau khi có được một mớ (tập hợp, đống, uẩn) đức-hạnh (giới hạnh) như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình niềm hạnh-phúc (là) phi tội lỗi đó.

15. "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng.[35] Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt.

"Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn. Sau

khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục).

16. "Người đó trở thành người hành động với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới hoặc đang đi lại; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co hoặc đang duỗi tay chân; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc y phục hoặc khi đang mang cà sa và bình bát; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc khi đang im lặng.

17. "Sau khi có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh thánh thiện như vậy, và có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, và có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết thánh thiện như vậy, người đó lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.

18. "Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (*i*) sự ***thèm-muốn*** (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn.[36] "Sau khi đã dẹp bỏ (*ii*) sự ***ác-ý và sân-giận*** (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*iii*) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*iv*) sự ***bất-an và hối-tiếc*** người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*v*) sự ***nghi-ngờ***, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

19. "Sau khi đã dẹp bỏ ***năm chướng-ngại*** như vậy, đó là những ô-nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục-lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'

"Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) được gọi là dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.*'[37]

20. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'

"Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…*'.

21. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh

nhân gọi là: "Người đó buông xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc".'

"Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…*'.

22. (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'

"Này bà-la-môn, điều này này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…*'.

23. (5) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới ***trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ*** (*túc mạng minh*). Người đó đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn ra, nhiều đại kiếp thế giới co lại và giãn ra: (người đó nhớ rõ): … [*tiếp tục giống y mục 27, kinh* ***MN 04*** *ở trên*] … Như vậy, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

"Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…*'.

24. (6) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (*thiên nhãn minh*). Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vầy: … [*tiếp tục giống y mục 29, kinh* ***MN 04*** *ở trên*] … Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy.

"Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…*'.

25. (7) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*). Người đó hiểu đúng như chúng thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn-gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.' Người đó hiểu đúng như chúng thực là: 'Đây là những ô-nhiễm. Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm. Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm.'

"Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến

kết luận: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.*' Lúc này vị đệ tử thánh thiện đó vẫn còn đang trên tiến trình đi đến kết luận như vậy.[38]

26. (8) "Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: 'Tâm được giải-thoát.' Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

"Này bà-la-môn, điều này (sự thấy-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai. Tới lúc này một vị đệ tử thánh thiện mới đi đến kết luận rằng: '*Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.*'[39] Này bà-la-môn, đến lúc này chuyện ví dụ về dấu chân voi đã được nói đầy đủ chi tiết."

27. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đã đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, khai mở điều đã bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời."

5. (MN 30) TIỂU KINH VÍ DỤ GỖ LÕI

(*Cūḷasāropama Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có bà-la-môn tên Pingalakoccha đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, có những những tu sĩ và bà-la-môn này, mỗi họ là, người đứng đầu một giáo đoàn, người đứng đầu một giáo phái, đạo sư của một giáo phái, một người sáng lập nổi tiếng và danh tiếng của một giáo phái được nhiều người coi là một vị thánh—đó là, Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalin, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta, và Nigaṇṭha Nātaputta.[40] Có phải tất cả họ đều có trí-biết trực tiếp như họ đã tuyên bố, hay không ai trong họ có trí-biết trực tiếp, hay trong số họ có người không và có người có trí-biết trực tiếp?"

"Đủ rồi, này bà-la-môn!—(vấn đề) 'Có phải tất cả họ đều có trí-biết trực tiếp như họ đã tuyên bố, hay không ai trong họ có trí-biết trực tiếp, hay trong số họ có người không và có người có trí-biết trực tiếp?'—Cứ để vấn đề đó như vậy! Ta sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho ông, này bà-la-môn. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"[41]—"Được, thưa ngài", bà-la-môn Pingalakoccha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. (1) "Này bà-la-môn, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các ***cành và lá*** mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đến chỗ cây to có gỗ lõi và bỏ qua hết phần

gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, anh ta chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

4. (2) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy ***phần vỏ ngoài*** mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy ***phần vỏ ngoài*** mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

5. (3) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy ***phần vỏ trong*** mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy ***phần vỏ trong*** mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

6. (4) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lơi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi lõi, phần vỏ ngoài, phần vỏ trong, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy ***phần gỗ mềm*** mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy ***phần gỗ mềm*** mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

7. (5) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người sáng mắt nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này biết rõ đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá. Vì vậy, khi đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đi đến chỗ cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.'

8. (1) "Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, ở đây có người vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: 'Tôi là nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là nạn nhân của sự khổ, là con mồi của sự khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh [lợi lộc, vinh dự, và danh tiếng]. (ii) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình ***đã*** được hoàn thành. (iii) Chính do như vậy, người đó ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt được lợi, vinh, danh, nhưng những tu sĩ khác thì chưa đạt được gì, chưa được ai biết đến.' - Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự 'lợi, vinh, danh'; người đó chùng lại và buông lơi.[42] Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các ***cành và lá*** mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

9. (2) "Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét:

'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó ***không*** đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình ***chưa*** được hoàn thành. (iii) Chính nhờ như vậy, người đó ***không*** ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Người đó không bị say-sưa với sự lợi, vinh, danh; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "*Giới-hạnh*". (iv) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình ***đã*** được hoàn thành. (v) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đắc được phần giới-hạnh; tôi có tính-cách (đức hạnh) tốt; nhưng những tu sĩ khác thì thiếu giới-hạnh (không đức hạnh), có tính-cách xấu.' - Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự chứng đắc về phần giới-hạnh; người đó chùng lại và buông lơi. Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần ***vỏ ngoài*** mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

10. (3) "Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được. Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó ***không*** đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và

(coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình vẫn ***chưa*** được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "*Giới-hạnh*". (iii) (nhưng) Người đó ***không*** đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, và (coi) ý-nguyện của mình vẫn ***chưa*** được hoàn thành. (iv) Chính nhờ như vậy, người đó ***không*** ca ngợi bản thân và không chê bai những người khác. Vị tu sĩ đó không bị say-sưa với sự chứng đắc về phần "*Giới-hạnh*"; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần "*Định-tâm*" (thiền định). (v) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần định-tâm đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình ***đã*** được hoàn thành. (f) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt-định; tâm tôi đã được hợp-nhất; nhưng những tu sĩ khác thì có tâm phân-tán, với tâm của họ lăng xăng chạy nhảy.' Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự chứng đắc về phần định-tâm; người đó chùng lại và buông lơi. Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần ***vỏ trong*** mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

11. (4) "Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắc chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó ***không*** đắc chí sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình ***chưa*** được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "*Giới-hạnh*". (iii) Người

đó có hài lòng với phần chứng đắc về giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn ***chưa*** được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "*Định-tâm*" (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn ***chưa*** được hoàn thành. (v) Chính nhờ như vậy, người đó ***không*** ca ngợi bản thân mình và ***không*** chê bai những người khác. Như vậy người đó không bị say-sưa với sự chứng đắc về phần định-tâm; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới "*Sự-biết và sự-thấy*" (trí tuệ). (f) (nhưng) Người đó đắc chí hài lòng với sự-biết và sự-thấy đó, và (coi) ý-nguyện của mình ***đã*** được hoàn thành. (g) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi sống biết và thấy, nhưng những tu sĩ khác sống không biết và không thấy.' Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự chứng đắc về phần sự-biết và sự-thấy; người đó chùng lại và buông lơi. Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần ***gỗ mềm*** mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

12. (5) "Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, chết; của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắc chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó *không* đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình ***chưa*** được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "*Giới-hạnh*".

(iii) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn *chưa* được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần "*Định-tâm*" (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, và nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn *chưa* được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới "*Sự-biết và sự-thấy*". (f) Người có hài lòng với sự-biết và sự-thấy đó, và (coi) ý-nguyện của mình vẫn *chưa* được hoàn thành. (g) Chính nhờ như vậy, người đó *không* ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. – Vì vậy người đó (tiếp tục) phát khởi sự mong-muốn để tu-tập và tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn phần sự-biết và sự-thấy; người đó không chùng lại hay buông lơi.

– "Nhưng, này bà-la-môn, cái gì là những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó?

13. "Ở đây, này bà-la-môn: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Đây là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.[43]

14. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét. Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

15. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an

trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

16. (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

17. (5) "Lại nữa: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

18. (6) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

19. (7) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

20. (8) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

21. (9) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

22. "Này bà-la-môn, ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.'

23. "Vậy đó, này bà-la-môn, đời sống tâm linh **không phải** lấy sự '*Lợi, vinh, danh*' là ích-lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần "*Giới-hạnh*" là ích-lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần "*Định-tâm*" (thiền định) là ích-lợi của nó, hoặc "*Sự-biết và sự-thấy*" là ích-lợi của nó. Mà chính "*Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm*" này mới là mục-tiêu của đời sống tâm linh, là gỗ-lõi (cốt lõi) của nó, và là kết-cuộc của nó."

24. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Pingalakoccha đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị quăng đổ, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

6. (MN 35) TIỂU KINH SACCAKA

(*Cūḷasaccaka Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có Saccaka là con trai của một Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) đang ngụ ở Vesālī, là một người tranh biện và một người diễn thuyết khôn khéo được nhiều người coi như một vị thánh.[44] Anh ta đã nói lời tuyên bố này trước hội chúng Vesālī: "Tôi không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào, là người đứng đầu một giáo đoàn, người đứng đầu một giáo phái, đạo sư của một giáo phái, một người sáng lập nổi tiếng và danh tiếng của một giáo phái, thậm chí người tuyên bố là đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [bậc toàn-giác], mà người đó không run chuyển, run sợ, và run rẩy, và toát mồ hôi nách khi tham gia vào sự tranh luận với tôi. Ngay cả tôi có tham gia tranh luận với một cây cột vô cảm vô tình, cây cột đó còn run chuyển, run sợ, và run rẩy như thể nó tham gia vào sự tranh luận với tôi, huống chi nói đến một con người?"

3. Rồi, vào buổi sáng, ngài Assaji mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khất thực.[45] Rồi Saccaka con của Ni-kiền-tử đang đi bộ dạo trong thành Vesālī, khi nhìn thấy thầy Assaji đang đi đến từ xa, anh ta đến chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta đứng qua một bên, và nói với thầy ấy:

4. "Thầy Assaji, theo cách nào sa-môn Cồ-đàm giáo huấn những đệ tử của ông ta? Và theo cách nào sự chỉ dẫn của sa-môn Cồ-đàm được trình bày cho những đệ tử của ông ta?"

"Đây là cách đức Thế Tôn giáo huấn những đệ tử của mình, này Aggivessana, và đây là cách sự chỉ dẫn của đức Thế Tôn được trình bày cho những đệ tử của mình: (Đức Thế Tôn nói:) 'Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô-thường, cảm-giác là vô-thường, nhận-thức là vô-thường, những sự tạo-

tác cố ý là vô-thường, thức là vô-thường. Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là cái 'ta' (vô ngã), cảm-giác không phải là cái 'ta', nhận-thức không phải là cái 'ta', những sự tạo-tác cố ý không phải là cái 'ta', thức không phải là cái 'ta'. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô-thường; tất cả mọi thứ đều là vô-ngã.'[46] Đó là cách đức Thế Tôn giáo huấn cho những đệ tử của mình, và đó là cách sự chỉ dẫn của đức Thế Tôn được trình bày cho những đệ tử của mình."

"Nếu chúng tôi nghe được điều sa-môn Cồ-đàm khẳng định, chắc chúng tôi đã thực sự nghe cái điều không thể đồng ý. Có lẽ lúc nào khác chúng tôi gặp sa-môn Cồ-đàm và thảo luận với ông ta. Có lẽ chúng tôi sẽ gỡ ông ta khỏi cái quan-điểm xấu ác đó."

5. Bấy giờ, lúc đó có năm trăm người Licchavi đã gặp nhau trong hội trường vì công việc hay vấn đề khác. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã đến gặp họ và nói: "Hãy đến coi, này những thiện giả Licchavi, hãy đến coi! Hôm nay sẽ có cuộc đối thoại giữa tôi và sa-môn Cồ-đàm. Nếu sa-môn Cồ-đàm vẫn khăng khăng bảo lưu trước mặt tôi điều đã được bảo lưu trước mặt tôi bởi một trong những đệ tử nối tiếng của ông ta, là Tỳ kheo tên Assaji: thì giống như một người khỏe mạnh có thể túm lấy lông con cừu có lông dài và lôi tới, lôi lui và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ nấu rượu khỏe mạnh quăng một cái sàng hèm to vào trong bể nước, và túm lấy góc của nó và lôi tới, lôi lui, và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ trộn hèm nấu rượu túm lấy góc một cái rỗ lọc và xốc xuống, xốc lên và xốc ngược nó lên; cũng như vậy, cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ xốc xuống, xốc lên và xốc ngược ông ta. Và giống như một con voi sáu mươi tuổi nhảy ào xuống ao sâu và nghịch chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu dưới đó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu với sa-môn Cồ-đàm.[47] Hãy đến coi, này những thiện giả Licchavi, hãy đến coi! Hôm nay sẽ có cuộc đối thoại giữa tôi và sa-môn Cồ-đàm."

6. Lúc đó một số người Licchavi đã nói: "Ai là sa-môn Cồ-đàm mà có thể bác bỏ được những điều khẳng định của Saccaka con trai của Ni-kiền-tử? Ngược lại thì có, Saccaka con trai Ni-kiền-tử sẽ bác bỏ những điều khẳng định của sa-môn Cồ-đàm." Và một số người Licchavi khác nói: "Ai là Saccaka con trai Ni-kiền-tử mà có thể bác bỏ những điều khẳng định của đức Thế Tôn? Ngược lại thì có, đức Thế Tôn sẽ bác bỏ những điều khẳng định của Saccaka con trai Ni-kiền-tử." Rồi Saccaka con trai của Ni-kiền-tử đã cùng với năm trăm người Licchavi đi đến Hội Trường Mái Nhọn trong khu Rừng Lớn.

7. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi qua đi lại ở ngoài trời. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đến gặp họ và hỏi:

"Này các ngài, Thầy Cồ-Đàm đang ở đâu? Chúng tôi muốn gặp Thầy Cồ-Đàm."

"Đức Thế Tôn đã đi vô khu Rừng Lớn, này Aggivessana, và đang ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày."

8. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử, cùng với đoàn lớn người Licchavi đi theo, đi vô khu Rừng Lớn và đến gặp đức Thế Tôn. Anh ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên. Một số người xưng tên họ của mình trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên chào hỏi qua lại; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

9. Sau khi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã ngồi xuống, anh ta nói với đức Thế Tôn: "Tôi muốn hỏi Thầy Cồ-Đàm về một số luận điểm, nếu Thầy Cồ-Đàm ban cho đặc ơn bằng một câu trả lời cho câu hỏi."

"Cứ hỏi điều mình muốn, này Aggivessana."

"Theo cách nào Thầy Cồ-Đàm giáo huấn những đệ tử của mình? Và theo cách nào sự chỉ dẫn của Thầy Cồ-Đàm được trình bày cho những đệ tử của mình?"

"Đây là cách ta giáo huấn những đệ tử của ta, này Aggivessana, và đây là cách sự chỉ dẫn của ta được trình bày cho những đệ tử của ta: (Ta nói:) 'Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô-thường, cảm-giác là vô-thường, nhận-thức là vô-thường, những sự tạo-tác cố ý là vô-thường, thức là vô-thường. Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là cái 'ta' (vô ngã), cảm-giác không phải là cái 'ta', nhận-thức không phải là cái 'ta', những sự tạo-tác cố ý không phải là cái 'ta', thức không phải là cái 'ta'. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô-thường; tất cả mọi thứ đều là vô-ngã.' Đó là cách ta giáo huấn cho những đệ tử của mình, và đó là cách sự chỉ dẫn của ta được trình bày cho những đệ tử của ta."

10. "Thầy Cồ-Đàm, một ví dụ đã xảy đến với tôi."

"Hãy giải thích ví dụ đó xảy đến với anh ra sao, này Aggivessana", đức Thế Tôn nói.

"Giống như những hạt giống và cây cối, dù là loại gì, đều đạt tới sự lớn lên, sự tăng trưởng, và sự chín muồi, tất cả đều làm vậy tùy thuộc vào mặt đất, dựa vào mặt đất; và giống như khi những công việc khó nhọc được hoàn thành, dù là loại việc gì, tất cả đều được làm dựa vào mặt đất, dựa trên mặt đất—cũng giống như vậy, này thầy Cồ-Đàm, một người có sắc-thân (sắc) là cái 'ta' (ngã), và dựa trên sắc-thân người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có cảm-giác (thọ) là cái 'ta', và dựa trên cảm-giác người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có nhận-thức (tưởng) là cái 'ta', và dựa trên nhận-thức người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có những sự tạo-tác cố ý (hành) là cái 'ta', và dựa trên những sự tạo-tác cố ý người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có thức (thức) là cái 'ta', và dựa trên thức người đó tạo ra công đức hay thất đức."

11. "Này Aggivessana, có phải anh đang khẳng định như vầy: 'Sắc-thân là cái 'ta' (ngã) của ta, cảm-giác là cái 'ta' của ta, nhận-thức là cái 'ta' của ta, những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' của ta, thức là cái 'ta' của ta'?"

"Tôi khẳng định như vầy, này Thầy Cồ-Đàm: 'Sắc-thân là bản ngã của ta, cảm-giác là bản ngã của ta, nhận-thức là bản ngã của ta, những sự tạo-

tác cố ý là bản ngã của ta, thức là bản ngã của ta.' Và số đông lớn này cũng khẳng định như vậy."[48]

"Số đông lớn này thì liên quan gì đến anh, này Aggivessana? Mình nói mình chịu, chỉ nên quơ chính mình vào trong sự khẳng định của mình."

"Được thôi, thầy Cồ-Đàm, tôi khẳng định như vầy: 'Sắc-thân là bản ngã của ta, cảm-giác là bản ngã của ta, nhận-thức là bản ngã của ta, những sự tạo-tác cố ý là bản ngã của ta, thức là bản ngã của ta.'"

12. "Trong trường hợp đó, này Aggivessana, đến lượt ta sẽ hỏi anh một câu hỏi. Cứ trả lời theo ý anh. Anh nghĩ sao, này Aggivessana? Một vị vua được phong vương [được xức dầu trên đầu]—ví dụ như Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) của xứ Kiều-tất-la (Kosala) hay A-xà-thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha)—thực thi quyền thống trị của mình trong lãnh thổ của mình để xử tội những người nên bị xử tội, hình phạt những người nên bị hình phạt, và trục xuất những người nên bị trục xuất, có đúng không?"

"Thầy Cồ-Đàm, một vị vua được phong vương—ví dụ như Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiều-tất-la hay A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà—sẽ thực thi quyền thống trị của mình trong lãnh thổ của mình để xử tội những người nên bị xử tội, hình phạt những người nên bị hình phạt, và trục xuất những người nên bị trục xuất. Vì ngay cả những cộng đồng [tập quyền thiểu số] và những xã hội [cộng hòa] của những người Bạt-kỳ (Vajji) và những người Ma-la (Malla) cũng thực thi quyền thống trị của mình trong lãnh thổ của mình để xử tội những người nên bị xử tội, hình phạt những người nên bị hình phạt, và trục xuất những người nên bị trục xuất; nói chi đến một bậc vị vua được phong vương như Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiều-tất-la hay A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà mà không làm như vậy. Thầy Cồ-Đàm, vị vua đó sẽ thực thi như vậy, và vị vua đó xứng quyền thực thi như vậy."

13. "Anh nghĩ sao, này Aggivessana? Khi anh nói như vầy: 'Sắc-thân là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với sắc-thân đó để có thể khiến nó: 'Này, sắc-thân của ta phải như vầy; thân sắc của ta không

được như vầy' hay không?"[49] Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã im lặng.

Lần thứ hai đức Thế Tôn hỏi lại câu hỏi, Saccaka con trai Ni-kiền-tử vẫn im lặng. Rồi đức Thế Tôn nói với anh ta: "Này Aggivessana, giờ hãy trả lời. Giờ không phải lúc anh im lặng. Nếu có ai khi được hỏi một câu hỏi hợp lý tới lần thứ ba bởi Như Lai mà người đó vẫn không trả lời, đầu của người đó sẽ bể ra thành bảy mảnh đây đó."

14. Bấy giờ, ngay lúc đó có một quỷ thần sấm sét tay cầm lưỡi thần sét đang cháy, cháy rực, đỏ rực xuất hiện lơ lửng trên đầu của Saccaka con trai Ni-kiền-tử, nghĩ rằng: "Nếu Saccaka con trai Ni-kiền-tử này, khi được hỏi một câu hỏi hợp lý đến lần thứ ba bởi đức Thế Tôn mà vẫn không trả lời, ta sẽ chẻ đầu nó ra thành bảy mảnh đây đó."[50] Đức Thế Tôn đã nhìn thấy quỷ thần sấm sét và Saccaka con trai Ni-kiền-tử cũng nhìn thấy. Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã hoảng sợ, hoảng hốt, và khiếp đảm. Đành tìm nơi trú ẩn, nơi tị nạn, nơi nương tựa ở đức Thế Tôn, anh ta nói: "Thầy Cồ-Đàm, hãy hỏi lại, tôi sẽ trả lời."

15. "Anh nghĩ sao, này Aggivessana? Khi anh nói như vầy: 'Sắc-thân là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với sắc-thân đó để có thể khiến: 'Này, sắc-thân của ta phải như vầy; thân sắc của ta không được như vầy' hay không?"—"Không, thưa Thầy Cồ-Đàm."

16. "Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi anh nói như vầy: 'Cảm-giác là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với cảm-giác đó để có thể khiến nó: 'Này, cảm-giác của ta phải như vầy; cảm-giác của ta không được như vầy' hay không?"—"Không, thưa Thầy Cồ-Đàm."

17. "Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi

anh nói như vầy: 'Nhận-thức là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với nhận-thức đó để có thể khiến: 'Này, nhận-thức của ta phải như vầy; nhận-thức của ta không được như vầy' hay không?"—"Không, thưa Thầy Cồ-Đàm."

18. "Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi anh nói như vầy: 'Những sự tạo-tác cố ý là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với những sự tạo-tác cố ý đó để có thể khiến: 'Này, những sự tạo-tác cố ý của ta phải như vầy; những sự tạo-tác cố ý của ta không được như vầy' hay không?"—"Không, thưa Thầy Cồ-Đàm."

19. "Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi anh nói như vầy: 'Thức là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với thức đó để có thể khiến: 'Này, thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vầy' hay không?"—"Không, thưa Thầy Cồ-Đàm."

20. "Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao, sắc-thân là thường hằng hay vô-thường?"—"Vô-thường, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Thứ gì vô-thường là sướng hay khổ?"—"Khổ, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Thứ là vô-thường, khổ, và phải bị biến đổi thì có đáng được coi như vầy: ''Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'' hay không?"—"Không, thưa Thầy Cồ-Đàm."

"Này Aggivessana, anh nghĩ sao, cảm-giác là thường hằng hay vô-thường? … nhận-thức là thường hằng hay vô-thường? … những sự tạo-tác cố ý là thường hằng hay vô-thường? … thức là thường hằng hay vô-thường?"—"Vô-thường, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Thứ gì vô-thường là sướng hay khổ?"—"Khổ, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Thứ là vô-thường, khổ,

và phải bị biến đổi thì có đáng được coi như vầy: ‘‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’ hay không?’’—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

21. “Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi một người cố chấp thứ khổ (năm uẩn), nương dựa vào thứ khổ, nắm giữ thứ khổ, và coi thứ gì khổ là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, thì người đó có thể nào tự mình hoàn-toàn hiểu sự khổ hay có thể nào an trú với/trong sự hoàn toàn diệt-khổ hay không?”

“Làm sao có thể được, thưa Thầy Cồ-Đàm. Không thể nào, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

{“Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Nếu là như vậy, anh còn cố chấp thứ khổ, nương dựa vào thứ khổ, nắm giữ thứ khổ, và coi thứ gì khổ là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, nữa hay không?”

“Làm sao tôi có thể, thưa Thầy Cồ-Đàm. Không thể nào, thưa Thầy Cồ-Đàm.”}[51]

22. “Điều đó giống như, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Cũng giống như vậy, này Aggivessana, khi anh được thúc ép, được hỏi, được hỏi chéo bởi ta về sự khẳng định của anh, thì anh trở thành rỗng tuếch, trống rỗng, và bị sai lầm. Nhưng chính anh lại nói lời tuyên bố này trước hội chúng ở Vesālī: ‘Tôi không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào, là người đứng đầu một giáo đoàn, người đứng đầu một giáo phái, đạo sư của một giáo phái, một người sáng lập nổi tiếng và danh tiếng của một giáo phái, thậm chí người tuyên bố là đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [bậc toàn-giác], mà người đó không run chuyển, run sợ, và run rẩy, và toát mồ hôi nách khi tham gia vào sự

tranh luận với tôi. Ngay cả tôi có tham gia tranh luận với một cây cột vô cảm vô tình, cây cột đó còn run chuyển, run sợ, và run rẩy như thể nó tham gia vào sự tranh luận với tôi, huống chi nói đến một con người?' Giờ thì những giọt mồ hôi trên trán anh và chúng đã thấm ướt áo ngoài và chảy rớt xuống đất. Nhưng giờ không có mồ hôi nào trên thân ta." Và đức Thế Tôn đã để lộ thân màu vàng kim của mình cho hội chúng thấy. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã ngồi im lặng, và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa.

23. Rồi ông Dummukha, một người con của dân tộc Licchavi, sau khi nhìn thấy Saccaka con trai Ni-kiền-tử trong tình trạng như vậy, đã nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, một ví dụ đã xảy đến với tôi."

"Hãy giải thích ví dụ đó xảy đến với anh ra sao, này Dummukha", đức Thế Tôn nói.

"Thưa ngài, ví dụ không xa một khu làng hay thị trấn có một cái ao có một con cua trong đó. Và rồi một đám trẻ trai hay gái từ làng hay thị trấn đến chỗ cái ao, lội xuống nước, và bắt con cua lên khỏi nước và đặt nó trên đất khô. Và hễ con cua cục cựa thò ra chân nào, họ cắt nó, bẻ gảy nó, và đập nó bằng gậy gộc và đá cục, đến nỗi con cua với tất cả chân đều bị cắt, bị bẻ, và bị đập bằng gậy gộc và đá cục, không còn có thể quay trở lại ao nước như trước đó. Cũng giống như vậy, tất cả những sự cong vẹo, những sự uốn éo, và những sự lập lờ của Saccaka con trai Ni-kiền-tử đều đã bị cắt bỏ, bị bẻ gảy, và bị đập tan bởi đức Thế Tôn, và giờ anh ta không còn có thể trở lại gần đức Thế Tôn để tranh biện nữa.

24. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã nói với anh ta: "Khoan đã, này Dummukha, khoan đã! Chúng tôi đâu đang nói với anh, ở đây chúng tôi đang nói với Thầy Cồ-Đàm mà."

[Rồi Saccaka nói]: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, xin hãy bỏ quá chuyện vừa rồi giữa chúng tôi và ông bà-la-môn tầm thường này. Tôi nghĩ đó (lời của Dummukha) chỉ là chuyện sàm nhảm vô bổ. Giờ thì, theo cách nào một đệ

tử của Thầy Cồ-Đàm là người thực hiện sự chỉ dẫn của thầy ấy, là người đáp ứng theo lời khuyên dạy của thầy ấy, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?"[52]

"Ở đây, này Aggivessana, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một đệ tử nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một đệ tử nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Chính theo cách này một đệ tử của ta là người thực hiện sự chỉ dẫn của ta, là người đáp ứng theo lời khuyên dạy của ta, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?"

25. "Thưa Thầy Cồ-Đàm, theo cách nào một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của họ, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng?"

"Ở đây, này Aggivessana, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Mọi cảm-giác dù

là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Chính theo cách này một Tỳ kheo của ta là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của họ, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng."

26. "Khi tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát như vậy, người đó có-được ba phẩm-chất cao nhất [không thể vượt trên, vô thượng]: tầm-nhìn cao nhất, sự tu-tập cao nhất, và sự giải-thoát cao nhất.[53] Khi một Tỳ kheo được giải-thoát như vậy, người đó vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn đã sự giác-ngộ và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp chỉ vì (để dẫn tới) sự giác-ngộ. Đức Thế Tôn đã được thuần-phục và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp vì để thuần-phục con người. Đức Thế Tôn đã đạt tới sự bình-an và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp vì (để đạt tới) sự bình-an. Đức Thế Tôn đã vượt qua bờ và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp để vượt qua bờ (đáo bỉ ngạn). Đức Thế Tôn đã chứng ngộ Niết-bàn và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp để chứng ngộ Niết-bàn.'"

27. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đáp lại: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, chúng tôi đã quá liều lĩnh và trơ tráo khi nghĩ chúng tôi có thể tấn công Thầy Cồ-Đàm trong cuộc tranh luận. Một người có thể tấn công một con voi dữ và tìm thấy sự an toàn, nhưng người đó không thể tấn công Thầy Cồ-Đàm và tìm thấy sự an toàn. Một người có thể tấn công một con rắn độc và tìm thấy sự an toàn, nhưng người đó không thể tấn công thầy Cồ-Đàm và tìm thấy sự an toàn. Chúng tôi đã quá liều lĩnh và trơ tráo khi nghĩ chúng tôi có thể tấn công Thầy Cồ-Đàm trong cuộc tranh luận.

"Kính mong đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn nhận từ tôi lời mời để dùng bữa trưa ngày mai." Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

28. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã nói với những người Licchavi: "Xin hãy nghe tôi, những đồng bào Licchavi. Sa-môn Cồ-Đàm cùng với Tăng Đoàn những thiện Tỳ kheo đã được tôi mời đến dùng bữa trưa ngày mai. Quý vị có thể mang đến bất cứ thứ gì mà quý vị nghĩ là phù hợp cho đức Thế Tôn."

29. Rồi, khi đêm đã qua, những người Licchavi đã mang đến năm trăm phần cơm trịnh trọng (đúng nghi lễ) được nấu với sữa để làm thức ăn cúng dường. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã cho dọn sẵn các món ăn đủ loại trong trang viên của anh ta và đến giờ thông báo với đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, bữa ăn đã sẵn sàng."

30. Rồi, lúc đó buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo đến chỗ trang viên của Saccaka con trai Ni-kiền-tử, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi tự tay mình, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã phục vụ và làm vui lòng Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi đức Thế Tôn với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và để bình bát qua một bên, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, cầu cho công đức (phước đức) và những công quả (phước quả) của hành động cúng dường này có thể mang lại hạnh phúc cho những người cúng dường."

"Này Aggivessana, công đức nào có được từ việc bố thí cho một người nhận như anh—là người chưa hết tham, chưa hết sân, chưa hết si—sẽ dành cho những người bố thí. Và công đức nào có được từ việc bố thí cho những người nhận như ta—là người đã hết tham, hết sân, hết si—sẽ dành cho anh."[54]

7. (MN 41) KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở SĀLĀ

(*Sāleyyaka Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi du hành trong xứ Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo, và cuối cùng đã tới một ngôi làng của những bà-la-môn người Kosala tên là làng Sālā.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã nghe rằng: "Sa-môn Cồ-Đàm, người con họ tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi dòng họ Thích-Ca, đang đi du hành trong nước Kosala cùng với Tăng Đoàn nhiều Tỳ kheo và mới vừa đến làng Sālā. Tin tốt lành về Thầy Cồ-đàm đang được lan truyền như vầy: 'Đức Thế Tôn đó là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [Toàn Giác], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó."

3. Rồi các gia chủ bà-la-môn của làng Sālā đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ đứng từ xa chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số tự xưng tên và họ trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuông một bên.

4. Sau khi đã ngồi xuống, họ nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục? Và nguyên-nhân và điều-kiện nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?"

5. "Này các gia chủ, bởi lý do là hành-vi không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi lý do là hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

6. "Chúng tôi không hiểu được ý-nghĩa chi tiết lời nói đó của Thầy Cồ-đàm, trong đó thầy đã nói vắn tắt nhưng không phân giải chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp cho chúng tôi để chúng tôi có thể hiểu được ý-nghĩa chi tiết của lời nói đó của thầy."

"Này các gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa ngài", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

7. (I) "Này các gia chủ, có ba loại hành-vi của thân (thân hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành-vi của lời-nói (khẩu hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành-vi của tâm (tâm hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

8. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi thân không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. (2) Người đó gian-cắp; lấy trộm lấy cắp tài

sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Người đó tà-dâm tà dục; người có quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành-vi thân (hành-động) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

9. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có bốn loại hành-vi lời-nói không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi biết', hoặc có biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi không biết'; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi không nhìn thấy'; người nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (2) Người đó nói lời ma-mãnh; người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (3) Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, bộc lộ sự sân-giận, không dẫn tới sự tập-trung (định tâm). (4) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói phù phiếm chẳng sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không thích hợp người đó nói những lời không đáng nói, không hữu lý, không chừng mực, và không ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành-vi miệng (lời-nói) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

10. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi tâm không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người thèm-muốn (tham). Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (2) Hoặc người đó có một cái tâm ác-ý (sân, ác) và những ý-định thù ghét như vầy: 'Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!'. (3) Hoặc người đó có cách-nhìn sai lạc (tà-kiến) theo kiểu như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'][55] Đó là cách có ba loại hành-vi tâm (tâm-ý) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

11. (II) "Này các gia chủ, có ba loại hành-vi thân (thân hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành-vi lời-nói (khẩu hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành-vi tâm (tâm hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

12. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi thân đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi-mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân

của họ; phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và cả những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành-vi thân (hành-động) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

13. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có bốn loại hành-vi lời-nói đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, người đó nói 'Tôi không biết', hoặc có biết, người đó nói 'Tôi biết'; không nhìn thấy, người đó nói 'Tôi không nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, người đó nói 'Tôi có nhìn thấy'; người không nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (2) Sau khi dẹp bỏ lời nói ma-mãnh, người đó kiêng cữ lời nói ma-mãnh; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (3) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (4) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời lời nói tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc thích hợp, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành-vi miệng (lời-nói) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

14. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi tâm đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người không thèm-muốn

(không tham); người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác với ý như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (2) Tâm của người đó không có sự ác-ý (không sân, không ác), và người đó có những ý-định phi thù phi ghét như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh không còn thù hận, khổ đau và lo âu! Cầu cho họ sống hạnh phúc!'. (3) Và người đó có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vầy: (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Đó là cách có ba loại hành-vi tâm (tâm-ý) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

"Do vậy, này các gia chủ, bởi do hành-vi đúng đắn như vậy, bởi do hành-vi đúng theo Giáo Pháp như vậy, nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

15. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] giàu có (phát đạt)!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những người quý-tộc giàu có. Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

16.–17 "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết,

người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có. Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

18.–42. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh **(a)** (i) trong số những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương! … (ii) những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Tāvatimsa, Đao-lợi) … (iii) những thiên thần của cõi trời Yāma (Dạ-ma) … (iv) những thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-suất) … (v) trong cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) … (vi) trong cõi trời của những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) … **(b)** (i) trong số những thiên thần là tùy tùng của Trời Brāhma (Phạm chúng thiên) … (0) trong số những thiên thần phát quang[56]… (ii) những thiên thần phát quang hạn lượng (thiểu quang thiên) … (iii) những thiên thần phát quang vô lượng (vô lượng quang thiên) … (iv) những thiên thần phát quang thành dòng (quang âm thiên) … (0) trong số những thiên thần có hào quang (như hào quang xung quanh đầu) … (v) những thiên thần có hào quang hạn lượng (thiểu tịnh thiên) … (vi) những thiên thần có hào quang vô lượng (vô lượng tịnh thiên) … (vii) những thiên thần có hào quang chói lọi (biến tịnh thiên) … (viii) những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên) … **(c)** (i) trong số những thiên thần ở cõi trời bền chắc (vô đọa thiên) [*aviha*] … (ii) những thiên thần ở cõi trời tịch tịnh (vô phiền thiên) [*atappa*] … (iii) những thiên thần ở cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) [*suddassa,* dành cho những bậc thánh Bất-lai] … (iv) những thiên thần ở cõi trời quang đãng (thiện kiến thiên) [*sudassi*] … (v) những thiên thần ở cõi trời tối cao (vô song thiên, sắc cứu kính thiên) [*akanittha*] … **(d)** (i) trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ không-gian vô biên (không vô biên xứ) … (ii) những thiên thần thuộc cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) … (iii) những thiên thần thuộc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) … (iv) những thiên thần thuộc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-

thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ)!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

43. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: 'Ôi, cầu mong tôi có thể ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)!', thì có thể rằng, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, người đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận). Vì sao vậy? Bởi do nhờ người đó sống giữ theo hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp."[57]

44. Sau khi lời này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, khai mở những thứ bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng có thể nhìn thấy mọi thứ. Nay chúng tôi xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ nay đến cuối đời."

8. (MN 42) KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở VERAÑJA

(*Verañjaka Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số gia chủ bà-la-môn đang viếng thăm Sāvatthī vì công việc hay lý do khác.

3.–44. [Bài kinh này nội dung giống hệt kinh **MN 41** kế trên, chỉ khác nhau ở chỗ: cụm chữ trong kinh kế trên "*hành-vi không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp*" [Mục 7–10] và "*hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp*" [Mục 11–14] được thay thế trong kinh này là "*người có hành-vi không đúng đắn, người không tuân giữ hành-vi đúng theo Giáo Pháp*" [Mục 7–10] và "*người có hành-vi đúng đắn, người tuân giữ hành-vi đúng theo Giáo Pháp*" [Mục 11–14]; và địa danh "*làng Sālā*" ở kinh trên được thay bằng "*làng Verañja*" trong kinh này.]

9. (MN 44) TIỂU KINH VẤN ĐÁP

(*Cūḷavedalla Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có đệ tử tại gia là Visākha đã đến gặp Tỳ kheo ni Dhammadinnā,[58] và sau khi kính lễ ni ấy, ông ta ngồi xuống một bên và hỏi ni ấy:

(*Danh tính*)

2. "Thưa ni, thường nghe nói 'danh-tính, danh-tính'. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là danh-tính (tự thân, thân ta)?"

"Này đạo hữu Visākha, năm uẩn này bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm thủ uẩn) được đức Thế Tôn gọi là danh-tính; đó gồm: uẩn sắc-thân bị dính-chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính-chấp (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp (hành uẩn), và uẩn thức bị dính-chấp (thức uẩn). Năm uẩn bị dính-chấp được đức Thế Tôn gọi là danh-tính."[59]

"Thật tốt lành, thưa ni", đệ tử tại gia Visākha hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Dhammadinnā. Sau khi nói vậy, ông ta hỏi ni ấy thêm một câu hỏi:

3. "Thưa ni, thường nghe nói 'nguồn gốc của danh-tính, nguồn gốc của danh-tính'. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là nguồn gốc của danh-tính?"

"Đạo hữu Visākha, đó là dục-vọng [sự thèm khát], nó đưa đến sự tái hiện-hữu, được đi kèm bởi khoái-lạc và nhục-dục, và sự khoái-thích cái này cái nọ; đó là, dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi hữu ái). Đây được đức Thế Tôn gọi là nguồn gốc của danh-tính."

4. "Thưa ni, thường nghe nói 'sự chấm dứt danh-tính, sự chấm dứt danh-tính'. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là sự chấm dứt danh-tính?"

"Đạo hữu Visākha, đó là sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm dứt, sự bỏ đi, sự từ bỏ, sự buông bỏ, và sự tống bỏ dục-vọng đó. Đây được đức Thế Tôn gọi là sự chấm dứt danh-tính."

5. "Thưa ni, thường nghe nói 'con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính, con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính'. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính?"

"Đạo hữu Visākha, đó chính là Bát Thánh Đạo (con đường tám phần thánh thiện); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn."

6. "Thưa ni, có phải sự dính-chấp (chấp thủ, thủ) là một với năm uẩn bị dính-chấp, hay sự dính-chấp là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp?"

"Đạo hữu Visākha, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính-chấp, cũng không phải sự dính-chấp đó là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp. Chính sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp mới là sự dính-chấp ở đó."[60]

(*Quan điểm có danh-tính*)

7. "Thưa ni, theo cách nào 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) được hình thành?"

"Ở đây, này đạo hữu Visākha, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân; *cứ* coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân.

"Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái 'ta' ... nhận-thức là cái 'ta' ... những sự tạo-tác cố-ý là cái 'ta' ... thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có danh-tính (thân kiến) được hình thành." [61]

8. "Thưa ni, theo cách nào quan-điểm có danh tính không đi đến hình thành?"

"Ở đây, này đạo hữu Visākha, một một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân; *không* coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân.

"Người đó *không* coi cảm-giác là cái 'ta' ... nhận-thức là cái 'ta' ... những sự tạo-tác cố-ý là cái 'ta' ... thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có cái ta (thân kiến) *không* đi đến hình thành."

(*Bát thánh đạo*)

9. "Thưa ni, cái gì là Bát Thánh Đạo?"

"Đạo hữu Visākha, đó đơn giản là con đường tám phần thánh thiện; gồm có: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn."

10. "Thưa ni, Bát Thánh Đạo là có điều-kiện (hữu vi) hay không có điều-kiện (vô vi)?"

"Đạo hữu Visākha, Bát Thánh Đạo là có điều-kiện."

11. "Thưa ni, có phải ba uẩn (ba phần tu-tập) nằm trong Bát Thánh Đạo hay Bát Thánh Đạo nằm trong ba uẩn?" [62]

"Đạo hữu Visākha, ba uẩn không nằm trong Bát Thánh Đạo, mà Bát Thánh Đạo nằm trong ba uẩn (ba phần tu-tập). Lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, và sự mưu-sinh đúng đắn (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh)—những trạng thái này là nằm trong uẩn/phần/nhóm 'Giới-hạnh'. Sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định)—những trạng thái này nằm trong uẩn/phần/nhóm 'Định-tâm'. Cách-nhìn đúng đắn và ý-định đúng đắn (chánh kiến và chánh tư duy)—những trạng thái này nằm trong uẩn/phần/nhóm 'trí-tuệ'."

(*Sự định tâm*)

12. "Thưa ni, cái gì là sự định-tâm? Cái gì là cơ-sở cho sự định-tâm? Cái gì là trang-bị cho sự định-tâm? Cái gì là sự tu-tập sự định-tâm?"

Đạo hữu Visākha, sự hợp-nhất của tâm là sự định-tâm; 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ) là cơ-sở của sự định-tâm; bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (bốn sự tu tập lặp đi lặp lại; tứ chánh-cần) là trang-bị cho sự định-tâm, và sự tu-dưỡng đúng đắn những trạng thái này là sự tu-tập sự định-tâm."[63]

(*Những sự tạo tác*)

13. "Thưa ni, có bao nhiêu sự tạo-tác (hành)?"

"Đạo hữu Visākha, có ba sự tạo-tác này: sự tạo-tác của thân (thân hành), sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành), và sự tạo-tác của tâm (tâm hành."

14. "Nhưng thưa ni, cái gì là sự tạo-tác của thân? Cái gì là sự tạo-tác của lời-nói. Cái gì là sự tạo-tác của tâm?

"Sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân; ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) là sự tạo-tác của lời nói; nhận-thức (tưởng) và cảm-giác (thọ) là sự tạo-tác của tâm."[64]

15. "Nhưng, thưa ni, tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân? Tại sao ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói? Tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm?"

"Đạo hữu Visākha, sự thở-vào và thở-ra là thuộc thân, những trạng thái này gắn liền với thân; đó là lý do tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân. Người tu áp dụng ý-nghĩ trước và sau đó duy trì ý-nghĩ, và tiếp theo người đó phát thành lời-nói; đó là lý do tại sao ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói. Nhận-thức (tưởng) và cảm-giác (thọ) là thuộc tâm, những trạng thái này gắn liền với tâm; đó là lý do tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm."[65]

(*Sự chứng đắc sự chấm-dứt*)

16. "Thưa ni, theo cách nào sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng) sẽ diễn ra?"

"Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì điều này không xảy ra đối với người đó: 'Tôi sẽ chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'tôi đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'tôi đã chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác'; mà tâm người đó đã được tu tập trước đó theo cách để dẫn người đó đến trạng thái đó." [66]

17. "Thưa ni, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng), thì trạng thái nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước?"

"Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác của lời-nói chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của tâm."[67]

18. "Thưa ni, sự thoát-ra khỏi sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng định) sẽ xảy ra theo cách nào?"

"Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, điều này không xảy đến với người đó: 'Tôi sẽ thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'Tôi đang thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'Tôi đã thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác'; mà tâm người đó đã được tu tập trước đó theo cách để nó dẫn người đó đến trạng thái đó." [68]

19. "Thưa ni, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, trạng thái nào trong ba sự tạo-tác đó sẽ khởi sinh trước trong người đó?"

"Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, sự tạo-tác của tâm (tâm hành) sẽ khởi sinh trước, tiếp theo là sự tạo-tác của thân (thân hành), và sau cùng là sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành)." [69]

20. "Thưa ni, sau khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có bao nhiêu loại sự tiếp-xúc tiếp xúc người đó?"

"Đạo hữu Visākha, sau khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có ba loại sự tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp-xúc trống-không, sự tiếp-xúc không dấu-hiệu (vô tướng), sự tiếp-xúc không mong-cầu (vô nguyện)." [70]

21. "Thưa ni, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm người đó nghiêng về cái gì, hướng về cái gì, và ngã về cái gì?"

"Đạo hữu Visākha, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm người đó nghiêng về sự tách-ly, hướng về sự tách-ly, và ngã về sự tách-ly." [71]

(*Cảm giác*)

22. "Thưa ni, có bao nhiêu loại cảm-giác?"

"Đạo hữu Visākha, có ba loại cảm-giác: cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác không khổ không sướng (trung tính)."

23. "Nhưng, thưa ni, cái gì là cảm-giác sướng? Cái gì là cảm-giác khổ? Cái gì là cảm-giác không khổ không sướng?"

"Đạo hữu Visākha, mọi sự được cảm nhận bởi thân hay bởi tâm là sướng và dễ chịu là cảm-giác sướng. Mọi sự được cảm nhận bởi thân và bởi tâm là khổ và khó chịu là cảm-giác khổ. Mọi sự được cảm nhận bởi thân và bởi tâm là không khó chịu và không dễ chịu là cảm-giác không khổ không sướng."

24. "Thưa ni, cái gì là sướng và cái gì là khổ đối với cảm-giác sướng? Cái gì là sướng và cái gì là khổ đối với cảm-giác khổ? Cái gì là sướng và cái gì là khổ đối với cảm-giác không khổ không sướng?"

"Đạo hữu Visākha, cảm-giác sướng là sướng khi nó còn (trụ) và là khổ khi nó thay đổi (biến). Cảm-giác khổ là khổ khi nó còn và là sướng khi nó thay đổi. Cảm-giác không khổ không sướng là sướng khi có sự-biết [về nó] và là khổ khi không có sự-biết [ngu mờ về nó]."

(*Những khuynh hướng tiềm ẩn*)

25. "Thưa ni, cái gì là những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) nằm dưới cảm-giác sướng? Cái gì là những khuynh-hướng tiềm ẩn nằm dưới cảm-giác khổ? Cái gì là những khuynh-hướng tiềm ẩn nằm dưới cảm-giác không khổ không sướng?"

"Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham (tùy miên tham) nằm dưới cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân (tùy miên sân) nằm dưới cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si (tùy miên si) nằm dưới cảm-giác không khổ không sướng." [72]

26. "Thưa ni, có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham nằm dưới tất cả cảm-giác sướng? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân nằm dưới tất cả cảm-giác khổ? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si nằm dưới tất cả cảm-giác không khổ không sướng?"

"Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham không nằm dưới tất cả cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân không nằm dưới tất cả cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si không nằm dưới cảm-giác không khổ không sướng."

27. "Thưa ni, cái gì nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác sướng? Cái gì nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác khổ? Cái gì nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác không khổ không sướng?"

"Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác không khổ không sướng."

28. "Thưa ni, có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác sướng? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác khổ? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác không khổ không sướng?"

"Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham không cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân không cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si không cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác không khổ không sướng.

"Ở đây, này đạo hữu Visākha: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc

(lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Bằng cách đó người đó dẹp bỏ tham, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham không còn nằm dưới đó.[73]

"Ở đây, một Tỳ kheo xem xét như vầy: 'Khi nào ta sẽ chứng nhập và an trú trong cơ-sở đó mà những bậc thánh hiện giờ chứng nhập và an trú trong đó?' Trong một người đã phát khởi một mong-muốn (hạnh nguyện) có được những sự giải-thoát tốt thượng như vậy, thì sự ưu-tư sẽ khởi sinh do có sự mong-muốn đó là điều-kiện (duyên). Với sự đó người tu dẹp bỏ sân, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân không còn nằm dưới đó.[74]

"Ở đây: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Với sự đó người tu dẹp bỏ si, và khuynh-hướng tiềm ẩn tại ra si không còn nằm dưới đó."[75]

(*Những đối tác*)

29. "Thưa ni, cái gì là đối tác của cảm-giác sướng?"[76]

"Đạo hữu Visākha, cảm-giác khổ là đối tác của cảm-giác sướng."

"Cái gì là đối tác của cảm-giác khổ?"

"Cảm-giác sướng là đối tác của cảm-giác khổ."

"Cái gì là đối tác của cảm-giác không khổ không sướng?"

"Sự ngu-si (sự không-biết) là đối tác của cảm-giác không khổ không sướng."[77]

"Cái gì là đối tác của sự ngu-si?"

"Trí-biết đích thực (chân trí, minh) là đối tác của sự ngu-si (vô minh)."

"Cái gì là đối tác của trí-biết đích thực (minh)?"

"Sự giải-thoát là đối tác của trí-biết đích thực."

"Cái gì là đối tác của sự giải-thoát?"

"Niết-bàn là đối tác của sự giải-thoát."

"Thưa ni, cái gì là đối tác của Niết-bàn?"

"Đạo hữu Visākha, đạo hữu đã đẩy giới hạn của sự hỏi quá xa; đạo hữu đã không thể nắm được giới hạn đối với sự hỏi.[78] Bởi vì, này đạo hữu Visākha, đời sống tâm linh có nền tảng là Niết-bàn, dẫn tới đỉnh cao là Niết-bàn, kết cuộc là Niết-bàn. Đạo hữu Visākha, nếu muốn đạo hữu có thể đến gặp và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải cho đạo hữu, đạo hữu nên ghi nhớ điều đó."

(*Kết luận*)

30. Rồi đệ tử tại gia Visākha, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời giảng của Tỳ kheo ni Dhammadinnā, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và kính lễ ni, giữ ni ở hướng bên phải mình và đi ra; và ông đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo với Tỳ kheo ni Dhammadinnā. Sau khi ông thưa xong, đức Thế Tôn đã nói với ông:

31. "Này Visākha, Tỳ kheo ni Dhammadinnā là có trí, Tỳ kheo ni Dhammadinnā có trí-tuệ lớn lao (đại trí). Nếu chú có hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giảng giải cho chú y hệt như cách Tỳ kheo ni Dhammadinnā đã giảng giải nó. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và chú nên ghi nhớ nó."[79]

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Đệ tử tại gia Visākha hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

(II) QUYỂN 2:

10. (MN 51) KINH KANDARAKA
(*Kandaraka Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā, bên bờ Hồ Gaggarā, cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo. Lúc đó có Pessa, con trai người lái voi (nài tượng) và du sĩ tên Kandaraka đã đến gặp đức Thế Tôn. Pessa, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, trong khi đó Kandaraka thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta đứng qua một bên.[617] Khi đứng đó, ông ta nhìn khắp Tăng Đoàn các Tỳ kheo đang ngồi im lặng hoàn toàn,[618] rồi ông nói với đức Thế Tôn:

2. "Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-Đàm, thật tuyệt vời là cách Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã được dẫn dắt bởi Thầy Cồ-Đàm để thực hành cách-thức đúng đắn. Những ai từng là những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc toàn-giác [giác-ngộ toàn thiện] trong quá khứ, cùng lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi Thầy Cồ-Đàm. Và những ai sẽ là những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác trong tương lai, cùng lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi Thầy Cồ-Đàm."[619]

3. "Đúng như vậy, này Kandaraka, đúng như vậy! Những ai từng là những bậc Thế Tôn, là A-la-hán, bậc toàn-giác trong quá khứ, cao lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi ta. Và những ai sẽ là những bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác trong tương lai, cao lắm cũng dẫn dắt Tăng Đoàn các Tỳ kheo thực hành cách-thức đúng đắn như cách bây giờ được làm bởi ta.

"Bởi vì, này Kandaraka, trong Tăng Đoàn các Tỳ kheo này có những Tỳ kheo là những A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu đích thực, đã phá hủy những gông-cùm của (trói buộc vào) sự hiện-hữu, và là những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng. Và trong Tăng Đoàn này có những Tỳ kheo trong giai đoạn tu học bậc cao (bậc học nhân), có giới-hạnh ổn định, sống một đời sống có giới-hạnh ổn định, sáng-trí, sống một đời sống có sự sáng-trí. Họ an trú với những cái tâm được thiết lập tốt trong bốn nền tảng chánh-niệm.[620] Bốn đó là gì? Ở đây, này Kandaraka, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới."

4. Sau khi điều này được nói ra, Pessa, con trai người nài voi, đã nói: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách bốn nền tảng chánh-niệm đã được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn: để dẫn đến sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua buồn-sầu và than-khóc, để làm phai biến sự đau-thương và ưu-phiền, để đạt tới phương-cách đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn. Bởi vì, thưa Thế Tôn, chúng con là những người tại gia áo trắng cũng có những lúc an trú với tâm mình được thiết lập tốt trong bốn nền tảng chánh-niệm này.[621] Ở đây, thưa Thế Tôn, chúng con cũng an trú quán thân trong thân … những cảm-giác trong những cảm-giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và

sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách giữa sự rối ren, sự suy đồi, và những sự lừa dối của con người, đức Thế Tôn biết rõ phúc-lợi và sự nguy-hại của chúng sinh. Vì nhân loại là một sự rối ren ẩn hiểm (khó lường) nhưng ở thú vật thì phơi bày đủ thấy (dễ lường). Thưa Thế Tôn, con có thể nài luyện một con voi để được thuần hóa, và trong những chuyến đi về ở Campā, con voi đó sẽ cho thấy mọi trò xạo, trò lừa (hai mặt), sự giả dối, và sự gian xảo [mà nó có thể làm].[622] Nhưng những người được gọi là những nô bộc, những người đưa tin, và những người giúp việc cư xử lúc bằng thân, lúc bằng lời-nói thì khác, nhưng trong tâm thì khác. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách giữa sự rối ren, sự suy đồi, và những sự lừa dối của con người, đức Thế Tôn biết rõ phúc-lợi và sự nguy-hại của chúng sinh. Vì nhân loại là một sự rối ren ẩn hiểm nhưng ở thú vật thì phơi bày đủ thấy.

5. "Đúng như vậy, này Pessa, đúng là vậy! Nhân loại là một sự rối ren ẩn hiểm còn thú vật thì phơi bày đủ thấy. Này Pessa, có bốn loại người được thấy có trong thế gian.[623] Bốn đó là gì? (i) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân. (ii) Ở đây có loại người hành xác người khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác. (iii) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác người khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác. (iv) Ở đây có loại người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác người khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác người khác. Vì người đó không hành xác bản thân hay người khác, người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng [thiêng liêng, siêu xuất].[624] Loại người nào trong bốn loại đó làm hài lòng tâm trí của anh, này Pessa?"

"Thưa Thế Tôn, ba loại người đầu không làm hài lòng tâm trí của con, nhưng loại cuối cùng làm hài lòng tâm trí của con."

6. "Nhưng, này Pessa, tại sao ba loại người đầu không làm hài lòng tâm trí của anh?"

"Thưa Thế Tôn, (i) loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân thì hành hạ và đày đọa chính mình là cho dù mình muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này không làm hài lòng tâm trí của con. Và (ii) loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác thì hành hạ và đày đọa chúng sinh khác là những người muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này không làm hài lòng tâm trí của con. Và (iii) loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác thì hành hạ và đày đọa chính mình và chúng sinh khác cho dù cả mình và chúng sinh khác đều muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này không làm hài lòng tâm trí của con. (iv) Nhưng loại người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng—thì không hành hạ và đày đọa chính mình và chúng sinh khác, bởi vì cả mình và chúng sinh khác đều muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này làm hài lòng tâm trí của con. Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con đi đây. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm"

"Này Pessa, các anh cứ tùy tiện đi". Rồi Pessa, con trai người nài vi, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

7. Không lâu sau khi anh ta đi, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo

như vầy: "Này các Tỳ kheo, Pessa, con trai người nài voi, là có trí, anh ta có trí tuệ lớn. Nếu anh ta ngồi lâu thêm chút nữa cho đến khi ta giảng giải xong chi tiết về bốn loại người này, thì anh ta sẽ được thêm nhiều ích-lợi lớn lao. Nhưng dù chỉ như vậy anh ta cũng đã được nhiều ích-lợi lớn lao."[625]

"Thưa Thế Tôn, đây là lúc; thưa bậc Phúc Lành, đây là lúc để đức Thế Tôn giảng giải chi tiết về bốn loại người này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ điều đó."

"Này các Tỳ kheo, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"—"Dạ. thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

8. (i) "Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân?[626] Ở đây có (những) người đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn tay cho sạch, không đến khi được mời, không dừng khi được yêu cầu; người đó không nhận thức ăn được mang cho hay thức ăn được nấu cho mình hay nhận lời mời đến ăn; người đó không nhận gì được cho từ trong nồi, trong bát, trước mái hiên nhà, đưa qua cây gậy, đưa qua cái chày, từ hai người đang ăn, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở giữa những đàn ông, từ chỗ thức ăn được quảng bá để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; người đó không nhận ăn cá hay thịt, người đó không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men. Người đó nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; người đó nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng … người đó nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Người đó sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày … nhờ bảy chén bảy ngày; người đó nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày … một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, người đó thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định. Người đó là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bọt nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Người đó sống

nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; người đó sống nhờ ăn trái cây rụng. Người đó mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn, bằng vải liệm người chết bỏ đi, bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ. Người đó là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Người đó là người luôn đứng, không ngồi. Người đó là người ngồi xổm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi xổm. Người đó là người dùng nệm gai nhọn; người đó lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Người đó sống theo đuổi sự thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối. Đó là những cách khác nhau người đó đã theo đuổi sự thực hành khổ hạnh hành hạ và hành xác bản thân. Đây được gọi là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân.

9. (ii) "Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có (những) người là người giết thịt cừu, người giết thịt heo, người bẫy chim, người bẫy thú rừng, người sắn bắn, người đánh bắt cá, người trộm cắp, người đao phủ, người cai ngục, hoặc người làm những nghề vấy máu khác. Đây được gọi là những người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

10. (iii) "Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có người là một vị vua thánh thiện được phong vương [được xứ dầu trên đầu] hay một bà-la-môn giỏi giang.[627] Sau khi đã cho xây một đền mới để cúng tế ở phía đông kinh thành, và sau khi cạo bỏ râu tóc, mặc y-phục làm bằng da thú thô, và bôi trơn thân người bằng bơ và dầu, cào xước lưng mình bằng sừng hươu, ông ta bước vào đền cúng tế cùng với hoàng hậu chánh phi và thầy tế bà-la-môn cấp cao. Ở đó ông nằm xuống trên chỗ nền đất rải đầy cỏ. Nhà vua sống nhờ uống sữa từ núm vú thứ nhất của một con bò

cái cùng màu, hoàng hậu uống sữa từ núm vú thứ hai, và thầy tế bà-la-môn cấp cao uống sữa từ núm vú thứ ba; sữa từ núm vú thứ tư họ đem đổ vào lửa, và con bò cái thì sống nhờ phần còn lại. Ông vua nói như vầy: 'Hãy giết nhiều bò đực để cúng tế, giết nhiều bị đực thiến để cúng tế, hãy giết nhiều bò cái tơ để cúng tế, giết nhiều dê để cúng tế, giết nhiều cừu để cúng tế, hãy chặt thật nhiều cây để làm những cột cúng tế, hãy thật cắt nhiều cỏ để làm cỏ cúng tế.' Rồi những nô bộc, những người đưa tin, và những người giúp việc phải làm những việc chuẩn bị, với nước mắt ràn rụa trên mặt, phải làm theo do bị thúc ép bởi những sự đe dọa trừng phạt và bởi sự sợ-hãi. Đây được gọi là loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

11. (iv) "Này các Tỳ kheo, cái gì là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân mình cũng không hành xác chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng?[628]

12. "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn-Giác [đã giác-ngộ toàn thiện], đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ (Phật), bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết.

13. [1] "Ví dụ một gia chủ [hay con trai của ông ta] hay người được sinh ra trong họ tộc khác nghe được Giáo Pháp đó. Khi nghe Giáo Pháp người đó đạt được niềm-tin vào Như Lai. Có được niềm-tin đó, người đó suy xét như vầy: 'Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được chà trắng. Hay ta cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Rồi sau đó, sau khi đã dẹp bỏ một gia sản nhỏ hay gia sản lớn, người đó đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

14. [2] "Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của những Tỳ kheo; (1) sau khi dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, hiền hậu, người đó sống tha thương bi-mẫn với tất cả chúng sinh. (2) Sau khi dẹp bỏ gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp (lấy những thứ không được cho); chỉ nhận lấy thứ được cho, chỉ trông chờ thứ được cho; bằng sự không gian-cắp người đó sống an trú trong sự trong-sạch (thanh bần, liêm khiết). (3) Sau khi dẹp bỏ việc dâm-dục (quan hệ tính dục), người đó giữ giới sống độc-thân, sống tách-ly, kiềm chế và không làm hành vi tính dục nào.

"(4) Sau khi dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; người đó chỉ nói sự thật, nói theo sự thật, (làm người) đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói hiểm-độc, người đó kiêng cữ sự nói lời hiểm-độc; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người khác, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người khác với người này; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó ưa thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, lễ độ, được số đông mong

muốn, và được số đông hài lòng. (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói như đáng nghe đáng nhớ, hợp lý, đúng mực, và có ích lợi.

"(8) Người đó kiêng cữ sự phá-hoại hạt giống và cây cối. Người đó chỉ ăn mỗi ngày một bữa, kiêng cữ sự ăn ban đêm hoặc ăn ngoài giờ thích hợp (phi thời). (9) Người đó kiêng cữ sự tham gia hoặc đi coi múa, hát, nhạc, kịch và những màn diễn không phù hợp. (10) Người đó kiêng cữ sự đeo vòng hoa, sự làm đẹp bản thân bằng dầu thơm nước hoa, sự tôn tạo mình bằng son phấn. (11) Người đó kiêng cữ sự dùng ghế ngồi và giường nằm cao và sang. (12) Người đó kiêng cữ sự nhận vàng bạc. Người đó kiêng cữ sự nhận gạo, đậu, ngũ cốc chưa được nấu chín. Người đó kiêng cữ sự nhận thịt sống. Người đó kiêng cữ sự nhận lấy phụ nữ và thiếu nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận người nô lệ phục dịch dù là nam hay nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận dê hay cừu. Người đó kiêng cữ sự nhận gà vịt (gia cầm) hay heo. Người đó kiêng cữ sự nhận voi, trâu, bò, ngựa hay ngựa cái (gia súc). Người đó kiêng cữ sự nhận ruộng đồng hay đất đai. (13) Người đó kiêng cữ sự làm những việc lặt vặt đây đó (không phải phận sự) hoặc đi báo tin cho người này người nọ (theo kiểu rảnh rang, ngoài phận sự). (14) Người đó kiêng cữ sự mua bán buôn bán. (15) Người đó kiêng cữ sự cân gian, đong lận, lừa lọc tiền bạc. (16) Người đó kiêng cữ sự chấp nhận tiền đút lót, sự lừa gạt, lừa đảo, và gian trá. (17) Người đó kiêng cữ sự làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành.

15. [3] "Người đó hài lòng với y-phục che thân, hài lòng với thức-ăn được cho (khất thực) để nuôi giữ bụng (khỏi đói yếu), và dù đi bất cứ đâu, người đó cũng chỉ có hai thứ đó mà thôi. *Giống như chim trời, dù bay đi đâu cũng chỉ mang theo hai cánh để bay; tương tự vậy, một Tỳ kheo Tỳ kheo biết hài lòng với y-phục để che thân và thức-ăn được cho để nuôi giữ bụng, và dù có đi tới đâu người đó cũng chỉ mang theo y-phục và bình-bát khất thực*. Sau khi có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh (giới hạnh) như

vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc phi tội lỗi (không bị chê trách).

16. [4] "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt.

"Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn tâm, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn tâm. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục).

17. [5] "Người đó trở thành người hành động với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới hoặc đang đi lại; người hành động với sự rõ-biết khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người hành động với sự rõ-biết khi đang co hoặc đang duỗi tay chân; người hành động với sự rõ-biết khi đang mặc y-phục hoặc khi đang mang cà sa và bình bát; người hành động với sự rõ-biết khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người hành động với sự rõ-biết khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người hành động với sự rõ-biết khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc khi đang im lặng.

18. [6] "Sau khi (i) có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh thánh thiện như vậy, và (ii) có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như

vậy, và (iii) có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết thánh thiện như vậy, người đó lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.

19. [7] "Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (*i*) sự ***thèm-muốn*** (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. "Sau khi đã dẹp bỏ (*ii*) sự ***ác-ý và sân-giận*** (sân), người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*iii*) ***sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*** (hôn trầm thụy miên), người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*iv*) sự ***bất-an và hối-tiếc*** (trạo cử hối quá), người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*v*) sự ***nghi-ngờ*** (nghi), người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

20. [8] "Sau khi đã dẹp bỏ ***năm chướng-ngại*** như vậy, đó là những ô-nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục-lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'.

21. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người

đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'.

22. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".'

23. (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'.

24. "(5) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*). Người đó (có thể) nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn ra, nhiều đại kiếp thế giới co lại và giãn ra: (người đó nhớ rõ): 'Một lúc đó mình được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của mình như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của mình như vậy, tuổi thọ của mình như vậy; và mình chết từ chỗ đó, mình tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục… mình được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của mình như kia, trải

nghiệm sướng và khổ của mình như kia, tuổi thọ của mình như kia; và mình chết từ chỗ kia đó, mình tái sinh vào chỗ nọ … và cuối cùng mình đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

25. (6) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (*thiên nhãn minh*). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó (có thể) nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó hiểu được cách những chúng sinh chết đi và chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy.

26. (7) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*). Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là:

‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt những ô-nhiễm’.

27. (8) “Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

28. “Này các Tỳ kheo, đây là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân mình cũng không hành xác chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng.”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

11. (MN 52) KINH NGƯỜI TỪ ATṬHAKANĀGARA

(*Aṭṭhakanāgara Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống ở chỗ Xóm Tre (Beluvagāmaka) gần Vesālī (Tỳ-xá-li).

2. Bấy giờ vào lúc đó có gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara (Bát thành) đã đến Pāṭaliputta (thành Ba-la-lị-phất) vì công việc hay lý do khác. Sau đó ông đã đến gặp một Tỳ kheo trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Kukkuṭa, và sau khi kính lễ vị Tỳ kheo, ông ngồi xuống một bên và hỏi vị Tỳ kheo đó: "Thưa thầy, ngài Ānanda hiện sống ở đâu? Tôi muốn gặp thầy Ānanda."

"Này gia chủ, thầy Ānanda đang sống ở Xóm Tre gần Vesālī."

3. Sau khi gia chủ Dasama đã làm xong công việc của mình ở Pāṭaliputta, ông đã đến gặp thầy Ānanda ở Xóm Tre gần Vesālī. Sau khi kính lễ thầy ấy, ông ngồi xuống một bên và hỏi thầy ấy:

"Thưa thầy Ānanda, có một điều (giáo lý, pháp tu) nào được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó?"[629]

"Có đó, này gia chủ, thực sự có một điều như vậy đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn."

"Cái gì là một điều đó, thưa thầy Ānanda?"

4. "Ở đây, này gia chủ: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm

với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định (jhāna) thứ nhất này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý (do tâm tư).[630] Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).[631] Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm bởi do sự tham-muốn Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó,[632] thì với sự (đã) tiêu hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) người đó sẽ trở thành bậc tái sinh một cách tự động [trong (một trong) năm Cõi Trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên, chỗ tái sinh của những bậc thánh Bất-lai)] và từ cõi đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (Bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây là một điều đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì cái tâm chưa được giải-thoát của người đó sẽ được giải-thoát, những ô-nhiễm (lậu hoặc) chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

5. "Lại nữa: (2) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ hai này là có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người

đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

6. "Lại nữa: (3) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ ba này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

7. "Lại nữa: (4) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng thiền định thứ tư này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

8. (5) "Lại nữa: (i) 'Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và

khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [phóng đại, khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm thông qua tâm-từ là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

9.–11. (6) "Lại nữa: (ii) Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (7) (iii) sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (8) (iv) sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Sự giải-thoát này của tâm thông qua tâm-bi … tâm-hỷ … tâm-xả là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người

đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

12. "Lại nữa, (9) 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ (cơ sở) của không gian vô biên].' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'không vô biên xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

13. "Lại nữa, (10) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người đó chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].' Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'thức vô biên xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người

đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó.

14. "Lại nữa, (11) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] 'không có gì', người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ). Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vầy: 'Tầng chứng đắc 'vô sở hữu xứ' này là có điều-kiện (hữu vi) và được tạo ra một cách cố-ý. Nhưng thứ gì có điều-kiện và được tạo ra một cách cố-ý đều là vô-thường, phải bị chấm-dứt.' Nếu người đó ổn định trong (sự hiểu biết) đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm … chứ không còn quay lại thế gian nữa.[633]

- "Đây cũng là một điều được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn … trong đó nếu một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … người đó đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc' mà người đó chưa đạt tới trước đó."

15. Sau khi thầy Ānanda đã nói xong, gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã thưa với thầy ấy:

"Thưa thầy Ānanda, giống như một người đang tìm cửa đi vào một kho báu được giấu kín cùng một lúc gặp được mười một cửa dẫn vào kho báu được giấu kín đó. Cũng giống như vậy, trong khi con đang tìm một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử, con đã cùng một lúc gặp được mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử.[634] Giống như một người có một ngôi nhà có mười một cửa và khi ngôi nhà bị hỏa hoạn người đó có thể thoát ra một cách an toàn thông qua bất kỳ cửa nào trong mười một cửa đó. Cũng giống như vậy, con có thể thoát khỏi một cách an toàn thông qua một trong mười một cánh cửa dẫn tới sự Bất-tử đó. Thưa thầy, những người theo giáo phái khác thậm chí còn tìm cách thu học phí cho sư thầy của họ; vậy tại sao con không cúng dường cho thầy Ānanda (vì sự chỉ dạy này của thầy)?"

16. Rồi gia chủ Dasama từ Aṭṭhakanāgara đã mời tựu Tăng đoàn những Tỳ kheo từ Pāṭaliputta và từ Vesālī, và đã tự tay mình phục vụ và làm vui

lòng những Tỳ kheo bằng nhiều loại món ăn ngon lành. Ông đã dâng tặng mỗi Tỳ kheo hai bộ cà sa và dâng tặng thầy Ānanda ba bộ, và ông đã cho xây một tịnh xá trị giá năm trăm[635] (cúng dường) cho thầy Ānanda.

12. (MN 53) KINH HỌC NHÂN

(*Sekha Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một hội trường mới vừa được xây xong dành cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu và nó chưa được trú ở bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn nào. Rồi những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, ở đây một hội trường mới vừa được xây xong dành cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu và nó chưa được trú ở bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi đức Thế Tôn sử dụng nó trước tiên, sau này những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó. Điều đó sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ."[636]

3. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi thấy đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải họ, họ ra về và đi tới hội trường mới đó. Họ trải kín hội trường bằng những tấm lót và chuẩn bị những chỗ ngồi, và họ đặt một bình nước lớn và treo một đèn dầu. Rồi họ đến gặp đức Thế Tôn và thưa: "Thưa Thế Tôn, hội trường đã được phủ kín bằng những tấm lót và những chỗ ngồi đã được chuẩn bị, một bình nước lớn đã được đặt và một đèn dầu đã được treo lên. Mong Thế Tôn tùy tiện đến."

4. Rồi đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến hội trường mới đó. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn đã rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống cạnh cây cột trung tâm, mặt nhìn hướng đông. Và những Tỳ kheo rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống gần bức tường phía tây, mặt nhìn hướng

đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ (tức ngồi sau lưng Phật). Và những người họ tộc Thích-Ca ở Kapilavatthu đã rửa chân và bước vào hội trường và ngồi xuống gần bức tường phía đông, mặt nhìn hướng tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ (tức ngồi hướng đối diện Phật).

5. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người họ Thích-Ca họ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp gần hết cả đêm, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Ānanda:

"Này Ānanda, hãy nói cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu về những người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao (bậc học nhân) là những người đã nhập vào (dòng thánh) đạo.[637] Lưng của ta đang đau. Ta sẽ cho nó nghỉ ngơi."

"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã gấp tư áo cà sa làm gối đầu và nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm, với chân trái đặt chồng lên chân phải, có chánh-niệm và hoàn toàn rõ-biết, sau khi đã để ý trong tâm về thời điểm thức dậy.

6. Rồi thầy Ānanda đã nói với ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca như vầy:

"Này chú Mahānāma, ở đây một đệ tử thánh thiện là có được giới-hạnh, phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), tiết độ trong ăn uống, và hết mình vì sự tỉnh-thức; người đó có được bảy phẩm-chất tốt; và người đó là người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].

7. (1) "Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện là có được giới-hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây là cách một một đệ tử thánh thiện là có được giới-hạnh.

8. (2) "Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận? Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng. Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt.

"Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục). Đây là cách một đệ tử thánh thiện phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

9. (3) "Và theo cách nào là một một đệ tử thánh thiện tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một đệ tử thánh thiện sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'

10. (4) "Và theo cách nào một một đệ tử thánh thiện là hết mình vì sự tỉnh-thức? Ở đây, trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, một đệ tử thánh thiện sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, người đó sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) người đó sẽ nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, người đó sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Đó là cách một một đệ tử thánh thiện là hết mình vì sự tỉnh-thức.

11. (5) "Và theo cách nào là một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm chất tốt? Ở đây, (i) một đệ tử thánh thiện có niềm-tin; người đó đặt niềm-tin vào sự sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn'

12. (ii) "Người đó có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó biết xấu-hổ về những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm; biết xấu-hổ về việc dính vào những việc làm xấu ác bất thiện.

13. (iii) "Người đó biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó biết sợ-hãi về những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm; biết sợ-hãi về việc dính vào những việc làm xấu ác bất thiện.[638]

14. (iv) "Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc

bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

15. (v) "Người đó nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và để đảm nhận những trạng thái thiện lành; người đó là ổn định, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ lảng việc tu dưỡng những trạng thái thiện lành.

16. (vi) "Người đó có sự chánh-niệm; người đó có được sự chánh-niệm và sự thiện-khéo cao nhất; người đó có thể nhớ và nhớ lại những điều mình đã làm hay đã nói từ lâu.[639]

17. (vii) "Người đó là có trí; có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi sinh và biến diệt, loại trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ.[640] Đó là cách một một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm-chất tốt.

18. (6) "Và theo cách nào một đệ tử thánh thiện là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này? Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), là trạng thái không còn sướng hay khổ và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời). Đó là cách một một đệ tử thánh thiện là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này.

19. "Khi một đệ tử thánh thiện như vậy đã trở thành một người (1) có

được giới-hạnh, (2) là người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), (3) là người tiết độ trong ăn uống, (4) là người hết mình vì sự tỉnh-thức; (5) là người đó có được bảy phẩm-chất tốt; (6) là người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, thì người đó được gọi là người đang trong sự tu-tập bạc cao [bậc học nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo. Những cái trứng của người đó không bị hư hỏng; người đó có khả năng phá vỡ (vỏ trứng, sự vô-minh) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc (vào sự hiện-hữu)'.

"Ví dụ có một con gà với tám, mười, hay mười hai trứng nó đã che, ấp, và nuôi dưỡng đúng cách.[641] Cho dù nó không ước: 'Ôi, mong những con gà con của ta sẽ dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn!' thì những con gà con cũng có khả năng dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn. Cũng giống như vậy, khi một đệ tử thánh thiện như vậy … thì người đó được gọi là người đang trong sự tu-tập bạc cao [bậc học-nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo. Những cái trứng của người đó không bị hư hỏng; người đó có khả năng phá vỡ (vỏ trứng, sự vô-minh) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc'.

20. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời) đó:[642] người đệ tử thánh thiện này có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (*túc mạng minh*) … [*giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 24*] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình với những phương diện và những đặc điểm của chúng. Đây là sự phá-vỡ đầu tiên giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.

21. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả đó: với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài (*thiên nhãn minh*), người đệ tử thánh thiện này có thể nhìn thấy những

chúng sinh chết đi và tái sinh (*thiên nhãn minh*) … [*giống đoạn này trong kinh MN 51 bên dưới, mục 25*] … người đó hiểu được cách được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy. Đây là sự phá-vỡ thứ hai giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.

22. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả đó: bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*). Đây là sự phá-vỡ thứ ba giống như những con gà con phá vỡ vỏ trứng để thoát ra.[643]

23. "Khi một đệ tử thánh thiện có được giới-hạnh, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó tiết độ trong ăn uống, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó hết mình vì sự tỉnh-thức, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó có được bảy phẩm-chất tốt, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó. Khi người đó là một người tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, điều đó là thuộc về phần đức-hạnh của người đó.[644]

24. "Khi người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (*túc mạng minh*) … với những phương diện và đặc điểm của chúng, điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực (minh, chân trí) của người đó. Khi, với mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*) … người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … người đó hiểu được cách được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy, điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực của người đó. Khi, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-

thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*), điều đó là thuộc về phần trí-biết đích thực của người đó.

25. "Người đệ tử thánh thiện như vậy được gọi là 'đã hoàn thiện về trí-biết đích thực, hoàn thiện về đức-hạnh, hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh'. Và đoạn thi kệ này đã được xướng lên bởi vị trời Brahmā Sanankumāra:

'Người họ tộc mà thánh thiện thì được coi là
Người tốt nhất trong những người của dòng dõi;
Nhưng bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người
Là bậc đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh.'

"Giờ đoạn thi kệ đã được Brahmā Sanankumāra xướng một cách hay khéo, không phải bị xướng dở tệ; nó có một ý nghĩa và không phải vô nghĩa; và nó đã được tán đồng bởi đức Thế Tôn."[645]

26. Rồi đức Thế Tôn đã ngồi dậy và nói với thầy Ānanda như vầy: "Tốt, tốt, này Ānanda! Thật tốt lành rằng thầy đã nói cho những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu về người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao [bậc học nhân] là người đã nhập vào (dòng thánh) đạo."

17. Đó là lời thầy Ānanda đã nói. Vị Sư Thầy đã tán đồng. Những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã hài lòng và vui mừng với lời giảng của thầy Ānanda.

13. (MN 54) KINH POTALIYA

(*Potaliya Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ dân Anguttarāpa trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Āpaṇa.

2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Āpaṇa để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thị trấn Āpaṇa, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã đến một khu vườn để an trú qua ngày. Sau khi đi vô khu vườn, đức Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây.

3. Gia chủ Potaliya, trong khi đang đi dạo mát, ăn mặc đầy đủ, dép quai sau và dù che nắng, cũng đi vô khu vườn đó, và sau khi đi vô khu vườn, ông đến chỗ đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: "Này gia chủ, có mấy chỗ ngồi, chú cứ ngồi nếu thích."

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Potaliya nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm mới gọi ta là 'gia chủ'" nên ông ta giận và bất đồng, nhưng ông vẫn im lặng.

Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với ông: "Này gia chủ, có mấy chỗ ngồi, chú cứ ngồi nếu thích." Và lần thứ hai gia chủ Potaliya nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi ta là 'gia chủ'" nên ông ta giận và bất đồng, nhưng ông vẫn im lặng.

Lần thứ ba đức Thế Tôn nói với ông: "Này gia chủ, có mấy chỗ ngồi, chú cứ ngồi nếu thích." Và lần thứ ba gia chủ Potaliya nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi ta là 'gia chủ'" nên ông ta giận và bất đồng, ông nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, điều đó không phù hợp và không đúng cách nếu thầy gọi tôi là 'gia chủ'."

"Này gia chủ, chú có những phương diện, những hình tướng, và những dấu hiệu của một gia chủ."

"Cho dù vậy, này Thầy Cồ-đàm, nhưng tôi đã từ bỏ tất cả mọi công việc và đã cắt bỏ mọi sự việc ở đời."

"Này gia chủ, theo cách nào là chú đã từ bỏ tất cả mọi công việc và đã cắt bỏ mọi sự việc ở đời?"

"Thầy Cồ-Đàm, tôi đã cho đi mọi của cải, lúa gạo, vàng, bạc cho con cái kế thừa. Tôi không còn khuyên dạy hay trách rầy chúng về những vấn đề như vậy, tôi chỉ sống cần có thức ăn và quần áo mà thôi. Đó là cách tôi đã từ bỏ tất cả mọi công việc và đã cắt bỏ mọi sự đời."

"Này gia chủ, 'sự cắt bỏ mọi sự đời' (sự dứt bỏ, lìa bỏ mọi sự việc thế gian) như chú mới mô tả là một chuyện, nhưng theo Giới Luật của Thánh Nhân thì 'sự cắt bỏ mọi sự đời' là chuyện khác."

"Thưa thầy, cái gì là 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân? Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp, chỉ cho tôi 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân là gì."

"Vậy thì, này gia chủ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói".

"Dạ, thưa thầy", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. "Này gia chủ, theo Giới Luật của Thánh Nhân có tám điều dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời'. Tám đó là gì? Với chỗ dựa là sự không sát-sinh, sự sát-sinh sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không gian-cắp, sự gian-cắp sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự nói-thật nói đúng, sự nói-dối nói láo sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự nói lời không hiểm-độc ma mãnh, sự nói lời hiểm-độc ma mãnh sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không ham muốn và không tham lam,[646] sự ham muốn và sự tham lam sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không lăng mạ và không chửi mắng, sự lăng mạ và chửi mắng sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không sân giận và không bực bội, sự sân giận và bực bội sẽ được dẹp bỏ. Với chỗ dựa là sự không

kiêu ngạo, sự kiêu ngạo sẽ được dẹp bỏ. Đây là tám điều theo Giới Luật của Thánh Nhân, được nói ra ngắn gọn chứ không được giảng giải chi tiết, sẽ dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời'."

5. "Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu, vì lòng bi-mẫn, nếu đức Thế Tôn giảng giải chi tiết cho tôi về tám điều theo Giới Luật của Thánh Nhân để dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời' mới được đức Thế Tôn nói ra ngắn gọn mà không giảng giải chi tiết."

"Vậy thì, này gia chủ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"

"Dạ, thưa thầy", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

6. (1) "'Với chỗ dựa là sự không sát-sinh, sự sát-sinh sẽ được dẹp bỏ.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Ở đây, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Tôi đang thực hành cách để dẫn tới sự dẹp bỏ và cắt bỏ những gông-cùm mà do chúng (nên) tôi có thể dính vào sự sát-sinh. Nếu tôi sát-sinh, tôi sẽ khiển trách mình vì đã làm vậy; người hiền trí, sau khi đã tìm hiểu được, sẽ chỉ trích tôi vì đã làm vậy; và khi thân tan rã, sau khi chết, do sát-sinh nên bị tái sinh trong một nơi-đến bất hạnh. Nhưng chính bản thân sự sát-sinh này là một gông-cùm và một chướng-ngại.[647] Và những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não có thể khởi sinh do sát-sinh, nhưng những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não không khởi sinh nhờ kiêng cữ sát-sinh.' Do chiếu theo điều như vậy nên đã nói: 'Với chỗ dựa là sự không sát-sinh, sự sát-sinh sẽ được dẹp bỏ.'

7. (2) "'Với chỗ dựa là sự không gian-cắp, sự gian-cắp sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

8. (3) "'Với chỗ dựa là sự nói-thật nói đúng, sự nói-dối nói láo sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

9. (4) "'Với chỗ dựa là sự nói lời không hiểm-độc ma mãnh, sự nói lời hiểm-độc ma mãnh sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

10. (5) "'Với chỗ dựa là sự không ham muốn và không tham lam, sự ham muốn và tham lam sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

11. (6) "'Với chỗ dựa là sự không lăng mạ và không chửi mắng, sự lăng mạ và chửi mắng sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

12. (7) "'Với chỗ dựa là sự không sân giận và không bực bội, sự sân giận và bực bội sẽ được dẹp bỏ.' Điều này đã được nói như vậy …

13. (8) "'Với chỗ dựa là sự không kiêu ngạo, sự kiêu ngạo sẽ được dẹp bỏ.' Điều này được nói như vậy. Và chiếu theo cái gì nên điều này được nói như vậy? Ở đây, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Tôi đang thực hành cách để dẫn tới sự dẹp bỏ và cắt bỏ những gông-cùm mà do chúng (nên) tôi có thể dính vào sự kiêu-ngạo. Nếu tôi kiêu-ngạo, tôi sẽ khiển trách mình vì đã làm vậy; người hiền trí, sau khi đã tìm hiểu được, sẽ chỉ trích tôi vì đã làm vậy; và khi thân tan rã, sau khi chết, do sự kiêu-ngạo nên bị tái sinh trong một nơi-đến bất hạnh. Nhưng chính bản thân sự kiêu-ngạo này là một gông-cùm và một chướng-ngại. Và những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não có thể khởi sinh do sự kiêu-ngạo, nhưng những ô-nhiễm, sự phiền-khổ, và sự sốt-não không khởi sinh nhờ kiêng cữ sự kiêu-ngạo.' Do chiếu theo điều như vậy nên đã nói: 'Với chỗ dựa là sự không kiêu-ngạo, sự kiêu-ngạo sẽ được dẹp bỏ.'[648]

14. "Tám điều này theo Giới Luật của Thánh Nhân sẽ dẫn tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời' giờ đã được đức Thế Tôn giảng giải chi tiết. Nhưng 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân vẫn chưa được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt."

"Thưa thầy, theo cách nào là 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt? Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp, chỉ cho tôi cách mà 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt."

"Này gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"

"Dạ, thưa thầy", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

15. "Này gia chủ, ví dụ một con chó, bị đói và yếu, đang đứng chực ở hàng bán thịt.[649] Rồi người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] có thể quăng cho con chó một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Liệu con chó đó có được hết đói và yếu với một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu, hay không?"

"Không, thưa thầy. Vì sao? Vì đó chỉ là một khúc xương không, đã lạng sạch, không có thịt, chỉ còn vết máu. Cuối cùng con chó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một khúc xương; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó tránh bỏ sự buông-xả bị phân tán (của tâm), dựa trên sự phân tán, và tu tập sự buông-xả được hợp nhất (của tâm), dựa trên sự hợp nhất,[650] ở đó sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

16. "Này gia chủ, ví dụ một con kền kền (linh thứu), một con diệc, hay một con diều hâu gắp một miếng thịt và bay đi, rồi những con còn lại sẽ đuổi theo nó, (dùng mỏ) cắn mổ nó và (dùng móng vuốt) cào bấu nó. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu con linh thứu, hay con diệc, hay con diều hâu đó không mau lẹ buông bỏ miếng thịt đó, thì nó có thể bị (tấn công) chết hay bị đau khổ như chết vì miếng thịt đó phải không?"

"Đúng vậy, thưa thầy"

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví

như một miếng thịt; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

17. "Này gia chủ, ví dụ một người cầm một ngọn đuốc làm bằng cỏ khô đang cháy và đi ngược gió. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người đó không mau lẹ buông bỏ ngọn đuốc làm bằng cỏ khô đang cháy đó, ngọn đuốc sẽ đốt cháy bàn tay hay cánh tay hay những chỗ khác trên thân người đó, thì có thể bị chết hay bị đau khổ như chết vì ngọn đuốc đó phải không?"

"Đúng vậy, thưa thầy"

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một ngọn đuốc đang cháy (ngược gió); chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

18. "Này gia chủ, ví dụ có một hố than sâu hơn chiều cao con người chứa đầy than đang cháy, nhưng không có lửa ngọn hay khói. Rồi một người đến đó, là người muốn sống và không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ, rồi có hai lực sĩ nắm chặt hai tay anh ta và lôi anh ta đến chỗ hố than. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Thì người đó có sẽ cố giằng co kháng cự đủ kiểu (để thoát khỏi) phải không?"

"Dạ đúng, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì anh ta biết nếu mình bị đẩy xuống hố than thì anh ta có thể sẽ chết hay đau khổ như chết vì hố than đó."

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một hố than đang cháy; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

19. "Này gia chủ, ví dụ một người nằm mơ thấy những khu vườn rất đẹp, những khu rừng rất đẹp, những đồng cỏ rất đẹp, và những hồ nước rất đẹp, rồi tới khi thức dậy anh ta thấy chẳng có gì cả. Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như một giấc mơ; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

20. "Này gia chủ, ví dụ một người vay mượn những đồ đạc—như một chiếc xe rất đẹp và những thứ vòng vàng trang sức—rồi anh ta đi tới chợ, những chủ nhân của những thứ mà anh ta vay mượn cũng đến đó. Rồi mọi người nhìn thấy anh ta, họ nói: "Này ông bà, đó là một người giàu có! Đó là cách những người giàu có thụ hưởng sự giàu có của họ!' Rồi những chủ nhân khi thấy anh ta liền lấy lại những thứ của họ. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Điều đó dư đủ làm cho anh ta trở nên chán nản phải không?"

"Đúng vậy, thưa thầy. Vì sao? Bởi vì những chủ nhân sẽ lấy lại những thứ đó của họ."

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như những thứ vay mượn tạm bợ; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy

bằng trí-tuệ chánh đúng … sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

21. "Này gia chủ, ví dụ có một vườn cây rậm rạp không xa làng mạc hay phố thị, trong đó có một cây sai trái trĩu quả nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Rồi một người đến đó đang cần trái cây, đang tìm kiếm trái cây, đang đi tìm trái cây, và người đó đi vô khu vườn đó và nhìn thấy cái cây sai trái đó. Ngay đó anh ta nghĩ: 'Cây này sai trái nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Ta biết cách trèo cây, vậy ta sẽ trèo lên cây này, ăn nhiều trái cây cho thỏa thích, và lấy bỏ đầy bao mang về.' Và anh ta làm vậy. Rồi một người thứ hai đến đó … (*tương tự người thứ nhất*) … Ngay đó anh ta nghĩ: 'Cây này sai trái nhưng không có trái nào đã rụng xuống đất. Ta không biết cách trèo cây, vậy ta sẽ chặt gốc cây này, ăn nhiều trái cây cho thỏa thích, và lấy bỏ đầy bao mang về.' Và anh ta làm vậy. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người thứ nhất đã trèo lên cây mà không mau lẹ trèo xuống, khi cây ngã anh ta sẽ bị gảy tay hay gảy chân hay bị chỗ khác trên thân, thì do vậy có thể bị chết hay đau khổ như chết phải không?"

"Đúng vậy, thưa thầy".

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện biết suy xét như vầy: 'Những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được đức Thế Tôn ví như những trái cây trên cây cao; chúng mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, trong khi sự nguy-hại trong chúng là phần lớn.' Sau khi đã nhìn thấy điều này đúng như nó thực là như vậy bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó tránh bỏ sự buông-xả bị phân tán (của tâm), dựa trên sự phân tán, và tu tập sự buông-xả được hợp nhất (của tâm), dựa trên sự hợp nhất, ở đó sự dính-chấp theo những thứ vật chất trong thế gian hoàn toàn chấm dứt sạch sẽ.

22. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất đó được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả (tuyệt vời) (của Tứ thiền), người đệ tử thánh thiện này (có thể) nhớ lại nhiều cõi kiếp trong quá khứ của mình (*túc mạng*

minh), đó là, một lần sinh, hai lần sinh … [*Giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 24*] … Như vậy người đó đã nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình với những phương diện và những đặc điểm của chúng.

23. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất đó được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả, người đệ tử thánh thiện này (có thể) nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … [*Giống đoạn này trong kinh MN 51, mục 25*] … người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy. (*thiên nhãn minh*)

24. "Dựa trên chính sự chánh-niệm cao nhất đó được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đệ tử thánh thiện này đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*).

25. "Đến lúc này, này gia chủ, 'sự cắt bỏ mọi sự đời' theo Giới Luật của Thánh Nhân đã được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt. Chú nghĩ sao, này gia chủ? Chú có nhìn thấy bên trong chú có 'sự cắt bỏ mọi sự đời' đúng theo Giới Luật của Thánh Nhân khi nó đã được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt như vậy hay không?"

"Thưa thầy, tôi là ai mà có được 'sự cắt bỏ mọi sự đời' hoàn toàn và tất cả mọi mặt đúng như sự đó theo Giới Luật của Thánh Nhân? Thật tình, thưa thầy, tôi còn xa để với tới 'sự cắt bỏ mọi sự đời' như vậy theo Giới Luật của Thánh Nhân khi nó được thành tựu hoàn toàn và tất cả mọi mặt. Bởi vì, thưa thầy, mặc dù những du sĩ các giáo phái khác không phải là những người thuần chủng, chúng tôi đã tưởng họ là những người thuần chủng;[651] cho dù họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi đã cấp dưỡng cho họ bằng những thức ăn của những người thuần chủng; cho dù họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi đã đặt họ ở chỗ của những người thuần chủng. Nhưng cho dù những Tỳ kheo là những

người thuần chủng, chúng tôi đã tưởng họ không phải là những người thuần chủng; cho dù họ là những người thuần chủng, chúng tôi đã cấp dưỡng cho họ thức ăn của những người không thuần chủng; cho dù họ là những người thuần chủng, chúng tôi đã đặt họ ở chỗ những người không thuần chủng. Nhưng từ giờ, thưa thầy, vì những du sĩ các giáo phái khác không phải là những người thuần chủng, chúng tôi hiểu rằng họ không phải là những người thuần chủng; vì họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi sẽ cấp dưỡng cho họ những thức ăn của những người không thuần chủng; vì họ không phải là những người thuần chủng, chúng tôi sẽ đặt họ ở chỗ của những người không thuần chủng. Thưa thầy, đức Thế Tôn đã khích lệ trong tôi tình thương-mến dành cho những sa-môn, niềm-tin dành cho những sa-môn, sự tôn-kính dành cho những sa-môn.

26. "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

14. (MN 55) KINH JĪVAKA

(*Jīvaka Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của anh Jīvaka Komārabhacca.[652]

2. Rồi anh Jīvaka Komārabhacca đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, anh ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

3. "Thưa Thế Tôn, con nghe điều này: 'Họ giết sinh vật vì sa-môn Cồ-đàm; sa-môn Cồ-đàm biết và ăn thịt (họ nấu) cho ông ta từ những con vật bị giết vì ông ta.' Thưa Thế Tôn, những người nói như vậy có phải là nói điều được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những điều trái với sự thật? Có phải họ đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán?"

4. "Này Jīvaka, những ai nói như vậy là không nói đúng điều được nói bởi ta, mà diễn dịch sai lời của ta bằng điều không đúng và trái với sự thật.

5. "Này Jīvaka, ta nói rằng có ba trường hợp thịt không được ăn: khi đã thấy, đã nghe, hoặc đã nghi ngờ [rằng con vật đã bị giết thịt vì mình]. Ta nói rằng thịt không được ăn trong ba trường hợp này. Ta nói rằng có ba trường hợp thịt có thể được ăn: khi không thấy, không nghe, và không nghi ngờ [con vật đã bị giết thịt vì mình]. Ta nói rằng thịt có thể được ăn trong ba trường hợp này.[653]

6. "Ở đây, này Jīvaka, có Tỳ kheo sống nương nhờ vào làng xóm hay thị trấn. Người đó (sống) an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn

hung-dữ, không còn ác-ý. Rồi một gia chủ [hay con trai ông ta] đến gặp và mời Tỳ kheo đó đến dùng bữa cơm ngày mai. Tỳ kheo đó sẽ nhận lời nếu thầy đó thích. Khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của gia chủ đó và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ đã phục vụ thầy đó bằng thức ăn cúng dường. Thầy đó không nghĩ: 'Thật tốt rằng gia chủ đã phục vụ mình với thức ăn ngon! Phải chi sau này gia chủ cũng phục vụ mình với thức ăn ngon như vậy!' Thầy đó không nghĩ như vậy. Thầy đó ăn thức ăn cúng dường mà không bị trói buộc vào nó, không say mê với nó, và hoàn toàn không dính vào nó, nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Anh nghĩ sao, này Jīvaka? Vậy có phải Tỳ kheo đó chọn lấy sự khổ đau cho mình, hay cho người khác, hay cho cả mình và cho người?"—"Không phải, thưa Thế Tôn."—"Vậy có phải lúc đó Tỳ kheo đó duy trì (nuôi) bản thân bằng thức ăn phi tội lỗi?"

7. "Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, con đã nghe điều này: 'Trời Brahmā an trú trong tâm-từ'. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là chứng nhân nhìn thấy được (nhân chứng sống) của con đối với điều đó; vì đức Thế Tôn an trú trong tâm-từ."

"Này Jīvaka, mọi sự tham, sân, si (vì nó) làm khởi sinh sự ác-ý thì đã bị trừ bỏ bởi Như Lai, đã bị cắt bỏ nó tận gốc, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai.[654] Nếu lời anh nói là theo nghĩa đó, thì ta đồng ý với anh."

"Thưa Thế Tôn, lời con nói chính xác là theo nghĩa đó."

8.–10. "Ở đây, này Jīvaka, một Tỳ kheo sống nương nhờ vào làng xóm hay thị trấn. Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao

la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Rồi một gia chủ [hay con trai ông ta] đến gặp và mời Tỳ kheo đó đến dùng bữa cơm ngày mai. Tỳ kheo đó sẽ nhận lời nếu thầy đó thích … Vậy có phải Tỳ kheo đó chọn lấy sự khổ đau cho mình, hay cho người khác, hay cho cả mình và cho người?"—"Không phải, thưa Thế Tôn."—"Vậy có phải lúc đó Tỳ kheo đó duy trì bản thân bằng thức ăn phi tội lỗi?"

11. "Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, con đã nghe điều này: 'Trời Brahmā an trú trong tâm-từ'. Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là chứng nhân nhìn thấy được của con đối với điều đó; vì đức Thế Tôn an trú trong tâm-từ."

"Này Jīvaka, mọi sự tham, sân, si (vì nó) làm khởi sinh sự hung-dữ hay sự bất-mãn hay sân thì đã bị trừ bỏ bởi Như Lai rồi, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai.[655] Nếu lời anh nói là theo nghĩa đó, thì ta đồng ý với anh."

"Thưa Thế Tôn, lời con nói chính xác là theo nghĩa đó."

12. "Nếu ai giết hại một sinh vật vì Như Lai hay đệ tử của Như Lai, thì người đó đã tạo nhiều thất-phước trong năm trường hợp. (i) Khi người đó nói: 'Hãy bắt sinh vật đó', đây là trường hợp thứ nhất người đó tạo nhiều thất-phước. (ii) Khi sinh vật đó nếm trải sự khổ đau và đau buồn khi bị dắt đi bởi dây thắt cổ, đây là trường hợp thứ hai người đó tạo nhiều thất-phước. (iii) Khi người đó nói: "Hãy giết sinh vật đó", đây là trường hợp thứ ba người đó tạo nhiều thất-phước. (iv) Khi sinh vật đó đang nếm trả sự đau đớn và đau buồn khi đang bị giết, đây là trường hợp thứ tư người đó tạo nhiều thất-phước. (v) Khi người đó dùng (nấu, cúng) thứ thịt không được phép cúng đó cho Như Lai hay đệ tử của Như Lai, đây là trường hợp thứ năm người đó tạo nhiều thất-phước. Ai giết thịt một sinh vật vì Như Lai hay đệ tử của Như Lai thì tạo nhiều thất-phước trong năm trường hợp đó."

13. Sau khi điều này được nói ra, anh Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn!

Những Tỳ kheo duy trì bản thân bằng thức ăn được phép ăn. Những Tỳ kheo duy trì bản thân bằng thức ăn không tội lỗi. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! … Từ hôm nay kính mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."[656]

15. (MN 56) KINH UPĀLI

(*Upāli Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nāḷandā trong khu Vườn Xoài của (gia chủ) Pāvārika.

2. Bấy giờ, vào lúc đó Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta đang ở Nāḷandā cùng với một đoàn lớn những người Ni-kiền-tử. Rồi, khi Ni-kiền-tử tên Dīgha Tapassī[657] đã đi quanh khất thực ở Nāḷandā và sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ông ta đến khu Vườn Xoài của Pāvārika để gặp đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên. Khi ông đứng đó, đức Thế Tôn đã nói với ông: "Có mấy chỗ ngồi, này ông Tapassī, hãy ngồi xuống nếu ông thích."

3. Sau khi điều này được nói ra, ông Dīgha Tapassī đã chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với ông: "Này Tapassī, có bao nhiêu loại nghiệp mà ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã mô tả cho sự thực hiện nghiệp [hành động] xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp [hành động] xấu ác?"

"Này bạn Cồ-đàm, Ni-kiền-tử Nātaputta không quen dùng chữ 'nghiệp, nghiệp' để mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác; Ni-kiền-tử Nātaputta chỉ quen dùng chữ 'gậy, gậy' để mô tả."[658]

"Vậy thì, này Tapassī, có bao nhiêu loại gậy mà ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác?"

"Này bạn Cồ-đàm, Ni-kiền-tử Nātaputta đã mô tả ba loại gậy cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác; đó là, gậy thân, gậy lời-nói, và gậy tâm."[659]

"Vậy thì, này Tapassī, gậy thân là một thứ, gậy lời-nói là thứ khác, và gậy tâm là thứ khác nữa, phải không?"

"Này bạn Cồ-đàm, gậy thân là một thứ, gậy lời-nói là thứ khác, và gậy tâm là thứ khác nữa."

"Trong ba loại gậy, này Tapassī, như đã được phân tích và phân biệt, loại gậy nào ông Ni-kiền-tử Nātaputta mô tả là đáng trách [đáng quở, đáng chê] nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác: gậy thân, hay gậy lời-nói, hay gậy tâm?"

"Này bạn Cồ-đàm, trong ba loại gậy, như đã được phân tích và phân biệt, Ni-kiền-tử Nātaputta mô tả gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy."

"Này Tapassī, ông nói là gậy thân à?"

"Tôi nói gậy thân, này bạn Cồ-đàm"

"Này Tapassī, ông nói là gậy thân à?"

"Tôi nói gậy thân, này bạn Cồ-đàm"

"Này Tapassī, ông nói là gậy thân à?"

"Tôi nói gậy thân, này bạn Cồ-đàm"

Vậy đó, đức Thế Tôn đã làm cho Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī bảo lưu câu nói đến lần thứ ba.

4. Rồi Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã hỏi đức Thế Tôn: "Còn ông, này bạn Cồ-đàm, có bao nhiêu loại gậy mà ông đã mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác?"

"Này Tapassī, Như Lai không quen dùng chữ 'gậy, gậy' để mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác. Như Lai chỉ quen dùng chữ 'nghiệp, nghiệp' để mô tả."

"Nhưng, này bạn Cồ-đàm, có bao nhiêu nghiệp ông mô tả cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác?"

"Này Tapassī, ta mô tả ba loại nghiệp cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác: đó là, nghiệp thân (thân nghiệp), nghiệp lời-nói (khẩu nghiệp), và nghiệp tâm (tâm nghiệp)."

"Vậy thì, này bạn Cồ-đàm, nghiệp thân là một thứ, nghiệp lời-nói là thứ khác, và nghiệp tâm là thứ khác nữa, phải không?"

"Này Tapassī, nghiệp thân là một thứ, nghiệp lời-nói là thứ khác, và nghiệp tâm là thứ khác nữa."

"Trong ba loại nghiệp, này bạn Cồ-đàm, như đã được phân tích và phân biệt, loại nghiệp nào ông mô tả là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác: nghiệp thân, hay nghiệp lời-nói, hay nghiệp tâm?"

"Này bạn Tapassī, trong ba loại nghiệp, như đã được phân tích và phân biệt, Như Lai mô tả nghiệp tâm là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn nghiệp thân và nghiệp lời-nói thì không đến nỗi như vậy."[660]

"Này bạn Cồ-đàm, ông nói là nghiệp tâm à?"

"Ta nói nghiệp tâm, này Tapassī"

"Này bạn Cồ-đàm, ông nói là nghiệp tâm à?"

"Ta nói nghiệp tâm, này Tapassī"

"Này bạn Cồ-đàm, ông nói là nghiệp tâm à?"

"Ta nói nghiệp tâm, này Tapassī"

Vậy đó, Ni-kiền-tử đã làm cho đức Thế Tôn bảo lưu câu nói đến lần thứ ba, sau đó ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về và đi đến chỗ ông Ni-kiền-tử Nātaputta (là giáo chủ của ông ta).

5. Bấy giờ, vào lúc đó ông Ni-kiền-tử Nātaputta đang ngồi với một hội chúng lớn những người tại gia đến từ Bālaka được dẫn đầu bởi gia chủ Upāli. Ni-kiền-tử Nātaputta nhìn thấy Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đang đến

từ xa, và hỏi ông ta: "Ông từ chỗ nào đến đây vào lúc giữa trưa vậy, này Tapassī?"

"Tôi đến từ chỗ có mặt sa-môn Cồ-đàm, thưa ngài."

"Ông có nói chuyện qua lại với sa-môn Cồ-đàm phải không, này Tapassī?"

"Tôi có nói chuyện qua lại với sa-môn Cồ-đàm, thưa ngài."

"Chuyện ông nói với ông ấy là gì, này Tapassī?"

Rồi Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã kể lại cho Ni-kiền-tử Nātaputta toàn bộ câu chuyện mà ông đã nói với đức Thế Tôn.

6. Sau khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta đã nói với ông: "Tốt, tốt, này Tapassī! Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã trả lời sa-môn Cồ-đàm như một đệ tử đã được chỉ dạy bài bản, như người hiểu được giáo lý của người thầy một cách đúng đắn. Cái gậy tâm nhỏ nhặt đó thì sánh được gì với cái gậy thân thô thiển? Ngược lại thì có, gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy."

7. Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Upāli đã nói với Ni-kiền-tử Nātaputta: "Tốt, tốt, thưa ngài, [về phần của ngài] Dīgha Tapassī! Ngài Tapassī đã trả lời sa-môn Cồ-đàm như một đệ tử đã được chỉ dạy bài bản, như người hiểu được giáo lý của người thầy một cách đúng đắn. Cái gậy tâm nhỏ nhặt đó thì sánh được gì với cái gậy thân thô thiển? Ngược lại thì có, gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy. Giờ thì, thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm dựa trên cơ sở lời tuyên bố này (của ngài). Nếu sa-môn Cồ-đàm cứ khăng khăng bảo lưu điều mà ngài Dīgha Tapassī đã làm ông ta đã bảo lưu (ba lần) như vậy: thì giống như một người khỏe mạnh có thể túm lấy lông con cừu có lông dài và lôi tới, lôi lui và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống

như một thợ nấu rượu khỏe mạnh quăng một cái sàng hèm to vào trong bể nước, và túm lấy góc của nó và lôi tới, lôi lui, và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ trộn hèm nấu rượu túm lấy góc một cái rỗ lọc và xốc xuống, xốc lên và xốc ngược nó lên; cũng như vậy, cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ xốc xuống, xốc lên và xốc ngược ông ta. Và giống như một con voi sáu mươi tuổi nhảy ào xuống ao sâu và nghịch chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu dưới đó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu với sa-môn Cồ-đàm.[661] Thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm dựa trên cơ sở lời tuyên bố này (của ngài)."

"Này gia chủ, hãy đến và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm dựa trên cơ sở lời tuyên bố này (của tôi). Vì hoặc là tôi hoặc Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī hoặc ông nên đến đó để bác bỏ giáo thuyết đó của sa-môn Cồ-đàm."

8. Sau khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã nói với Ni-kiền-tử Nātaputta: "Thưa ngài, tôi không đồng ý rằng gia chủ Upāli nên [cố gắng] bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật, là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác."

"Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli. Này gia chủ, cứ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì hoặc là tôi hoặc Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī hoặc ông nên đến đó để bác bỏ giáo thuyết đó của sa-môn Cồ-đàm."

Lần thứ hai … Lần thứ ba, Ni-kiền-tử Tapassī đã nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta … (*y như trên và giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta vẫn nói lại như trên*) … Này gia chủ, cứ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm.

Vì hoặc là tôi hoặc Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī hoặc ông nên đến đó để bác bỏ giáo thuyết đó của sa-môn Cồ-đàm."

9. "Dạ, thưa ngài", gia chủ Upāli đáp lại, và ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sau khi kính lễ Ni-kiền-tử Nātaputta, giữ Nātaputta ở phía bên phải, ông ta đi ra, và đi đến chỗ đức Thế Tôn ở khu Vườn Xoài. Đến nơi, sau khi lễ chào đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn: "Thưa ngài, có phải ngài Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã đến đây?"

"Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã đến đây, này gia chủ."

"Thưa ngài, ngài có cuộc nói chuyện qua lại với ngài ấy?"

"Ta có cuộc nói chuyện qua lại với ông ấy, này gia chủ."

"Chuyện ông nói với ông ấy là gì, thưa ngài?"

Đức Thế Tôn đã kể lại cho gia chủ Upāli toàn bộ cuộc nói chuyện với Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī.

10. Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Upāli đã nói với đức Thế Tôn: "Tốt, tốt, thưa ngài, [về phần của] Dīgha Tapassī! Ngài Tapassī đã trả lời sa-môn Cồ-đàm như một đệ tử đã được chỉ dạy bài bản, như người hiểu được giáo lý của người thầy một cách đúng đắn. Cái gậy tâm nhỏ nhặt đó thì sánh được gì với cái gậy thân thô thiển? Ngược lại thì có, gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm thì không đến nỗi như vậy."

"Này gia chủ, nếu ông tranh luận dựa trên sự thật, thì chúng ta sẽ nói chuyện ít nhiều về điều này."

"Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật, thưa ngài, vậy chúng ta hãy đối thoại ít nhiều về điều này."

11. [1] "Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ở đây, ví dụ khi ông Ni-kiền-tử Nigaṇṭha bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu gần như chết [bởi một căn bệnh cần phải trị nó bằng nước lạnh mà ông ta đã thề không uống] và có thể ông ta từ chối uống nước lạnh [mặc dù trong tâm rất muốn uống nó] và

chỉ uống nước nóng [được phép uống, và giữ đúng lời thề tránh nước lạnh bằng thân và lời-nói]. Do ông ta không chịu uống nước lạnh nên ông ta có thể chết. Vậy, này gia chủ, ông Ni-kiền-tử Nātaputta sẽ mô tả sự tái sinh của ông ta [xảy ra] ở đâu?"

"Thưa ngài, có (cõi trời của) những thiên thần được gọi là 'dính-tâm'; ngài ấy sẽ tái sinh vào chỗ đó. Vì sao? Bởi vì khi ngài ấy chết ngài ấy vẫn còn dính [trói buộc] trong tâm."[662]

"Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: 'Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật, thưa ngài, vậy chúng ta hãy đối thoại ít nhiều về điều này.'"

"Thưa ngài, mặc dù đức Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm không đến nỗi như vậy."[663]

12. [2] "Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ở đây có Ni-kiền-tử có thể được kiềm chế bởi bốn sự kiềm chế—được kiềm chế đối với tất cả nước, hết mình vì sự kiềm chế đối với tất cả điều ác, giũ bỏ tất cả điều ác, được bao trùm (thấm đẫm) bởi sự giũ bỏ tất cả điều ác[664]—nhưng rồi, khi đi lại tới lui người đó có thể vô tình làm hại hay gây chết những sinh vật bé tí. Trong trường hợp như vậy ông Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố quả là gì đối với người đó?"

"Thưa ngài, ngài Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố những việc không cố-ý là không đáng trách (không xấu ác, không tội lỗi)."

"Nhưng, này gia chủ, nếu một người cố-ý làm việc đó?"

"Thì việc đó là rất đáng trách, thưa ngài."

"Nhưng ông Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố sự cố-ý là thuộc phần [gậy] nào trong [ba gậy] đó?"

"Thuộc gậy tâm, thưa ngài."[665]

"Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! "Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: 'Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật …'"

"Thưa ngài, mặc dù đức Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm không đến nỗi như vậy."

13. [3] "Ông nghĩ sao, này gia chủ? Thị trấn Nāḷandā là thành công và phát đạt phải không, nó nhiều dân và đông đúc phải không?"

"Đúng vậy, thưa ngài."

"Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ví dụ một người đến đây vung kiếm và nói như vầy: 'Trong một phút, trong một giây, tôi sẽ làm tất cả mọi chúng sinh trong thị trấn Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một núi thịt.' Ông nghĩ sao, này gia chủ, liệu người đó có làm được vậy không?"

"Thưa ngài, dù có mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, thậm chí năm mươi người cũng không thể làm tất cả mọi chúng sinh trong thị trấn Nāḷandā này thành một đống thịt, thành một núi thịt trong một giây hay một phút, chỉ một mình kẻ nhỏ nhặt đó thì làm được gì?"

"Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ví dụ có sa-môn hay bà-la-môn nào đến đây đã có được năng-lực tâm linh [thần thông] và đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, và nói như vầy: 'Tôi sẽ biến thị trấn Nāḷandā này thành tro tàn bằng một hành-động thù ghét của tâm.' Ông nghĩ sao, này gia chủ, liệu sa-môn hay bà-la-môn đó có thể làm được vậy không?"

"Thưa ngài, một sa-môn hay bà-la-môn như vậy đã có được năng-lực tâm linh và đã đạt được sự làm-chủ cái tâm thì có khả năng biến tới mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, thậm chí năm mươi cái thị trấn Nāḷandā

thành tro tàn bằng một hành-động thù ghét của tâm, chỉ một thị trấn Nāḷandā nhỏ nhặt này thì tính làm gì?"

"Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: 'Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật …'"

"Thưa ngài, mặc dù đức Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng gậy thân là đáng trách nhất cho sự thực hiện nghiệp xấu ác, cho sự phạm vào nghiệp xấu ác, còn gậy lời-nói và gậy tâm không đến nỗi như vậy."

14. [4] "Ông nghĩ sao, này gia chủ? Ông đã từng nghe những khu rừng Daṇḍaka, rừng Kālinga, rừng Mejjha, và rừng Mātanga trở thành rừng theo cách nào không?"[666]—"Có, thưa ngài."—"Nếu ông đã từng nghe, vậy những khu rừng trở thành rừng theo cách nào?"—"Thưa ngài, tôi nghe rằng chúng trở thành rừng bởi phương tiện là một hành-động thù ghét của tâm của những bậc nhìn-thấy (tức những sa-môn, những ẩn sĩ đắc định thần thông)."

"Này gia chủ, này gia chủ, hãy để ý xem cách ông trả lời! Điều ông mới nói không đồng nhất với điều ông đã nói trước, hay điều ông nói trước không đồng nhất với điều ông mới nói sau. Vậy mà ông đã tuyên bố rằng: 'Tôi sẽ tranh luận dựa trên sự thật …'"

15. "Thưa Thế Tôn, thiệt tình con đã hài lòng và mãn nguyện với ví dụ đầu tiên mà đức Thế Tôn đã nói ra. Tuy nhiên con đã nghĩ con nên tiếp tục phản đối đức Thế Tôn như vậy vì con mong muốn nghe được những giải pháp khác nhau của đức Thế Tôn đối với vấn đề này. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Thưa Thế Tôn, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thế Tôn ghi nhớ con

là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

16. "Này gia chủ, hãy nên điều tra tìm hiểu thấu suốt. Việc điều tra tìm hiểu thấu suốt sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông."

"Thưa Thế Tôn, Thế Tôn nói vậy con thậm chí càng thêm hài lòng và mãn nguyện. Bởi vì những người giáo phái khác, khi có được con là một đệ tử của họ, họ sẽ mang cờ xí đi khắp thị trấn Nāḷandā để công bố rằng: 'Gia chủ Upāli đã trở thành đệ tử của chúng tôi.' Nhưng, ngược lại, đức Thế Tôn thì nói với con rằng: 'Này gia chủ, hãy nên điều tra tìm hiểu thấu suốt. Việc điều tra tìm hiểu thấu suốt sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông.' Vậy là, thưa Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

17. "Này gia chủ, gia đình ông từ lâu đã ủng hộ cúng dường những Ni-kiền-tử và ông nên xem xét việc tiếp tục cúng dường thức ăn cho họ mỗi khi họ đến."

"Thưa Thế Tôn, Thế Tôn nói vậy con thậm chí càng thêm hài lòng và mãn nguyện. Thưa Thế Tôn, con từng nghe họ đồn rằng sa-môn Cồ-đàm đã nói như vầy: 'Quà cúng chỉ nên được cúng cho ta; quà cúng không nên được cúng cho những người khác. Quà cúng chỉ nên được cúng cho đệ tử của ta; quà cúng không nên được cúng cho đệ tử của những người khác.' Nhưng, ngược lại, Thế Tôn thì khuyên con nên (tiếp tục) cúng dường các thứ cho những Ni-kiền-tử. Dù sao chúng con cũng biết những lúc (đúng đắn) để làm điều đó. Vậy là, thưa Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

18. Rồi đức Thế Tôn đã ban cho gia chủ Upāli sự chỉ dẫn để tu tiến, trong đó có sự chỉ dạy về sự bố-thí, về giới-hạnh, về những cõi trời; đức Thế Tôn giảng giải về sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm trong những

khoái-lạc giác quan (dục lạc) và niềm chân-phúc của sự từ-bỏ (chúng). Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của gia chủ Upāli đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho ông về giáo pháp đặc trưng riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm-dứt khổ)".

"Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi gia chủ Upāli ngồi đó, tầm-nhìn trong sạch không tỳ vết của Giáo Pháp đã khởi sinh trong ông ấy như vầy: "Mọi thứ khởi-sinh đều chấm-dứt (có sinh thì có diệt)."[667]

"Rồi gia chủ Upāli đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã đạt tới Giáo Pháp Dhamma, đã hiểu Giáo Pháp, đã biết Giáo Pháp; ông đã vượt qua sự nghi-ngờ, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.[668] Rồi ông đã thưa với đức Thế Tôn: "Giờ, thưa Thế Tôn, chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Này gia chủ, ông cứ tùy tiện đi."

19. Rồi gia chủ Upāli, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, ông đi ra và về nhà. Tới nhà ông nói với người gác cổng: "Này chú gác cổng, kể từ hôm này tôi đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và tôi mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Nếu có Ni-kiền-tử nào đến đây, hãy nói với người đó như vầy: 'Thưa ông, vui lòng đợi bên ngoài, đừng vào nhà. Kể từ hôm nay gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Ông ấy đã đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và ông ấy đã mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Thưa ông, nếu ông cần thức ăn

cúng dường, hãy đợi đây; họ sẽ mang ra đây cho các ông.'"—

"Dạ, thưa gia chủ", người gác cổng đáp lại.

20. Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã nghe tin: "Gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm." Ông đến gặp ông Ni-kiền-tử Nātaputta để báo lại: "Thưa ngài, tôi đã nghe như vầy: 'Gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm.'

"Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli."

Lần thứ hai … Lần thứ ba, Ni-kiền-tử Tapassī đã nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta "Thưa ngài, tôi đã nghe như vầy: 'Gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm.'

"Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli."

"Thưa ngài, vậy để tôi đi tìm hiểu liệu gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm hay không?"

"Đi đi, này Tapassī, và tìm hiểu liệu gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm hay không."

21. Rồi Ni-kiền-tử Dīgha Tapassī đã đến nhà gia chủ Upāli. Người gác cổng nhìn thấy ông đi đến từ xa và nói với ông: "Thưa ông, vui lòng đợi bên ngoài, đừng vào nhà. Kể từ hôm nay gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Ông ấy đã đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và ông ấy đã mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Thưa ngài, nếu ông cần thức ăn cúng dường, hãy đợi đây; họ sẽ mang ra đây cho các ông."

"Này anh bạn, tôi không cần thức ăn cúng dường", ông nói, và ông ta quay lưng ra về, và đến chỗ Ni-kiền-tử Nātaputta để báo lại: "Thưa ngài, quả đúng thật là gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Thưa ngài, ngài đã không đồng tình với tôi khi tôi đã thưa (cảnh báo) với ngài rằng: 'Thưa ngài, tôi không đồng ý rằng gia chủ Upāli nên [cố gắng] bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm. Vì sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật, là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.' Và giờ, thưa ngài, gia chủ Upāli của ngài đã bị chuyển đạo bởi sa-môn Cồ-đàm bằng bùa thuật chuyển đạo của ông ta!"

"Điều đó là không thể, này Tapassī …"

Lần thứ hai … Lần thứ ba, Ni-kiền-tử Tapassī đã nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta: "Thưa ngài, quả đúng thật là gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Thưa ngài, ngài đã không đồng tình với tôi khi tôi đã thưa (cảnh báo) với ngài rằng: … bằng bùa thuật chuyển đạo của ông ta!"

"Điều đó là không thể, này Tapassī, không thể xảy ra chuyện gia chủ Upāli chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm; nhưng điều này là có thể, có thể xảy ra chuyện sa-môn Cồ-đàm sẽ chuyển thành đệ tử của gia chủ Upāli. Giờ ta sẽ đích thân đi và tìm hiểu liệu ông ta đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm hay không."

22. Rồi tự ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã cùng một đoàn lớn những Ni-kiền-tử đi đến nhà của gia chủ Upāli. Người gác cổng nhìn thấy ông đi đến từ xa và nói với ông: "Thưa ông, vui lòng đợi bên ngoài, đừng vào nhà. Kể từ hôm nay gia chủ Upāli đã chuyển thành đệ tử của sa-môn Cồ-đàm. Ông ấy đã đóng cửa không tiếp những nam Ni-kiền-tử và nữ Ni-kiền-tử, và ông ấy đã mở cửa để đón tiếp những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những nam đệ tử tại gia và nữ đệ tử tại gia của đức Thế Tôn. Thưa ngài, nếu ông cần thức ăn cúng dường, hãy đợi đây; họ sẽ mang ra đây cho các ông."

"Này anh gác cổng, hãy vô gặp gia chủ Upāli và nói với ông ấy: 'Thưa gia chủ, có ngài Ni-kiền-tử Nātaputta đang đứng ở ngoài cổng cùng với một đoàn lớn những Ni-kiền-tử; ngài ấy muốn gặp gia chủ.'"

"Dạ, thưa ngài", người gác cổng đáp lại, và anh ta vô gặp gia chủ Upāli và nói lại: "Thưa gia chủ, có ngài Ni-kiền-tử Nātaputta đang đứng ở ngoài cổng cùng với một đoàn lớn những Ni-kiền-tử; ngài ấy muốn gặp gia chủ."

"Trong trường hợp như vậy, này chú gác cổng, hãy dọn những chỗ ngồi ở sân sảnh phía trong cổng chính."

"Dạ, thưa gia chủ", người gác cổng đáp lại, và sau khi đã dọn sẵn những chỗ ngồi trong sân sảnh phía trong cổng chính, anh ta quay lại thưa với gia chủ Upāli: "Thưa gia chủ, những chỗ ngồi đã dọn sẵn trong sân sảnh phía trong cổng chính. Mời gia chủ cứ tùy tiện đến."

23. Rồi gia chủ Upāli đến sân sảnh phía trong cổng chính và ngồi xuống chỗ ngồi cao nhất, tốt nhất ở đó. Rồi ông nói với người gác cổng: "Này chú gác cổng, giờ hãy ra ngoài thưa với ông ấy: 'Thưa ngài, gia chủ Upāli nói: "Thưa ngài, ngài có thể vào nếu muốn."'"

"Dạ, thưa ngài", người gác cổng đáp lại và ra nói lại với Ni-kiền-tử Nātaputta.

Rồi Ni-kiền-tử Nātaputta đã cùng đoàn lớn những Ni-kiền-tử đi vô sân sảnh phía trong cổng chính.

24. Trước đây, mỗi khi gia chủ Upāli nhìn thấy Ni-kiền-tử Nātaputta đi đến từ xa ông thường bước ra đón gặp, dùng vạt áo trên của mình để phủi bụi chỗ ngồi cao nhất, tốt nhất ở đó, và sau khi chỉnh đốn chỗ ngồi, gia chủ mời ông ta ngồi xuống chỗ ngồi đó. Nhưng giờ thì gia chủ ngồi ở chỗ ngồi cao nhất tốt nhất đó và nói với ông Ni-kiền-tử Nātaputta: "Thưa ngài, có mấy chỗ ngồi; hãy ngồi xuống nếu ngài thích."

25. Sau khi điều này được nói ra, ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã nói: "Này gia chủ, ông điên rồi, ông là kẻ ngu. Ông đã nói với tôi: 'Thưa ngài,

tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm', nhưng rốt cuộc ông quay về sau khi mình bị bắt dính trong mẻ lưới lớn của giáo thuyết của ông ta. Giống như một người nói đi thiến người khác nhưng rốt cuộc quay về sau khi mình bị người kia thiến. Giống như một người nói đi chọt mắt người khác những rốt cuộc quay về sau khi mình bị người kia chọt mù mắt. Cũng giống như vậy, này gia chủ, ông nói với tôi: 'Thưa ngài, tôi sẽ đến đó và bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm', nhưng rốt cuộc quay về sau khi mình bị bắt dính trong mẻ lưới lớn của giáo thuyết của ông ta. Này gia chủ, giờ ông đã bị chuyển đạo bởi sa-môn Cồ-đàm bằng bùa thuật chuyển đạo của ông ta!"

26. "Thật phúc lành là cái 'bùa thuật chuyển đạo' đó, thưa ngài; thật tốt lành là cái 'bùa thuật chuyển đạo' đó![669] Thưa ngài, nếu những người thân và họ hàng của tôi được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những thánh nhân được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những bà-la-môn … tất cả những thương-nông … tất cả những bần-lao hạ tiện được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên thần, những Ma Vương, những trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Thưa ngài, đối với điều này, tôi sẽ cho ngài một ví dụ, vì những người có trí ở đây hiểu được ý nghĩa của một điều khẳng định thông qua phương tiện ví dụ.

27. "Thưa ngài, lúc xưa có một bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, và ông ta có một vợ trẻ là một nữ bà-la-môn đang mang thai và sắp tới lúc sinh con. Rồi cô ta nói với ông ấy: 'Này bà-la-môn, hãy mua một con khỉ nhỏ ngoài chợ và mang về để chừng sau làm bạn chơi đùa với con của chúng ta.' Ông ta trả lời: 'Này phu nhân, hãy đợi đến sau khi cô sinh xong đứa bé. Nếu cô sinh con trai, ta sẽ ra chợ mua một con khỉ đực nhỏ về để làm bạn chơi đùa với con trai nhỏ của cô; nếu cô sinh

con gái, ta sẽ ra chợ mua một con khỉ cái nhỏ về để làm bạn chơi đùa với con gái nhỏ của cô.' Lần thứ hai cô ta yêu cầu và cũng nhận được câu trả lời y hệt. Lần thứ ba cô lại yêu cầu. Rồi, do tâm trí ông ta đã bị dính ái tình với cô ta, ông ta đã đi ra chợ và mua một con khỉ đực nhỏ mang về, và nói với cô ta: 'Tôi đã mua con khỉ đực nhỏ này ngoài chợ và mang về để chừng sau làm bạn chơi đùa với đứa bé của cô.' Rồi cô ta nói với ông: 'Này bà-la-môn, hãy mang con khỉ này đến chỗ Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm và nói anh ta: "Này anh Rattapāṇi, tôi muốn con khỉ đực nhỏ này được nhuộm màu vàng sơn dầu, rồi đập và ép cho trơn mượt cả hai bên."' Rồi, do tâm trí ông ta đã bị dính ái tình với cô ta, ông ta mang con khỉ đực nhỏ đến chỗ Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm, và nói: 'Này anh Rattapāṇi, tôi muốn con khỉ đực nhỏ này được nhuộm màu vàng sơn dầu, rồi đập và ép cho trơn mượt cả hai bên.' Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm mới nói với ông bà-la-môn: 'Thưa ngài, con khỉ đực nhỏ này thì nhuộm được nhưng đập và ép cho trơn mượt hai bên thì không được.' Cũng giống như vậy, thưa ngài, giáo thuyết của những Ni-kiền-tử ngu xuẩn thì mang lại sự thích thú cho những người ngu nhưng đối với những người có trí thì không được, và nó sẽ không đứng vững được khi bị đập (kiểm chứng, ứng dụng) hay bị ép (điều tra, xem xét).

"Rồi, thưa ngài, một lần khác bà-la-môn đó mang một bộ đồ mới đến chỗ Rattapāṇi con trai thợ nhuộm và nói: 'Này anh Rattapāṇi, tôi muốn bộ quần áo này được nhuộm màu vàng sơn dầu và được đập và ép cho trơn mượt cả hai bên.' Rattapāṇi con trai người thợ nhuộm nói với ông bà-la-môn: 'Thưa ngài, bộ quần áo này thì nhuộm được, và đập và ép cho trơn mượt hai bên thì cũng được.' Cũng giống như vậy, thưa ngài, giáo thuyết của đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc toàn giác, thì mang lại sự thích thú cho những người có trí nhưng đối với những người ngu thì không được, và nó sẽ đứng vững khi bị đập (kiểm chứng, ứng dụng) và khi bị ép (điều tra, xem xét)."

28. "Này gia chủ, cả hội chúng này và nhà vua đều biết ông như vầy: 'Gia chủ Upāli là một đệ tử của Ni-kiền-tử Nātaputta'. Vậy chúng tôi sẽ

coi ông là đệ tử của ai?"

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Upāli đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y trên một vai, ông chấp tay kính lễ về hướng có đức Thế Tôn đang ở, và nói với ông Ni-kiền-tử Nātaputta:

29. "Trong trường hợp như vậy, thưa ngài, hãy nghe tôi là đệ tử của ai:

Bậc ấy là Bậc Trí đã loại bỏ si-mê,

Đã dẹp bỏ những 'sự hoang-dại trong tâm',[670] là người thắng trận;

Bậc ấy không còn biết khổ đau, đã bình-tâm hoàn hảo,

Chín chắn về giới-hạnh, về trí-tuệ siêu xuất;

Vượt trên mọi sự cám-dỗ,[671] bậc ấy không còn ố-nhiễm:

Bậc ấy là Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Không còn sự nghi-ngờ, bậc ấy an trú hài-lòng,

Từ chối những lợi lộc thế gian, là một bình chứa niềm hoan-hỷ;

Là người đã làm xong bổn phận sa-môn, người mang thân cuối cùng;

Bậc ấy là hoàn toàn vô song và hoàn toàn vô tỳ vết:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Bậc ấy không còn nghi-ngờ, và thiện thạo,

Người tuân giữ kỷ luật và người dẫn dắt xuất sắc.

Không ai có thể vượt qua những phẩm-hạnh chói lọi của bậc ấy;

Không đắn đo khi nói: bậc ấy là người chiếu sáng;

Sau khi đã trừ sạch sự tự-cao, bậc ấy là anh hùng:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Là dẫn đàn, bậc ấy là không thể được đo lường,

Sự thâm sâu của bậc ấy là không thể đo được,

Bậc ấy đã đạt tới sự im-lặng;[672]

Người mang lại sự an toàn, người sở hữu trí-biết,

Bậc ấy đứng ở trong Giáo Pháp, được kiềm chế ở bên trong;

Sau khi vượt qua mọi sự trói buộc, bậc ấy được giải thoát:

Bấc ấy là Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Là con voi ngà thanh sạch, sống ở nơi hẻo lánh,

Với những gông-cùm đều bị phá vỡ, đã hoàn toàn tự do;

Thiện khéo về thảo luận, thấm nhuần trong trí-tuệ,

Đã hạ xuống lá-cờ,[673] bậc ấy không còn tham dục;

Sau khi đã thuần hóa bản thân, bậc ấy không còn phóng-tâm:[674]

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Là bậc nhất trong những bậc nhìn-thấy,[675]

Không còn suy tính giả lừa, đã đạt được ba loại trí-biết,

Đã đạt tới sự thánh thiêng;

Với tâm đã được thanh lọc, là bậc thầy về thuyết giảng,

Bậc ấy luôn sống tĩnh lặng, là người tìm ra trí-biết;

Là bậc ưu tiên nhất của những người cúng dường,

Bậc ấy luôn luôn đầy năng lực:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Bậc ấy là Thánh Nhân đã tu tập về tâm,

Người đã đạt được mục-tiêu và thuyết giảng sự-thật;

Được phú cho sự chánh-niệm và sự minh-sát thấu suốt,

Bậc ấy không còn dựa tới hay dựa lui;[676]

Không còn sự lay chuyển, đã đạt tới sự làm-chủ:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Bậc ấy hành xử chân chính và an trú trong thiền,

Bên trong không bị ô-nhiễm, trong sự tinh khiết hoàn hảo;

Bậc ấy độc lập và tất thảy không sợ-hãi,[677]

Sống tách ly ẩn dật, đã đạt tới đỉnh cao;

Sau khi đã vượt qua chính mình, bậc ấy dẫn dắt chúng ta vượt qua:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Có sự định-tâm [sự vắng-lặng] cao nhất, với trí-tuệ bao quát,

Là người có trí-tuệ lớn lao; đã sạch hết mọi tham;

Bậc ấy là Như Lai, bậc ấy là bậc Phúc Lành,

Bậc vô đối thủ, bậc vô song;

Bậc ấy đầy bản lĩnh (dày dạn), thiện thạo về tất cả:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy.

Bậc ấy đã đoạn trừ dục-vọng và trở thành bậc Giác Ngộ,

Đã thổi sạch mọi hơi khói, đã hoàn toàn vô nhiễm;

Bậc nhất đáng cúng dường, hùng mạnh hơn mọi quỷ thần (dạ xoa),

Bậc hoàn thiện nhất trong mọi người, vượt khỏi sự ước đoán;

Bậc vĩ đại nhất về sự hoành tráng, đã đạt tới đỉnh cao vinh quang:

Bậc ấy là đức Thế Tôn, và tôi là đệ tử của bậc ấy."

30. "Này gia chủ, ông đã sáng tác bài ca ngợi về sa-môn Cồ-đàm từ khi nào vậy?"

"Thưa ngài, giả sử có một đống lớn nhiều loại hoa, và rồi một người làm vòng hoa khôn ngoan [hay người học việc của ông ta] rất muốn kết nối chúng thành một vòng hoa nhiều màu sắc; cũng giống như vậy, thưa ngài, đức Thế Tôn có nhiều phẩm-hạnh đáng ca ngợi, nhiều trăm phẩm-hạnh đáng ca ngợi. Vậy, thưa ngài, ai mà không muốn ca ngợi người đáng được ca ngợi?"

31. Rồi, do Ni-kiền-tử Nātaputta không thể nào chịu được sự tôn vinh này được dành cho đức Thế Tôn, nên ông đã tức học máu nóng từ miệng.[678]

16. (MN 58) KINH HOÀNG TỬ ABHAYA

(*Abhayarājakumāra Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Lúc đó có hoàng tử Abhaya[679] đã đến gặp ông Ni-kiền-tử Nātaputta, và sau khi kính lễ ông, hoàng tử ngồi xuống một bên. Lúc đó ông Ni-kiền-tử Nātaputta đã nói với hoàng tử:

3. "Này hoàng tử, hãy đến bác bỏ giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm, và tin tốt về hoàng tử sẽ được lưu truyền được như vầy: 'Hoàng tử Abhaya đã bác bỏ được giáo thuyết của sa-môn Cồ-đàm, người đầy thần lực và uy lực.'"

"Nhưng, thưa ngài, làm cách nào tôi bác bỏ được giáo thuyết của người đó?"

"Này hoàng tử, hãy đến chỗ sa-môn Cồ-đàm và nói: 'Thưa ông, có phải Như Lai nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với những người khác?' Nếu sa-môn Cồ-đàm, sau khi bị hỏi vậy và trả lời: 'Này hoàng tử, Như Lai có nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với những người khác' thì hãy nói với ông ta: 'Vậy thì, thưa ông, cái gì là sự khác nhau giữa ông và một người bình thường? Vì những người bình thường cũng thường nói ra những lời không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác.' Nhưng nếu sa-môn Cồ-đàm, sau khi bị hỏi vậy và trả lời: 'Này hoàng tử, Như Lai không nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác' thì hãy nói với ông ta: 'Vậy thì, thưa ông, tại sao ông lại nói rủa về ông Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) rằng: "Đề-bà-đạt-đa bị đọa trong những cảnh khổ đau, Đề-bà-đạt-đa sẽ bị đọa trong địa ngục, Đề-bà-đạt-đa sẽ bị đọa [trong địa ngục] suốt một đại kiếp, Đề-bà-đạt-đa là không thể tu sửa được"? Đề-bà-đạt-đa đã tức giận và bất đồng với ông về lời rủa đó của ông.' Sau khi sa-môn Cồ-đàm đã bị hoàng tử đặt trong thế của câu hỏi hai sừng (hai lưỡi, tiến thoái lưỡng nan) này, ông ta sẽ không thể nào

ói nó ra hay nuốt nó xuống. Giống như một lưỡi giáo bằng sắt mắc kẹt trong cổ họng một người, thì ông ta không thể nào ói nó ra hay nuốt nó xuống; cũng giống như vậy, này hoàng tử, khi sa-môn Cồ-đàm bị đặt trong thế của câu hỏi hai sừng này, ông ta không thể nào ói nó ra hay nuốt nó xuống."

4. "Được rồi, thưa ngài", hoàng tử Abhaya đáp lại. Rồi hoàng tử đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ ông Ni-kiền-tử Nātaputta, giữ ông ta ở hướng bên phải mình, và đi ra, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, hoàng tử ngồi xuống một bên, và nhìn mặt trời, và nghĩ: "Bữa nay giờ này đã quá trễ để bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn. Ta sẽ bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn ở nhà ta vào ngày mai." Rồi hoàng tử nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn nhận lời mới của tôi đến dùng cơm vào ngày mai cùng với ba Tỳ kheo khác." Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

5. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, hoàng tử Abhaya đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Rồi, khi đêm đã qua, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của hoàng tử Abhaya, và đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi, đích thân hoàng tử đã phục vụ và làm hài lòng đức Thế Tôn bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát qua một bên, hoàng tử Abhaya chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

6. "Thưa Thế Tôn, Như Lai có nói ra lời nói không nhã nhặn và khó chịu đối với những người khác hay không?"

"Này hoàng tử, không có câu trả lời một-chiều cho điều đó."

"Thưa Thế Tôn, vậy là những Ni-kiền-tử đã bị lạc trong vấn đề này."

"Này hoàng tử, tại sao ngài nói câu: 'Thưa Thế Tôn, vậy là những Ni-kiền-tử đã bị lạc đề trong vấn đề này?'"[680]

Rồi hoàng tử Abhaya đã kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với ông Ni-kiền-tử Nātaputta.

7. Bấy giờ, vào lúc đó có đứa bé đang nằm sấp trên hai đùi của hoàng tử Abhaya. Đức Thế Tôn mới nói với hoàng tử Abhaya: "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Giả sử, trong khi ngài hay bà vú của ngài không để ý đến đứa bé, đứa bé đưa cây tăm hay hột tiêu vô trong miệng nó, ngài sẽ làm gì với nó?"

"Thưa Thế Tôn, tôi sẽ lấy nó ra. Nếu tôi không thể lấy được nó ra ngay, tôi sẽ dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải móc lấy nó ra cho dù có làm chảy máu họng đứa bé. Vì sao vậy? Bởi vì tôi có lòng bi-mẫn đối với đứa bé (nếu không cố lấy nó ra thì đứa bé sẽ nuốt cây tăm hay bị nghẹn hột tiêu rất nguy hiểm cho tính mạng).

8. "Cũng giống như vậy, này hoàng tử, (i) loại lời nói nào Như Lai biết là không đúng thực, không chính xác, và không ích lợi và nó cũng không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (ii) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, nhưng không ích lợi và nó cũng không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (iii) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, và có ích lợi, nhưng nó không nhã nhặn và khó chịu đối với người khác [có ích]: lời nói như vậy Như Lai biết thời điểm nào thích hợp để dùng nó.[681] (iv) Loại lời nói nào Như Lai biết là không đúng thực, không chính xác, và không ích lợi, nhưng nó nghe nhã nhặn và dễ chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (v) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, nhưng không ích lợi, mà nó nghe nhã nhặn và dễ chịu đối với người khác [không ích]: lời nói như vậy Như Lai không nói ra. (vi) Loại lời nói nào Như Lai biết là đúng thực, chính xác, và có ích lợi, và nó cũng nghe nhã nhặn và dễ chịu đối với người khác [có ích]: lời nói như vậy Như Lai biết thời điểm nào thích hợp để dùng nó. Vì sao vậy? Vì Như Lai có lòng bi-mẫn đối với chúng sinh."

9. "Thưa Thế Tôn, khi những bậc thánh học thức, những bà-la-môn học thức, những gia chủ học thức, và những sa-môn học thức, sau khi hình thành một câu hỏi, họ đến gặp đức Thế Tôn và đặt câu hỏi, vậy đã có sẵn trong tâm của đức Thế Tôn ý nghĩ này hay không: 'Nếu họ đến gặp ta và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời như vầy'? Hay câu trả lời chỉ xảy đến với Như Lai ngay lúc họ hỏi?"

10. "Này hoàng tử, ta sẽ hỏi lại ngài một câu. Cứ trả lời nếu ngài thấy được. Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Ngài có giỏi biết về những bộ phận của chiếc xe ngựa hay không?"—"Có, thưa Thế Tôn"

"Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Khi người ta đến gặp hỏi ngài: 'Bộ phận này của chiếc xe tên là gì?', vậy đã có sẵn trong tâm ngài ý nghĩ 'Nếu họ đến gặp ta và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời như vầy'? Hay câu trả lời chỉ xảy đến với ngài ngay lúc họ hỏi?"

"Thưa Thế Tôn, tôi được biết là một người giỏi biết về các bộ phận của xe ngựa. Tất cả các bộ phận của một xe ngựa đã được biết rõ (thấu rõ) bởi tôi. Câu trả lời sẽ xảy đến với tôi ngay lúc họ hỏi."

11. "Cũng giống như vậy, này hoàng tử, khi những bậc thánh học thức, những bà-la-môn học thức, những gia chủ học thức, và những sa-môn học thức, sau khi hình thành một câu hỏi, họ đến gặp Như Lai để và đặt câu hỏi, câu trả lời xảy đến với Như Lai ngay lúc họ hỏi. Vì sao vậy? Vì yếu-tố các thứ (pháp giới) đó đã được hoàn toàn thâm nhập (thấu rõ) bởi Như Lai, nhờ sự thâm nhập hoàn toàn như vậy nên câu trả lời sẽ xảy đến với Như Lai ngay lúc đó."[682]

12. Sau khi điều này được nói ra, hoàng tử Abhaya đã nói: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

17. (MN 59) KINH NHIỀU LOẠI CẢM GIÁC

(*Bahuvedanīya Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).

2. Lúc đó người thợ mộc tên Pañcakanga[683] đã đến gặp Ngài Udāyin, và sau khi kính lễ thầy ấy, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi thầy ấy:

3. "Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn?"

"Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng (dễ chịu; lạc thọ); cảm-giác khổ (khó chịu; khổ thọ), cảm-giác trung tính (không khổ không sướng; vô ký thọ). Đây là ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn.

Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī:

"Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác sướng và cảm-giác khổ. Còn đối với loại cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó nằm trong dạng khoái-lạc bình an và siêu phàm." (*nghĩa của câu cuối này: coi chú thích 617 ở mục 10 bên dưới*)

Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn giữ nguyên ý mình; và lần thứ hai và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga vẫn giữ nguyên ý mình, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī.

4. Ngài Ānanda đã nghe được cuộc nói chuyện của họ. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, thầy ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn toàn bộ câu chuyện giữa thầy Udāyin và thợ mộc Pañcakanga. Sau khi thầy Ānanda kể xong, đức Thế Tôn đã nói

với thầy ấy:

5. "Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng là đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm-giác … sáu loại cảm-giác … mười tám loại cảm-giác … ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, đó là cách Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].[684]

"Khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vả, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và hiền hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt thân từ.

6. "Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đó là năm dây khoái-lạc giác quan. Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan: đây được gọi là khoái-lạc giác quan.

7. (1) "Cho dù ai nói 'Đây là sự khoái-lạc và vui-thú cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly.' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó.

8. (2) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ii) 'Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

9. (3) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái ǵ là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

10. (4) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải

nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.[685]

11. (5) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (v) 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới); (nên từ đây trở lên được gọi là những tầng vô-sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

12. (6) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vi) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

13. (7) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc

đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vii) 'Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

14. (8) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (viii) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

15. (9) "Cho dù có ai nói: 'Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được', ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ix) 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.

16. "Này Ānanda, giờ các du sĩ khác đạo có thể nói như vầy: 'Sa-môn Cồ-đàm nói về trạng thái diệt thọ tưởng [chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác] và ông ta khăng khăng nó nằm trong sự hạnh-phúc. Như vậy là gì? Như vậy là sao?' Này Ānanda, nếu các du sĩ đó có hỏi như vậy, các thầy nên nói với họ rằng: 'Này các bạn, đức Thế Tôn mô tả sự sướng (lạc) không phải là chỉ nói về cảm-giác sướng (lạc thọ). Nhưng thay vì vậy, Như Lai mô tả mọi sự sướng là sự sướng, cho dù có ở đâu hay theo cách nào chúng được thấy có.'"[686]

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

18. (MN 60) KINH KHÔNG THỂ LẦM LỖI

(*Apaṇṇaka Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, và cuối cùng đã đến một khu làng của những bà-la-môn Kosala tên là làng Sālā.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya), là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Kosala cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo và đã đến làng Sālā. Giờ tin đồn tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó.

3. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng về đức Thế Tôn để lễ chào và ngồi xuống một bên; một số xưng tên và họ của mình trước đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

4. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn mới hỏi họ: "Này các gia chủ, có vị thầy nào là đáng tán đồng đối với quý vị, trong đó, dựa vào những lý lẽ (chính đáng) quý vị đã đạt được niềm-tin vào vị thầy đó, hay không?"[687]

"Không, thưa ngài, không có vị thầy nào là đáng tán đồng đối với chúng tôi, trong đó, dựa vào những lý lẽ chúng tôi đã đạt được niềm-tin vào vị thầy đó."

"Này các gia chủ, do các vị chưa tìm thấy vị thầy nào đáng tán đồng, thì các vị có thể đảm nhận và thực hành một 'giáo lý không thể lầm-lỗi' (bất khả sai lầm, chắc chắn đúng, không thể chối cãi, nhất định công nhận được, không sai trật);[688] bởi vì sau khi 'giáo lý không thể lầm-lỗi' được chấp nhận và đảm nhận, nó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các vị. Và cái gì là 'giáo lý không thể lầm-lỗi' đó?[689]

(i. Thuyết hư-vô)

5. (A) "Này các gia chủ, có một số tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (cách-nhìn, kiến) như vầy: ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']"[690]

6. (B) "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói như vầy: ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời)

này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.']

"Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

7. (A.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): thì có thể trông đợi rằng họ sẽ tránh bỏ những trạng thái thiện lành [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, và hành vi tâm bất thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng không nhìn thấy trong những trạng thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

8. (A.ii) "Do thực sự có thế giới khác, nên ai nắm giữ quan-điểm 'không có thế giới khác' là có cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do thực sự có thế giới khác, nên ai ý định 'không có thế giới khác' là có ý-định sai trái (tà tư duy). Do thực sự có thế giới khác, nên ai khẳng định 'không có thế giới khác' là có lời-nói sai trái (tà ngữ). Do thực sự có thế giới khác, nên ai nói 'không có thế giới khác' là ngược lại với những A-la-hán là người biết thế giới khác. Do thực sự có thế giới khác, nên ai thuyết phục những người khác 'không có thế giới khác' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp không thực (tà pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, nên người đó tự khen ngợi mình và chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh trong sạch người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh suy đồi.[691] Và cách-nhìn sai lạc này, ý-định sai trái này, lời-nói sai trái này, sự đối

ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, và sự tự khen ngợi mình và chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái xấu ác bất thiện này đã xảy ra với cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

9. (A.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: '(i) Nếu không có thế giới khác, vậy thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ dư sức giữ bản thân mình an toàn.[692] (ii) Nhưng nếu có thế giới khác, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (iii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu không có thế giới khác đi chăng nữa: thì tại ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] tôi cũng không bị những người hiền trí quở trách là một người thất-đức, một người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) nắm giữ thuyết hư-vô (thuyết phi hiện-hữu và phi nghiệp báo).[693] (b) Nhưng mặt khác, nếu có thế giới khác, thì tôi coi như đã ném bỏ hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang bị những người hiền trí quở trách, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách sai lầm theo cách chỉ với tới một mặt của nó và bỏ mất phần thiện lành.'[694]

10. (B.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (B): thì có thể trông đợi họ sẽ tránh bỏ ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái thiện [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

11. (B.ii) "Do thực sự có thế giới khác, nên ai nắm giữ quan-điểm 'có

thế giới khác' là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Do thực sự có thế giới khác, nên ai ý định 'có thế giới khác' là có ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Do thực sự có thế giới khác, nên ai khẳng định 'có thế giới khác' là có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ). Do thực sự có thế giới khác, nên ai nói 'có thế giới khác' là không đối ngược với những A-la-hán là người biết thế giới khác. Do thực sự có thế giới khác, nên ai thuyết phục những người khác 'có thế giới khác' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp đích thực (chân pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận Giáo Pháp đích thực, nên người đó không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh suy đồi người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh trong sạch. Và cách-nhìn đúng đắn này, ý-định đúng đắn này, lời-nói đúng đắn này, sự không đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực, và sự không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái thiện lành này đã xảy ra với cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

12. (B.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Nếu có thế giới khác, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (ii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu không có thế giới khác đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng được những người hiền trí khen ngợi là một người đức-hạnh, là người có cách-nhìn đúng đắn nắm giữ thuyết xác-nhận (thuyết hiện-hữu và có nghiệp báo).[695] (b) Nhưng mặt khác, nếu có thế giới khác, thì tôi coi như đã nắm hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang được những người hiền trí khen ngợi, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách đúng đắn theo cách với được cả hai mặt của nó và bỏ đi phần bất thiện.'[696]

(ii. Thuyết không-làm-gì)

13. (A) "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm là vầy:[697] (đối với họ) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cắp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.']

14. (B) "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói rằng: (đối với họ) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập … nói-dối nói láo—người làm vậy là gây tội ác. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng

dường, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.']

"Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

15. (A.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): thì có thể trông đợi rằng họ sẽ tránh bỏ những trạng thái thiện lành [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, và hành vi tâm bất thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng không nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

16. (A.ii) "Do thực sự hành-động có hậu quả (nghiệp có nghiệp quả), cho nên ai nắm giữ quan-điểm 'hành-động không có hậu quả' là có cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do thực sự hành-động có hậu quả, cho nên ai ý định 'hành-động không có hậu quả' là có ý-định sai trái (tà tư duy). Do thực sự hành-động có hậu quả, cho nên ai khẳng định 'hành-động không có hậu quả' là có lời-nói sai trái (tà ngữ). Do thực sự hành-động có hậu quả, cho nên ai nói 'hành-động không có hậu quả' là ngược lại với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý 'hành-động có hậu quả'. Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai thuyết phục những người khác 'hành-động không có hậu quả' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp không thực (tà pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, nên người đó tự khen ngợi mình và chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh trong sạch người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh suy đồi. Và cách-nhìn sai lạc này, ý-định sai trái này, lời-nói sai trái này, sự đối ngược với những bậc thánh, sự thu-

yết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, và sự tự khen ngợi mình và chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái xấu ác bất thiện này đã xỷ ra với cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

17. (A.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: '(i) Nếu hành-động không có hậu quả gì, vậy thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ dư sức giữ bản thân mình an toàn. (ii) Nhưng nếu hành-động là có hậu quả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (iii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu như hành-động không có hậu quả đi chăng nữa: thì tại ngay trong kiếp này tôi cũng không bị những người hiền trí quở trách là một người thất-đức, một người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) nắm giữ thuyết không-làm-gì (thuyết phi tác nghiệp, phi tạo nghiệp). (b) Nhưng mặt khác, nếu hành-động có hậu quả, thì tôi đã ném bỏ hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang bị những người hiền trí chỉ trích, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy một cách sai lầm 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này theo một cách chỉ với tới một mặt của nó và bỏ mất phần thiện lành.'

18. (B.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (B): thì có thể trông đợi họ sẽ tránh bỏ ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái thiện [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

19. (B.ii) "Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai nắm giữ quan-điểm 'hành-động có hậu quả' là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai ý định 'hành-động có hậu quả' là có ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai khẳng định 'hành-động có hậu quả' là có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ). Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai nói 'hành-động có hậu quả' là không đối ngược với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý 'hành-động có hậu quả'. Do thực sự hành-động có hậu quả, nên ai thuyết phục những người khác 'hành-động có hậu quả' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp đích thực (chánh pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực, nên người đó không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh suy đồi người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh trong sạch. Và cách-nhìn đúng đắn này, ý-định đúng đắn này, lời-nói đúng đắn này, sự không đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực thực, và sự không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái thiện lành này đã xảy ra với cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

20. (B.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Nếu hành-động có hậu quả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (ii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu hành động không có hậu quả đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng được những người hiền trí khen ngợi là một người đức-hạnh, là người có cách-nhìn đúng đắn nắm giữ thuyết có-làm (thuyết tác nghiệp, tạo nghiệp; thuyết có nghiệp có quả). (b) Nhưng mặt khác, nếu hành-động có hậu quả, thì coi như tôi đã nắm hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang được những người hiền trí khen ngợi, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không

thể lầm-lỗi' này một cách đúng đắn theo cách với được cả hai mặt của nó và bỏ đi phần bất thiện.'

(iii. Thuyết phi nhân-duyên)

21. (A) "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm như vầy:[698] (đối với họ) ['Không có nhân [nguyên-nhân] hay duyên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không phải có nhân hay duyên. Không có nhân hay duyên cho sự thanh-lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc không phải có nhân hay duyên. Không có năng-lực, không có sự nỗ-lực (tinh tấn), không có sức-mạnh của con người, không có sự chịu-khó của con người. Tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng-lực, và sự nỗ-lực; tất cả đều đã được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, và bởi tự nhiên; họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.'] [699]

22. (B) "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói như vầy: 'Có nhân [nguyên-nhân] và duyên [điều-kiện] cho sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm do có nhân và duyên. Có nhân và duyên cho sự thanh-lọc của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc nhờ có nhân và duyên. Có năng-lực, có sự nỗ-lực (tinh tấn), có sức-mạnh của con người, có sự chịu-khó của con người. Không phải rằng tất cả chúng sinh, tất cả mọi sinh vật, tất cả mọi tạo vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự tự-chủ, năng-lực, và sự nỗ-lực; cũng không phải rằng tất cả đều được đúc khuôn bởi định mệnh, bởi hoàn cảnh, và bởi tự nhiên; không phải rằng họ trải nghiệm sướng và khổ trong sáu loại giai cấp.'

"Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

23. "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thu-

yết và quan-điểm (A): thì có thể trông đợi rằng họ sẽ tránh bỏ những trạng thái thiện lành [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, và hành vi tâm bất thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng không nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

24. (A.ii) "Do thực sự có nhân duyên, nên ai nắm giữ quan-điểm 'không có nhân duyên' là có cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Do thực sự có nhân duyên, nên ai ý định 'không có nhân duyên' là có ý-định sai trái (tà tư duy). Do thực sự có nhân duyên, nên ai khẳng định 'không có nhân duyên' là có lời-nói sai trái (tà ngữ). Do thực sự có nhân duyên, nên ai nói 'không có nhân duyên' là ngược lại với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý nhân-duyên. Do thực sự có nhân duyên, nên ai thuyết phục những người khác 'không có nhân duyên' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp không thực (tà pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, nên người đó tự khen ngợi mình và chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh trong sạch người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh suy đồi. Và cách-nhìn sai lạc này, ý-định sai trái này, lời-nói sai trái này, sự đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp không thực, và sự tự khen ngợi mình và chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái xấu ác bất thiện này đã xảy ra với cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

25. (A.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: '(i) Nếu không có nhân duyên gì, vậy thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ dư sức giữ bản thân mình an toàn. (ii) Nhưng nếu có nhân duyên, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (iii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a)

nếu như không có nhân duyên đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng không bị những người hiền trí quở trách là một người thất-đức, một người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) nắm giữ thuyết phi nhân duyên (thuyết không có nhân duyên). (b) Nhưng mặt khác, nếu có nhân duyên, thì coi như tôi đã ném bỏ hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang bị những người hiền trí chỉ trích, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách sai lầm theo cách chỉ với tới một mặt của nó và bỏ mất phần thiện lành.'

26. (B.i) "Bây giờ, này các gia chủ, về những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (B): thì có thể trông đợi họ sẽ tránh bỏ ba trạng thái bất thiện [đó là hành vi thân bất thiện, hành vi lời-nói bất thiện, hành vi tâm thiện], và họ sẽ đảm nhận và thực hành ba trạng thái thiện [đó là hành vi thân thiện, hành vi lời-nói thiện, và hành vi tâm thiện]. Vì sao vậy? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó nhìn thấy trong những trạng thái bất thiện sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm, và họ cũng nhìn thấy trong những trạnh thái thiện lành niềm chân-phúc của sự từ-bỏ, về phương diện thanh tẩy.

27. (B.ii) "Do thực sự có nhân duyên, nên ai nắm giữ quan-điểm 'có nhân duyên' là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Do thực sự có nhân duyên, nên ai ý định 'có nhân duyên' là có ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Do thực sự có nhân duyên, nên ai khẳng định 'có nhân duyên' là có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ). Do thực sự có nhân duyên, nên ai nói 'có nhân duyên' là không đối ngược với những A-la-hán là người nắm giữ giáo lý nhân-duyên. Do thực sự có nhân duyên, nên ai thuyết phục những người khác 'có nhân duyên' là thuyết phục họ chấp nhận Giáo Pháp đích thực (chánh pháp); và bởi vì người đó thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực, nên người đó không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác. Như vậy đức-hạnh suy đồi người đó từng có trước đây đều bị dẹp bỏ và thay vào đó là đức-hạnh trong sạch. Và

cách-nhìn đúng đắn này, ý-định đúng đắn này, lời-nói đúng đắn này, sự không đối ngược với những bậc thánh, sự thuyết phục những người khác chấp nhận một Giáo Pháp đích thực thực, và sự không tự khen ngợi mình và không chê bai những người khác—như vậy mấy trạng thái thiện lành này đã xảy ra với cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện (duyên) của chúng.

28. (B.iii) "Về điều này một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Nếu có nhân duyên, thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (ii) Giờ cho dù lời nói của những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay không, tôi giả sử rằng (a) nếu không có nhân duyên đi chăng nữa: thì ngay trong kiếp này tôi cũng được những người hiền trí khen ngợi là một người đức-hạnh, là người có cách-nhìn đúng đắn nắm giữ thuyết nhân-duyên. (b) Nhưng mặt khác, nếu có nhân duyên, thì coi như tôi đã nắm hết vận may của cả hai trường hợp: vì kiếp này tôi đang được những người hiền trí khen ngợi, và vì kiếp sau, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Tôi đã chấp nhận và nhận lấy 'giáo lý không thể lầm-lỗi' này một cách đúng đắn theo cách với được cả hai mặt của nó và bỏ đi phần bất thiện.'

(iv. Không có những cõi vô-sắc giới)

29. "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): 'Chắc chắn không có những cõi vô-sắc giới.'[700]

30. "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói (B): 'Chắc chắn có những cõi vô-sắc giới.'

"Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

31. "Về điều này, một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Những tu sĩ và

bà-la-môn này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (A) ["Chắc chắn không có những cõi vô-sắc giới"], nhưng tôi chưa thấy điều đó (là đúng hay sai). Và những tu sĩ và bà-la-môn kia nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (B) ["Chắc chắn có những cõi vô-sắc giới"], nhưng tôi cũng chưa biết điều đó (là đúng hay sai). (ii) Giả sử, khi chưa biết và chưa thấy, tôi chọn đại một phía và tuyên bố: "Chỉ điều này là đúng thực, mọi điều khác là sai", thì làm như vậy là không phù hợp đối với tôi. (iii) (a) Giờ, theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (A) ["Chắc chắn không có những cõi vô-sắc giới"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì vẫn chắc chắn khả năng tôi sẽ được tái sinh [sau khi chết] trong số những thiên thần của cõi sắc-giới đẹp đẽ, là những thiên thần có-tâm.[701] (b) Nhưng theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (B) ["Chắc chắn có những cõi vô-sắc giới"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì chắc chắn có khả năng tôi sẽ được tái sinh [sau khi chết] trong số những thiên thần thuộc những cõi vô-sắc giới, là những thiên thần chỉ gồm có nhận-thức.

"Những sự chiến đấu [sự dùng gậy gộc và vũ khí …], những sự tranh cãi, ẩu đả, tranh chấp, chống đối, sự nói lời độc ác ma mãnh, và sự nói dối nói láo … được thấy chỉ xảy ra dựa trên những sắc-thân trong những cõi có sắc-thân (như cõi người, những cõi trời sắc-giới), nhưng không hề có trong những cõi vô-sắc giới.' Sau khi đã quán chiếu điều này, người đó thực hành cách tu dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm) đối với những sắc-thân, dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt những sắc-thân.[702]

(v. Không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu)

32. "Này các gia chủ, có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm (A): 'Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu.'[703]

33. "Rồi có một số tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết trực tiếp đối ngược với giáo thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn đó, và họ nói (B): 'Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu'.

"Các vị nghĩ sao, này các gia chủ? Có phải (hai nhóm) những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ hai giáo thuyết trực tiếp đối ngược với nhau không?"—"Đúng, thưa ngài."

34. "Về điều này, một người có trí suy xét như vầy: (i) 'Những tu sĩ và bà-la-môn này nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (A) ["Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nhưng tôi chưa thấy điều đó (là đúng hay sai). Và những tu sĩ và bà-la-môn kia nắm giữ giáo thuyết và quan-điểm (B) ["Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nhưng tôi cũng chưa biết điều đó (là đúng hay sai). (ii) Giả sử, khi chưa biết và chưa thấy, tôi chọn đại một phía và tuyên bố: "Chỉ điều này là đúng thực, mọi điều khác là sai", thì làm như vậy là không phù hợp đối với tôi. (iii) (a) Giờ, theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (A) ["Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì vẫn chắc chắn có khả năng sẽ được tái sinh [sau khi chết] trong số những thiên thần của cõi vô-sắc giới, là những thiên thần chỉ gồm có nhận-thức. (b) Nhưng theo như những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (B) ["Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"], nếu lời họ nói là đúng thực, thì chắc chắn có khả năng tôi sẽ ngay trong kiếp này chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn).

"Quan-điểm của những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (A) ["Chắc chắn không có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"] là gần với tham-dục, gần với sự ràng-buộc, gần với sự thích-thú, gần với sự nắm-giữ, gần với sự dính-chấp (thủ); nhưng quan-điểm của những tu sĩ và bà-la-môn cho rằng (B) ["Chắc chắn có sự chấm-dứt sự hiện-hữu"] là gần với sự vô-tham, gần với sự không còn ràng-buộc, gần với sự không còn thích-thú, gần với sự không còn nắm-giữ, gần với sự không còn dính-chấp (diệt thủ).' Sau khi đã quán chiếu như vầy, người đó thực hành cách tu dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm) đối với sự hiện-hữu, dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt sự hiện-hữu.[704]

(Bốn loại người)

35. "Này các gia chủ, có bốn loại người được thấy có trong thế gian.

Bốn đó là gì? (i) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân. (ii) Ở đây có loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác. (iii) Ở đây có loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác. (iv) Ở đây có loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác. Vì không hành xác bản thân cũng không hành xác chúng sinh khác, nên người này ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng [thiêng liêng, siêu xuất].

36. (i) "Này các gia chủ, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân? Ở đây có (những) người đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn tay cho sạch … [*tiếp tục giống kinh MN 51, mục 8*] … Đó là những cách khác nhau người đó đã sống theo đuổi sự thực hành hành hạ và hành xác bản thân. Đây được gọi là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân.

37. (ii) "Này các gia chủ, cái gì là loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có (những) người là người giết thịt cừu, người giết thịt heo, người bẫy chim, người bẫy thú rừng, người sắn bắn, người đánh bắt cá, người trộm cắp, người đao phủ, người cai ngục, hoặc người làm những nghề vấy máu khác … [*tiếp tục giống kinh MN 51, mục 9*] … Đây được gọi là loại người hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

38. (iii) "Này các gia chủ, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác? Ở đây có người là

một vị vua thánh thiện được phong vương [được xứ dầu trên đầu] hay một bà-la-môn giỏi giang … [*giống kinh MN 51, mục 10*] … và những người giúp việc phải làm những việc chuẩn bị, với nước mắt ràn rụa trên mặt, phải làm theo do bị thúc ép bởi những sự đe dọa trừng phạt và bởi sự sợ-hãi. Đây được gọi là loại người vừa hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành xác chúng sinh khác và theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác.

39. (iv) "Này các gia chủ, cái gì là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác ; vì không hành xác bản thân cũng không hành xác chúng sinh khác, nên người này ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng?

40.–55. "Ở đây, này các gia chủ, một Như Lai khởi sinh trong thế gian này … [*tiếp tục giống kinh MN 51, mục 12-27*] … Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

56. "Này các gia chủ, đây được gọi là loại người không hành xác bản thân hay theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng không hành xác chúng sinh khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, vì không hành xác bản thân cũng không hành xác chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng."

57. Sau khi điều này được nói ra, những bà-la-môn ở làng Sālā đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho

những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay chúng con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ chúng con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

19. (MN 78) KINH SAMAṆAMAṆḌIKĀ

(*Samaṇamaṇḍikā Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có du sĩ Uggāhamāna Samaṇamaṇḍikāputta đang ở trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi hoàng hậu) Mallikā, (được gọi) là "trang hoa viên Tinduka một hội trường" dành cho những cuộc đàm luận về giáo thuyết,[705] cùng với một đoàn lớn những du sĩ, nhiều tới ba trăm du sĩ.

2. Ông thợ mộc Pañcakanga ra khỏi thành Sāvatthī vào giữa trưa để đến gặp đức Thế Tôn. Rồi ông ta nghĩ: "Giờ không hợp lúc đến gặp đức Thế Tôn; đức Thế Tôn vẫn đang trong thời ẩn trú thiền định. Và cũng không hợp lúc đến gặp những Tỳ kheo đáng kính; họ vẫn đang trong thời ẩn trú thiền định. Hay ta đến chỗ Tịnh Xá Mallikā, tới chỗ du sĩ Uggāhamāna Samaṇamaṇḍikāputta?" Và ông ta đã đến chỗ Tịnh Xá Mallikā.

3. Bấy giờ, vào lúc đó du sĩ Uggāhamāna đã ngồi cùng với một đoàn lớn những du sĩ, họ đang làm náo động, ồn ào và lớn tiếng nói đủ thứ chuyện tầm phào vô nghĩa … [*như mục 4, kinh MN 76 ở trên*] …

Du sĩ Uggāhamāna Samaṇamaṇḍikāputta nhìn thấy ông thợ mộc Pañcakanga đang đi đến từ xa. Sau khi nhìn thấy ông thợ mộc, ông ta kêu hội chúng của mình giữ im lặng như vầy: "Này các vị, hãy im lặng; này các vị, đừng làm ồn ào. Đây có ông thợ mộc Pañcakanga đang đến, là một trong những đệ tử mặc áo trắng của sa-môn Cồ-đàm, ông ta đang có mặt ở Sāvatthī này. Những vị này thích sự im lặng; họ được giới hạnh về sự im lặng; họ đề cao sự im lặng. Có lẽ, nếu ông ta thấy hội chúng của chúng ta là hội chúng im lặng, thì ông ta sẽ nghĩ đến việc tham gia với chúng ta." Những du sĩ liền im lặng.

4. Thợ mộc Pañcakanga đến chỗ du sĩ Uggāhamāna và chào hỏi qua lại với ông ta. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông thợ mộc ngồi

xuống một bên. Du sĩ Uggāhamāna nói với ông:

5. "Này ông thợ mộc, khi một người có được bốn phẩm-chất, tôi mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng. Bốn đó là gì? Ở đây, người đó không làm những hành-động bằng thân xấu ác (tà nghiệp), người đó không nói những lời-nói xấu ác (tà ngữ), người đó không có những ý-định xấu ác (tà tư duy), và người đó không sống bằng sự mưu-sinh xấu ác (tà hạnh). Khi một người có được bốn phẩm-chất này, tôi mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng."

6. Rồi thợ mộc Pañcakanga không đồng ý cũng không phản đối với lời nói của du sĩ Uggāhamāna. Không đồng ý cũng không phản đối, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, nghĩ rằng: "Ta sẽ học ý nghĩa của lời tuyên bố này khi gặp mặt đức Thế Tôn."

7. Sau đó ông đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ câu chuyện giữa ông và du sĩ Uggāhamāna. Ngay đó đức Thế Tôn nói:

8. "Này chú thợ mộc, nếu đúng là như vậy thì một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp cũng đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng, theo như lời tuyên bố của du sĩ Uggāhamāna. Vì một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'thân' lấy đâu có thể làm hành-động xấu ác nào bằng thân ngoài cái sự chỉ nằm cựa quậy? Một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'lời-nói' lấy đâu có thể nói ra lời-nói xấu ác ngoài cái sự chỉ nằm la khóc? Một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'ý-định' lấy đâu có thể có những ý-định xấu ác ngoài cái sự chỉ nằm hờn dỗi này nọ? Một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp còn chưa có khái niệm gì về 'sự mưu-sinh' lấy đâu có thể có sự sống bằng sự mưu-sinh xấu ác gì ngoài cái sự chỉ bú sữa từ vú mẹ? Này chú thợ mộc, nếu đúng là như vậy

thì một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp cũng đã thành tựu về điều là thiện lành … theo như lời tuyên bố của du sĩ Uggāhamāna.

"Này chú thợ mộc, khi một người có bốn phẩm-chất, ta mô tả người đó không phải là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng, mà chỉ như người cùng loại với một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp. Bốn đó là gì? Ở đây, người đó không làm những hành động thân xấu ác, người đó không nói những lời-nói xấu ác, người đó không có những ý-định xấu ác, và người đó không sống bằng sự mưu-sinh xấu ác. Khi một người có được bốn phẩm-chất này, ta mô tả người đó không phải là đã thành tựu về điều là thiện lành … mà chỉ như người cùng loại với một đứa trẻ con non nớt còn đang nằm sắp.

9. "Này chú thợ mộc, khi một người có được mười phẩm-chất, ta mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng.

(a) "[Nhưng trước tiên] ta nói, điều đó phải được hiểu như vầy:[706] 'Đây là những thói quen bất thiện' và như vầy: 'Những thói quen bất thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những thói quen bất thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những thói quen bất thiện'. (a') Và ta nói, điều này phải được hiểu như vầy: 'Đây là những thói quen thiện' và như vầy: 'Những thói quen thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những thói quen thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những thói quen thiện'.

(b) "Và ta nói, điều này phải được hiểu như vầy: 'Đây là những ý định bất thiện' và như vầy: 'Những ý định bất thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những ý định bất thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những ý định bất thiện'. (b') Và ta nói,

điều này phải được hiểu như vầy: 'Đây là những ý định thiện' và như vầy: 'Những ý định thiện khởi sinh từ chỗ này' và như vầy: 'Những ý định thiện chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư] tại đây' và như vầy: 'Người đang tu tập phương cách này là đang tu tập phương cách dẫn tới sự chấm dứt những ý định thiện'.

10. (a) "Cái gì là những thói quen bất thiện? Đó là những hành động bằng thân (thân nghiệp) bất thiện, những hành động bằng lời-nói (khẩu nghiệp) bất thiện, và sự mưu-sinh xấu ác. Đây được gọi là những thói quen bất thiện.

"Và những thói quen bất thiện này khởi sinh từ đâu? Nguồn gốc của chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ tâm. Tâm nào? Cho dù tâm là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có tâm bị tác động bởi tham, sân, si. Những thói quen bất thiện khởi sinh từ chỗ này.

"Và những thói quen bất thiện chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được khẳng định như vầy: Ở đây một Tỳ kheo dẹp bỏ hành vi thân sai trái và tu tập hành vi thân tốt thiện; người đó dẹp bỏ hành vi lời-nói sai trái và tu tập hành vi lời nói tốt thiện; người đó dẹp bỏ hành vi tâm sai trái và tu tập hành vi tâm tốt thiện; người đó dẹp bỏ sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) và có được sự sống bằng sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng).[707] Chính ở đây những thói quen bất thiện chấm dứt sạch sẽ.

"Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện? Ở đây (*i*) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (*ii*) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh.... (*iii*) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh.... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và

hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện.[708]

11. (a') "Cái gì là những thói quen thiện? Đó là những hành động thân thiện lành, những hành động lời-nói thiện lành, và sự làm trong sạch sự mưu-sinh. Đây được gọi là những thói quen thiện.

"Và những thói quen thiện khởi sinh từ cái gì? Nguồn gốc của chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ tâm. Tâm nào? Dù có tâm là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có tâm bị ác động bởi tham, sân, si. Những thói quen thiện bắt nguồn từ chỗ này.

"Và những thói quen thiện này chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được nói như vầy: Ở đây một Tỳ kheo là có đức-hạnh, nhưng người đó không nhìn nhận mình với đức-hạnh của mình, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ ở đó những thói quen thiện chấm dứt sạch sẽ.[709]

"Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm dứt những thói quen thiện? Ở đây (*i*) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (*ii*) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh.... (*iii*) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh.... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện.[710]

12. (b) "Cái gì là những ý định bất thiện? Đó là ý định tham-dục, ý định ác-ý, và ý định hung-dữ. Đây được gọi là những ý định bất thiện.

"Và những ý định bất thiện khởi sinh từ cái gì? Nguồn gốc của chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ nhận-thức (tưởng). Nhận-thức nào? Cho dù nhận-thức là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có nhận-thức do/của tham-dục, nhận-thức do ác-ý, nhận-thức do hung-dữ. Những ý định bất thiện khởi sinh từ chỗ này.

"Và những ý định bất thiện chấm sứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được nói như vầy: Ở đây: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó'. Chính tại đây những ý định bất thiện chấm dứt sạch sẽ.[711]

"Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định bất thiện? Ở đây (*i*) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (*ii*) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (*iii*) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định bất thiện.[712]

(b') "Cái gì là những ý định thiện? Đó là ý định từ-bỏ (vô tham), ý định không ác-ý (vô sân), và ý định không hung-dữ (từ bi). Đây được gọi là những ý định thiện?

"Và những ý định thiện này khởi sinh từ đâu? Nguồn gốc của chúng được khẳng định như vầy: chúng nên được nói là khởi sinh từ nhận-thức (tưởng). Nhận-thức nào? Cho dù nhận-thức là đa dạng, đủ loại, và nhiều phương diện khác nhau, có nhận-thức do/của sự không tham-dục, nhận-

thức do sự không ác-ý, nhận-thức do sự không hung-dữ. Những ý định thiện khởi sinh từ chỗ này.

"Và những ý định thiện chấm sứt sạch sẽ ở đâu? Sự chấm-dứt của chúng được nói như vầy: Ở đây: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'[713]

"Và tu tập theo cách nào là người đó tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định thiện? Ở đây (*i*) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh … (*ii*) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh…. (*iii*) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh…. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Người tu tập như vậy là tu tập cách để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định thiện.[714]

13. "Giờ, này chú thợ mộc, khi một người có được mười phẩm-chất nào thì ta mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng? Ở đây, một Tỳ kheo có được chánh-kiến của bậc vô-học nhân,[715] chánh-tư-duy của bậc vô-học nhân, chánh-ngữ của bậc vô-học nhân, chánh-nghiệp của bậc vô-học nhân, chánh-mạng của bậc vô-học nhân, chánh-tinh-tấn của bậc vô-học nhân, chánh-niệm của bậc vô-học nhân, chánh-định của bậc vô-học nhân, chánh-trí của bậc vô-học nhân, và chánh-giải-thoát của bậc vô-học nhân. Khi một người có được mười phẩm-chất này, thì ta mô tả người đó là đã thành tựu về điều thiện, đã hoàn thiện về điều thiện, là một tu sĩ bất khả chiến bại đã đạt tới sự chứng

ngộ tối thượng."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Ông thợ mộc Pañcakanga đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

20. (MN 81) KINH GHAṬĪKĀRA

(*Ghaṭīkāra Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cũng với một đoàn lớn những Tỳ kheo.

2. Lúc đó đức Thế Tôn rẽ khỏi đường lộ chính, và đến ở một chỗ, đức Thế Tôn đã mỉm cười. Ý nghĩ này đã xảy đến với ngài Ānanda: "Cái gì là lý do, cái gì là nguyên nhân đức Thế Tôn mỉm cười? Những Như Lai không mỉm cười nếu không có ý do." Vì vậy thầy ấy chỉnh lại phần y áo trên một vai và chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn: "Cái gì là lý do, cái gì là nguyên nhân đức Thế Tôn mỉm cười? Những Như Lai không mỉm cười nếu không có ý do."

3. "Này Ānanda, thuở xưa chỗ này là một phố thị phồn thịnh và đông đúc tên là Vebhalinga, có nhiều dân cư và đông người. Bấy giờ đức Thế Tôn Ca-Diếp [Kassapa; Đức Phật Ca-Diếp], bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã sống gần phố thị Vebhalinga này. Thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã có tu viện của bậc ấy; thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã ngồi và khuyên dạy Tăng Đoàn những Tỳ kheo."

4. Rồi thầy Ānanda đã gấp tư áo cà sa của mình, và đặt nó xuống, thưa với đức Thế Tôn: "Vậy, thưa Thế Tôn, kính mời đức Thế Tôn ngồi xuống. Như vậy chỗ này đã được dùng bởi hai bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác."

Đức Thế Tôn đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được làm sẵn và nói với thầy Ānanda như vầy:

5. "Này Ānanda, thuở xưa chỗ này là một phố thị phồn thịnh và đông đúc tên là Vebhalinga, có nhiều dân cư và đông người. Bấy giờ đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã sống gần phố thị Vebhalinga này. Thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã có tu viện của bậc ấy; thực sự, chính tại đây đức Thế Tôn

Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã ngồi và khuyên dạy Tăng Đoàn những Tỳ kheo."

6. "Ở Vebhalinga đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, có một người cúng dường (đàn-na, thí chủ), là người cúng dường chính (đại thí chủ), là một người thợ gốm tên là Ghaṭīkāra. Thợ gốm Ghaṭīkāra có một người bạn, là bạn thân của anh ta, là một môn sinh bà-la-môn tên là Jotipāla.[716]

"Một ngày nọ thợ gốm Ghaṭīkāra đã nói với môn sinh bà-la-môn Jotipāla như vầy: 'Jotipāla thân mến, chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.' Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: 'Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?'[717]

"Lần thứ hai và lần thứ ba thợ gốm Ghaṭīkāra nói: 'Này Jotipāla thân mến, chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.' Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: 'Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?'—'Vậy thì, này Jotipāla thân mến, chúng ta hãy lấy xơ mướp và mang theo bột tắm ra sông để tắm.'—'Rất được đó', Jotipāla đáp lại.

7. "Vậy là thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla lấy xơ mướp và mang theo bột tắm ra sông để tắm. Rồi Ghaṭīkāra nói với Jotipāla: 'Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, cũng gần ở đây. Chúng ta hãy đến đó gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.' Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: 'Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?'

"Lần thứ hai và lần thứ ba thợ gốm Ghaṭīkāra nói: 'Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp …' Và lần thứ hai và lần thứ ba

môn sinh bà-la-môn Jotipāla đều trả lời: 'Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?'

8. "Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra tay nắm kéo dây lưng của môn sinh bà-la-môn Jotipāla và nói: 'Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, cũng gần ở đây. Chúng ta hãy đến đó gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.' Môn sinh bà-la-môn Jotipāla trả lời: 'Đủ rồi, này Ghaṭīkāra thân mến, đi gặp sa-môn đầu trọc đó thì có công dụng gì?'

9. "Rồi, sau khi môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã gội đầu xong, thợ gốm Ghaṭīkāra đã nắm tóc anh ta và nói:[718] 'Này Jotipāla thân mến, có tu viện của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, cũng gần ở đây. Chúng ta hãy đến đó gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Tôi chắc rằng sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác.'

"Rồi môn sinh bà-la-môn Jotipāla nghĩ: 'Thật kỳ lạ, thật lạ thường rằng thợ gốm Ghaṭīkāra, người có gia cảnh thấp hơn, lại nắm tóc ta sau khi chúng tôi gội đầu xong! Chắc đây không phải là vấn đề đơn giản.' Và anh ta nói với thợ gốm Ghaṭīkāra: 'Anh làm vậy là quá lố rồi, này Ghaṭīkāra thân mến?'—'Này Jotipāla thân mến, tôi đã làm quá lố như vầy; bởi vì tôi quá tin chắc sẽ tốt lành nếu gặp đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác!'—'Được rồi, này Ghaṭīkāra, hãy bỏ tôi ra. Chúng ta sẽ đến gặp ông ấy.'

10. "Vậy là thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Ghaṭīkāra, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên; trong khi Jotipāla chỉ chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên. Rồi Ghaṭīkāra đã thưa với đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác: 'Thưa Thế Tôn, đây là môn sinh bà-la-môn Jotipāla, bạn của con, một người bạn thân. Mong Thế Tôn chỉ dạy Giáo

Pháp cho anh ấy.'

"Rồi đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp. Khi kết thúc bài thuyết giảng, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn Ca-Diếp, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, họ giữ đức Thế Tôn Ca-Diếp ở hướng bên phải của mình, và ra về.

11. "Sau đó Jotipāla đã hỏi Ghaṭīkāra: 'Này Ghaṭīkāra thân mến, giờ anh đã nghe được Giáo Pháp này, tại sao anh không từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?'—'Jotipāla thân mến, anh không biết tôi còn phải nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa và già yếu của mình sao?'—'Vậy thì, Ghaṭīkāra thân mến của tôi, tôi sẽ rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.'

12. "Vậy là thợ gốm Ghaṭīkāra và môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thợ gốm Ghaṭīkāra đã thưa với đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác: 'Thưa Thế Tôn, đây là môn sinh bà-la-môn Jotipāla, bạn của con, một người bạn thân. Mong đức Thế Tôn ban cho anh ấy giới xuất gia.' Và môn sinh bà-la-môn Jotipāla đã thụ lãnh giới xuất gia (thành sa-di) từ đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, và anh ấy cũng thụ lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).[719]

13. "Rồi không lâu sau khi môn sinh bà-la-môn Jotipāla thụ lãnh toàn-bộ giới, đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, sau khi đã trú lại Vebhalinga đủ lâu theo ý mình đã định, lên đường đi du hành tới xứ Benares (Ba-la-nại). Sau khi đã đi từng chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Benares, và ở đó đức Thế Tôn đã đến trú ở trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa là 'nơi những thiên thần hạ thế').

14. "Bấy giờ vua Kikī của xứ Kāsi đã nghe tin: 'Hình như đức Thế Tôn

Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã đến Benares và đang trú ở trong khu Vườn Nai ở Isipatana.' Vậy là ông cho chuẩn bị mấy cỗ xe hoàng gia, và lên xe, và đi từ Benares với đầy đủ sự uy nghi của hoàng gia để đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Nhà vua đi hết con đường có thể đi bằng xe, rồi ông xuống khỏi xe và đi bộ đến chỗ gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ vua Kikī của xứ Kāsi bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp.

15. "Khi kết thúc bài thuyết giảng, vua Kikī của xứ Kāsi đã thưa: 'Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn cùng Tăng Đoàn những Tỳ kheo nhận lời mời của con đến dùng bữa trưa ngày mai.' Và đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã chấp nhận, nhà vua đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, nhà vua ra về.

16. "Rồi, khi đêm đã qua, vua Kikī của xứ Kāsi đã cho chuẩn bị nhiều loại thức ăn trong tư dinh của của nhà vua—cơm gạo đỏ với những hạt màu sẫm được nhặt ra, cùng với nhiều loại nước xốt và cà ri—và nhà vua đã cho báo thời gian cho đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, như vầy: 'Thưa Thế Tôn, đã đến giờ, bữa cơm đã sẵn sàng.'

17. "Rồi, lúc đó vào buổi sáng, đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đi đến tư dinh của vua Kikī của xứ Kāsi, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, vua Kikī của xứ Kāsi đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn những Tỳ kheo với nhiều loại món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, vua Kikī của xứ Kāsi chọn một chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa: 'Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn chấp nhận từ con một nơi cư trú để an cư Mùa Mưa ở

Benares; sẽ có sự phụng sự như vậy dành cho Tăng Đoàn.'—'Đủ rồi, nhà vua, nơi cư trú của ta để an cư Mùa Mưa đã được (người khác) chu cấp rồi.'

"Lần thứ hai và lần thứ ba vua Kikī của xứ Kāsi lại thưa: 'Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn chấp nhận từ con một nơi cư trú để an cư Mùa Mưa ở Benares; sẽ có sự phụng sự như vậy dành cho Tăng Đoàn.'—'Đủ rồi, nhà vua, nơi cư trú của ta để an cư Mùa Mưa đã được chu cấp rồi.'

"Nhà vua nghĩ: 'Đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác không nhận từ ta một nơi cư trú để an cưa Mùa Mưa ở Benares', và nhà vua đã rất thất vọng và buồn bã.

18. "Rồi nhà vua lại hỏi: 'Thưa Thế Tôn, có phải Thế Tôn có người cúng dường tốt hơn con?'—'Đúng rồi, này đại vương. Có một phố thị tên là Vebhalinga, có một thợ gốm tên Ghaṭīkāra đang sống ở đó. Anh ta là một người cúng dường của ta, người cúng dường chính. Này đại vương, giờ ngài nghĩ: "Đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác không không nhận từ ta một nơi cư trú để an cư Mùa Mưa ở Benares", và ngài đã thất vọng và buồn bã; nhưng người thợ gốm Ghaṭīkāra thì không và sẽ không như vậy. Thợ gốm Ghaṭīkāra đã quy y nương tựa theo Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Anh ta kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Anh ta có niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và anh ta có được những đức-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân. Anh ta không còn sự nghi-ngờ về sự khổ, về nguồn-gốc của sự khổ, về sự chấm-dứt sự khổ, và về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Anh ta ăn mỗi ngày một bữa, anh ta giữ giới sống độc-thân, anh ta có đức hạnh, thuộc tính cách tốt thiện. Anh ta đã dẹp bỏ ngọc và vàng, anh ta đã từ bỏ vàng và bạc. Anh ta không dùng cuốc hay dùng tay để đào lấy đất làm đất sét; anh ta sẵn lòng lấy đất ở bờ sông do chó hay chuột đào lên để mang về làm đồ gốm; khi làm một thứ đồ gốm anh ta nói: "Những

ai thích có thể đặt vào bát gốm những hạt gạo đã chọn hay những hạt đậu đã chọn hay những hạt đậu lăng đã chọn, và mang đi được thứ họ thích."[720] Anh ta nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa và già yếu của mình. Sau khi đã tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), anh ta là người sẽ tái sinh tự động [trong một trong những Cõi Trời Trong-Sạch (năm cõi Tịnh cư thiện của bậc thánh Bất-lai)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn) luôn chứ không còn quay lại thế gian nữa.

19. "'Trong một lần khi ta đang sống ở Vebhalinga, vào buổi sáng, ta mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, ta đi đến chỗ cha mẹ của Ghaṭīkāra và hỏi họ: "Thưa ông bà, anh thợ gốm đã đi đâu rồi?"—"Thưa Thế Tôn, người cúng dường của Thế Tôn đã đi rồi; nhưng hãy cứ lấy cơm trong chảo lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn."

"'Ta đã làm vậy và đi khỏi. Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra về và hỏi cha mẹ anh ta: "Ai đã lấy cơm trong chảo lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn và đi khỏi vậy?"—"Này con yêu, đó là đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã lấy."

"'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra nghĩ: "Điều đó là ích lợi cho mình, đó là ích lợi lớn lao cho mình rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã có sự tin tưởng ở mình!" Và niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc không rời khỏi anh ta suốt nửa tháng, với cha mẹ anh ta thì suốt một tuần.

20. "'Trong một lần khác khi ta đang sống ở Vebhalinga, vào buổi sáng, ta mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, ta đi đến chỗ cha mẹ của Ghaṭīkāra và hỏi họ: "Thưa ông bà, anh thợ gốm đã đi đâu rồi?"—"Thưa Thế Tôn, người cúng dường của Thế Tôn đã đi rồi; nhưng hãy cứ lấy cháo trong tô lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn."

"'Ta đã làm vậy và đi khỏi. Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra về và hỏi cha mẹ anh ta: "Ai đã lấy cơm trong chảo lớn và nước xốt trong chảo nhỏ để ăn và đi khỏi vậy?"—"Này con yêu, đó là đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã lấy."

"'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra nghĩ: "Điều đó là ích lợi cho mình, đó là ích lợi lớn lao cho mình rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã có sự tin tưởng ở mình!" Và niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc không rời khỏi anh ta suốt nửa tháng, với cha mẹ anh ta thì suốt một tuần.

21. "'Trong một lần khác khi ta đang sống ở Vebhalinga, chòi ở của ta bị thủng dột. Rồi ta đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, hãy đi kiếm lấy ít cỏ tranh ở nhà của thợ gốm Ghaṭīkāra."—"Thưa Thế Tôn, không có cỏ tranh ở nhà của thợ gốm Ghaṭīkāra; có mái cỏ tranh trên xưởng gốm của anh ta."—"Này các Tỳ kheo, hãy đến đó và gỡ cỏ tranh từ xưởng gốm của thợ gốm Ghaṭīkāra."

"'Họ đã làm vậy. Rồi cha mẹ của thợ gốm đã hỏi các Tỳ kheo: "Ai đang gỡ cỏ tranh từ xưởng gốm vậy?"—"Thưa cô, chòi ở của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đang bị thủng dột."—"Vậy cứ lấy đi, thưa các thầy, hãy gỡ đi, thưa các thầy đáng mến!"

"'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra về và hỏi cha mẹ của anh ta: "Ai đã gỡ cỏ tranh từ xưởng gốm vậy?"—"Này con yêu, đó là các Tỳ kheo đã làm; chòi ở của đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đang bị thủng dột.

"'Rồi thợ gốm Ghaṭīkāra nghĩ: "Điều đó là ích lợi cho mình, đó là ích lợi lớn lao cho mình rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác đã có sự tin tưởng ở mình!" Và niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc không rời khỏi anh ta suốt nửa tháng, với cha mẹ anh ta thì suốt một tuần. Rồi xưởng gốm đó vẫn nguyên vẹn suốt ba tháng với bầu trời là mái che nhưng mưa không rớt vào. Người thợ gốm Ghaṭīkāra là như vậy đó.'

"'Điều đó là ích lợi cho Ghaṭīkāra, đó là ích lợi lớn lao cho anh ta rằng đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác tin cậy vào anh ta.'

"Rồi vua Kikī của xứ Kāsi vua đã gửi tới cho thợ gốm Ghaṭīkāra năm trăm xe gạo đỏ cùng với những nguyên liệu làm nước xốt. Rồi những người của vua Kikī của xứ Kāsi đã đến gặp Ghaṭīkāra và nói với anh ta:

'Thưa anh, có năm trăm xe gạo đỏ cùng với những nguyên liệu làm nước xốt đã được gửi tới cho anh bởi vua Kikī của xứ Kāsi; xin vui lòng nhận lấy.'—'Nhà vua rất bận bịu và có nhiều việc phải làm. Tôi có đủ rồi. Hãy dành những thứ này cho nhà vua.'[721]

22. "Bây giờ, này Ānanda, thầy có thể nghĩ như vầy: 'Chắc chắn, môn sinh bà-la-môn trong thời kiếp đó là một ai khác.' Nhưng thầy không nên nghĩ vậy. Chính ta là môn sinh bà-la-môn Jotipāla trong thời kiếp đó."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

21. (MN 82) KINH RAṬṬHAPĀLA

(*Raṭṭhapāla Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kuru cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, lúc đó đức Thế Tôn đã đến một thị trấn của người Kuru tên là thị trấn Thullakoṭṭhita.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở Thullakoṭṭhita đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Kosala cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo và đã đến Thullakoṭṭhita. Giờ tin đồn tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó."

3. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở Thullakoṭṭhita đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng về đức Thế Tôn để lễ chào và ngồi xuống một bên; một số xưng tên và họ của mình trước đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp.

4. Bấy giờ, vào lúc đó có một người họ tộc tên là Raṭṭhapāla, con trai của một họ tộc đứng đầu ở thị trấn Thullakoṭṭhita đó, đang ngồi trong hội chúng.[722] Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với anh ta: "Theo tôi hiểu Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: tôi cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

5. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở Thullakoṭṭhita, sau khi đã được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp, đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, họ ra về.

6. Không lâu sau khi họ đã đi, người họ tộc Raṭṭhapāla đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, anh ta ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, theo như con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: con cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Con muốn thụ lãnh giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con muốn thụ lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo)."

"Này Raṭṭhapāla, anh đã được cha mẹ cho phép xuất gia tu hành hay chưa?"

"Dạ chưa, thưa Thế Tôn, con chưa được cha mẹ cho phép."

"Này Raṭṭhapāla, những Như Lai không ban sự xuất gia cho bất cứ ai chưa được cha mẹ cho phép."

"Thưa Thế Tôn, con sẽ cố làm cho cha mẹ cho phép con rời bỏ đời sống tại gia để xuất gia tu hành."

7. Rồi người họ tộc Raṭṭhapāla đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế

Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và ra về. Anh ta đến gặp cha mẹ và thưa với họ: "Thưa cha mẹ, theo như con hiểu Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: con cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Hãy cho phép con rời khỏi nhà để sống đời sống xuất gia tu hành."

Sau khi anh ta nói điều này, cha mẹ anh ta đã trả lời: "Này con Raṭṭhapāla thân yêu, con là con trai duy nhất, đứa con thương yêu của cha mẹ. Con đã được nuôi dạy trong sự sung sướng, được lớn lên trong sự sung sướng; con chẳng biết gì về khổ cực, này con yêu Raṭṭhapāla.[723] Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?"

Lần thứ hai … lần thứ ba người họ tộc Raṭṭhapāla thưa với cha mẹ của anh ta: "Thưa cha mẹ, theo như con hiểu Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn … Hãy cho phép con rời khỏi nhà để sống đời sống xuất gia tu hành."

Lần thứ ba cha mẹ anh ta vẫn trả lời: "Này con Raṭṭhapāla thân yêu … Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?"

Rồi, sau khi không được cha mẹ cho phép xuất gia, người họ tộc Raṭṭhapāla đã nằm xuống nền nhà và nói: "Con sẽ nằm đây thà chết nếu không được xuất gia."

8. Rồi cha mẹ của người họ tộc Raṭṭhapāla đã nói với anh ta: "Này con Raṭṭhapāla thân yêu, con là con trai duy nhất, đứa con thương yêu của cha mẹ. Con đã được nuôi dạy trong sự sung sướng, được lớn lên trong sự sung sướng; con chẳng biết gì về khổ cực, này con yêu Raṭṭhapāla. Này con Raṭṭhapāla, hãy đứng dậy, ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình.

Khi con ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình, con có thể hạnh phúc vừa thụ hưởng dục lạc và làm những việc công đức. Cha mẹ không cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?" Sau khi điều này được nói ra, người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng.

Lần thứ hai … Lần thứ ba cha mẹ anh ta đã nói: "Này con Raṭṭhapāla thân yêu … Ngay cả khi con chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ con còn đang sống mà cha mẹ cho phép con từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?" Lần thứ ba người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng.

9. Rồi cha mẹ của anh ta đã gặp bạn bè của anh ta và nói với họ: "Này các bạn của tộc tử Raṭṭhapāla, Raṭṭhapāla đã nằm xuống nền nhà và nói: 'Con sẽ nằm đây thà chết nếu không được xuất gia.' Này các bạn của Raṭṭhapāla, nhờ các cháu hãy đến gặp tộc tử Raṭṭhapāla và nói với nó: 'Này anh bạn Raṭṭhapāla, anh là con trai duy nhất của cha mẹ anh … Hãy đứng dậy, ăn uống và vui chơi cho sướng thân … Ngay cả khi anh chết rồi cha mẹ anh còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ anh còn đang sống mà cha mẹ anh cho phép anh từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?'"

10. Rồi những bạn bè của anh ta đã đến gặp anh ta và nói với anh ta: "Này anh bạn Raṭṭhapāla, anh là anh trai duy nhất, đứa anh thương yêu của cha mẹ anh. Anh đã được nuôi dạy trong sự sung sướng, được lớn lên trong sự sung sướng; anh chẳng biết gì về khổ cực, này anh bạn Raṭṭhapāla. Này anh bạn Raṭṭhapāla, hãy đứng dậy, ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình. Khi anh ăn uống và vui chơi cho sướng thân mình, anh có thể hạnh phúc vừa thụ hưởng dục lạc và làm những việc công đức. Cha mẹ sẽ không cho phép anh từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Ngay cả khi anh chết rồi cha mẹ còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ anh còn đang sống mà cha mẹ anh cho phép anh từ bỏ gia đình để đi

sống đời xuất gia như vậy?" Sau khi điều này được nói ra, người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng.

Lần thứ hai … Lần thứ ba bạn bè của anh ta đã nói: "Này anh bạn Raṭṭhapāla thân yêu … Ngay cả khi anh chết rồi cha mẹ anh còn không muốn mất con, lấy đâu bây giờ anh còn đang sống mà cha mẹ anh cho phép anh từ bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia như vậy?" Lần thứ ba người họ tộc Raṭṭhapāla đã im lặng.

11. Rồi bạn bè của của anh ta đã gặp cha mẹ anh ta và nói với họ: "Thưa hai bác, tộc tử Raṭṭhapāla vẫn đang nằm trên nền nhà và nói: 'Tôi sẽ nằm đây thà chết nếu không được xuất gia.' Giờ nếu hai bác không cho phép anh ấy xuất gia, anh ấy sẽ thà chết ngay tại đó. Nhưng nếu hai bác cho anh ấy xuất gia, sau này hai bác sẽ còn gặp lại anh ấy. Và nếu anh ấy không thấy thích đời sống xuất gia, anh ấy còn đi đâu khác mà không trở về nhà? Vậy hãy cho phép anh ấy rời bỏ gia đình để sống đời xuất gia."

"Này các cháu thân yêu, vậy thì chúng ta đành cho phép tộc tử Raṭṭhapāla rời bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Nhưng (với điều kiện) sau khi xuất gia nó phải về thăm cha mẹ của nó."

Rồi bạn bè của người họ tộc Raṭṭhapāla đã đến gặp và nói với anh ta: "Dậy đi, này anh bạn Raṭṭhapāla. Cha mẹ anh cho phép anh rời bỏ gia đình để đi sống đời xuất gia. Nhưng sau khi xuất gia, anh phải về thăm cha mẹ của mình."

12. Rồi người họ tộc Raṭṭhapāla đứng dậy, và sau khi đã lấy lại sức lực (sau thời gian nằm vạ không ăn uống), anh ta đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con đã được phép của cha mẹ cho con rời bỏ gia đình để sống đời sống xuất gia. Kính mong đức Thế Tôn ban cho con giới xuất gia." Rồi người họ tộc Raṭṭhapāla đã nhận lãnh giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, và anh ta nhận lãnh toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).

13. Rồi, không lâu sau khi thầy ấy đã thụ toàn-bộ giới, nửa tháng sau

đó sau khi thầy ấy đã thụ toàn-bộ giới, đức Thế Tôn, sau khi đã trú ở Thullakoṭṭhita một thời gian như đã định trước, lên đường đi đến Sāvatthī (Xá-vệ). Sau khi đã đi từng chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Sāvatthī, và ở đó đức Thế Tôn đã trú ở trong trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).

14. Không lâu sau đó: nhờ sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ngay trong kiếp này, thầy Raṭṭhapāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này thầy ấy đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.[724] Thầy ấy hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và thầy Raṭṭhapāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

15. Sau đó thầy Raṭṭhapāla đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, con muốn về thăm cha mẹ, nếu Thế Tôn cho phép con."

Rồi đức Thế Tôn đã bằng tâm mình thâm nhập những ý nghĩ trong tâm của thầy Raṭṭhapāla. Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng người họ tộc Raṭṭhapāla đã không còn có thể bỏ tu hoàn tục, đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: "Này Raṭṭhapāla, thầy có thể tùy tiện mà đi."

16. Rồi thầy Raṭṭhapāla đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Rồi thầy ấy thu xếp chỗ ở của mình, và mang theo bình bát và cà sa, lên đường du hành theo hướng về cố hương Thullakoṭṭhita. Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng thầy ấy cũng đến Thullakoṭṭhita. Ở đó thầy ấy đã trú ở Thullakoṭṭhita trong Khu Vườn Migācīra của vua Koravya. Rồi, vào buổi sáng, thầy ấy mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Thullakoṭṭhita để khất thực. Khi thầy ấy đang đi khất thực từ nhà này sang nhà khác trong

thị trấn Thullakoṭṭhita, thầy đã đến nhà cha của mình.

17. Bấy giờ, vào lúc đó cha của thầy Raṭṭhapāla đang ngồi ở gian phòng cửa chính để người ta cắt tóc. Khi nhìn thấy thầy Raṭṭhapāla đang bước đến từ xa, ông ta nói: "Con trai duy nhất của chúng tôi, đứa con yêu dấu và thương yêu, đã bị những sa-môn trọc đầu xui khiến xuất gia rồi." Rồi tại chính căn nhà của cha mình thầy Raṭṭhapāla đã không nhận được thức ăn bố thí hay lời từ chối lịch sự nào; thay vì vậy, thầy chỉ nhận được sự ngược đãi.

18. Rồi một nữ nô tỳ của một trong những người họ hàng của thầy ấy đang đi đổ bỏ chỗ cháo cũ. Khi nhìn thấy vậy, thầy Raṭṭhapāla đã nói với cô ta: "Thưa chị, nếu chị đổ bỏ chỗ đó, vậy chị đổ vào bình bát của tôi đây."

Trong khi cô ấy đổ cháo cũ vô bình bát, cô nhận ra những tướng nét trên bàn tay, bàn chân, và giọng nói của thầy ấy. Rồi cô đến chỗ mẹ của thầy và nói: "Thưa phu nhân, bà nên biết rằng cậu trai Raṭṭhapāla của chủ nhân của tôi đã đến đây."

"Ơn trời! Nếu điều ngươi nói là đúng thì ta sẽ cho người hết phận nô tỳ!"

Rồi mẹ của thầy Raṭṭhapāla đến chỗ chồng bà và nói: "Này gia chủ, ông nên biết, mấy đứa nói rằng tộc tử Raṭṭhapāla đã đến đây."

19. Ngay sau đó thầy Raṭṭhapāla đang ngồi ăn chỗ cháo cũ cạnh bức tường của một nơi trú ở. Cha của thầy đã đến chỗ thầy và nói: "Này Raṭṭhapāla, con yêu dấu, chắc chắn có … vậy mà sao con lại ngồi đây ăn cháo cũ![725] Bộ con không có nhà của mình để về sao?"

"Này gia chủ, làm sao chúng tôi có thể có nhà cửa sau khi chúng tôi đã từ bỏ nhà cửa để đi sống đời xuất gia? Chúng tôi là xuất gia, này gia chủ. Chúng tôi đến nhà của gia chủ, nhưng không nhận được thức ăn bố thí hay lời từ chối lịch sự; thay vì vậy, chúng tôi chỉ nhận được sự ngược đãi."

"Hãy về, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, hãy cùng về nhà."

"Đã đủ rồi, này gia chủ, tôi đã ăn xong bữa ăn hôm nay."

"Vậy thì, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, hãy đồng ý nhận lời ăn bữa cơm ngày mai nhé." Thầy Raṭṭhapāla đồng ý trong im lặng.

20. Rồi, sau khi biết thầy Raṭṭhapāla đã đồng ý, cha của thầy đã quay về nhà mình, ở đó ông cho chất đống ra vàng tiền và vàng thỏi thành đống lớn và lấy chiếu phủ lên lên. Rồi ông nói với một trong những người vợ trước kia của thầy Raṭṭhapāla: "Này con dâu, hãy trang điểm theo cách mà Raṭṭhapāla thấy con là đáng quý và đáng yêu."

21. Rồi đêm đã qua, cha của thầy Raṭṭhapāla đã cho chuẩn bị nhiều loại món ăn ngon khác nhau và đã thông báo thời gian cho thầy Raṭṭhapāla: "Đã đến lúc, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, bữa cơm đã sẵn sàng."

22. Rồi, vào buổi sáng, thầy Raṭṭhapāla mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà cha của mình, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi cha của thầy cho mở đống vàng tiền và vàng thỏi, và nói: "Này Raṭṭhapāla yêu dấu, đây là phần gia tài từ mẹ con; còn gia tài từ cha con nữa và còn gia tài của tổ tiên nữa. Này Raṭṭhapāla yêu dấu, con có thể vừa hưởng thụ sự giàu có và vừa làm công đức. Này con yêu dấu, hãy bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, thụ hưởng sự giàu có và làm công đức."

"Này gia chủ, nếu gia chủ nghe theo lời khuyên của tôi, thì hãy cho chất đống vàng tiền và vàng thỏi lên xe và đem đổ xuống giữa sông Hằng. Vì sao vậy? Bởi vì, này gia chủ, chính do những thứ tiền tài này nên khởi sinh cho gia chủ sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng."

23. Rồi những người vợ trước kia của thầy Raṭṭhapāla đã nắm bàn chân của thầy và nói với thầy: "Hỡi trưởng nam của gia chủ của tôi, những thiên nữ trông ra sao mà vì họ phu quân phải đi sống đời sống tâm linh như vậy?"

"Chúng tôi không sống đời sống tâm linh vì (để gặp được) những thiên nữ (trên cõi trời), thưa các chị."

"Kìa, trưởng nam Raṭṭhapāla của gia chủ của chúng tôi mới gọi chúng tôi bằng 'chị' kìa", họ la lên rồi ngất xỉu luôn.

24. Rồi thầy Raṭṭhapāla mới nói với cha của thầy: "Này gia chủ, nếu gia chủ bố thí bữa ăn, vậy hãy bố thí. Đừng quấy rối chúng tôi nữa."

"Vậy thì ăn cơm, này con Raṭṭhapāla yêu dấu, bữa cơm đã dọn sẵn."

Rồi, cha của thầy Raṭṭhapāla đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng thầy ấy bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi thầy Raṭṭhapāla đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, thầy ấy đứng dậy và thốt ra bài thi kệ sau đây:

25. "Nhìn xem giống như một búp bê được tô vẽ,[726]
Chỉ là tấm thân được tạo nên bởi những sự đau đớn,
Là thứ bệnh, chỉ là một thứ phải âu lo,
Không có sự bền chắc thường hằng.

Nhìn xem giống như một hình nhân được tô vẽ,
Với kim hoàng và bông tai,
Chỉ là một bộ xương được bọc bởi da,
Và được làm cho hấp dẫn bởi trang phục bên ngoài.

Hai bàn chân được tô điểm bởi sáp màu,
Và phấn tô đầy trên mặt:
Đó có thể lừa kẻ ngu,
Chứ sao lừa được người tìm cầu bỉ ngạn.

Tóc nó được uốn thành tám lọn
Và phấn sáp tô đầy hai mắt:
Đó có thể lừa kẻ ngu,
Chứ sao lừa được người tìm cầu bỉ ngạn.

Một tấm thân ô uế được trang điểm kỹ càng,
Giống như một hộp son phấn mới được sơn:
Đó có thể lừa kẻ ngu,
Chứ sao lừa được người tìm cầu bỉ ngạn.

Như người bẫy hươu cài đặt cạm bẫy,
Nhưng hươu này không chảy vào cái bẫy;
Chúng tôi chỉ ăn mồi và giờ ra về,
Để lại những thợ săn than trách ai oán."

26. Sau khi thầy Raṭṭhapāla đã đứng dậy và thốt ra những dòng thi kệ này, thầy ấy ra về và đến chỗ Khu Vườn Migācīra và ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày.

27. Rồi Vua Koravya nói với người gác vườn như vầy: "Này ông gác vườn, hãy dọn dẹp Khu Vườn Migācīra để ta có thể tới đó viếng thăm ngắm cảnh."—"Dạ, thưa bệ hạ", người gác vườn đáp lại. Bấy giờ, khi người gác vườn đang dọn dẹp Khu Vườn Migācīra, ông nhìn thấy ngài Raṭṭhapāla ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày. Khi nhìn thấy thầy ấy, ông chạy đến báo với Vua Koravya: "Thưa bệ hạ, Khu Vườn Migācīra đã được dọn dẹp. Ở đó đang có Raṭṭhapāla, con trai của gia tộc đứng đầu ở Thullakoṭṭhita này, người mà bệ hạ đã luôn nói lời ca ngợi;[727] ngài ấy đang ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày."

"Này ông gác vườn, hôm nay lo khu vườn như vậy là đủ rồi; giờ chúng ta sẽ đến kính lễ Thầy Raṭṭhapāla."

28. Rồi nhà vua nói: "Hãy đem phân phát hết những thức ăn đã được nấu trong cung ngày hôm nay." Vua Koravya cho chuẩn bị một số xe ngựa trong triều, rồi nhà vua leo lên một chiếc, theo sau là những chiếc khác, lái ra khỏi thành Thullakoṭṭhita với đầy đủ uy nghi của vương triều để đến gặp Ngài Raṭṭhapāla. Vua cho xe ngựa chạy hết quãng đường xe ngựa có thể đi được, rồi sau đó xuống xe đi bộ, theo sau là các quan thần quan trọng nhất, để đến nơi gặp Ngài Raṭṭhapāla. Nhà vua chào hỏi với thầy Raṭṭhapāla, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, nhà vua đứng qua một bên và nói: "Ở đây có nệm yên voi, xin mời Thầy Raṭṭhapāla ngồi lên."

"Không cần đâu, thưa đại vương. Hãy ngồi xuống đi. Tôi đang ngồi trên miếng nệm của tôi rồi." Rồi Vua Koravya ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn, và nói:

29. "Thầy Raṭṭhapāla, có bốn loại sự mất mát. Do bị bốn sự mất mát đó nên có một số người đã cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn đó là gì? Đó là sự mất mát vì tuổi già, sự mất mát vì đau bệnh, sự mất mát tài sản, và sự mất mát người thân thuộc.

30. (1) "Và cái gì là sự mất mát vì tuổi già? Ở đây, thưa thầy Raṭṭhapāla, có người bị già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời. Người đó suy xét như vầy: 'Ta đã già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã gần hết tuổi đời, đang tới giai đoạn cuối đời. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới hoặc gia tăng của cải đã làm ra trước đây. Chắc ta phải nên cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mất vì tuổi già, cho nên người đó cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.'

"Đây được gọi là sự mất mát vì tuổi già. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, còn đang trong thời xuân sắc của cuộc đời. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì tuổi già. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

31. (2) "Và cái gì là sự mất mát vì đau bệnh? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu như gần chết. Người đó suy xét như vầy: 'Ta bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu như gần chết. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mát vì đau bệnh … cho nên ... đi vào đời sống xuất gia tu hành.

"Đây được gọi là sự mất mát vì đau bệnh. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn chưa bị đau bệnh đau khổ gì; thầy vẫn còn hệ tiêu hóa điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì đau bệnh. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

32. (3) "Và cái gì là sự mất mát tài sản? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của người đó bị tiêu tán. Người đó suy xét như vầy: 'Trước đây ta giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của ta đã bị tiêu tán. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mát tài sản … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.

"Đây được gọi là sự mất mát tài sản. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla là con trai của một gia tộc đứng đầu (giàu có) trong thành Thullakoṭṭhita này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mất tài sản gì. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

33. (4) "Và cái gì là sự mất mát người thân? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng. Dần dà số người thân của người đó cũng bị ít đi. Người đó suy xét như vầy: 'Trước đây ta có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân thuộc và họ hàng. Dần dà số người thân của ta bị ít đi. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mát người thân … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.

"Đây được gọi là sự mất mát người thân. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla còn nhiều bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng trong thành Thullakoṭṭhi-ta này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát người thân nào. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

34. "Thưa Thầy Raṭṭhapāla, đó là bốn loại sự mất mát. Do họ đã bị bốn loại mất mát đó nên họ cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla chưa bị sự mất mát nào trong số đó. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?"

35. "Này đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáo Pháp đã được giảng dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe (bốn điều đó), tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn điều tóm tắt đó là gì?

36. (1) "'[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi':[728] đây là tóm tắt thứ nhất về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết và thấy điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

(2) "'[Sự sống ở] mọi thế gian không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ':[729] đây là tóm tắt thứ hai về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy …

(3) "'[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi':[730] đây là tóm tắt thứ ba về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy …

(4) '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng':[731] đây là tóm tắt thứ tư về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy …

37. "Đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáp Pháp đã được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe bốn điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

38. (1) "Thầy Raṭṭhapāla mới nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?"

"Ngài nghĩ sao, đại vương? Khi ngài còn tuổi hai mươi hay hai lăm, giỏi giang về cưỡi voi, giỏi về cưỡi ngựa, giỏi về xe ngựa, giỏi về bắn cung, giỏi về kiếm thuật, bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, cường tráng, có thể xông pha chiến trận, đúng không?"

"Chắc chắn ta đã từng như vậy, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc ta tự hỏi liệu ta có thể có lại sức mạnh siêu thường hồi đó hay không. Ta chưa thấy ai có thể ngang hàng với sức mạnh của ta thời đó."

"Ngài nghĩ sao, đại vương? Giờ ngài có còn bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, có còn cường tráng và có thể xông pha chiến trận nữa không?"

"Không, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Giờ ta bị già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời; ta nay đã bước sang tuổi tám mươi. Nhiều lúc ta muốn bước chân chỗ này nhưng nó lại vấp qua chỗ khác." (chân tay lọng cọng, không còn nghe theo ý muốn của người già).

"Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, thưa Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.' Đúng thực như vậy!

39. (2) "Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn có đủ các đoàn voi chiến, đoàn ngựa chiến, xe chiến, và lính chiến, sẽ phục vụ để đập tan mọi mối đe dọa đối với chúng tôi. Nhưng thầy lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?"

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có căn bệnh mãn tính nào không?"—"Có, ta có bệnh trúng gió mãn tính, thưa Thầy Raṭṭhapāla.

Nhiều lúc bị vậy, những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta đã từng đứng xung quanh ta, và nghĩ: 'Chắc Vua Koravya sắp chết rồi, giờ Vua Koravya sắp chết rồi!'"

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Liệu ngài có thể ra lệnh cho họ: 'Này những bạn bè và cận thần, những người thân và họ hàng của ta. Tất cả ai đang có mặt hãy chia sớt sự đau bệnh của ta để ta bớt đau đớn', được hay không? Hay ngài phải tự mình chịu đựng sự khổ đau của mình?"

"Ta đâu thể ra lệnh bắt những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta chia sớt như vậy được, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ta phải tự mình chịu đựng sự đau đớn của mình."

"Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ'; và sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ.' Đúng thực như vậy!

40. (3) "Thưa Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn rất nhiều vàng bạc và châu báu được cất trong các gian hầm và gian lầu. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai cũng bỏ lại tất cả và ra đi.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?"

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái-lạc giác quan (dục lạc), nhưng liệu ngài có chắc chắn trong kiếp sau ngài vẫn còn được thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái-lạc giác quan giống như vậy hay không? Hay (sau khi ngài chết) những người

khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi này của ngài, trong khi ngài phải chịu trả giá cho những nghiệp mình đã làm?"

"Ta không thể chắc chắn về những gì sẽ xảy ra trong kiếp sau, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ngược lại, chắc chắn những người khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi của ta, trong khi ta phải trả giá cho những nghiệp mình đã làm."

"Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.' Đúng thực như vậy!

41. (4) "Còn bây giờ, Thầy Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.' Vậy ý nghĩa của lời khẳng định này nên được hiểu ra sao?

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có cai trị nước Kuru giàu có này không?"

"Có, ta cai trị, thưa Thầy Raṭṭhapāla."

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía đông, và nói: 'Bẩm báo đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía đông, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có, rất sầm uất và đông dân. Có nhiều đoàn voi chiến, nhiều đoàn kỵ binh, xe chiến, và lính chiến; ở đó có nhiều vàng bạc và châu báu gồm loại còn thô và loại đã luyện chế, và có nhiều phụ nữ để lấy làm vợ. Với sức mạnh của nhà vua, ngài có thể chinh phục nước đó. Vậy ngài hãy chinh phục lấy nước đó đi, bẩm đại vương.' Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?"

"Thì chúng tôi sẽ chinh phục lấy nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla."

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, và nói: 'Bẩm báo đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có … Vậy ngài hãy chinh phục lấy nước đó đi, bẩm đại vương.' Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?"

"Thì chúng tôi sẽ chinh phục lấy nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla." (lòng tham và dục vọng ở thế gian là không đáy)

"Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.'; và sau khi tôi đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] mọi thế gian là không đủ, chẳng bao giờ thỏa mãn, là nô lệ cho dục-vọng.' Đúng thực như vậy!

42. Đó là lời thầy Raṭṭhapāla đã nói. Và sau khi nói xong, thầy ấy nói thêm (thi kệ):

"Tôi nhìn thấy những người giàu có trong thế gian,
Nhưng do vô-minh không cho đi tài sản được tích lũy,
Quá tham lam ôm giữ của cải của mình,
Còn khao khát thêm nhiều dục-lạc.

Một nhà vua đã chinh phục trái đất bằng vũ lực,
Và cai trị cả lãnh địa tới tận bờ đại dương,
Không thỏa mãn với bờ bên này của biển,
Và thèm khát chiếm luôn bờ bên kia.

Hầu hết thiên hạ cũng như vậy, đâu chỉ riêng nhà vua,
Đối mặt với cái chết mà dục-vọng không vơi giảm;
Đến khi lìa khỏi xác vẫn còn [những toan tính] chưa làm xong;
Những tham-muốn vẫn chưa được thỏa mãn trong thế gian.

Người thân thuộc của người chết thì ai oán và vò nát đầu tóc,
Họ khóc la: 'Ôi trời! Người thân yêu của chúng tôi đã chết!'
Họ mang xác chết được quấn trong vải liệm,
Đưa tới giàn thiêu để thiêu rụi nó.

Bị quấn trong vải liệm, người chết để lại hết của cải,
Bị thọc bằng những cây nhọn, người đó cháy rụi [trên giàn thiêu].
Khi người đó chết, không người thân hay bạn bè nào
Có thể cho người đó một chỗ ẩn trú và nương tựa ở đây.

Trong khi những người thừa tự chia chác của cải của người chết,
Thì ông ta chết đi theo những nghiệp của mình;
Và khi ông ta chết chẳng thứ gì có thể theo ông được;
Không vợ, con, của cải, hay tài sản hoàng gia.

Tuổi thọ không kéo dài nhờ của cải,
Sự giàu có không đuổi được tuổi già, như thánh hiền đã nói,
Không có sự bất tử, chỉ có sự vô thường đổi thay.
Người giàu hay kẻ nghèo đều cảm nhận [Thần Chết] chạm tới mình,
Kẻ ngu hay người trí cũng đều cảm nhận như vậy;
Nhưng kẻ ngu thì hoảng sợ với sự ngu si của mình,
Người có trí sẽ không run rẩy khi chạm tới mình.

Ở đây trí-tuệ thì tốt hơn mọi của cải,
Vì nhờ có trí-tuệ người đạt tới mục-tiêu cuối cùng.
Bởi con người do vô-minh cứ làm những điều xấu ác,
Trong bao nhiêu truyền kiếp chẳng đạt tới mục-tiêu nào.

Khi người đó chui vào bào thai và cõi giới kế tiếp,
Luân hồi liên tục trong vòng tái-sinh,

Người khác có ít trí và tin tưởng theo người đó,
Nên cũng chui vào bào thai và cõi giới kế tiếp.

Giống như một kẻ cướp bị bắt khi hành sự,
Sẽ bị làm cho khổ sở vì việc ác của mình,
Cũng vậy những người sau khi chết, trong cõi giới tiếp theo,
Sẽ bị làm cho thống khổ vì những điều ác của mình.

Những dục-lạc, đủ loại, ngon ngọt, khoái thú,
Bằng nhiều cách phá quấy cái tâm:
Nhìn thấy những nguy-hại trong những trói-buộc tham dục,
Tôi đã chọn sống đời sống xuất gia, này Bệ Hạ.

Như trái cây đều rụng rớt khỏi cây, con người cũng vậy,
Người già người trẻ cũng rụng rớt khi thân này thân rã.
Do cũng nhìn thấy điều này, này Bệ Hạ, nên tôi đã xuất gia:
Đời sống sa-môn được bảo đảm là tốt hơn."

22. (MN 84) KINH MADHURĀ

(*Madhurā Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahā Kaccāna] đang sống ở Madhurā trong Khu Vườn Gundā.[732]

2. Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã nghe tin: "Sa-môn Ca-chiên-diên đang sống ở Madhurā trong Khu Vườn Gundā. Giờ tin tốt lành về Thầy Ca-chiên-diên đã được lan truyền như vầy: 'Thầy ấy là có trí, sáng suốt, khôn ngoan, học hiểu nhiều, nói năng rành mạch, và khả năng hùng biện; thầy ấy là trưởng lão và thầy ấy là một A-la-hán. Sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán.'"

3. Rồi Vua Avantiputta của xứ Madhurā cho chuẩn bị mấy cỗ xe hoàng gia, và lên một cỗ xe, đi ra khỏi thành Madhurā với đầy đủ sự uy nghi của hoàng gia để đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Nhà vua đi hết con đường có thể đi bằng xe, rồi ông xuống khỏi xe và đi bộ đến chỗ gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông chào hỏi qua lại với thầy ấy, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói:

4. "Thầy Ca-chiên-diên, những bà-la-môn nói như vầy: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất, những người thuộc giai cấp khác là thấp kém hơn; những bà-la-môn là giai cấp trắng trẻo nhất, những người thuộc giai cấp khác là đen đủi; chỉ những bà-la-môn được thanh lọc, những người không phải bà-la-môn thì không; chỉ những bà-la-môn là con của trời Brahmā, dòng dõi của trời Brahmā, được sinh từ miệng của trời Brahmā, được sinh từ trời Brahmā, được tạo ra bởi trời Brahmā, là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.' Thầy Ca-chiên-diên nói sao về điều này?"

5. "Này đại vương, đó chỉ là một lời nói (tiếng nói, âm thanh, lời tuyên truyền, lời ca tụng, lời vô thực) trong thế gian, rằng 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.' Và có một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn

chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

(1) "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những quý-tộc khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những bà-la-môn, những thương-nông, và những bần-lao hạ tiện phục tùng giống vậy, có phải không?"

"Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một bà-la-môn phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những bà-la-môn khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những thương-nông, những bần-lao hạ tiện, và những quý-tộc phục tùng giống vậy, có phải không?"

"Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một thương-nông phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những thương-nông khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những bần-lao hạ tiện, những quý-tộc, và những bà-la-môn, phục tùng giống vậy, có phải không?"

"Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu một bần-lao hạ tiện phát giàu về của cải, lúa gạo, bạc, vàng thì sẽ có những bần-lao hạ tiện khác thức dậy trước ông ta và ngủ nghỉ sau ông ta, là những người hăng hái phục tùng ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời ngon ngọt với ông ta, và cũng sẽ có những những quý-tộc, những bà-la-môn, và những thương-nông phục tùng giống vậy, có phải không?"[733]

"Sẽ có những người như vậy, Thầy Ca-chiên-diên."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng."

"Này đại vương, đó là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

(2) "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh hiểm độc, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, còn thèm-khát (tham), có một cái tâm ác-ý (sân), và nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến, si). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, nếu một quý-tộc làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán."

"Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, nếu một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa

ngục. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán."

"Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng."

"Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

6. (3) "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh hiểm độc, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, không thèm-khát (vô tham), có một cái tâm không ác-ý (vô sân), và nắm giữ quan-điểm đúng đắn (chánh kiến, vô si). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, nếu một quý-tộc làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán."

"Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp … nắm giữ quan-điểm đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, thì có phải người đó [chắc sẽ] được tái sinh

trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, nếu một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện làm như vậy, thì ông ta [chắc sẽ] được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo ý ta thấy là vậy trong trường hợp này, và ta cũng đã nghe như vậy từ những A-la-hán."

"Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài đã nghe từ những A-la-hán là tốt. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng."

"Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

7. (4) "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc đột nhập nhà cửa, cướp bóc của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, hoặc dụ dỗ vợ người khác, và nếu người của đại vương bắt được ông ta và giải ông ta tới, và thưa: 'Thưa bệ hạ, đây là thủ phạm; hãy ra lệnh trừng trị ông ta theo ý bệ hạ', thì ngài sẽ xử ông ta ra sao?"

"Thầy Ca-chiên-diển, chúng ta sẽ xử tử ông ta, hoặc chúng ta hình phạt ông ta, hoặc lưu đày ông ta, hoặc sẽ xử ông ta cho xứng tội. Vì sao vậy? Bởi vì ông ta đã mất tư cách trước đây của mình là một quý-tộc, và giờ chỉ được coi là một tên trộm cướp."

8. "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện đột nhập vào nhà cửa … hoặc dụ dỗ vợ người khác, và nếu người của đại vương bắt được ông ta và giải ông ta tới, và thưa: 'Thưa bệ hạ, đây là thủ phạm; hãy ra lệnh trừng trị ông ta theo ý bệ hạ', thì ngài sẽ xử ông tar a sao?"

"Thầy Ca-chiên-diển, chúng ta sẽ xử tử ông ta, hoặc chúng ta hình phạt ông ta, hoặc lưu đày ông ta, hoặc sẽ xử ông ta cho xứng tội. Vì sao vậy? Bởi vì ông ta đã mất tư cách trước đây của mình là một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện, và giờ chỉ được coi là một tên trộm cướp."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng."

"Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

9. (5) "Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một quý-tộc, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo. Sau khi kiêng cữ ăn vào ban đêm, người đó chỉ ăn một bữa mỗi ngày, và sống độc-thân, có đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Ngài sẽ đối xử người đó ra sao?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chúng tôi sẽ kính lễ người đó, hoặc chúng tôi sẽ đứng dậy (lễ phép) vì người đó, hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc chúng tôi sẽ mời người đó nhận những y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; hoặc chúng tôi sẽ thu xếp cho người đó sự bảo hộ hợp pháp, sự canh phòng, và sự bảo vệ. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã mất tư cách trước đây của mình là một quý-tộc, và giờ chỉ được coi là một sa-môn."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện, sau khi cạo bỏ râu tóc … có đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Ngài sẽ đối xử người đó ra sao?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chúng tôi sẽ kính lễ người đó, hoặc chúng tôi sẽ đứng dậy vì người đó, hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc chúng tôi sẽ mời người đó nhận những y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; hoặc chúng tôi sẽ thu xếp cho người đó sự bảo hộ hợp pháp, sự canh phòng, và sự bảo vệ. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã mất tư cách trước đây của mình là một bà-la-môn … một thương-nông … một bần-lao hạ tiện, và giờ chỉ được coi là một sa-môn."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu đã như vậy, thì có phải bốn giai cấp này đều như nhau, hoặc nếu không thì theo ý nhà vua thấy ra sao trong trong trường hợp này?"

"Thầy Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, nếu đã như vậy, thì bốn giai cấp này đều như nhau: ta không nhìn thấy sự khác nhau nào giữa chúng."

"Này đại vương, đó cũng là một cách nhờ đó có thể hiểu được lời khẳng định đó của những bà-la-môn chỉ là một lời nói trong thế gian mà thôi.

10. Sau khi điều này được nói ra, Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã nói với thầy Đại Ca-chiên-diên: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Ca-chiên-diên! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Ca-chiên-diên! Thầy Ca-chiên-diên đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Ca-chiên-diên và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

"Đừng quy y nương tựa vào tôi, này đại vương. Hãy quy y nương tựa vào đức Thế Tôn là bậc mà tôi đã quy y nương tựa."

"Thầy Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đang sống ở đâu?"

"Này đại vương, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đã bát Niết-bàn."

11. "Nếu chúng tôi nghe được đức Thế Tôn đó ở trong vòng mười do-tuần (dặm Ấn), chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nếu chúng tôi nghe được đức Thế Tôn đó ở trong vòng hai mươi … ba mươi … bốn mươi … năm mươi do-tuần, chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nhưng vì đức Thế Tôn đó đã bát Niết-bàn, chúng tôi quy y nương tựa vào đức Thế Tôn, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

23. (MN 85) KINH HOÀNG TỬ BỒ-ĐỀ

(*Bodhirājakumāra Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đang sống ở xứ Bhagga, ở Suṁsumāragira, trong Vườn Bhesakaḷā, trong khu Vườn Nai.

2. Bấy giờ, lúc đó một cung điện được gọi là Dinh Kokanada mới được xây xong cho Hoàng tử Bồ-Đề [Bodhi], và nó chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn nào hay bất cứ người nào.[734]

3. Rồi Hoàng tử Bồ-Đề đã nói với môn sinh bà-la-môn Sañjikāputta như vầy: "Này Sañjikāputta thân mến, hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: 'Thưa Thế Tôn, Hoàng tử Bồ-Đề xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.' Rồi thưa điều này: 'Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời dùng bữa cơm ngày mai từ Hoàng tử Bồ-Đề.'"

"Dạ, thưa hoàng tử", Sañjikāputta đáp lại, và anh ta đi đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thưa lại … (*toàn bộ nội dung hoàng tử đã dặn*)."

4. Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, Sañjikāputta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, và đến gặp Hoàng tử Bồ-Đề, kể lại và nói thêm: "Sa-môn Cồ-đàm đã đồng ý."

5. Rồi đêm đã qua, Hoàng tử Bồ-Đề cho chuẩn bị nhiều món ăn ngon khác nhau ngay trong tư dinh của mình, và hoàng tử cho trải vải trắng phủ hết cầu thang cho đến bậc thang thấp nhất. Và hoàng tử nói với môn sinh bà-la-môn Sañjikāputta: "Này Sañjikāputta thân mến, hãy đến chỗ đức Thế Tôn và thông báo thời gian như vầy: 'Thưa Thế Tôn, đã đến lúc, bữa

come đã sẵn sàng.'"

"Dạ, thưa hoàng tử", Sañjikāputta đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn để thông báo như vậy.

6. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến tư dinh của Hoàng tử Bồ-Đề.

7. Bấy giờ Hoàng tử Bồ-Đề đang đứng bên ngoài mái hiên chờ đức Thế Tôn. Khi hoàng tử nhìn thấy đức Thế Tôn đang đến từ xa, hoàng tử bước ra gặp và kính lễ đức Thế Tôn; và rồi, để đức Thế Tôn đi trước, họ tiến vào Dinh Kokanada. Nhưng đức Thế Tôn đã dừng lại chỗ bậc thang thấp nhất. Hoàng tử Bồ-Đề đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con, bậc Phúc Lành cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con." Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã im lặng.[735]

Lần thứ hai … Lần thứ ba Hoàng tử Bồ-Đề đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con, bậc Phúc Lành cứ bước lên vải trắng, điều đó sẽ mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con."

Đức Thế Tôn nhìn qua Ngài Ānanda. Thầy Ānanda nói với Hoàng tử Bồ-Đề: "Này hoàng tử, hay cho gỡ tấm vải đi. Đức Thế Tôn không bước lên một tấm vải; Như Lai có sự quan-tâm dành cho những thế hệ sau này."[736]

8. Vậy là Hoàng tử Bồ-Đề đã cho gỡ tấm vải đi và dọn những chỗ ngồi ở những gian trên của Dinh Kokanada. Đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bước lên Dinh Kokanada và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.

9. Rồi, Hoàng tử Bồ-Đề đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi đức Thế Tôn bằng nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và dẹp bình bát qua một

bên, Hoàng tử Bồ-Đề chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, chúng con có ý nghĩ như vầy: 'Sự hạnh-phúc (sướng, lạc) sẽ không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc sẽ đạt được thông qua sự đau-khổ.'"[737]

10. "Này hoàng tử, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ hoàn toàn, ta cũng từng nghĩ như vậy: 'Sự hạnh-phúc (sướng, lạc) sẽ không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc sẽ đạt được thông qua sự đau-khổ.'

11.–14. "Sau đó, này hoàng tử, khi ta còn trẻ, là một người trẻ tóc đen còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời … [*Tiếp tục như kinh MN 26, mục 15–17*] … Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: 'Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.'

15.–42. "Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó … [*Tiếp tục như kinh MN 36, mục 17–44, nhưng trong kinh này các mục 18–23—tương ứng với các mục 20–25 của kinh MN 36—thì câu* "Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó" *không có; và trong kinh này các mục 37, 39 và 42—tương ứng với các mục 39, 41, và 44 của kinh MN 36—thì câu* "Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó" *không có*] … điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó"

43.–53 "Ta đã đã suy xét: 'Giáo Pháp này ta đã chứng ngộ là thâm sâu … [*Tiếp tục như kinh MN 26, mục 19–29*] … và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do hai Tỳ kheo đó đi khất thực mang về.

54. "Rồi nhóm năm vị Tỳ kheo, không lâu sau khi đã được ta chỉ dạy và hướng dẫn như vậy, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu đó) những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

55. Sau khi điều này được nói ra, Hoàng tử Bồ-Đề đã nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, sau khi một Tỳ kheo chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì sau bao lâu thì người đó sẽ: 'bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu đó) những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?'"

"Này hoàng tử, về vấn đề đó, ta sẽ hỏi lại hoàng tử một câu hỏi. Cứ trả lời nếu thấy được. Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Hoàng tử có thiện thạo về kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cưỡi voi hay không?"

"Có, thưa Thế Tôn."

56. "Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Ví dụ có người đến đây nghĩ rằng: 'Hoàng tử Bồ-Đề biết kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cưỡi voi; tôi sẽ theo hoàng tử học luyện kỹ thuật đó.' Nếu người đó không có niềm-tin, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có niềm-tin; nếu người đó có nhiều bệnh tật, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người không bị bệnh tật; nếu người đó là giả dối và lừa lọc, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người chân thật và chân thành; nếu người đó là lười biếng, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người siêng năng nỗ lực; nếu người đó không có trí, thì người đó không thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có trí. Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Một người như vậy có thể theo hoàng tử học luyện kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cỡi voi hay không?"

"Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ có một trong những khuyết-điểm nói trên, thì người đó cũng không thể theo con học luyện kỹ thuật đó, vậy nói chi tới người có cả năm khuyết-điểm đó?"

57. "Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Ví dụ có người đến đây nghĩ rằng: 'Hoàng tử Bồ-Đề biết kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cưỡi voi; tôi sẽ theo hoàng tử học luyện kỹ thuật đó.' Nếu người đó có niềm-tin, thì

người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có niềm-tin; nếu người đó không có bệnh tật, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người không bệnh tật; nếu người đó là chân thật và chân thành, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người chân thật và chân thành; nếu người đó siêng năng nỗ lực, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người siêng năng nỗ lực; nếu người đó có trí, thì người đó có thể đạt được điều có thể đạt được bởi người có trí. Hoàng tử nghĩ sao, này hoàng tử? Một người như vậy có thể theo hoàng tử học luyện kỹ thuật dùng giáo nhọn khi đang cỡi voi hay không?"

"Thưa Thế Tôn, ngay cả khi người đó chỉ có một trong những phẩm-chất nói trên, thì người đó cũng có thể theo con học luyện kỹ thuật đó, vậy nói chi tới người có cả năm phẩm-chất đó?"

58. "Cũng giống như vậy, này hoàng tử, có năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh-cần). Năm đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo có niềm-tin, người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn'

(2) "Rồi người đó không bị bệnh tật và đau đớn, có được hệ tiêu hóa điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột, và có khả năng chịu được sự căng thẳng khó nhọc của sự chuyên-cần tu.

(3) "Rồi người đó là chân thật và chân thành, và thể hiện bản thân mình đúng như nó thực là trước mặt vị Sư Thầy và những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh.

(4) "Rồi người đó là siêng năng nỗ-lực trong sự dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và trong sự đảm nhận những trạng thái thiện, kiên định, phát

khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) với sự kiên cố, và kiên trì trong sự tu dưỡng những phẩm chất thiện.

(5) "Rồi người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ nhận biết sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu.

59. "Này hoàng tử, khi một Tỳ kheo có được năm yếu-tố này của sự chuyên-cần tu chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì trong bảy năm người đó sẽ: bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu đó) những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

"Nói chi tới bảy năm, này hoàng tử. Khi một Tỳ kheo có được năm yếu-tố này của sự chuyên-cần tu chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì trong sáu năm … năm năm … bốn năm … ba năm … hai năm … một năm … … Nói chi tới một năm, này hoàng tử … thì trong bảy tháng … sáu tháng … năm tháng … bốn tháng … ba tháng … hai tháng … một tháng … nửa tháng … … Nói chi tới nửa tháng, này hoàng tử … thì trong bảy ngày đêm … sáu ngày đêm … năm ngày đêm … bốn ngày đêm … ba ngày đêm … hai ngày đêm … một ngày đêm … …

"Nói chi tới một ngày đêm, này hoàng tử. Khi một Tỳ kheo có được năm yếu-tố này của sự chuyên-cần tu chấp nhận Như Lai giáo giới cho mình, thì sau khi được chỉ dẫn trong buổi tối, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt vào sáng mai; sau khi được chỉ dẫn vào buổi sáng, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt vào buổi chiều."

60. Sau khi điều này được nói ra, Hoàng tử Bồ-Đề đã nói với đức Thế Tôn: "Tuyệt vời là Đức Phật! Tuyệt vời là Giáo Pháp! Tuyệt vời là cách Giáo Pháp đã được tuyên thuyết một cách hay khéo! Bởi vì một người được chỉ dạy bữa tối có thể đạt đến sự khác-biệt vào sáng mai, và một người được chỉ dạy buổi sáng có thể đạt tới sự khác-biệt vào buổi chiều."

61. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Sañjikāputta đã nói với Hoàng tử Bồ-Đề: "Thầy Bồ-Đề nói: 'Tuyệt vời là Đức Phật! Tuyệt vời là Giáo Pháp! Tuyệt vời là cách Giáo Pháp đã được tuyên thuyết một cách hay khéo!' Nhưng Thầy Bồ-Đề không nói: 'Tôi sẽ quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo.'"

"Đừng nói vậy, này Sañjikāputta thân mến, chớ nói như vậy. Tôi đã nghe và biết được từ chính miệng mẹ của tôi rằng: Có một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó mẹ ta, bà đang mang thai, đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, bà ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, hoàng tử hay công chúa trong thai con, là ai cũng vậy, sẽ quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Mong đức Thế Tôn ghi nhớ [đứa trẻ] là một đệ tử tại gia đã quy y theo đức Thế Tôn suốt đời.' Cũng có một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở xứ dân Bhagga, ở Suṁsumāragira, trong Khu Vườn Bhesakaḷā, ở khu Vườn Nai. Rồi người bảo mẫu của ta, ẳm ta bên hông cô ấy, đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, cô ấy đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, Hoàng tử Bồ-Đề này quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Mong đức Thế Tôn ghi nhớ [đứa trẻ] là một đệ tử tại gia đã quy y theo đức Thế Tôn suốt đời.' Bây giờ, này Sañjikāputta thân mến, đây là lần thứ ba ta quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Kính mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

24. (MN 86) KINH ANGULIMĀLA [a]

(*Angulimāla Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào thời đó có một tên cướp trong lãnh địa của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) tên là Angulimāla, là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn. Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay (của người bị hắn giết).[738]

3. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, Phật tu xếp chỗ ở của mình, rồi mang theo bình bát và cà sa, lên đường dẫn tới chỗ Angulimāla. Những người chăn bò, người chăn cừu, người cày ruộng, và người đi lại nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi trên đường dẫn tới chỗ Angulimāla, họ đã nói với đức Thế Tôn: "Này sa-môn, đừng đi đường này. Trên đường này có tên cướp Angulimāla, là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn. Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay. Những người đã đi đường này thành nhóm mười, hai mươi, ba mươi, thậm chí bốn mươi, nhưng đều bị rớt vào tay tên cướp Angulimāla." Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn im lặng đi tiếp.

Lần thứ hai … Lần thứ ba những người chăn bò, người chăn cừu, người cày ruộng, và người đi lại nói với đức Thế Tôn điều này, nhưng đức Thế Tôn vẫn im lặng và đi tiếp.

4. Tên cướp Angulimāla nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đến từ xa. Sau

khi nhìn thấy đức Thế Tôn, hắn nghĩ: "Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời! Những người đi đường này thành nhóm mười, hai mươi, ba mươi, thậm chí bốn mươi, nhưng họ đều bị rớt vào tay ta. Nhưng giờ sa-môn này đi một mình, không ai đi cùng, cứ như tự ép mình (đi nộp mạng) vậy. Vậy sao ta không lấy mạng sa-môn này cho rồi?" Rồi Angulimāla mang kiếm và khiên, gòng tay kéo cung và run run, và đi theo sát đức Thế Tôn.

5. Rồi đức Thế Tôn đã thực hiện một màn thần thông khiến cho tên cướp Angulimāla, mặc dù đã chạy nhanh hết mức có thể vẫn không bắt kịp đức Thế Tôn đang đi bộ bình thường. Rồi tên cướp Angulimāla nghĩ: "Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời! Trước giờ ta có thể bắt kịp cả con voi phóng nhanh và tóm lấy nó; ta có thể bắt kịp cả con ngựa phóng nhanh và tóm lấy nó. Ta có thể bắt kịp cả chiếc xe ngựa phóng nhanh và tóm lấy nó. Ta có thể bắt kịp con hươu phóng nhanh và tóm lấy nó; nhưng bây giờ ta đang chạy nhanh hết mức có thể nhưng ta không thể bắt kịp sa-môn này đang đi bộ bình thường!" Hắn đứng lại và gọi to: "Dừng lại, sa-môn kia! Dừng lại, sa-môn kia!"

"Ta đã dừng rồi, này Angulimāla, ngươi cũng dừng lại đi."

Rồi tên cướp Angulimāla nghĩ: "Những sa-môn này, là những người con của họ tộc Thích-Ca, chỉ nói sự thật, khẳng định sự thật; nhưng sa-môn này khi vẫn đang đi mà ông ta lại nói: 'Ta đã dừng rồi, này Angulimāla, ngươi cũng dừng lại đi.' Hay ta thử hỏi sa-môn này."

6. Rồi tên cướp Angulimāla nói với đức Thế Tôn bằng mấy dòng kệ này:

"Này sa-môn, khi ông đang đi, ông lại nói ông đã dừng;
Nhưng giờ, khi tôi đã dừng, ông lại nói tôi chưa dừng.
Này sa-môn, tôi hỏi ông về ý nghĩa:
Theo cách nào ông nói ông thì đã dừng và tôi thì chưa dừng?"

"Này Angulimāla, ta thì đã dừng mãi mãi,
Ta kiêng cữ bạo lực đối với chúng sinh;

Nhưng ngươi thì không kiềm chế bạo lực đối với chúng sinh:
Do vậy ta thì đã dừng và ngươi thì chưa dừng."

"Ôi, sau bao lâu rồi vị sa-môn này, bậc hiền triết được tôn kính
Đã đến khu rừng lớn này vì tôi.[739]
Sau khi nghe mấy dòng kệ chỉ dạy Giáo Pháp,
Tôi sẽ thực sự từ bỏ điều ác mãi mãi."

Sau khi nói vậy, tên cướp lấy kiếm dao và vũ khí của mình
Quăng chúng xuống vực sâu
Tên cướp kính lạy dưới chân bậc Phúc Lành,
Và xin được xuất gia đi tu.

Bậc Giác-Ngộ, Bậc Thánh Hiền Đại Bi,
Vị Thầy của thế gian này có những thiên thần
Đã nói với tên cướp lời này: "Hãy đến đây, này Tỳ kheo."
Và đó là cách tên cướp đã trở thành một Tỳ kheo.

7. Rồi đức Thế Tôn lên đường trở lại Sāvatthī cùng với Angulimāla là người hầu cận của mình. Sau khi đi thành nhiều chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến, và ở đó đức Thế Tôn sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

8. Rồi, bấy giờ đám rất đông người tụ tập trước cổng nội cung của Vua Pasenadi của xứ Kosala, rất ồn ào và lớn tiếng, họ la lên: "Thưa đức vua, tên cướp Angulimāla đang ở trong lãnh địa của đức vua; hắn là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh! Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn! Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay! Đức vua phải tiêu diệt hắn!"

9. Rồi, vào giữa trưa Vua Pasenadi của xứ Kosala đánh xe ra khỏi thành Sāvatthī cùng với đội kỵ binh gồm năm trăm người lên đường tới khu tịnh xá. Nhà vua đi hết phần đường có thể đi bằng xe, rồi sau đó xuống khỏi xe và đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế

Tôn, nhà vua ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn mới hỏi nhà vua: "Có chuyện gì vậy, đại vương? Có phải Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) đang tấn công đại vương, hay những người Licchavi ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), hay những ông vua hung bạo khác?

10. "Thưa Thế Tôn, không phải Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha đang tấn công con, cũng không phải những người Licchavi ở Vesālī, hay những ông vua hung bạo khác. Nhưng có một tên cướp đang ở trong lãnh địa của con tên là Angulimāla, hắn là kẻ giết người, tay nhuốm máu, đấm đá và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. Những làng mạc, thị trấn, và quận huyện bị giảm dân số bởi hắn. Hắn thường xuyên giết người và hắn đeo một vòng hoa làm bằng những ngón tay. Con cần phải tiêu diệt hắn."

11. "Này đại vương, ví dụ đại vương gặp tên Angulimāla đó giờ đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành; rằng người đó nay đã kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo. Sau khi kiêng cữ ăn vào ban đêm, người đó chỉ ăn một bữa mỗi ngày, và sống độc-thân, có đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Ngài sẽ đối xử người đó ra sao?"

"Thưa Thế Tôn, nếu vậy chúng con sẽ kính lễ người đó, hoặc chúng con sẽ đứng dậy (lễ phép) vì người đó, hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc chúng con sẽ mời người đó nhận những y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh; hoặc chúng con sẽ thu xếp cho người đó sự bảo hộ hợp pháp, sự canh phòng, và sự bảo vệ. (Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã mất tư cách trước đây của mình là một tên cướp, và giờ chỉ được coi là một sa-môn). Nhưng, thưa Thế Tôn, làm sao một tên thất đức, một kẻ thuộc tính cách ác như vậy mà có thể có được giới-hạnh và sự kiềm-chế như vậy?"

12. Lúc đó ngài Angulimāla đang ngồi không xa đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn mới chỉ bằng tay phải và nói với Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Này đại vương, đây chính là Angulimāla."

Vua Pasenadi đã sợ hãi, hoảng hốt, và hoảng sợ. Biết điều này, đức Thế Tôn đã nói với ông: "Này đại vương, đừng sợ. Chẳng có gì để đại vương sợ hãi từ người đó."

Rồi sự sợ hãi, sự hoảng hốt, và sự hoảng sợ của nhà vua đã lắng xuống. Nhà vua đến chỗ thầy Angulimāla và hỏi: "Thưa thầy, có phải thánh tăng đây thực sự là Angulimāla?"

"Dạ đúng, thưa đại vương."

"Thưa thầy, cho hỏi cha thầy thuộc gia đình nào? Mẹ thầy thuộc gia đình nào?"

"Thưa đại vương, cha tôi là một người họ Gagga; mẹ tôi là một người họ Mantāṇi."

"Chúc cho 'con trai của Gagga và Mantāṇi' [Gagga Mantāṇiputta; tức là Angulimāla] nghỉ ngơi vui lòng. Tôi sẽ cúng dường y-phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang cho 'con trai của Gagga và Mantāṇi'."

13. Ngay lúc đó thầy Angulimāla đã là một người sống tu trong rừng, người chỉ ăn thức ăn khất, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, và chỉ có tối đa ba bộ y. Nên thầy ấy trả lời: "Đã đủ rồi, thưa đại vương, ba bộ y của tôi là đầy đủ rồi."

Rồi Vua Pasenadi quay lại đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và thưa: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời là cách đức Thế Tôn đã thuần hóa những người không được thuần hóa, mang lại sự bình an cho những người không được bình an, và dẫn tới Niết-bàn những người chưa đi tới Niết-bàn. Thưa Thế Tôn, bản thân chúng con không thể thuần hóa tên cướp đó bằng vũ lực và vũ khí, nhưng đức Thế Tôn đã thuần hóa tên cướp mà không cần vũ lực hay vũ khí. Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con xin phép đi về. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi."

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

14. Rồi, vào buổi sáng, thầy Angulimāla mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Khi thầy đang đi bộ khất thực từ nhà này sang nhà kia trong thành Sāvatthī, thầy nhìn thấy một phụ nữ đang khó đẻ, đang đau đớn vì khó đẻ. Khi nhìn thấy vậy, thầy ấy nghĩ: "Chúng sinh sao mà đau khổ! Thực sự, chúng sinh sao mà đau khổ!"[740]

Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, vào buổi sáng này, con mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Khi con đang đi bộ khất thực từ nhà này sang nhà kia trong thành Sāvatthī, con nhìn thấy một phụ nữ đang khó đẻ, đang đau đớn vì khó đẻ. Khi nhìn thấy vậy, con nghĩ: "Chúng sinh sao mà đau khổ! Thực sự, chúng sinh sao mà đau khổ!"

15. "Này Angulimāla, trong trường hợp này thầy hãy vô lại thành Sāvatthī và nói với người phụ nữ đó: 'Này chị, từ lúc sinh ra tới giờ tôi không nhớ mình đã cố ý giết hại một chúng sinh nào. Bằng sự thật này, cầu cho chị được khỏe mạnh và đứa bé được khỏe mạnh!'"

"Thưa Thế Tôn, nói vậy chẳng phải con đã cố ý nói dối hay sao, bởi vì con đã từng cố ý giết rất nhiều người mà?"

"Vậy thì, này Angulimāla, hãy đi vô thành Sāvatthī và nói với người phụ nữ đó: 'Này chị, từ lúc sinh ra tới giờ tôi không nhớ mình đã cố ý giết hại một chúng sinh nào. Bằng sự thật này, cầu cho chị được khỏe mạnh và đứa bé được khỏe mạnh!'"[741]

"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Angulimāla đáp lại, và sau khi vô lại thành Sāvatthī, thầy nói với người phụ nữ đó: "Này chị, từ lúc sinh ra tới giờ tôi không nhớ mình đã cố ý giết hại một chúng sinh nào. Bằng sự thật này,

cầu cho chị được khỏe mạnh và đứa bé được khỏe mạnh!" Rồi người phụ nữ và đứa bé đều khỏe mạnh sau khi sinh ra.

16. Không lâu sau đó, sau khi sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập), thầy Angulimāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Angulimāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

17. Sau đó, vào một buổi sáng, thầy Angulimāla mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Bấy giờ, lúc đó có mấy người quăng đá cục vào người thầy Angulimāla, mấy người khác quăng gậy gọc vào người thầy ấy, và mấy người khác quăng miểng chậu vào người thầy ấy. Rồi, với máu chảy từ đầu bị chảy máu, bình bát bị đập bể, cà sa bị xé rách, thầy Angulimāla đã đến chỗ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy ấy đi đến từ xa và nói với thầy ấy: "Hãy chịu đựng, này bà-la-môn! Hãy chịu đựng, này bà-la-môn! Ngay tại đây và bây giờ thầy đang nếm trải quả của những nghiệp mà lẽ ra vì chúng thầy đã sẽ phải bị tra tấn trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm."[742]

18. Sau đó, trong khi thầy Angulimāla đang ở một mình trong nơi ẩn thiền trải nghiệm niềm chân-phúc của sự giải-thoát, thầy ấy đã thốt lên lời cảm khái này:[743]

"Ai đã từng sống lơ tâm phóng dật
Và sau đó không còn lơ tâm phóng dật,
Thì người đó chiếu sáng thế giới này,
Như mặt trăng không còn bị mây mờ.

Ai kiểm điểm những điều ác mình đã làm,

Bằng cách làm những điều thiện,
Thì người đó chiếu sáng thế giới này,
Như mặt trăng không còn bị mây mờ.

Tỳ kheo trẻ là người dành hết mọi nỗ-lực
Để tu theo giáo lý của Phật,
Thì người đó chiếu sáng thế giới này,
Như mặt trăng không còn bị mây mờ.

Mong những kẻ thù của tôi nghe kinh về Giáo Pháp,
Mong họ dành hết ưu tiên theo giáo lý của Phật,
Mong những kẻ thù của tôi biết chờ đợi những bậc thiện nhân,
Là người dẫn dắt người khác nhận lấy Giáo Pháp.

Mong những kẻ thù của tôi thường xuyên biết lắng nghe,
Và nghe Giáo Pháp của những bậc thuyết giảng về sự nhẫn-nhịn,
Những ai nói lời khen ngợi sự tự-tế,
Mong họ sống theo những hành động tử-tế.

Bởi vì như vậy sẽ không muốn hại người nào,
Họ cũng không nghĩ làm hại chúng sinh khác,
Đó là những người bảo vệ tất cả chúng sinh, dù yếu hay mạnh,
Mong họ đạt được sự bình-an bao trùm.

Người làm ống thì dẫn dắt nước,
Người làm cung vót thẳng tên,
Người thợ mộc bào thẳng gỗ,
Nhưng bậc hiền trí thì tìm cách thuần phục bản thân.

Có người thuần phục bằng sự đánh đấm,
Có người thuần phục bằng gậy gọc, có người bằng roi vọt;
Nhưng tôi đã được thuần phục bởi một người,
Là người không dùng gậy gộc hay vũ khí.

'Vô-hại' là tên thật của tôi,
Cho dù tôi đã quá nguy-hiểm trong quá khứ.[744]

Tên thật hôm nay tôi mang mới đúng thực:
Vì tôi không còn hại chúng sinh nào nữa.

Mặc dù tôi từng sống làm tên cướp
Với biệt danh là "Vòng đeo làm bằng ngón tay",
'Kẻ tàn ác' đó đã bị đại lũ cuốn đi rồi,
Còn tôi đã quy y theo Phật.

Mặc dù tôi từng tay nhuốm máu
Với biệt danh "Vòng đeo làm bằng ngón tay',
Hãy nhìn chỗ nương-tựa tôi đã tìm thấy:
Sự trói-buộc hiện-hữu đã được cắt đứt.

Trong khi tôi đã làm nhiều điều ác
Dẫn tới sự tái sinh trong những cõi dữ,
Nhưng nghiệp quả đã xảy đến với tôi ngay trong kiếp này,
Nên giờ tôi ăn (thức ăn của thí chủ) mà không mang nợ.[745]

Số đông là những người ngu và không có sự khôn ngoan,
Họ buông thả bản thân cho sự lơ tâm phóng dật.
Nhưng những người có trí thì phòng hộ sự chuyên chú,
Và coi đó là điều thiện lớn lao nhất của mình.

Đừng buông thả theo sự lơ tâm phóng dật
Đừng tìm kiếm khoái lạc trong những khoái-lạc giác quan,
Mà hãy thiền định với sự chuyên chú
Làm vậy mới đạt tới niềm chân phúc hoàn hảo.

Vậy xin mời đến với đường tôi đã chọn,
Và giữ vững nó, nó không phải là lựa chọn tồi tệ;
Trong tất cả mọi giáo lý có thể nương tựa,
Tôi đã gặp được chính loại tốt nhất.

Vậy xin mời đến với đường tôi đã chọn,
Và giữ vững nó, nó không phải là lựa chọn tồi tệ;
Tôi đã chứng ngộ ba loại trí-biết (tam minh),

Và đã làm xong tất cả những điều Phật đã dạy.”

25. (MN 87) KINH ÁI SINH

(*Piyajātika Sutta*)

1. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một đứa con trai yêu dấu duy nhất của một gia chủ mới chết. Sau khi con ông chết, ông chẳng còn muốn làm việc hay ăn uống gì. Ông cứ đi vô nghĩa địa và khóc than: "Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi? Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi?"

3. Rồi gia chủ đó đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông: "Này gia chủ, các căn của chú không như các căn của một người đang làm chủ tâm của mình. Các căn của chú bị rối loạn."

"Thưa thầy, làm sao các căn của tôi không bị rối loạn? Vì con trai yêu dấu duy nhất của tôi đã chết. Từ khi nó chết tôi không còn muốn làm việc hay ăn uống gì. Tôi cứ đi vô nghĩa địa và khóc than: 'Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi? Đứa con duy nhất của cha, con ở đâu rồi?'

"Đúng là vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu (do ái sinh khổ; tình cảm luyến ái sinh khổ)."

"Thưa thầy, ai lại nghĩ (đỗ thừa) rằng 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Thưa thầy, (nên nói) chỉ có sự hạnh phúc và vui sướng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu." Rồi, do không hài lòng với lời nói của đức Thế Tôn, không chấp nhận điều đó, gia chủ đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

4. Bấy giờ, lúc đó có mấy người cờ bạc đang chơi xí ngầu xúc xắc

không xa chỗ đức Thế Tôn đang ở. Rồi gia chủ đó đến chỗ mấy người cờ bạc và nói: "Này các ông, tôi đã đến chỗ sa-môn Cồ-đàm, và sau khi kính lễ ông ta, tôi ngồi xuống một bên. Sau khi tôi đã ngồi, sa-môn Cồ-đàm đã nói với tôi: 'Này gia chủ, các căn của chú không như các căn của người làm chủ tâm của mình' … [*như mục 3 kế trên*] …" Rồi, do không hài lòng với lời nói của sa-môn Cồ-đàm, không chấp nhận điều đó, tôi đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về."

"Đúng là vậy, này gia chủ, đúng là vậy! (Nên nói) chỉ có sự hạnh phúc và vui sướng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu."

Rồi gia chủ ra về nghĩ rằng: "Ta đồng ý với mấy người cờ bạc."

5. Chuyện này cuối cùng cũng đồn tới hoàng cung. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala mới nói với Hoàng Hậu Mallikā: "Này Mallikā, điều này đã được nói bởi sa-môn Cồ-đàm: 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.'"

"Thưa bệ hạ, nếu điều đó do đức Thế Tôn nói, thì đúng là như vậy."

"Cho dù sa-môn Cồ-đàm nói điều gì Mallikā cũng luôn ngưỡng mộ tán thành như vầy: 'Thưa bệ hạ, nếu điều đó do đức Thế Tôn nói, thì đúng là như vậy.' Giống như một học sinh luôn ngưỡng mộ tán thành bất cứ điều gì thầy của nó nói: 'Đúng là vậy, thưa thầy, đúng là vậy!'; tương tự như vậy, này Mallikā, dù sa-môn Cồ-đàm nói điều gì, Mallikā cứ luôn ngưỡng mộ tán thành như vầy: 'Thưa bệ hạ, nếu điều đó do đức Thế Tôn nói, thì đúng là như vậy.' Thôi hãy đi chỗ khác đi, này Mallikā!"

6. Rồi Hoàng Hậu Mallikā mới nói với bà-la-môn Nāḷijangha: "Này bà-la-môn, ông hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: 'Thưa Thế Tôn, Hoàng Hậu Mallikā xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống

bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.' Rồi thưa điều này: 'Thưa Thế Tôn, có phải đây là lời do đức Thế Tôn nói ra hay không: "Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu."?' Rồi hãy nghe kỹ điều đức Thế Tôn trả lời và về báo lại với ta; vì những Như Lai không nói điều không thật."

"Dạ, thưa hoàng hậu", bà-la-môn đáp lại, và ông ta đi đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa lại … (*toàn bộ nội dung hoàng tử đã dặn*)."

7. "Đúng là vậy, này bà-la-môn, đúng là vậy! Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu."

"Này bà-la-môn, từ câu chuyện này có thể hiểu được cách mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một phụ nữ có mẹ chết. Vì mẹ cô ta chết, cô ta trở nên điên tiếc, mất trí, và cứ đi lang thang khắp đường xá, khắp ngã ba ngã tư, và gặp ai cũng hỏi: 'Ông có thấy mẹ tôi không? Chị có thấy mẹ tôi không?'

8.–14. "Và từ câu chuyện này cũng có thể hiểu được cách mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một phụ nữ có cha chết … có anh chết … có chị chết … có con gái chết … có con trai chết … có chồng chết. Vì chồng ta chết, cô ta trở nên điên tiếc, mất trí, và cứ đi lang thang khắp đường xá, khắp ngã ba ngã tư, và gặp ai cũng hỏi: 'Ông có thấy chồng tôi không? Chị có thấy chồng tôi không?'

15.–21. "Và từ câu chuyện này cũng có thể hiểu được cách mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những

người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một đàn ông có cha chết … có anh chết … có chị chết … có con gái chết … có con trai chết … có vợ chết. Vì vợ ông ta chết, ông ta trở nên điên tiếc, mất trí, và cứ đi lang thang khắp đường xá, khắp ngã ba ngã tư, và gặp ai cũng hỏi: 'Ông có thấy vợ tôi không? Chị có thấy vợ tôi không?'

22. "Và từ câu chuyện này có thể hiểu được cách mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.' Một lần nọ cũng ở xứ Sāvatthī này có một phụ nữ đến sống chung với gia đình người thân của cô ta. Những người thân của cô ta muốn cô li dị với chồng cô ta và họ muốn gả cô ta cho một người khác mà cô không muốn. Rồi cô ta mới nói với chồng cô ta: 'Này chồng, những người thân của tôi muốn tôi li dị chồng và họ gả tôi cho một người khác tôi không muốn.' Rồi người chồng (vì yêu dấu vợ, muốn giữ vợ cho mình) đã chặt vợ thành hai khúc và tự mổ bụng mình chết theo, anh ta nghĩ rằng: 'Chúng ta sẽ tái ngộ trong kiếp sau.' Từ câu chuyện này cũng có thể hiểu được cách mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu."

23. Rồi, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, bà-la-môn Nāḷijangha đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về gặp Hoàng Hậu Mallikā, và kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện với đức Thế Tôn.

24. Rồi Hoàng Hậu Mallikā đến gặp Vua Pasenadi của xứ Kosala và hỏi nhà vua: "Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Công chúa Vajīrī là người ngài yêu dấu phải không?"

"Đúng vậy, này Mallikā, Công chúa Vajīrī là người ta yêu dấu."

"Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Nếu có sự thay đổi và biến cố[746] nào xảy ra trong Công chúa Vajīrī, thì 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng' có khởi sinh trong ngài không?"

"Sự thay đổi và biến cố trong Công chúa Vajīrī có nghĩa là sự biến đổi trong cuộc đời của ta. Làm sao mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng' không khởi sinh trong ta?"

"Này đại vương, chính vì vậy, chính vì chiếu theo điều này, nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, mới nói rằng: 'Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình yêu dấu, khởi sinh từ những người mình yêu dấu.'

25.–28. "Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Thánh Hoàng Hậu Vāsabhā là người ngài yêu dấu phải không?" … Tướng quân (hoàng tử) Viḍūḍabha là người ngài yêu dấu phải không?" … Thiếp đây là người ngài yêu dấu phải không? … Kāsi và Kosala là xứ sở ngài yêu dấu phải không?"[747]

"Đúng vậy, này Mallikā, Kāsi và Kosala là xứ sở ta yêu dấu. Nhờ có Kāsi và Kosala chúng ta dùng gỗ đàn hương Kāsi và mang vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp."

"Ngài nghĩ sao, này bệ hạ? Nếu có sự thay đổi hay biến cố nào xảy ra ở Kāsi và Kosala, thì 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng' có khởi sinh trong ngài không?"

"Sự thay đổi và biến cố ở Kāsi và Kosala có nghĩa là sự biến đổi trong cuộc đời của ta. Làm sao mà 'sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng' không khởi sinh trong ta?"

"Này đại vương, chính vì vậy, chính vì chiếu theo điều này, nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, mới nói rằng: 'Sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người (và những thứ) mình yêu dấu, khởi sinh từ những người (và những thứ) mình yêu dấu.'"

29. "Thật kỳ diệu, này Mallikā, thật tuyệt vời là cách đức Thế Tôn đã thâm nhập bằng trí-tuệ và nhìn thấy bằng trí-tuệ! Hãy đến đây, này Mallikā, hãy mang cho ta nước thanh tẩy."[748]

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và xếp lại phần y trên một vai, nhà vua chấp tay kính lễ về hướng đức Thế Tôn đang ở, và đọc lời cảm thán này ba lần: "Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác!"

26. (MN 88) KINH TẤM VẢI NGOẠI NHẬP

(*Bāhitika Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, vào buổi sáng, ngài Ānanda mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đến Khu Vườn Phía Đông, trong khu Lâu Đài của Mẹ của Migāra, để an trú qua ngày.

3. Bấy giờ, vào lúc đó Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã cỡi voi Ekapuṇḍarīka và đi ra khỏi thành Sāvatthī vào giữa trưa. Nhà vua nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa, và nhà vua hỏi quan thượng thư Sirivaḍḍha: "Đó là thầy Ānanda, có phải không?"—"Dạ đúng, thưa đại vương, đó là thầy Ānanda."

4. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala nói với một người vủa ông: "Này thiện hữu, hãy đến chỗ thầy Ānanda và nhân danh ta kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy ấy và thưa: 'Thưa thầy, Vua Pasenadi của xứ Kosala kính lễ với đầu nhà vua cúi xuống chân thầy Ānanda.' Rồi thưa điều này: 'Thưa thầy Ānanda, nếu thầy không có công việc gấp, xin thầy nán lại chốc lát, vì lòng bi-mẫn.'"

5. "Dạ, thưa đại vương", người đó đáp lại, và đi đến gặp thầy Ānanda … (*làm đúng như nhà vua dặn*) … Rồi thưa điều này: 'Thưa thầy Ānanda, nếu thầy không có công việc gấp, xin thầy nán lại chốc lát, vì lòng bi-mẫn.'

6. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng. Rồi Vua Pasenadi đã cỡi voi đi hết đoạn đường voi có thể đi được, sau đó nhà vua xuống voi và đi bộ đến chỗ thầy Ānanda. Sau khi kính lễ, nhà vua đứng qua một bên, và thưa với thầy Ānanda: "Thưa thầy Ānanda, nếu thầy không có công việc gấp, xin

thầy ghé lại chỗ bờ sông Aciravatī, vì lòng bi-mẫn."

7. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng. Thầy ấy đi đến chỗ bờ sông Aciravatī và ngồi xuống dưới gốc cây trên chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi vua Pasenadi đến gặp. Sau khi kính lễ, nhà vua đứng quan một bên, và thưa với thầy Ānanda: "Thưa thầy, đây là tấm thảm của voi. Mời thầy Ānanda ngồi lên đó."

"Không cần đâu, này đại vương. Đại vương ngồi xuống đi. Tôi đang ngồi trên tấm lót của tôi rồi."

8. Vua Pasenadi của xứ Kosala ngồi xuống chỗ ngồi đã được lót sẵn và nói: "Thưa thầy Ānanda, liệu đức Thế Tôn có hành vi bằng thân theo cách mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích (quở trách, bài bác) bởi những tu sĩ và bà-la-môn hay không?"

"Này đại vương, đức Thế Tôn không hành vi bằng thân theo cách nào mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí."[749]

"Thưa thầy Ānanda, liệu đức Thế Tôn có hành vi bằng lời-nói … hành vi bằng tâm theo cách mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn hay không?"

"Này đại vương, đức Thế Tôn không hành vi bằng lời-nói … hành vi bằng tâm theo cách nào mà đức Thế Tôn có thể bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí."

9. "Thật kỳ diệu, thưa thầy, thật tuyệt vời! Vì cái điều chúng tôi không thể diễn đạt đầy đủ bằng câu hỏi giờ đã được giải đáp đầy đủ bởi thầy Ānanda bằng câu trả lời cho câu hỏi đó. Chúng tôi không công nhận giá trị nào trong lời chê bai chỉ trích người khác được nói ra bởi những người ngu ngốc vô minh, những người nói mà không điều tra và đánh giá; nhưng chúng tôi công nhận giá trị của lời chê trách chỉ trích người khác được nói ra bởi những người có trí, thông minh và hiểu biết sau khi đã điều tra và đánh giá.

10. "Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân (thân hành) nào sẽ bị chỉ

trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?"

"Bất kỳ hành vi thân nào là bất thiện, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là bất thiện?"

"Bất kỳ hành vi thân nào là tội lỗi [đáng chê trách], này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là tội lỗi?"

"Bất kỳ hành vi thân nào là đưa đến khổ đau, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là đưa đến khổ đau?"

"Bất kỳ hành vi thân nào có những kết quả khổ đau, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào có những kết quả khổ đau?"

"Bất cứ hành vi thân nào dẫn đến khổ đau cho mình, hay khổ đau cho người (chúng sinh) khác, hay khổ đau cho cả mình và người khác, và bởi do hành vi đó những trạng thái bất thiện gia tăng và những trạng thái thiện gia giảm. Hành vi thân như vậy sẽ bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí, này đại vương."[750]

11. "Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi lời-nói nào sẽ bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?"

"Bất kỳ hành vi lời-nói nào là bất thiện, này đại vương … [*Tiếp tục tương tự như mục 10 kế trên, chỉ thay "thân" bằng "lời-nói"*] …"

12. "Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi tâm nào sẽ bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?"

"Bất kỳ hành vi tâm nào là bất thiện, này đại vương … [*Tiếp tục tương tự như mục 10 kế trên, chỉ thay "thân" bằng "tâm"*] … "

13. "Giờ, thưa thầy Ānanda, có phải đức Thế Tôn chỉ đề cao sự dẹp bỏ tất cả mọi trạng thái bất thiện?"

"Này đại vương, Như Lai đã dẹp bỏ tất cả những trạng thái bất thiện và bậc ấy có được những trạng thái thiện."[751]

14. "Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?"

"Bất kỳ hành vi thân nào là thiện, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là thiện?"

"Bất kỳ hành vi thân nào là không tội lỗi, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là không tội lỗi?"

"Bất kỳ hành vi thân nào là không đưa đến khổ đau, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào là không đưa đến khổ đau?"

"Bất kỳ hành vi thân nào có những kết quả an lạc, này đại vương."

"Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi thân nào có những kết quả an lạc?"

"Bất cứ hành vi thân nào không dẫn đến khổ đau cho mình, hay khổ đau cho người (chúng sinh) khác, hay khổ đau cho cả mình và người khác, và bởi do hành vi đó những trạng thái bất thiện gia giảm và những trạng thái thiện gia tăng. Hành vi thân như vậy sẽ không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí, này đại vương."

15. "Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi lời-nói nào không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?"

"Bất kỳ hành vi lời-nói nào là thiện, này đại vương … [*Tiếp tục tương tự như mục 14 kế trên, chỉ thay "thân" bằng "lời-nói"*] …"

16. "Giờ, thưa thầy Ānanda, loại hành vi tâm nào không bị chỉ trích bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?"

"Bất kỳ hành vi tâm nào là thiện, này đại vương … [*Tiếp tục tương tự như mục 14 kế trên, chỉ thay "thân" bằng "tâm"*] … "

17. "Giờ, thưa thầy Ānanda, có phải đức Thế Tôn chỉ đề cao sự tích tạo tất cả những trạng thái thiện?"

"Này đại vương, Như Lai đã dẹp bỏ tất cả những trạng thái bất thiện và bậc ấy có được những trạng thái thiện."

18. "Thật kỳ diệu, thưa thầy, thật tuyệt vời là cách điều đó đã được giảng giải một cách hay khéo bởi thầy Ānanda! Và chúng tôi hài lòng và vui lòng bởi điều đã được giảng giải một cách hay khéo bởi thầy. Thưa thầy, chúng tôi càng hài lòng và vui lòng như vậy bởi điều đã được giảng giải một cách hay khéo bởi thầy Ānanda nếu thầy nhận lấy voi báu này, chúng tôi xin tặng cho thầy; nếu thầy nhận lấy ngựa báu này, chúng tôi xin tặng cho thầy; nếu thầy nhận lấy huê lợi của một ngôi làng, chúng tôi xin tặng cho thầy. Nhưng, thưa thầy, chúng tôi biết những thứ này thầy Ānanda không thể nhận lấy. Nhưng, thưa thầy, có một tấm vải ngoại nhập này của tôi,[752] nó được cuộn trong cán cây dù và gửi tới cho tôi bởi Vua A-xà-thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), nó dài mười sáu sải tay và rộng tám sải tay. Mong thầy Ānanda hãy nhận nó vì lòng bi-mẫn."

"Không cần đâu, này đại vương. Tôi đã có đủ ba bộ y rồi."

19. "Thưa thầy, sông Aciravatī cả thầy Ānanda và chúng tôi đều thấy khi có mây lớn mưa trên núi nguồn thì nước của sông chảy tràn hai bên bờ. Cũng giống như vậy, thưa thầy Ānanda, thầy có thể dùng tấm vải này làm ba bộ y cho thầy, còn ba bộ y cũ thầy có thể chia cho những người đồng đạo của thầy trong đời sống tâm linh. Theo cách này, sự cúng dường của chúng tôi sẽ chảy tràn hai chỗ. Thưa thầy Ānanda, mong thầy chấp nhận tấm vải này."

20. Thầy Ānanda nhận tấm vải. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala nói: "Và giờ, thưa thầy, chúng tôi đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Ngài cứ tùy tiện đi, này đại vương."

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của thầy Ānanda, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ thầy Ānanda, giữ thầy ở hướng bên phải họ và đi về.

21. Rồi không lâu sau khi nhà vua đi khỏi, thầy Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ cuộc đối thoại với Vua Pasenadi của xứ Kosala, và trình tấm vải cho đức Thế Tôn thấy.

22. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, đó là là một ích lợi cho Vua Pasenadi của xứ Kosala, đó là một ích lợi lớn lao cho Vua Pasenadi của xứ Kosala rằng nhà vua đã có được cơ hội gặp và tỏ lòng kính trọng đối với thầy Ānanda."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

27. (MN 89) KINH NHỮNG BẢO THÁP GIÁO PHÁP

(*Dhammacetiya Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ dân Thích-Ca (Sakya) ở chỗ có một thị trấn của họ tên là Medaḷumpa.

2. Bấy giờ, lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã đến Nagaraka vì công việc hay lý do khác. Rồi nhà vua đã nói với Dīgha Kārāyaṇa:[753]

"Này Kārāyaṇa thân mến, hãy cho chuẩn bị xe ngựa hoàng gia. Chúng ta cùng đi đến vườn ngự viên để xem một chỗ thú vị trong đó."

"Dạ, thưa bệ hạ", Dīgha Kārāyaṇa đáp lại. Sau khi những cỗ xe hoàng gia đã chuẩn bị sẵn sàng, ông ta báo cho nhà vua: "Thưa bệ hạ, những xe ngựa hoàng gia đã sẵn sàng. Bệ hạ hãy tùy tiện đi."

3. Rồi Vua Pasenadi đã leo lên một cỗ xe hoàng gia, được hộ tống bởi những cỗ xe khác, ra khỏi Nagaraka với đầy đủ uy nghi hoàng gia và tiến tới chỗ ngự viên. Nhà vua đi hết đoạn đường có thể đi bằng xe, sau đó xuống xe và đi bộ vô khu vườn ngự viên.

4. Khi đang đi dạo mát trong khu vườn, Vua Pasenadi nhìn thấy những gốc cây đẹp mát và đáng thích, yên tĩnh và không bị quấy rầy tiếng người, với một không khí tách-ly (ẩn dật), lánh xa mọi người, đáng dùng làm nơi an dưỡng tĩnh tọa. Cảnh trí ở đây làm nhà vua nhớ đến đức Thế Tôn như vầy: "Những gốc cây này đẹp mát và đáng thích, yên tĩnh và không bị quấy rầy bởi tiếng người, với một không khí tách-ly, lánh xa mọi người, đáng dùng làm nơi an dưỡng tĩnh tọa, giống những nơi chúng ta đã dùng để kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác." Rồi nhà vua nói với Dīgha Kārāyaṇa và hỏi ông ta: "Giờ bậc ấy đang ở đâu, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác?"

5. "Thưa bệ hạ, có một thị trấn của dân Thích-Ca tên là thị trấn Medaḷumpa. Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đang ở đó."

"Từ Nagaraka đến Medaḷumpa bao xa?"

"Không xa lắm, thưa bệ hạ, ba do-tuần.[754] Giờ vẫn còn ban ngày đủ thời gian để đi đến đó."

"Vậy thì, này Kārāyaṇa thân mến, hãy cho chuẩn bị những xe ngựa. Chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác."

"Dạ, thưa bệ hạ", ông ta đáp lại. Sau khi những cỗ xe hoàng gia đã chuẩn bị sẵn sàng, ông ta báo cho nhà vua: "Thưa bệ hạ, những xe ngựa hoàng gia đã sẵn sàng. Bệ hạ hãy tùy tiện đi."

6. Rồi Vua Pasenadi đã leo lên một cỗ xe hoàng gia, được hộ tống bởi những cỗ xe khác, ra khỏi Nagaraka với đầy đủ uy nghi hoàng gia và đi tới thị trấn Medaḷumpa của những người Thích-Ca. Nhà vua đến đó khi trời vẫn còn sáng và tiến tới tịnh xá. Nhà vua đi hết đoạn đường có thể đi bằng xe, sau đó xuống khỏi xe và đi bộ vô khu tịnh xá.

7. Lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi qua đi lại ở ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi đến gặp họ và hỏi: "Thưa quý thầy, bậc ấy đang sống ở đâu, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác? Chúng tôi muốn gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác."

8. "Này đại vương, kia là nơi ở của đức Thế Tôn, có cửa đang đóng. Hãy lên đó yên lặng, không vội vã, bước vô mái hiên, tằng hắng giọng, và gõ nhẹ lên tấm cửa. Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho ngài." Vua Pasenadi đưa kiếm và khăn đóng cho Dīgha Kārāyaṇa giữ. Rồi Dīgha Kārāyaṇa nghĩ: "Vậy là nhà vua đi vào cuộc gặp bí mật! Và ta chờ ở đây một mình!"[755] Không vội vã, Vua Pasenadi yên lặng đi lên nơi ở đó với cửa đang đóng, bước vô mái hiên, tằng hắng giọng, và gõ nhẹ lên tấm cửa. Đức Thế Tôn mở cửa.

9. Rồi Vua Pasenadi bước vào nơi ở. Đầu cúi lạy với dưới chân đức Thế Tôn, nhà vua hôn bàn chân và dùng hai tay xoa nhẹ bàn chân, đọc tên mình: "Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala; thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala."—"Nhưng, này đại vương, lý do gì

ngài đến gặp để thực hiện sự đích thân tôn vinh cao nhất như vậy và thể hiện sự thân hữu như vậy?"

10. (1) "Thưa Thế Tôn, con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.' Giờ, thưa Thế Tôn, con thấy có những tu sĩ và bà-la-môn sống đời sống tâm linh giới hạn trong mười năm, hai mười năm, ba mươi năm, hay bốn mươi năm, rồi sau đó con thấy họ ăn mặc chải cuốt và xức dầu thơm nước hoa, với râu tóc được cắt tỉa, thụ hưởng bản thân được cung cấp và chu cấp đầy đủ năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Nhưng con thấy những Tỳ kheo sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết suốt đời cho đến hơi thở cuối cùng. Thật sự, con không thấy đời sống tâm linh ở đâu khác được toàn thiện và tinh khiết như ở đây. Thưa Thế Tôn, đó là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

11. (2) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, con thấy các vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến-sĩ tranh chấp nhau, các bà-la-môn tranh chấp nhau, các gia-chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau.[756] Nhưng ở đây con thấy những Tỳ kheo sống trong sự hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ. Thật sự, con không thấy hội chúng ở đâu khác có sự hòa hợp như vậy. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

12. (3) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã đi dạo thăm từng khu ở (tịnh xá) này đến khu ở khác, từ khu vườn (chỗ tạm trú, khu ở) này đến khu vườn khác. Ở đó con thấy một số những tu sĩ và bà-la-môn quá gầy ốm, khắc khổ, khó coi, vàng da, những gân máu nổi rõ trên tay chân, đến mức người

ta không muốn nhìn lại họ nữa. Con đã nghĩ: 'Chắc những vị này đang sống đời sống tâm linh trong sự bất mãn, hoặc họ đã làm nghiệp ác và (nghiệp quả) đang thể hiện (hiển lộ) nó ra, cho nên họ gầy ốm … đến nỗi người ta không muốn nhìn lại họ nữa.' Con đến gặp họ và hỏi: 'Tại sao các vị quá gầy ốm và khắc khổ … đến nỗi người ta không muốn nhìn lại các vị nữa.' Họ trả lời: 'Chúng tôi bị bệnh vàng gia do di truyền.' Nhưng ở đây con thấy những Tỳ kheo sống mỉm cười và phấn khởi, thật lòng hoan hỷ, chỉ vui vầy, các căn của họ tươi tắn, sống thư thái, điềm tĩnh, sống dựa vào những thứ được bố thí, an trú với cái tâm [lánh trần] như tâm con hươu rừng. Con đã nghĩ: 'Chắc những vị này nhận thấy (chứng ngộ) một trạng thái khác biệt cao siêu trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn, là một sự thành tựu tiến dần, cho nên họ sống mỉm cười và phấn khởi … với tâm như tâm của con hươu rừng.' Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

13. (4) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đương kim là một vị vua được phong vương [được xức dầu lên đầu], con có khả năng xử tử những người nên bị xử tử, xử phạt những người nên bị xử phạt, lưu đầy những người nên bị lưu đày. Nhưng khi con đang ngồi ở pháp đình, mọi người cứ xía vô ngắt lời con. Mặc dù con nói họ: 'Này các quan thần, đừng xía vô ngắt lời ta khi ta đang ngồi trong pháp đình; hãy đợi đến lúc ta nói xong', nhưng họ vẫn cứ xía vô ngắt lời con. Nhưng ở đây con thấy những Tỳ kheo, trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng gồm mấy trăm đệ tử, thì có một đệ tử lỡ tằng hắng giọng. Ngay đó một trong những đồng đạo của người đó đã hấc vào ống chân người đó [như để nhắc rằng]: 'Này thầy, hãy yên lặng, đừng làm ồn; đức Thế Tôn, vị Sư Thầy, đang chỉ dạy Giáo Pháp cho chúng ta.'[757] Con nghĩ: 'Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời là cách một hội chúng có thể được kỹ luật một cách hay khéo mà không cần vũ lực hay vũ khí gì!' Thật sự, con không thấy hội chúng nào khác được kỷ luật hay khéo như vậy. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện,

Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

14. (5) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều bậc **thánh nhân** thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những triết lý của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc;[758] thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những giáo thuyết của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc; họ đến đây đến đó, đả kích những quan-điểm của những người khác bằng trí khôn sắc xảo của họ. Khi họ nghe tin: 'Sa-môn Cồ-Đàm sẽ tới một ngôi làng hay một thị trấn nào đó', họ sắp đặt (chuẩn bị) một vấn đề như vầy: 'Chúng ta sẽ tới gặp sa-môn Cồ-Đàm để hỏi ông ta câu hỏi này. Nếu bị hỏi như vầy, ông ta sẽ trả lời như vầy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách này; còn nếu bị hỏi như vậy, ông ta sẽ trả lời như vậy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách kia.'

"Rồi họ nghe tin: 'Sa-môn Cồ-Đàm đã tới một ngôi làng hay thị trấn.' Họ đi tới gặp đức Thế Tôn, và đức Thế Tôn đã hướng dẫn, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp. Sau khi họ được hướng dẫn, được khởi xướng, được phát khởi, và được làm hoan hỷ như vậy bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp, họ thậm chí không còn muốn hỏi đức Thế Tôn những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn? Sự thật là, họ đã trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

15. (6) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều **bà-la-môn** thông thái, những người rất khôn khéo … Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn …'

16. (7) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều **gia chủ** thông thái, những người rất khôn khéo … Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn …'

17. (8) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, con đã thấy nhiều **tu sĩ** (sa-môn) thông thái, những người rất khôn khéo … họ thậm chí không còn muốn hỏi đức Thế Tôn những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của đức Thế Tôn? Sự thật là, họ đã hỏi xin đức Thế Tôn cho phép họ từ bỏ đời sống gia đình để đi sống đời xuất gia, và đức Thế Tôn đã cho phép họ xuất gia tu hành. Sau một thời gian, sau khi họ đã xuất gia, sống một mình, lui về (thu mình), chuyên chú (tu tập), nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp nên ngay trong kiếp này [ngay bây giờ và tại đây] họ chứng nhập và an trú trong những mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh (sự giác ngộ, sự giải thoát), mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống đời xuất gia tu hành. Họ đã nói như vầy: 'Chúng tôi đã từng quá lầm lạc, chúng tôi đã từng quá điêu tàn, bởi trước kia chúng tôi cứ tuyên bố mình là tu sĩ (sa-môn) dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những tu sĩ; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những bà-la-môn dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những bà-la-môn; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những A-la-hán dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những A-la-hán. Nhưng bây giờ chúng tôi mới là những tu sĩ, giờ chúng tôi mới là những bà-la-môn (đích thực), giờ chúng tôi mới là những A-la-hán. Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

18. (9) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, Isidatta và Purāṇa, hai quan thị sát (thanh tra, thị vệ) của con, ăn thức ăn của con và dùng xe ngựa của con; con chu cấp nghề nghiệp cho họ và đưa họ tới vinh danh. Nhưng cho dù như vậy, họ cũng không tôn vinh con cho bằng họ tôn vinh đức Thế Tôn. Một lần con ra ngoài dẫn theo một đạo quân và trong khi đang kiểm tra hai quan thị sát, Isidatta và Purāṇa, con đã tình cờ ở trong một doanh trại chật chội. Rồi hai quan thị sát, Isidatta và Purāṇa, sau khi gần cả đêm đàm đạo về Giáo Pháp, họ nằm xuống với đầu họ đặt theo hướng mà họ nghe đức Thế Tôn đang ở, còn chân họ hướng về phía con. Con đã nghĩ: 'Thật

kỳ diệu, thật tuyệt vời! Hai quan thị sát này, Isidatta và Purāṇa, ăn thức ăn của con và dùng xe ngựa của con; con chu cấp nghề nghiệp cho họ và đưa họ tới vinh danh. Nhưng cho dù như vậy, họ vẫn ít kính trọng con hơn kính trọng đức Thế Tôn. Chắc những người tốt này nhận thấy (chứng ngộ) một trạng thái khác biệt cao siêu trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn, đó là một sự thành tựu tiến dần (một bậc chứng ngộ).'[759] Thưa Thế Tôn, đó cũng là lý do con suy luận theo Giáo Pháp về đức Thế Tôn: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ toàn thiện, Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành.'

19. (10) "Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là một quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] và con là một quý-tộc; đức Thế Tôn là một người Kosala và con là một người Kosala; đức Thế Tôn nay tám mươi tuổi và con nay tám mươi tuổi.[760] Vì điều đó là như vậy, con nghĩ rằng việc thực hiện sự đích thân tôn vinh cao nhất như vậy đối với đức Thế Tôn và thể hiện sự thân hữu như vậy là đúng đắn nên làm.

20. '"Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con đi đây. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Ngài cứ tùy tiện mà đi, này đại vương."

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi về.[761]

21. Rồi ngay sau khi nhà vua đã đi, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, trước khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về, Vua Pasenadi này đã tuyên bố những bảo tháp đối với Giáo Pháp.[762] Này các Tỳ kheo, hãy học những bảo tháp đối với Giáo Pháp; hãy nắm vững những bảo tháp đối với Giáo Pháp; hãy ghi nhớ những bảo tháp đối với Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, những bảo tháp đối với Giáo Pháp là ích lợi, và chúng thuộc những căn bản (nền tảng) của đời sống tâm linh."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

28. (MN 90) KINH KAṆṆAKATTHALA

(*Kaṇṇakatthala Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ujuññā, trong khu Vườn Nai Kaṇṇakatthala.

2. Bấy giờ, lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã đến Ujuññā vì công việc hay lý do khác. Rồi nhà vua nói với một người: "Này người tốt, hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: 'Thưa Thế Tôn, Vua Pasenadi của xứ Kosala xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.' Và thưa điều này: 'Thưa Thế Tôn, Vua Pasenadi của xứ Kosala xin đến gặp đức Thế Tôn sau khi dùng bữa sáng.'"

"Dạ, thưa đại vương", người đó đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn, và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời của nhà vua.

3. Các chị Somā và Sakulā[763] đã nghe: "Hôm nay Vua Pasenadi của xứ Kosala sẽ đi gặp đức Thế Tôn sau khi nhà vua dùng bữa sáng."

Rồi, trong khi bữa ăn sáng đang được phục vụ, hai chị đã đến gặp nhà vua và nói: "Thưa bệ hạ, kính xin bệ hạ hãy nhân danh hai thiếp đến gặp đức Thế Tôn và kính lễ với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn để kính lễ, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa, thưa rằng: 'Thưa Thế Tôn, các chị Somā và Sakulā xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống bàn chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn đã hết bệnh … và an trú thư thái hay chưa.'"

4. Rồi, sau khi đã dùng xong bữa sáng, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống

một bên, và chuyển lại lời nhắn của các chị Somā và Sakulā.

"Nhưng, này đại vương, các chị Somā và Sakulā không thể tìm người khác để chuyển tin hay sao?"

"Thưa Thế Tôn, hai thiếp Somā và Sakulā nghe được: 'Hôm nay Vua Pasenadi của xứ Kosala sẽ đến gặp đức Thế Tôn sau khi nhà vua dùng xong bữa sáng' … (*nên đã đến nhờ chuyển lời kính lễ với Thế Tôn*) …"

"Mong các chị Somā và Sakulā được an lạc, này đại vương."

5. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn: (i) "Thưa Thế Tôn, con đã nghe được điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm nói rằng: "Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào là toàn-trí và nhìn thấy tất-cả, là người có thể tuyên bố có được sự-biết và sự-thấy toàn vẹn; điều đó là không thể."' Thưa Thế Tôn, những người nói như vậy có phải là nói điều được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng những điều trái với điều đã nói? Có phải họ đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo cơ sở lý lẽ nào để bị (người khác) phê phán?"

"Này đại vương, những người nói như vậy là không nói điều đã được nói bởi ta, mà diễn dịch sai lời của ta bằng điều không đúng và trái với điều đã nói."

6. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala nói với tướng quân (hoàng tử) Viḍūḍabha: "Này tướng quân, ai đã truyền chuyện này vào cung đình vậy?"

"Thưa bệ hạ, đó là Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa."

7. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người: "Này anh đây, hãy nhân danh ta đến gặp Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa, và nói: 'Thưa ngài, Vua Pasenadi của xứ Kosala cho gọi ngài.'"

"Dạ, thưa bệ hạ", người đó đáp lại. Anh ta đến gặp Sañjaya … (*và chuyển lời nhà vua*) …

8. Trong thời gian đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala mới hỏi đức Thế

Tôn: "Thưa Thế Tôn, có thể một điều khác đã được nói bởi đức Thế Tôn khi đề cập đến vấn đề đó, và người nghe đã hiểu sai? Đức Thế Tôn nhớ lại đã nói ra điều đó theo cách nào?"

"Này đại vương, ta nhớ lại ta đã thực sự tuyên bố điều đó theo cách này: 'Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào là người *đồng một thời* biết tất-cả, thấy tất-cả; điều đó là không thể.'"[764]

"Điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện hữu lý, điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện được dựa trên lý do: 'Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào là người đồng một thời biết tất-cả, thấy tất-cả; điều đó là không thể.'"

9. (ii) "Thưa Thế Tôn, có bốn giai cấp: quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Có sự khác biệt hay khác nhau nào giữa họ?"

"Này đại vương, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Trong đó hai giai cấp, quý-tộc và bà-la-môn, được cho là cao siêu hơn vì người ta kính lễ họ, đứng dậy vì họ, và thực hiện sự kính lễ họ và sự phục vụ cho họ."

10. "Thưa Thế Tôn, con không hỏi về kiếp này; con đang hỏi về kiếp tương lai.[765] Thưa Thế Tôn, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Có sự khác biệt hay khác nhau nào giữa họ?"

"Này đại vương, có năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần).[766] Năm đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo có niềm-tin, người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn'

(2) "Rồi người đó không bị bệnh tật và đau đớn, có được hệ tiêu hóa điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột, và có khả năng chịu được sự căng thẳng của sự chuyên-cần tu.

(3) "Rồi người đó là chân thật và chân thành, và thể hiện bản thân mình đúng như nó thực là trước mặt vị Sư Thầy và những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh.

(4) "Rồi người đó là siêng năng nỗ-lực trong sự dẹp bỏ những trạng thái bất thiện và trong sự đảm nhận những trạng thái thiện, kiên định, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) với sự kiên cố, và kiên trì trong sự tu dưỡng những phẩm chất thiện.

(5) "Rồi người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ nhận biết sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu.

"Này đại vương, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. Giờ nếu ai trong họ có được năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần) này, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ."

11. "Thưa Thế Tôn, có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. (iii) Giờ nếu họ đều có được năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần) này, thì có sự khác nhau nào giữa họ về phương diện đó hay không?"

"Ở đây, này đại vương, ta nói sự khác nhau giữa họ nằm ở chỗ sự khác-nhau về sự chuyên-cần tu (tinh cần) của họ. Ví dụ, (a) có hai con voi [hay hai con ngựa hay hai con bò] có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương tốt, và (b) có hai con voi có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Hai con voi (a) có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương (huấn luyện) tốt là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được

thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?"

"Đúng, thưa Thế Tôn."

"Còn hai con voi (b) có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?"

"Không, thưa Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, này đại vương, không thể nào điều có thể thành tựu được bởi người có niềm-tin, người không bị bệnh đau, người chân thật và chân thành, người siêng năng nỗ-lực và người có trí lại có thể thành tựu được bởi người không có niềm-tin, người bị bệnh đau, người giả dối và lừa lọc, người lười biếng và người không có trí."

12. "Điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện hữu lý, điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện được dựa trên lý do."

"Có bốn giai cấp: quý-tộc, bà-la-môn, thương-nông, và bần-lao hạ tiện. (iv) Giờ nếu họ đều có được năm yếu-tố của sự chuyên-cần tu (năm chi tinh cần) này, và nếu sự chuyên-cần tu của họ là đúng đắn, thì có sự khác nhau nào giữa họ về phương diện đó hay không?"

"Ở đây, này đại vương, về phương diện này, ta nói, không có sự khác nhau nào giữa họ, đó là, giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người kia. Ví dụ một người lấy cây củi cây sāka khô, đốt lửa, và tạo nhiệt; và một người khác cũng làm vậy; và rồi một người khác nữa lấy củi xoài khô, đốt lửa, và tạo nhiệt; và một người khác nữa cũng làm vậy. Ngài nghĩ sao, này đại vương? Có sự khác nhau nào giữa các lửa được đốt bằng những loại củi khác nhau, đó là, lửa của người này và lửa của người khác, hoặc giữa màu lửa của người này và màu lửa của người khác, hoặc giữa sự phát nhiệt của người này và sự phát nhiệt của người khác?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, này đại vương, khi lửa [tâm linh] được thắp lên bởi sự nỗ-lực (tinh tấn), được đốt sáng bởi sự chuyên-cần tu (tinh cần), thì, ta nói, không có sự khác nhau giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người khác."

13. "Điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện hữu lý, điều đức Thế Tôn đã nói thể hiện được dựa trên lý do. (v) Nhưng, thưa Thế Tôn, giờ thì sao, có những thiên thần hay không?

"Này đại vương, sao ngài hỏi vậy?"

"Thưa Thế Tôn, con đang hỏi liệu những thiên thần có quay trở lại trạng thái [con người] này hay không."

"Này đại vương, những thiên thần nào vẫn còn dính sự ác-ý thì sẽ quay trở lại trạng thái [con người], còn những thiên thần nào không còn dính sự ác-ý thì sẽ không trở lại trạng thái con người."[767]

14. Sau khi điều này được nói ra, tướng quân Viḍūḍabha mới hỏi đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, liệu những thiên thần (là chúng sinh) vẫn còn dính sự ác-ý và còn quay trở lại trạng thái [con người] có thể đánh đổ hoặc trục xuất ra khỏi cõi đó những thiên thần không còn dính sự ác-ý và không còn quay lại trạng thái [con người] này, hay không?"

Rồi Ngài Ānanda đã nghĩ: "Tướng Viḍūḍabha là con của Vua Pasenadi của xứ Kosala, và ta là con của đức Thế Tôn. Giờ là lúc con trai này nói với con trai kia." Thầy ấy nói với tướng Viḍūḍabha:

"Này tướng quân, giờ tôi sẽ hỏi lại tướng quân một câu hỏi. Cứ trả lời nếu tướng quân thấy được. Này tướng quân, ngài nghĩ sao? Có toàn cõi Vua Pasenadi của xứ Kosala trị vì, trong đó nhà vua thực thi vương quyền và sự thống trị; giờ liệu Vua Pasenadi của Kosala có thể đánh đổ hay trục xuất tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào ra khỏi cõi đó hay không, bất kể đó là tu sĩ hay bà-la-môn có công đức hay thất đức, hay có sống hay không sống đời sống tâm linh?"

"Nhà vua có thể làm được, thưa thầy."

"Ngài nghĩ sao, này tướng quân? Có toàn cõi Vua Pasenadi của xứ Kosala không trị vì, trong đó nhà vua không thực thi vương quyền và sự thống trị; giờ liệu Vua Pasenadi của Kosala có thể đánh đổ hay trục xuất tu sĩ hay bà-la-môn nào ra khỏi cõi đó hay không, bất kể đó là tu sĩ hay bà-la-môn có công đức hay thất đức, hay có sống hay không sống đời sống tâm linh?"

"Nhà vua không thể, thưa thầy."

"Này tướng quân, ngài nghĩ sao? Ngài đã nghe về những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi) hay chưa?"

"Có, thưa thầy, tôi đã nghe về họ. Và Vua Pasenadi của xứ Kosala cũng đã nghe về họ."

"Này tướng quân, ngài nghĩ sao? Liệu Vua Pasenadi của xứ Kosala có thể đánh đổ hay trục xuất họ ra khỏi cõi đó, hay không?"

"Thưa thầy, Vua Pasenadi của xứ Kosala còn không thấy được những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba, lấy đâu nhà vua có thể đánh đổ hay trục xuất họ ra khỏi cõi đó?"

"Cũng giống như vậy, này tướng quân, những thiên thần (là chúng sinh) vẫn còn dính sự ác-ý và còn quay trở lại trạng thái [con người] còn không thấy được những thiên thần không còn dính sự ác-ý và không còn quay lại trạng thái [con người] này, lấy đâu họ có thể đánh đổ hoặc trục xuất những thiên thần đó ra khỏi cõi đó?"

15. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã hỏi đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo này tên là gì?"

"Này đại vương, tên thầy ấy là Ānanda."

"Thầy Ānanda thực sự [hoan hỷ], thưa Thế Tôn, và thầy Ānanda tỏ ra [hoan hỷ]. Điều thầy Ānanda đã nói thể hiện hữu lý, điều thầy ấy đã nói được dựa trên lý do. (vi) Nhưng thưa Thế Tôn, có trời Brahmā (Phạm thiên) không?"

"Này đại vương, sao đại vương hỏi vậy?"

"Thưa Thế Tôn, con đang hỏi liệu trời Brahmā có quay trở lại trạng thái [con người] này hay không."

"Này đại vương, trời Brahmā nào vẫn còn dính sự ác-ý thì sẽ quay trở lại trạng thái [con người], còn trời Brahmā nào không còn dính sự ác-ý thì sẽ không trở lại trạng thái con người."

16. Rồi có người vào bẩm báo với Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Thưa đại vương, ngài Sañjaya, bà-la-môn của họ tộc Ākāsa, đã đến."

Vua Pasenadi của Kosala mới hỏi Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa: "Này bà-la-môn, ai đã truyền chuyện này vào trong cung đình?"

"Thưa bệ hạ, đó là tướng quân Viḍūḍabha."

Còn tướng quân Viḍūḍabha lại nói: "Thưa bệ hạ, đó là Sañjaya, bà-la-môn họ tộc Ākāsa."

17. Rồi một người đến thưa với Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Thưa bệ hạ, giờ tới lúc phải đi."

Vua Pasenadi của xứ Kosala: "Thưa Thế Tôn, (i) chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về sự toàn-trí, và đức Thế Tôn đã trả lời về sự toàn-trí; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. (ii), (iii), (iv) Chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về sự thanh-lọc của bốn giai cấp, và đức Thế Tôn đã trả lời về sự thanh-lọc của bốn giai cấp; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. (v) Chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về những thiên thần, và đức Thế Tôn đã trả lời về những thiên thần; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. (vi) Chúng con đã hỏi đức Thế Tôn về các vị trời Brahmā, và đức Thế Tôn đã trả lời về vị trời Brahmā; chúng con đồng ý và chấp nhận sự trả lời, và do vậy chúng con thỏa mãn. Và giờ, thưa Thế Tôn, chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi."

18. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời của đức Thế Tôn, đứng dậy chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải, nhà vua đi ra.

29. (MN 91) KINH BRAHMĀYU

(*Brahmāyu Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành trong xứ dân Videha cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm năm trăm Tỳ kheo.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Brahmāyu đang sống ở Mithilā. Ông ta đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã vào buổi xế chiều của cuộc đời, và đã đến giai đoạn cuối; ông ta đang một trăm hai mươi tuổi. Ông ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân.[768]

3. Bà-la-môn Brahmāyu đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Videha cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo. Giờ tin đồn tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó."

4. Bấy giờ, thời đó bà-la-môn Brahmāyu có một môn sinh bà-la-môn

trẻ tên là Uttara, cũng là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) ... và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Ông ta nói với môn sinh của mình: "Này Uttara thân mến, sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) ... bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó." Này, Uttara thân mến, hãy đến chỗ sa-môn Cồ-Đàm để tìm hiểu liệu tin đồn được lan truyền về ông ta có đúng thực hay không, và liệu sa-môn Cồ-Đàm có đúng là một bậc như vậy hay không. Như vậy nhờ qua anh chúng ta sẽ biết được về sa-môn Cồ-Đàm."

5. "Nhưng, thưa ngài, làm cách nào tôi có thể tìm ra tin đồn đó về sa-môn Cồ-Đàm là đúng thực hay không, và sa-môn Cồ-Đàm có đúng là bậc như vậy hay không?"

"Này Uttara thân mến, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân đã được truyền dạy trong những kinh chú của chúng ta, và bậc Vĩ Nhân là người được phú cho những đặc điểm tướng số đó thì chỉ có hai nơi-đến mà thôi, không có nơi-đến khác.[769] Nếu bậc đó sống đời tại gia, thì bậc ấy trở thành một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, là bậc thầy của bốn phương, bậc toàn-thắng, là người đã ổn định đất nước và có được bảy báu. Vị vua đó có bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, phụ nữ báu, quản gia báu, và quân sư báu là thứ bảy.[770] Con cái của bậc đó, vượt quá một ngàn người, đều dũng cảm và anh hùng, và nghiền nát quân đội của nước khác; khắp trái đất này được bao bọc bởi đại dương, vị vua đó trị vì không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí, chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp. Nhưng nếu bậc đó từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì bậc đó trở thành một bậc A-la-hán (bậc tu thành), bậc Toàn Giác, là bậc vén mở bức màn trong thế gian.[771] Nhưng, này Uttara thân mến, ta là người đã ban dạy những kinh chú đó; còn anh là người thụ nhận chúng."

6. "Dạ, thưa ngài", anh ta đáp lại. Anh đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ

bà-la-môn Brahmāyu, giữ thầy mình ở hướng bên phải mình và đi ra, và lên đường đến xứ dân Videha, nơi có đức Thế Tôn đang du hành qua. Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng anh ta đến gặp đức Thế Tôn, và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và nhìn tìm ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Anh ta đã nhìn thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai đặc điểm; anh ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và anh ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi.

Rồi ý nghĩ này xảy đến với đức Thế Tôn: "Môn sinh bà-la-môn Uttara này nhìn thấy, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai đặc điểm; anh ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và anh ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi."

7. Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho môn sinh bà-la-môn Uttara nhìn thấy bộ phận giới tính của đức Thế Tôn được che kín trong lớp vỏ bọc.[772] Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

8. Rồi môn sinh bà-la-môn Uttara nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm này được phú cho ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân. Phải chăng ta nên đi theo sa-môn Cồ-đàm và quan sát hành vi của ông ta?"

Rồi anh ta theo sát đức Thế Tôn suốt bảy tháng như bóng với hình, không bao giờ bỏ xa đức Thế Tôn. Rồi khi hết bảy tháng trời ở xứ người Videha, anh ta lên đường về lại Mithilā nơi có bà-la-môn Brahmāyu đang ở đó. Sau khi anh ta về tới, anh ta kính lễ thầy mình, và ngồi xuống một bên. Ngay đó bà-la-môn Brahmāyu liền hỏi anh ta: "Giỏi lắm, này Uttara

thân mến, tin đồn đã được lan truyền về sa-môn Cồ-đàm có đúng thực hay không? Và sa-môn Cồ-đàm có đúng là bậc như vậy hay không?"

9. "Thưa ngài, tin đồn đã được lan truyền về sa-môn Cồ-đàm là đúng thực, và không sai khác; và Sa-môn Cồ-đàm đúng là bậc như vậy, và không sai khác. Bậc đó có được ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân.

1. Thầy Cồ-Đàm đặt bàn chân xuống một cách bằng phẳng (có bàn chân phẳng)—đây là đặc điểm tướng tốt thứ nhất của một bậc Vĩ Nhân.

2. Dưới lòng bàn chân bậc ấy có những bánh xe ngàn căm và vành xe và trục xe đầy đủ …

3. Bậc ấy có gót chân thon dài …

4. Bậc ấy có ngón tay và ngón chân dài …

5. Bậc ấy có bàn tay và bàn chân mềm mại …

6. Bậc ấy có bàn tay và bàn chân có màn bên dưới …

7. Bậc ấy có mu bàn chân vòm lên …

8. Bậc ấy có chân dài như chân linh dương …

9. Khi bậc ấy đứng thẳng không khom lưng, hai lòng bàn tay chạm được và xoa được hai đầu gối …

10. Bộ phận giới tính được che kín trong vỏ bọc …

11. Bậc ấy có màu da vàng kim, da bậc ấy có ánh kim …

12. Bậc ấy có da dẻ mịn láng, và nhờ có sự mịn láng của da nên thân không dính bụi và đất …

13. Lông mọc đơn lẻ, mỗi lông trên thân mọc đơn lẻ từ một lổ chân lông riêng …

14. Đầu sợi lông dựng đứng; có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt …

15. Bậc ấy có tứ chi thẳng của một vị trời Brahmā (Phạm thiên) …

16. Bậc ấy có bảy chỗ lồi đầy … [773]

17. Bậc ấy có thân mình của sư tử …

18. Khe lõm giữa hai vai được lấp đầy …

19. Bậc ấy sải tay (cân đối) của một cây đa đề; sải tay của bậc ấy bằng chiều cao của thân, và chiều cao của thân bằng sải tay của bậc ấy …

20. Bậc ấy hai vai cân bằng hai bên cổ …

21. Vị giác của bậc ấy cực kỳ nhạy bén … [774]

22. Bậc ấy có hàm của sư tử …

23. Bậc ấy có bốn mươi răng …

24. Răng bậc ấy là đều cỡ như nhau …

25. Răng bậc ấy không có kẻ hở …

26. Răng bậc ấy trắng muốt …

27. Bậc ấy có lưỡi to …

28. Bậc ấy có giọng nói thiên thánh, giống như tiếng gọi của chim Karavīka …

29. Bậc ấy có mắt màu xanh thẳm …

30. Bậc ấy có lông mi như lông mi của bò cái…

31. Bậc ấy có lông mọc giữa hai chân mày, lông đó có màu trắng với ánh màu sợi bông vải mềm …

32. Bậc ấy có đầu có hình dạng như khăn đống—đây là một đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân.[775]

Thầy Cồ-Đàm được phú cho ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân.

10. "Khi bậc ấy đi, bậc ấy bước chân phải trước. Bậc ấy không bước với quá xa hay bước chùn quá gần. Bậc ấy không không đi quá nhanh hay quá chậm. Bậc ấy đi hai đầu gối không chạm nhau. Bậc ấy bước đi hai ống chân không chạm nhau. Bậc ấy bước đi không đưa hai đùi lên cao hay hạ hai đùi xuống, không đưa chúng sát nhau hay tách chúng ra nhau. Khi bậc ấy bước đi, chỉ phần thân dưới là dao động, và bậc ấy không bước đi bằng cách cố rướn thân. Khi bậc ấy quay lại nhìn, bậc ấy không quay bằng cả thân. Bậc ấy không nhìn thẳng ngước lên; không nhìn thẳng gục xuống. Bậc ấy không vừa đi vừa nhìn bên này bên nọ. Bậc ấy bước đi nhìn trước mặt khoảng tầm một thân lưỡi cày; xa hơn đó bậc ấy đã có sự-biết và tầm-nhìn không bị cản trở.

11. "Khi đi trong nhà, bậc ấy không rướn cao hay hạ thấp thân mình, không chồm tới hay ngã sau. Bậc ấy quay người không quá xa cũng không quá gần chỗ ngồi. Bậc ấy không chống tay lên chỗ ngồi (khi ngồi xuống). Bậc ấy không quăng mình xuống chỗ ngồi (khi ngồi xuống).

12. "Khi đang ngồi trong nhà, bậc ấy không động đậy hai bàn tay. Bậc ấy không động đậy hai bàn chân. Bậc ấy không ngồi với hai đầu gối chéo nhau. Bậc ấy không ngồi với hai ống chân chéo nhau. Bậc ấy không ngồi với tay chống cằm. Khi ngồi trong nhà bậc ấy không sợ sệt, không run sợ và rung rẩy, bậc ấy không hồi hộp. Do không sợ sệt, không run sợ hay rung rẩy, hay hồi hộp nên lông tóc bậc ấy không dựng đứng và bậc ấy chủ ý tách-ly (ẩn dật).

13. "(Trước khi nhận thức ăn) khi bậc ấy nhận lấy nước để rửa bình bát, bậc ấy không đưa bình bát lên hay xuống, không đưa tới hay đưa lui. Bậc ấy không nhận quá nhiều nước hay quá ít nước. Bậc ấy rửa bình bát không gây ra tiếng nước. Bậc ấy rửa bình bát không xoay quay bình bát. Bậc ấy không đặt bình bát xuống sàn để rửa tay: khi tay đã rửa sạch là bình bát cũng rửa sạch; và khi bình bát đã rửa sạch là tay cũng rửa sạch. Bậc ấy đổ

nước khỏi bình bát không tạt quá xa, cũng không trút quá gần, cũng không hất nước văng vẩy.

14. "Khi bậc ấy nhận cơm, bậc ấy không đưa bình bát lên cao hay hạ thấp, cũng không đưa bình bát tới trước hay đưa lùi lại. Bậc ấy nhận cơm không quá ít hay quá nhiều. Bậc ấy chan thêm nước xốt vừa đủ; bậc ấy không chan quá nhiều nước xốt trong một muỗng ăn. Bậc ấy nhai trộn muỗng ăn hai hay ba lần sau đó nuốt xuống, và không có hạt cơm nào đi xuống thân mà chưa được nhai, và không có hột cơm nào còn sót lại trong miệng; sau đó bậc ấy ăn muỗng tiếp theo. Bậc ấy ăn thức ăn nếm trải mùi vị, cho dù không trải nghiệm sự tham muốn mùi vị. Thức ăn bậc ấy ăn có tám yếu tố: (i) không phải ăn để khoái thích giải trí, (ii) không phải ăn để say sưa, (iii) không phải ăn để có sắc đẹp hay (iv) để làm thân thể hấp dẫn— mà (v) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (vi) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vii) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu hành); (viii) người đó tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn thư thái.'[776]

15. "Khi đã ăn xong và nhận nước để rửa bình bát, bậc ấy không đưa bình bát lên hay xuống hay đưa tới hay đưa lui. Bậc ấy không nhận quá nhiều nước hay quá ít nước. Bậc ấy rửa bình bát không gây ra tiếng nước. Bậc ấy rửa bình bát không xoay quay bình bát. Bậc ấy không đặt bình bát xuống sàn để rửa tay: khi tay đã rửa sạch là bình bát cũng rửa sạch; và khi bình bát đã rửa sạch là tay cũng rửa sạch. Bậc ấy đổ nước khỏi bình bát không tạt quá xa, cũng không trút quá gần, cũng không hất nước văng vẩy.

16. "Sau đã ăn xong, bậc ấy đặt bình bát trên sàn nhà không quá xa cũng không quá gần; và bậc ấy không bất cẩn về bình bát cũng không quá bận tâm lo lắng về nó.

17. "Sau khi đã ăn xong, bậc ấy ngồi im lặng một lúc, nhưng không im

lặng lâu quá thời gian nói lời chúc phúc (tùy hỷ công đức).[777] Sau khi đã ăn xong và sau khi nói lời chúc phúc, bậc ấy không nói lời phê bình bữa ăn cũng không trông đợi bữa ăn khác; bậc ấy chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người nghe bằng bài nói chuyện chỉ nói về Giáo Pháp. Sau khi bậc ấy đã làm xong vậy, bậc ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

18. "Bậc ấy không đi quá nhanh hay quá chậm, và bậc ấy không đi như người muốn bỏ đi khỏi đó.

19. "Cà sa bậc ấy mặc trên thân không quá cao, không quá thấp, cũng không quá bó chặt thân thể, không quá rộng trên thân, và gió mạnh cũng không thổi bay cà sa trên thân bậc ấy. Bụi và đất không làm dơ thân bậc ấy.

20. "Sau khi bậc ấy trở về tịnh xá, bậc ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Sau khi ngồi xuống, bậc ấy rửa hai bàn chân, cho dù bậc ấy không phải lo chải chuốc cho chân mình. Sau khi đã rửa chân, bậc ấy ngồi tréo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. Bậc ấy không bận (chiếm) tâm mình bằng sự làm khổ mình hay sự làm khổ người khác hay sự làm khổ cả mình và người; bậc ấy ngồi với tâm mình được thiết lập về phúc lợi của mình, về phúc lợi của người khác, và về phúc lợi của mình và người, thậm chí về phúc lợi của cả thế gian.

21. "Sau khi bậc ấy trở về tịnh xá, bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng những người nghe. Bậc ấy không tâng bốc cũng không hạ thấp hội chúng đó; bậc ấy chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những người nghe bằng bài nói chuyện chỉ nói về Giáo Pháp. Lời nói phát ra từ miệng của bậc ấy có tám tính chất: rõ rệt, dễ hiểu (rõ chữ), lôi cuốn, dễ nghe (rõ tiếng), ngân lên, êm tai, sâu sắc và vang vọng. Nhưng trong khi giọng nói của bậc ấy rõ chữ tới cuối hội chúng, lời nói của bậc ấy không phát ra xa quá phạm vi hội chúng. Sau khi những người nghe đã được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bởi bậc ấy, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ bậc ấy, giữ bậc ấy ở hướng bên phải mình, và

khi đi ra họ chỉ nhìn vào bậc ấy chứ không quan tâm thứ gì khác.

22. "Thưa ngài, chúng tôi đã nhìn thấy Thầy Cồ-Đàm đi, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đứng, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đi vô trong nhà, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đang ngồi trong nhà, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ngồi trong nhà trong im lặng, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ăn trong nhà, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ngồi trong im lặng sau khi ăn, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy đi về tịnh xá, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy ngồi trong tịnh xá trong im lặng, chúng tôi đã nhìn thấy bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng. Thầy Cồ-Đàm là như vậy; bậc ấy là như vậy, và nhiều hơn vậy nữa."[778]

23. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Brahmāyu đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y áo trên một vai, và chấp tay kính lễ về hướng có đức Thế Tôn và thốt ra lời cảm thán này ba lần: "Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn giác! Có lẽ một dịp nào chúng ta sẽ gặp Thầy Cồ-Đàm, có lẽ chúng ta sẽ có sự đàm đạo với bậc ấy."

24. Rồi, theo đường du hành, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Mithilā. Ở đó đức Thế Tôn sống trong khu Vườn Xoài (của vua) Makhādeva. Những gia chủ bà-la-môn ở Mithilā đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Videha cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm năm trăm Tỳ kheo, và giờ đang ở trong khu Vườn Xoài Makhādeva. Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền … [*như mục 3 ở trên*] … Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó."

25. Rồi những gia chủ bà-la-môn đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chấp tay kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số đọc tên họ của mình cho đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

26. Bà-la-môn Brahmāyu đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đã đến Mithilā, và giờ đang ở trong khu Vườn Xoài Makhādeva ở Mithilā."

Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã đến khu Vườn Xoài Makhādeva cùng với một số môn sinh bà-la-môn. Sau khi đến khu Vườn Xoài, ông ta nghĩ: "Sẽ không phù hợp nếu ta đến chỗ sa-môn Cồ-đàm mà không thông báo trước." Rồi ông nói với một môn sinh bà-la-môn: "Này môn sinh bà-la-môn, hãy nhân danh ta đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi thăm sa-môn Cồ-đàm đã hết bệnh và hết đau và khỏe, mạnh, an trú thư thái hay chưa. Và thưa điều này: 'Thưa Thầy Cồ-Đàm, bà-la-môn Brahmāyu, đã già, già yếu, đã gánh nặng tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời; ngài đang ở tuổi một trăm hai mươi của mình. Ngài là một bậc thầy về Ba Kinh Vệ-đà … về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Trong tất cả những bà-la-môn sống ở Mithilā, bà-la-môn Brahmāyu được tuyên bố là bậc nhất về sự giàu có, về sự biết rõ những kinh chú, và về tuổi tác và danh tiếng. Ngài ấy muốn gặp Thầy Cồ-Đàm.'"

"Dạ, thưa ngài", môn sinh bà-la-môn đáp lại. Anh ta đến chỗ đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta đứng sang một bên và chuyển lời nhắn của thầy mình. [Đức Thế Tôn nói:]

"Này môn sinh, hãy nói bà-la-môn Brahmāyu cứ tùy tiện đến gặp."

27. Rồi môn sinh bà-la-môn trở ra gặp bà-la-môn Brahmāyu và nói: "Sa-môn Cồ-đàm đã cho phép gặp. Ngài hãy tùy tiện đến gặp."

Bà-la-môn Brahmāyu đến gặp đức Thế Tôn. Hội chúng nhìn thấy ông đang đi đến từ xa, họ lập tức nhường lối cho ông, một người nổi tiếng và danh tiếng. Rồi bà-la-môn Brahmāyu mới nói với hội chúng: "Được rồi, thưa quý thầy, mỗi người cứ ngồi xuống chỗ của mình. Tôi sẽ ngồi gần kế sa-môn Cồ-đàm."

28. Rồi ông đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nhìn coi ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Ông đã nhìn thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi.

29. Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ như sau:

"Ba mươi hai đặc điểm tướng số tôi đã học
Đó là những đặc điểm của một bậc Vĩ Nhân—
Tôi vẫn chưa nhìn thấy hai bộ phận này,
Trên thân của ngài, thưa Thầy Cồ-Đàm.
Có phải thứ cần che đậy bằng vải,
Che kín trong vỏ bọc là thuộc tướng của bậc đại vĩ nhân?
Mặc dù lưỡi được gọi bằng chữ giống cái,[779]
Những lưỡi của ngài chắc to lớn của giống đực?
Có lẽ lưỡi của ngài cũng to lớn,
Theo như những gì chúng tôi đã được dạy?
Xin hãy thè lưỡi ra một chút,
Và như vậy, ôi bậc Nhìn Thấy, sẽ giải hết nghi ngờ của chúng tôi.
Vì phúc lợi ngay trong kiếp này
Và vì hạnh phúc trong những kiếp sau.
Và giờ chúng tôi khao khát xin phép được hỏi ngài
Về điều chúng tôi khao khát muốn biết."

30. Rồi ý nghĩ này xảy đến với đức Thế Tôn: "Bà-la-môn Brahmāyu này nhìn thấy, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông không thể quyết định hay biết chắc

về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi."

Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho bà-la-môn Brahmāyu nhìn thấy bộ phận giới tính của đức Thế Tôn được che kín trong lớp vỏ bọc. Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

31. Rồi đức Thế Tôn đã nói những dòng thi kệ này để trả lời cho bà-la-môn Brahmāyu:

"Ba mươi hai đặc điểm tướng số bác đã học,
Đó là những đặc điểm của một bậc Vĩ Nhân—
Tất cả đều có thể tìm thấy trên thân ta:
Vì vậy, này bà-la-môn, đừng nghi ngờ gì nữa.
Những gì phải được biết ta đã trực-tiếp biết,
Những gì phải được tu ta đã tu,
Những gì phải được trừ bỏ ta đã trừ bỏ,
Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật.[780]
Vì phúc lợi ngay trong kiếp này
Và vì hạnh phúc trong những kiếp sau.
Và giờ sự xin phép đã được cho, vậy cứ hỏi,
Về bất cứ điều gì bác khao khát muốn biết."

32. Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã nghĩ: "Sự xin phép đã được cho phép bởi sa-môn Cồ-đàm. Vậy ta nên hỏi bậc ấy về: điều thiện trong kiếp này hay điều thiện trong những kiếp sau?" Rồi ông nghĩ: "Mình đã giỏi về điều thiện trong kiếp này, và những người khác còn học hỏi mình về điều thiện trong kiếp này. Vậy sao mình không hỏi bậc ấy về điều thiện trong những kiếp sau?" Rồi ông đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng kệ sau:

"Theo cách nào một người trở thành một bà-la-môn?
Và theo cách nào một người đạt được sự-biết?[781]
Theo cách nào một người có ba loại trí-biết (tam minh)?

Và theo cách nào một người được gọi là học giả thánh thiện?
Theo cách nào một người trở thành bậc A-la-hán?
Theo cách nào người đạt tới sự toàn-vẹn?
Theo cách nào một người là trí giả im lặng (bậc mâu-ni)?
Và theo cách nào một người được gọi là một vị Phật?"[782]

33. Rồi đức Thế Tôn đã trả lời bằng những dòng kệ này:

"Ai biết được những kiếp trước của mình,
Nhìn thấy cõi trời và những cảnh giới đày đọa,
Và đã đạt được sự tiêu diệt sự sinh—
Một bậc trí hiền biết bằng trí-biết trực tiếp,
Người biết được tâm mình đã được thanh lọc,
Đã sạch hết mọi tham-dục,
Người đã trừ bỏ sự sinh-tử,
Người đã toàn-vẹn trong đời sống tâm linh,
Người đã siêu thoát khỏi mọi thứ—
Người như vậy được gọi là một vị Phật."[783]

34. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại phần y áo trên một vai, ông cúi lạy với đầu dưới chân đức Thế Tôn, và ông đã hôn hai bàn chân đức Thế Tôn và dùng tay xoa nhẹ chúng, rồi đọc tên mình: "Con là bà-la-môn Brahmāyu, thưa Thầy Cồ-Đàm; con là bà-la-môn Brahmāyu, thưa Thầy Cồ-Đàm."

35. Những người trong hội chúng ở đó thấy ngạc nhiên và kỳ diệu, và họ nói: "Thật kỳ diệu, thưa các vị, thật tuyệt vời rằng sa-môn Cồ-Đàm có đại lực và đại uy, vì bà-la-môn nổi tiếng và danh tiếng Brahmāyu đã thể hiện một sự khiêm nhường hạ mình đến vậy!"

Rồi đức Thế Tôn mới nói với bà-la-môn Brahmāyu: "Đủ rồi, này bà-la-môn, hãy đứng lên; hãy ngồi xuống chỗ ngồi của bác vì tâm của bác đã có niềm-tin vào ta."

Bà-la-môn Brahmāyu đứng lên và ngồi xuống lại chỗ ngồi của mình.

36. Rồi đức Thế Tôn đã ban cho ông ta sự chỉ dẫn để tu tiến,[784] trong đó có sự chỉ dạy về sự bố-thí, về giới-hạnh, về những cõi trời; đức Thế Tôn giảng giải về sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và niềm chân-phúc của sự từ-bỏ (chúng). Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của bà-la-môn Brahmāyu đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho ông về giáo pháp của riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm dứt khổ)". Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi bà-la-môn Brahmāyu ngồi đó, tầm-nhìn trong sạch không tỳ vết về Giáo Pháp đã khởi sinh trong ông ấy như vầy: "Mọi thứ có sinh thì có diệt." Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã đạt tới Giáo Pháp Dhamma, đã hiểu Giáo Pháp, đã biết Giáo Pháp; ông đã vượt qua sự nghi-ngờ, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy.

37. Rồi ông đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

"Kính mong đức Thế Tôn, cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo, đồng ý nhận lời mời dùng cơm ngày mai từ con."

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, bà-la-môn Brahmāyu đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

38. Rồi, khi đêm đã qua, bà-la-môn Brahmāyu đã cho chuẩn bị nhiều loại món ăn ngon trong tư gia của mình, và sau đó ông cũng báo thời gian cho đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, đã đến giờ, bữa ăn đã sẵn sàng."

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến nhà bà-la-môn Brahmāyu, và đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, suốt một tuần lễ, bà-la-môn Brahmāyu đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng nhiều món ăn ngon khác nhau.

39. Đến hết tuần đó, đức Thế Tôn lại lên đường đi du hành giữa xứ người Videha. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, bà-la-môn Brahmāyu đã chết. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, bà-la-môn Brahmāyu đã chết. Nơi-đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?"

"Này các Tỳ kheo, bà-la-môn Brahmāyu là hiền trí, bác ấy đã chứng nhập vào con đường của Giáo Pháp, và bác ấy đã không làm phiền ta trong sự diễn dịch về Giáo Pháp. Với sự (đã) tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), bác ấy đã tái sinh tự động [trong những Cõi Trời Trong Sạch (một trong năm cõi Tịnh cư thiên của những bậc thánh Bất-lai)] và từ ở đó sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn), không còn quay lại thế gian nữa."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

30. (MN 92) KINH SELA [a]

(*Sela Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy.[785] Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Anguttarāpa cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, [102] và cuối cùng đã đến một thị trấn của người Anguttarāpa tên là thị trấn Āpaṇa.

2. Tu sĩ tóc búi tên Keṇiya đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya) là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Anguttarāpa cùng với một Tăng đoàn lớn những Tỳ kheo, gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, [103] và đã đến thị trấn Āpaṇa. Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền … [*như mục 3, kinh MN 91 kế trên*] … Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó."

3. Rồi tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đến gặp và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ ông ta bằng một bài nói chuyện về Giáo Pháp. Rồi, sau khi được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, tu sĩ tóc búi đã thưa với đức Thế Tôn: "Kính mong Thầy Cồ-Đàm cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo đồng ý nhận lời mời dùng bữa cơm ngày mai từ tôi."

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với ông ta: "Này Keṇiya, Tăng Đoàn những Tỳ kheo này lớn, [104] gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, còn chú thì đặt toàn niềm-tin vào những bà-la-môn."

Lần thứ hai tu sĩ tóc búi Keṇiya … (lặp lại lời mời) … Lần thứ hai đức Thế Tôn … (lặp lại lời từ chối) …

Lần thứ ba tu sĩ tóc búi Keṇiya … (lặp lại lời mời) … Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng.

4. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về chỗ tịnh xá của mình, ở đó ông đã nói với những bạn bè và đồng đạo, những người thân và họ hàng như vầy: "Này các vị, những bạn bè và đồng đạo, những người thân và họ hàng của tôi, hãy nghe tôi đây. Sa-môn Cồ-đàm đã được tôi mời đến dùng bữa cơm ngày mai cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Hãy chuẩn bị mua đồ và nấu nướng giùm tôi."

"Được rồi", họ đáp lại, và họ đào lò, một số chẻ củi, một số lo rửa dĩa, một số bày những khạp (lu) nước, một số dọn chỗ ngồi, trong khi tu sĩ búi tóc Keṇiya thì lo dựng rạp cổng chào.

5. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Sela đang ở tại thị trấn Āpaṇa. [105] Ông ta một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân.

6. Lúc này tu sĩ tóc búi Keṇiya đã đặt toàn niềm-tin vào bà-la-môn Sela. Bà-la-môn Sela, trong khi đang đi dạo mát được hộ tống bởi ba trăm môn sinh bà-la-môn của ông ta, đã đến chỗ tịnh xá của tu sĩ tóc búi Keṇiya. Tới đó ông nhìn thấy có người đang đào lò, một số chẻ củi, một số lo rửa dĩa, một số bày những khạp nước, một số dọn chỗ ngồi, trong khi tu sĩ búi tóc Keṇiya thì lo dựng rạp cổng chào.

7. Sau khi nhìn thấy cảnh này, ông hỏi tu sĩ tóc búi Keṇiya: "Cái gì vậy, bộ Thầy Keṇiya đang tổ chức lễ rước dâu hay lễ đưa dâu? Hay có lễ cúng tế nào? Hay bộ có Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bì-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đoàn tùy tùng lớn đã được mời đến dùng bữa cơm ngày mai vậy?"

8. "Thưa Thầy Sela, không phải tôi đang tổ chức lễ rước dâu hay lễ đưa dâu, cũng không có Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bì-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đoàn tùy tùng lớn đã được mời đến dùng bữa cơm

ngày mai, mà tôi đang chuẩn bị một buổi lễ cúng dường lớn. Có Sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca, là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đã đi du hành trong xứ người Anguttarāpa cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, gồm có hai trăm năm mươi Tỳ kheo, và đã đến thị trấn Āpaṇa. [106] Giờ tin tốt lành về Thầy Cồ-Đàm đã được lan truyền như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.' Thầy Cồ-Đàm đã được tôi mời đến dùng bữa cơm ngày mai cùng với Tăng Đoàn những Tỳ kheo."

9. "Này Keṇiya, có phải ông mới nói chữ "Phật"?"

"Dạ, thầy Sela, tôi mới nói chữ "Phật".

"Này Keṇiya, có phải ông mới nói chữ "Phật"?"

"Dạ, thầy Sela, tôi mới nói chữ "Phật".

10. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với bà-la-môn Sela: "Ngay cả cái tiếng 'Phật' cũng hiếm được nghe trong thế gian này (lấy đâu ra có Phật thật để được gặp). Giờ ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân đã được truyền dạy trong những kinh chú của chúng ta, và bậc Vĩ Nhân là người được phú cho những đặc điểm tướng số đó thì chỉ có hai nơi-đến mà thôi, không có nơi-đến khác. Nếu bậc đó sống đời tại gia, thì bậc ấy trở thành một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, là bậc thầy của bốn phương, bậc toàn-thắng, là người đã ổn định đất nước và có được bảy báu. Vị vua đó có bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, phụ nữ báu, quản gia báu, và quân sư báu là thứ bảy. Con cái của bậc đó, vượt quá một ngàn người, đều dũng cảm và anh hùng, và nghiền nát quân đội của nước khác; khắp trái đất này được bao bọc bởi đại dương, vị vua đó trị vì không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí, chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp. Nhưng nếu bậc đó từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì

bậc đó trở thành một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là bậc đã vén mở bức màn trong thế gian." (*giống trong mục 5 kinh MN 91 kế trên*)

11. [Bà-la-môn Sela nói]: "Này Keṇiya thân thiện, Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, giờ đang sống ở đâu?"

Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ tóc búi Keṇiya đưa tay phải chỉ hướng và nói: [107] "Ở hướng kia, chỗ đường ranh xanh của khu rừng, thưa Thầy Sela."

12. Rồi bà-la-môn đã đi cùng với ba trăm môn sinh bà-la-môn đến chỗ đức Thế Tôn. Ông ta nói với những môn sinh bà-la-môn: "Này các môn sinh, hãy đến im lặng, bước chân cẩn thận; vì những bậc Thế Tôn là khó tiếp cận được, giống như một con sư tử đang độc hành. Khi ta đang nói chuyện với sa-môn Cồ-đàm, các môn sinh đừng chen vào hay ngắt lời ta, hãy đợi đến khi cuộc nói chuyện của ta (với sa-môn Cồ-đàm) đã xong."

13. Rồi bà-la-môn Sela đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và và nhìn tìm ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân đức Thế Tôn. Ông ta đã nhìn thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân của đức Thế Tôn, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi.

Rồi ý nghĩ này xảy đến với đức Thế Tôn: "Môn sinh bà-la-môn Uttara này nhìn thấy, rõ nhiều hay rõ ít, ba mươi hai đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân trên thân ta, ngoại trừ hai đặc điểm; ông ta nghi ngờ và không chắc về hai đặc điểm đó, và ông ta không thể quyết định hay biết chắc về chúng: đó là về bộ phận giới tính được che đậy trong lớp vỏ bọc và độ lớn của lưỡi."

14. Rồi đức Thế Tôn đã làm một màn thần thông để cho bà-la-môn Sela nhìn thấy bộ phận giới tính của đức Thế Tôn được che kín trong lớp vỏ

bọc. Kế tiếp đức Thế Tôn đã thè lưỡi ra và liên tục dùng lưỡi chạm tới các lỗ tai và lỗ mũi, và dùng lưỡi che hết phần trán của mình.

15. Rồi bà-la-môn Sela nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm này được phú cho ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân; chúng là đầy đủ, không phải không đầy đủ. Nhưng ta không biết ông ta đúng là Phật hay không. Tuy nhiên, ta đã từng nghe những bà-la-môn lão thành nói rằng theo dòng dõi truyền dạy các vị thầy, những ai là bậc A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác, sẽ bộc lộ bản thân khi người ta nói lời khen ngợi những bậc ấy. Phải chăng ta thử trực diện khen ngợi sa-môn Cồ-đàm bằng những dòng kệ hay ho."

Rồi ông đã trực diện khen ngợi đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ hay ho như vầy:

16. *Bà-la-môn Sela nói:*

"Ôi thân hoàn hảo, khéo được sanh phú,
Hình dáng tốt và đẹp đẽ thật đáng nhìn;
Ôi bậc Thế Tôn, da ngài vàng kim,
Và răng trắng muốt; ngài thật khỏe mạnh.
Những đặc điểm tướng nét được nhìn thấy tất cả một lần,
Một người đặc biệt được khéo sanh;
Tất cả những tướng tốt được tìm thấy trên thân ngài,
Những đặc điểm này cho thấy một bậc Vĩ Nhân.
Mới mắt sáng trong, diện mạo tươi sáng,
Ôi bậc Hùng Vĩ, oai phong như một ngọn lửa,
Ngay giữa hội chúng sa-môn này,
Ngài chiếu sáng như mặt trời chói lọi.
Một Tỳ kheo thật đẹp đẽ đáng nhìn
Với làn da óng ánh vàng kim—
Với sắc đẹp hiếm thay ngài có được,
Sao ngài lại vui lòng với đời sống một sa-môn?
Ngài quá hợp để làm một vị vua, chúa tể của bậc điều ngự,

Làm một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe,
Chiến thắng khắp mọi phương
Và làm đế hoàng của Vườn Diêm-phù-nề (Jambu).[786] [109]
Với những binh lực và những đại hoàng tử,
Tất cả đều cống hiến phục vụ cho ngài,
Ôi Cồ-Đàm, ngài nên thống trị
Như vị vua của loài người, như hoàng đế của tất cả vua chúa."

17. *Đức Phật nói:*

"Ta đã là một vị vua, này Sela", đức Thế Tôn đáp lại.
"Ta là một vị vua tốt thượng của Giáo Pháp;
Bằng phương tiện Giáo Pháp ta quay chuyển bánh xe,
Bánh xe đó không ai có thể chặn lại."

18. *Bà-la-môn Sela:*

"Ngài tuyên bố sự toàn-giác", bà-la-môn Sela nói,
"Ôi Cồ-Đàm, ngài mới nói với tôi,
'Ta là một vị vua tốt thượng của Giáo Pháp;
Bằng phương tiện Giáo Pháp ta quay chuyển bánh xe.'
Ai là đại tướng của ngài, là đệ tử của ngài,
Là người đã tu theo phương cách của Vị Thầy?
Tức ai là người đã giúp ngài quay chuyển
Cái Bánh Xe Giáo Pháp được thiết lập chuyển dịch bởi ngài?"

19. *Đức Phật:*

"Bánh xe được thiết lập dịch chuyển bởi ta", đức Thế Tôn trả lời,
"Đó chính là Bánh Xe Giáo Pháp tối thượng,
Xá-lợi-phất, người con của Như Lai,
Đã giúp ta trong cuộc quay chuyển bánh xe này.
Những gì phải được biết đã được trực-tiếp biết,
Những gì phải được tu tập đã được tu tập,
Những gì phải được trừ bỏ đã được trừ bỏ,

Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật.
Do vậy hãy dẹp bỏ những sự nghi ngờ về ta,
Và để sự nhất quyết thay cho chúng,
Bởi vì khó thay có dịp để có được
Sự diện kiến với những bậc Toàn Giác. [110]
Ta là bậc mà sự có mặt trong thế gian này
Là hiếm thay hy hữu,
Ta là một vị Phật Toàn Giác,
Này bà-la-môn, ta là bậc lương y tối thượng.
Ta là bậc thánh thiêng, vô song,
Là bậc đã nghiền nát Ma Vương và đạo quân của hắn;
Sau khi đã đánh bại mọi kẻ thù,
Ta hoan hỷ và không còn sợ hãi."

20. *Bà-la-môn Sela:*

"Này các môn sinh, hãy nghe, hãy nghe điều bậc ấy nói,
Đó là người của tầm-nhìn, một bậc lương y,
Bậc anh hùng uy dũng đã cất tiếng gầm,
Như một sư tử giữa rừng.
Ai là người, cho dù thuộc giai cấp hạ tiện,
Mà không tin bậc ấy khi nhìn thấy bậc ấy:
Rằng bậc ấy là bậc thánh thiêng, vô song,
Là bậc đã nghiền nát Ma Vương và đạo quân của hắn?
Giờ ai muốn theo ta thì theo ta,
Và ai không muốn theo ta thì cứ bỏ đi.
Bởi vì ta sẽ xuất gia theo bậc ấy,
Bậc có trí-tuệ cao siêu này."

21. *Các Môn Sinh nói:*

"Ôi thưa thầy, nếu thầy đã chấp thuận
Giáo lý này của bậc Toàn Giác,
Thì chúng tôi cũng sẽ xuất gia theo/dưới bậc ấy,

Bậc trí-tuệ cao siêu này."

22. *Bà-la-môn Sela:*

"Ở đây có ba trăm bà-la-môn,
Là những người chấp tay lên khẩn cầu:
'Chúng con sẽ sống đời sống tâm linh
Theo/dưới đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.'"

23. *Đức Phật:*

"Này Sela, đời sống tâm linh đã được tuyên thuyết hay khéo,
Để nó được nhìn thấy ngay tại đây, chứ không để trì hoãn;
Người tu tập với sự chuyên-cần,
Sẽ tìm thấy một sự xuất gia đầy chánh quả."

24. Rồi bà-la-môn và hội chúng (những môn sinh bà-la-môn) của ông ta đã thụ nhận giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, và họ cũng thụ nhận toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo).

25. Rồi, khi đêm đã qua, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã cho chuẩn bị nhiều món ăn ngon khác nhau trong tịnh xá của ông, [111] và có báo thời gian cho đức Thế Tôn: "Thưa thầy Cồ-Đàm, giờ là lúc, bữa cơm đã sẵn sàng." Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đã đi cùng Tăng Đoàn những Tỳ kheo đến tịnh xá của tu sĩ tóc búi Keṇiya, và đến đó ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng những món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát qua một bên, tu sĩ tóc búi Keṇiya đã chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Ngay đó đức Thế Tôn đã ban cho ông một bài chúc phúc bằng những dòng thi kệ sau đây:

26. "Sự cúng dường đèn đốt là huy hoàng của lửa,
Sāvitrī là huy hoàng của những kinh chú Vệ-đà,
Huy hoàng của loài người, vua chúa,
Là huy hoàng của những dòng sông, biển cả;

Mặt trăng là huy hoàng của những ngôi sao,
Mặt trời là huy hoàng của tất cả mọi thứ chiếu sáng;
Công đức là huy hoàng của những ai khát nguyện có được;
Tăng Đoàn là huy hoàng của những ai bố thí."

Sau khi đức Thế Tôn đã ban bài chúc phúc cho ông, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

27. Rồi, không lâu sau khi thụ nhận toàn-bộ giới: nhờ sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ngay trong kiếp này, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, thầy Sela và hội chúng (những môn sinh) của thầy ấy, [112] bằng cách tự mình cứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Họ đã trực-tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và thầy Sela cùng với hội chúng của thầy ấy đã trở thành những vị bậc A-la-hán.

28. Sau đó thầy Sela cùng với hội chúng của thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi xếp lại phần y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, thầy ấy đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ này:

"Tám ngày đã qua, kính thưa bậc Nhìn Thấy Tất-Cả,
Kể từ lúc chúng con quy y nương tựa theo Ngài.
Trong bảy đêm rồi, ôi thưa đức Thế Tôn,
Chúng con được thuần tu trong giáo lý của Ngài.
Ngài là một vị Phật, ngài là vị Sư Thầy,
Ngài là bậc Trí Giả, là bậc chinh phục Ma Vương.
Sau khi đã cắt dứt mọi khuynh-hướng xấu ác (tính khí ác),
Ngài đã vượt qua bờ và dẫn dắt nhân loại vượt qua.
Ngài đã vượt qua tất cả mọi dính-chấp (chấp thủ),
Ngài đã trừ bỏ tất cả mọi ô-nhiễm (lậu hoặc).

Ngài là một sư tử không còn dính-chấp,
Ngài đã dẹp bỏ sự sợ-hãi và khiếp-đảm.
Ở đây ba trăm Tỳ kheo đang đứng,
Với hai tay chấp lên tôn kính.
Ôi bậc Anh Hùng, hãy sải dài hai bàn chân,
Và để những đại chúng sinh này tôn thờ vị Sư Thầy."

31. (MN 93) KINH ASSALĀYANA

(*Assalāyana Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, bấy giờ có năm trăm bà-la-môn từ những tỉnh khác nhau cũng đang ở tại Sāvatthī vì công việc hay những lý do khác. Rồi những bà-la-môn đó nghĩ rằng: "Sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự thanh-lọc (về thân tâm, tâm linh) là làm được bởi tất cả bốn giai cấp (không phải chỉ dành riêng cho giai cấp bà-la-môn).[787] Vậy nên có ai có thể tới để tranh cãi với ông ấy về sự khẳng định đó hay không?"

3. Lúc đó có một môn sinh bà-la-môn trẻ tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy về ba bộ kinh Vệ-đà, với những từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Vì vậy các bà-la-môn nghĩ: "Có có môn sinh bà-la-môn trẻ tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ … hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Anh ta có thể tới tranh cãi với sa-môn Cồ-đàm về sự khẳng định đó."

4. Khi họ tới gặp môn sinh bà-la-môn tên Assalyāana và nói với anh ta: "Thầy Assalyāana, tu sĩ Cồ-đàm này mô tả sự thanh-lọc là làm được bởi tất cả bốn giai cấp. Vậy Thầy Assalyāana hãy đến đó để tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó."

Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana trả lời rằng: "Thưa các ngài, sa-môn Cồ-Đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó."

Lần thứ hai những bà-la-môn nói với anh ta: … (*như lần thứ nhất và thêm:*) ... Bởi vì 'sự tu tập của một du sĩ' đã được hoàn thành bởi Thầy Assalāyana."[788]

Lần thứ hai môn sinh bà-la-môn Assalāyana vẫn trả lời: "Thưa các ngài, sa-môn Cồ-Đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó."

Lần thứ ba những bà-la-môn lại nói với anh ta: … (*như lần thứ hai và thêm:*) … Đừng để Thầy Assalāyana chưa ra trận mà đã chịu thất bại."

Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalāyana trả lời: "Thưa các ngài, chắc chắc tôi không thuyết phục được các ngài sau khi tôi đã nói: 'Sa-môn Cồ-đàm là người thuyết giảng Giáo Pháp. Giờ những ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với sa-môn Cồ-Đàm về sự khẳng định đó.' Tuy nhiên, thưa các ngài, vì các ngài cứ nài thách nên tôi sẽ đi."

Rồi môn sinh bà-la-môn Assalyāana cùng một số đông các bà-la-môn đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và chào hỏi qua lại. Và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn nói như vầy: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất, những người thuộc giai cấp khác là thấp kém hơn; những bà-la-môn là giai cấp trắng trẻo nhất, những người thuộc giai cấp khác là đen đủi; chỉ những bà-la-môn được thanh lọc, những người không phải bà-la-môn thì không; chỉ những bà-la-môn là con của trời Brahmā, dòng dõi của trời Brahmā, được sinh từ miệng của trời Brahmā, được sinh từ trời Brahmā, được tạo ra bởi trời Brahmā, là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.' Thầy Cồ-đàm nói sao về điều đó?"

5. [1] "Bây giờ, này Assalyāana, các phụ nữ bà-la-môn rõ ràng cũng có kỳ kinh nguyệt, có mang thai, sinh con, và cho con bú.[789] Và những bà-la-môn đó, mặc dù đã được sinh ra từ bào thai mà vẫn luôn nói rằng: 'Những

bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'"

6. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'"

[2] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Anh đã từng nghe ở vùng Yona và Kamboja[790] và ở những xứ nước ngoài khác chỉ có hai giai cấp, đó là chủ và nô lệ, và tùy theo thời cuộc có khi chủ trở thành nô lệ, và nô lệ trở thành chủ đó sao?"

"Dạ thưa, tôi có nghe vậy."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì [luận cứ gì] hay căn cứ vào cái gì [thẩm quyền nào] mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

7. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

[3] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao?[791] Ví dụ một người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma mảnh độc ác, nói lời gắt gỏng nạt nộ, nói lời tầm phào tán dóc; thèm-khát (tham dục), có tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục—còn những bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao?

"Ví dụ một người giai cấp thương-nông … một người giai cấp hạ-tiện bần lao sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục—còn những bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao?

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến-sĩ, một bà-la-môn, một thương-nông, hay một người bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó nếu có sát-sinh, gian-cắp … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?"

8. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

[4] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một bà-la-môn sống biết kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp, sự tà-dâm tà dục, sự nói-dối láo, nói lời ma mãnh độc ác, nói lời gắt gỏng nạt nộ, và nói lời tầm phào tán dóc, và không có sự thèm-khát (không tham dục), có một cái tâm không ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời—còn những người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện nếu làm vậy thì không được tái sinh lên đó hay sao?"

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến-sĩ, một bà-la-môn, một thương-nông, hay một người bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó sống biết kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

9. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'"

[5] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có một bà-là-môn mới có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền (quốc độ, xứ sở) này, không hung-bạo và không ác-ý; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện thì không tu dưỡng được như vậy hay sao?"

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền này, không hung-dữ và không ác-ý."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

10. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'"

[6] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-la-môn mới có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện thì không làm được như vậy hay sao?"

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

11. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ

rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'"

[7] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xức dầu trên đầu], ông cho triệu tập năm trăm người thuộc những sinh cảnh (gia thế, giai cấp) khác nhau, và nói với họ rằng: 'Này các vị đến đây, ai ở đây thuộc giai cấp chiến-sĩ, hay bà-la-môn, hay hoàng-tộc, hãy cầm một que mồi lửa làm bằng gỗ tinh tốt, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt. Và ai thuộc gia đình bần-lao hạ tiện bị xã hội ruồng bỏ, thuộc gia đình làm nghề săn bắn, làm nghề đan lát chẻ tre, làm nghề làm xe, làm nghề lượm rác moi rác, hãy cầm một que mồi lửa làm từ gỗ máng nước cho chó uống, làm từ gỗ máng heo, làm từ gỗ thùng đựng rác hay làm bằng gỗ thầu dầu, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt.'

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa (như để nấu ăn, sưởi ấm, thắp sáng…). Rồi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa sẽ không có ngọn, không có màu, và không tỏa sáng, và nó không thể được dùng cho những mục đích dùng lửa, hay sao?"

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Và khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa cũng có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Bởi vì tất cả lửa đều có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó đều có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā?'"

12. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ

rằng: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.'"

[8] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một thanh niên thuộc giai cấp chiến-sĩ lấy một con gái nhà bà-la-môn, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là người giai cấp chiến-sĩ giống cha, hay một bà-la-môn giống mẹ?"

"Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai (vừa là giai cấp chiến-sĩ, vừa là bà-la-môn), thưa Thầy Cồ-đàm."

13. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một thanh niên bà-la-môn lấy một con gái nhà giai cấp chiến-sĩ, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là bà-la-môn giống cha, hay người giai cấp chiến-sĩ giống mẹ?"

"Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai, thưa Thầy Cồ-đàm."

14. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ một con ngựa cái giao phối với một con lừa đực, và một con thú con được sinh ra. Vậy con thú con đó được gọi là con ngựa giống mẹ, hay là con lừa giống cha?"

"Nó là một con la, thưa Thầy Cồ-đàm, bởi vì nó không còn là ngựa hay lừa nữa. Thầy Cồ-đàm, tôi đã nhìn ra khác-biệt trong trường hợp (ví dụ) cuối này, nhưng tôi đã không kịp nhìn ra sự khác-biệt trong hai trường hợp (ví dụ) trước."

15. [9] "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ có hai môn sinh bà-la-môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng học và thông minh, còn người kia thì không siêng học cũng không thông minh. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng thức ăn trước trong lễ tang, hoặc trong lễ cúng dường, hoặc trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?"

"Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người siêng học và thông minh, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng

dường thứ gì cho người không siêng học cũng không thông minh thì (việc cúng dường đó) đâu mang lại phước quả lớn lao gì?"

16. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Ví dụ có hai môn sinh bà-la-môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng năng và thông minh, nhưng thiếu đạo-đức và có tánh khí xấu ác, và người kia thì không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo-đức và tánh tình tốt thiện. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng thức ăn trong lễ tang, trong lễ cúng dường, trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?"

"Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo-đức và tánh tình tốt thiện, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người thất-đức và có tánh khí xấu ác thì đâu mang lại phước quả lớn lao gì?"

17. "Này Assalyāana, lúc nãy đầu tiên anh đã khăng khăng dựa trên sinh cảnh (gia thế, giai cấp), và sau đó anh khăng khăng dựa trên việc học-hành kinh điển, và sau đó anh lại chuyển qua dựa trên chính căn cứ rằng 'sự thanh-lọc là làm được bởi tất cả bốn giai cấp', như ta đã mô tả."

Khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana đã ngồi im lặng và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa. Biết được điều đó, đức Thế Tôn mới nói với anh ta:

18. [10] "Này Assalāyana, một thuở xưa có bảy ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn đang cùng nhau tư vấn đàm đạo trong những căn chòi lá trong rừng, quan-điểm độc hại này đã khởi sinh trong họ: 'Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā.' Bấy giờ có Devala Bóng Tối là ẩn sĩ đã nghe được điều đó.[792] Rồi, ông ta chỉnh lại râu tóc, mặc y-phục màu vàng úa, mang đôi dép chắc nịch và cầm cây trượng bằng vàng, rồi anh xuất hiện trong sân đang có bảy ẩn sĩ bà-la-môn đó. Rồi, vừa đi qua đi lại trong sân có bảy ẩn sĩ bà-la-môn, ẩn sĩ Devala Bóng Tối đã nói như vầy: 'Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu? Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu?' Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn

kia nghĩ: 'Ai là kẻ đi qua đi lại trong sân của bảy ẩn sĩ bà-la-môn giống như một thằng bợm trong làng và còn hỏi giọng: "Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu? Những ẩn sĩ bà-la-môn đáng kính đã đi về đâu?" Chúng ta hãy rủa hắn đi!' Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn đã rủa ẩn sĩ Devala Bóng Tối như vầy: 'Biến thành tro đi, đồ đê hèn! Biến thành tro đi, đồ đê hèn!' Nhưng khi bảy ẩn sĩ bà-la-môn càng rủa Devala Bóng Tối, thì ông ta càng trở nên phong độ, đẹp đẽ, và đẹp trai hơn. Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn lại nghĩ: 'Sự tu hành của chúng ta là vô vọng, đời tu sĩ của chúng ta chẳng kết quả gì. Trước đây khi chúng ta rủa bất cứ ai như vầy: 'Biến thành tro đi, đồ đê hèn! Biến thành tro đi, đồ đê hèn!', thì kẻ đó luôn biến thành tro; nhưng giờ chúng ta càng rủa người này, thì hắn càng trở nên phong độ, đẹp đẽ, và đẹp trai hơn.'

"Sự tu hành của các ông không phải là vô vọng, đời tu sĩ của các ông không phải không kết quả. Nhưng, này các ông, hãy nên dẹp bỏ sự sân hận đối với tôi.'

"Này ông kia, chúng ta đã dẹp bỏ sân hận đối với ông. Nhưng ông là ai?'

"Các ông đã từng nghe tên ẩn sĩ Devala Bóng Tối chưa?'—'Có nghe, này ông.'—'Chính là tôi đây, này các ông.'

"Rồi bảy ẩn sĩ bà-la-môn bước đến chỗ ẩn sĩ Devala Bóng Tối và kính lễ ông. Rồi ông nói với họ: 'Này các ông, tôi nghe rằng trong khi bảy ẩn sĩ bà-la-môn đang sống trong những chòi lá trong rừng, quan-điểm độc hại này đã khởi sinh trong họ: "Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất … là những con cháu kế thừa của trời Brahmā."'—'Đúng vậy, thưa ông.'

"'Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết người mẹ sinh ra mình chỉ có quan hệ với đàn ông bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với đàn ông không phải bà-la-môn?'—'Không biết, thưa ông.'

"'Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết những người mẹ của những người mẹ suốt bảy thế hệ trước giờ chỉ quan hệ với đàn ông bà-la-môn và

không bao giờ quan hệ với đàn ông không phải bà-la-môn?'—'Không biết, thưa ông.'

"'Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết người cha sinh ra mình chỉ có quan hệ với phụ nữ bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với phụ nữ không phải bà-la-môn?'—'Không biết, thưa ông.'

"'Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết những người cha của những người cha suốt bảy thế hệ trước giờ chỉ quan hệ với phụ nữ bà-la-môn và không bao giờ quan hệ với phụ nữ không phải bà-la-môn?'—'Không biết, thưa ông.'

"'Nhưng, này các ông, liệu các ông có biết sự ra đời của một phôi thai xảy ra theo cách nào hay không?'

"'Thưa ông, chúng tôi biết cách xảy ra sự ra đời của một phôi thai. Ở đây, có sự giao phối của người mẹ và người cha, và người mẹ vào thời có thể thụ thai, và một *gandhabba* (hương ấm, dòng thức tái sinh) có mặt (hiện hữu). Như vậy sự ra đời của một phôi thai xảy ra nhờ sự hợp nhau của ba yếu tố này.'[793]

"'Rồi, thưa các ông, liệu các ông có biết chắc *gandhabba* đó là (thuộc, từ) giai cấp chiến-sĩ hay bà-la-môn, hay thương-nông, hay bần-lao hạ tiện?'

"'Thưa ông, chúng tôi không biết chắc *gandhabba* đó là (thuộc, từ) giai cấp chiến-sĩ hay bà-la-môn, hay thương-nông, hay bần-lao hạ tiện.'

"'Nếu đã là vậy, này các ông, vậy các ông là gì?'

"'Nếu đã là vậy, thưa ông, chúng tôi không biết chúng tôi là gì.'

"Bây giờ, này Assalāyana, ngay cả bảy bậc ẩn sĩ bà-la-môn thuở đó khi bị dồn hỏi và bị vấn hỏi và bị hỏi chéo bởi ẩn sĩ Devala Bóng Tối về điều khẳng định của họ về sinh cảnh (gia thế, giai cấp), họ đều không khả năng bào chữa (bảo vệ, chứng minh) được điều đó. Vậy còn anh, làm sao anh khi bị dồn hỏi và bị vấn hỏi và bị hỏi chéo bởi ta về điều khẳng định của

anh về sinh cảnh (gia thế, giai cấp) mà anh lại có khả năng bào chữ được điều đó? Còn nữa, anh là người chỉ nương dựa vào những giáo thuyết của các thầy các sư của mình, thì chưa [đủ đẳng cấp] bằng Puṇṇa là người cầm muỗng của bảy ẩn sĩ bà-la-môn đó."[794]

19. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [*Giống như mục 37, kinh MN 91 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa vào Thầy Cồ-đàm cho đến cuối đời."

32. (MN 94) KINH GHOṬAMUKHA

(*Ghoṭamukha Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Udena đang sống ở Benares (Ba-la-nại) trong khu Vườn Xoài (của) Khemiya.

2. Bấy giờ, vào dịp đó có bà-la-môn tên Ghoṭamukha đã đến Benares vì công việc hay lý do khác. Trong khi ông đang đi dạo mát, ông đã đến khu Vườn Xoài Khemiya. Lúc đó thầy Udena đang đi qua đi lại ngoài trời. Rồi bà-la-môn Ghoṭamukha đến gặp thầy Udena và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, cùng bước đi qua lại bên cạnh thầy Udena, ông ta nói điều này: "Này sa-môn đáng kính, không có đời sống xuất-gia [đời sống của những du sĩ (chỉ chung tất cả ẩn sĩ, sa-môn) nào là đúng theo Giáo Pháp: đối với tôi dường như ở đây, và có thể bởi vì tôi chưa nhìn thấy những vị nào như chính thầy ở đây hoặc [bởi vì tôi chưa nhìn thầy] Giáo Pháp ở đây."

3. Sau khi điều này được nói ra, thầy Udena dừng sự đi dạo và đi về chỗ trú ở của mình, trong đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.[795] Và bà-la-môn Ghoṭamukha cũng dừng đi dạo và đi theo vào chỗ trú ở đó, và ông ta đứng qua một bên. Rồi thầy Udena nói với ông ta: "Có mấy chỗ ngồi, này bà-la-môn, cứ ngồi xuống nếu chú muốn."

"Chúng tôi không ngồi xuống vì còn chờ Thầy Udena [nói ngồi xuống]. Bởi vì làm sao một người như tôi có thể ngồi xuống chỗ ngồi khi chưa được mời ngồi?"

4. Rồi bà-la-môn Ghoṭamukha chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và nói lại với thầy Udena: "Này sa-môn đáng kính, không có đời sống xuất-gia nào là đúng theo Giáo Pháp: đối với tôi dường như ở đây, và có thể bởi vì tôi chưa nhìn thấy những vị nào như chính thầy ở đây hoặc Giáo Pháp ở đây."

"Này bà-la-môn, nếu chú nghĩ câu nào của tôi có thể được đồng ý, thì hãy đồng ý; nếu chú nghĩ câu nào của tôi cần được tranh luận, thì hãy tranh luận; và nếu chú không hiểu nghĩa câu nào của tôi, thì hãy hỏi: 'Là sao, Thầy Udena? Nghĩa của điều này là gì?' để tôi làm rõ nó cho thầy. Theo cách như vậy chúng ta có thể đàm đạo về vấn đề này."

"Thưa Thầy Udena, nếu con nghĩ câu nào của thầy có thể được đồng ý, con sẽ đồng ý; nếu tôi nghĩ câu nào của thầy cần được tranh luận, tôi sẽ tranh luận; và nếu tôi không hiểu nghĩa câu nào của thầy, tôi sẽ hỏi: 'Là sao, thưa Thầy Udena? Nghĩa của điều này là gì?' để thầy làm rõ nó cho tôi. Theo cách như vậy giờ chúng ta hãy cùng đàm đạo về vấn đề này."

5.–6. "Này bà-la-môn, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? … [*Tiếp tục nội dung giống tương tự trong kinh MN 51, mục 5–6*] … (iv) Nhưng, thưa Thầy Udena, loại người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác và không theo đuổi sự thực hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng—thì không hành hạ và đày đọa chính mình và chúng sinh khác, bởi vì cả mình và chúng sinh khác đều muốn sung sướng và tránh đau khổ; đó là lý do tại sao loại người này làm hài lòng tâm trí của con."

7. "Này bà-la-môn, có hai loại hội chúng. Hai đó là gì? Ở đây, có hội chúng (i) tham muốn ngọc ngà và trang sức và tìm kiếm nhiều vợ và con cái, nô lệ nam và nữ, đồng ruộng và đất đai, vàng và bạc. Nhưng ở đây có hội chúng (ii) thì không tham muốn ngọc ngà và trang sức, nhưng sau khi dẹp bỏ vợ con, nô lệ nam nữ, ruộng đất, vàng bạc, đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Giờ có loại người này là người không hành xác bản thân và không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân và cũng không hành xác chúng sinh khác và không theo đuổi sự thực

hành hành xác chúng sinh khác—là người, do không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, ngay trong kiếp này không còn thèm khát [đói khát; dục-vọng], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và an trú trải nhiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng—Trong hai loại hội chúng (*mới nói ra*) đó, chú có thường thấy loại người này hay không, này bà-la-môn?"

"Thầy Udena, tôi thường thấy có loại người này trong hội chúng (ii) không tham muốn ngọc ngà … "

8. "Nhưng, này bà-la-môn, mới lúc nảy chúng tôi nghe [hiểu] chú nói rằng: 'Này sa-môn đáng kính, không có đời sống xuất-gia nào là đúng theo Giáo Pháp: đối với tôi dường như ở đây, và có thể bởi vì tôi chưa nhìn thấy những vị nào như chính thầy ở đây hoặc Giáo Pháp ở đây.'"

"Đúng là vậy, thưa Thầy Udena, chính vì để học hỏi từ thầy nên tôi đã nói ra những lời đó như vậy. (Nhưng thực ra là) có đời sống xuất-gia là đúng theo Giáo Pháp; cho nên đối với tôi dường như là ở đây (loại hội chúng (ii)) , và mong Thầy Udena ghi nhớ tôi [đã nói nghĩa] như vầy. Sẽ tốt lành nếu Thầy Udena, vì lòng bi-mẫn, giảng giải cho tôi một cách chi tiết về bốn loại người mà thầy mới nói ra một cách ngắn gọn."

9. "Được rồi, này bà-la-môn, vậy chú hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói."—"Dạ, thưa thầy", bà-la-môn Ghoṭamukha đáp lại. Thầy Udena đã nói điều này:

10.–30. (i) "Này bà-la-môn, cái gì là loại người hành xác bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân? Ở đây, có người đi khỏa thân … [*Tiếp tục giống như kinh MN 51, mục 8–28*] … sống trải nghiệm niềm chân phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thánh thiêng."

31. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Ghoṭamukha đã thưa với thầy Udena: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Udena! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Udena! Thầy Udena đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ

đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Udena và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Udena ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

32. "Này bà-la-môn, đừng quy y nương tựa vào tôi. Hãy quy y nương tựa vào đức Thế Tôn, là bậc mà tôi đã quy y nương tựa vào."

"Thưa Thầy Udena, Thầy Cồ-Đàm đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đang sống ở đâu?"

"Này bà-la-môn, đức Thế Tôn đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác, giờ đã bát Niết-bàn."

"Nếu chúng tôi nghe được rằng Thầy Cồ-Đàm đó ở trong vòng mười do-tuần (dặm Ấn), chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp Thầy Cồ-Đàm đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nếu chúng tôi nghe được Thầy Cồ-Đàm đó ở trong vòng hai mươi … ba mươi … bốn mươi … năm mươi do-tuần, chúng tôi sẽ đi mười do-tuần để gặp Thầy Cồ-Đàm đó, bậc A-la-hán, bậc toàn giác. Nhưng vì Thầy Cồ-Đàm đó đã bát Niết-bàn, chúng tôi quy y nương tựa vào Thầy Cồ-Đàm, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Kể từ hôm nay, mong Thầy Udena ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

33. "Bây giờ, thưa Thầy Udena, vua của xứ Anga đã bố thí cho tôi một khoản đều đặn mỗi ngày. Hãy cho phép tôi cúng dường cho Thầy Udena một phần từ khoản đó."

"Này bà-la-môn, vua của xứ Anga đang bố thí loại gì cho chú đều đặn mỗi ngày?"

"Năm trăm đồng *kahāpaṇa*, thưa Thầy Udena."[796]

"Này bà-la-môn, chúng tôi không được phép nhận tiền bạc."

"Nếu Thầy Udena không được phép, tôi sẽ cúng dường một tịnh xá được xây cho Thầy Udena."

"Này bà-la-môn, nếu chú định cúng dường cho tôi bằng một tịnh xá được xây cho tôi, vậy chú hãy cho xây một hội trường cho Tăng Đoàn ở Pāṭaliputta (Thành Hoa Thị)."[797]

"Tôi càng thêm thỏa mãn và vui lòng khi Thầy Udena đã gợi ý cho tôi cúng dường cho Tăng Đoàn. Với khoản được bố thí đều đặn này và các khoản bố thí đều đặn khác, tôi sẽ cho xây một hội trường cho Tăng Đoàn ở Pāṭaliputta."

Rồi, với khoản được bố thí đều đặn [từ vua xứ Anga mà ông đã muốn cúng dường cho Thầy Udena] và các khoản bố thí đều đặn khác [được bổ sung cộng vào], bà-la-môn Ghoṭamukha đã cho xây một hội trường cho Tăng Đoàn ở Pāṭaliputta. Và chỗ đó bây giờ được gọi là hội trường Ghoṭamukhī.

33. (MN 95) KINH CANKĪ

(*Cankī Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy.[798] Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, và cuối cùng đã đến một ngôi làng tên là làng Opasāda của những bà-la-môn người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn trú ở (chỗ được gọi là) Khu Vườn của Những Thiên Thần,[799] trong Vườn Cây Sāla nằm ở phía bắc của làng Opasāda

2. Bấy giờ, lúc đó có bà-la-môn tên Cankī đang cai quản làng Opasāda, là một tài sản hoàng gia có nhiều dân cư sinh sống, giàu có về đồng cỏ, đất rừng, đường thủy, và lúa gạo, là một sự ban phú của hoàng triều, một đặc ân được ban cho ông ta bởi Vua Pasenadi của xứ Kosala.

3. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Opasāda đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-đàm … [*Giống như mục 3, kinh MN 91*] … Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó."

4. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở làng Opasāda đã lên đường từ Opasāda đi theo đoàn và nhóm và được dẫn theo hướng bắc để đến Khu Vườn của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây Sāla.

5. Bấy giờ là thời gian bà-la-môn Cankī đã về nghỉ trưa trên gác thượng của dinh thự của ông. Rồi ông nhìn thấy những gia chủ bà-la-môn ở làng Opasāda lên đường từ Opasāda đi theo đoàn và nhóm và được dẫn theo hướng bắc để đến Khu Vườn của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây Sāla. Sau khi nhìn thấy họ, ông hỏi một quan thần của ông: "Này quan thần thân thiện, tại sao những bà-la-môn ở Opasāda lại lên đường từ Opasāda đi theo đoàn và nhóm và được dẫn theo hướng bắc để đến Khu Vườn của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây Sāla?"

6. "Thưa ngài, có sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca (Sakya), là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành

giữa xứ dân Kosala … [*Giống mục 3. kinh MN 91 ở trên*] … Họ đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm đó."

"Vậy thì, này thần quan thân thiện, hãy đến gặp những gia chủ bà-la-môn của làng Opasāda đó và nói với họ: 'Thưa các ngài, bà-la-môn Cankī nói điều này: "Này các ngài, hãy đợi. Bà-la-môn Cankī cũng sẽ đi đến gặp sa-môn Cồ-đàm."'

"Dạ, thưa ngài", vị quan đáp lại, và đến gặp những gia chủ bà-la-môn của làng Opasāda để chuyển lời.

7. Bấy giờ, vào lúc đó cũng có năm trăm bà-la-môn từ những xứ khác nhau đang trú ngụ ở làng Opasāda vì những công việc hay những lý do khác. Họ đã nghe tin: "Nghe nói bà-la-môn Cankī đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm." Rồi họ đến chỗ bà-la-môn Cankī để hỏi ông ta: "Thưa ngài, có đúng là ngài đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm không?"

"Đúng vậy, này các ngài. Tôi đang đi gặp sa-môn Cồ-đàm đây."

8. "Thưa ngài, đừng đi gặp sa-môn Cồ-đàm. Này Thầy Cankī, việc đi gặp sa-môn Cồ-đàm là không phù hợp đối với ngài; thay vì vậy, sa-môn Cồ-đàm đến gặp ngài thì hợp lý hơn. (i) Thưa ngài, bởi vì ngài được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê vào đâu và không một tỳ vết gì về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp). Vì do là như vậy, Thầy Master Cankī, việc đi gặp sa-môn Cồ-đàm là không phù hợp đối với ngài; thay vì vậy, sa-môn Cồ-đàm đến gặp ngài thì hợp lý hơn. (ii) Thưa ngài, ngài là giàu có, với nhiều của cải và tài sản lớn lao. Thưa ngài, ngài là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, ông ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân. (iii) Thưa ngài, ngài là đẹp đẽ, phong độ, và lịch thiệp, có được vẻ đẹp bậc nhất của làn da, với sắc đẹp cao nhất và diện mạo cao nhất, nổi bật đáng quý. Thưa ngài, ngài là đức hạnh, chín chắn về đức hạnh, có được đức hạnh chín chắn. (iv) Thưa ngài, ngài là

một người thuyết giảng hay khéo với sự truyền đạt hay khéo; ngài nói ra những lời lịch sự, đặc biệt, không sai lỗi, và truyền tải ý nghĩa. (v) Thưa ngài, ngài dạy những sư thầy của nhiều quần chúng, và ngài dạy việc tụng đọc những kinh chú cho ba trăm môn sinh bà-la-môn. (vi) Thưa ngài, ngài được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala. (vii) Thưa ngài, ngài được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi bà-la-môn Pokkharasāti.[800] (viii) Thưa ngài, ngài cai quản hết cả vùng Opasāda, có nhiều dân cư sinh sống … một đặc ân được ban cho ngài Vua Pasenadi của xứ Kosala. Vì do là như vậy, Thầy Master Cankī, việc đi gặp sa-môn Cồ-đàm là không phù hợp đối với ngài; thay vì vậy, sa-môn Cồ-đàm đến gặp ngài thì hợp lý hơn."

9. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Cankī đã nói cho những bà-la-môn đó: "Này các ngài, giờ hãy nghe tôi nói tại sao việc đi đến gặp sa-môn Cồ-đàm là phù hợp đối với tôi, và tại sao việc đi đến gặp tôi là không phù hợp đối với sa-môn Cồ-đàm. (i) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là người được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê vào đâu và không một tì vết gì về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp). Vì do là như vậy, sẽ không phù hợp đối với sa-môn Cồ-đàm nếu đến gặp tôi; thay vì vậy, sẽ phù hợp đối với tôi nếu tôi đi đến gặp sa-môn Cồ-đàm. (ii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm đã xuất gia sau khi bỏ đi nhiều đống vàng tiền và vàng thỏi được tồn giữ trong những kho hầm và kho gác (trong cung điện). (iii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành từ lúc vẫn còn trẻ, khi còn là một thanh niên tóc đen được phú cho tuổi trẻ dồi dào, trong thời xuân xanh của cuộc đời. (iv) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành cho dù hoàng hậu mẹ và vua cha thì muốn con làm ngược lại và họ đã khóc ràng rụa nước mắt trên mặt. (v) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là đẹp đẽ, phong độ, và lịch thiệp, có được vẻ đẹp tốt nhất của làn da, với sắc đẹp bậc nhất và diện mạo bậc nhất, nổi

bật đáng quý. (vi) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là đức hạnh, với đức hạnh thánh thiện, với đức hạnh thiện lành, có được giới-hạnh thiện lành. (vii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là người thuyết giảng hay khéo với sự truyền đạt hay khéo; bậc ấy nói lời lịch lãm, đặc biệt, không sai lỗi và truyền tải ý nghĩa. (viii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là sư thầy của nhiều sư thầy của nhiều quần chúng. (ix) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm là không còn tham-dục và không còn những sự phù phiếm cá nhân. (x) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm nắm giữ giáo thuyết về 'hành-động có tác-động về mặt đạo đức' (nghiệp có nghiệp quả của nó), 'việc-làm có hậu quả về mặt đạo đức' (hành vi có hậu quả của nó); bậc ấy không hề tìm cách làm gì gây hại cho dòng dõi những bà-la-môn. (xi) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm xuất gia từ một gia đình quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], từ một gia đình quý-tộc nguyên chất. (xii) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm xuất gia từ một gia đình giàu có, với nhiều của cải và tài sản lớn lao. (xiii) Này các ngài, nhân dân đến từ những vương quốc xa xôi và những tỉnh huyện xa xôi để vấn đạo với sa-môn Cồ-đàm. (xiv) Này các ngài, nhiều ngàn thiên thần đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm hết trọn kiếp. (xv) Này các ngài, tin tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ, bậc thế tôn.' (xvi) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm có được ba mươi hai đặc điểm tướng tốt của một bậc Vĩ Nhân. (xvii) Này các ngài, Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) và hoàng hậu và con cái đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm suốt đời. (xviii) Này các ngài, Vua Pasenadi của xứ Kosala và hoàng hậu và con cái đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm suốt đời. (xix) Này các ngài, bà-la-môn Pokkharasāti và vợ và con cái đã quy y nương tựa vào sa-môn Cồ-đàm suốt đời. (xx) Này các ngài, sa-môn Cồ-đàm đã đến Opasāda và đang sống ở Opasāda trong Khu Vườn Của Những Thiên Thần, chỗ Vườn Cây

Sāla ở phía bắc của làng Opasāda. Bây giờ những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn đến phố làng của chúng tôi thì đều là những vị khách của chúng tôi, và những vị khách cần được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi chúng tôi. Vì sa-môn Cồ-đàm đã đến Opasāda, bậc ấy là vị khách của chúng tôi, và khách của chúng tôi cần được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, và được tôn kính bởi chúng tôi. Vì do là như vậy, này các ngài, việc đến gặp tôi là không phù hợp đối với sa-môn Cồ-đàm; thay vì vậy, việc đến gặp sa-môn Cồ-đàm là phù hợp đối với tôi.

"Này các ngài, sự ca ngợi nhiều về Thầy Cồ-Đàm như vậy tôi đã từng nghe được, nhưng sự ca ngợi về Thầy Cồ-Đàm là không chỉ giới hạn ở đó, mà sự ca ngợi về Thầy Cồ-Đàm là vô kể. Vì Thầy Cồ-Đàm có được từng mỗi yếu-tố như vậy, nên việc bậc ấy đi đến gặp tôi là không phù hợp với bậc ấy; thay vì vậy, việc tôi đi đến gặp Sa-môn Cồ-đàm là phù hợp đối với tôi. Do vậy, này các ngài, tất cả chúng hãy cùng đi đến gặp sa-môn Cồ-đàm."

10. Rồi bà-la-môn Cankī, cùng với một đoàn lớn những bà-la-môn, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và đến nơi ông chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên.

11. Bấy giờ, vào lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi và sắp sửa xong phần nói chuyện thăm hỏi hòa nhã với những bà-la-môn rất trưởng lão. Ngay lúc đó, có một môn sinh (học trò) bà-la-môn trẻ tên Kāpaṭhika đang ngồi trong hội chúng đó. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về những đặc điểm tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Trong khi những bà-la-môn rất lớn tuổi đang nói chuyện với đức Thế Tôn, anh ta cứ liên tục chen vô và ngắt ngang cuộc nói chuyện của họ. Rồi đức Thế Tôn mới quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika đó như vầy:

"Ngài Bhāradvāja (tên họ tộc của Kāpaṭhika) đừng nên chen vào và ngắt ngang chuyện của những bà-la-môn rất trưởng lão trong khi họ đang nói. Ngài nên chờ đến khi chuyện của họ đã được nói xong."

Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Caṅkī đã nói với đức Thế Tôn rằng: "Thầy Cồ-đàm không cần quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika. Vị môn sinh bà-la-môn này rất uyên bác; anh ta có tài diễn đạt; anh ta là khôn trí. Anh ta có khả năng dễ dàng tham gia vào cuộc thảo luận này với Thầy Cồ-đàm."

12. Rồi đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Vì các bà-la-môn tôn vinh anh ta như vậy thì môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika chắc hẳn thành thạo về các kinh chú ba bộ kinh Vệ-đà."

Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ: "Khi nào sa-môn Cồ-đàm đưa mắt gặp mắt ta, thì ta sẽ đặt câu hỏi."

Rồi, bằng tâm của mình đức Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika, đức Thế Tôn đưa mắt nhìn về phía anh ta. Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ rằng: "Sa-môn Cồ-Đàm đã nhìn về phía ta. Vậy ta hãy hỏi ông ta một câu hỏi." Rồi (nghĩ vậy nên làm) anh ta nói với đức Thế Tôn:

"Thầy Cồ-đàm, nói về những kinh chú cổ của bà-la-môn đã được truyền tụng bằng miệng, đã được bảo tồn trong các bộ kinh, các bà-la-môn đi đến một kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây (các kinh kệ này) là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Thầy Cồ-đàm nghĩ sao về chuyện này?"

"Được rồi, này Bhāradvāja: trong số những bà-la-môn có một bà-la-môn nào nói như vầy: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Rồi sao, này Bhāradvāja: vậy trong bảy thế hệ các thầy bà-la-môn có một thầy nào, hoặc một vị thầy (sư phụ, sư ông) của một thầy nào nói như

vầy: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Rồi sao, này Bhāradvāja: những ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú đó, những người soạn ra các bài kinh chú đó, những bài kinh chú của họ đã từng được tụng, được đọc, và kết tập, mà các bà-la-môn ngày nay vẫn tiếp tục đọc tụng và lặp lại, lặp lại cái đã được nói, và tụng lại cái đã được tụng bởi những bà-la-môn trước kia—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu[801]—những ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó có bao giờ nói rằng: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm."

13. "Như vậy thì, này Bhāradvāja, dường như trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một bà-la-môn nào nói rằng: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' – Và trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một thầy nào, hoặc một vị thầy của một thầy nào trong bảy thế hệ thầy đã từng nói rằng: 'Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' – Và những nhà ẩn sĩ bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú, những người soạn ra những bài kinh chú … thậm chí những nhà ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó cũng không nói rằng: 'Chúng tôi biết điều này, chúng tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Ví như như một hàng người mù đứng nối tiếp nhau: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Cũng giống như vậy, này Bhāradvāja, về câu khẳng định nhất nhất đó của họ, dường như những bà-la-môn cũng giống một hàng người mù: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Này Bhāradvāja, anh nghĩ sao, theo tình trạng như vậy, hóa ra niềm-tin của các bà-la-môn là không có cơ sở căn cứ gì, đúng vậy không?"

"Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn tôn vinh điều này không phải chỉ vì niềm-tin. Họ cũng tôn vinh vì đó là những điều đã được truyền thừa bằng miệng."

14. "Này Bhāradvāja, đầu tiên anh khăng khăng dựa vào niềm-tin, giờ anh chuyển qua dựa vào truyền thống truyền miệng. Này Bhāradvāja, có năm điều có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Năm đó là gì? Niềm-tin, sự chấp-thuận, truyền-thống truyền miệng, sự nhận biết có lý-giải, và sự chấp nhận một quan điểm là kết quả sau khi suy-xét nó.[802] Năm điều này có thể thành hai cách khác nhau tại đây và bây giờ. Bây giờ, (i) có điều do được chấp-nhận hoàn toàn chỉ vì niềm-tin, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là sáo rỗng và sai lầm; nhưng có những điều không được chấp nhận hoàn toàn dựa vào niềm-tin, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. Lại nữa, (ii) điều do được chấp-thuận hoàn toàn … (iii) điều do được truyền bá nhiều … (iv) điều do được nhận biết nhiều … và (v) điều do được xem xét kỹ nhiều, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là sáo rỗng, và sai lầm; nhưng có điều không được chấp thuận hoàn toàn … không được truyền bá nhiều … không được nhận biết nhiều … không được xem xét kỹ nhiều, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. [Với những tình trạng như vậy] sẽ không đúng đắn (phù hợp) đối với một người có trí khôn (chỉ vì muốn) bảo vệ (duy trì) sự thật của mình (chỉ là 'sự thật' của mình, chưa chắc đúng là sự thật) mà đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.'"[803]

15. "Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, theo cách nào là có sự bảo vệ một sự thật?[804] Theo cách nào một người bảo vệ một sự thật? Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về sự bảo vệ một sự thật."

"Này Bhāradvāja, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Niềm-tin của tôi là vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất: 'Chỉ điều này là sự thật, mọi điều khác là sai.' Này Bhāradvāja, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách này người đó bảo vệ sự thật; theo cách này

chúng tôi mô tả sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự khám phá sự thật.[805]

"Nếu một người chấp thuận (đồng ý) một điều gì … nếu một người nhận lấy (chấp nhận) một điều gì do được truyền miệng … nếu một người [đạt tới một kết luận dựa trên] sự nhận biết do suy lý … nếu một người có sự chấp nhận một quan điểm sau khi suy xét nó, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Sự chấp nhận một quan điểm sau khi suy xét của tôi là như vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ điều này là sự thật, mọi điều khác là sai.' Cũng theo cách này, này Bhāradvāja, là có sự bảo vệ sự thật; theo cách này người đó bảo vệ sự thật; theo cách này chúng tôi mô tả sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự khám phá sự thật."

16. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách như vậy một người bảo vệ sự thật (của mình); theo cách như vậy chúng tôi nhận biết sự bảo vệ sự thật. Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là sự khám-phá sự thật? Theo cách nào một người khám-phá ra sự thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về sự khám-phá sự thật."

17. "Ở đây, này Bhāradvāja, một Tỳ kheo có thể đang sống nương dựa vào một xóm làng hay thị trấn.[806] Rồi có một gia chủ [hay con trai của ông ta] tới gặp vị Tỳ kheo đó để điều tra vị ấy về ba loại trạng thái: những trạng thái có gốc *tham*, những trạng thái gốc *sân*, và những trạng thái gốc *si*: (i) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc tham nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái tham đó, trong khi không biết vị ấy lại nói "Tôi biết", hoặc trong khi không nhìn thấy vị ấy lại nói "Tôi nhìn thấy", hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc tham trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính tham. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc, nó khó hiểu và khó thấy, nó bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ được chỉ bằng lý giải,

nó là tinh tế, được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm *tham-dục*.'

18. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy đã được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc tham; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc sân: (ii) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc sân nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái sân đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc sân trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính sân. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc … được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm *sân-giận*.'

19. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc sân; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc si: (iii) 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc si nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái si đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái có gốc si trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời-nói của thầy ấy không phải loại còn dính si. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc … được chứng nghiệm bởi người có trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm *si-mờ*.'

20. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã nhìn thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái gốc si, (iv) thì người đó đặt niềm-tin vào vị ấy; với đầy sự tin tưởng như vậy, (v) người đó đến thăm và kính lễ vị thầy ấy; sau khi kính lễ vị thầy ấy, (vi) người đó lắng nghe; khi lắng nghe, (vii) người đó nghe được Giáo Pháp; sau khi nghe được Giáo Pháp, (viii) người đó ghi nhớ và xem xét ý-nghĩa của những giáo lý mà mình đã

ghi nhớ; khi xem xét ý-nghĩa các giáo lý, (ix) người đó chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng; khi người đó đã chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng, (x) sự nhiệt-thành phát khởi; khi sự nhiệt-thành đã phát khởi, (xi) người đó áp dụng ý-chí; sau khi áp dụng ý-chí, (xii) người đó soi-xét kỹ;[807] sau khi đã soi-xét kỹ, (xiii) người đó chuyên-cần tu (tinh cần);[808] sau khi đã chuyên-cần tu một cách kiên định, (xiv) người ấy bằng thân chứng ngộ sự-thật tối thượng (cao nhất) và nhìn thấy nó bằng cách thâm nhập nó bằng trí-tuệ.[809] Theo cách như vậy, này Bhāradvāja, là có sự khám-phá ra sự-thật; theo cách như vậy là người đó khám phá sự thật; theo cách như vậy là chúng tôi mô tả sự khám-phá sự-thật. Nhưng đó vẫn chưa có sự đạt-tới cuối cùng (rốt ráo) tới sự-thật."

21. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự khám-phá sự-thật; theo cách như vậy là một người khám-phá ra sự thật; theo cách như vậy chúng tôi nhận biết sự khám-phá sự thật. Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào để có được sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật? Theo cách nào một người cuối cùng đạt tới sự-thật. Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-Đàm về sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật."

"Này Bhāradvāja, sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật nằm ở chỗ sự lặp-lại, sự tu-tập và tu-dưỡng những điều (những bước tu) giống như đã tu trước đó. Theo cách như vậy là có sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật; theo cách như vậy là một người cuối cùng đạt tới sự-thật; theo cách như vậy chúng tôi mô tả về sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật."[810]

22. "Thầy Cồ-đàm, có sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật; theo cách như vậy là một người cuối cùng đạt-tới sự thật; theo cách như vậy chúng ta nhận biết sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật. Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật."

"Này Bhāradvāja, sự chuyên-cần tu (tinh cần) là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật. Nếu một người không chuyên-cần tu,

thì cuối cùng người đó sẽ không đạt-tới sự-thật; nhưng vì một người chuyên-cần tu, nên người đó cuối cùng sẽ đạt tới sự-thật. Đó là lý do tại sao sự chuyên-cần tu là hữu-ích nhất để dẫn tới sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật."

23. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự chuyên-cần tu (tinh cần). Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu."

"Này Bhāradvāja, sự soi-xét kỹ là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu. Nếu một người không soi-xét kỹ, thì người đó sẽ không chuyên-cần tu; nhưng vì người đó soi-xét kỹ, nên người đó chuyên-cần tu. Đó là lý do tại sao sự soi-xét kỹ là hữu-ích nhất cho sự chuyên-cần tu."

24. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự soi-xét kỹ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự soi-xét kỹ."

"Này Bhāradvāja, sự áp dụng ý-chí là hữu-ích nhất cho sự soi-xét kỹ. Nếu một người không áp dụng ý-chí của mình, người đó sẽ không soi-xét kỹ; nhưng vì người đó có áp dụng ý-chí của mình, nên người đó soi-xét kỹ. Đó là lý do tại sao sự áp dụng ý-chí là hữu ích nhất cho sự soi-xét kỹ."

25. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự áp dụng ý-chí? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí."

"Này Bhāradvāja, sự nhiệt-thành là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí. Nếu một người không phát khởi sự nhiệt-thành, người đó không áp dụng ý-chí của mình; nhưng vì người đó có phát khởi sự nhiệt-thành, nên người đó áp dụng ý-chí của mình. Đó là lý do tại sao sự nhiệt-thành là hữu-ích nhất cho sự áp dụng ý-chí."

26. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự nhiệt-thành."

"Này Bhāradvāja, sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý (từ kết quả sau khi suy xét chúng) là hữu-ích nhất cho sự nhiệt-thành. Nếu một người không đạt được sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý, thì sự nhiệt-thành không tăng lên; nhưng vì người đó chấp nhận có suy xét những giáo lý, nên sự nhiệt-thành tăng lên. Đó là lý do tại sao sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý là hữu-ích nhất cho sự nhiệt-thành."

27. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý."

"Này Bhāradvāja, sự xem-xét ý nghĩa (của những giáo lý) là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý. Nếu một người không xem-xét ý nghĩa của chúng, thì người đó sẽ không chấp-nhận những giáo lý đó một cách có suy xét; nhưng vì người đó có xem-xét ý nghĩa của chúng, nên người đó chấp-nhận những giáo lý đó một cách có suy xét. Đó là lý do tại sao sự xem-xét ý nghĩa là hữu-ích nhất cho sự chấp-nhận có suy xét những giáo lý."

28. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự xem-xét ý nghĩa? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa (những giáo lý).

"Này Bhāradvāja, sự ghi-nhớ (những giáo lý) là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa (của chúng). Nếu một người không ghi-nhớ một giáo lý, thì người đó sẽ không xem-xét ý nghĩa của nó; nhưng vì người đó có ghi-nhớ giáo lý đó, nên người đó xem-xét ý nghĩa của nó. Đó là lý do tại sao sự ghi-nhớ là hữu-ích nhất cho sự xem-xét ý nghĩa."

29. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự ghi-nhớ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự ghi-nhớ (những giáo lý).

"Này Bhāradvāja, sự nghe Giáo Pháp là hữu-ích nhất cho sự ghi-nhớ (những giáo lý). Nếu một người không nghe Giáo Pháp, thì người đó sẽ

không ghi-nhớ những giáo lý; nhưng vì người đó có nghe Giáo Pháp, nên người đó ghi-nhớ những giáo lý. Đó là lý do tại sao sự nghe Giáo Pháp là hữu-ích nhất cho việc ghi-nhớ những giáo lý."

30. "Nhưng Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho việc nghe Giáo Pháp? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp."

"Này Bhāradvāja, sự để tai lắng-nghe là hữu-ích nhất việc nghe được Giáo Pháp. Nếu một người không để tai lắng-nghe, thì người đó không thực sự nghe Giáo Pháp; nhưng vì người đó để tai lắng-nghe, nên người đó thực sự nghe được Giáo Pháp. Đó là lý do tại sao sự để tai lắng-nghe là hữu-ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp."

31. "Nhưng, Thầy Cồ-Đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự để tai lắng-nghe? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe (Giáo Pháp)."

"Này Bhāradvāja, sự tôn-trọng là hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe. Nếu một người không tôn-trọng (người thuyết giảng), thì người đó không để tai lắng-nghe; nhưng vì người đó có tôn-trọng (người thuyết giảng), nên người đó để tai lắng-nghe. Đó là lý do tại sao sự tôn-trọng là hữu-ích nhất cho sự để tai lắng-nghe."

32. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu-ích nhất cho sự tôn-trọng (người thuyết pháp)."

"Này Bhāradvāja, sự đến-thăm (gặp gỡ) là hữu-ích nhất cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng (người thuyết pháp). Nếu một người không đến-thăm (không gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp], thì người đó không có sự tôn-trọng đối với vị đó; nhưng vì người đó có đến-thăm (có gặp gỡ) [vị thầy, người thuyết pháp], nên người đó có sự tôn-trọng đối với vị đó. Đó là lý do tại sao sự đến-thăm (gặp gỡ) là hữu-ích nhất cho sự (thể hiện sự) tôn-trọng đối với vị đó."

33. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đến-thăm (gặp gỡ)? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm điều gì hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]?

"Này Bhāradvāja, niềm-tin là hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]. Nếu niềm-tin không khởi sinh trong một người, người đó sẽ không đến-thăm (hay gặp gỡ) vị đó; nhưng vì có niềm-tin khởi sinh bên trong người đó, nên người đó đến-thăm (gặp gỡ) vị đó. Đó là lý do tại sao niềm-tin là hữu-ích nhất cho sự đến-thăm (gặp gỡ) [một vị thầy, người thuyết pháp]."

34. "(i) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về 'sự bảo vệ một sự thật', và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về 'sự bảo vệ một sự thật'; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (ii) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về 'sự khám-phá sự thật', và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về 'sự khám-phá sự thật'; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (iii) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về 'sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật', và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về 'sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật'; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (iv) Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về 'điều gì là hữu-ích nhất (giúp) cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật', và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về 'điều hữu-ích nhất cho sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật'; chúng tôi đồng ý và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. (v) Bất cứ điều gì chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm, Thầy đã trả lời chúng tôi; chúng tôi đồng ý và chấp nhận những sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Thưa Thầy Cồ-đàm, trước đây chúng tôi cứ nghĩ rằng: 'Những ông thầy tu đầu trọc, dòng giống nô bộc tăm tối được sinh ra từ bàn chân của Người Thân Tộc thì làm sao hiểu được Giáo Pháp?'[811] Nhưng giờ Thầy Cồ-đàm đã thực sự làm khơi dậy trong tôi niềm thương-mến đối với các sa-môn, niềm-tin đối với các sa-môn, niềm kính-trọng đối với các sa-môn.

35. "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-

Đàm! ... [*Giống như kinh MN 91, mục 37*] ... Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

34. (MN 96) KINH ESUKĀRĪ

(*Esukārī Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có bà-la-môn tên Esukārī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói:

3. (I) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định bốn cấp phục vụ (phụng sự). Họ quy định cấp phục vụ đối với một bà-la-môn, cấp phục vụ đối với một quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], cấp phục vụ đối với một thương-nông, và cấp phục vụ đối với một bần-lao hạ tiện. Trong đó, Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một bà-la-môn là như vầy: (i) một bà-la-môn có thể phục vụ một bà-la-môn, một quý-tộc có thể phục vụ một bà-la-môn, một thương-nông có thể phục vụ một bà-la-môn, và một bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một bà-la-môn. Đó là cấp phục vụ đối với một bà-la-môn mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một quý-tộc như vầy: (ii) một quý-tộc có thể phục vụ một quý-tộc, một thương-nông có thể phục vụ một quý-tộc, và một bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một quý-tộc. Đó là cấp phục vụ đối với một quý-tộc mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một thương-nông như vầy: (iii) một thương-nông có thể phục vụ một thương-nông, một bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một thương-nông. Đó là cấp phục vụ đối với một thương-nông mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định cấp phục vụ đối với một bần-lao hạ tiện như vầy: (iv) chỉ có người bần-lao hạ tiện có thể phục vụ một bần-lao hạ tiện; vì đâu còn ai đi phục vụ người bần-lao hạ tiện? Đó là cấp phục vụ đối với một bần-lao hạ tiện mà những bà-la-môn đã quy định. Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?"

4. "Được rồi, này bà-la-môn, bộ cả thế gian đã giao quyền cho những bà-la-môn quy định bốn cấp phục vụ này sao?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Này bà-la-môn, giống như họ cắt một miếng thịt đưa cho một người nghèo, không một xu, bần cùng và ép anh ta phải ăn và trả tiền cho miếng thịt; cũng giống như vậy, chẳng được sự đồng ý của ai hay những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào, những bà-la-môn đó tự tác quy định bốn cấp phục vụ đó.

5. "Này bà-la-môn, ta không nói tất cả nên được phục vụ, ta cũng không nói không ai cần được phục vụ. Bởi vì, (i) nếu phục vụ một người, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tệ hơn và không tốt hơn, thì ta nói người đó không nên được phục vụ (ví dụ phục vụ cho người đi gian cắp, tham nhũng, càng làm thêm việc thất đức là không nên). Và (ii) nếu phục vụ một người, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tốt hơn và không tệ hơn, thì ta nói người đó nên được phục vụ (ví dụ phục vụ cho người từ bỏ gian cắp, tham nhũng, càng làm thêm việc phước đức là nên làm).

6. "Nếu họ hỏi một người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] như vầy: 'Ông nên phục vụ người nào—(i) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tệ hơn và không tốt hơn, hay (ii) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tốt hơn và không tệ hơn: nếu trả lời đúng đắn, một người quý-tộc sẽ trả lời như vầy: 'Tôi không nên phục vụ cho loại người (i); tôi nên phục vụ cho loại người (ii).'

"Nếu họ hỏi một bà-la-môn … một người thương-nông … một người bần-lao hạ tiện như vầy: 'Ông nên phục vụ người nào—(i) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tệ hơn và không tốt hơn, hay (ii) loại người nếu ông phục vụ, vì sự phục vụ đó người đó trở thành tốt hơn và không tệ hơn: nếu trả lời đúng đắn, một bà-la-môn … một người thương-nông … một người bần-lao hạ tiện sẽ trả lời như vầy: 'Tôi không nên phục vụ cho loại người (i); tôi nên phục vụ cho loại người (ii).'

7. "Này bà-la-môn, ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó xuất thân từ gia thế quý-tộc, ta không nói một người là tệ hơn bởi người đó

xuất thân từ gia thế quý-tộc. Ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó rất đẹp, ta cũng không nói một người tệ hơn bởi người đó rất đẹp. Ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó rất giàu, ta cũng không nói một người tệ hơn bởi người đó rất giàu.

8. "Bởi vì, này bà-la-môn, (i) một người xuất thân từ gia thế quý-tộc có thể sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh độc ác, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, còn thèm-khát (tham), có một cái tâm ác-ý (sân), và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến, si). Do vậy ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó xuất thân từ gia thế quý-tộc.

"Nhưng, này bà-la-môn, một người xuất thân từ gia thế quý-tộc có thể kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh độc ác, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, không thèm-khát (vô tham), có một cái tâm không ác-ý (vô sân), và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến, vô si). Do vậy ta không nói một người là tệ hơn bởi người đó xuất thân từ gia thế quý-tộc.

"Ở đây, này bà-la-môn, (ii) một người rất đẹp … (iii) một người rất giàu có thể sát-sinh, gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến, si). Do vậy ta không nói một người là tốt hơn bởi người đó rất đẹp … bởi người đó rất giàu.

"Nhưng, này bà-la-môn, một người rất giàu … một người rất giàu có thể kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến, vô si). Do vậy ta không nói một người là tệ hơn bởi người đó rất đẹp … người đó rất giàu.

9. "Này bà-la-môn, ta không nói tất cả nên được phục vụ, ta cũng không nói không ai cần được phục vụ. Bởi vì, nếu khi phục vụ một người, vì sự phục vụ đó niềm-tin của người đó, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ của người đó gia tăng, thì ta nói người đó nên được phục vụ."

10. (II) Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Esukārī đã nói với đức

Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định bốn loại tài sản. Họ quy định tài sản của một bà-la-môn, tài sản của một quý-tộc, sự giàu-có của một thương-nông, và tài sản của một bần-lao hạ tiện.

"Trong đó, Thầy Cồ-Đàm, (i) những bà-la-môn quy định tài sản của một bà-la-môn như vầy—là sự đi khất (khất thực, đi xin);[812] một bà-la-môn khinh thường tài sản của mình, sự đi khất, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Đó là tài sản của một bà-la-môn mà những bà-la-môn quy định. Thầy Cồ-Đàm, (ii) những bà-la-môn quy định tài sản của một người quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ] là như vầy—là cung và (giỏ, ống đựng) tên; một quý-tộc khinh thường tài sản của mình, cung và tên, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Đó là tài sản của một quý-tộc mà những bà-la-môn quy định. Thầy Cồ-Đàm, (iii) những bà-la-môn quy định tài sản của một người thương-nông là như vầy—là sự trồng trọt và chăn nuôi;[813] một thương-nông khinh thường tài sản của mình, sự trồng trọt và chăn nuôi, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Thầy Cồ-Đàm, (iv) những bà-la-môn quy định tài sản của một bần-lao hạ tiện là như vầy—là cái liềm (để cắt cỏ, cắt lúa) và cây sào (để chăn vịt, chăn bò, hái trái cây …); một bần-lao hạ tiện khinh thường tài sản của mình, là cái liềm và cây sào, là bôi bác bổn phận của mình, giống như một người gác gian lấy cắp của không được cho. Đó là tài sản của một bần-lao hạ tiện mà những bà-la-môn quy định. Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?"

11. "Được rồi, này bà-la-môn, bộ cả thế gian đã giao quyền cho những bà-la-môn quy định bốn loại tài sản này sao?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-Đàm"—"Này bà-la-môn, giống như họ cắt một miếng thịt đưa cho một người nghèo, không một xu, bần cùng và ép anh ta phải ăn và trả tiền cho miếng thịt; cũng giống như vậy, chẳng được sự đồng ý của ai hay những tu sĩ và bà-la-môn nào, những bà-la-môn đó tự tác quy định bốn loại tài sản đó.

12. "Này bà-la-môn, ta tuyên bố Giáo Pháp thánh thiện siêu thế là tài sản của một người.[814] Nhưng truy lại gia thế bên mẹ và bên cha, người đó được tính theo nơi nào người đó được tái sinh (được thụ thai, được sinh ra).[815] Nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], người đó được tính là một quý-tộc; nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc bà-la-môn, người đó được tính là một bà-la-môn; nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc thương-nông, người đó được tính là một thương-nông; nếu người đó được tái sinh trong một họ tộc bần-lao hạ tiện, người đó được tính là một bần-lao hạ tiện.

"Giống như lửa được tính theo điều-kiện (duyên) tùy thuộc vào đó nó cháy—khi lửa cháy tùy thuộc vào gỗ súc (thân cây), nó được tính là lửa gỗ súc; khi lửa cháy tùy thuộc vào lửa củi cành, nó được tính là lửa củi cành; khi lửa cháy tùy thuộc vào cỏ, nó được tính là lửa cỏ; khi lửa cháy tùy thuộc vào phân bò, nó được tính là lửa phân bò—cũng giống như vậy, này bà-la-môn, ta tuyên bố Giáo Pháp thánh thiện siêu thế là tài sản của một người. Nhưng truy lại gia thế bên mẹ và bên cha, người đó được tính theo nơi nào người đó được tái sinh. Nếu người đó được tái sinh … trong một họ tộc bần-lao hạ tiện, người đó được tính là một bần-lao hạ tiện.

13. "Này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi gặp gỡ Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ sự sống không độc-thân (tức giữ giới độc-thân), kiêng cữ sự nói-dối nói láo, nói lời ma-mãnh hiểm độc, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc, và không thèm-khát (vô tham), có một cái tâm ác-ý (vô sân), và nắm giữ quan-điểm sai lạc (chánh-kiến, vô si), thì người đó là người đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành.

"Nếu ai từ một họ tộc bà-la-môn … họ tộc thương-nông … họ tộc bần-lao hạ tiện từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi gặp gỡ Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai,

người đó kiêng cữ sát-sinh … nắm giữ quan-điểm sai lạc (chánh-kiến, vô si), thì người đó là người đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành.

"Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Bộ chỉ có một bà-là-môn mới có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền (quốc độ, xứ sở) này, không có hung-bạo và không ác-ý; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương hay bần-lao hạ tiện thì không tu dưỡng được như vậy hay sao?"

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là quý-tộc [giai cấp chiến-sĩ], bà-la-môn, nông-thương hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng tu dưỡng tâm-từ đối với vùng miền này, không hung-dữ và không ác-ý."

"Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia … [*như mục 13 kế trên*] … thì người đó đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), là Giáo Pháp thiện lành.

14. "Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-la-môn mới có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình; còn những người giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện thì không làm được như vậy hay sao?"

"Không phải vậy, Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến-sĩ, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình."

"Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia … [*như mục 13 kế trên*] … thì người đó đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), là Giáo Pháp thiện lành.

15. "Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Ví dụ một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xức dầu trên đầu], ông cho triệu tập năm trăm người thuộc những sinh cảnh (gia thế, giai cấp) khác nhau … [*giống nguyên mục 11 kinh MN 93 ở trên*] … Bởi vì tất cả lửa đều có ngọn,

có màu, và tỏa sáng, và nó đều có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa."

"Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, nếu ai từ một họ tộc quý-tộc từ bỏ đời sống tại gia … [*như mục 13 kế trên*] … thì người đó đang thành tựu con đường chân thực (chân đạo), là Giáo Pháp thiện lành.

16. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Esukārī đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! … Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

35. (MN 97) KINH DHĀNAÑJĀNI

(*Dhānañjāni Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đang đi bộ ở khu Đồi Nam cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo. Rồi có một Tỳ kheo, sau khi đã trải qua kỳ an cư Mùa Mưa, đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất ở khu Đồi Nam, đến nơi thầy đó chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy đó ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất hỏi thầy đó: "Này đạo hữu, đức Thế Tôn có khỏe và mạnh không?"

"Thưa đạo hữu, đức Thế Tôn khỏe và mạnh."

"Này đạo hữu, Tăng Đoàn có khỏe và mạnh không?"

"Thưa đạo hữu, Tăng Đoàn cũng khỏe và mạnh."

"Này đạo hữu, bà-la-môn Dhānañjāni đang sống ở Cổng Thành Taṇḍulapāla có khỏe và mạnh không?"

"Thưa đạo hữu, bà-la-môn Dhānañjāni cũng khỏe và mạnh."

"Này đạo hữu, ông ta có chuyên chú (tu tập) không?"

"Thưa đạo hữu, làm sao ông ta có thể chuyên chú? Ông ta nhân danh nhà vua vơ vét của những gia chủ bà-la-môn và ông ta nhân danh những bà-la-môn vơ vét của nhà vua. Vợ ông ta, người có niềm-tin (vào Tam Bảo) và xuất thân từ một họ tộc có niềm-tin, đã chết và ông ta đã lấy vợ khác, một người không có niềm-tin và xuất thân từ một họ tộc không có niềm-tin."

"Này đạo hữu, đây là tin xấu chúng tôi nghe được. Thật là tin xấu khi nghe bà-la-môn Dhānañjāni đã trở thành lơ tâm phóng dật như vậy. Có lẽ

lúc nào đó chúng ta sẽ gặp bà-la-môn Dhānañjāni và nói chuyện với ông ta."

3. Rồi, sau khi ở khu Đồi Nam một thời gian như mình đã định, thầy Xá-lợi-phất đã lên đường đi du hành về hướng Rājagaha. Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng thầy ấy cũng đến Rājagaha, và ở đó thầy sống trong khu Rừng Tre, ở Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

4. Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Bấy giờ, lúc đó bà-la-môn Dhānañjāni đang vắt sữa bò trong một chuồng bò ở ngoại thành. Vậy là, sau khi đã đi khất thực trong thành Rājagaha, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ bà-la-môn Dhānañjāni. Bà-la-môn Dhānañjāni nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đang đến từ xa, ông ta ra gặp thầy và nói: "Thầy Xá-lợi-phất, hãy uống chút sữa tươi này cho đến giờ ăn trưa."

"Đủ rồi, này bà-la-môn, tôi đã ăn xong bữa ăn hôm này của tôi. Tôi sẽ ở dưới gốc cây kia để an trú qua ngày. Chú có thể đến đó."

"Dạ, thưa thầy", ông đáp lại.

5. Và sau đó, sau khi đã ăn xong bữa trưa, Dhānañjāni đến chỗ thầy Xá-lợi-phất, và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất hỏi ông: "Này Dhānañjāni, chú có chuyên chú (tu tập) không?"

"Thầy Xá-lợi-phất, làm sao chúng tôi có thể chuyên chú cho được trong khi chúng tôi phải lo nuôi nấng cha mẹ, vợ con, và những người ở, những người hầu, và những người làm công; trong khi chúng tôi phải làm bổn phận của mình đối với những bạn bè và đồng nghiệp, đối với những người thân và họ hàng, đối với những khách khứa, đối với những ông bà tổ tiên đã mất, đối với những thiên thần, và đối với nhà vua; và trong khi thân này cũng cần phải được phục hồi và nuôi dưỡng?"

6. [1] "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ví dụ ở đây có người hành xử

trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính vì (quyền lợi của) cha mẹ mình, và rồi do bởi hành vi như vậy những người cai ngục sẽ lôi người đó xuống địa ngục. Liệu người đó có khả năng [giải thoát bản thân bằng cách bào chữa như vầy:]: 'Chính là vì cha mẹ tôi nên tôi mới hành xử trái với Giáo Pháp, nên tôi mới hành xử bất chính, vậy mong những vị cai ngục đừng lôi tôi xuống địa ngục', hay không? Hoặc, liệu cha mẹ người đó có khả năng [giải thoát người đó bằng cách bào chữa như vầy]: 'Chính là vì chúng tôi nên con trai mới hành xử trái với Giáo Pháp như vậy, chính vì chúng tôi nên con trai mới hành xử bất chính, mong những vị cai ngục đừng lôi con chúng tôi xuống địa ngục', hay không?"

"Dạ không được, thưa Thầy Xá-lợi-phất. Cho dù người đó có kêu khóc đến đâu, những cai ngục cũng quăng người đó xuống địa ngục."

7.–15. "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ví dụ ở đây có người hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính vì (quyền lợi của) vợ con mình … vì những người ở, những người hầu, và những người làm công … vì những bạn bè và đồng nghiệp … vì những người thân và họ hàng … vì những khách khứa … vì những ông bà tổ tiên đã mất … vì những thiên thần … vì nhà vua … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình, và rồi do bởi hành vi như vậy những người cai ngục sẽ lôi người đó xuống địa ngục. Liệu người đó có khả năng [giải thoát bản thân bằng cách bào chữa như vầy:]: 'Chính là vì vợ con tôi … vì để phục hồi và nuôi dưỡng thân mình nên tôi mới hành xử trái với Giáo Pháp, nên tôi mới hành xử bất chính, vậy mong những vị cai ngục đừng lôi tôi xuống địa ngục', hay không? Hoặc, liệu những người khác có khả năng [giải thoát người đó bằng cách bào chữa như vầy]: 'Chính là vợ con người đó … vì để phục hồi và nuôi dưỡng thân mình nên người đó mới hành xử trái với Giáo Pháp như vậy, chính vì vợ con người đó … vì để phục hồi và nuôi dưỡng thân mình nên người đó mới hành xử bất chính, mong những vị cai ngục đừng lôi người đó xuống địa ngục', hay không?"

"Dạ không được, thưa Thầy Xá-lợi-phất. Cho dù người đó có kêu khóc đến đâu, những cai ngục cũng quăng người đó xuống địa ngục."

16. [2] "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ai là người tốt hơn, (i) người vì cha mẹ mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, hay (ii) người vì cha mẹ mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính?"

"Thưa Thầy Xá-lợi-phất, (i) người vì cha mẹ mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, là không tốt hơn; (ii) người vì cha mẹ mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính, là tốt hơn. Hành vi đúng theo Giáo Pháp, hành vi chân chính là tốt hơn hành vi trái với Giáo Pháp, hành vi bất chính."

"Này Dhānañjāni, có những loại công việc khác là có ích lợi và đúng theo Giáo Pháp, nhờ phương tiện đó một người có thể nuôi nấng cha mẹ mình và đồng thời vừa tránh bỏ sự làm ác, vừa thực hành công đức.

17.–25. "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Ai là người tốt hơn, (i) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, hay (ii) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính?"

26. "Thưa Thầy Xá-lợi-phất, (i) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử trái với Giáo Pháp, hành xử bất chính, là không tốt hơn; (ii) người vì vợ con mình … vì để hồi phục và nuôi dưỡng thân mình mà hành xử đúng theo Giáo Pháp, hành xử chân chính, là tốt hơn. Hành vi đúng theo Giáo Pháp, hành vi chân chính là tốt hơn hành vi trái với Giáo Pháp, hành vi bất chính."

"Này Dhānañjāni, có những loại công việc khác là có lợi ích và đúng theo Giáo Pháp, nhờ phương tiện đó một người có thể nuôi nấng cha mẹ mình và đồng thời vừa tránh bỏ sự làm ác, vừa thực hành công đức."

27. Rồi bà-la-môn Dhānañjāni, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời

dạy của thầy Xá-lợi-phất, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi về.

28. Đến một dịp sau này bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần như chết. Rồi ông nhờ một người: "Này người thân thiện, hãy nhân danh ta đến gặp đức Thế Tôn, với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa: 'Thưa Thế Tôn, bà-la-môn bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần như chết; ông ta xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn.' Rồi, hãy nhân danh ta đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, với đầu cúi xuống chân thầy Xá-lợi-phất, và thưa: 'Thưa Thế Tôn, bà-la-môn bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần như chết; ông ta xin kính lễ thầy Xá-lợi-phất với đầu cúi xuống chân thầy Xá-lợi-phất.' Rồi hãy thưa thêm như vầy: 'Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của bà-la-môn Dhānañjāni, vì lòng bi mẫn.'"

"Dạ, thưa ngài", người đó đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn. Rồi anh ta đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và chuyển lạo lời nhắn, và thưa thêm: "Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của bà-la-môn Dhānañjāni, vì lòng bi mẫn." Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

29. Rồi thầy Xá-lợi-phất mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của bà-la-môn Dhānañjāni, đến nơi ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với bà-la-môn Dhānañjāni: "Tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ."

30. "Thưa Thầy Xá-lợi-phất, tôi đang không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ. Giống như có một lực sĩ đang đâm chẻ đầu tôi ra bằng mũi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu tôi. Tôi không đỡ hơn … Giống như có một lực sĩ xiết chặt đầu tôi

bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có một người bán thịt [hay người phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hố than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân tôi. Tôi đang không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ."

31. "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Cái nào là tốt hơn—địa ngục hay cõi súc sinh?"—"Cõi súc sinh, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—cõi súc sinh hay cõi hồn ma ngạ quỷ?"—"Cõi ngạ quỷ, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—cõi hồn ma ngạ quỷ hay cõi người?"—"Cõi người, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—con người hay những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương?"—"những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, thưa thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương hay những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi)?"—"những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba, thưa thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba hay những thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma thiên)?"—"những thiên thần ở cõi trời Yāma, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Yāma hay những thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất)?"—"những thiên thần ở cõi trời Tusita, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—những thiên thần ở cõi trời Tusita hay những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên)?"—"những thiên thần vui thích sáng tạo, thưa Thầy Xá-lợi-phất."—"Cái nào là tốt hơn—những thiên thần vui thích sáng tạo hay những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên)?"—"những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác, thưa Thầy Xá-lợi-phất."

32. "Này Dhānañjāni, chú nghĩ sao? Cái nào là tốt hơn—những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác hay (sự cộng trú trong) cõi trời Brahma (Phạm thiên)?"—"Thầy Xá-lợi-phất đã từng nói 'cõi trời Brahma', Thầy Xá-lợi-phất đã từng nói 'cõi trời Brahma'."

Rồi thầy Xá-lợi-phất nghĩ: "Những bà-la-môn này đã hết lòng hướng tới cõi trời Brahma. Vậy ta chỉ chỉ dạy cho bà-la-môn Dhānañjāni này con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā?" [Và thầy nói:] "Này Dhānañjāni, tôi sẽ dạy cho chú con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói."—"Dạ, thưa thầy", ông đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

33. "Cái gì là con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā? Ở đây, này Dhānañjāni: (i) Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Đây là con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā.

34.–35. "Lại nữa, này Dhānañjāni: (ii) Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Đây cũng là con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā."

36. "Vậy rồi, thưa Thầy Xá-lợi-phất, kính nhờ thầy nhân danh tôi đến kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa giùm: 'Thưa Thế Tôn, bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu gần

như chết; ông ấy xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn.'"

Rồi thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã thiết lập bà-la-môn Dhānañjāni trong cõi trời Brahma thấp kém hơn (so với những sự chứng ngộ cao siêu hơn), thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, trong khi lẽ ra vẫn còn điều phải làm thêm (cho ông bà-la-môn).[816] Không lâu sau khi thầy Xá-lợi-phất đã đi, bà-la-môn Dhānañjāni đã chết và tái sinh trong cõi trời Brahma.

37. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã thiết lập bà-la-môn Dhānañjāni trong cõi trời Brahma thấp kém hơn, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, trong khi lẽ ra vẫn còn điều phải làm thêm."

38. Rồi thầy Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, bà-la-môn Dhānañjāni bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu gần như chết; ông ấy xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn."

"Này Xá-lợi-phất, sau khi đã thiết lập bà-la-môn Dhānañjāni trong cõi trời Brahma thấp kém hơn, tại sao thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, trong khi lẽ ra vẫn còn điều phải làm thêm?"

"Thưa Thế Tôn, con đã nghĩ như vầy: 'Những bà-la-môn này đã hết lòng hướng tới cõi trời Brahma. Vậy ta chỉ chỉ dạy cho bà-la-môn Dhānañjāni con đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā.'"

"Này Xá-lợi-phất, bà-la-môn Dhānañjāni đã chết và đã tái sinh trong cõi trời Brahma."[817]

36. (MN 98) KINH VĀSEṬṬHA

(*Vāseṭṭha Sutta*)

1. [115] Tôi nghe như vầy.[818] Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Icchānangala, trong khu rừng gần Icchānangala.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số bà-la-môn nổi tiếng, khá giả đang ở Icchānangala, đó là, bà-la-môn Cankī, bà-la-môn Tārukkha, bà-la-môn Pokkharasāti, bà-la-môn Jāṇussoṇi, bà-la-môn Todeyya, và những bà-la-môn nổi tiếng, khá giả khác.

3. Lúc đó, trong lúc các môn sinh bà-la-môn là Vāseṭṭha Bhāradvāja đang đi dạo mát, sự thảo luận này đã khởi sinh giữa họ: "Theo cách nào một người là một bà-la-môn?" Môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja nói: "Khi một người được thiện sinh về cả hai phía, phía mẫu hệ trong sạch và phía phụ hệ dòng dõi suốt bảy đời, không thể chê vào đâu và không một tỳ vết gì về vấn đề sinh cảnh (gia thế, giai cấp), thì người đó là một bà-la-môn." Còn môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha nói: "Khi một người là đức hạnh (có giới-hạnh) và hoàn thiện những giới-cấm, thì người đó là một bà-la-môn."

4. Nhưng bà-la-môn Bhāradvāja không thể thuyết phục môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha, hay môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha có thể thuyết phục môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja.

5. Rồi môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã nói với môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja: "Thưa ngài, sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca, là người đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, hiện đang sống ở Icchānangala, trong khu rừng gần Icchānangala. Giờ tin tốt lành về sa-môn Cồ-đàm đã được lan truyền như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là một bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc toàn-giác [giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, là người dẫn-dắt tối cao (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-

ngộ, bậc thế tôn.' Vậy thì, này Bhāradvāja, chúng ta hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm để hỏi thầy đó về vấn đề này. Khi thầy đó trả lời, chúng ta sẽ ghi nhớ nó."—"Được, thưa ngài", môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja đáp lại.

6. Rồi hai môn sinh bà-la-môn, Vāseṭṭha và Bhāradvāja, đã đến gặp đức Thế Tôn và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã nói với đức Thế Tôn bằng những dòng thi kệ như vầy:

7. *Vāseṭṭha nói:*

1. "Người ta biết cả hai chúng tôi đều có được
Sự hiểu-biết chúng tôi tuyên bố về Ba Kinh Vệ-đà,
Và tôi là học trò của bà-la-môn Pokkharasāti
Và anh ta là học trò của bà-la-môn Tārukkha.

2. Chúng tôi đã đạt tới sự nắm vững đầy đủ
Về tất cả những điều những bậc chuyên sư Vệ-đà đã dạy;
Chúng tôi thiện thạo về triết học và văn phạm,
Chúng tôi sánh bằng các sư thầy của mình về tụng kinh chú. [117]

3. Một sự tranh chấp đã khởi sinh giữa chúng tôi, thưa thầy Cồ-đàm,
Liên quan đến sinh cảnh và giai cấp:
Bhāradvāja nói một người là một bà-la-môn do sinh cảnh gia thế,
Tôi thì cho rằng một người là bà-la-môn do hành-động.[819]
Này bậc Nhìn Thấy, hãy biết đây là sự tranh luận của chúng tôi.

4. Vì chúng tôi không thuyết phục được ai,
Hoặc có thể làm người kia nhìn thấy quan điểm của mình,
Nên, thưa thầy, chúng tôi đã đến đây để hỏi thầy,
Bởi thầy nổi tiếng khắp nơi là một vị Phật.

5. Như người ta ngửa bàn tay lên trời,
Hướng tới mặt trăng đang hết khuyết lại đầy,
Những người trong thế gian tôn kính thầy
Và đảnh lễ thầy, thưa thầy Cồ-Đàm.

6. Thầy Cồ-đàm, giờ chúng tôi hỏi thầy,
Là con mắt đã khởi sinh trong thế gian:
Một người là bà-la-môn là tính theo hành-động, có đúng không?
Hãy giảng giải cho chúng tôi là những người không biết
Cách để chúng tôi nhận biết một bà-la-môn."

8. *Đức Phật nói:*

7. "Này Vāseṭṭha, ta sẽ dạy cho các anh,
Những điều đúng như chúng thực là", đức Thế Tôn nói,
"Về sự phân chia chủng loài của chúng sinh;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.

8. Hãy biết: trước tiên là loài cây cỏ:
Cho dù chúng thiếu ý thức,
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh. [118]

9. Tiếp theo là loài bướm đêm và bướm ngày
Và tiếp theo loài kiến và mối:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.

10. Rồi biết tới: những loài bốn chân
[Rất nhiều chủng loại] nhỏ nhút và to lớn:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.

11. Rồi biết: những chủng loại có bụng là chân đi,
Cho đến loài rắn lanh lợi, lưng dài:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.

12. Biết luôn: loài cá sống trong nước,
Đồng cỏ (để sinh sống) của chúng nằm dưới nước:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;

Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.

13. Biết tiếp: loài chim dùng cánh để tìm đường
Khi chúng bay sống giữa những trời không:
Sinh cảnh của chúng có đặc điểm riêng của chúng;
Bởi có rất nhiều loại sinh cảnh.

9.

14. "Trong khi trong những sinh loài có những sự khác biệt,
Làm nên những đặc điểm khác nhau giữa những loài,
Riêng trong loài người không có sự khác nhau về sinh cảnh,
Để làm nên những đặc điểm riêng giữa loài người.

15. Họ không khác nhau, đều có tóc có đầu
Cũng đều có tai có mắt
Cũng đều có miệng có mũi
Cũng đều có môi có lông mày;

16. Cũng không khác nhau, đều có vai có cổ
Cũng đều có bụng có lưng
Cũng đều có mông có ngực
Cũng đều có những bộ phận giới tính sinh dục;

17. Cũng không khác nhau, đều có ngón tay có móng tay
Cũng đều có đầu gối có bắp đùi
Cũng đều có màu da có giọng nói:
Ở đây sự sinh ra của họ không đặc điểm gì khác biệt,
Giống như những chủng loài khác có chủng loại khác nhau. [119]

18. Trong những thân thể của con người,
Không có gì khác biệt được tìm thấy.
Sự khác nhau giữa những con người
Chỉ là giọng nói mỗi người có khác.[820]

10.

19. "Giữa nhân loại ai mưu sinh,[821]

Bằng nghề nông thì được gọi là một nông dân,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

20. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề thủ công thì được gọi là một người thợ,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

21. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề buôn bán thì được gọi là một thương nhân,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

22. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng sự phục vụ người khác thì được gọi là một người phục vụ,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

23. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề trộm cướp thì được gọi là một kẻ trộm cướp,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

24. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng cung kiếm thì được gọi là một người lính,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

25. Giữa nhân loại ai mưu sinh
Bằng nghề cúng tế thì được gọi là một thầy tế,
Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

26. Ai cai trị dân chúng trong thị thành hay lãnh thổ
Thì được gọi là một người cai trị (quan, chúa, vua),

Như anh đã biết, này Vāseṭṭha;
Chứ không phải một bà-la-môn.

11.

27. "Ta không gọi ai là một bà-la-môn
Vì gia thế và dòng họ của người đó.
Nếu những chướng-ngại vẫn nằm ẩn tiềm trong người đó,
Người đó chỉ là người được người khác gọi là 'Ngài'[822]
Chỉ ai không còn bị chướng-ngại và dính-chấp:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

28. Ai đã cắt bỏ hết những gông-cùm (kiết sử)
Và không còn bị lay chuyển bởi sự thống khổ,
Người đã chinh phục mọi sự trói-buộc, đã thoát-ly:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn. [120]

29. Ai đã cắt bỏ từng dây buộc và dây ách,
Cả những dây cương và dây thắng,
Đã gỡ bỏ thanh rào-cản, thành người giác-ngộ:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

30. Ai nhẫn nhịn với sự nhục mạ, bạo lực, và sự trói buộc,
Mà không một chút hơi hướng của sân
Với sức mạnh của sự nhẫn-nhục đã được khéo chuẩn bị:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

31. Ai không bốc đồng tức giận,
Biết bổn phận, đức hạnh, và khiêm nhường,
Đã được điều phục, mang thân này cuối cùng:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

32. Ai như lá sen dưới trời mưa,
Hay hạt cải trên đầu mũi kim,
Không bao giờ dính một giây theo những dục-lạc:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

33. Ai ngay tại đây biết rõ trong tâm mình:
Mọi sự khổ đã tiêu diệt,
Đã đặt xuống gánh nặng, và đã thoát-ly:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

34. Ai có sự hiểu thâm sâu, có trí,
Có thể chỉ ra đạo từ vô đạo (phi tôn giáo)
Và đã đạt tới mục-tiêu tối thượng:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

35. Ai không còn liên lụy những người tại gia
Và cả những người xuất gia,
Là người du hành không nhà-cửa, không mong-cầu:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

36. Ai đã dẹp bỏ gậy gộc (vũ khí)
Để chống lại những chúng sinh mạnh và yếu,
Là người không giết hại hay xúi ai giết hại:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

37. Ai không bị đối kháng giữa những người đối nghịch,
Bình-an giữa những người hung bạo.
Là người không chấp-thủ giữa những người chấp-thủ:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

38. Ai đã buông bỏ tất cả tham và sân,
Buông bỏ sự ngã-mạn và sự ngạo-mạn,
Như hạt cải trên đầu mũi kim:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn. [121]

39. Ai nói lời không gắt gỏng mà nhẹ nhàng,
Với đầy đủ nghĩa lý, luôn đúng sự thật,
Lời nói không làm buồn lòng ai:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

40. Ai trong thế gian không bao giờ gian-cắp,

Bất cứ thứ gì dù dài hay ngắn,
Dù nhỏ hay lớn, đẹp hay xấu:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

41. Ai ở bên-trong không còn những thèm-muốn
Đối với thế giới hiện tại hay thế giới tái sinh,
Là người sống không thèm-muốn và đã thoát-ly:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

42. Ai không còn sự mê-đắm
Không còn sự hoài-nghi bởi mình đã biết;
Là người đạt được chân đứng vững chắc trong sự Bất Tử:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

43. Ai đã thoát khỏi mọi sự trói-buộc đối với
Cả việc làm công đức lẫn việc làm xấu ác,
Trở thành vô-ưu, vô-nhiễm, và thanh-khiết:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

44. Ai thanh-khiết như vầng trăng không vết đốm,
Trong sáng và trong suốt, và ở bên-trong
Sự khoái-lạc và sự hiện-hữu đã được tiêu diệt:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

45. Ai đã vượt qua đầm lầy
Vũng lầy, luân-hồi (saṁsāra), tất cả si-mê,
Người đã vượt qua bờ bên kia,
Và thiền trú bên trong những tầng thiền định (jhāna)
Không còn lay-động và không còn nghi-hoặc,
Đã đạt tới Niết-bàn nhờ sự không còn dính-chấp:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

46. Ai đã dẹp bỏ những dục-lạc,
Và lang thang du hành ở đây trong sự xuất-gia;
Với những dục-lạc và sự hiện-hữu đã tiêu diệt:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

47. Cũng ai đã dẹp bỏ dục-ái,
Và lang thang du hành ở đây trong sự xuất-gia;
Với những dục-ái và sự hiện-hữu đã tiêu diệt:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

48. Ai bỏ lại tất cả những ràng-buộc của cõi người,
Và đã buông bỏ những ràng-buộc với cõi trời,
Thoát-ly khỏi tất cả mọi ràng-buộc khắp nơi:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

49. Ai bỏ lại sự khoái-thích (tham) và sự bất-mãn (ưu),
Là người nguội mát và không còn chấp-thủ,
Là người hùng đã vượt thoát khỏi toàn thể thế gian:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn. [122]

50. Ai biết cách những chúng sinh qua đời
Và tái sinh theo nhiều kiểu khác nhau (thiên nhãn minh),
Là bậc buông-bỏ, siêu-phàm, và tỉnh-thức:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

51. Ai có nơi-đến không được biết bởi những thiên thần,
Bởi những thần linh, bởi con người,
Đó là bậc bậc A-la-hán đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận):
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

52. Ai hết thảy không còn sự cản-trở nào,
Ở trước, ở sau, hay ở giữa,
Là người không còn bị cản-trở và không còn dính-chấp:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

53. Người dẫn đàn, bậc anh hùng toàn thiện,
Bậc đại tiên-kiến (nhìn thấy) với chiến thắng đã dành được,
Bất lay-động, đã được thanh-tẩy, đã giác-ngộ:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

54. Ai biết những cõi kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh)

Và nhìn thấy những cõi trời và những cõi đày đọa,
Là người đã đạt tới sự chấm-dứt sự sinh:
Ta gọi người đó là một bà-la-môn.

55. "Vì tên tuổi và họ tộc dù được đặt cho ai,
Chỉ là những sự gán danh trong thế gian mà thôi;
Chỉ xuất phát từ những quy ước thế tục,
Những danh từ đó được đặt xưng khắp nơi.

56. Đối với ai không biết sự thực như vậy,
Thì tà-kiến khắc sâu đã từ lâu;
Do không biết, họ cứ tuyên bố với chúng ta:
'Một người là một bà-la-môn do sinh cảnh gia thế.'

57. Không phải do sinh cảnh một người là bà-la-môn,
Cũng không do sinh cảnh một người không là bà-la-môn.
Thành một bà-la-môn là do hành-động,
Không thành một bà-la-môn là do hành-động.

58. Những ai gọi là nông dân là do việc họ làm[823]
Những ai là thợ thủ công do việc họ làm;
Những ai là thương nhân là do việc họ làm
Và những ai là người phục vụ cũng là do việc họ làm.

59. Và những ai gọi là những kẻ trộm cướp là do việc họ làm,
Và những ai là binh lính cũng là do việc họ làm;
Và những ai là thầy tế là do việc họ làm,
Và những ai là người cai quản cũng là do việc họ làm. [123]

60. "Do vậy đó là cách một bậc trí đích thực
Nhìn thấy hành-động đúng như nó thực là,
Là những bậc nhìn-thấy 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi),
Họ thiện trí về nghiệp và những nghiệp quả.[824]

61. Nghiệp làm thế gian xoay vòng,
Nghiệp làm thế hệ này xoay chuyển.

Những chúng sinh đều dính kẹt bởi nghiệp
Như bánh xe dính liền với trục xe.

62. Đời sống sa-môn, đời sống tâm linh,
Sự tự-chủ và sự tu-tập nội tâm—
Bằng cách này một người sẽ trở thành một bà-la-môn,
Đây là trạng thái bà-la-môn tối thượng.[825]

63. Người có được ba loại trí (tam minh),
Bình-an, với sự hiện-hữu đã tiêu diệt:
Này Vāseṭṭha, hãy biết người đó như vậy,
Như trời Brahmā (Phạm thiên) và trời Sakka (Đế-thích) hiểu rõ."

14. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha và Bhāradvāja đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! … Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

37. (MN 99) KINH SUBHA

(*Subha Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).

2. Bấy giờ, vào lúc đó có môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của (bà-la-môn) Todeyya, đang đến tạm trú tại tư gia của một gia chủ ở Sāvatthī vì công việc hay lý do khác.[826] Rồi môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã hỏi gia chủ của tư gia mà anh ta đang tạm trú: "Này gia chủ, tôi nghe rằng Sāvatthī không thiếu vắng những A-la-hán. Vậy có sa-môn hay bà-la-môn nào chúng ta có thể đến gặp hôm nay để bày tỏ sự tôn trọng của chúng ta?"

"Thưa ngài, bậc Thế Tôn này đang sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ngài có thể đến gặp để bày tỏ sự tôn trọng đối với bậc Thế Tôn đó, thưa ngài."

3. Rồi, sau khi đã đồng ý với gia chủ, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã đến gặp và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn:

4. (1) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn nói rằng: 'Người tại gia [gia chủ] đang thành tựu con đường đích thực, đó là Giáo Pháp thiện lành. Còn người đã xuất gia [để sống đời xuất gia tu hành] không phải đang thành tựu con đường đích thực, đó là Giáo Pháp thiện lành.' Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?"

"Này môn sinh, ta nói về điều này sau khi đã làm sự phân tích;[827] ta không nói về điều này chỉ theo một chiều. Ta không đề cao con đường tu tập sai trái (tà đạo) cho dù của người tại gia hay của người tại gia; vì cho dù là người tại gia hay xuất gia, người đã bước vào con đường tu tập sai

trái thì không thành tựu con đường đích thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành, bởi do con đường tu tập của người đó là sai trái. Ta đề cao con đường tu tập đúng đắn (chánh đạo) cho dù của người tại gia hay của người tại gia; vì cho dù là người tại gia hay xuất gia, người đã bước vào con đường tu tập đúng đắn thì sẽ thành tựu con đường đích thực (chân đạo), đó là Giáo Pháp thiện lành, bởi nhờ con đường tu tập của người đó là đúng đắn."

5. (2) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn nói rằng: 'Vì công việc của người tại gia dính líu nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách, nên nó thuộc quả lớn. Vì công việc của người xuất gia dính líu ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách, nên nó thuộc quả nhỏ.' Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?"

"Lại nữa, này môn sinh, ta nói về điều này sau khi đã làm sự phân tích; ta không nói về điều này chỉ theo một chiều. (i) Có công việc dính líu nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách, khi thất bại nó có kết quả nhỏ. (ii) Có công việc dính líu nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách, khi thành công nó có kết quả lớn. (iii) Có công việc dính líu ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách, khi thất bại nó có kết quả nhỏ. (iv) Có công việc dính líu ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách, khi thành công nó có kết quả lớn.

6. "Này môn sinh, (i) cái gì là công việc dính líu nhiều hoạt động … khi thất bại nó có kết quả nhỏ? Nghề nông là công việc như vậy dính líu nhiều hoạt động … khi thất bại nó có kết quả nhỏ. Và, này môn sinh, (ii) cái gì là công việc dính líu nhiều hoạt động … khi thành công nó có kết quả lớn? Cũng nghề nông là công việc như vậy dính líu nhiều hoạt động … khi thành công nó có kết quả lớn. Và, này môn sinh, (iii) cái gì là công việc dính líu ít hoạt động … khi thất bại nó có kết quả nhỏ? Nghề thương mại là công việc như vậy dính líu ít hoạt động … khi thất bại có kết quả nhỏ.[828] Và, này môn sinh, (iv) cái gì là công việc dính líu ít hoạt động …

khi thành công nó có kết quả lớn? Nghề thương mại là công việc như vậy dính líu ít hoạt động … khi thành công nó có kết quả lớn.

7. "Này môn sinh, (i) cũng giống như nghề nông là công việc dính líu nhiều hoạt động … nhưng có kết quả nhỏ khi nó thất bại, công việc của người tại gia dính líu nhiều hoạt động … nhưng có kết quả nhỏ khi nó thất bại. (ii) Cũng giống như nghề nông là công việc dính líu nhiều hoạt động … và có kết quả lớn khi nó thành công, công việc của người tại gia dính líu nhiều hoạt động … và có kết quả lớn khi nó thành công. (iii) Cũng giống như nghề thương mại là công việc dính líu ít hoạt động … và có kết quả nhỏ khi nó thất bại, công việc của người xuất gia dính líu ít hoạt động … và có kết quả nhỏ khi nó thất bại. (ii) Cũng giống như nghề thương mại là công việc dính líu ít hoạt động … nhưng có kết quả lớn khi nó thành công, công việc của người xuất gia dính líu ít hoạt động … nhưng có kết quả lớn khi nó thành công."

8. (3) "Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn quy định năm điều để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành."

"Này môn sinh, nếu không rắc rối gì cho anh, hãy nói ra cho hội chúng này biết năm điều những bà-la-môn quy định để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành."

"Thầy Cồ-Đàm, không rắc rối gì cho tôi khi các vị ở đây, cũng như chính Thầy, và những người khác đang ngồi [trong hội chúng này]."

"Vậy hãy kể ra năm điều đó, này môn sinh."

9. "Thầy Cồ-Đàm, sự-thật là điều thứ nhất mà những bà-la-môn đã quy định để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành. Điều thứ hai là sự sống đời sa-môn (đời sống tu hành, đời sống sa-môn, phạm hạnh) … Điều thứ ba là sự sống độc-thân … Điều thứ tư là sự học-hiểu … Điều thứ năm là sự bố-thí mà những bà-la-môn đã quy định để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành. Thầy Cồ-Đàm nói sao về điều này?"

"Được rồi, này môn sinh:[829] trong số những bà-la-môn có một bà-la-môn nào nói như vầy: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Rồi sao, này môn sinh: vậy trong bảy thế hệ các thầy bà-la-môn có một thầy nào, hoặc một vị thầy (sư phụ, sư ông) của một thầy nào nói như vầy: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Rồi sao, này môn sinh: những ẩn sĩ (tiên tri, tiên kiến) bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú đó, những người soạn ra các bài kinh chú đó, những bài kinh chú của họ đã từng được tụng, được đọc, và kết tập, mà các bà-la-môn ngày nay vẫn tiếp tục đọc tụng và lặp lại, lặp lại cái đã được nói, và tụng lại cái đã được tụng bởi những bà-la-môn trước kia—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu—những ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó có bao giờ nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp' hay không?"—"Không có, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Như vậy thì, này môn sinh, dường như trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một bà-la-môn nào nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp.' – Và trong số những bà-la-môn trước giờ, không có một thầy nào, hoặc một vị thầy của một thầy nào trong bảy thế hệ thầy đã từng nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp.' – Và những nhà ẩn sĩ bà-la-môn thời cổ xưa, là những người tạo ra các bài kinh chú, những người soạn ra những bài kinh chú … thậm chí những nhà ẩn sĩ bà-la-môn cổ xưa đó cũng không nói rằng: 'Tôi tuyên bố về kết quả của năm điều này sau khi tôi đã tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp.' Ví như một hàng người mù

đứng nối tiếp nhau: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Cũng giống như vậy, này môn sinh, về câu khẳng định nhất nhất đó của họ, dường như những bà-la-môn cũng giống một hàng người mù: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy."

10. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã giận và bất đồng với ví dụ một hàng người mù, và anh ta đã chửi rủa, chê bai, và chỉ trích đức Thế Tôn, anh ta nói: "Sa-môn Cồ-đàm sẽ bị tệ hại."

(4) Rồi anh ta nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, bà-la-môn Pokkharasāti của họ tộc Upamaññā, là ông chủ của Khu Vườn Subhaga, tuyên bố rằng:[830] 'Có những sa-môn và bà-la-môn ở đây tuyên bố những trạng thái siêu nhân, những sự khác-biệt về sự-thấy và sự-biết xứng đáng của những bậc thánh. Nhưng những điều họ nói hóa ra là đáng cười; nó hóa ra chỉ là lời nói, rỗng tuếch và trống không. Bởi vì làm sao một chúng sinh con người có thể biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân nào, một sự khác-biệt về sự-thấy và sự-biết nào (gọi là) xứng đáng của những bậc thánh? Điều đó là không thể.'"

11. "Vậy thì, này môn sinh, làm sao bà-la-môn Pokkharasāti hiểu được những tâm của tất cả những sa-môn và bà-la-môn đó, sau khi đã dùng tâm mình bao trùm tâm của họ?"

"Thầy Cồ-Đàm, bà-la-môn Pokkharasāti thậm chí còn không hiểu được tâm của cô nữ tỳ Puṇṇikā của ngài ấy, sau khi lấy tâm mình bao trùm tâm cô ấy, vậy làm sao ngài ấy có thể hiểu được những tâm của tất cả những sa-môn và bà-la-môn đó, sau khi đã dùng tâm mình bao trùm tâm của họ?"

12. "Này môn sinh, ví dụ có một người mù bẩm sinh không thể nhìn thấy những hình-sắc tối hay sáng; không thể nhìn thấy màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng; không thể nhìn thấy chỗ bằng phẳng hay chỗ không bằng phẳng; không thể nhìn thấy những vì sao, mặt trời, hay

mặt trăng. Người đó có thể nói như vầy: 'Không có những hình-sắc tối hay sáng; không có màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng, và không ai nhìn thấy những hình-sắc màu xanh, màu vàng, màu đỏ, hay màu hồng; không có thứ gì bằng phẳng hay không bằng phẳng, và không ai nhìn thấy thứ gì bằng phẳng hay không bằng phẳng; không có những vì sao, mặt trời, hay mặt trăng, và không ai nhìn thấy những vì sao, mặt trời, hay mặt trăng. Tôi không biết những thứ này, tôi không nhìn thấy những thứ này, do vậy suy ra những thứ này không có mặt.' Này môn sinh, khi nói như vậy là người mù đó nói một cách đúng hay không?"

"Không, Thầy Cồ-Đàm. Có những hình-sắc tối và sáng, và có những người nhìn thấy những hình-sắc tối và sáng … có những vì sao, mặt trời, và mặt trăng, và có những người nhìn thấy những vì sao, mặt trời, và mặt trăng. Nếu nói 'Tôi không biết những thứ này, tôi không nhìn thấy những thứ này, do vậy suy ra những thứ này không có mặt' là người đó nói một cách không đúng."

13. "Cũng giống như vậy, này môn sinh, bà-la-môn Pokkharasāti là mù quáng và không có sự-thấy. Nếu nói rằng ông ta biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh—thì điều đó là không thể. Này môn sinh, anh nghĩ sao? Đối với những bà-la-môn khá giả ở Kosala như bà-la-môn Can-kī, bà-la-môn Tārukkha, bà-la-môn Pokkharasāti, bà-la-môn Jāṇussoṇi, hay cha của anh, bà-la-môn Todeyya—cái nào là tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định hợp với sự chấp nhận [quy ước, lẽ thường, sự nhìn nhận] của thế tục hay trái với sự chấp nhận của thế tục?"—"Những điều họ khẳng định hợp với sự chấp nhận của thế tục là tốt hơn, Thầy Cồ-Đàm"

"Cái nào tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định là có suy nghĩ hay thiếu suy nghĩ?"—"Những điều khẳng định có suy nghĩ là tốt hơn, Thầy Cồ-Đàm"—"Cái nào tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định là sau khi suy xét hay không có suy xét?"—"Những điều khẳng định sau

khi có suy xét là tốt hơn, Thầy Cồ-Đàm"—"Cái nào là tốt hơn đối với họ: những điều họ khẳng định là có ích lợi hay không ích lợi?"—"Những điều khẳng định có ích lợi là tốt hơn, Thầy Cồ-Đàm".

14. "Này môn sinh, anh nghĩ sao? Nếu đã là như vậy, thì liệu điều khẳng định được nói bởi bà-la-môn Pokkharasāti có hợp với sự chấp nhận của thế tục hay trái với sự chấp nhận của thế tục?"—"Nó trái với sự chấp nhận của thế tục, Thầy Cồ-Đàm"—"Điều khẳng định đó được nói ra có suy nghĩ hay thiếu suy nghĩ?"—"Thiếu suy nghĩ, Thầy Cồ-Đàm"—" Điều khẳng định đó được nói ra sau khi suy xét hay không có suy xét?"—"Không có suy xét, Thầy Cồ-Đàm"—" Điều khẳng định đó được nói ra là có ích lợi hay không ích lợi?"—"Không ích lợi, Thầy Cồ-Đàm".

15. "Bây giờ, này môn sinh, có *năm chướng-ngại* (ngũ cái). Năm đó là gì? Chướng ngại là tham-dục, chướng ngại là sự ác-ý, chướng ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc, và chướng ngại là sự nghi-ngờ. Đây là năm chướng-ngại. Bà-la-môn Pokkharasāti là bị cản trở, bị ngăn trở, bị ngăn cản và bị bao che bởi năm chướng-ngại này. Nếu nói rằng ông ta biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh—thì điều đó là không thể.

16. "Bây giờ, này môn sinh, có *năm dây khoái-lạc giác quan* (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. Bà-la-môn Pokkharasāti bị trói buộc bởi năm dây khoái-lạc giác quan này, bị say mê với chúng và hoàn toàn dính theo chúng; ông ta thụ hưởng chúng mà không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng, không hiểu được sự thoát-khỏi

khỏi chúng. Nếu nói rằng ông ta biết hay thấy hay chứng ngộ một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh—thì điều đó là không thể.

17. "Anh nghĩ sao, này môn sinh? Trong hai loại lửa, loại nào có ngọn lửa, màu lửa, và sự phát sáng [tốt hơn]—loại lửa cháy tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ hoặc củi, hay loại lửa cháy không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi?"

"Thầy Cồ-Đàm, nếu có thể có lửa cháy không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, thì loại lửa đó sẽ có ngọn lửa, màu lửa, và sự phát sáng [tốt hơn]"

"Điều đó là không thể có, này môn sinh, không thể xảy ra loại lửa nào có thể cháy mà không tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, ngoại trừ nhờ [sự vận dụng] thần thông. Giống như lửa cháy tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, ta nói, rằng sự hoan-hỷ cháy tùy thuộc vào những khoái-lạc giác quan (dục lạc sinh hỷ). Giống như lửa cháy *không* tùy thuộc vào nhiên liệu như cỏ và củi, ta nói, rằng sự hoan-hỷ (có được) từ sự *tách ly* khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện (ly dục lạc sinh hỷ). Và, này môn sinh, cái gì là sự hoan-hỷ (có được) từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly từ những trạng thái bất thiện? Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Đây là loại sự hoan-hỷ có được từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly từ những trạng thái bất thiện. (ii) 'Lại nữa: Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' Đây

cũng là loại sự hoan-hỷ (hỷ) có được từ sự tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly từ những trạng thái bất thiện.

18. (5) "Này môn sinh, trong năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, điều nào họ quy định là nhiều phước quả nhất để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành?"

"Thầy Cồ-Đàm, trong năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, họ quy định sự bố-thí là nhiều phước quả nhất để làm việc công đức, để thành tựu việc thiện lành."

19. "Này môn sinh, anh nghĩ sao? Ở đây, một bà-la-môn có thể tổ chức lễ cúng tế lớn, và hai bà-la-môn khác đến đó họ nghĩ sẽ tham sự lễ cúng tế lớn đó. Một trong hai bà-la-môn đó có thể nghĩ: 'Ôi, ước gì ta được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, thức ăn cúng dường ngon nhất trong phòng ăn; rằng không bà-la-môn nào khác có được những thứ tốt nhất đó!' Và có thể bà-la-môn còn lại, không phải bà-la-môn đã ước, lại có được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, thức ăn cúng dường ngon nhất trong phòng ăn. Sau khi nghĩ về điều này, bà-la-môn đã ước có thể tức giận và bất đồng. Vậy những bà-la-môn sẽ quy định loại phước quả gì cho sự cúng tế này này?"

"Thầy Cồ-Đàm, những bà-la-môn không bố thí những thứ theo cách như vậy và nghĩ 'Cứ để cho những người khác tức giận và bất đồng vì sự cúng tế này.' Thay vì vậy, những bà-la-môn bố thí mọi thứ vì động cơ của lòng bi-mẫn."

"Nếu đã là vậy, này môn sinh, đây có phải cơ sở thứ sáu để làm việc công đức, đó là, động cơ của lòng bi-mẫn?"[831]

"Đúng là vậy, Thầy Cồ-Đàm, đó là cơ sở thứ sáu để làm việc công đức, đó là, động cơ của lòng bi-mẫn.

20. "Này môn sinh, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành—anh thường thấy năm

điều đó trong số những người tại gia hay những người xuất gia?"

"Thầy Cồ-Đàm, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, tôi thường thấy trong số những người xuất gia, ít thấy trong số những người tại gia. Bởi vì một người tại gia có nhiều hoạt động, nhiều vai trò, nhiều sự tham gia, và nhiều sự đảm trách: cho nên người đó *không* luôn luôn và thường xuyên nói sự-thật, tu tập đời sống sa-môn, giữ giới độc-thân, tham gia học-hiểu, hay tham gia việc bố-thí. Nhưng một người xuất gia thì có ít hoạt động, ít vai trò, ít sự tham gia, và ít sự đảm trách: cho nên người đó luôn luôn và thường xuyên nói sự-thật, tu tập đời sống sa-môn, giữ giới độc-thân, tham gia học-hiểu, hay tham gia việc bố-thí. Như vậy năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, tôi thường thấy trong số những người xuất gia, ít thấy trong số những người tại gia."

21. "Này môn sinh, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, ta gọi là 'công cụ của cái tâm', tức là, dùng để tu tập một cái tâm không hung-dữ và không ác-ý. Ở đây, này môn sinh, một Tỳ kheo là một người nói sự-thật. Do nghĩ rằng 'Ta là người nói sự-thật' nên người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được sự hoan-hỷ (hỷ) nối kết (câu hỷ) với Giáo Pháp. Chính sự hoan-hỷ nối kết với Giáo Pháp ta gọi là một 'công cụ của cái tâm'.

"Ở đây, này môn sinh, một bà-la-môn là một (người sống đời sống) sa-môn … một người sống độc-thân … một người tham gia học-hiểu … một người tham gia việc bố-thí. Do nghĩ rằng 'Ta là một người tham gia việc bố-thí' nên người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được sự hoan-hỷ nối kết với Giáo Pháp. Chính sự hoan-hỷ nối kết với Giáo Pháp ta gọi là một 'công cụ của cái tâm'. Như vậy năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện

việc công đức, để thành tựu việc thiện lành ta gọi là 'công cụ của cái tâm', tức là, dùng để tu tập một cái tâm không hung-dữ và không ác-ý."

22. (6) Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, tôi nghe người ta nói sa-môn Cồ-Đàm biết rõ con-đường dẫn tới sự cộng trú với (trong cõi) trời Brāhma (Phạm thiên)."

"Này môn sinh, anh nghĩ sao? Làng Naḷakāra ở gần đây hay cách xa?"

"Thưa ngài, làng Naḷakāra ở gần đây, không cách xa đây lắm."

"Này môn sinh, anh nghĩ sao? Giả sử có một người được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và khi anh ta mới đi ra khỏi làng Naḷakāra gặp người ta hỏi anh ta đường đi vô làng. Liệu anh ta có ngập ngừng hay phân vân khi trả lời hay không?"

"Thưa không, Thầy Cồ-đàm. Vì sao vậy? Vì anh ta được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và đã quen thuộc với mọi đường đi vô làng."

"Nhưng, thật ra cũng có thể có người tuy được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra vẫn trả lời ngập ngừng và phân vân khi được hỏi về đường đi vô làng; nhưng một bậc Như Lai, khi được hỏi về cõi trời Brahmā (Phạm thiên giới) hay con-đường dẫn tới cõi trời Brahmā, thì sẽ không bao giờ ngập ngừng hay phân vân khi trả lời. Ta biết rõ vua trời Brāhma, và ta biết rõ cõi trời Brahmā, và ta biết rõ con-đường dẫn tới cõi trời Brahmā, và ta biết rõ cách một người nên tu tập để được tái sinh trong cõi trời Brahmā."[832]

23. "Thầy Cồ-Đàm, tôi nghe người ta nói sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy con-đường dẫn tới sự cộng trú với (trong cõi) trời Brahmā. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-Đàm chỉ dạy cho tôi con-đường dẫn tới sự cộng trú với trời Brahmā."

"Vậy thì, này môn sinh, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"

"Dạ, thưa Thầy", anh ta đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

24. "Này môn sinh, cái gì là con-đường dẫn tới sự tái sinh trong cõi trời Brāhma? Ở đây, (i) một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa.[833] Đây là con-đường dẫn tới tái sinh trong cõi trời Brāhma.

25.–27. (ii) "Một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iv) sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Đây cũng là con-đường dẫn tới tái sinh trong cõi trời Brāhma."

28. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-

Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.

29. "Và giờ, thưa Thầy Cồ-Đàm, chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc để làm."

"Này môn sinh, anh cứ tùy tiện mà đi."

Rồi môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi về.

30. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn Jāṇussoṇi đang lái ra khỏi thành Sāvatthī vào giữa trưa trên một chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa cái màu trắng.[834] Ông ta nhìn thấy môn sinh bà-la-môn Subha, con trai của Todeyya, đang đến từ xa và hỏi anh ta: "Thầy Bhāradvāja đi về từ đâu vào lúc giữa trưa vậy?"

"Thưa ngài, tôi đang đi về từ chỗ gặp sa-môn Cồ-Đàm."

"Thầy Bhāradvāja nghĩ gì về sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Ông ta là người hiền trí, có phải vậy không?"

"Thưa ngài, tôi là ai mà biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Chắc chắn phải là người ngang bằng với bậc ấy thì mới biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của bậc ấy."

"Thầy Bhāradvāja đang khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm với lời khen ngợi cao nhất đó."

"Thưa ngài, tôi là ai mà khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm? Sa-môn Cồ-Đàm được khen ngợi bởi những người được khen ngợi nhất trong số những

thiên thần và loài người. Thưa ngài, năm điều mà những bà-la-môn quy định để thực hiện việc công đức, để thành tựu việc thiện lành, sa-môn Cồ-đàm gọi là 'công cụ của cái tâm', tức là, dùng để tu tập một cái tâm không hung-dữ và không ác ý.

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã bước xuống khỏi cỗ xe màu trắng được kéo bởi những con ngựa cái trắng, và sau khi xếp lại phần y áo trên một vai, ông chấp tay kính lễ về hướng có đức Thế Tôn đang ở và thốt ra lời cảm hứng này: "Đó là ích lợi cho Vua Pasenadi của xứ Kosala, đó là ích lợi lớn lao cho Vua Pasenadi của xứ Kosala, rằng Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đang sống trong lãnh thổ của nhà vua."

38. (MN 100) KINH SANGĀRAVA

(*Sangārava Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một nữ bà-la-môn tên Dhānañjānī đang ở Caṇḍalakappa, có đầy đủ niềm-tin vào Phật, Pháp, và Tăng.[1219] Có một lần cô bị vấp ngã, và [khi đang lấy lại thăng bằng] đã thốt lên ba lần: "Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Tôn vinh đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!"

3. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn Sangārava đang ở Caṇḍalakappa. Anh ta là một bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà (Veda) với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc Vĩ Nhân. Sau khi nghe nữ bà-la-môn Dhānañjānī thốt ra những lời đó, anh ta nói với cô: "Nữ bà-la-môn này thật là đáng nhục và suy đồi, vì trong khi đang có những bà-la-môn ở xung quanh mà bà lại ca ngợi một sa-môn đầu trọc như vậy."

[Cô đáp lại:] "Này ngài thân mến, ngài không biết đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn đâu. Nếu ngài mà biết đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn, ngài sẽ không bao giờ nghĩ đến việc nhục mạ và phỉ báng bậc ấy."

"Được rồi, này quý bà, hãy báo tôi biết khi nào sa-môn Cồ-đàm đến Caṇḍalakappa."

"Được rồi, ngài thân mến", nữ bà-la-môn Dhānañjāni đáp lại.

4. Rồi, sau khi đã đi thành nhiều chặng trong xứ Kosala, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Caṇḍalakappa. Ở Caṇḍalakappa đức Thế Tôn trú

trong khu Vườn Xoài thuộc những bà-la-môn của họ tộc Todeyya.

5. Nữ bà-la-môn Dhānañjānī nghe đức Thế Tôn đã đến, cô đến gặp môn sinh bà-la-môn Sangārava và nói với anh ta: "Này ngài thân mến, đức Thế Tôn đã đến Caṇḍalakappa và ở Caṇḍalakappa bậc ấy đang trú trong khu Vườn Xoài của những bà-la-môn thuộc họ tộc Todeyya. Ngài thân mến, giờ ngài có thể tùy tiện đến đó."

"Được, thưa bà", anh ta đáp lại. Rồi anh ta đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói:

6. "Thầy Cồ-Đàm, có một số sa-môn và bà-la-môn tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ].[1220] Thầy Cồ-Đàm đứng ở đâu trong số những sa-môn và bà-la-môn đó?"

7. "Này Bhāradvāja, ta nói rằng, có sự khác-nhau (nhiều dạng, nhiều hạng) trong số những sa-môn và bà-la-môn như vậy là những người đã tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này. (i) Có những sa-môn và bà-la-môn là những người theo truyền-thống, họ chỉ dựa trên sự truyền-thừa bằng miệng để tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này; chẳng hạn như những bà-la-môn theo Ba Kinh Vệ-đà. (ii) Có những sa-môn và bà-la-môn là những người hoàn toàn dựa trên đức-tin để tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này; chẳng hạn như những người lý-giải và những người điều-tra tìm hiểu.[1221] (iii) Có những sa-môn và bà-la-môn là những người, sau khi đã tự mình trực-tiếp biết Giáo Pháp[1222] trong số 'những điều chưa từng được nghe trước đó', đã tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và

sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này.

8. "Này Bhāradvāja, ta là một trong những sa-môn và bà-la-môn (thứ ba) đó, là những người, sau khi đã tự mình trực-tiếp biết Giáo Pháp trong số 'những điều chưa từng được nghe trước đó', đã tuyên bố [chỉ dạy] những nền-tảng của đời sống tâm linh sau khi họ đã đạt tới sự kết-cuộc và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này.

9. "Ở đây, này Bhāradvāja, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ta đã suy xét như vầy: 'Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia là rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt đời sống tâm linh cho được hoàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được tẩy sạch. Hay ta cạo bỏ râu tóc, mặc y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.'

10. "Sau đó, này Bhāradvāja, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời, mặc dù cha mẹ ta muốn khác và đã khóc ràn rụa nước mắt trên mặt, nhưng ta đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo nâu sòng, và từ bỏ cuộc sống tại gia để đi vào đời sống đời sống xuất gia tu hành.

11. ""Này Bhāradvāja, sau khi đã xuất gia đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đã đến chỗ ông Ālarā Kālāma và thưa với ông: 'Này thiện hữu Kālāma, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.' Ông Alara Kālāma đã trả lời: 'Quý ngài có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ một người có trí có thể chứng nhập và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ thông qua sự trực-tiếp biết học thuyết của thầy mình.' Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở miệng đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự-biết và sự chắc-chắn, và ta có thể tuyên bố: 'Tôi biết và thấy'—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy.

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ dựa niềm-tin suông mà Alara Kālāma nói: "Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, tôi có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này". Chắc chắn Alara Kālāma

an trú trong sự biết và thấy Giáo Pháp này.' Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp Alara Kālāma và hỏi ông rằng: 'Này thiện hữu Kālāma, theo cách nào mà ngài tuyên bố rằng 'bằng cách tự mình chứng ngộ nhờ sự trực-tiếp biết, ngài có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này?' Khi trả lời ta, ông đã tuyên bố cảnh giới "vô sở hữu xứ" [cảnh xứ không-có-gì].[1223]

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ Alara Kālāma có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Ta cũng có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Giá như: ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ông Alara Kālāma tuyên bố rằng ông có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?'

"Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó bằng sự trực-tiếp biết. Sau đó ta đến gặp ông Alara Kālāma và hỏi ông ấy: 'Này thiện hữu Kālāma, có phải theo cách như vầy mà ngài đã tuyên bố rằng ngài đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?—'Đúng là cách như vậy, này đạo hữu.'—'Này đạo hữu, chính theo cách như vậy ta cũng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.'—'Đây là một lợi ích cho chúng tôi, này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng tôi khi chúng tôi mới có thêm đạo hữu là một quý thầy như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà tôi tuyên bố ta đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà tôi đã tuyên bố rằng tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết đó. Như vậy đạo hữu đã mới biết được Giáo Pháp mà tôi đã biết, và tôi đã biết được Giáo Pháp mà đạo hữu đã mới biết. Tôi biết như vậy, đạo hữu cũng

biết như vậy. Đạo hữu biết như vậy, tôi cũng biết như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.'

"Như vậy là Alara Kālāma—vị thầy của ta—đã đặt ta, là học trò của ông, ở cùng vị trí ngang bằng với ông, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó có ý nghĩ này đã xảy đến với ta: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn; nó chỉ dẫn tới sự tái sinh trong "vô sở hữu xứ".[1224] Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó.

12. "Này Bhāradvāja, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đã đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và nói với ông ấy: 'Này thiện hữu, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.' Ông Uddaka Rāmaputta đã trả lời: 'Quý ngài có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ một người có trí có thể chứng nhập và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ thông qua sự trực-tiếp biết về học thuyết của thầy mình.' Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở miệng đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự-biết và sự chắc-chắn, và ta có thể tuyên bố: 'Tôi biết và thấy'—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy.

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ dựa vào niềm-tin suông mà Rāma tuyên bố: "Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, ta có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này". Chắc chắn Rāma đã an trú với sự biết và thấy Giáo Pháp này.' Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: 'Này thiện hữu, theo cách nào mà Rāma tuyên bố rằng 'Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, tôi có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này'? Khi trả lời ta, ông Uddaka Rāmaputta đã tuyên bố "phi tưởng phi phi tưởng xứ" [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].[1225]

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ Rāma có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Ta cũng có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự

chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Giá như: ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ông Rāma tuyên bố ông đã có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?'

"Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó với sự trực-tiếp biết. Sau đó ta đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: 'Này đạo hữu, có phải theo cách như vầy mà Rāma đã tuyên bố rằng Rāma đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?—'Đúng là cách như vậy, này đạo hữu.'—'Này đạo hữu, chính theo cách như vậy tôi cũng đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.'—'Đây là một lợi ích cho chúng tôi, này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng ta khi chúng tôi mới có thêm đạo hữu là một quý thầy như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà tôi tuyên bố tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà tôi đã tuyên bố rằng tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết đó. Như vậy đạo hữu đã mới biết được Giáo Pháp mà tôi đã biết, và tôi đã biết được Giáo Pháp mà đạo hữu đã mới biết. Tôi biết như vậy, đạo hữu cũng biết như vậy. Đạo hữu biết như vậy, tôi cũng biết như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.'

"Như vậy là Uddaka Rāmaputta—người đồng đạo của ta trong đời sống tâm linh—đã đặt ta ở vị trí của một vị thầy, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó có ý nghĩ này đã xảy đến với ta: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn; nó chỉ dẫn tới tái sinh trong "phi tưởng phi phi tưởng xứ". Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó.

13. "Này Bhāradvāja, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, đi tìm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đi rong ruổi khắp xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), cuối cùng ta đến chỗ vùng Uruvela gần Senānigama. Ở đó ta nhìn thấy một miếng đất dễ thích, một vườn cây thú vị nằm sát bên con sông nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích, và gần một ngôi làng để đi khất thực. Ta xét thấy rằng: 'Miếng đất này dễ thích, một vườn cây thú vị nằm sát bên con sông nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích, và gần một ngôi làng để đi khất thực. Chỗ này sẽ được dùng làm chỗ cho sự chuyên-cần tu (tinh cần) của một người họ tộc đang quyết tâm chuyên-cần tu.' Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: 'Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.'[1226]

14. (i) "Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây tươi đang nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Ta sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.' Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm dưới nước, hay không?"

"Không được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao không? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, và nó đang nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

"Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn vẫn ***không sống với thân tách-ly*** khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và những khoái-lạc giác quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu hành), họ vẫn không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy), và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ đầu tiên đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

15. (ii) "Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ hai đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây tươi ướt đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.' Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?"

"Không được, Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, ngay cả khi nó có nằm trên đất khô, không nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

"Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn ***sống với thân tách-ly*** khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc),[1227] nhưng khoái-lạc giác quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu khổ hạnh), họ vẫn không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn, và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ thứ hai đã tự khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

16. (iii) "Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.' Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?"

"Được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao được? Bởi vì đó là một khúc cây khô không còn mủ tươi và nó đang nằm trên dất khô, không nằm dưới nước."

"Cũng giống như vậy, này ông Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn ***sống với thân tách-ly*** khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và

những khoái-lạc giác quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác quan của họ đã được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì cố sức (tu khổ hạnh), họ vẫn có thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn, và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. [1228]

17. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta lấy tâm cố ép, trấn dập và đè bẹp cái tâm.' Nghĩ vậy nên ta đã làm: với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm. Trong khi ta làm như vậy, mồ hôi đã vã ra từ hai nách của ta. Giống như một kẻ to mạnh túm lấy đầu và vai của một người nhỏ yếu và ép, trấn dập và đè bẹp anh ta. Cũng giống như vậy, với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm, và mồ hôi vã ra từ hai nách của ta. ***Nhưng*** cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó. [1229]

18. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: ta tu tập thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi. Trong khi ta làm vậy, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. Giống như tiếng bụp lớn khi hai ống bể của người thợ rèn mỗi lần được thổi hơi. Cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. ***Nhưng*** cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

19. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: ta tu tập *thêm* thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, những tiếng gió mạnh cắt xuyên trong đầu. Giống như một kẻ to mạnh đang đâm vào đầu ta bằng mũi kiếm sắc bén. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt xuyên trong đầu. ***Nhưng*** cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

20. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: ta tu tập *thêm* thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những đau buốt trong đầu ta. Giống như có một kẻ to mạnh đang siết chặt đầu ta bằng một sợi nịt da. Cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai, có những đau buốt trong đầu ta. ***Nhưng*** cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

21. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: ta tu tập *thêm* thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. Giống như một người bán thịt rành nghề [hay người phụ của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng một cái dao sắc bén của người hàng thịt. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. ***Nhưng*** cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt

sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

22. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta tu tập *thêm* thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có một sự nóng cháy dữ dội trong thân của ta. Giống như có hai kẻ to mạnh nắm chặt một người nhỏ yếu bằng cả hai và nướng anh ta trên một hố lửa than đang cháy. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có một sự nóng cháy trong thân ta. ***Nhưng*** cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

23. "Bấy giờ, khi các thiên thần nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: 'Sa-môn Cồ-Đàm chết rồi.' Các thiên thần khác lại nói: 'Sa-môn Cồ-Đàm chưa chết, ông ấy sắp chết.' Và các thiên thần khác lại nói: 'Sa-môn Cồ-Đàm không phải đã chết hay sắp chết; vị ấy là một A-la-hán, bởi vì cách như vậy là cách những A-la-hán sống qua.'

24. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: ta thực hành sự nhịn ăn hoàn toàn.' Rồi có các thiên thần đến gặp ta và nói: 'Này thiện nhân, đừng thực hành kiểu tuyệt thực. Nếu ngài làm vậy, chúng tôi sẽ rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ngài, như vậy sẽ giúp ngài sống được.' Ta đã suy xét rằng: 'Nếu ta tuyên bố mình có thể tuyệt thực trong khi các thiên thần lại rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ta và giúp ta sống được, như vậy là ta nói dối.' Do vậy ta đã từ chối các thiên thần đó, ta nói: 'Không cần.'

25. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như: ta chỉ ăn ít, mỗi lần ăn một chút thôi, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh.' Nghĩ vậy nên ta đã ăn ít, mỗi lần ăn một chút, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh. Trong khi ta làm vậy, thân thể ta thành ốm

nhách. Bởi do ăn quá ít, nên chân tay của ta thành giống như mấy cọng dây leo hay cọng lá tre. Bởi do ăn quá ít, nên mông đít ta thành teo nhách giống như móng con lạc đà. Bởi do ăn quá ít, nên những đốt xương sống nhô ra như dãy tràng hạt. Bởi do ăn quá ít, nên xương sườn nằm trơ ra như những xà ngang trên mái nát của một nhà kho cũ. Bởi do ăn quá ít nên, nên tia ánh mắt của ta nặng chìm xuống hai hốc mắt, giống như tia nước đã chìm sa dưới giếng sâu. Bởi do ăn quá ít, nên da đầu của ta đã nhăn queo và khô héo như trái khổ qua nhăn queo và khô héo trong nắng gió. Bởi do ăn quá ít, nên da bụng của ta xẹp dính ra sau xương sống của ta, đến nỗi nếu sờ vào da bụng của ta là ta cũng đụng tới xương sống sau lưng, và nếu ta sờ vào xương sống sau lưng thì ta cũng đụng tới da bụng phía trước. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta đi đại tiện hay tiểu tiện, ta té ngã úp mặt lên chỗ (đại tiện hay tiểu tiện) đó. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta cố xoa dịu thân ta bằng cách xoa tay xoa chân bằng hai bàn tay thì lông tay lông chân cũng rụng rớt khỏi thân khi ta xoa, vì chúng đã mục hư tận gốc.

26. "Bấy giờ, khi người ta nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: 'Sa-môn Cồ-Đàm có da đen.' Những người khác lại nói: 'Sa-môn Cồ-Đàm không phải da đen, ông ấy da nâu.' Và những người khác lại nói: 'Sa-môn Cồ-Đàm không phải da đen hay da nâu, ông ấy có da vàng.' Như vậy đã quá rõ, màu da tươi sáng ngày nào của ta đã tàn hoại do ta ăn uống quá ít.

27. "Ta đã nghĩ rằng: 'So với những cảm-giác mà các tu sĩ hay bà-la-môn trong ***quá khứ*** đã nếm trải đau đớn, nghiến răng, nhức nhói thì đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta). Và so với những gì các tu sĩ hay bà-la-môn trong ***hiện tại*** đang nếm trải những cảm-giác đau đớn, nghiến răng, nhức nhói do cố sức (tu hành), đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta).

"Nhưng với cách tu cực hình khổ hạnh như vậy, ta đã không đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Phải chăng có một con-đường khác dẫn tới giác-ngộ?'

28. "Ta đã suy xét: 'Ta nhớ lại thời nhỏ, khi cha ta là một người họ tộc Thích-Ca (Sakya) lúc đó đang bận việc, lúc đó ta đang ngồi dưới bóng một cây táo hồng: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'[1230] Phải chăng đây là con-đường (để tu tập) dẫn đến giác-ngộ?' Rồi lần theo trí nhớ đó, cuối cùng ta đi tới nhận biết rằng: 'Đây đúng thực là con-đường dẫn đến giác-ngộ.'

29. "Ta đã nghĩ: 'Tại sao ta phải sợ loại sự sướng (lạc) vốn không liên quan gì với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và những trạng thái bất thiện?' Ta đã nghĩ rằng: 'Ta không sợ loại sự sướng đó vốn không liên quan gì với những khoái-lạc giác quan và những trạng thái bất thiện.'[1231]

30. "Ta đã suy xét rằng: 'Không dễ gì đạt tới sự sướng (lạc, hạnh phúc) nào với một thân thể quá ốm yếu tàn tạ. Giá như: ta ăn mấy thứ thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo.' Nghĩ như vậy nên ta đã ăn lại mấy thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo. Rồi, bấy giờ năm vị tu sĩ kia (tức nhóm bạn tu có ngài Kiều-trần-như) đang kỳ vọng ở ta, trong đầu họ đang nghĩ: 'Nếu sa-môn Cồ-Đàm của chúng ta chứng đắc trạng thái cao siêu nào thì vị ấy sẽ báo cho chúng ta biết.' Nhưng khi thấy ta ăn cơm và cháo, năm vị tu sĩ đó đã khinh khi và rời bỏ ta, trong đầu họ nghĩ: 'Sa-môn Cồ-Đàm giờ sống theo kiểu thụ hưởng; ông ấy đã từ bỏ sự chuyên-cần tu (tu khổ hạnh) và quay lại sống hưởng thụ.'

31. "Lúc đó sau khi ta đã ăn lại thức ăn chắc bụng và đã lấy lại sức; rồi sau đó ta: (1) "Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' - Nhưng cảm-giác sướng (lạc) đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.[1232]

32. –37. "Rồi sau đó: (2) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (3) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (4) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … - Nhưng cảm-giác sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

38. (5) "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới ***trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ*** (*túc mạng minh*). Ta đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của ta; đó là một lần sinh, hai lần sinh … [*Tiếp tục giống kinh* ***MN 04****, mục 27.*] … Như vậy đó, ta đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của ta.

39. "Đây là "trí-biết đích thực" **đầu tiên** (*thấy biết những cõi kiếp trong quá khứ của mình*) mà ta đã chứng ngộ vào canh một của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. - Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

40. (6) "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới ***trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh*** (*thiên nhãn minh*). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người … [*Tiếp tục giống kinh* ***MN 04****, mục 29.*] … Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh,

thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy.

41. "Đây là "trí-biết đích thực" **thứ hai** (*thấy biết những sự sinh-tử của chúng sinh*) ta đã chứng ngộ được vào canh giữa (canh ba) của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. - Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

42. (7) "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ô-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới tới *trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt những ô-nhiễm* (*lậu tận minh*). Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: 'Đây là khổ' … 'Đây là nguồn-gốc khổ' … 'Đây là sự chấm-dứt khổ' … 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ'. Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm' … 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm' … 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm'.

43. "Sau khi ta đã biết và đã thấy như vậy, tâm ta được giải-thoát khỏi ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do/của vô-minh (vô-minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: 'Tâm được giải-thoát.' Ta đã trực-tiếp biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.

44. "Đây là "trí-biết đích thực" **thứ ba** (*thấy biết những ô-nhiễm đã tận diệt*) mà ta đã chứng ngộ vào canh cuối (canh năm) của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi

sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định."

[Lưu ý: *Các đoạn trên giống kinh **MN 36** (Quyển 1), mục 34–44. Nhưng trong kinh **MN 100** này mục 36, 38, và 41 là tương ứng giống với mục 39, 41, và 44 của kinh **MN 36**—chỉ khác là không có câu* "*Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.*"]

42. Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Sangārava đã nói với đức Thế Tôn: "Sự chuyên-cần tu (tinh cần) của Thầy Cồ-Đàm thật là trung kiên, sự chuyên-cần tu của Thầy Cồ-Đàm là sự chuyên-cần tu của một chân nhân, vì (sự chuyên-cần tu) đó ắt hẳn là của một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, có những thiên thần hay không?"

"Này Bhāradvāja, theo như ta biết trường hợp đó là có, rằng có những thiên thần."

"Nhưng, thưa Thầy Cồ-Đàm, là sao, khi ngài được hỏi 'Có những thiên thần hay không?', ngài trả lời 'Này Bhāradvāja, theo như ta biết trường hợp đó là có, rằng có những thiên thần'. Nếu nói như vậy, chẳng lẽ điều ngài nói là sáo rỗng và sai dối hay sao?"[1233]

"Này Bhāradvāja, khi một người được hỏi 'Có những thiên thần hay không?', người đó trả lời 'Có những thiên thần' hay 'Theo như tôi biết trường hợp đó là có, rằng có những thiên thần', thì một người có trí có thể rút ra kết luận chắc chắn (nhất định) rằng có những thiên thần."

"Nhưng tại sao Thầy Cồ-Đàm không trả lời tôi luôn bằng cách thứ nhất (Có những thiên thần)?"

"Này Bhāradvāja, điều đó đã được chấp nhận khắp thế gian rằng có những thiên thần."

Sau khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Sangārava đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa

Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(III) QUYỂN 3:

39. (MN 105) KINH SUNAKKHATTA
(*Sunakkhatta Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Hội Trường Mái Nhọn.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng (tức thánh quả bậc A-la-hán) trước mặt đức Thế Tôn như vầy: "Chúng con hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa."

3. Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi,[1234] đã nghe được: "Dường như, một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn như vầy: 'Chúng con hiểu rằng: Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'" Rồi Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

4. "Thưa Thế Tôn, con đã nghe rằng một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn. Như vậy họ đã nói một cách đúng đắn hay có Tỳ kheo nào ở đây đã tự đánh giá quá cao về mình?"

5. "Này Sunakkhatta, khi những Tỳ kheo đó tuyên bố trí-biết cuối cùng trước mặt ta, có một số Tỳ kheo đã tuyên bố trí-biết cuối cùng một cách đúng đắn, và có mấy Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng do họ tự đánh giá quá cao về mình.[1235] Trong đó, khi những Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng một cách đúng đắn, thì sự tuyên bố của họ là đúng thực. Nhưng khi những Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng do họ tự đánh giá quá cao về mình, thì Như Lai nghĩ rằng: 'Ta nên chỉ dạy cho họ Giáo Pháp.'[1236] Như vậy đó, này Sunakkhatta, trong trường hợp này Như Lai nghĩ: 'Ta nên chỉ dạy cho họ Giáo Pháp.' Nhưng có mấy người lầm lạc ở đây hình

thành một nghi vấn, đến gặp Như Lai, và đặt câu hỏi. Trong trường hợp đó, này Sunakkhatta, mặc dù Như Lai đã nghĩ rằng: 'Ta nên chỉ dạy cho họ Giáo Pháp', nhưng Như Lai đã đổi ý."[1237]

6. "Thưa đức Thế Tôn, giờ là lúc, thưa bậc Phúc Lành, giờ là lúc để đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó."

"Được rồi, này Sunakkhatta, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

7. "Này Sunakkhatta, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh … Những mùi-hương … Những mùi-vị … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục.

8. (1) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây còn chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục (dục lạc).[1238] Khi một người chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục, chỉ có sự nói chuyện về những thứ đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo những thứ đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về "sự bất-động" (cao hơn) đang diễn ra, người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

9. "Này Sunakkhatta, ví dụ có một người đã đi khỏi ngôi làng [hay thị trấn] của mình đã lâu, và anh ta gặp một người vừa mới bỏ đi khỏi ngôi làng [hay thị trấn] đó. Anh ta hỏi thăm người đó rằng những người trong

làng có an toàn, làm ăn phát đạt, và khỏe mạnh hay không, và người đó trả lời anh ta rằng những người trong làng có an toàn, làm phát đạt, và khỏe mạnh hay không. Thầy nghĩ sao, này Sunakkhatta? Liệu anh ta có lắng nghe người đó, để tai lắng nghe, và cố dụng tâm để hiểu hay không?"—"Có, thưa Thế Tôn"—"Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, có thể có một số người ở đây còn chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục. Khi một người chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục … và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối đó. Người đó nên được coi là một người chủ tâm vào những thứ vật chất thế tục. (*Người toàn tục*)

10. (2) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm vào "sự bất-động".[1239] Khi một người chủ tâm vào sự bất-động, chỉ có sự nói chuyện về những trạng thái này mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo những trạng thái này, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về những thứ vật chất thế tục (thấp hơn), người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

11. "Giống như một chiếc lá vàng đã rụng khỏi cuống thì không thể nào xanh được lại. Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm vào sự bất-động là người đó đã rũ bỏ những thứ vật chất thế tục là gông-cùm. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi những thứ vật chất thế tục là gông-cùm, là người chủ tâm vào "sự bất-động". (*Người tu tiên*)

12. (3) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm vào vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]. Khi một người chủ tâm vào vô sở hữu xứ, chỉ có sự nói chuyện về cảnh xứ đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo cảnh xứ đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về "sự bất-động" (thấp hơn) đang

diễn ra, người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

13. "Giống như một cục đá lớn đã bể ra làm đôi thì không thể nào kết nối lại được. Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm vào vô sở hữu xứ là người đó đã phá bỏ sự kết nối của mình với sự bất-động. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi sự kết nối của mình đối với sự bất-động, là người chủ tâm vào vô sở hữu xứ. (*Người tu tiên*)

14. (4) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Khi một người chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ, chỉ có sự nói chuyện về cảnh xứ đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự ngẫm nghĩ đều dính theo cảnh xứ đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về vô sở hữu xứ (thấp hơn) đang diễn ra, người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó không giao lưu với loại người như vầy, và người đó không tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy.

15. "Ví dụ một người đã ăn thức ăn ngon và ói nó ra. Thầy nghĩ sao, này Sunakkhatta? Liệu người đó có còn muốn ăn lại chỗ thức ăn đó không? — "Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chỗ thức ăn đó được coi là ghê tởm."—"Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ là người đó đã phá bỏ sự kết nối của mình với sự bất-động. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi sự kết nối của mình với sự bất-động, là người chủ tâm vào phi tưởng phi phi tưởng xứ. (*Người tu tiên*)

16. (5) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn. Khi một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn, chỉ có sự nói chuyện về trạng thái đó mới làm người đó hứng thú, và sự suy nghĩ và sự

ngẫm nghĩ đều dính theo trạng thái đó, và người đó giao lưu với loại người như vậy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vậy. Nhưng khi cuộc nói chuyện về phi tưởng phi phi tưởng xứ (thấp hơn), người đó không lắng nghe, không để tai lắng nghe, không cố dụng tâm để hiểu nó. Người đó giao lưu với loại người như vầy, và người đó tìm thấy sự thỏa-thích trong đường lối như vầy

17. "Giống như một cây cọ có phần thân trên bị chặt đứt thì không thể nào mọc lên nữa. Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, khi một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn là người đó đã chặt đứt sự nối kết của mình với phi tưởng phi phi tưởng xứ—đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó nên được coi là một người đã tách-ly khỏi sự kết nối của mình với phi tưởng phi phi tưởng xứ, là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn. (*Người tu giải thoát*)

18. (6) "Này Sunakkhatta, có thể có người ở đây nghĩ như vầy: 'Dục-vọng đã được bậc Sa-Môn [tức Phật] gọi là mũi tên (độc);[1240] tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.' Vì người đó nhìn nhận bản thân mình như vậy, nên mặc dù trái với sự thật,[1241] người đó có thể theo đuổi những thứ không phù hợp đối với 'một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn'. Người đó có thể bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp, bằng tai theo đuổi những âm-thanh không phù hợp, bằng mũi theo đuổi những mùi-hương không phù hợp, bằng lưỡi theo đuổi những mùi-vị không phù hợp, bằng thân theo đuổi những thứ hữu-hình chạm xúc không phù hợp, hoặc bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp. Khi người đó bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp … bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp, thì nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó sẽ gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

19. "Này Sunakkhatta, ví dụ một người bị đâm bằng một mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng đưa đến một bác sĩ. Bác sĩ dùng dao cắt xung quanh miệng vết thương, dùng que dò để thăm dò, nhổ mũi tên ra, và loại bỏ tính chất độc hại, *nhưng còn* sót lại chút ít. Do nghĩ không còn sót lại dấu vết nào[1242] nên vị bác sĩ nói: 'Này người tốt, mũi tên đã được nhổ ra khỏi anh; tính chất độc hại đã được loại bỏ không còn sót lại dấu vết nào, và nó không còn khả năng làm hại anh nữa. Chỉ ăn thức ăn phù hợp; đừng ăn thức ăn hay thứ gì không phù hợp làm vết thương mưng mủ. Đôi khi rửa sạch vết thương và đôi khi bôi thuốc lên miệng vết thương, nhờ đó mủ và máu không mưng phủ miệng vết thương. Đừng đi ngoài gió và nắng, bụi và dơ có thể làm nhiễm trùng miệng vết thương. Này người tốt, hãy chăm sóc vết thương của mình, và theo dõi nó để nó lành.'

20. "Người đó nghĩ: 'Mũi tên đã được nhổ ra khỏi ta; tính chất độc hại đã được loại bỏ không còn sót lại dấu vết nào, và nó không còn khả năng làm hại ta nữa.' Người đó ăn thức ăn không phù hợp, và vết thương mưng mủ. Người đó không đôi khi rửa sạch vết thương, không đôi khi bôi thuốc lên miệng vết thương, và mủ và máu mưng phủ miệng vết thương. Người đó đi ngoài gió và nắng, và bụi và dơ làm nhiễm trùng miệng vết thương. Người đó không chăm sóc vết thương của mình, cũng không theo dõi nó để nó lành. Rồi, bởi do (cả hai nguyên nhân là) người đó làm những điều không phù hợp và trước đó khi loại bỏ chất độc vẫn còn sót lại chút ít, nên vết thương đã sưng phồng lên, và với sự sưng phồng của vết thương, người đó gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

21. "Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, có thể có Tỳ kheo ở đây nghĩ như vầy: 'Dục-vọng đã được bậc Sa-Môn gọi là mũi tên (độc); tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.' Vì người đó nhìn nhận bản thân mình như vậy, nên mặc dù trái với sự thật, người đó có thể theo đuổi những thứ không phù hợp đối với 'một người chủ tâm hoàn

toàn vào Niết-bàn' … [*giống mục 18 ở trên*] … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó sẽ gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

22. "Này Sunakkhatta, bởi vì theo Giới Luật của Thánh Nhân đó là một sự chết chóc khi một người bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục; và đó là sự khổ đau như chết khi một người vi phạm loại tội ô-nhiễm.[1243]

23. (7) "Này Sunakkhatta, có thể có Tỳ kheo ở đây nghĩ như vầy: 'Dục-vọng đã được bậc Sa-Môn gọi là mũi tên (độc); tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.' Là một người đích thực chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn, thì người đó sẽ không theo đuổi những thứ không phù hợp đối với 'một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn'. Người đó sẽ không bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp, không bằng tai theo đuổi những âm-thanh không phù hợp, không bằng mũi theo đuổi những mùi-hương không phù hợp, không bằng lưỡi theo đuổi những mùi-vị không phù hợp, không bằng thân theo đuổi những thứ hữu-hình chạm xúc không phù hợp, và không bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp. Khi người đó không bằng mắt theo đuổi những hình-sắc không phù hợp … không bằng tâm theo đuổi những đối-tượng của tâm không phù hợp, thì nhục-dục sẽ không xâm chiếm tâm người đó. Vì tâm người đó không bị xâm chiếm bởi nhục-dục, nên người đó không gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

24. "Này Sunakkhatta, ví dụ một người bị đâm bằng một mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng đưa đến một bác sĩ. Bác sĩ dùng dao cắt xung quanh miệng vết thương, dùng que dò để thăm dò, nhổ mũi tên ra, và loại bỏ tính chất độc hại, và *không còn sót lại dấu vết nào*. Do nghĩ không còn sót lại dấu vết nào nên vị bác sĩ nói … [*tiếp tục như lời kinh còn lại như mục 19 ở trên*] … Này người tốt, hãy chăm sóc vết thương của mình, và theo dõi nó để nó lành.'

25. "Người đó nghĩ: 'Mũi tên đã được nhổ ra khỏi ta; tính chất độc hại

đã được loại bỏ không còn sót lại dấu vết nào, và nó không còn khả năng làm hại ta nữa.' Người đó chỉ ăn thức ăn phù hợp, và vết thương sẽ không bị mưng mủ. Người đó đôi khi rửa sạch vết thương, đôi khi bôi thuốc lên miệng vết thương, và mủ và máu sẽ không mưng phủ miệng vết thương. Người đó không đi ngoài gió và nắng, và sẽ không có bụi và dơ làm nhiễm trùng vết miệng vết thương. Người đó chăm sóc vết thương của mình, và theo dõi nó để nó lành. Rồi, bởi nhờ (cả hai nguyên nhân là) người đó làm những điều phù hợp và trước đó loại bỏ chất độc đã không còn sót lại dấu vết nào, nên vết thương sẽ lành, và vì nó đã lành và đã liền da, nên người đó không gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

26. "Cũng giống như vậy, này Sunakkhatta, có thể có Tỳ kheo ở đây nghĩ như vầy: 'Dục-vọng đã được bậc Sa-Môn gọi là mũi tên (độc); tính chất độc hại của vô-minh được lây nhiễm bởi tham-muốn, nhục-dục, và sự ác-ý. Mũi tên dục-vọng đó đã được gỡ bỏ khỏi tôi; tính chất độc hại đó đã bị xua tan. Tôi là người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn.' Là một người đích thực chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn, thì người đó sẽ không theo đuổi những thứ không phù hợp đối với 'một người chủ tâm hoàn toàn vào Niết-bàn' … [*tiếp tục như mục 23 ở trên*] … Vì tâm người đó không bị xâm chiếm bởi nhục-dục, nên người đó không gặp phải chết chóc hoặc khổ đau như chết.

27. "Này Sunakkhatta, ta đã đưa ra ví dụ này để truyền tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: 'Vết thương' là chữ chỉ sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ). 'Tính chất độc hại' là chữ chỉ sự vô-minh. 'Mũi tên độc' là chữ chỉ dục-vọng (ái). 'Que dò' là chữ chỉ sự chánh-niệm. 'Con dao' là chữ chỉ trí-tuệ thánh thiện. 'Vị bác sĩ' là chữ chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

28. "Này Sunakkhatta, vị Tỳ kheo đó là người tu tập sự kiềm-chế trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu căn). Sau khi đã hiểu được sự thu-nạp (sanh y) là gốc rễ của sự khổ, sau khi đã không còn sự thu-nạp (vô sanh y), người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y),[1244] thì không thể nào người đó còn hướng thân mình hay khởi tâm mình tới bất

kỳ sự thu-nạp nào nữa.

29. "Này Sunakkhatta, ví dụ có một cái ly bằng đồng đựng thức uống có màu, mùi, và vị ngon, nhưng có trộn chất độc, và một người đến muốn sống, không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ.[1245] Anh nghĩ sao, này Sunakkhatta, liệu người đó có uống ly nước đó, sau khi biết rằng: 'Nếu tôi uống tôi sẽ gặp phải sự chết chóc hoặc khổ đau như chết', hay không?"—"Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó là người tu tập sự kiềm-chế trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu căn). Sau khi đã hiểu được sự thu-nạp (sanh y) là gốc rễ của sự khổ, sau khi đã không còn sự thu-nạp (vô sanh y), người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y), thì không thể nào người đó còn hướng thân mình hay khởi tâm mình tới bất kỳ sự thu-nạp nào nữa.

30. "Này Sunakkhatta, ví dụ có một con rắn độc chết người, và một người đến muốn sống, không muốn chết, là người muốn sướng và tránh khổ. Anh nghĩ sao, này Sunakkhatta, liệu người đó có đưa tay hay ngón tay cho con rắn độc chết người đó, sau khi biết rằng: 'Nếu tôi bị nó cắn, tôi sẽ gặp phải sự chết chóc hoặc khổ đau như chết', hay không?"—"Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó là người tu tập sự kiềm-chế trong sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu căn). Sau khi đã hiểu được sự thu-nạp (sanh y) là gốc rễ của sự khổ, sau khi đã không còn sự thu-nạp (vô sanh y), người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y), thì không thể nào người đó còn hướng thân mình hay khởi tâm mình tới bất kỳ sự thu-nạp nào nữa."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

40. (MN 107) KINH GAṆAKA MOGGALLĀNA

(*Gaṇakamoggallāna Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra. Lúc đó có bà-la-môn tên Gaṇaka Moggallāna [Kế toán Mục-kiền-liên] đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

2. "Thầy Cồ-Đàm, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra này có thể nhìn thấy sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần, đó là, cho tới tận bậc cuối cùng của cầu thang.[1246] Trong giới những bà-la-môn cũng vậy, có thể nhìn thấy sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần, đó là về sự học-hỏi (nghiên cứu). Trong giới những cung thủ cũng vậy, có thể nhìn thấy sự luyện tập tiến dần … đó là về sự bắn-cung. Và trong số những kế toán[1247] giống chúng tôi đây, là người kiếm sống bằng nghề kế toán, có thể nhìn thấy sự luyện tập … đó là về nghề kế-toán. Bởi vì khi chúng tôi có người học việc trước tiên chúng tôi bắt anh ta đếm: một lần một, hai lần hai, ba lần ba, bốn lần bốn, năm lần năm, sáu lần sáu, bảy lần bảy, tám lần tám, chín lần chín, mười lần mười; và chúng tôi cũng bắt anh ta đếm một trăm. Giờ, thưa Thầy Cồ-Đàm, có thể mô tả sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần trong Giáo Pháp và Giới Luật này, hay không?"

3. "Này bà-la-môn, có thể mô tả sự luyện tập tiến dần, sự tu tập tiến dần, và sự tiến bộ tiến dần trong Giáo Pháp và Giới Luật này. Này bà-la-môn, giống như một người huấn luyện ngựa khôn ngoan có được một con ngựa non thuần chủng tốt đẹp, trước tiên người đó bắt con ngựa làm quen với việc mang hàm thiết (để xỏ dây cương), và sau đó huấn luyện nó thêm nữa.[1248]

[1] "Cũng giống như vậy khi Như Lai có một người cần được thuần hóa, trước tiên Như Lai kỷ cương (huấn luyện) người đó như vầy: 'Này

Tỳ kheo, hãy có giới-hạnh, hãy được kiềm chế bằng sự kiềm chế của Pātimokkha (giới bổn Tỳ kheo), hoàn thiện về đức-hạnh và nơi nương-tựa, và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành.'

4. [2] "Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó có giới-hạnh … và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành, thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng chung và tướng riêng) của chúng. Bởi vì nếu thầy để cho căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham [thèm muốn] và ưu [buồn bực] sẽ xâm chiếm (tâm) thầy, hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm nhận việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của chúng. Bởi vì nếu thầy để cho căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham và ưu sẽ xâm chiếm (tâm) thầy, hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-tâm, đảm nhận việc kiềm chế căn-tâm.'

5. [3] "Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan), thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy tiết độ trong ăn uống. Sau khi suy xét một cách khôn khéo, thầy nên sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'"

6. [4] "Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó giữ tiết độ trong ăn uống, thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy hết mình vì sự tỉnh-thức. Trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) thầy nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại.'

7. [5] "Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó hết mình vì sự tỉnh-thức, Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa: 'Này Tỳ kheo, hãy có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác, luôn ý thức, thường biết). Hãy hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tới hay đang đi lại; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hay đang nhìn ngang; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co hay đang duỗi chân tay; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc đồ và khi đang mang theo cà sa và bình bát; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang tiểu tiện và đang đại tiện; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang giữ im lặng.'

8. [6] "Này bà-la-môn, sau khi Tỳ kheo đó có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn, thì Như Lai sẽ kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.'

9. [7] "Tỳ kheo đó lui về một nơi trú ở tách-ly … chỗ đống rơm. Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân

chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (*i*) sự ***thèm-muốn*** (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*ii*) sự ***ác-ý và sân-giận*** (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*iii*) *sự* ***đờ-đẫn*** và ***buồn-ngủ*** (hôn trầm thụy miên) người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*iv*) sự ***bất-an và hối-tiếc*** (trạo cử hối quá) người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc.

"Sau khi đã dẹp bỏ (*v*) sự ***nghi-ngờ*** (nghi) người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

10. [8] "Sau khi đã dẹp bỏ ***năm chướng-ngại*** như vậy, đó là những ô-nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục-lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'.

(2) "Lại nữa: (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.'.

(3) "Lại nữa: (iii) 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".'

(4) "Lại nữa: (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'

11. "Này bà-la-môn, đây là chỉ thị của ta dành cho những Tỳ kheo là những người còn đang trong thời tu-học bậc cao (những học-nhân) khi tâm của họ chưa đạt tới mục-tiêu, họ sống khát nguyện đạt tới 'sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc'. Nhưng những điều (bước tu) này cũng đưa đến *sự an trú* hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] và đưa đến cả sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác) cho những Tỳ kheo là những A-la-hán đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã hủy diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng."[1249]

12. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kế toán Mục-kiền-liên đã hỏi đức Thế Tôn: "Sau khi những đệ tử của Thầy Cồ-Đàm được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi Thầy Cồ-Đàm, có phải tất cả họ đều đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, hay chỉ một số họ đạt tới đó?"

"Này bà-la-môn, sau khi những đệ tử của ta được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi ta, một số họ đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, và một số khác không đạt tới đó."

13. "Thầy Cồ-Đàm, vì Niết-bàn là có và con-đường (đạo) dẫn tới Niết-bàn là có và Thầy Cồ-Đàm cũng có mặt là người chỉ-dẫn, vậy cái gì là

nguyên nhân và lý do tại sao, sau khi những đệ tử của Thầy Cồ-Đàm được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi Thầy Cồ-Đàm, chỉ một số họ đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, và một số khác không đạt tới đó?"

14. "Này bà-la-môn, khi nói về điều đó, để ta hỏi lại chú một câu hỏi. Cứ trả lời theo ý chú. Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? Chú có quen thuộc đường đi dẫn tới thành Rājagaha (Vương Xá) hay không?"

"Có, Thầy Cồ-Đàm, tôi quen thuộc đường đi dẫn tới Rājagaha."

"Này bà-la-môn, chú nghĩ sao? (i) Ví dụ có một người đến muốn đi tới Rājagaha, và anh ta đến gặp chú để hỏi: 'Thưa ngài, tôi muốn đi đến Rājagaha. Xin chỉ giùm tôi đường đi đến Rājagaha.' Rồi chú nói với anh ta: 'Giờ, này người tốt, đường này dẫn tới Rājagaha. Hãy đi một lúc anh sẽ thấy một khu làng, đi chút nữa anh sẽ thấy một thị trấn, đi chút nữa anh sẽ thấy thành Rājagaha với những công viên, vườn cây, bãi cỏ, và ao hồ.' Rồi, sau khi được khuyên bảo và chỉ dẫn như vậy bởi chú, anh ta lại đi sai đường và đi về hướng tây. (ii) Rồi có người thứ hai đến cũng muốn đi tới Rājagaha … (*cũng gặp nhờ chỉ đường, và cũng được chỉ dẫn y như vậy*) … Rồi, sau khi được khuyên bảo và chỉ dẫn như vậy bởi chú, người đó đi đúng đường đến được Rājagaha một cách an toàn. Giờ, này bà-la-môn, vì Rājagaha là có và con-đường dẫn tới Rājagaha là có và chú cũng có mặt là một người chỉ-dẫn, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, sau khi những người đó đã được khuyên bảo và chỉ dẫn bởi chú như vậy, một người đi sai đường và đi về hướng tây, còn một người đi đúng đường đến được Rājagaha một cách an toàn?"

"Tôi biết làm sao bây giờ, này Thầy Cồ-Đàm? Tôi chỉ là người chỉ đường."

"Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, Niết-bàn là có và con-đường (đạo) dẫn tới Niết-bàn là có và ta cũng có mặt là người chỉ-dẫn. Nhưng sau khi những đệ tử của ta đã được khuyên dạy và chỉ dẫn như vậy bởi ta, một số họ đạt tới Niết-bàn, mục-tiêu rốt ráo, và một số họ không đạt tới

đó. Ta biết làm gì bây giờ, này bà-la-môn? Như Lai chỉ là người chỉ đường."[1250]

15. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Kế Toán Mục-kiền-liên đã nói với đức Thế Tôn:[1251] "Có những người không có niềm-tin và đã xuất gia tu hành không phải vì niềm-tin mà để mưu sinh kiếm sống, họ là những người giả dối, lừa gạt, tội lỗi, kiêu căng, rỗng tuếch, bản thân vô vọng, miệng lưỡi thô lỗ, nói năng tứ tung; không phòng-hộ các căn cảm-nhận, không tiết độ trong ăn uống, không hết mình vì sự tỉnh-thức, không quan tâm tới đời sống tu sĩ (đời sa-môn, sự tu hành), không thực sự tôn trọng sự tu-tập, sống xa xỉ, bất cẩn, là những người dẫn đầu về sự sa-sút, lơ là sự sống tách-ly lánh trần, lười biếng, thiếu hụt sự nỗ-lực (tinh tấn), không có chánh-niệm, không tỉnh-giác đầy đủ, không định-tâm, với những cái tâm lăng xăng, không có trí-tuệ, là những người vớ vẩn. Thầy Cồ-Đàm không sống với những người này.

"Nhưng có những người họ tộc đã xuất gia tu hành vì niềm-tin, là những người *không* giả dối, lừa gạt, tội lỗi, kiêu căng, rỗng tuếch, bản thân vô vọng, miệng lưỡi thô lỗ, nói năng tứ tung; biết phòng-hộ các căn cảm-nhận, tiết độ trong ăn uống, luôn hết mình vì sự tỉnh-thức, luôn để tâm đến đời sống tu sĩ (đời sa-môn, sự tu hành), thực sự tôn trọng sự tu-tập, không sống xa xỉ hay bất cẩn, là những người phòng tránh sự sa-sút, những người dẫn đầu trong sự sống tách-ly lánh trần, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), kiên định, được thiết lập trong sự chánh-niệm, tỉnh-giác hoàn toàn, đạt-định, với những cái tâm hợp-nhất, có được trí-tuệ, không phải là những người vớ vẩn. Thầy Cồ-Đàm sống với những người này.

16. "Giống như rễ cây cỏ cảnh tiên (diên vỹ) đen được cho là bậc nhất trong những rễ cây hương thơm và gỗ đàn hương đỏ được cho là bậc nhất trong những gỗ hương thơm và hoa lài được cho là bậc nhất trong những hoa hương thơm; cũng giống như vậy, lời khuyên dạy của Thầy Cồ-Đàm là cao nhất trong số những giáo lý của thời nay.[1252]

17. "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-

Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như bậc ấy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

41. (MN 108) KINH GOPAKA MOGGALLĀNA

(*Gopakamoggallāna Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã bát-niết-bàn [đã mất, niết-bàn cuối cùng].[1253]

2. Bấy giờ, vào lúc đó Vua A-xà-thế (Ajātasattu) Vedehiputta của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), do nghi ngờ về Vua Pajjota, nên đang cho củng cố thành Rājagaha.[1254]

3. Rồi, vào buổi sáng, thầy Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Rồi thầy Ānanda đã nghĩ: "Giờ còn quá sớm để đi khất thực trong thành Rājagaha. Hay ta đến gặp bà-la-môn Gopaka Moggallāna ở chỗ làm của ông ta."

4. Vậy là thầy Ānanda đã đến gặp bà-la-môn Gopaka Moggallāna ở chỗ làm của ông ta. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa và đã nói với thầy: "Nào, Thầy Ānanda! Xin chào đón, Thầy Ānanda! Đã lâu kể từ lúc Thầy Ānanda đã có cơ hội đến đây. Xin mời ngồi, Thầy Ānanda; chỗ ngồi đã sẵn sàng." Thầy Ānanda ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Ānanda:

5. "Thầy Ānanda, có một Tỳ kheo nào theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán [đã tu thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện]?"

"Này bà-la-môn, không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác. Bởi vì đức Thế Tôn là người phát khởi của con đường đạo chưa khởi sinh, người tạo ra con đường đạo chưa được tạo ra, người tuyên bố con đường đạo chưa được tuyên bố; bậc ấy là người biết

con đường đạo, người tìm ra con đường đạo, người thiện khéo về con đường đạo. Nhưng những đệ tử của bậc ấy giờ sống [đang an trú] theo con đường đạo đó và trở thành có-được con đường đạo đó sau đó."

6. Nhưng cuộc thảo luận này của thầy Ānanda và bà-la-môn Gopaka Moggallāna đã bị gián đoạn; bởi lúc đó có bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà,[1255] trong khi đang thị sát công trình ở thành Rājagaha, đã đến gặp thầy Ānanda ở chỗ làm của bà-la-môn Gopaka Moggallāna. Ông ta và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói: "Thầy Ānanda, các vị đang ngồi ở đây vì cuộc thảo luận gì? Và sự thảo luận của các vị đã bị làm gián đoạn là gì?"

"Này bà-la-môn, bà-la-môn Gopaka Moggallāna đã hỏi tôi: 'Thầy Ānanda, có một Tỳ kheo nào theo từng cách và mọi cách có được tất cả những phẩm-chất có được bởi Thầy Cồ-Đàm, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác?' Tôi đã trả lời cho bà-la-môn Gopaka Moggallāna rằng: 'Này bà-la-môn, không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác. Bởi vì đức Thế Tôn là người phát khởi của con đường đạo chưa khởi sinh … Nhưng những đệ tử của bậc ấy giờ sống [đang an trú] theo con đường đạo đó và trở thành có-được con đường đạo đó sau đó.' Đây là sự thảo luận đã bị gián đoạn khi ngài đến."

7. (1) "Thầy Ānanda, có Tỳ kheo nào đã được bổ nhiệm bởi Thầy Cồ-Đàm như vầy: 'Người đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi ta mất đi' và giờ các thầy có sự trông cậy vào người đó?"

"Này bà-la-môn, không có một Tỳ kheo nào được bổ nhiệm bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, như vầy: 'Người đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi ta mất đi' và giờ chúng tôi có sự trông cậy vào người đó."

8. (2) "Nhưng, Thầy Ānanda, có Tỳ kheo nào đã được chọn bởi Tăng Đoàn và được bổ nhiệm bởi một số Tỳ kheo trưởng lão như vầy: 'Người

đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi đức Thế Tôn mất đi' và giờ các thầy có sự trông cậy vào người đó?

"Này bà-la-môn, không có một Tỳ kheo nào được chọn bởi Tăng Đoàn và được bổ nhiệm bởi một số Tỳ kheo trưởng lão như vầy: 'Người đó sẽ là nơi nương-tựa của các thầy sau khi đức Thế Tôn mất đi' và giờ chúng tôi có sự trông cậy vào người đó."

9. (3) "Thầy Ānanda, nhưng nếu các thầy không có nơi nương-tựa, cái gì là nguyên nhân tạo ra sự hòa-hợp của các thầy?"

"Này bà-la-môn, chúng tôi không phải không có nơi nương-tựa. Chúng tôi có nơi-nương tựa; chúng tôi có Giáo Pháp là nơi nương-tựa của chúng tôi."

10. "Nhưng, Thầy Ānanda, khi thầy được hỏi … (*như (1) … (2) … (3) kế trên*) … thầy trả lời: 'Này bà-la-môn, chúng tôi không phải không có nơi nương-tựa. Chúng tôi có nơi-nương tựa; chúng tôi có Giáo Pháp là nơi nương-tựa của chúng tôi.' Giờ ý nghĩa của những câu trả lời này nên được hiểu ra sao, này Thầy Ānanda?"

"Này bà-la-môn, đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã chỉ định giáo trình tu-tập cho các Tỳ kheo và bậc ấy đã đặt ra Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo]. Vào ngày Bố-tát [*Uposatha*] hầu hết (mỗi nhóm người) chúng tôi đang sống nương nhờ trong mỗi khu làng sẽ họp gặp cùng nhau, và sau khi họp mặt, chúng tôi yêu cầu những ai biết về *Pātimokkha* thì tụng đọc (cho tất cả cùng nghe). Nếu một Tỳ kheo nào nhớ ra một tội lỗi hay một sự phạm tội trong khi Pātimokkha đang được tụng đọc, thì chúng tôi sẽ xử lý người đó người đó đúng theo Giáo Pháp theo cách chúng tôi đã được chỉ dạy (bởi Phật). Không phải những vị đáng kính nào xử lý chúng tôi; chính Giáo Pháp xử lý chúng tôi."[1256]

11. (4) "Thầy Ānanda, vậy hiện tại có một Tỳ kheo nào các thầy tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó, hay không?"

"Này bà-la-môn, hiện tại có một Tỳ kheo chúng tôi vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó."

12. "Nhưng, Thầy Ānanda, khi thầy được hỏi … (*như (1) … (2) … (3) … (4) kế trên*) … thầy trả lời: 'Này bà-la-môn, hiện tại có một Tỳ kheo chúng tôi vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó.' Giờ ý nghĩa của những câu trả lời này nên được hiểu ra sao, này Thầy Ānanda?"

13. "Này bà-la-môn, có 'mười phẩm-chất truyền cảm hứng cho sự tin-tưởng' đã được tuyên bố bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Khi những phẩm-chất này được thấy có trong người nào trong số chúng tôi, thì chúng tôi tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó. Mười đó là gì?

14. (1) "Ở đây, này bà-la-môn, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ lãnh những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng.

15. (2) "Người đó đã học-hiểu nhiều, và tích lũy nhiều điều mình đã học. Những giáo pháp đó tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh kiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã tra xét bằng tâm, và đã thiện khéo thâm nhập bằng chánh kiến.

16. (3) "Người đó biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

17. (4) "Người đó nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna; những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây

và bây giờ]'.

18. (5) "Người đó đạt được và vận dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; hiện hình và biến hình; đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành lũy, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahma.

19. (6) "Với yếu-tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó có thể nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần.

20. (7) "Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (tha tâm thông), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó hiểu được một cái tâm có tham (dục) là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một cái tâm có sân là tâm có sân, một tâm không có sân là tâm không có sân; một cái tâm có si là tâm có si, một tâm không có si là tâm không có si; một cái tâm thụ động [co lại] là tâm thụ động, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.

21. (8) "Người đó có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình, đó là, một lần sinh, hai lần sinh … [*tiếp tục như mục 24, kinh MN 51*] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

22. (9) "Với yếu tố mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), một Tỳ kheo có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phúc lành có và vô phúc có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh chết di và tái sinh tùy theo những nghiệp của mình.

23. (10) "Bằng sự tự mình chứng ngộ với trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận).

—"Này bà-la-môn, đây là 'mười phẩm-chất truyền cảm hứng cho sự tin-tưởng' đã được tuyên bố bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Khi những phẩm-chất này được thấy có trong người nào trong số chúng tôi, thì chúng tôi tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó, và sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó."

24. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, đã nói với Tướng Quân Upananda: "Ngài nghĩ sao, này tướng quân? Khi những vị đáng kính này tôn vinh một người nên được tôn vinh, tôn trọng một người nên được tôn trọng, kính trọng một người đáng được kính trọng, và tôn kính một người đáng được tôn kính, thì chắc chắn đúng họ tôn vinh người đáng được tôn vinh … tôn kính người đáng được tôn kính. Bởi vì nếu những vị đáng kính này mà không 'tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính một người như vậy, và không sống nương dựa vào người đó sau khi tôn vinh và tôn trọng người đó', thì còn ai để họ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, và ai để họ sống nương dựa vào sau khi đã tôn vinh và tôn trọng người đó?"

25. Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, đã nói với thầy Ānanda: "Giờ Thầy Ānanda đang sống ở đâu?"

"Này bà-la-môn, giờ tôi đang ở trong khu Rừng Tre."

"Thầy Ānanda, tôi hy vọng khu Rừng Tre là dễ chịu, yên tĩnh và không bị quấy nhiễu bởi tiếng nói, với không khí của sự tách-ly (ẩn dật), xa lánh khỏi người ta, đáng làm chỗ thiền tịnh."

"Đúng vậy, này bà-la-môn, khu Rừng Tre là dễ chịu … đáng làm chỗ thiền tịnh bởi vì nhờ có những vị bảo hộ bảo an như tể tướng đây."

"Đúng vậy, này Thầy Ānanda, khu Rừng Tre là dễ chịu … đáng làm chỗ thiền tịnh bởi vì có những bậc đáng kính là những thiền giả và đang tu thiền. Những bậc đáng kính là những thiền giả và đang tu thiền. Này Thầy Ānanda, trong một lần Thầy Cồ-Đàm đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Sảnh Đường Mái Nhọn, trong khu Rừng Lớn. Rồi tôi đã đến đó và gặp Thầy Cồ-Đàm, và theo nhiều cách Thầy Cồ-Đàm đã ban cho tôi một bài giảng dạy về thiền tập. Thầy Cồ-Đàm là một thiền giả và đã tu thiền, và bậc ấy đề cao tất cả mọi loại thiền."

26. "Này bà-la-môn, thực ra đức Thế Tôn không đề cao tất cả mọi loại thiền, cũng không bài bác tất cả mọi loại thiền. Loại thiền nào đức Thế Tôn không đề cao? Ở đây, này bà-la-môn, có người sống với một cái tâm bị ám muội bởi (i) tham-dục (tham), là con mồi của tham-dục, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi tham-dục đã khởi sinh, đúng như nó thực là. Trong khi người đó chấp chứa tham-dục ở bên trong, người đó thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai.[1257] Người đó sống với một cái tâm bị ám muội bởi (ii) sự ác-ý (sân), là con mồi của sự ác-ý … với một cái tâm bị ám muội bởi (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), là con mồi của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … với một cái tâm bị ám muội bởi (iv) sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), là con mồi bởi sự bất-an và hối-tiếc … với một cái tâm bị ám muội bởi (v) sự nghi-ngờ (nghi), là con mồi của sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh, đúng như nó thực là. Trong khi người đó chấp chứa sự nghi-ngờ ở bên trong, người đó thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai. Đức Thế Tôn không đề cao loại thiền đó.

27. "Và loại thiền nào đức Thế Tôn đã đề cao? Ở đây, này bà-la-môn: (i)

'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Đức Thế Tôn đã đề cao loại thiền này."

28. "Thầy Ānanda, có lẽ đúng Thầy Cồ-Đàm đã bài bác loại thiền nên được bài bác và đề cao loại thiền nên được đề cao. Và giờ, Thầy Ānanda, chúng tôi đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm."

"Này bà-la-môn, ngài cứ tùy tiện mà đi."

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của Thầy Ānanda, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

29. Rồi, không lâu sau khi vị tể tướng đã đi, bà-la-môn Gopaka Moggallāna đã nói với thầy Ānanda: "Thầy Ānanda chưa trả lời câu hỏi chúng tôi đã hỏi."

"Này bà-la-môn, bộ tôi đã chưa nói với chú hay sao, rằng: 'Này bà-la-môn, không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác. Bởi vì đức Thế Tôn là người phát khởi của con đường đạo chưa khởi sinh, người tạo ra con đường đạo chưa được tạo ra, người tuyên bố con đường đạo chưa được tuyên bố; bậc ấy là người biết con đường đạo, người tìm ra con đường đạo, người thiện khéo về con đường đạo. Nhưng những đệ tử của bậc ấy giờ sống [đang an trú] theo con đường đạo đó và trở thành có-được con đường đạo đó sau đó.'?"

42. (MN 114) KINH TU DƯỠNG VÀ KHÔNG TU DƯỠNG

(*Sevitabbāsevitabba Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng về những điều nên được tu dưỡng và những điều không nên tu dưỡng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Lời giảng thứ nhất)

3. "Này các Tỳ kheo,[1258] hành vi thân (thân hành) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi thân là loại này hoặc loại kia (tức mỗi loại này là một loại hành vi riêng biệt, loại này không thể là loại kia)./[1259] Hành vi lời-nói (khẩu hành) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi lời-nói là loại này hoặc loại kia./ Hành vi tâm (ý hành) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi tâm là loại này hoặc loại kia./ Khuynh-hướng của tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và khuynh-hướng của tâm là loại này hoặc loại kia./ Sự thu nạp nhận-thức (tưởng sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp nhận-thức là loại này hoặc loại kia./ Sự thu nạp quan-điểm (kiến sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp quan-điểm là loại này hoặc loại kia./ Sự thu nạp cá-tính (ngã tánh sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp cá-tính là loại này hoặc loại kia."

(Phân giải chi tiết)

4. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vầy:

5. [1] ["'Này các Tỳ kheo, hành vi thân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi thân là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, hành vi thân nào gây ra bất thiện tăng [những trạng thái bất thiện gia tăng] và thiện giảm [những trạng thái thiện gia giảm] trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng hành vi thân nào làm cho bất thiện giảm [những trạng thái bất thiện gia giảm] và thiện tăng [những trạng thái thiện gia tăng] trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và loại hành vi thân nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. (ii) Người đó gian-cắp; lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (iii) Người đó tà-dâm tà dục; người có quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. (*giống mục 8, kinh MN 41*). Hành vi thân như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó.

(b) "Và hành vi thân nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi-mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (iii) Sau

khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ; phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và cả những người phụ nữ đã đính hôn. (*giống mục 12, kinh MN 41*). Hành vi thân như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, hành vi thân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi thân là loại này hoặc loại kia.'

6. [2] ["'Này các Tỳ kheo, hành vi lời-nói có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi lời-nói là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, hành vi lời-nói nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng hành vi lời-nói nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và hành vi lời-nói nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi biết', hoặc có biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi không biết'; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi không nhìn thấy'; người nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (ii) Người đó nói lời ma-mãnh; người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những

sự chia rẽ, kẻ thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (iii) Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, bộc lộ sự sân-giận, không dẫn tới sự tập-trung (định tâm). (iv) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói phù phiếm chẳng sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không thích hợp người đó nói những lời không đáng nói, không hữu lý, không chừng mực, và không ích lợi. (*giống mục 9, kinh MN 41*). Hành vi lời-nói như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó.

(b) "Và loại hành vi lời-nói nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, người đó nói 'Tôi không biết', hoặc có biết, người đó nói 'Tôi biết'; không nhìn thấy, người đó nói 'Tôi không nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, người đó nói 'Tôi có nhìn thấy'; người không nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (ii) Sau khi dẹp bỏ lời nói ma-mãnh, người đó kiêng cữ lời nói ma-mãnh; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (iii) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (iv) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc,

người đó kiêng cữ sự nói lời lời nói tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc thích hợp, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. (*giống mục 13, kinh MN 41*). Hành vi lời-nói như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, hành vi lời-nói có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi lời-nói là loại này hoặc loại kia.'

7. [3] ["'Này các Tỳ kheo, hành vi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi tâm là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, hành vi tâm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng hành vi lời-nói nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và hành vi tâm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây người thèm-muốn (tham). Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (ii) Hoặc người đó có một cái tâm ác-ý (sân, ác) và những ý-định thù ghét như vầy: 'Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!' (*giống đoạn (1)-(2) mục 10, kinh MN 41*). Hành vi tâm như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó.

(b) "Và hành vi tâm nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây, có người không thèm-muốn (không tham); người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác với ý như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (ii) Tâm của người đó không có sự ác-ý (không sân, không ác), và người đó có những ý-định phi thù phi

ghét như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh không còn thù hận, khổ đau và lo âu! Cầu cho họ sống hạnh phúc!' (*giống đoạn (1)-(2) mục 14, kinh MN 41*). Hành vi tâm như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, hành vi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và hành vi tâm là loại này hoặc loại kia.'[1260]

8. [4] ["'Khuynh-hướng của tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và khuynh-hướng của tâm là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, khuynh-hướng nào của tâm gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng khuynh-hướng nào của tâm làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và loại khuynh-hướng nào của tâm gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người thèm-khát (tham) và sống với tâm của mình thấm đầy sự thèm-khát; (ii) người đó có sự ác-ý (sân) và sống với tâm của mình thấm đầy sự ác-ý; (iii) người đó hung-dữ (bạo, ác) và sống với tâm của mình thấm đầy sự hung-dữ.[1261] Khuynh-hướng của tâm như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó.

(b) "Và loại khuynh-hướng nào của tâm làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người không thèm-khát (không tham) và sống với tâm của mình lìa xa sự thèm-muốn; (ii) người đó không có sự ác-ý (không sân) và sống với tâm của mình lìa xa sự ác-ý; (iii) người đó không hung-dữ và sống với tâm của mình lìa xa sự hung-dữ. Khuynh-hướng của tâm như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, khuynh-hướng của tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và khuynh-hướng của tâm là loại này hoặc loại kia.'

9. [5] ["'Sự thu nạp nhận-thức (tưởng sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp nhận-thức là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, sự thu nạp nhận-thức nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng sự thu nạp nhận-thức nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và loại sự thu nạp nhận-thức nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người thèm-muốn (tham) và sống với nhận-thức của mình thấm đầy sự thèm-muốn; (ii) người đó có sự ác-ý và sống với nhận-thức của mình thấm đầy sự ác-ý; (iii) người đó hung-dữ và sống với tâm mình thấm đầy sự hung-dữ. Sự thu nạp nhận-thức như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó.

(b) "Và loại sự thu nạp nhận-thức nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người không thèm-muốn (không tham) và sống với nhận-thức của mình lìa xa sự thèm-muốn; (ii) người đó không có sự ác-ý (không sân) và sống với nhận-thức của mình lìa xa sự ác-ý; (iii) người đó không hung-dữ (không bạo không ác) và sống với tâm mình lìa xa sự hung-dữ. Sự thu nạp nhận-thức như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, sự thu nạp nhận-thức có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp nhận-thức là loại này hoặc loại kia.'

10. [6] ["'Sự thu nạp quan-điểm (kiến sanh y) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp quan-điểm là loại này hoặc loại kia.' Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, sự thu nạp quan-điểm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng sự thu nạp quan-điểm nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và loại sự thu nạp quan-điểm nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người nắm giữ một quan-điểm (tà kiến) như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Sự thu nạp quan-điểm như vậy gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó.

(b) "Và loại sự thu nạp quan-điểm nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Ở đây có người nắm giữ một quan-điểm (chánh kiến) như vầy: (i) (đối với người đó) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho

những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Sự thu nạp quan-điểm như vậy làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, sự thu nạp quan-điểm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp quan-điểm là loại này hoặc loại kia.'

11. [7] ["'Sự thu nạp cá-tính (ngã tánh sanh y) có hai loại, ta nói:[1262] nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp cá-tính là loại này hoặc loại kia.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, sự thu nạp cá-tính nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng sự thu nạp cá-tính nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

(a) "Và loại sự thu nạp cá-tính nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó? (i) Khi một người khởi tạo một 'sự thu nạp cá-tính còn dính (sẽ bị, nối kết, câu hữu) khổ đau' thì gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người đó, ngăn cản người đó đạt tới sự kết-cuộc.[1263]

(b) "Và loại sự thu nạp cá-tính nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó? (i) Khi một người khởi tạo một 'sự thu nạp cá-tính không còn dính (hết bị, không nối kết, không câu hữu) khổ đau' thì làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người đó, làm cho người đó có khả năng đạt tới sự kết-cuộc.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, sự thu nạp cá-tính có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng. Và sự thu nạp cá-tính là loại này hoặc loại kia.'

12. "Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy."

(Phật chấp thuận và lặp lại)

13. "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của ta mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.

14.–20. [*Trong phần này Đức Phật lặp lại nguyên văn từ mục 5–11, chỉ thay những chữ xưng hô cần thiết như thay chữ* "thưa Thế Tôn" *bằng chữ* "Này Xá-lợi-phất" *và chữ* "bởi đức Thế Tôn" *bằng chữ* "bởi ta".]

21. "Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt nên được coi là như vậy.

(Lời giảng thứ hai)

22. "Này Xá-lợi-phất, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt nhận biết được bởi mắt có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./[1264] Những âm-thanh được nhận biết bởi tai có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng."

(Phân giải chi tiết)

23. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vầy:

24. [1] ["'Này Xá-lợi-phất, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt nhận biết được bởi mắt có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, những hình-sắc nào được nhận biết bởi mắt gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Những hình-sắc nào được nhận biết bởi mắt làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, những hình-sắc được nhận biết bởi mắt có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'

25. [2] ["'Những âm-thanh được nhận biết bởi tai có hai loại, ta nói …

26. [3] ["'Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi có hai loại, ta nói …

27. [4] ["'Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi có hai loại, ta nói …

28. [5] ["'Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân có hai loại, ta nói …

29. [6] ["'Những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, những đối-tượng nào của tâm được nhận biết bởi tâm gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng những đối-tượng nào của tâm được nhận biết bởi tâm làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'

30. "Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy."

(Phật chấp thuận và lặp lại)

31. "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của ta mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.

32.–37. [*Trong phần này Đức Phật lặp lại nguyên văn từ mục 24–29, chỉ thay một số chỗ xưng hô cần thiết*.]

38. "Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt nên được coi là như vậy.

(Lời giảng thứ ba)

39. "Này Xá-lợi-phất, y-phục có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [*sử dụng*] và không nên tu dưỡng./ Thức-ăn (khất thực, cúng dường) có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [*sử dụng*] và không nên tu dưỡng./ Chỗ-ở có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [*ở*] và không nên tu dưỡng./ Những khu làng có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những thị trấn có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những thành phố có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những quận huyện có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng./ Những cá-nhân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng [*gặp gỡ, giao lưu*] và không nên tu dưỡng."

40. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vầy."

41. [1] ["'Này Xá-lợi-phất, y-phục có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, những y-phục nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng những y-phục nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, y-phục có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'

42. [2] ["'Thức-ăn (khất thực, cúng dường) có hai loại, ta nói …

43. [3] ["'Chỗ-ở có hai loại, ta nói …

44. [4] ["'Những khu làng có hai loại, ta nói …

45. [5] ["'Những thị trấn có hai loại, ta nói …

46. [6] ["'Những thành phố có hai loại, ta nói …

47. [7] ["'Những quận huyện có hai loại, ta nói …

48. ["'Những cá-nhân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'] Điều này đã được đức Thế Tôn nói như vậy. Và do tham chiếu điều gì đức Thế Tôn đã nói như vậy?

"Thưa Thế Tôn, [*giao lưu gặp gỡ với*] những cá-nhân nào gây ra bất thiện tăng và thiện giảm trong người tu dưỡng nó thì không nên tu dưỡng. Nhưng [*giao lưu gặp gỡ với*] những cá-nhân nào làm cho bất thiện giảm và thiện tăng trong người tu dưỡng nó thì nên được tu dưỡng.

"Chính do tham chiếu những điều này nên đức Thế Tôn đã nói: 'Này các Tỳ kheo, những cá-nhân có hai loại, ta nói: nên được tu dưỡng và không nên tu dưỡng.'

49. "Thưa Thế Tôn, con hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy."

(Phật chấp thuận và lặp lại)

50. "Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được ý nghĩa chi tiết lời của ta mới nói ra một cách vắn tắt mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, là như vậy.

51.–58. [*Trong phần này Đức Phật lặp lại nguyên văn từ mục 41–48, chỉ thay một số chỗ xưng hô cần thiết*.]

59. "Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt nên được coi là như vậy.

(Kết luận)

60. "Này Xá-lợi-phất, nếu tất cả những người quý-tộc (giai cấp chiến-sĩ) hiểu được như vậy ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt như vậy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.[1265] Nếu tất cả những bà-la-môn … tất cả những thương-nông … tất cả những công-nhân bần lao hiểu được như vậy ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt như vậy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và những vị trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người hiểu được như vậy ý nghĩa chi tiết của lời ta đã nói ra một cách vắn tắt như vậy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Xá-lợi-phất đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

43. (MN 125) KINH NHỮNG CẤP ĐỘ THUẦN PHỤC

(*Dantabhūmi Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có sa-di Aciravata đang sống trong chòi (cốc) trong rừng. Lúc đó có Hoàng tử Jayasena, khi đang đi dạo mát trong đó, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với sa-di Aciravata.[1266] Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hoàng tử ngồi xuống một bên và nói với sa-di Aciravata: "Thầy Aggivessana, tôi có nghe rằng một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định thì có thể đạt được sự hợp-nhất của tâm."

"Đúng vậy, này hoàng tử. Một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định thì có thể đạt được sự hợp-nhất của tâm."

3. "Sẽ tốt lành nếu Thầy Aggivessana chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp mà thầy đã nghe và đã nắm vững nó."

4. "Này hoàng tử, tôi không thể chỉ dạy cho ngài Giáo Pháp như tôi đã nghe và nắm vững nó. Bởi vì nếu tôi chỉ dạy cho hoàng tử Giáo Pháp như tôi đã nghe và nắm vững nó thì hoàng tử sẽ không hiểu ý nghĩa lời tôi nói, và điều đó sẽ gây mỏi mệt và phiền phức cho tôi."

"Thầy Aggivessana hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp mà thầy đã nghe và nắm vững nó. Có lẽ tôi sẽ hiểu được ý nghĩa lời thầy nói."

"Này hoàng tử, tôi sẽ chỉ dạy cho ngài Giáo Pháp mà tôi đã nghe và nắm vững nó. Nếu ngài có thể hiểu lời tôi nói, điều đó sẽ tốt. Nhưng nếu ngài không hiểu ý nghĩa, thì cứ để yên ở đó và đừng hỏi tôi thêm về nó."

"Vậy Thầy Aggivessana hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp mà thầy đã nghe và nắm vững nó. Nếu tôi hiểu được ý nghĩa lời thầy nói, điều đó sẽ

tốt. Nhưng nếu tôi không hiểu ý nghĩa, thì tôi để yên ở đó và không hỏi thầy thêm về nó."

5. Rồi sa-di Aciravata đã chỉ dạy cho Hoàng tử Jayasena Giáo Pháp mà thầy đã nghe và nắm vững nó. Sau khi thầy ấy nói xong, Hoàng tử Jayasena đã nhận xét: "Không thể nào, này Thầy Aggivessana, không thể xảy ra chuyện một Tỳ kheo an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định có thể đạt được sự hợp-nhất của tâm." Rồi, sau khi đã tuyên bố với sa-di Aciravata điều đó, Hoàng tử Jayasena đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

6. Ngay sau khi Hoàng tử Jayasena đã đi, sa-di Aciravata đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, thầy kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện với Hoàng tử Jayasena. Sau khi thầy ấy kể xong, đức Thế Tôn đã nói:

7. "Này Aggivessana, đâu thể nào có chuyện rằng Hoàng tử Jayasena, đang sống giữa những dục-lạc, thụ hưởng dục-lạc, đang bị nhai nuốt bởi những ý-nghĩ về dục-lạc, đang bị tiêu hao bởi sự sốt-não về dục-lạc, bị uốn theo sự tìm kiếm dục-lạc, mà có thể biết, thấy, hay chứng ngộ được 'điều chỉ được biết thông qua sự từ-bỏ, được đạt tới thông qua sự từ-bỏ, được chứng ngộ thông qua sự từ-bỏ'. Điều đó là không thể!

8. "Này Aggivessana, ví dụ[1267] (a) có hai con voi [hay hai con ngựa hay hai con bò] có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương tốt, và (b) có hai con voi có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương. Thầy nghĩ sao, này Aggivessana? Hai con voi (a) có thể được thuần phục (và) đã được thuần hóa tốt và được kỷ cương (huấn luyện) tốt là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?"

"Dạ đúng, thưa Thế Tôn."

"Còn hai con voi (b) có thể được thuần phục (nhưng) đã không được thuần hóa và không được kỷ cương là (coi như) đã được thuần hóa, đã đạt

được cách hành xử của những con vật đã được thuần hóa, chúng đã đạt tới phẩm cấp của những con vật đã được thuần hóa, đúng không?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đâu thể nào có chuyện rằng Hoàng tử Jayasena đang sống giữa những dục-lạc … mà có thể biết, thấy, hay chứng ngộ được 'điều chỉ được biết thông qua sự từ-bỏ, được đạt tới thông qua sự từ-bỏ, được chứng ngộ thông qua sự từ-bỏ'. Điều đó là không thể!

9. "Này Aggivessana, ví dụ có một núi cao không xa khu làng [hay thị trấn], và hai người bạn rời khỏi làng để cùng nhau đến chỗ núi cao. Sau khi tới đó, một người A còn đứng dưới chân núi trong khi người B đã leo lên đỉnh núi. Rồi người A còn đứng dưới chân núi nói với người B trên đỉnh núi: 'Này bạn, khi đứng trên đỉnh núi anh thấy được gì?' Và người B trả lời: 'Này bạn, khi đứng trên đỉnh núi tôi nhìn thấy những công viên đẹp mắt, những vườn cây đẹp mắt, những đồng cỏ đẹp mắt, và những ao hồ đẹp mắt.' Rồi người A ở dưới nói: 'Không thể nào, này bạn, không thể nào khi đang đứng trên đỉnh núi mà có thể nhìn thấy những công viên đẹp … những ao hồ đẹp mắt.'

"Rồi người B trên đỉnh mới đi xuống chân núi, nắm lấy tay bạn, giúp bạn leo lên được đỉnh núi. Sau một chốc để anh ta lấy lại hơi thở, người B mới hỏi: 'Rồi, này bạn, giờ khi đang đứng trên đỉnh núi anh thấy được gì?' Và người A trả lời: 'Này bạn, khi đứng trên đỉnh núi tôi nhìn thấy những công viên đẹp mắt … những ao hồ đẹp mắt.' Rồi người B mới nói: 'Này bạn, sao lúc nảy tôi nghe anh nói: "Không thể nào khi đang đứng trên đỉnh núi mà có thể nhìn thấy những công viên đẹp mắt … những ao hồ đẹp mắt"; mà giờ lại nghe anh nói: "Khi đứng trên đỉnh núi tôi nhìn thấy những công viên đẹp mắt … những ao hồ đẹp mắt"?' Rồi người A trả lời: 'Này bạn, do lúc nảy còn đứng dưới tôi bị che cản bởi núi cao này nên tôi không nhìn thấy những cảnh này đúng có để được nhìn thấy.'

10. "Cũng giống như vậy, này Aggivessana, Hoàng tử Jayasena bị che

cản, bị cản trở, bị ngăn cản, và bị bao bọc bởi một đống còn lớn hơn đống núi này—đó là đống vô-minh. Như vậy, đâu thể nào có chuyện rằng Hoàng tử Jayasena đang sống giữa những dục-lạc … mà có thể biết, thấy, hay chứng ngộ được 'điều chỉ được biết thông qua sự từ-bỏ, được đạt tới thông qua sự từ-bỏ, được chứng ngộ thông qua sự từ-bỏ'."

11. "Này Aggivessana, nếu hai ví dụ này đã xảy đến với thầy [để nói] cho Hoàng tử Jayasena, thì hoàng tử sẽ tự phát có được niềm-tin vào thầy, và sau khi đã tin tưởng, hoàng tử sẽ thể hiện niềm-tin đối với thầy."

"Thưa Thế Tôn, làm sao hai ví dụ này có thể đã xảy đến với con [để nói] cho Hoàng tử Jayasena khi chúng đã xảy đến với đức Thế Tôn, vì chúng là tự phát (tự nhiên có) và chưa từng được nghe trước đây?

12. "Này Aggivessana, ví dụ có một vị vua thánh thiện được phong vương [được xức dầu trên đầu] nói với người sưu tầm voi rừng của ông như vầy: 'Này người tầm voi rừng, hãy leo lên voi của nhà vua, đi vô rừng voi, và khi nào anh nhìn thấy một con voi rừng, hãy cột nó vào cổ của con voi của nhà vua.' Người tầm voi rừng đáp lại "Dạ, thưa đức vua", anh ta leo lên con voi của nhà vua và đi vô rừng, và khi nhìn thấy một con voi rừng, anh cột nó vào cổ của con voi của nhà vua. Rồi con voi của nhà vua dẫn nó ra khỏi rừng dày tới chỗ trống rộng. Theo cách như vậy con voi rừng mới đi ra khỏi rừng dày tới chỗ trống rộng; bởi vì trước giờ nó gắn bó (dính chấp) với/trong khu rừng.

"Rồi người tầm voi rừng bẩm báo với vị vua thánh thiện đã được phong vương: 'Thưa đức vua, con voi rừng đã ra khỏi rừng dày tới chỗ trống rộng.' Nhà vua nói với người tầm voi rừng như vầy: 'Này người tầm voi rừng, anh hãy huấn luyện con voi rừng đó. Điều phục những thói quen trong rừng của nó, điều phục những ký ức và những ý định của nó, điều phục sự khổ sở, sự mệt mỏi, và sự sốt não vì lý do nó mới rời xa rừng. Hãy làm cho nó thích thú nơi thành thị, khắc sâu vào nó những thói quen dễ chịu (phù hợp, hiền hòa) đối với con người.' Người tầm voi rừng đáp lại "Dạ, thưa đức vua", rồi người đó trồng một cây cột lớn dưới đất và cột

cổ con voi rừng vào đó để điều phục những thói quen trong rừng của nó … và khắc sâu vào nó những thói quen dễ chịu đối với con người.

"Rồi người tầm voi rừng nói với con voi rừng bằng những lời nói 'nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng; như lời nói lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng'. Khi con voi rừng được nói bằng những lời nói như vậy, nó sẽ 'lắng nghe, để tai lắng nghe, và dụng tâm mình để hiểu'. Rồi kế đến người tầm voi rừng sẽ thưởng cho nó cỏ ăn và nước uống. Sau khi con voi rừng chấp nhận cỏ ăn và nước uống, người huấn luyện voi biết: 'Giờ con voi của nhà vua sẽ sống!' (tức giờ nó trở thành một con voi của nhà vua; chịu sống xa rừng, được thuần hóa)

"Rồi người tầm voi rừng tiếp tục huấn luyện (kỷ cương) nó thêm như vầy: 'Mang lên, để xuống!' (i) Sau khi con voi (mới) của nhà vua nghe theo những mệnh lệnh của người huấn luyện như mang lên và đặt xuống, và thực hiện những chỉ dẫn của người huấn luyện, thì anh ta tiếp tục huấn luyện nó thêm như vầy: 'Đi tới, đi lại!' (ii) Sau khi con voi (mới) của nhà vua nghe theo những mệnh lệnh của người huấn luyện như đi tới và đi lại, và thực hiện những chỉ dẫn của người huấn luyện, thì anh ta tiếp tục huấn luyện nó thêm như vầy: 'Đứng lên, ngồi xuống!' (iii) Sau khi con voi (mới) của nhà vua nghe theo những mệnh lệnh của người huấn luyện như đứng lên và ngồi xuống, thì anh ta tiếp tục huấn luyện nó thêm trong bài tập được gọi là 'sự bất-động' (bất lay động, không còn động chuyển). Anh ta cột một tấm ván khổng lồ vào thân nó; một người cầm cây giáo nhọn ngồi trên cổ nó; những người khác cầm giáo nhọn đứng bao sát mọi phía của nó; và người huấn luyện cũng cầm cây giáo nhọn dài đứng trước mặt nó. Khi con voi đã được huấn luyện trong bài tập sự bất-động, nó không cử động chân trước hay chân sau; nó không cử động phần thân trước hay phần thân sau; nó không cử động đầu, tai, ngà, đuôi, hay thân mình. Con voi của nhà vua giờ có khả năng chịu đựng những cú đánh từ giáo mác, từ gươm kiếm, từ cung tên, từ những chúng sinh khác, và những âm thanh chát chúa từ trống trận, từ trống thiếc, từ kèn trận, trống cơm. Sau khi đã

loại bỏ tất cả những tật xấu và khuyết điểm, tẩy sạch những sự ố nhiễm, nó xứng đáng là của nhà vua, xứng đáng phục sự cho nhà vua, được coi là một yếu tố của vương triều.

13.–14. "Cũng giống như vậy, này Aggivessana, một Như Lai xuất hiện trong thế gian là bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn-Giác [đã giác-ngộ toàn thiện] … [*tiếp tục như kinh MN 51, mục 12–13*] … người đó cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Chính theo cách này là một đệ tử thánh thiện đã 'thoát ra tới chỗ trống rộng'; bởi vì trước giờ những thiên thần và loài người gắn bó (dính chấp) với/trong năm dây dục-lạc.

15. [1] "Rồi Như Lai kỷ cương (huấn luyện) người đó như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy có giới-hạnh, được kiềm chế bởi sự kiềm-chế của Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo], được hoàn thiện về đức-hạnh và nơi nương-tựa, và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành.' (*giống mục 3 [1] kinh MN 107*)

16. [2] "Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó có giới-hạnh … và nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất, tu tập bằng cách đảm nhận những giới-luật tu hành, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận. Khi nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của nó. Bởi vì, nếu thầy để cho căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-bực (ưu) xâm chiếm (tâm) thầy; hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn mắt, đảm nhận sự kiềm-chế căn mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi tiếp xúc một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu thầy để cho căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự

thèm-muốn (tham) và sự phiền-bực (ưu) xâm chiếm (tâm) thầy; hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn tâm, đảm nhận sự kiềm-chế căn tâm.' (*giống mục 4 [2] kinh MN 107*)

17. [3] "Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy tiết độ trong ăn uống. Sau khi suy xét một cách khôn khéo, thầy nên sử dụng thức-ăn : (i) không phải để khoái thích hay giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'" (*giống mục 5 [3] kinh MN 107*)

18. [4] "Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó giữ tiết độ trong ăn uống, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy hết mình vì sự tỉnh-thức. Trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) thầy nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, thầy thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại.' (*giống mục 6 [4] kinh MN 107*)

19. [5] "Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó hết mình vì sự tỉnh-thức, Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác, thường

biết). Hãy hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tới hay đang đi lại; hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hay đang nhìn ngang … khi đang co hay đang duỗi chân tay … khi đang mặc đồ và khi đang mang theo cà sa và bình bát … khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm … khi đang tiểu tiện và đang đại tiện … đang bước đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang giữ im lặng.' (*như mục 7 [5] kinh MN 107*)

20. [6] "Này Aggivessana, sau khi người thánh đệ tử đó có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết, thì Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.' (*như mục 8 [6] kinh MN 107*)

21. [7] "Người thánh đệ tử đó lui về một nơi trú ở tách-ly … chỗ đống rơm. Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự **thèm-muốn** (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn.

"Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự **ác-ý và sân-giận** (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận.

"Sau khi đã dẹp bỏ (iii) **sự đờ-đẫn và buồn-ngủ** người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ.

"Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự **bất-an và hối-tiếc** người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc.

"Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự **nghi-*ngờ***, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện;

người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. (*như mục 9 [7] kinh MN 107*)

22. [8] "Sau khi đã dẹp bỏ ***năm chướng-ngại*** như vậy, đó là những ô-nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: người đó an trú quán sát **THÂN trong thân**, nhiệt thành, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát **những cảm-giác** trong những cảm-giác … **tâm** trong tâm … **những giáo pháp** [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.[1268]

23. "Này Aggivessana, giống như một người huấn luyện voi trồng một cây cột lớn dưới đất và cột cổ con voi rừng vào đó để điều phục những thói quen trong rừng của nó … và khắc sâu vào nó những thói quen dễ chịu đối với con người.

"Cũng giống như vậy, 'bốn nền tảng chánh-niệm' này là những sự trói-cột đối với cái tâm của người thánh đệ tử để điều phục những thói-quen (tập khí, thói tâm) của người đó có từ [dựa trên, theo lối, theo thói] đời sống tại gia, để điều phục những ký ức và những ý định của người đó có từ đời sống tại gia, để điều phục sự khổ sở, sự mệt mỏi, và sự sốt não của người đó có từ đời sống tại gia, và để cho người đó có thể đạt tới phương-cách đích thực và chứng ngộ Niết-bàn.

24. [9] "Rồi Như Lai kỷ cương người đó thêm nữa như vầy: 'Này Tỳ kheo, hãy an trú quán sát **thân** trong thân, nhưng đừng nghĩ những ý-nghĩ tham-dục. Hãy an trú quán sát **những cảm-giác** trong những cảm-giác … **tâm** trong tâm … **những giáo pháp** trong những giáo pháp, nhưng đừng nghĩ những ý-nghĩ tham-dục.'[1269]

25. "Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).

26.–29. [10] "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết … [*Tiếp tục giống MN 51, mục 24–27*] … Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.'

30. [11] "Tỳ kheo đó có khả năng chịu đựng được (i) nóng lạnh, đói khát, (ii) sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió nắng, và (iii) những loài bò sát; người đó có khả năng chịu đựng được (iv) những lời độc ác, những lời xua đuổi và (v) những cảm-giác ở thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Sau khi đã loại bỏ hết tất cả tham, sân, si, tẩy sạch những sự ố-nhiễm, người đó là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian.

31. "Này Aggivessana, nếu con voi của nhà vua già tuổi chết mà không được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi già tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua trung tuổi chết mà không được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi trung tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua ít tuổi chết mà không được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi ít tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa.

"Cũng giống như vậy, này Aggivessana, nếu một Tỳ kheo thâm niên chết với những ô-nhiễm của người đó chưa được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo già tuổi đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo trung niên chết với những ô-nhiễm của người đó chưa được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo trung niên đã chết một cái chết không được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo thiếu niên [mới thụ giới, ít tuổi hạ] chết với những ô-nhiễm của người đó chưa được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo thiếu niên đã chết một cái chết không được thuần hóa.

32. "Này Aggivessana, nếu con voi của nhà vua già tuổi chết sau khi đã được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi già tuổi đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua trung tuổi chết sau khi đã được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi trung tuổi đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu con voi của nhà vua ít tuổi chết sau khi đã được thuần hóa và kỷ cương, thì nó được coi là một con voi ít tuổi đã chết một cái chết được thuần hóa.

"Cũng giống như vậy, này Aggivessana, nếu một Tỳ kheo thâm niên chết với những ô-nhiễm của người đó đã được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo trưởng lão đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo trung niên chết với những ô-nhiễm của người đó đã được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo trung niên đã chết một cái chết được thuần hóa. Nếu một Tỳ kheo thiếu niên [mới thụ giới, ít tuổi hạ] chết với những ô-nhiễm của người đó đã được tiêu diệt, thì nó được coi là một Tỳ kheo thiếu niên đã chết một cái chết được thuần hóa.

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sa-di Aciravata đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

44. (MN 126) KINH BHŪMIJA

(*Bhūmija Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc

2. Rồi, vào buổi sáng, Ngài Bhūmija mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của Hoàng tử Jayasena, và ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.[1270]

3. Rồi Hoàng tử Jayasena ra gặp thầy Bhūmija và chào hỏi qua lại với thầy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hoàng tử ngồi xuống một bên, và nói với thầy Bhūmija: "Thầy Bhūmija, có những sa-môn và bà-la-môn khẳng định những điều này và nắm giữ những quan-điểm như vầy: 'Một người dẫn dắt đời sống tâm linh (thánh thiêng; phạm hạnh) vẫn không khả năng đạt được quả gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện, hay vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hay không có ước nguyện cũng không phải không có ước nguyện.[1271] Vị Thầy của thầy Bhūmija (tức Phật) nói sao về điều này, Vị Thầy của thầy Bhūmija đã tuyên bố gì?"

4. "Này hoàng tử, tôi đã không nghe được và học được từ chính miệng của đức Thế Tôn. Nhưng có thể đức Thế Tôn sẽ nói như vầy: 'Nếu một người dẫn dắt đời sống tâm linh một cách không khôn khéo (không chính đáng, không có trí) thì người đó sẽ không đạt được quả gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện, hay vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hay không có ước nguyện cũng không phải không có ước nguyện. Tuy nhiên, nếu một người dẫn dắt đời sống tâm linh một cách khôn khéo thì người đó sẽ có khả năng được đạo quả, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện, hay vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hay không có ước nguyện cũng không phải không

có ước nguyện.' Này hoàng tử, tôi đã không nghe được và học được từ chính miệng của đức Thế Tôn, nhưng có thể đức Thế Tôn sẽ trả lời như tôi mới nói."

5. "Nếu Vị Thầy của thầy Bhūmija nói như vậy, nếu vị ấy tuyên bố như vậy, thì dường như chắc chắc Vị Thầy của thầy là đứng đầu trong tất cả những sa-môn và bà-la-môn bình thường."

6. Rồi Hoàng tử Jayasena đã tự tay mình cầm dĩa cơm sữa để múc đãi thầy Bhūmija.

7. Rồi, sau khi thầy Bhūmija đã đi khất thực sau bữa ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra, và nói thêm: "Thưa Thế Tôn, con hy vọng rằng khi được hỏi như vậy và con đã trả lời như vậy là con đã nói điều đã được nói bởi đức Thế Tôn và không diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với sự thật (điều đức Thế Tôn đã nói). Con hy vọng con đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo cách không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) chỉ trích."

8. "Chắc chắn là vậy, này Bhūmija, khi thầy được hỏi như vậy và thầy đã trả lời như vậy là thầy đã nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời của ta bằng điều gì trái với sự thật. Thầy đã giải thích đúng theo Giáo Pháp theo cách không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) chỉ trích."

9. (I) "Những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc, ý-định sai trái, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai trái, và sự chú-tâm sai trái, và sự định-tâm sai trái (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm, và tà định), thì người đó sẽ không đạt được quả gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

10. "Ví dụ có người cần dầu, đang tìm dầu, đang đi kiếm dầu mà chất

một đống đá cuội trong một cái bồn, rảy nước lên đá và ép đá, thì người đó sẽ không khả năng có được chút dầu gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút dầu gì.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

11. "Ví dụ có người cần sữa, đang tìm sữa, đang đi kiếm sữa mà nắm vắt cái sừng của một con bò cái mới đẻ con, thì người đó sẽ không khả năng có được sữa, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút sữa gì.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

12. "Ví dụ có người cần bơ, đang tìm bơ, đang đi kiếm bơ mà đổ nước vào nồi khuấy và dùng vá khuấy để khuấy đánh, thì người đó sẽ không khả năng có được chút bơ gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút bơ gì.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

13. "Ví dụ có người cần lửa, đang tìm lửa, đang đi kiếm lửa mà lấy cây mồi lửa (như diêm quẹt) quẹt lên một tấm gỗ tươi còn ướt mủ, thì người đó sẽ không khả năng có được chút lửa gì, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm bậy] đó là không phù hợp để có được chút lửa gì.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm sai lạc … thì họ vẫn không đạt được quả gì. Bởi vì sao? Bởi vì [đường sai, tà đạo] đó là không phù hợp để đạt được quả gì.

14. (II) "Những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, và sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, và chánh định), thì người đó sẽ đạt được quả, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

15. "Ví dụ có người cần dầu, đang tìm dầu, đang đi kiếm dầu mà đổ đống hạt có dầu (như mè) vào trong bồn, rưới nước lên nó, và ép nó, thì người đó có khả năng có được dầu, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được dầu.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

16. "Ví dụ có người cần sữa, đang tìm sữa, đang đi kiếm sữa mà nắm vắt vú của một con bò cái mới đẻ con, thì người đó có khả năng có được sữa, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được sữa.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

17. "Ví dụ có người cần bơ, đang tìm bơ, đang đi kiếm bơ mà đổ sữa đông vô nồi khuấy và dùng vá khuấy để khuấy đánh, thì người đó có khả năng có được bơ, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được

bơ.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

18. "Ví dụ có người cần lửa, đang tìm lửa, đang đi kiếm lửa mà lấy cây mồi lửa (như diêm quẹt) quẹt lên một tấm gỗ khô không còn mủ, thì người đó có khả năng có được lửa, cho dù người đó có ước nguyện, hay không có ước nguyện … Bởi vì sao? Bởi vì [cách làm đúng] đó là phù hợp để có được lửa.

"Cũng giống như vậy, những sa-môn và bà-la-môn nào có quan-điểm đúng đắn … thì họ có khả năng đạt được đạo quả. Bởi vì sao? Bởi vì [đường đúng, chánh đạo] đó là phù hợp để đạt được đạo quả.

14. "Này Bhūmija, nếu bốn ví dụ này đã xảy đến với thầy [để nói] cho Hoàng tử Jayasena, thì hoàng tử sẽ tự phát có được niềm-tin vào thầy, và sau khi đã tin tưởng, hoàng tử sẽ thể hiện niềm-tin đối với thầy."

"Thưa Thế Tôn, làm sao bốn ví dụ này có thể đã xảy đến với con [để nói] cho Hoàng tử Jayasena khi chúng đã xảy đến với đức Thế Tôn, vì chúng là tự phát (tự nhiên có) và chưa từng được nghe trước đây?

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Bhūmija đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

45. (MN 127) KINH A-NẬU-LÂU-ĐÀ

(*Anuruddha Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Lúc đó người thợ mộc Pañcakanga đã nói với một người như vầy: "Này người thân thiện, hãy đến chỗ Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), nhân danh tôi kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy ấy, và thưa: 'Thưa thầy, thợ mộc Pañcakanga (chuyển lời) xin kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy A-nậu-lâu-đà, và thưa: "Thưa thầy, kính mong thầy A-nậu-lâu-đà cùng ba thầy khác chấp nhận lời mời đến dùng cơm trưa ngày mai từ thợ mộc Pañcakanga; và kính mong thầy A-nậu-lâu-đà đến đúng giờ vì thợ mộc Pañcakanga đang rất bận bịu và có nhiều việc phải làm cho nhà vua."'"

"Dạ được, thưa ông", người đó đáp lại, và anh ta đi đến chỗ thầy A-nậu-lâu-đà. Sau khi kính lễ thầy A-nậu-lâu-đà, anh ta ngồi xuống một bên và chuyển lời cho thầy. Thầy A-nậu-lâu-đà đồng ý trong im lặng.

3. Rồi, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy A-nậu-lâu-đà mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của thợ mộc Pañcakanga, và đến đó ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, thợ mộc Pañcakanga đã tự tay mình phục vụ và làm hài lòng thầy Anuruddha với nhiều món ăn ngon khác nhau. Rồi, sau khi thầy A-nậu-lâu-đà đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, thợ mộc Pañcakanga chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy A-nậu-lâu-đà:

4. "Ở đây, thưa thầy, những Tỳ kheo trưởng lão đã đến chỗ con và nói: 'Này gia chủ, hãy tu tập sự giải-thoát vô lượng của tâm'; và một số Tỳ kheo trưởng lão khác thì nói: 'Này gia chủ, hãy tu tập sự giải-thoát bao la của tâm.' Thưa thầy, sự giải-thoát vô lượng của tâm và sự giải-thoát bao la của tâm[1272]—là những trạng thái khác nhau về nghĩa và tên gọi, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?"

5. "Này gia chủ, cứ giải thích theo như chú thấy. Sau đó nó sẽ rõ ràng đối với chú."

"Thưa thầy, con nghĩ như vầy: sự giải-thoát vô lượng của tâm và sự giải-thoát bao la của tâm—hai trạng thái này giống nhau về nghĩa, chỉ khác nhau về tên gọi."

6. "Này gia chủ, sự giải-thoát vô lượng của tâm và sự giải-thoát bao la của tâm—hai trạng thái này khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi. Và cách chúng khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi nên được hiểu như sau.

7. (1) "Này gia chủ, cái gì là sự giải-thoát vô lượng của tâm? Ở đây một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Đây được gọi là sự giải-thoát vô lượng của tâm.

8. (2) "Và, này gia chủ, cái gì là sự giải-thoát bao la của tâm? Ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ một gốc cây, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại (được phóng đại, cao rộng, thành bao la): đây được gọi là sự giải-thoát bao la của tâm.[1273] Ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ hai hoặc ba gốc cây, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại: đây cũng được gọi là sự giải-thoát

bao la của tâm. Ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ một khu làng … bằng cỡ hai hoặc ba khu làng … bằng cỡ một vương quốc chính … bằng cỡ hai hoặc ba vương quốc chính … bằng cỡ phần trái đất được bao quanh bởi đại dương, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại: đây cũng được gọi là sự giải-thoát bao la của tâm.

"Này gia chủ, hai trạng thái đó khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi nên được hiểu theo cách như vậy.

9. "Này gia chủ, có bốn loại sự tái-sinh (tái hiện) trong sự hiện-hữu [trong tương lai].[1274] Bốn đó là gì? (i) Ở đây, có người an trú quyết tâm và bao trùm 'sự phát quang ít'; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ít (Thiểu quang thiên). (ii) Ở đây, có người an trú quyết tâm vào bao trùm 'sự phát quang vô lượng'; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Vô Lượng (Vô lượng quang thiên). (iii) Ở đây có người an trú quyết tâm và bao trùm 'sự phát quang bị ô nhiễm'; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm (Bất tịnh quang thiên). (iv) Ở đây có người an trú quyết tâm và bao trùm 'sự phát quang tinh khiết'; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Tinh Khiết (Biến tịnh quang thiên). Đây là bốn loại sự tái-sinh trong sự hiện-hữu [trong tương lai].[1275]

10. "Này gia chủ, có một lần khi những thiên thần tụ tập ở một nơi. Sau khi họ đã tu tập ở một nơi, sự khác nhau về màu sắc của họ có thể được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ. Giống như, nếu một người mang mấy đèn dầu vô trong một ngôi nhà, sự khác nhau về những ngọn lửa của chúng có thể được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của chúng. Cũng giống như vậy, trong một lần khi những thiên thần tụ tập ở một nơi … nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ.

11. "Này gia chủ, có một lần khi những thiên thần giải tán khỏi nơi đó. Sau khi họ đã giải tán khỏi nơi đó, sự khác nhau về màu sắc của họ có thể

được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ. Giống như, nếu một người mang mấy đèn dầu ra khỏi ngôi nhà, sự khác nhau về những ngọn lửa của chúng có thể được nhận ra, nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của chúng. Cũng giống như vậy, trong một lần khi những thiên thần tụ tập giải tán khỏi nơi đó … nhưng không có sự khác nhau về sự phát quang của họ.

12. "Những thiên thần đó không nghĩ điều này: '[Cuộc sống] này của chúng ta là thường hằng, trường tồn, và bất diệt', nhưng bất cứ đâu những thiên thần đó đậu xuống, họ đều thấy vui thích. Giống như, khi những con ruồi đang được mang đi trên một đòn gánh hay trong một cái giỏ, chúng không nghĩ điều này: '[Cuộc sống] này của chúng ta là thường hằng, trường tồn, và bất diệt', nhưng bất cứ đâu chúng đậu xuống, chúng đều thấy thích thú. Cũng giống như vậy, những thiên thần đó không nghĩ điều này … nhưng bất cứ đâu những thiên thần đó đậu xuống, họ đều thấy vui thích."

13. Sau khi điều này được nói ra, thầy Abhiya Kaccāna (đi cùng) đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: "Thật tốt lành, thưa thầy A-nậu-lâu-đà, nhưng tôi có điều muốn hỏi thêm: Có phải tất cả những thiên thần phát quang đều thuộc những thiên thần Phát Quang Ít?"

"Này đạo hữu Kaccāna, bởi do yếu tố [chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh] nên một số họ là những thiên thần Phát Quang Ít, một số họ là những thiên thần Phát Quang Vô Lượng."

14. "Thưa thầy A-nậu-lâu-đà, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ít và có số là thiên thần Phát Quang Vô Lượng?"

"Này đạo hữu Kaccāna, về điều đó, tôi sẽ hỏi lại thầy một câu hỏi. Thầy cứ trả lời nếu thấy được. Này đạo hữu Kaccāna, thầy nghĩ sao? Khi (i) một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ một gốc cây, bao trùm nó như đã được khuyếch đại, và (ii) một Tỳ kheo khác an trú quyết tâm vào một diện tích bằng cỡ hai hoặc ba gốc cây, bao trùm nó

như đã được khuyếch đại—trong hai kiểu thiền [tu tập tâm] này, kiểu nào là được khuếch đại hơn?"—"Kiểu thứ hai, thưa thầy."

"Này đạo hữu Kaccāna, thầy nghĩ sao? Khi (i) một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào một diện tích cỡ bằng hai hoặc ba gốc cây, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại, và (ii) một Tỳ kheo khác an trú quyết tâm vào một diện tích cỡ bằng một khu làng, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại … (i) cỡ bằng một khu làng … và (ii) cỡ bằng hai hoặc ba khu làng … (i) cỡ bằng hai hoặc ba khu làng … và (ii) cỡ bằng một vương quốc chính … (i) cỡ bằng một vương quốc chính … và (ii) cỡ bằng hai hoặc ba vương quốc chính … (i) cỡ bằng hai hoặc ba vương quốc chính … và (ii) bằng cỡ phần trái đất được bao quanh bởi đại dương, thấm đẫm nó như đã được khuyếch đại—trong hai kiểu thiền [tu tập tâm] này, kiểu nào là được khuếch đại hơn?"—"Kiểu thứ hai, thưa thầy."

"Đây là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ít và có số là thiên thần Phát Quang Vô Lượng."

15. "Thật tốt lành, thưa thầy A-nậu-lâu-đà, nhưng tôi còn điều muốn hỏi thêm: Có phải tất cả những thiên thần phát quang đều là những thiên thần Phát Quang Bị Ô Nhiễm, hay một số họ là thiên thân Phát Quang Tinh Khiết?"

"Này đạo hữu Kaccāna, bởi do yếu tố [chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh] nên một số họ là những thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm, một số họ là những thiên thần Phát Quang Tinh Khiết."

"Thưa thầy A-nậu-lâu-đà, vậy cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm và có số là thiên thần Phát Quang Tinh Khiết?"

"Này đạo hữu Kaccāna, về điều đó, tôi sẽ đưa một ví dụ, vì những người có trí ở đây hiểu ý nghĩa của một điều bằng phương tiện ví dụ. Ví

dụ một đèn dầu đang cháy bằng dầu không sạch và tim không sạch; bởi vì sự không sạch của dầu và tim nên lửa cháy một cách mờ yếu. Cũng giống như vậy, ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào và bao trùm [một diện tích bằng] một sự phát quang bị ô-nhiễm. 'Dâm tính' của thân người đó chưa lắng lặn hoàn toàn, 'sự đờ-đẫn và buồn-ngủ' của người đó chưa được loại bỏ hoàn toàn, 'sự bất-an và hối-tiếc' của người đó chưa được loại bỏ hoàn toàn; bởi lý do này nên người đó thiền một cách mờ yếu, đúng như nó là (như lửa cháy mờ).[1276] Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm.

"Ví dụ một đèn dầu đang cháy bằng dầu tinh sạch và tim tinh sạch; bởi do sự tinh sạch của dầu và tim nên lửa cháy một cách sáng tỏ. Cũng giống như vậy, ở đây một Tỳ kheo an trú quyết tâm vào và bao trùm [một diện tích bằng] một sự phát quang tinh khiết. Dâm tính của thân người đó đã lắng lặn hoàn toàn, 'sự đờ-đẫn và buồn-ngủ' của người đó đã được loại bỏ hoàn toàn, 'sự bất-an và hối-tiếc' của người đó đã được loại bỏ hoàn toàn; bởi lý do này nên người đó thiền một cách một cách sáng tỏ, đúng như nó là (như lửa cháy sáng). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Tinh Khiết.

"Đây là nguyên nhân và lý do tại sao những thiên thần đó đều tái sinh trong một loại thiên thần nhưng có số là thiên thần Phát Quang Ô Nhiễm và có số là thiên thần Phát Quang Tinh Khiết."

16. Sau khi điều này được nói ra, thầy Abhiya Kaccāna đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà: "Thật tốt lành, thưa thầy A-nậu-lâu-đà. Thầy A-nậu-lâu-đà đã không nói: 'Tôi nghe như vầy' hoặc 'Điều đó nên là như vầy'. Thay vì vậy, thầy A-nậu-lâu-đà luôn nói: 'Những thiên thần này là như vầy và những thiên thần đó là như vậy.' (Tức là thầy đã tự biết chứ không phải nghe từ Phật). Thưa thầy, tôi có ý nghĩ rằng chắc bộ trước kia thầy A-nậu-lâu-đà đã từng giao lưu với những thiên thần đó và đã nói chuyện và thảo luận với họ."

"Chắc chắn là vậy, này đạo hữu Kaccāna, lời của thầy có vẻ xúc phạm và thiếu lễ độ, nhưng tôi vẫn trả lời cho thầy. Đã từ lâu trước kia tôi đã giao lưu với những thiên thần đó và đã nói chuyện và thảo luận với họ."[1277]

17. Sau khi điều này được nói ra, thầy Abhiya Kaccāna đã nói với thợ mộc Pañcakanga: "Đó là ích lợi cho chú, này gia chủ, đó là ích lợi lớn lao cho chú, rằng chú đã dẹp bỏ được trạng thái nghi-ngờ (về hai sự giải-thoát đó) và đã có cơ hội nghe được bài thuyết giảng về Giáo Pháp này."

46. (MN 135) TIỂU KINH PHÂN GIẢI VỀ NGHIỆP

(*Cūḷakammavibhanga Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn Subha, là con trai của bà-la-môn Todeyya, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức.[1278] Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

3. "Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao chúng sinh có người kém cỏi và có người giỏi giang? Trong loài người có người chết trẻ và có người sống lâu, có người bệnh tật và có người khỏe mạnh, có người xấu và có người đẹp, có người không uy thế và có người có uy thế, có người nghèo và có người giàu, có người sinh ra thấp hèn và có người sinh ra cao sang, có người ngu và có người khôn. Thầy Cồ-đàm, tại sao trong chúng sinh có những người hơn kém, khác nhau như vậy?"

(Tóm lược)

4. "Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho những chúng sinh hơn kém, khác nhau."

"Tôi không hiểu được ý-nghĩa chi tiết trong những lời mà Thầy Cồ-Đàm mới nói ra một cách ngắn gọn nhưng không giảng giải một cách chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi về Giáo Pháp nhờ đó tôi có thể hiểu được ý-nghĩa chi tiết trong những lời đó của thầy."

"Này môn sinh, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa ngài ", Subha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Phân giải)

5. [1] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người [nam hoặc nữ] sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, hay trong địa ngục, mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị chết-yểu.[1279] Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự chết-yểu, đó là, một người sát-sinh và giết hại, tay vấy máu, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống.

6. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người sau khi dẹp bỏ sát-sinh, kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, hiền từ và tốt bụng, người đó sống [an trú] bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh đang sống. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sống-thọ.[1280] Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sống-thọ, đó là, sau khi dẹp bỏ sát-sinh, một người kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, hiền từ và tốt bụng, người đó sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh đang sống.

7. [2] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị bệnh-tật. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự bị bệnh-tật, đó là, một người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao.

8. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không làm tổn thương chúng sinh bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được khỏe-mạnh. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự được khỏe-mạnh, đó là, một người không làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gọc, hoặc bằng dao.

9. [3] (a) Ở đây, này môn sinh, có người luôn sân-giận và có tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy một chút, người đó cũng thấy bị xúc phạm, trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị xấu-xí. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự xấu-xí, đó là, một người luôn sân-giận và có tính cách nóng nảy … và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng.

10. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không sân-giận và không tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy rất nhiều, người đó cũng không thấy bị xúc phạm, hay trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được đẹp-đẽ. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự đẹp-đẽ, đó là, một người không sân-giận và không có tính cách nóng nảy … và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng.

11. [4] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người hay ghen tỵ, là người ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính lễ, và sự được tôn kính mà những người

khác nhận được. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng không có uy-thế. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự không có uy-thế, đó là, một người ghen tỵ … với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính lễ, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được.

12. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không ghen tỵ, là người không ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính lễ, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có uy-thế. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự có được uy-thế, đó là, một người người không ghen tỵ … với những thành đạt, danh dự, sự được tôn trọng, sự được kính trọng, sự được kính lễ, và sự được tôn kính mà những người khác nhận được.

13. [5] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người không muốn bố-thí (cho đi, cúng dường, dâng, tặng, giúp đỡ, chia sẻ… bất cứ thứ gì như) những thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, dầu thơm, thuốc cao; chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị nghèo-khó. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự bị nghèo-khó, đó là, một người không muốn bố-thí những thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn.

14. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người bố-thí thức ăn … đèn nến cho những tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù tái sinh vào

chỗ nào người đó cũng được giàu-có. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự được giàu-có, đó là, một người sống bố-thí những thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn.

15. [6] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người ngang-bướng và kiêu-ngạo; người đó không tôn kính những người đáng được tôn kính, không đứng dậy kính lễ khi gặp người mình nên đứng dậy kính lễ, không nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, không nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị sinh ra thấp-hèn (hạ tiện). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sinh ra thấp-hèn, đó là, một người ngang-bướng và kiêu-ngạo … và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.

16. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người không ngang-bướng và không kiêu-ngạo; người đó tôn kính những người đáng được tôn kính, đứng dậy kính lễ khi gặp người mình nên đứng dậy kính lễ, nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sinh ra cao-quý (quý tộc). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự sinh ra cao-quý, đó là, một người không ngang-bướng và không kiêu-ngạo … và tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.

17. [7] (a) "Ở đây, này môn sinh, có người không muốn đi thăm gặp

một tu sĩ (sa-môn, sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: 'Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho con?' Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà được tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị ngu-tối (vô minh). Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự ngu-tối, đó là, một người không muốn đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy.

18. (b) "Nhưng, ở đây, này môn sinh, có người biết đi thăm gặp một tu sĩ (sa-môn, sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: 'Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành-động nào dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho con?' Bởi do có làm và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … mà tái sinh làm người trở lại, thì cho dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có trí-tuệ. Này môn sinh, đây là cách dẫn đến sự có trí-tuệ, đó là, một người biết đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy.

19. "Như vậy đó, này môn sinh, cách dẫn đến sự chết-yểu làm cho người ta bị chết-yểu, cách dẫn đến sự sống-thọ làm cho người ta được sống-thọ; cách dẫn đến sự bệnh-tật làm cho người ta sống bị bệnh-tật, cách dẫn đến sự khỏe-mạnh làm cho người ta được khỏe-mạnh; cách dẫn đến sự xấu-xí làm cho người ta bị xấu-xí, cách dẫn đến sự đẹp-đẽ làm cho người ta được đẹp-đẽ; cách dẫn đến sự không có uy-thế làm cho người ta không có uy-thế, cách dẫn tới sự có uy-thế làm cho người ta có được uy-thế; cách dẫn đến sự nghèo-khó làm cho người ta bị nghèo-khó, cách dẫn đến sự giàu-có làm cho người ta được giàu-có; cách dẫn đến sự sinh ra bị thấp-hèn (hạ tiện) làm cho người ta sinh ra bị thấp-hèn, cách dẫn đến sự sinh ra cao-quý (quý tộc) làm cho người ta sinh ra được cao-quý; cách dẫn đến sự ngu-tối làm cho người ta bị ngu-tối (vô minh), cách dẫn đến trí-tuệ làm cho người ta có trí-tuệ.

20. "Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho những chúng sinh hơn kém, khác nhau."

21. Sau khi lời này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con của bà-la-môn Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

47. (MN 142) KINH PHÂN GIẢI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG

(*Dakkhiṇāvibhanga Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca, ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Lúc đó có bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (Mahāpajāpatī Gotamī) đã mang một cặp xấp vải và đến chỗ đức Thế Tôn.[1281] Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, bà ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đây là cặp xấp vải mới đã được kéo dợi bởi con, đã được dệt bởi con dành riêng cho đức Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lấy từ con vì lòng bi mẫn."

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với bà: "Hãy tặng nó cho Tăng Đoàn, này dì Kiều-đàm-di. Khi dì tặng cho Tăng Đoàn, cả ta và Tăng Đoàn đều được tôn vinh."[1282]

Lần thứ hai và lần thứ ba Kiều-đàm-di nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn … hãy chấp nhận nó từ con vì lòng bi mẫn."

Lần thứ hai và lần thứ ba đức Thế Tôn vẫn nói với bà: "Hãy tặng nó cho Tăng Đoàn, này dì Kiều-đàm-di. Khi dì tặng cho Tăng Đoàn, cả ta và Tăng Đoàn đều được tôn vinh."

3. Rồi Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cặp xấp vải từ di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di. Di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã rất giúp ích cho đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn. Là dì ruột của Thế Tôn, là bảo mẫu của Thế Tôn, là mẹ nuôi của Thế Tôn đã nuôi Thế Tôn bằng sữa của mình. Bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa sau khi mẹ ruột của Thế Tôn đã qua đời. Đức Thế Tôn cũng đã rất giúp ích cho di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di, thưa Thế Tôn. Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (i) đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng. Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (2)

đã kiêng cữ sự (năm giới) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối, và dùng rượu nạng, rượu nhẹ và các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (iii) đã có được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và (iv) đã có được những đức-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân.[1283] Chính nhờ có đức Thế Tôn mà di mẫu Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (v) đã không còn sự nghi-ngờ về sự khổ, về nguồn-gốc khổ, về sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đức Thế Tôn đã rất giúp ích đối với Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di."

4. "Đúng là vậy, này Ānanda, đúng là vậy! Khi một người, nhờ có người khác, (i) đã quy y theo Phật, Pháp Tăng, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ, đứng dậy kính lễ, dành cho người đó sự kính lễ và những sự phục vụ kính cẩn, và bằng sự cúng dường (bốn thứ thiết yếu như) y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

"Khi một người, nhờ có người khác, (ii) đã kiêng cữ sự (năm giới) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối, và dùng rượu nạng, rượu nhẹ và các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ … và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

"Khi một người, nhờ có người khác, (iii) đã có được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và (iv) đã có được những đức-hạnh được quý trọng bởi những thánh nhân, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ … và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

"Khi một người, nhờ có người khác, (v) đã không còn sự nghi-ngờ về sự khổ, về nguồn-gốc khổ, về sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, thì, ta nói, không dễ gì người trước có thể trả hết ơn nghĩa cho người sau cho dù có kính lễ … và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh.

(Sự cúng dường cho cá nhân)

5. (I) "Này Ānanda, có mười bốn loại sự cúng dường cho cá nhân.[1284] (1) Một người cúng tặng một món quà cho Như Lai, bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc Toàn Giác [đã giác-ngộ toàn thiện]; đây là loại thứ nhất của sự cúng dường cho cá nhân. (2) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Phật Duyên Giác; đây là loại thứ hai của sự cúng dường cho cá nhân. (3) Một người cúng tặng một món quà cho một vị A-la-hán là đệ tử của Như Lai; đây là loại thứ ba của sự cúng dường cho cá nhân. (4) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (A-la-hán) dẫn tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán; đây là loại thứ tư của sự cúng dường cho cá nhân. (5) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Bất-lai; đây là loại thứ năm của sự cúng dường cho cá nhân. (6) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Bất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Bất-lai; đây là loại thứ sáu của sự cúng dường cho cá nhân. (7) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Nhất-lai; đây là loại thứ bảy của sự cúng dường cho cá nhân. (8) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; đây là loại thứ tám của sự cúng dường cho cá nhân. (9) Một người cúng tặng một món quà cho một vị Nhập-lưu, đây là loại thứ chín của sự cúng dường cho cá nhân. (10) Một người cúng tặng một món quà cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhập-lưu)[1285] dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu; đây là loại thứ mười của sự cúng dường cho cá nhân. (11) Một người cúng tặng một món quà cho một người ngoài đạo [không theo đạo Phật] mà không còn tham muốn dục-lạc;[1286] đây là loại thứ mười một của sự cúng dường cho cá nhân. (12) Một người cúng tặng một món quà cho một người bình thường mà có đức-hạnh; đây là loại thứ mười hai của sự cúng dường cho cá nhân. (13) Một người cúng tặng một món quà cho một người bình thường thất đức; đây là loại thứ mười ba của sự cúng dường cho cá nhân. (14) Một người cho tặng một món quà cho một con vật; đây là loại thứ mười bốn của sự cúng dường cho cá nhân.

6. "Ở đây, này Ānanda, bằng sự cúng tặng một món quà cho những cá nhân sau đây, thì sự cúng dường có thể trông đợi những phước quả như vầy: (14) cho một con vật: một trăm lần;[1287] (13) cho một người bình thường thất đức: một ngàn lần; (12) cho một người bình thường mà đức hạnh: một trăm ngàn lần; (11) một người không còn tham muốn dục-lạc: một trăm ngàn lần một trăm ngàn; (10) cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhập-lưu) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu: không thể tính được, vô lượng. Vậy phải kể sao về phước quả của sự cúng tặng một món quà (9) cho một vị Nhập-lưu? Vậy phải kể sao về quả báo của sự cúng tặng một món quà (8) cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Nhất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Nhất-lai … (7) … cho một vị Nhất-lai … (6) … cho một người đã chứng nhập thánh đạo (Bất-lai) dẫn tới chứng ngộ thánh quả Bất-lai … (5) … cho một vị Bất-lai … (4) … cho một người đã chứng nhập thánh đạo (A-la-hán) dẫn tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán … (3) … cho một vị A-la-hán … (2) … cho một vị Phật Duyên Giác? Vậy phải kể sao về phước quả của sự cúng tặng một món quà (1) cho một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác?[1288]

(Sự cúng dường cho Tăng Đoàn)

7. (II) "Này Ānanda, có bảy loại sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (1) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn [gồm cả những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni] được dẫn đầu bởi Đức Phật; đây là loại thứ nhất của sự cúng dường cho Tăng Đoàn.[1289] (2) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn [gồm cả những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni] sau khi Như Lai đã bát-niết-bàn; đây là loại thứ hai của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (3) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn gồm những Tỳ kheo; đây là loại thứ ba của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (4) Một người cúng tặng một món quà cho một Tăng Đoàn gồm những Tỳ kheo ni [Ni Đoàn]; đây là loại thứ tư của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (5) Một người cúng tặng một món quà và nói: 'Hãy cử ra cho tôi nhiều Tỳ kheo và Tỳ kheo ni từ Tăng Đoàn'; đây là loại thứ năm của

sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (6) Một người cúng tặng một món quà và nói: 'Hãy cử ra cho tôi nhiều Tỳ kheo từ Tăng Đoàn'; đây là loại thứ sáu của sự cúng dường cho Tăng Đoàn. (7) Một người cúng tặng một món quà và nói: 'Hãy cử ra cho tôi nhiều Tỳ kheo ni từ Ni Đoàn'; đây là loại thứ bảy của sự cúng dường cho Tăng Đoàn.

8. "Này Ānanda, trong những thời đại sau này sẽ có những người [thành viên của] họ tộc là những người có "cổ vàng", là những người thất đức, có tính cách xấu ác.[1290] Người ta sẽ cúng tặng những món quà cho những người thất đức đó (với ý nghĩ) vì ích lợi của (cúng dường cho) Tăng Đoàn. Ngay cả khi như vậy, ta nói rằng, sự cúng dường cho Tăng Đoàn như vậy cũng (có phước quả) là không thể tính được, vô lượng.[1291] Và, ta nói rằng, không có cách nào một sự cúng tặng cho cá nhân mà có nhiều phước quả hơn một sự cúng dường cho Tăng Đoàn.[1292]

9. "Do vậy, này Ānanda, có bốn loại sự thanh lọc (thanh tịnh) này của sự cúng dường. Bốn đó là gì? (1) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không phải bởi người nhận.[1293] (2) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không phải bởi người bố thí. (3) Có sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí hay bởi người nhận. (4) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận.

10. (1) "Và giờ, theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận? Ở đây, người bố thí là có đức-hạnh, có tính cách thiện, và người nhận là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận.

11. (2) "Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí? Ở đây, người bố thí là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác và người nhận là có đức-hạnh, có tính cách thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí.

12. (3) "Và theo cách nào sự cúng dường không được thanh lọc bởi người nhận và người bố thí? Ở đây, người bố thí là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác và người nhận cũng là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Như

vậy sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí và người nhận.

13. (4) "Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận? Ở đây, người bố thí là có đức-hạnh, có tính cách thiện, và người nhận cũng có đức-hạnh, có tính cách thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận.

"Đây là bốn loại sự thanh lọc của sự cúng dường."

14. Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi bậc Phúc Lành nói như vậy, Vị Thầy nói thêm như vầy:

> "Khi một người đức-hạnh bố thí cho một người thất-đức
> Với một lòng tin tưởng, một món quà có được chân chính,
> Đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao,
> Thì đức-hạnh của người bố thí thanh lọc sự cúng dường.
> Khi một người thất-đức bố thí cho một người đức hạnh
> Với một lòng không tin tưởng, một món quà có được bất chính,
> Cũng không đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao,
> Thì đức-hạnh của người nhận thanh lọc sự cúng dường.
> Khi một người thất-đức bố thí cho một người thất-đức
> Với một lòng không tin tưởng, một món quà có được bất chính,
> Cũng không đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao,
> Thì không có đức-hạnh của bên nào thanh lọc sự cúng dường.
>
> "Khi một người đức-hạnh bố thí cho một người đức-hạnh
> Với một lòng tin tưởng, một món quà có được chân chính,
> Đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao,
> Thì sự bố thí đó, ta nói, sẽ đi đến phước quả tròn đầy.
> Khi một người hết-mê bố thí cho một người hết-mê,
> Với một lòng tin tưởng, một món quà có được chân chính,
> Đặt niềm-tin vào nghiệp quả là lớn lao,
> Thì sự bố thí đó, ta nói, là tốt nhất trong mọi sự bố thí thế tục."[1294]

48. (MN 143) KINH LỜI KHUYÊN DẠY CẤP CÔ ĐỘC

(*Anāthapiṇḍikovāda Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc

2. Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, đau đớn và bệnh yếu như gần chết. Rồi ông đã nói với một người như vầy: "Này anh, hãy đến gặp đức Thế Tôn, nhân danh ta kính lễ với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, và thưa: 'Thưa đức Thế Tôn, gia chủ Cấp Cô Độc đang bệnh nặng, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết; ông ta xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống hai chân đức Thế Tôn.' Rồi đến gặp thầy Xá-lợi-phất, nhân danh ta kính lễ với đầu cúi xuống chân thầy Xá-lợi-phất, và thưa: 'Thưa thầy Xá-lợi-phất, gia chủ Cấp Cô Độc đang bệnh nặng, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết; ông ta xin kính lễ thầy Xá-lợi-phất với đầu cúi xuống hai chân thầy Xá-lợi-phất.' Rồi thưa: 'Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của gia chủ Cấp Cô Độc, vì lòng bi-mẫn.'"

"Dạ được, thưa ông", người đó đáp lại, và anh ta đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, anh ta ngồi xuống một bên và chuyển lời của ông Cấp Cô Độc. Rồi anh ta đến gặp thầy Xá-lợi-phất, và sau khi kính lễ thầy Xá-lợi-phất, anh ta ngồi xuống một bên và chuyển lời của ông Cấp Cô Độc, và thưa: "Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất đến nhà của gia chủ Cấp Cô Độc, vì lòng bi-mẫn." Thầy Xá-lợi-phất đã đồng ý trong im lặng.

3. Rồi thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của gia chủ Cấp Cô Độc, cùng đi có thầy Ānanda là người thị giả (của Phật). Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với gia chủ Cấp Cô Độc: "Tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ."

4. "Thưa thầy Xá-lợi-phất, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn của tôi đang gia tăng, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang thấy rõ. Giống như có một lực sĩ đang chẻ đầu tôi ra bằng lưỡi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu tôi. Tôi không đỡ hơn … Giống như có một lực sĩ xiết chặt đầu tôi bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có một người bán thịt [hay người phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hố than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ."

5. (1) "Vậy thì, này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào mắt, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào mắt.'[1295] Chú nên tu tập mình như vậy. Chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào tâm.' Chú nên tu tập mình như vậy.

6. (2) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào những hình-sắc … Tôi sẽ không dính-chấp vào những âm-thanh … Tôi sẽ không dính-chấp vào những mùi-hương … Tôi sẽ không dính-chấp vào những mùi-vị … Tôi sẽ không dính-chấp vào những thứ hữu-hình chạm xúc … Tôi sẽ không dính-chấp vào những đối-tượng của tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào những đối-tượng của tâm.' Chú nên tu tập mình như vậy.

7. (3) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-mắt … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức-tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thức-tâm. Chú nên tu tập mình như vậy.

8. (4) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc mắt … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào tiếp-xúc tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào tiếp-xúc tâm. Chú nên tu tập mình như vậy.

9. (5) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc mắt … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc tai … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc mũi … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc lưỡi … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc thân … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào cảm-giác phát sinh từ tiếp-xúc tâm. Chú nên tu tập mình như vậy.

10. (6) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố đất … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố nước … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố lửa … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố gió … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố không gian … Tôi sẽ không dính-chấp vào yếu-tố thức, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào yếu-tố thức.' Chú nên tu tập mình như vậy.

11. (7) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào sắc-thân (sắc) … Tôi sẽ không dính-chấp vào cảm-giác (thọ) … Tôi sẽ không dính-chấp vào nhận-thức (tưởng) … Tôi sẽ không dính-chấp vào những sự tạo-tác cố ý (hành) … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức, và

thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thức.' Chú nên tu tập mình như vậy.

12. (8) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào không vô biên xứ … Tôi sẽ không dính-chấp vào thức vô biên xứ … Tôi sẽ không dính-chấp vào vô sở hữu xứ … Tôi sẽ không dính-chấp vào phi tưởng phi phi tưởng xứ, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào phi tưởng phi phi tưởng xứ.' Chú nên tu tập mình như vậy.

13. (9) "Này gia chủ, chú nên tu tập mình như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào thế giới này, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thế giới này. Tôi sẽ không dính-chấp vào thế giới trên, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào thế giới trên.' Chú nên tu tập mình như vậy.

14. (10) "Này gia chủ, chú nên tu tập như vầy: 'Tôi sẽ không dính-chấp vào thứ được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận biết, được bắt gặp, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm, và thức của tôi sẽ không tùy thuộc vào những thứ đó.' Chú nên tu tập mình như vậy."

15. Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Cấp Cô Độc đã khóc và chảy nước mắt. Rồi thầy Ānanda đã hỏi ông: "Này gia chủ, có phải chú đang suy sụp hay đang chìm ngỉm?"

"Thưa thầy Ānanda, con đang không suy sụp, con đang không chìm ngỉm. Nhưng là, mặc dù con đã đợi chờ Vị Thầy và những Tỳ kheo đáng kính trọng (nói ra), nhưng trước giờ con chưa bao giờ nghe được một bài giảng Giáo Pháp như vậy."

"Này gia chủ, bài giảng Giáo Pháp như vậy thường không được (Phật và các thầy) giảng cho những người tại gia mặc áo trắng. Bài giảng Giáo Pháp như vậy được giảng cho những người xuất gia."[1296]

"Vậy thì, thưa thầy Xá-lợi-phất, vậy hãy cho phép bài giảng Giáo Pháp như vậy được nói cho những người tại gia mặc áo trắng. Có nhiều người họ tộc có ít bụi trong mắt họ và sẽ uổng phí cho họ nếu không nghe được [bài giảng như vầy về] Giáo Pháp. Sẽ có những người họ sẽ hiểu được Giáo Pháp này."

16. Rồi, sau khi đã ban cho vị gia chủ Cấp Cô Độc lời khuyên dạy này, thầy Xá-lợi-phất và thầy Ānanda đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Không lâu sau khi các thầy đi về, gia chủ Cấp Cô Độc đã chết và tái hiện trong cõi trời Đâu-suất (Tusita).

17. Rồi, khi đêm đã khuya, gia chủ gia chủ Cấp Cô Độc, giờ là một thiên thần trẻ với sắc đẹp rạng rỡ, đã đến gặp đức Thế Tôn, chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, vị tiên đứng qua một bên, và nói với đức Thế Tôn bằng những dòng kệ như sau:

"Ôi Khu Vườn Jeta là nơi phúc lành,
Được trú ở bởi Tăng Đoàn trí hiền,
Trong đó có vị Pháp Vương (Phật),
Là suối nguồn của tất cả niềm an lạc của tôi.
Nhờ nghiệp, sự biết, và Giáo Pháp,
Nhờ đức-hạnh và cách sinh sống thánh thiện—
Nhờ những điều đó mà con người sinh tử được thanh lọc,
Chứ không phải nhờ gia thế hay sự giàu có.
Vì vậy người có trí là người nhìn thấy
Những điều gì dẫn tới sự tốt lành cho mình,
Thì nên điều tra Giáo Pháp,
Và nên thanh lọc bản thân bằng những điều đó.
Thầy Xá-lợi-phất đã đạt đến đỉnh cao
Về đức-hạnh, sự bình-an, và những đường lối của trí-tuệ;
Tỳ kheo nào dù siêu xuất đến đâu,
Cao nhất cũng chỉ bằng thầy ấy."

18. Đó là lời vị tiên trẻ Cấp Cô Độc đã nói, Vị Thầy đã chấp thuận. Rồi vị tiên trẻ Cấp Cô Độc, do nghĩ rằng: "Vị Thầy đã đồng ý với ta", nên đã kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó.

19. Rồi đêm đã hết, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, đêm qua khi đêm đã khuya, một thiên thần trẻ với sắc

đẹp rạng rỡ đã đến gặp ta, chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta. Sau khi kính lễ ta, vị tiên trẻ đứng qua một bên và nói với ta bằng những dòng thi kệ như vầy: … [*Phật lặp lại bài thi kệ trên*] … Đó là lời vị tiên trẻ đã nói. Rồi vị tiên trẻ, do nghĩ rằng: "Vị Thầy đã đồng ý với ta", nên đã kính lễ ta, giữ ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó."

20. Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, chắc chắn vị tiên trẻ đó trước đây là gia chủ Cấp Cô Độc. Vì gia chủ Cấp Cô Độc đã có niềm-tin hoàn hảo vào thầy Xá-lợi-phất."

"Tốt, tốt, này Ānanda! Theo như sự suy lý thầy đã rút ra kết luận đúng đắn. Vị tiên trẻ đó chính là gia chủ Cấp Cô Độc, không phải ai khác."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

49. (MN 150) KINH NÓI CHO DÂN LÀNG NAGARAVINDA

(*Nagaravindeyya Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành ở xứ Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn những Tỳ kheo, và cuối cùng đã đến một khu làng của người Kosala có tên là làng Nagaravinda.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Nagaravinda đã nghe tin: "Sa-môn Cồ-Đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành trong nước Kosala cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo và mới đến làng Nagaravinda. Tin tốt lành về Thầy Cồ-đàm đang được lan truyền như vầy: 'Đức Thế Tôn đó là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [Toàn Giác] … [*tiếp tục giống kinh MN 41, mục 2*] … bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những A-la-hán đó."

3. Rồi những gia chủ bà-la-môn ở làng Nagaravinda đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ đứng từ xa chấp tay kính lễ về phía đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số tự xưng tên và họ trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuông một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã nói với họ:

4. (1) "Này các gia chủ, nếu những du sĩ giáo phái khác hỏi các vị như vầy: 'Này các gia chủ, loại tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính?' thì các vị nên trả lời họ rằng: 'Những tu sĩ và bà-la-môn nào không loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm họ không được bình-an hướng nội, và giờ họ không hành vi một cách đúng đắn (chân chính) về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la-môn như vậy không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân

chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm chúng tôi không được bình-an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi không thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh nào cao hơn của chúng tôi, vì vậy họ không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.

"'Những tu sĩ và bà-la-môn nào không loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm, tâm họ không được bình-an hướng nội, và giờ họ không hành vi một cách đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la-môn như vậy không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … tâm chúng tôi không được bình-an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi không thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh nào cao hơn của chúng tôi, nên họ không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.'

"Này các gia chủ, khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ giáo phái khác đó theo cách này.

5. (2) "Nhưng, này các gia chủ, nếu những du sĩ giáo phái khác hỏi các như vầy: 'Này các gia chủ, loại tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn nào nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính?' thì các vị nên trả lời họ rằng: 'Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm họ được bình-an hướng nội, và giờ họ hành vi một cách đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la-môn như vậy nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, tâm chúng tôi không được bình-

an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh cao hơn của chúng tôi, vì vậy họ nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.

"Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm, tâm họ được bình-an hướng nội, và giờ họ hành vi một cách đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm—những tu sĩ và bà-la-môn như vậy nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Vì sao vậy? Bởi vì bản thân chúng tôi không loại bỏ tham, sân, si đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … tâm chúng tôi không được bình-an hướng nội, và chúng tôi cũng hành vi có lúc đúng đắn, có lúc không đúng đắn về thân, lời-nói, và tâm. Chúng tôi thấy những vị tu sĩ và bà-la-môn đó có được phần đức hạnh cao hơn của chúng tôi, nên họ nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.'

"Này các gia chủ, khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ giáo phái khác đó theo cách này.

6. (3) "Này các gia chủ, nếu những du sĩ những giáo pháp khác hỏi các vị như vầy: 'Nhưng cái gì là những lý do và cái gì là bằng chứng về những [tu sĩ và bà-la-môn] đó để các vị nói về họ rằng: "Chắc chắc những vị đó đã loại bỏ tham hay đang tu tập để loại bỏ tham; họ đã loại bỏ sân hay đang tu tập để loại bỏ sân; họ đã loại bỏ si hay đang tu tập để loại bỏ si"?'—khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ đó như vầy: 'Chính vì những vị đó đã lui về những nơi trú ở trong rừng sâu xa xôi. Bởi vì ở đó không có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thuộc loại họ có thể nhìn ngắm và thích thú. Ở đó không có những âm-thanh được nhận biết bởi tai thuộc loại họ có thể lắng nghe và thích thú. Ở đó không có những mùi-hương được nhận biết bởi mũi thuộc loại họ có thể ngửi và

thích thú. Ở đó không có những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi thuộc loại họ có thể nếm và thích thú. Ở đó không có những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thuộc loại họ có thể đụng chạm và thích thú. Này các bạn, đây là những lý do và bằng chứng để chúng tôi nói về họ rằng: "Chắc chắn những vị đó đã loại bỏ tham, sân, si hoặc đang tu tập để loại chúng."'

"Này các gia chủ, khi được hỏi như vậy, các vị nên trả lời những du sĩ giáo phái khác đó theo cách này.

7. Sau khi điều này được nói ra, những bà-la-môn ở làng Nagaravinda đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm! Thầy Cồ-Đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đã dựng đứng lại những thứ bị quăng ngã, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ đã lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những ai có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay chúng con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-Đàm và theo Giáo Pháp và theo Tăng Đoàn những Tỳ kheo. Từ hôm nay kính mong Thầy Cồ-Đàm chấp nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

50. (MN 152) KINH TU TẬP CÁC CĂN

(*Indriyabhāvanā Sutta*)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Kajangalā, trong Khu Vườn cây Mukhelu.

2. Lúc đó có môn sinh bà-la-môn tên Uttara, một học trò của bà-la-môn Pārāsariya, đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã hỏi anh ta: "Này Uttara, bà-la-môn Pārāsariya có dạy cho những đệ tử của ông sự tu tập các căn hay không?"

"Có, thưa Thầy Cồ-Đàm."

"Nhưng, này Uttara, theo cách nào ông ta dạy cho những đệ tử của mình sự tu tập các căn?"

"Thầy Cồ-Đàm, ở đây, một người không nhìn những hình-sắc bằng mắt, một người không nghe những âm-thanh bằng tai. Đó là cách bà-la-môn Pārāsariya dạy cho những đệ tử của mình sự tu tập các căn."

"Nếu là như vậy, này Uttara, thì một người mù và một người điếc có các căn đã được tu tập, theo như điều bà-la-môn Pārāsariya đã nói. Vì một người mù không nhìn thấy những hình-sắc bằng mắt, và một người điếc không nghe thấy những âm-thanh bằng tai."

Sau khi điều này được nói ra, môn bà-la-môn Uttara, học trò của bà-la-môn Pārāsariya, đã ngồi im lặng, và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa.

3. Rồi, sau khi biết điều này, đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda: "Này Ānanda, bà-la-môn Pārāsariya dạy cho những đệ tử của ông sự tu tập các căn theo một cách, nhưng theo Giới Luật của Thánh Nhân thì 'sự tu-tập cao nhất về các căn' là khác."[1297]

"Thưa đức Thế Tôn, giờ là lúc, thưa bậc Phúc Lành, giờ là lúc để đức Thế Tôn chỉ dạy 'sự tu-tập cao nhất về các căn'. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó."

"Vậy thì, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. [1] "Giờ, này Ānanda, theo cách nào có 'sự tu-tập cao nhất (vô thượng, tối thượng) về các căn' theo Giới Luật của Thánh Nhân? (i) Ở đây, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu.[1298] Người đó hiểu như vầy: 'Đã có khởi sinh trong tôi điều dễ chịu, đã có khởi sinh trong tôi điều khó chịu, đã có khởi sinh trong tôi điều vừa dễ chịu và khó chịu. Nhưng đó là có điều-kiện (hữu vi), thô tế, là khởi-sinh tùy thuộc (duyên sinh); này là bình an, này là siêu phàm: đó là sự buông-xả.' Điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, điều vừa khó chịu và dễ chịu *đã khởi sinh giờ chấm-dứt liền* trong người đó, và sự buông-xả được thiết lập.[1299]

"Nhanh như một người có mắt sáng, sau khi mở mắt nhắm mắt lại, hoặc sau khi nhắm mắt mở ra lại; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu *đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay*, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt.[1300]

5. (ii) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập.

"Nhanh như một người khỏe mạnh dễ dàng búng ngón tay; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu *đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay*, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai.

6. (iii) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nghe ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập.

"Nhanh như những giọt nước rớt xuống lá sen liền lăn mất và không còn trên đó; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu *đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay*, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những mùi-hương được nhận biết bởi mũi.

7. (iv) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nghe nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập.

"Nhanh như một người khỏe mạnh dễ dàng nhổ đi chỗ nước bọt trên đầu lưỡi của mình; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu *đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay*, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi.

8. (v) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi

sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập.

"Nhanh như một người khỏe mạnh dễ dàng duỗi tay đang có hay co tay đang duỗi; cũng giống như vậy, không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu *đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay*, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân.

9. (vi) "Lại nữa, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu. Người đó hiểu như vầy: … và sự buông-xả được thiết lập.

"Nhanh như một hay hai giọt nước rớt xuống một dĩa sắt đã được nung nóng cả ngày, sự rớt xuống có thể chậm nhưng (khi chạm tới dĩa sắt) chúng sẽ nhanh chóng bốc hơi cái xèo và biến mất; cũng giống như vậy,[1301] không quan tâm tới bất cứ thứ gì, điều dễ chịu đã khởi sinh, điều khó chịu đã khởi sinh, và điều vừa dễ chịu và khó chịu *đã khởi sinh thì chấm-dứt ngay*, nhanh chóng, dễ dàng, và sự buông-xả được thiết lập. Đây được gọi trong Giới Luật của Thánh Nhân là 'sự tu-tập cao nhất về các căn' đối với những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm.

"Đó là cách có 'sự tu-tập cao nhất về các căn' trong Giới Luật của Thánh Nhân.

10. [2] "Và, này Ānanda, theo cách nào là một đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao (bậc học-nhân; chưa chứng A-la-hán), là người đã chứng nhập trong thánh đạo? Ở đây, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt … nghe thấy một âm-thanh bằng tai … ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … nhận biết một đối-tượng của tâm

bằng tâm, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu; người đó thấy ghê-sợ, nhục-nhã, ghê-tởm bởi điều dễ chịu đã khởi sinh, bởi điều khó chịu đã khởi sinh, và bởi điều vừa dễ chịu và khó chịu đã khởi sinh.[1302] Đó là cách một người là một đệ tử trong sự tu-tập bậc cao, người đã chứng nhập vào thánh đạo.

11.–16. [3] "Và, này Ānanda, theo cách nào một thánh nhân với các căn đã được tu tập?[1303] Ở đây, này Ānanda, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt … nghe thấy một âm-thanh bằng tai … ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … cảm thấy một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, thì khởi sinh trong người đó điều dễ chịu, khởi sinh trong người đó điều khó chịu, khởi sinh trong người đó điều vừa dễ chịu và khó chịu.[1304] (i) "Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm', thì người đó an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm. (ii) Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm', thì người đó an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm. (iii) Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm', thì người đó an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ đó. (iv) Nếu người đó ước: 'Tôi mong an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm và những thứ ghê-tởm, thì người đó an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ đó. (v) Nếu người đó ước: "Tôi mong, tránh cả hai sự ghê-tởm và sự không ghê-tởm, an trú trong sự buông-xả, có sự chánh-niệm và sự rõ-biết.[1305] Đó là cách một người là một thánh nhân với các căn đã được tu tập.

17. "Vậy đó, này Ānanda, ta đã chỉ dạy về 'sự tu-tập cao nhất về các căn' theo Giới Luật của Thánh Nhân; ta đã chỉ dạy về 'một người đệ tử đang trong sự tu-tập bậc cao (học nhân), là người đã chứng nhập trong dòng thánh đạo'; và ta đã chỉ dạy về 'một thánh nhân với các căn đã được

tu tập'.

18. "Này Ānanda, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, không trì hoãn, này Ānanda, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

++++

BẢNG VIẾT TẮT

(*trong phần CHÚ THÍCH*)

* **AN** = Aṇguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi* (Tăng Chi Kinh Bộ)

BBS = Burmese-script Buddhasāsana Samiti: *Ấn bản Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo bằng tiếng Miến Điện*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

Cv = Cūḷavagga: phần *Tiểu Phẩm* (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng)

Dhp = Dhammapada: tập kinh *Pháp Cú*

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

Jāt hay **Ja:** = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Kh = Khandhaka: bộ *Hợp Phần* (bộ thứ hai thuộc Luật Tạng)

MA = Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā: *Luận Giảng Trung Kinh Bộ* (Hầu hết những chú-giải trong bản dịch này là của **MA**).

Miln = Milindapañha: tập *Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

MLS = Middle Length Sayings: *Bộ Kinh Trung bản dịch của Horner*.

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Trung*

Ms: *bản dịch Bộ Kinh Trung bằng chữ viết tay của nhà sư* ***Ñāṇamoli***

MṬ = Majjhima Nikāya Ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh Trung*

Mv = Mahāvagga: phần *Đại Phẩm* (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng)

Ñm = Bhikkhu Ñāṇamoli: *người dịch Bộ Kinh Trung với bản thảo* ***Ms*** *nói trên*

Pāc = Pācittiya: phần *Ưng Đối Trị* (phần thứ nhất, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng)

Pār = Pārājika: phần *Bất Cộng Trụ* (phần thứ hai, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng)

PED = Pali-English Dictionary: *Tự Điển Pali-Anh* (của PTS)

PTS = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

Pṭs = Paṭisambhidāmagga: bộ *Phân Tích Đạo* (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng)

Pug = Puggalapaññatti: bộ *Nhân Chế Định* (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng)

SBJ = Sinhala-script Buddha Jayanti Tripitaka Series: phiên bản *Trung Kinh Bộ bằng tiếng Tích Lan*

* **SN** = Saṁyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên-Kết* (Tương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Sutta Nipāta: tập *Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Thag = Theragāthā: *Trưởng Lão Kệ* (thuộc **KN**)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập kinh **Ud***

Vbh = Vibhanga: bộ *Phân Tích* (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng)

Vin = Vinaya Piṭaka: *Luật Tạng*

Vsm = Visuddhimagga: *Thanh Tịnh Đạo*

CHÚ THÍCH

---

[1] [**MA** nói rằng Jāṇussoṇi không phải là tên mà là một tước danh có nghĩa là "*giáo sĩ hoàng gia*" (*purohita,* quan tuyên úy, quan tế lễ) được nhà vua ban cho ông. Kinh **MN 27** cũng được Phật nói cho bà-la-môn Jāṇussoṇi này.] (56)

[2] [Nguyên văn câu này: *Bhoto Gotamassa sā janatā diṭṭhānugatiṁ āpajjati*. **Ñm** đã dịch: "Những người này có làm theo những ý-chỉ theo quan-điểm của Thầy Cồ-đàm không?" Và nữ tiến sĩ **Horner** ở PTS thì dịch là: "Những người này có bắt chước theo những quan-điểm của Thầy Cồ-đàm được tôn vinh hay không?" [**MLS 1:22**]. **MA** cũng giải nghĩa câu này: "Những người này có cùng quan-điểm, ý-kiến, và tầm-nhìn như Thầy Cồ-đàm hay không?" Tuy nhiên, sẽ rõ nghĩa hơn rất nhiều nếu trong ngữ cảnh này không đọc chữ *diṭṭha* như một thể *sandhi* của chữ *diṭṭhi*, mà như một quá khứ phân từ, và đọc cụm chữ này theo nghĩa là "*làm theo/ noi theo những gì họ đã nhìn thấy về Thầy Cồ-đàm*", tức noi theo tấm gương của Phật. Nghĩa này rõ ràng cần phải là như vậy như sự đòi hỏi bởi cụm chữ đó trong các kinh **SN ii.203**, **AN i.126**, và **AN iii.108**, **251**.] (Lưu ý: các số kinh trích dẫn này được ghi bởi TKBĐ, khác với cách ghi số kinh của bản dịch của TKBĐ và người dịch không tìm ra chính xác đó là các kinh nào trong các bộ kinh **SN**, **AN**). (57)

[3] [**Ñm** ban đầu đã dịch cụm chữ này là "*sự hoàn thiện về sự-hiểu*" và cụm chữ tương ứng trong mục kế trước là "*sự hoàn thiện về định-tâm*". Tuy nhiên, do sẽ không phù hợp nếu gán sự hoàn-thiện cho sự định-tâm (*samādhi*) hay trí-tuệ (*pannā*) đối với vị Bồ-tát lúc chưa giác-ngộ toàn thiện, cho nên tôi đã chọn dịch đuôi chữ *sampanna* từ đầu tới cuối với nghĩa là "*có-được*" hay "*sở-hữu*". **MA** chú giải đây không phải là trí-tuệ minh-sát hay thánh đạo, mà chỉ là loại trí-tuệ xác định được bản chất của đối-tượng của nó (*ārammaṇà vavatthānapannā*).] (58)

[4] [Theo hệ thống năm tháng cổ Ấn Độ mà Phật giáo tính theo, một năm được chia thành 03 mùa—mùa lạnh, mùa nóng, và mùa mưa—mỗi mùa 04 tháng. Mỗi 04 tháng lại được chia thành 8 nửa-tháng (*pakkha*), nửa-tháng thứ ba và nửa-tháng thứ bảy gồm có 14 ngày, và những nửa-tháng khác có 15 ngày. Trong mỗi nửa-tháng, đêm trăng rằm và đêm trăng mới (kế sau rằm) [cho dù

rớt vào đêm thứ 14 hay thứ 15] và đêm bán-nguyệt [đêm thứ 8] thì được coi là đặc biệt phúc lành. Trong đạo Phật, những ngày này sau đó trở thành ngày *Bố-tát* (*Uposatha*), là những ngày kiêng chay giữ giới. Vào những ngày trăng tròn (Rằm) và những ngày trăng mới (Mồng một), những Tỳ kheo ôn tụng những điều giới-luật thuộc Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo], và những người tại gia thì đến thăm viếng các tịnh xá, tu viện, chùa chiền để lắng nghe kinh kệ và thiền tập, (và họ giữ Tám Giới (Bát quan trai giới) trong những ngày này thay vì Năm Giới như thường ngày).] (59)

[5] [Có 04 tư thế (*iriyāpatha*) thường được nói đến trong Phật giáo là tư thế đi, đứng, ngồi, và nằm.] (60)

[6] [Bắt đầu từ mục 22 này, Phật chỉ ra tiến trình tu-tập đã dẫn Phật tới đỉnh-cao của sự vô-si.] (61)

[7] [**MA** nói rằng chỗ này có nghĩa là vị Bồ-tát đã tu tập 04 tầng thiền định (*jhāna*) dùng '*sự chánh-niệm hơi-thở*' là chủ-đề (đề mục) thiền của mình.] (62)

[8] [Đoạn này được giảng giải chi tiết trong **Vsm** XIII, 13–71.] (63)

[9] [Đoạn này được giảng giải chi tiết trong **Vsm** XIII, 72–101.] (63)

[10] [**MA** chú giải: Sau khi đã chỉ ra Bốn Diệu Đế với tính chất của chúng [đó là, những chân lý về *sự khổ*], đoạn kinh này nói về những ô-nhiễm (lậu hoặc) là cách để chỉ về những Diệu Đế *một cách gián tiếp* theo cách diễn đạt bằng những ô-nhiễm (thay vì theo cách diễn đạt bằng những thứ khác như (sự chấm dứt) tham, sân, si; hay sự vô-minh …).] (65)

[11] [Theo **MA**, cụm chữ "*Khi ta đã biết và đã thấy như vậy*", là nói về minh-sát tuệ và đạo, đã đạt tới đỉnh cao của nó trong thánh đạo A-la-hán; cụm chữ "*tâm ta đã được giải thoát*" là chỉ khoảng khắc của thánh quả; và cụm chữ "*có sự-biết: 'Nó đã được giải thoát'*" là chỉ trí-biết hồi nhớ lại [coi **Vsm** XXII, 20–21], cũng như vậy câu tiếp theo bắt đầu bằng mệnh đề "*Ta đã trực-tiếp biết*".] (66)

[12] [Đây là đoạn kinh "mẫu" trong kinh điển để chỉ sự tuyên bố về *trí-biết cuối cùng*, tức thánh quả A-la-hán. **MA** chú giải câu "*Sinh đã tận diệt*" có nghĩa là bất kỳ sự (tái) sinh nào trước kia đã từng khởi sinh nếu đạo không được tu

thành giờ đã trở thành bất khả năng khởi sinh nhờ sự đã tu thành thánh đạo. "*Đời sống tâm linh* (phạm hạnh, thiêng liêng, thánh thiện) *đã được sống*" chính là đời sống tâm linh của thánh đạo (*maggabrahmacariya*). Cụm chữ "*những gì cần phải làm đã làm xong*" (*kataṁ karaṇīyaṁ*) là hàm chỉ 04 chức năng tu tập của thánh đạo—*hoàn-toàn hiểu* sự khổ, *trừ bỏ* nguồn-gốc khổ, *chứng ngộ* sự diệt-khổ, và *tu tập* (bát thánh) đạo—giờ đã được hoàn thành đối với mỗi chặng của 04 chặng thánh đạo siêu-thế. Cụm chữ thứ tư "*nāparaṁ itthattāya*" (*i*) đã được **MA** giải nghĩa như vầy: "Giờ ta không cần thiết phải tu tập đạo nữa để đạt tới '*một trạng thái như vậy*' như vậy; tức Phật không cần phải tu nữa để đạt được 16 chức năng của [của thánh đạo] hay đạt được sự tiêu diệt ô-nhiễm. (*ii*) Hay nói cách khác: sau '*một trạng thái như vậy*', chẳng hạn sự liên tục của năm-uẩn giờ đang xảy ra, nhưng sẽ không có sự liên tục của năm-uẩn đối với ta (tức sẽ không còn tái hiện-hữu bằng cơ chế năm-uẩn nào nữa). Năm uẩn này, *sau khi chúng đã được hoàn-toàn hiểu*, giờ chỉ đứng đó như những cây đã bị cắt rễ. Với sự chấm-dứt của thức cuối cùng, chúng sẽ tắt bặt như lửa không còn nhiên liệu để cháy." Tôi đã chọn cách dịch nghĩa thứ hai này, nhưng coi chữ *itthattāya* là một từ chỉ định. Nguyên văn cụm từ này có nghĩa là "*trạng thái này*" hay "*trạng thái như vậy*" hàm chỉ một trạng thái cụ thể của sự hiện-hữu. **Ñm** đã dịch là: "*Không còn gì hơn* (*trạng thái*) *này nữa*."]

- ►(Có thể dịch theo nghĩa chữ là "*không còn đi đến trạng thái hiện-hữu nào nữa*", nhưng người dịch Việt chọn ghi là "*không còn trở lại trạng thái hiện-hữu nào nữa*" với hàm nghĩa không còn những trạng thái hiện-hữu như đã từng xảy ra từ vô thủy, tức không còn tái sinh lại trong cõi chúng sinh hiện-hữu nào nữa). (67)

[13] [**MA** giải nghĩa là: Phật có '*sự bi-mẫn đối với những thế hệ tương lai*' (i) trước tiên có nghĩa là *đối với* những thế hệ Tỳ kheo sau thời Phật, và (ii) thứ hai là để sau này sau khi họ nhìn thấy việc Đức Phật đã lui về trú sống ở những nơi rừng sâu hẻo lánh (thiếu thốn điều kiện sống) như vậy, thì họ sẽ làm theo gương Phật, và nhờ vậy mới tăng tiến nhanh trong sự tu tập để mau dẫn tới mục tiêu 'diệt-khổ'. (Ý nghĩa câu này cũng được nói và hiểu tương tự trong một bài kinh mà người nói điều này với Phật là thầy A-nậu-lâu-đà khi Phật hỏi vì sao thầy ấy chọn cách sống tu trong rừng và giữ 13 giới tu khổ hạnh (đầu-đà).).] (68)

Kinh 05

[14] [Ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca là em chú bác của Phật (cha của ông là Amitodana, là chú ruột của Phật), và là anh ruột của 02 vị Tỳ kheo nổi tiếng là Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) và Ānanda. Ông Mahānāma đã chọn ở lại tại gia để người em Anuruddha đi tu. Câu chuyện của ông đã được kể trong quyển sách *Cuộc Đời Của Đức Phật* bởi nhà sự dịch giả bộ kinh này là Tỳ Kheo Ñāṇamoli, trang 80–81.]

- (Còn Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) và công chúa Yasodraha (Da-du-đà-la, vợ của Phật) cũng là em chú bác của Phật (cha của họ là Suppabuddha, cũng là một chú ruột của Phật). Như vậy Mahānāma, thầy A-nậu-lâu-đà, thầy Ānanda và Đề-bà-đạt-đa, Da-du-đà-la đều là em chú bác của Phật.) (205)

[15] [Theo luận giảng **MA**, cư sĩ Mahānāma (Đại Danh) từ lâu đã chứng ngộ thánh quả Nhất-lai, (theo định nghĩa công thức) là trạng thái *chỉ mới làm giảm thiểu tham, sân, si* chứ chưa bứng sạch 03 gốc rễ bất thiện đó. **MA** nói chỗ này ông đã có một ý-niệm lầm tưởng rằng *tham, sân, si* đã được bứng sạch bởi chặng thánh đạo Nhất-lai. Do vậy khi ông thấy chúng vẫn còn khởi lên trong tâm mình, ông nhận ra chúng vẫn chưa được trừ bỏ, nên ông đã tham vấn Phật về nguyên nhân chúng vẫn còn khởi sinh như vậy. Có những vị thánh đệ tử của Phật cũng đã từng nhầm tưởng (ngộ nhận) rằng *những ô-nhiễm* của mình đã được trừ bỏ bởi chặng thánh đạo nào đó (nhưng thực ra thì chưa).] (206)

[16] [Từ cái ý đang thảo luận về *sự nguy-hại* trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc): có lẽ "*trạng thái*" (*dhamma*) mà ông Mahānāma chưa trừ bỏ hết chính là *tham-dục*, nó giữ ông ta trong đời sống tại gia và thụ hưởng những khoái-lạc giác quan.] (207)

[17] [Câu "*sự hoan-hỷ* (*hỷ*) *và hạnh-phúc* (*lạc*) *có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan* (*dục lạc*)" là yếu-tố *hỷ* và *lạc* thuộc tầng thiền định thứ nhất và thứ hai; còn trạng thái "*bình-an hơn đó*" chính là những tầng thiền định cao hơn (thứ ba và tư). Từ đoạn kinh này có lẽ một đệ tử có thể chứng đắc tới thánh đạo và thánh quả (siêu-thế) thứ hai mà không cần phải kinh qua tầng thiền định thế-tục. (Nghĩa là, một đệ tử tại gia có thể một lúc chứng đắc thánh đạo và thánh quả Nhất-lai (là siêu-thế) chứ không cần phải qua chặng thánh đạo Nhập-lưu (còn thế-tục, chưa vào dòng thánh đạo siêu-thế).] (208)

[18] [Trong kinh gốc, chỗ này là một đoạn dài mô tả về những nhục hình đau đớn và khủng khiếp nhất trong những thời phong kiến cổ đại. Tiếp theo liệt kê những hình phạt có những tên lạ khác nhau …]. (Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu ghi tiếp như vầy: "họ dùng hình phạt bối đầu hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình... Hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối trấp hình... chuyển hình... cao đạp đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.") (201)

[19] [Lưu ý chỗ này: những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) vừa được kể ra ở trên được gọi là "*một đống khổ ngay trong kiếp sống này*" (*sandiṭṭhiko dukkhakkhandho*); còn mục 15. này thì sự khổ này được gọi là "*một đống khổ trong kiếp sau*" (*samparāyiko dukkhakkhandho*), tức do sống thiếu đức-hạnh trong ba nghiệp (hành-động, lời-nói, tâm) nên nghiệp xấu sẽ báo ứng thành quả xấu đến tận kiếp sau.] (202)

[20] [Những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha), tức những người theo đạo Jain của vị đạo sư là Ni-kiền-tử Nātaputta (Nigaṇṭha Nātaputta) [ông cũng được biết đến với tên là ông Mahāvīra (Đại Thiên)], nhấn mạnh sự thực hành sự khổ hạnh hành xác để lột bỏ dần những nghiệp xấu ác được tích lũy trong quá khứ và tiền kiếp. Mục đích của đoạn kinh này, theo luận giảng **MA**, là để chỉ ra *sự thoát-khỏi*, đã không được họ chỉ ra cùng lúc với *sự thỏa-thích* và *sự nguy-hại* trong *những khoái-lạc giác quan*. (Thông thường 03 chữ này đi chung trong công thức '*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*' đối với một sự bất thiện nào đó). Đức Phật đã đưa vào chỗ này sự khổ hạnh hành xác của đạo Jain để chứng tỏ giáo lý của Phật là con đường "*trung-đạo*" tránh bỏ 02 loại cực đoan là sự đắm chìm trong những khoái-lạc giác quan và sự khổ hạnh hành xác.] (209)

[21] [Những Ni-kiền-tử nắm giữ quan-điểm rằng "*mọi sự một người trải nghiệm đều do nghiệp quá khứ.*" Nếu đúng là như vậy [Đức Phật ở đây luận ra rằng] thì những sự đau đớn thấu tận mà họ phải bị khi họ đang thực hành sự khổ hạnh hành xác có lẽ là nghiệp quả của những nghiệp ác rất nặng mà họ đã gây ra trong những kiếp trước; (tức Phật dùng ngay cái quan-điểm về

nghiệp của họ để luận ra cho họ thấy nguyên nhân (nghiệp nhân) của sự nếm trải đau đớn mà họ đang thực hành).] (210)

[22] [**MA** chú giải rằng: chỗ này nói về sự trải-nghiệm niềm hạnh-phúc của sự chứng quả của Phật, tức sự chứng quả A-la-hán (*arahattaphalasamāpatti*).] (211)

[23] [*Daṇḍapāni*, tên ông có nghĩa là "*gậy trong tay*" (có thể dịch là '*ông cầm gậy*', '*ông chống gậy*'), có tên như vậy là do ông thường đi lại một cách phô trương với cây gậy mạ vàng của mình mặc dù ông vẫn còn trẻ mạnh chưa cần phải chống gậy. Theo luận giảng **MA** thì ông đã cùng phe với Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), người tư thù với Phật, trong thời gian Devadatta tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

- Ở đây, cách ông ta hỏi mà không xưng hô thưa gửi, chỉ hỏi một cách kiêu ngạo và cố ý trêu chọc, gây sự với Phật.] (226)

[24] [Phần đầu Phật trả lời thẳng lại thái độ thái quá của ông Daṇḍapāni. **MA** trích dẫn chỗ này liên quan tới kinh **SN 22:94**: "*Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với thế gian [tức: thế giới chúng sinh]; mà ngược lại, thế gian tranh chấp với ta. Một người chủ trương theo Giáo Pháp thì không tranh chấp với bất cứ ai trong thế gian này*." Phần thứ hai được cho có nghĩa là: đối với bậc A-la-hán [ở đây Phật dùng chữ "*vị bà-la-môn đó*" để chỉ Phật] thì những nhận-thức (tưởng) không còn đánh thức những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) đang nằm ngủ chuyển biến thành những ô-nhiễm (lậu hoặc). Những tùy-miên này sẽ được liệt kê trong mục 8 ngay bên dưới.] (227)

[25] [Sự phản ứng này của ông ta dường như biểu hiện sự thất vọng và hoang mang; (vì ông không hiểu nỗi lời Phật mới nói).] (228)

[26] [Sự diễn dịch đoạn chữ kinh điển này là dựa vào xung quanh chữ *papanca* và cụm chữ kết hợp *papanca-sannā-sankhā*.

- **Ñm** đã dịch chữ đầu là: "*sự biến tướng đa dạng*" hay "*sự đa dạng hóa*" và cụm chữ sau là "*những tính toán về những nhận-thức về sự đa dạng hóa*", (nghe hơi khó hiểu).

- Tuy nhiên, dường như cái rắc rối từ đầu là do chữ *papanca* không thực sự có nghĩa là "*sự đa dạng hóa*", nghĩa này chỉ đúng khi trường cảm-nhận tự nó

thể hiện sự đa dạng, nhưng cái khuynh hướng tưởng tượng của người phàm tục bùng phát theo một luồng hý luận của tâm làm che mờ cái dữ liệu thuần khiết của sự nhận-biết.

- Trong một luận văn sâu sắc của mình (*Khái Niệm và Thực Tại trong Phật giáo Tiền thân*), Tỳ kheo Ñāṇananda đã giải thích chữ *papanca* là "*sự phóng tâm thuộc/theo khái-niệm*" và tôi đã làm theo thầy ấy dùng chữ "*sự phóng tâm*" để thay cho chữ "*sự đa dạng hóa*" của thầy **Ñm**. Những luận giảng đều xác định nguồn gốc của sự phóng-tâm này nọ chính là 03 yếu-tố: *dục-vọng* (ái), *sự tự-ta* (ngã mạn), và *những quan-điểm này nọ* (tà kiến)—dựa vào đó cái tâm cứ "tô vẻ" sự trải nghiệm bằng cách diễn dịch theo khái-niệm '*của-ta*', '*ta*', '*bản ngã của ta*'. Như vậy chữ *papanca* là rất cận nghĩa với chữ *mannanā* (sự tự-ta, ngã mạn) trong kinh **MN 1**—mời coi thêm chú thích số 6 ở đầu Quyển 1 này.

- Cụm chữ kết hợp *papanca-sannā-sankhā* thì càng thêm rắc rối. Thầy Ñāṇananda đã diễn dịch nó có nghĩa là "*những khái-niệm được đặc trưng bởi khuynh-hướng phóng phiếc của tâm*", nhưng sự giải nghĩa này vẫn còn bỏ quên một chữ trong đó là *sannā*.

- **MA** giải nghĩa *sankhā = koṭṭhāsa* (phần, phần chia) và nói rằng chữ *sannā* có nghĩa là *sự nhận-thức liên quan* (*câu hữu*) *với papanca* hoặc đồng nghĩa với chính *papanca*. Tôi đồng tình với thầy Ñāṇananda coi chữ *sankhā* có nghĩa là '*khái-niệm*' hay '*ý-niệm*' hơn là '*phần*' [Thầy **Ñm** dịch là "*những tính toán*" là quá theo nghĩa đen]. Tôi quyết định coi chữ *sannā-sankhā* là một chữ ghép đồng đẳng (*dvanda*): "*những nhận-thức và những ý-niệm*"; quyết định này có thể bị nghi vấn nhưng do cụm chữ *papanca-sannāsankhā* có xuất hiện nhưng *rất hiếm* trong kinh điển và nó chưa bao giờ được ai phân tích ra bằng lời nói, cho nên cũng không có sự diễn dịch nào hoàn toàn thoát hẳn khỏi sự nghi ngờ hay nghi vấn. Như vậy cách diễn dịch thay thế cho toàn bộ cụm chữ này có thể là "*những ý-niệm [đã khởi sinh từ] sự phóng phiếc của những nhận-thức* (*tưởng*)" hay là "*những ý-niệm thuộc nhận-thức [đã khởi sinh từ] sự phóng tâm*".

- Phần tiếp sẽ làm rõ rằng: *tiến-trình nhận-biết* tự nó là "*cái nguồn thông qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra từ] sự phóng phiếc của tâm bao vây một người.*" Nếu *không còn gì* được tìm thấy trong tiến-trình

nhận-biết để thích thú, đón chào hay nắm giữ, thì những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra những ô-nhiễm sẽ đi đến *chấm dứt*.] (229)

[27] [Trong kinh **AN 1:197** Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahā Kaccāna) được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những người thiện giỏi về phân-giải một cách chi tiết điều (giáo lý) đã được nói ra một cách tóm lược (bởi Phật). Kinh **MN 133** và **MN 138** cũng được nói bởi vị trưởng lão này trong một hoàn cảnh tương tự.] (230)

[28] [Nguyên văn đoạn chữ này là: *Cakkhubhūto nāṇabhūto dhammabhūto brahmabhūto*. **MA**: Đức Thế Tôn là *tầm-nhìn* theo nghĩa bậc ấy là người dẫn đầu về tầm-nhìn; bậc ấy là *trí-biết* theo nghĩa bậc ấy phổ biến mọi điều để (mọi người) biết; bậc ấy là *Giáo Pháp* theo nghĩa bậc ấy bao gồm Giáo Pháp mà bậc ấy đã nói ra sau khi suy xét nó trong tâm; bậc ấy là *bậc thánh thiên* (như Trời, như Phạm thiên, Brahmā) theo nghĩa là bậc tốt nhất.] (231)

[29] [Đoạn này chỉ cách mà sự *papanca*, khởi lên từ *tiến-trình nhận-biết*, đã làm khởi sinh những nhận-thức và những ý-niệm làm áp đảo và biến người tạo ra chúng thành nạn nhân của chúng.

- Trong **Ms** có ghi một chú giải của thầy **Ñm** như vầy: "Sự gặp nhau của mắt, hình-sắc, và thức mắt được gọi là sự tiếp-xúc. Sự tiếp-xúc (xúc) theo lý Duyên Khởi ('sự khởi-sinh tùy thuộc') là điều-kiện (duyên) chính tạo ra cảm-giác (thọ). Cảm-giác (thọ) và nhận-thức (tưởng) là không thể tách rời nhau [như kinh **MN 43**.9 có ghi].

- Thứ được nhận-thức là 'này' thì được nghĩ tới theo kiểu khác đi, và cứ như vậy bị biến tướng khác đi với cái 'kia' và khác với 'ta'.

- Sự biến tướng đa dạng này—dính líu với dục-vọng (ái) đối với hình-sắc, với quan-điểm sai lạc (tà kiến) về sự thường hằng của hình-sắc, vân vân … và với sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây)—dẫn tới sự bận tâm với sư tính toán khả năng tham-muốn những hình-sắc trong quá khứ và hiện tại với quan-điểm để đạt được những hình-sắc đáng mong muốn trong tương lai."

- Có lẽ chìa khóa để diễn dịch đoạn này là cách giảng giải của thầy Đại Ca-chiên-diên về bài kệ *Bhaddekaratta* (*Một Đêm Xuất Sắc*) trong kinh **MN 133**.

- Cũng trong đó sự thích-thú những yếu-tố nhận-biết đóng một vai trò nổi bật trong sự trói buộc nhân-duyên, và sự lặp lại những vần kệ theo 03 thời (quá khứ, tương lai, hiện tại) là có liên đới với sự dẫn chiếu 03 thời trong kinh này.] (232)

30 [Thành ngữ Pāli *phassapannattiṁ pannāpessati*, trong đó một động từ mà có một vị ngữ (đối tượng) bắt nguồn từ chính động từ đó là rất khó! **Ñm** ban đầu dịch câu này là "*người đó sẽ mô tả một sự mô tả về sự tiếp-xúc*". Nếu dịch "*chỉ ra một sự thể hiện*" thì ít theo nghĩa chữ của chữ gốc nhưng nó thực sự công bằng đối với ý nghĩa mà không làm sai lệch cách hiểu. **MA** nói đoạn này muốn chỉ ra *toàn bộ cái vòng luân-hồi hiện-hữu* (*vaṭṭa*) theo cách diễn đạt bằng *12 cơ-sở cảm-nhận* (12 xứ; sáu nội xứ và 6 ngoại xứ; sáu giác-quan và 6 đối-tượng giác quan); mục 18 chỉ ra *sự chấm dứt vòng luân-hồi* (*vivaṭṭa*) theo cách diễn đạt bằng *sự triệt tiêu 12 cơ-sở cảm-nhận* đó.] (233)

31 ["*Hòn mật*" ở đây có thể là cách gọi một cái bánh ngọt lớn hay một dạng như bánh cam tròn hay cục bột tròn được vò từ bột, bơ sữa, mật đường, mật ong, đường … Coi thêm kinh **AN 5:194**, mục (2).] (234)

32 [Theo biên niên sử Tích Lan, đây là bài kinh đầu tiên được thuyết giảng bởi Trưởng Lão Mahinda sau khi ngài đến Tích Lan. (A-la-hán Mahinda (Ma-hi-đà) là thái tử, cùng với em ruột mình là công chúa Sanghamitta (Tăng-già-mật-đa), đã được vua cha của mình là hoàng đế Phật tử Asoka (A-dục vương) cho xuất gia và được phái cử qua Tích Lan trong sứ mạng truyền bá Phật giáo. Nhờ những Tỳ kheo giống như họ mà Phật giáo nguyên thủy [tức *Trưởng Lão Bộ*] đã được gìn giữ ở Tích Lan mà không bị tiêu hủy ở Ấn Độ bởi quân hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ xâm lược và tàn sát Ấn Độ sau đó.)] (319)

33 [*Vacchāyana* là tên họ tộc của du sĩ *Pilotika* đó.] (320)

34 [**Ñm** đã dịch chữ *ekabhattika* là "*ăn chỉ trong một buổi của ngày*" theo ý của luận giảng. Theo Luật Tạng, thời gian phù hợp để các Tỳ kheo ăn *từ lúc rạng sáng cho đến giữa trưa*. Từ giữa trưa (giờ ngọ) tới rạng sáng ngày hôm sau chỉ được uống nước và những chất lỏng.] (321)

35 [Phần công thức (phòng hộ các căn) này đã được phân tích trong **Vsm** I, 53–59. Tóm tắt là: *những dấu-hiệu* hay *những nét chung* (*nimitta*) là những phẩm-chất đặc thù nhất của đối-tượng, mà nếu nắm giữ chúng một cách không chánh-niệm thì có thể làm phát sinh những ý-nghĩ ô nhiễm; *những*

đường-nét hay *những nét riêng* (*anubyanjana*) là những chi-tiết tiếp theo có thể thu hút sự chú-ý nếu sự tiếp-xúc thuộc về nhận-thức đã không được theo dõi bởi sự kiềm-chế.

- "*Những trạng thái thèm-muốn* (tham) và *buồn-bực* (ưu) là chỉ những phản ứng của tham và sân, sự thích và sự ghét, sự muốn và sự chê đối với những đối-tượng của giác-quan.] (322)

[36] [*Sự thèm-muốn* (*abhijjhā*) là đồng nghĩa với tham-dục giác quan, tức nhục dục (*kāmacchanda*): đây là chướng ngại thứ nhất trong năm chướng-ngại cản trở người tu tu tập. Chỗ này chỉ sự tu tập để vượt qua chướng-ngại "*tham-dục*" đó.] (323)

[37] [TKBĐ: Người đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận như vậy về Phật, Pháp, Tăng bởi vì trạng thái *các tầng thiền định sắc-giới* (*jhāna*), cũng như *các tầng chứng đắc vô-sắc giới* cao hơn sau đó, không phải là giáo lý 'độc quyền' hay giáo lý 'riêng' [cũng không phải là *toàn bộ con-đường đạo*] của Phật giáo; (bởi vì những người giáo phái khác trước Phật cũng có thể tu tập thiền định và chứng đắc những tầng thiền định đó).

- **MA** giải thích: Người đó không đi đến kết luận về Tam Bảo bởi vì những tầng thiền định (*jhāna*) và những trí-biết trực tiếp [còn thế tục] thì những người ngoài đạo Phật cũng có thể nắm giữ hay có được.] (324)

[38] [Theo **MA**: chỗ này chỉ lúc người tu đang còn ở trong dòng thánh đạo siêu thế. Bởi vì cho tới lúc này vị đệ tử thánh thiện vẫn chưa hoàn thành rốt ráo con-đường tu hành, cho nên người đó vẫn chưa (tự mình thấy biết để) *đi đến một kết luận* (*na tveva niṭṭhaṃ gato hoti*) về Phật, Pháp, và Tăng [Tam Bảo]; hơn nữa, lúc này người đó vẫn *đang trên tiến-trình đi đến một kết luận* (*niṭṭhaṃ gacchati*). Cụm từ "*đi đến kết luận*" chỗ này trong bài kinh là một cách chơi chữ tình cờ khả thi trong cả tiếng Pāli và tiếng Anh (và cũng khả thi trong tiếng Việt)—tức nó cũng đồng nghĩa "*đi đến kết thúc*", "*đi đến chung cuộc*", tức *đi đến đạo quả cuối cùng*; và tới lúc đó người tu mới *thực sự đi đến kết luận cuối cùng* như vậy về Phật, Pháp, Tăng.] (325)

[39] [**MA**: Chỗ này chỉ thời lúc vị một đệ tử thánh thiện đó đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, và sau khi đã hoàn-thành tất cả những trách-phận tu tập của mỗi ngày, cuối cùng người đó cũng đi đến kết-luận về Tam Bảo như vậy, (và

đó cũng là sự đi đến chung-cuộc, chung-kết, mục-tiêu cuối cùng của sự tu hành).] (326)

[40] [06 vị đạo sư này, là những người đương thời lớn tuổi hơn Phật, đều đứng ngoài phạm vi của Bà-la-môn giáo chính thống, và giáo thuyết của họ thể hiện sự táo bạo về suy đoán vào thời Đức Phật. 06 người này thường được nói đến trong các kinh. Những giáo lý của họ, theo cách hiểu của những người theo Phật giáo, đã được ghi trong kinh dài **DN 2**.17–32/ii.52–59.] (350)

[41] [Câu hỏi này cũng được đặt ra bởi du sĩ Subhadda vào đêm trước ngày Bát Niết-bàn của Phật. Coi kinh dài **DN 16**.5.26–27/ii.150–52.] (351)

[42] [Trong một số kinh khác (như kinh **MN 29** kế trên), câu này thường là "*Như vậy người đó trở nên say-sưa ...*". Còn ở đây, trong kinh này, thì câu này được thay bằng "*Như vậy người đó không phát khởi mong-muốn …*". Đây là chỗ khác nhau giữa các đoạn tương ứng của 02 kinh này.] (352)

[43] [Mặc dù những tầng thiền định sắc giới (*jhāna*) cũng có thể nằm trong sự chứng đắc phần "*Định-tâm*" đã được nói đến trong mục 10, và phần '*Trí-biết và tầm-nhìn*' đã luôn được mô tả là cao hơn những sự chứng đắc thiền định (sắc giới và vô-sắc giới), nhưng bây giờ những tầng thiền định được nói là cao hơn 'trí-biết và tầm-nhìn' bởi vì giờ chúng được coi là cơ-sở để chứng ngộ sự chấm-dứt (diệt) và sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) như được nói trong mục 21.] (353)

[44] [Theo **MA**, Saccaka là con trai có cha mẹ là những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) theo Kỳ-na giáo (đạo Jain), cả hai người cũng đều là những người giỏi tranh biện về triết học. Anh ta đã học một ngàn giáo thuyết từ cha mẹ mình và nhiều hệ triết lý từ những người khác. Trong cuộc đối thoại dưới đây, anh ta được gọi bằng tên họ tộc là Aggivessana.] (369)

[45] [Ngài Assaji (A-thuyết-thị) là một trong nhóm 05 vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật (nhóm có ngài Kiều-trần-như trong "bài thuyết giảng đầu tiên"), và do vậy ngài Assaji cũng là một trong năm vị A-la-hán đầu tiên. (Ngài Assaji cũng chính là vị sa-môn mà thầy Xá-lợi-phất (Upatissa) khi chưa xuất gia đã gặp ở thành Vương Xá, và sau khi nghe mấy câu kệ của ngài, thầy Xá-lợi-phất đã giác ngộ Nhập-lưu. Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến kể lại cho thầy

Mục-kiền-liên (Kolita) và cả hai cùng đến gia nhập Tăng Đoàn, và sau đó hai thầy đã được Phật chỉ định là hai vị đại đệ tử thứ nhất và thứ hai của Tăng Đoàn).] (370)

46 [Lời tóm tắt giáo thuyết này bị bỏ mất đặc tính thứ hai, đó là *khổ* (*dukkha*), đầy đủ là '*vô-thường, khổ, vô-ngã*'. **MA** giải thích rằng ngài Assaji đã bỏ đặc tính này nhằm tránh tạo cho Saccaka cơ hội cố gắng bài bác giáo lý của Phật.] (371)

47 [**MA** giải thích những người chơi trò này khi chuẩn bị chà giặt quần áo bằng cây gai dầu. Họ cột một nắm cây gai dầu thô ráp, nhúng xuống nước, và đập chúng vào chỗ trái, phải, giữa của những tấm gỗ. Một con voi hoàng gia nhìn thấy trò này thì nó (bắt chước) hút nước vào vòi và phun nước trên bụng, trên thân, hai bên thân, và dưới háng nó.]

- (Cách nói khoát lác bằng cả đoạn này cũng có trong kinh **MN 56**.7 bởi gia chủ Upāli.) (372)

48 [Khi khẳng định năm uẩn chính là cái ta hay bản ngã, dĩ nhiên anh ta đã trực tiếp mâu thuẫn với giáo lý của Phật về sự vô-ngã (*anattā,* không phải là cái 'ta'). Anh ta còn quàng gán quan-điểm hữu ngã của mình cũng là của "số đông lớn" với nghĩa hùa rằng "đa số thì không thể sai lầm".] (373)

49 [Ở đây Đức Phật đang gợi ý rằng các uẩn không phải là 'ngã' bởi vì chúng thiếu những đặc tính thực thể của 'bản ngã'—thứ gì không thể nằm dưới sự làm-chủ hay sự kiểm-soát hoàn toàn của ta thì không thể được nhận là 'bản ngã của-ta' cho được.] (374)

50 [**MA** nhận dạng quỷ thần hay quỷ dạ-xoa (*yakkha*) này là vua trời Sakka, vua của những thiên thần.] (375)

51 [Đoạn nằm giữa ngoặc {…} này không có trong ấn bản **PTS** nhưng được cung cấp từ **BBS** và **SBJ**. Năm uẩn ở đây được gọi chung là "*thứ khổ*" hay "*sự khổ*" bởi vì chúng là *vô-thường* và *không thể nào được làm-chủ hay điều-khiển* (cho khỏi già, bệnh, chết… vì chúng đích thực đâu phải là '*của-ta*' nên 'ta' đâu điều khiển được chúng).] (376)

52 [Những cụm tính từ này là những đặc tính của một bậc học-nhân (*sekha*). Ngược lại, bậc A-la-hán không chỉ có-được chánh-kiến về sự vô-ngã mà còn

dùng nó để tẩy bỏ tất cả mọi sự dính-chấp (phá chấp, diệt thủ), như Đức Phật sẽ giảng giải trong mục 25 kế bên dưới.] (377)

53 [**MA** đã đưa ra tới 03 cách chú giải thay phiên về 03 chữ này là: (i) Chúng là trí-tuệ, sự tu-tập, và sự giải-thoát thế tục và siêu thế. (ii) Hoặc chúng hoàn toàn là siêu thế: tầm-nhìn là chánh-kiến của thánh đạo A-la-hán, sự tu-tập là bảy phần thánh đạo còn lại, và sự giải-thoát là thánh quả tối thượng [A-la-hán]. (iii) Hoặc tầm-nhìn là tầm-nhìn của Niết-bàn, sự tu-tập là những phần thánh đạo, và sự giải-thoát là thánh quả tối thượng.] (378)

54 [Mặc dù thanh niên Saccaka đã thừa nhận thua cuộc trong tranh luận, nhưng anh ta vẫn coi bản thân mình như một vị thánh, và do vậy anh ta không cảm thấy sự thúc-giục nên quy y nương tựa theo Tam Bảo. Cũng vậy, do anh ta vẫn nghĩ mình là một vị thánh, nên chắc anh ta cảm thấy sẽ không phù hợp (không cần thiết) để dành công đức cúng dường cho bản thân mình, nên anh ta mới nói cầu mong cho công đức và công quả cúng dường cho những người Licchavi ở đó. Nhưng Phật đã trả lời anh ta rằng: (i) những người Licchavi sẽ có được công đức bằng việc họ cung cấp thức ăn cho Sac-caka (để anh ta cúng dường cho Phật), và (ii) trong khi đó anh ta sẽ có được công đức bằng việc cúng dường cho Phật. Công đức từ việc bố thí thức ăn sẽ khác nhau về chất lượng tùy thuộc vào sự trong-sạch (thanh tịnh) của người nhận, như đã được giảng giải trong kinh **MN 142**.6.] (379)

55 [Đây là một quan-điểm của những người theo chủ nghĩa duy-vật và tư tưởng diệt-vong, tức coi 'chết là hết', không công nhận có kiếp sau và những nghiệp quả. "*Không có gì được cho…*" có nghĩa là: không có kết quả gì từ việc cho-đi …; "*không thế giới này, không thế giới khác*" nghĩa là: không có chuyện tái sinh vào thế giới này hay thế giới khác; "*không mẹ, không cha*" tức là: không có kết quả hay quả báo gì từ việc đối xử xấu hay tốt đối với cha mẹ. Còn câu "*không có tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào* …" có nghĩa là từ chối sự có mặt của những vị Phật và những vị A-la-hán.] (425)

56 [**MA** giải thích rằng: "*những thiên thần phát quang*" không phải là một cấp hạng các thiên thần, mà chỉ là một *danh từ chung* dùng để gọi chung 03 cấp hạng được liệt kê kế tiếp chữ đó (phát quang ít, phát quang vô lượng, và phát quang thành dòng). Tương tự như vậy, "*các thiên thần hào quang tỏa sáng*" cũng là một *danh từ chung* để gọi chung các loại thiên thần được liệt kê kế tiếp chữ đó (hào quang nhỏ, hào quang vô lượng, hào quang chói lọi).]

- Hệ thống phân cấp những cõi trời đã được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 46–48 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).]

- (Mời coi thêm phần chú thích bổ sung [►►] của người dịch về các danh sách và sự phân loại những cõi tái sinh ở cuối chú thích 1135, kinh **MN 120**, mục 19 (Quyển 3).) (426)

[57] [Nên lưu ý rằng, trong khi "*hành-vi đúng theo Giáo Pháp*" được nói trong bài kinh là "*điều-kiện cần*" (phải có) để giúp dẫn tới sự tái sinh vào những cõi trời cao quý phúc lành và giúp dẫn tới sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, nhưng đó cũng là *điều-kiện-đủ* luôn.

- [Mục 18-42]: Nhóm **(b)** là sự tái sinh trong các (08) cõi trời [bắt đầu từ cõi trời của "*những thiên-thần là tùy tùng của Trời Brahmā*" (Phạm chúng thiên) *... những thiên thần có phúc quả lớn* (quảng quả thiên)] đòi hỏi người tu (theo thứ tự) chứng đắc các (04) tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) từ Nhất Thiền … Tứ Thiền. Nhóm **(c)** là sự tái sinh trong các (05) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất-lai [bắt đầu từ cõi của "*những thiên-thần cõi trời bền-chắc*" (vô đọa thiên) … cõi trời của "*những thiên thần cõi trời tối cao*" (vô song thiên, sắc cứu kính thiên)] đòi hỏi người tu chứng đắc thánh quả Bất-lai. Nhóm **(d)** là sự tái sinh trong các (04) cảnh vô-sắc giới đòi hỏi người tu (theo thứ tự) chứng đắc các (04) tầng chứng đắc vô-sắc giới tương ứng (tên cảnh giới tái sinh và tầng chứng đắc là giống nhau tương ứng).

- [Mục 43]: Và sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu-tận) đòi hỏi người tu phải tu tập hoàn thiện con đường *Bát Thánh Đạo* và chứng ngộ tới thánh quả A-la-hán.]

- (Các số PHÂN NHÓM những cõi trời (a), (b), (c), (d) và số thứ tự của chúng (i), (ii), (iii) … (viii) là do người dịch Việt đặt ra để người đọc hiểu nhanh chú thích này, và để sau này có thể học nhớ những nhóm và những bậc cõi trời tương ứng những trình độ tu-tập.) (427)

[58] [Nam cư sĩ Visākha là một thương nhân giàu có ở vùng Rājagaha (Vương Xá) và là một bậc thánh Bất-lai. Tỳ kheo ni Dhammadinnā, là vợ của ông trước khi cô xuất gia đi tu và cô đã chứng thánh quả A-la-hán rất nhanh sau khi thụ giới Tỳ kheo ni. Ni được Đức Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những đệ tử Tỳ kheo giỏi thuyết giảng Giáo Pháp (đệ nhất thuyết pháp trong số những Tỳ kheo ni).] (459)

[59] [**MA** giải nghĩa chữ ghép *panc'upādānakkhandhā* (năm uẩn bị dính-chấp) có nghĩa là năm uẩn trở thành điều-kiện (duyên) tạo ra sự dính-chấp [**MṬ** thì nói: năm uẩn là những đối-tượng của sự dính-chấp]. Nói ngắn gọn, vì năm uẩn chính là *toàn bộ Diệu Đế về Khổ* (Diệu Đế 1) [theo kinh **MN 9**.15; **MN 28**.3], nên có thể thấy câu hỏi thứ nhất là để vấn hỏi về Bốn Diệu Đế được nói theo cách diễn đạt bằng thuật ngữ '*danh tính*' hơn là diễn tả theo cách '*sự khổ*'.] (460)

[60] [**MA**: Bởi vì *sự dính-chấp* (thủ) chỉ là một phần của uẩn *những sự tạo-tác cố ý* (hành uẩn) [như được định nghĩa ở đây là *tham*], nên đó không phải hoàn toàn là một với năm uẩn bị dính-chấp; nhưng bởi vì sự dính-chấp không thể nào không dính líu khỏi năm uẩn, nên cũng không có sự dính-chấp nào nằm tách riêng khỏi năm uẩn.] (461)

[61] [Có 24 loại *quan-điểm có danh-tính* (cách-nhìn có danh-tính, thân kiến). **MA** đã trích dẫn từ **Pṭs i.144–45** để minh họa cho 04 kiểu *quan-điểm có danh-tính* (thân kiến) trong trường hợp đối với *sắc-uẩn*. (i) Một người có thể coi *sắc-thân là cái* '*ta*' (ngã), theo cách coi một ngọn lửa của đèn dầu đang cháy là một với màu của ngọn lửa vậy; (ii) hoặc một người có thể coi *cái* '*ta*' *sở hữu sắc-thân*, như coi cái cây chuối sở hữu bóng nắng của nó vậy; (iii) hoặc một người có thể coi *sắc-thân nằm trong cái* '*ta*, như coi mùi hương hoa nằm trong bông hoa vậy; (iv) hoặc một người có thể coi *cái* '*ta*' *nằm trong sắc-thân* như viên ngọc ở trong cái hộp vậy.] (462)

[62] [Chữ uẩn (*khandha*) ở đây có nghĩa khác với nghĩa thông thường trong các ngữ cảnh của *năm uẩn bị dính-chấp*. *Ba uẩn* ở đây là chỉ *Ba Phần Tu-Tập* của những đệ tử đang tu học = ba phần/nhóm của *Bát Thánh Đạo*, tức là: *08 chi phần của Bát Thánh Đạo* được phân thành 03 phần/nhóm chính, đó là phần/nhóm *Giới-hạnh* (*sīla*), phần/nhóm *Định-Tâm* (*samādhi*), và phần/nhóm *Trí-Tuệ* (*pannā*).] (463)

[63] [*Bốn nền tảng chánh-niệm* là cơ-sở của sự định-tâm (*samādhinimitta*) theo nghĩa là điều-kiện của nó [**MA**]. Ở đây dường như không chính xác nếu dịch chữ *nimitta* (dấu hiệu, tướng) theo nghĩa là 'dấu-hiệu khác biệt' hay 'đối-tượng'. *Bốn loại sự chuyên-cần tu* (tinh cần) *đúng đắn* (tứ chánh cần) sẽ được giảng giải trong kinh **MN 77**.16.] (464)

[64] (Nội dung từ mục 13-21 của kinh này tương tự giống với nội dung của kinh **SN 41:06** (Quyển 4), chỉ thiếu dư một vài vấn đáp).

- [**MA**: Tỳ kheo ni Dhammadinnā đã biết trước ý định của ông Visākha muốn hỏi về *những sự tạo-tác* (hành) khi người tu chứng nhập trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng). Nhưng ni ấy đã giải thích 03 loại *sự tạo-tác* theo cách này hơn là cách nói về những *sự cố-ý* (tư) thiện và bất thiện của thân, lời-nói, và tâm; ý nghĩa liên quan trong ngữ cảnh của '*sự khởi-sinh tùy thuộc*' (lý duyên khởi).] (465)

65 [**MA** giải thích thêm rằng *sự tạo-tác của thân* (thân hành) và *sự tạo-tác của tâm* (tâm hành) được nói là "gắn liền" với thân và tâm theo cái nghĩa là chúng *được tạo-tác bởi* thân và *bởi* tâm; trong khi *sự tạo-tác của lời-nói* (khẩu hành) là sự tạo-tác theo cái nghĩa nó *tạo-tác* ra lời-nói.

- Thể động từ *vitakketvā vicāretvā* đã được dịch theo cách để duy trì sự nhất-quán với cách dịch chữ *vitakka* và *vicāra* là "*ý-nghĩ được áp dụng*" (tầm) và "*ý-nghĩ được duy-trì*" (tứ).] (466)

66 [*Sự chấm-dứt* [nhận-thức và cảm-giác] (diệt, diệt định, diệt thọ tưởng định) chỉ có thể được chứng đắc bởi bậc thánh Bất-lai hay A-la-hán đã có sự làm-chủ (thiện thạo) 08 tầng chứng đắc thiền định.

- Người thiền lần lượt chứng nhập mỗi tầng chứng đắc thiền định, rồi thoát ra khỏi nó, và quán xét nó bằng sự minh-sát (thiền quán) là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Sau khi hoàn thành các bước này thông suốt cho tới '*cảnh xứ không-có-gì*' (vô sở hữu xứ), người đó chú tâm tới một số bổn-phận sơ yếu, và sau đó quyết định '*không-có tâm*' trong một khoảng thời gian nào đó. Rồi sau đó người đó nhanh chóng chứng nhập trong '*cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức*' (phi tưởng phi phi tưởng xứ), sau đó tâm và những chức-năng của tâm (tâm sở) hoàn toàn ngừng diệt. Như vậy sự quyết định này của người tu, được bảo trợ bởi những sự hoàn-thiện và những sự chuẩn-bị trước đó, sẽ dẫn người đó vào sự chứng đắc *sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*. Mời coi thêm vấn đề này trong **Vsm** XXIII, 32–43.] (467)

67 [*Ý-nghĩ được áp dụng* (tầm) và *ý-nghĩ được duy trì* (tứ) chấm dứt trước trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền); tiếp theo *sự thở-vào và thở-ra* chấm dứt trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền); và sau cùng *nhận-thức và cảm-giác* chấm dứt trong chính sự chứng đắc *sự chấm-dứt* nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng).] (468)

[68] [Khi thời gian [đã được định trước bởi sự quyết định chứng nhập tầng thiền định] đã hết, bởi lý do đã quyết định trước như vậy, là lúc người thiền thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt và tiến-trình (có-) tâm sẽ hồi phục trở lại.] (469)

[69] [**MA**: Khi người tu thoát ra khỏi *sự chấm-dứt* (diệt định), thức thánh quả sẽ khởi sinh trước; và nhận-thức và cảm-giác gắn kết với *sự tạo-tác của tâm* khởi sinh trước. Rồi tiếp theo, với sự nhập vào (hạ vào) sự liên-tục sự sống, *sự tạo-tác của thân* (sự thở vào và thở-ra) bắt đầu trở lại. Và tiếp theo, khi người thiền phục hồi hoạt động bình thường của mình, thì *sự tạo-tác lời nói* sẽ khởi sinh. (Tức là: phục hồi *thức thánh quả*, rồi phục hồi *nhận-thức và cảm-giác*, rồi phục hồi *hơi-thở vào-ra*, như vậy là phục hồi *sự hoạt động của tâm* và *thân*, và rồi phục hồi *những ý-nghĩ*, rồi sau đó sẽ khởi sinh *lời-nói*. Theo thứ tự là *sự tạo-tác của tâm* khởi sinh trở lại trước, sau đó là *sự tạo-tác của thân* khởi sinh trở lại, rồi sau cùng là *sự tạo-tác của lời-nói* khởi sinh trở lại khi người tu thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng đó).] (470)

[70] [Trạng thái đầu tiên của thức khi đang thoát-khỏi trạng thái chấm-dứt (diệt định) là trạng thái của sự chứng đắc thánh quả, nó được gọi là sự trống-không (tính không), sự không dấu-hiệu (vô tướng), và sự không mong-cầu (vô nguyện) nhờ tính chất vốn có của nó và nhờ đối-tượng của nó là Niết-bàn. Ở đây 03 danh từ chỉ thánh quả đã được dùng để chỉ sự tiếp-xúc nối kết (câu hữu) với thánh quả.] (471)

[71] [**MṬ**: Chính Niết-bàn, là đối-tượng của thức thánh quả khởi sinh khi thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt (diệt định), được gọi là *sự tách-ly* (*viveka*) bởi vì nó đã tách-ly khỏi tất cả mọi sự có điều-kiện (hữu vi).] (472)

[72] [**MṬ**: 03 ô-nhiễm này được gọi là những *anusaya* (*khuynh-hướng tiềm ẩn*; *tùy miên*) theo cái nghĩa chúng (còn nằm tiềm ẩn bên dưới tâm và) chưa được dẹp bỏ (bứng khỏi) trong sự liên-tục của tâm mà chúng vốn thuộc về đó, bởi vì chúng 'có khả năng' khởi sinh khi có một nhân thích hợp tự có mặt. (Ví dụ, khi sắc đẹp tự có (trước mắt) là khởi tâm tham-dục bởi vẫn còn tùy-miên (tạo ra) tham-dục nằm bên dưới tâm thức; khi thấy điều-kiện sống nào khó chịu thì khởi tâm khổ bởi vẫn còn tùy-miên sân-hận nằm bên dưới).] (473)

[73] [**MA** giải thích rằng Tỳ kheo đó đã trấn áp cái *khuynh-hướng tạo ra tham* (tùy miên tham) và chứng đắc tầng thiền định thứ nhất. Sau khi đã làm cho khuynh-hướng tạo ra tham bị khống chế hẳn bởi tầng thiền định, người đó tu

tập sự minh-sát (thiền quán) và bứng sạch khuynh-hướng tạo ra tham bằng thánh đạo Bất-lai. Nhưng chỗ này chỉ là do nó đã được khống chế (tạm thời, lâm thời) bởi tầng thiền định nên mới nói "*khuynh-hướng tạo ra tham không còn nằm dưới đó*" (chứ thực ra phải chứng tới thánh đạo Bất-lai thì bậc thánh đó mới có thể thực sự bứng sạch tùy-miên tham đó).] (474)

74 [**MA** nhận dạng "*cơ-sở đó*" (*tadāyatana*) cũng như "*những sự giải-thoát tối thượng*" chính là thánh quả A-la-hán. *Sự ưu-tư khởi sinh do có sự mong-muốn đó* (nguyện duyên ưu) trong kinh khác được gọi là "*sự ưu-tư dựa trên sự từ-bỏ*" [kinh **MN 137**.13] (có lẽ theo nghĩa là: do mong-muốn có được sự từ-bỏ (giải-thoát) nên khởi sinh sự ưu-tư về làm cách nào để đạt tới điều đó).

- **MA** giải thích rằng: thực tế người tu *không* thực sự dẹp bỏ tùy-miên sân bằng phương tiện là sự ưu-tư đó đâu; thay vì vậy, do được thúc đẩy bởi mong-muốn có được những sự giải-thoát tốt thượng, người tu đảm nhận sự tu-tập với một sự kiên-quyết chắc chắn để bứng bỏ cái khuynh-hướng tạo ta sân bằng cách chứng đắc thánh đạo Bất-lai.] (475)

75 [**MA**: Tỳ kheo đó trấn áp *khuynh-hướng tạo ra si* bằng tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), làm cho nó bị khống chế hẳn, và sau đó bứng bỏ cái khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si bằng sự chứng đắc thánh quả A-la-hán.] (476)

76 [Chữ *đối-tác* là tạm dịch chữ *paṭibhāga* được dùng để diễn tả những mối quan hệ vừa là sự đối-nghịch và sự bổ-sung lẫn nhau.] (477)

77 [Sự ngu-si (sự không-biết, sự không nhận-biết, sự vô-minh) là đối tác của nó bởi vì cảm-giác không khổ không sướng là vi tế và khó để nhận biết.] (478)

78 [**MṬ** giải thích: Niết-bàn không có một đối tác đối-nghịch nào, tức là, không có những trạng nào có điều-kiện (hữu vi) nào trong/với nó. Nhưng theo nghĩa nghiêm ngặt thì nó không có đối tác bổ-sung, bởi vì làm sao có thể có thứ gì là bổ sung cho Niết-bàn, trạng thái không còn điều-kiện (vô vi)?] (479)

79 [**MA** diễn dịch: Bằng cách nói điều này, Phật đã làm bài kinh này thành "*Lời của bậc Chinh Phục*", được ấn chứng bởi bậc Chinh Phục.] (480)

617 [Từ sự khác nhau về cách chào Đức Phật cho thấy Pessa là một đệ tử của Phật, trong khi đó du sĩ Kandaraka là thuộc giáo phái khác—cho dù ông ta có sự tôn trọng và sự khâm phục.] (538)

618 [**MA**: Vì sự kính trọng đối với Phật và nhờ sự tu học họ đã có được, các Tỳ kheo không nói chuyện lẫn nhau lúc này, thậm chí không tằng hắng. Thân họ bất động, tâm thì không bị xao lãng, họ ngồi xung quanh đức Thế Tôn như đám mây hồng bao quanh Núi Tu-di (Sineru). Lúc này Kandaraka chắc hẳn đang so sánh hội chúng các Tỳ kheo với các hội chúng của những du sĩ, như đã từng được mô tả trong kinh **MN 76**.4.] (539)

619 [**MA** giải thích rằng Kandaraka không có sự trực-tiếp biết về những vị Phật trong quá khứ và tương lai. Nhưng ông ta nói ra câu này để thể hiện sự khâm phục đối với đoàn tăng các Tỳ kheo ở đó đã được tu học tốt, có kỷ luật, và tĩnh lặng như vậy. Tuy nhiên Đức Phật vẫn xác nhận điều ông đã nói trên cơ sở như đó là sự trực-tiếp biết của ông.] (540)

620 [**MA** diễn dịch: Bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) đã được đưa vào đây để chỉ ra cái *nguyên-nhân* làm nên thái độ tĩnh lặng và bình lặng của đoàn tăng ở đó. Về bốn nền tảng chánh-niệm, mời đọc lại kinh **MN 10** ở PHẦN 1 của bộ kinh.] (541)

621 [**MA** giải nghĩa là: "Chúng con cũng vậy, những lúc chúng con có cơ hội, chúng con cũng chú tâm tới (pháp tu) này; chúng con cũng là những người thực hành; chúng con không bỏ lơ hết toàn bộ việc thiền tập."] (542)

622 [Luận điểm của câu này là: sự xạo lừa và mưu mẹo của động vật chỉ là ít ỏi vài trò, nhưng của nhân loại thì vô cùng và đa dạng.] (543)

623 [**MA** giải thích đoạn này được đưa vào như phần tiếp-theo của lời tuyên bố của Pessa rằng đức Thế Tôn biết rõ phúc-lợi và sự nguy-hại của những chúng sinh; vì Phật đang chỉ ra 03 loại người đầu tiên thực hành những cách nguy-hại, trong khi loại thứ tư thực hành cách có ích-lợi. Đoạn này cũng có thể được kết nối với lời khen ngợi của du sĩ Kandaraka về Tăng Đoàn và về "một-cách giống nhau" mà tất cả những vị Phật trong quá khứ, hiện tại, và tương lai huấn luyện những Tăng Đoàn của họ.] (544)

624 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Sukhapaṭisaṁvedī brahmabhūtena attanā*. **MA**: Người đó trải nghiệm niềm chân-phúc của những tầng thiền định (*jhāna*), những thánh đạo, những thánh quả, và Niết-bàn.

- Chữ "*Brahma*", nghĩa gốc là Trời Brahma, thuộc cõi trời, phạm trú, nhưng ở đây nên được hiểu là *thánh thiêng* hay *thiêng liêng* hay *siêu xuất* (*seṭṭha*). Ở đây chữ này có thể là đã mượn ý trong Áo Nghĩa Thư (Upanishad) cho rằng những bà-la-môn có tự-ngã sẽ nhập vào đại ngã (*ātman*) thiêng liêng của Trời Brahma lớn.] (545)

625 [**MA** giải thích: Pessa có lẽ ra đã chứng được thánh quả Nhập-lưu nếu anh ta không đứng dậy hỏi chỗ ngồi và đi về trước khi Phật hoàn tất bài thuyết giảng. Những ích-lợi anh ta nhận được gồm 02 thứ: (i) anh ta đạt được niềm-tin vào Tăng Đoàn, và (ii) anh ta đã phát khởi một phương pháp mới để thấu hiểu bốn nền tảng chánh-niệm.] (546)

626 [Đoạn này (mục 8 này) liệt kê chi tiết về những sự hành xác khổ hạnh đã được thực hành bởi những người cùng thời với Phật lúc đó, và cũng như bởi bản thân Phật lúc còn là một Bồ-tát vào thời tu khổ hạnh trước khi giác-ngộ, giống như đã được mô tả trong kinh **MN 12**.45.] (547)

627 [Đoạn này (mục 10) chỉ ra sự thực hành của người hành xác bản thân với hy vọng đạt được công đức và tổ chức việc cúng tế liên quan tới việc tàn sát nhiều thú vật (để hiến tế) và áp bức những người làm công (làm những việc sát sinh đó).] (548)

628 [Đây là một A-la-hán. Để chỉ ra rõ rằng người đó không hành xác bản thân hay chúng sinh khác, tiếp theo Đức Phật đã mô tả con đường thực hành nhờ đó người tu đạt tới thánh quả A-la-hán.]

►(**Lưu ý**: Kế tiếp là (a) từ mục 12-19 là tương ứng giống hệt như mục 11-18 của kinh **MN 27**; và (b) từ mục 20 (1)-27 (8) là tương ứng giống hệt những đoạn thứ nhất của các mục 19 (1)-26 (8) của kinh **MN 27** ở PHẦN 1 của bộ kinh **MN** này). (549)

629 [Tất cả những cụm chữ này là mô tả về một A-la-hán.] (550)

630 [Nguyên văn cụm chữ này: *abhisankhataṁ abhisancetayitaṁ*. Hai tính ngữ này (*là có điều-kiện* và *được tạo ra một cách cố-ý*) thường xuyên được

dùng một cách kết nối nhau để chỉ một trạng thái có điều-kiện trong đó *sự cố-ý* (tư; *cetanā*) là yếu tố điều-kiện nổi trội nhất (tức do cố-ý tạo tác mà có, nên đó là trạng thái có điều-kiện (hữu vi)).] (551)

631 [Đoạn này giảng giải một phương pháp để tu tập "*minh-sát tuệ có sự định-tâm dẫn trước*" (*samathapubbangamā vipassanā*; coi thêm kinh **AN 4:170**/ ii.157). Sau khi đã chứng ngộ một tầng thiền định, người thiền thoát ra khỏi nó và quán xét trạng thái đó là được tạo ra bởi những điều-kiện, đặc biệt là bởi *sự cố-ý* (tư).

- Dựa trên cơ sở này, người đó xác định chắc chắn về tính vô-thường, và sau đó quán xét trạng thái tầng thiền định bằng sự minh-sát nhìn thấu ba dấu-hiệu '*vô-thường, khổ, vô-ngã*'. Mời coi thêm kinh **MN 64**.9–15 để thấy một cách tiếp cận khác tới sự tu tập minh-sát tuệ dựa trên cơ sở các tầng thiền định.] (552)

632 [*Bởi do "sự tham-muốn Giáo Pháp đó, sự thích-thú Giáo Pháp đó"* (*Dhammarāgena dhammanandiyā*). **MA** giải nghĩa: hai cụm chữ này chỉ *sự mong-muốn và tham-muốn* (*chandarāga*) với sự tôn trọng đối với *sự định-tâm* và *sự minh-sát* (tham đắm định và tuệ). Nếu người tu có khả năng giục bỏ *tất cả mong-muốn và tham-muốn đối với định và tuệ*, thì người đó đó sẽ thành A-la-hán; nếu người tu không thể dẹp bỏ chúng, người đó sẽ thành bậc Bất-lai và được tái sinh trong một trong năm cõi Tịnh cư thiên.] (553)

633 [*Phi tưởng phi phi tưởng xứ* [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] đã không được nói đến ở đây, bởi vì nó là một trạng thái *quá vi-tế*, bởi vì những yếu-tố cấu thành của nó nên được dùng như những đối-tượng của thiền quán (minh sát).] (554)

634 [*Mười một canh cửa dẫn tới sự Bất-tử*" là chỉ 11 trạng thái được đánh số từ (1)-(11) ở trên (gồm 04 tầng thiền định sắc-giới, 04 phạm trú 'từ, bi, hỷ, xả', và 03 tầng chứng đắc vô-sắc) được dùng làm những cơ-sở (định) để tu tập thiền quán minh-sát và chứng ngộ A-la-hán.] (555)

635 [Có lẽ là năm trăm tiền *kahāpaṇa*, đơn vị tiền tệ ở Ấn Độ vào thời đó.] (556)

636 [Người ta tin rằng đó là nguồn công-đức cho những ai xây dựng chỗ ở mới để mời những vị nổi tiếng về tâm linh đến ở trước cho dù chỉ một đêm

trước khi họ trú ở trong đó. Niềm tin này vẫn tiếp tục ở những xứ Phật giáo ngày nay, và người ta xây nhà mới để họ ở thì họ sẽ mời những Tỳ kheo đến ở trước và tụng niệm các kinh phòng-hộ (*paritta*) trong ngôi nhà mới, rồi sau đó họ mới dọn vào ở.] (557)

637 [Nguyên văn chữ này: *Sekho pāṭipado*. Về bậc học-nhân, *sekha*, mời coi lại chú thích 21 ở kinh **MN 1**.27 (Quyển 1).] (558)

638 [Về sự phân biệt giữa sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức (*hiri*) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (*ottappa*), mời coi lại chú thích 416 ở kinh **MN 39**.3 (Quyển 1).] (559)

639 [Ở đây chữ *sati* (niệm, chú tâm, chánh niệm) đang được dùng theo nghĩa gốc của nó là sự nhớ, trí nhớ. Mối liên hệ giữa 02 nghĩa của chữ *sati* là [sự nhớ, trí nhớ] và [sự chú-tâm, niệm] có thể được trình bày bằng một câu như vầy: *sự chú-tâm sắc xảo tới những hình thức hiện tại để có được sự-nhớ chính xác về quá khứ*. (Tức là sự chú-tâm (niệm) là chú tâm vào đối-tượng hiện tại; còn sự nhớ (nhớ lại) là nhớ lại điều trong quá khứ). **MA** lại coi chữ *sati* ở đây là hàm nghĩa đại diện cho tất cả 07 yếu tố sự giác-ngộ (thất giác chi) trong đó sự chánh-niệm là cái dẫn đầu.] (560)

640 [**MA** giải nghĩa: Đây là trí-tuệ của sự minh-sát (thiền quán) và của thánh đạo, có khả năng thâm nhập thấu suốt sự lên (sinh) và sự xuống (diệt) của năm uẩn. *Trí-tuệ của thánh đạo* được gọi là "*mang tính thâm nhập*" (*nibbedhikā*) bởi vì nó xuyên phá và loại bỏ đống tham, sân, si; còn *trí-tuệ của sự minh-sát* được gọi là "*mang tính thâm nhập*" bởi vì nó tạm thời xuyên phá chúng và bởi vì nó dẫn tới sự thâm-nhập bằng thánh đạo.] (561)

641 [Ví dụ giống trong kinh **MN 16**.26.] (562)

642 [Câu này chỉ trạng thái tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), đó là nền-tảng (để thiền quán và) để dẫn tới 03 loại trí-biết (tam minh) theo sau.] (563)

643 [Tới lúc này thì người đó không còn là bậc học-nhân (*sekha*) mà đã thành bậc A-la-hán.] (564)

644 [Những điều này cấu thành danh sách truyền thống gồm (*a*) 15 yếu-tố làm nên phần *đức-hạnh* (*caraṇa*) của một người tu, nó thường được gắn liền với (*b*) *03 loại trí-biết* (tam minh) trong tiến trình hoàn thành sự tu học. Cả (*a*) và

(*b*) đều nhập chung vào một đặc ngữ thường được dùng để tả Phật và những A-la-hán là *vijjācaraṇasampanna* (*đã hoàn thiện về trí-biết đích thực* (*chân trí*) *và đức-hạnh*), như trong đoạn mô tả và tưởng niệm về Phật. Mời coi thêm **Vsm** VII, 30–31.] (565)

645 [Đoạn thi kệ này đã được Phật tán đồng trong kinh dài **DN 3**.1.28/i.99.

- Theo **MA**, vị trời Brahmā Sanankumāra [Mãi Mãi Trẻ] từng là một thanh niên trẻ đã chứng đắc tầng thiền định, qua đời, và đã tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên giới), vẫn giữ nguyên hình dạng đẹp trai mà ngài đã từng mang khi hiện hữu ở cõi người. Coi thêm kinh dài **DN 18**.17–29/ii.210–218.] (566)

646 [Cặp chữ gần như đồng nghĩa này tạo nên một từ kết-hợp đồng nghĩa, và 02 cặp chữ kế tiếp cũng vậy.] (567)

647 [**MA** giải nghĩa: Mặc dù theo lý thuyết Phật giáo sự sát-sinh không thuộc 10 gông-cùm (kiết sử) hay 05 chướng-ngại (triền cái), nhưng nó có thể được gọi là một gông-cùm theo cái nghĩa trói buộc vào vòng luân-hồi sinh tử và là một chướng-ngại theo cái nghĩa cản trở một người có được phúc-lợi đích thực.] (568)

648 [**MA** chú giải: Sự sát-sinh và sự gian-cắp sẽ được trừ bỏ bằng giới-hạnh về thân (thân giới); sự nói-dối nói láo và sự nói lời hiểm-độc ma mãnh thì được trừ bỏ bằng giới-hạnh về lời-nói (khẩu giới); sự tuyệt-vọng và sự kiêu-ngạo thì được trừ bỏ bằng giới-hạnh về tâm (tâm giới). Sự lăng-mạ và mắng chửi [có thể gồm cả những sự trả thù hung bạo] thì sẽ được dẹp bỏ bằng cả giới-hạnh về thân và về lời-nói (thân giới và khẩu giới).] (569)

649 [Có mấy ví dụ về những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) cũng được nói trong kinh **MN 22**, mặc dù trong kinh này không lặp lại những ví dụ đó.] (570)

650 [Theo **MA**: "*sự buông-xả dựa trên sự phân-tán* (của tâm)" là sự buông-xả [làm ngơ, thờ ơ, bàng quan] đối với năm dây khoái-lạc giác quan; còn "*sự buông-xả dựa trên sự hợp-nhất* (của tâm)" là chỉ sự buông-xả của tầng thiền định thứ tư (là sự buông-xả cao, tuyệt vời).] (571)

651 [Trong **Ms**, nhà sư Ñm đã dịch theo cách giải nghĩa của **MA** khi dịch chữ *ājānīya* là "*những ai biết*" (tức coi chữ này là phái sinh từ chữ *ājānāti*); điều đáng chọn là nên hiểu chữ này ở đây có nghĩa là "*thuần chủng*". Coi kinh **MN 65**.32 về chữ *assājānīya* (*con ngựa non thuần chủng*) và chữ *purisājānīya* (người thuần chủng) [chỉ một A-la-hán]; mời coi thêm kinh **AN 3:14**, **AN 9:22**.] (572)

652 [Jīvaka từng là một đứa trẻ bị mẹ là một người hầu nữ bỏ rơi. Một hoàng tử đã tìm thấy và mang về nuôi dưỡng. Anh ta đã theo học ngành y dược ở xứ Takkasilā và sau này được bổ nhiệm làm lương y chăm sóc chữa bệnh cho Phật. Anh ta chứng Nhập-lưu sau khi nghe Đức Phật dạy Giáo Pháp.] (573)

653 [Đoạn này đã ghi rõ rệt những quy định về sự ăn thịt đã được đặt ra bởi Phật đối với Tăng Đoàn. Điều này sẽ được lưu ý rằng Phật đã không yêu cầu những Tỳ kheo phải ăn chay tuyệt đối mà cho phép họ có thể ăn thịt khi họ tin chắc rằng con vật không phải bị giết thịt vì họ, để làm thức ăn cho họ. Loại thịt đó được gọi là *tikoṭiparisuddha* (*trong sạch về ba phương diện*), (thường được gọi (HV) là *tam tịnh nhục*), bởi vì thịt đó không được thấy, không được nghe, và không bị nghi ngờ là từ con vật bị giết vì họ, để lấy thịt nấu thức ăn cho họ.

- Giới-hạnh "*không sát-sinh*" của những Phật tử tại gia cũng cấm họ giết súc vật để lấy thịt ăn, nhưng không thấy có giới-hạnh cấm họ mua thịt được cắt ra từ con vật đã chết. Để đọc thêm chi tiết về vấn đề này, mời coi **Vin** Mv Kh 6/i.237–38, và quyển "*Phật Giáo Tiền Thân và Việc Sát-Sinh*" bởi nữ tiến sĩ I.B. Horner, trang 20–26.] (574)

654 [Chỗ này Đức Phật cho thấy Phật không chỉ an trú trong tâm-từ bằng cách khống chế sự ác-ý (sân) của mình bằng tầng thiền định dựa trên tâm-từ như cách mà vị trời Brahmā (Phạm thiên) đã làm, mà Phật còn bứng sạch gốc rễ của sự ác-ý thông qua sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (575)

655 [Sự hung-dữ, sự bất-mãn, và sân (*vihesā*, *arati*, *paṭigha*) là lần lượt đối nghịch với sự bi-mẫn, sự tùy-hỷ, và sự buông-xả.] (576)

656 [Hơi khó hiểu chỗ này khi Jīvaka ở đây tuyên bố anh ta là một đệ tử tại gia cứ như đây là lần đầu quy y trong khi anh ta đã là bậc Nhập-lưu rồi. Có lẽ câu công thức này đã được dùng làm phương tiện để khẳng định lại sự cam kết

quy y của một người đối với Tam Bảo và không bị hạn chế bởi sự quy y trước đó của mình.] (577)

657 [Chữ này có nghĩa là "*tu sĩ cao kiều*", ông được gọi như vậy vì chiều cao của ông.] (578)

658 [*Daṇḍa*: gậy, cây, đòn theo nghĩa là dụng cụ để phạt tội, và do vậy nó cũng có nghĩa bóng là sự phạt tội, hình phạt, cho dù hình phạt đó không dùng gậy gộc để đánh. Việc dùng chữ này ở đây cho thấy những người Ni-kiền-tử (đạo Jain) đã coi "những hành-vi của thân, lời-nói, và tâm" (i) là những công cụ được dùng để trừng phạt con người bằng cách kéo dài sự trói-buộc trong vòng luân-hồi và (ii) được dùng để hành khổ tra tấn những người khác bằng cách gây nguy hại cho họ.] (579)

659 [**MA** giải thích: Những người Ni-kiền-tử cho rằng 02 "gậy" đầu tạo nghiệp một cách độc lập không dính líu tâm (*acittaka*), tách bạch giống như kiểu khi gió thổi thì những nhánh cây đung đưa và lá cây xào xạc, chứ không có sự chủ động của tâm.] (580)

660 [Đức Phật có thể đã nói ra điều này bởi vì trong giáo lý của Phật thì *sự cố-ý* hay *ý-hành* (tư, *cetanā*), một yếu tố thuộc tâm (tâm sở), là thành phần cốt yếu của nghiệp, và bên trong sự không-có *sự cố-ý*—[đó là, trong trường hợp hành vi không cố-ý của thân và lời-nói]—thì nghiệp không được tạo ra.

- Tuy nhiên, **MA** vẫn cho rằng Phật đã nói điều này là để chỉ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) với những hệ quả cố định (*niyatā micchā diṭṭhi*), và **MA** đã trích dẫn sự ủng hộ từ kinh **AN 1:318**: "*Này các Tỳ kheo, ta thấy không thứ nào đáng chê trách cho bằng cách-nhìn sai lạc. Cách-nhìn sai lạc là đáng chê trách nhất trong tất cả mọi thứ.*"

- Những loại tà-kiến này được mô tả trong kinh **MN 60**.5, 13 và 21.] (581)

661 [Cách nói khoát lác bằng cả đoạn này cũng có trong kinh **MN 35**.5 bởi môn sinh bà-la-môn Saccaka.] (582)

662 [Những chữ thêm vào trong ngoặc […] là do **Ñm** thêm vào, những chữ đó do **MA** đưa ra. **Ñm**, trong **Ms**, đã tóm lược luận ý như vầy: Những người Ni-kiền-tử không được phép uống hay dùng nước lạnh (vì họ cho rằng trong nước lạnh có những sinh vật sống]. Bằng cách từ chối nước lạnh họ đã giữ

được hành vi thân và lời-nói trong sạch, nhưng nếu họ trong tâm muốn dùng nước lạnh thì hành vi tâm của họ là không trong sạch, và do vậy họ tái sinh trong số "những thiên thần dính-tâm" (*manosattā devā*).] (583)

663 [Ở mục 15 bên dưới chúng ta sẽ đọc thấy ông Upāli đã tự nhận rằng: tới ngay lúc này ông đã có được niềm-tin vào Đức Phật. Tuy nhiên ông vẫn tiếp tục nói lời phản đối Phật bởi vì ông muốn nghe được những giải pháp của Phật sẽ nói ra cho vấn đề tranh cãi này.] (584)

664 [Câu này, có trong kinh dài **DN 2**.29/i.57, được gán cho chính giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta như một cách hình thành giáo thuyết của đạo Jain. **Ñm** đã chỉ ra trong **Ms** rằng chỗ này có lẽ liên quan một sự chơi chữ với chữ *vāri,* vừa có nghĩa là "*nước*" vừa có nghĩa là "*sự kiềm chế*" [từ gốc chữ *vāreti*: *phòng, chặn*].

- Trong cách tôi đã dịch kinh *Sāmannaphala Sutta* (*Kinh Sa-môn Quả*), [trang 24, bản dịch tiếng Anh của TKBĐ] tôi đã dịch chữ này dựa theo "*luận giảng về bộ kinh Trường Kinh Bộ*" như sau: "*Một Ni-kiền-tử bị kiềm chế đối với tất cả nước*; *người đó được phú cho sự tránh tất cả điều ác*; *người đó được thanh tẩy bởi sự tránh tất cả điều ác*; *người đó thấm đẫm bởi sự tránh tất cả điều ác*."

- Mặc dù câu này của những Ni-kiền-tử cũng chuyển tải một sự quan tâm đến 'sự thanh-lọc đạo đức', nhưng giọng điệu (và cách hành văn) như vậy nhất định là khác với những giáo lý của Phật.]

- (Ở đây người dịch Việt dịch bốn sự này với sự tham chiếu theo cách dịch của trưởng lão Narada There, Mihinda Thera, và tiến sĩ I.B. Horner của PTS. Cách dịch nguyên văn của nhà sư Ñm và Sujato không lộ rõ ý nghĩa của lời kinh. Thầy Minh Châu dịch là bốn "chế giới" theo nghĩa chung cũng đồng nghĩa với "sự kiềm chế".) (585)

665 [Đức Phật đã chỉ ra sự mâu thuẫn giữa giáo thuyết đạo Jain và lời khẳng định của họ. Giáo thuyết cho rằng dù không có sự cố-ý (của tâm) thì "gậy thân" là phần đáng trách tội (có tội, tạo nghiệp) nhất; trong khi đó họ lại khẳng định khi có sự cố-ý thì tính chất đạo đức của hành-động xấu ác là nghiêm trọng và đáng trách tội. (Rốt cuộc họ cũng tự nhận *sự cố-ý* (tư, ý hành) mới là chịu trách nhiệm lớn nhất cho điều ác; mà *sự cố-ý* (tư, ý hành) là thuộc nghiệp tâm hay gậy tâm của họ).] (586)

666 [Mời coi thêm Jāt iii.463, v.133 trở đi., 267; v.144; vi.389, v.267; v.114, 267; và **Miln** 130.] (587)

667 [**MA** giải nghĩa: *Tầm-nhìn của Giáo Pháp* (*dhammacakkhu*) là thánh đạo Nhập-lưu. Cụm chữ "*Mọi thứ có sinh thì có diệt*" cho thấy cái phương thức trong đó thánh đạo đã khởi sinh. Thánh đạo lấy sự diệt [sự chấm-dứt = Niết-bàn] là đối-tượng của nó, nhưng chức năng của nó là thâm nhập thấu rõ "*tất cả mọi trạng thái có điều-kiện* (mọi pháp hữu vi) *đều là* '*do có sinh nên có diệt*'" (*sinh rồi diệt, do sinh diệt mà có, chỉ là sự sinh-diệt*).] (588)

668 [Chữ "*Giáo Pháp*" ở đây là chỉ Bốn Diệu Đế. Sau khi đã nhìn thấy những Sự Thật (chân lý) này, ông đã cắt bỏ gông cùm nghi-ngờ (mạn nghi kiết sử) và giờ đã có được "*tầm-nhìn* (*là*) *thánh thiện và mang tính giải thoát và [tầm nhìn đó] dẫn dắt người thực hành đúng theo nó đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ*" [như lời kinh **MN 48**.7].]. (589)

669 [**MA** giải nghĩa: Upāli nói điều này là chỉ thánh đạo Nhập-lưu mà ông đã vừa chứng đắc trước đó.] (590)

670 [Về thuật ngữ "*sự hoang-dại trong tâm*", coi kinh **MN 16**.3–7.] (591)

671 [**PTS** và **SBJ** đều ghi là *vessantarassa*; phiên bản kinh của **BBS** và **MA** thì ghi là *vesamantarassa*; **MṬ** đã ủng hộ cách ghi thứ nhất. **MA** giải nghĩa là: "*Bậc ấy đã vượt trên trạng thái bất chánh* (*visama*) *của tham-dục ... vân vân*."] (592)

672 [Chữ gốc là: *monapattassa*. Chữ "*sự im-lặng*" ở đây là trí-tuệ, liên hệ với chữ *muni* (*bậc mâu-ni*: bậc trí giả trầm mặc, bậc hiền trí bình an).] (593)

673 [Chữ "*lá-cờ*" chính là sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây). Coi kinh **MN 22** mục 35.] (594)

674 [Chữ gốc: *nippapancassa*. Mời coi lại chú thích 229 thuộc kinh **MN 18**.8 ở Quyển 1 bộ kinh này.] (595)

675 [Chữ gốc: *isisattamassa*. **MA** diễn dịch chữ này có nghĩa là "*người nhìn-thấy thứ bảy*"—tương ứng với khái niệm về hệ thiên trời (brahma) về bảy *rishi* (tiếng Hinhdu: *thánh, bậc hiền trí*)—và chữ đó dùng để chỉ vị trí của Thích-Ca Cồ-Đàm là Phật thứ bảy tính từ Phật Vipassī [coi kinh **DN**

14.1.4/ii.2]; (hoặc coi thêm dãy kinh **SN 12:04—12:10** (Quyển 2)). Tuy nhiên, có khả năng hơn là chữ *sattama* ở đây là thể so sánh hơn nhất của chữ *sad*, và do vậy chữ kép đó có nghĩa là "*bậc nhất trong những bậc nhìn-thấy*". Cách diễn tả chữ *isisattama* cũng có trong kinh **Sn 356**, và luận giảng về thi kệ đó cũng cho phép cả 02 cách diễn dịch, cho rằng chữ *uttama* là chữ đồng nghĩa cho *sattama*.] (596)

[676] [Cụm chữ này chỉ sự không còn sự dính-mắc (tham; *dựa tới*) hay sự kháng-cự (ưu, sân; *dựa lui*).] (597)

[677] [**Ñm** dịch từ một bản tiếng Xiêm (Thái cổ) là chữ *appabhītassa*, chỉ ra rằng chữ *appahīnassa* được ghi trong **PTS** không đúng hay hợp nghĩa ở đây.] (598)

[678] [**MA** chú giải: Một nỗi buồn nặng đã khởi sinh trong ông Ni-kiền-tử do bị mất đi một đệ tử tại gia nổi tiếng là một người ủng hộ ông và giáo phái của ông, và điều này (như một cú sốc lớn trong tâm) tạo ra sự rối loạn trong thân dẫn tới sự học máu nóng ra khỏi miệng (như kiểu 'tức ói máu'). Thường sau khi học máu nóng ít người còn sống sót. Do vậy họ đã đưa giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta trên một cái giá (băng ca, kiệu nằm) đi về Pāvā, và không lâu sau đó ông đã qua đời.] (599)

[679] [Hoàng tử Abhaya là một trong những con trai của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), không phải là thái tử hay người kế vị vua cha.] (611)

[680] [Cả hai cái sừng nhọn (hai lưỡi, hai phần tiến thoái lưỡng nan) của "thế gài" do Ni-kiền-tử Nātaputta đặt ra đã giả định trước Phật sẽ trả lời bằng câu trả lời một-chiều (một mặt, đơn phương). Phật đã nói câu trả lời không phải là một-chiều (tức câu trả lời cho câu hỏi đó là nhiều chiều, đa phương, tùy theo phương diện nào). Cho nên câu hỏi bẫy hai-lưỡi này không còn "gài" được nữa.] (612)

[681] [Đức Phật không do dự quở trách hay khuyên bảo những đệ tử của mình khi Phật thấy lời nói như vậy sẽ làm cho họ tốt hơn, vì phúc-lợi của họ.] (613)

[682] [**MA** nói rằng "*yếu-tố các thứ*"="*pháp giới*" (*dhammadhātu*) *chỉ trí-biết toàn tri* của Đức Phật. Không nên nhầm lẫn chữ *dhammadhātu* (pháp

giới) ở đây với cùng chữ *dhammadhātu* (pháp giới) có nghĩa là yếu-tố *những đối-tượng của tâm* trong số 18 yếu-tố; và chữ *dhammadhātu* (pháp giới) ở đây cũng không phải nghĩa *pháp giới* là '*một nguyên lý bao trùm vũ trụ*' như trong Phật giáo Đại thừa đã dùng.] (614)

683 [Pañcakanga (nghĩa là Năm Công Cụ, Năm Đồ Nghề) là người làm thợ mộc cho Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la), là một đệ tử thuần hành của Đức Phật. Pañcakanga cũng xuất hiện trong kinh **MN 78** và **MN 127**.

- (Kinh này giống kinh **SN 36:19** (Quyển 4).] (615)

684 (Kinh này giống kinh **SN 36:19** (Quyển 4), nên những loại cảm-giác được nói trong kinh **SN 36:19**, và đặc biệt 108 loại cảm-giác, cũng được giảng giải trong kinh **SN 36:22**.)

[*02 loại cảm-giác* là cảm-giác thuộc thân và cảm-giác thuộc tâm, hoặc [ít thông dụng] là 02 loại cảm-giác mới được thợ mộc Pañcakanga nói ở mục 3.

- *03 loại cảm-giác* là 03 loại mới được nói bởi Ngài Udāyin ở mục 3.

- *05 loại cảm-giác* là những căn sướng [lạc căn thuộc thân], sự hoan-hỷ [thuộc tâm], sự khổ [thuộc thân], sự ưu [thuộc tâm], và sự buông-xả.

- *06 loại cảm-giác trong những cảm-giác* được sinh ra từ sự tiếp-xúc thông qua sáu căn cảm-nhận (sáu giác quan, sáu nội xứ).

- *18 loại cảm-giác* là 18 loại sự khám phá của tâm—khám phá sáu đối-tượng giác quan (sáu ngoại xứ, sáu trần) tạo ra sự hoan-hỷ, tạo ra sự ưu, và tạo ra sự buông-xả [coi kinh **MN 137**.8].

- *36 loại cảm-giác* là 36 cảnh tình của chúng sinh—gồm 06 loại sự hoan-hỷ, sự ưu, và sự buông-xả mỗi loại dựa trên đời sống tại gia hay đời sống xuất gia [coi kinh **MN 137**.9–15].

- *108 loại cảm-giác* là 36 loại kể trên tính theo mỗi thời quá khứ, hiện tại, và tương lai, tổng cộng thành 108.] (616)

685 (Về loại "*cảm-giác không khổ không sướng*", mời coi thêm chú thích trong kinh **SN 36:19**, mục (4) như vầy: [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên,

do không còn sự sướng và sự khổ nên sự hạnh-phúc ở đây được coi là dạng "*khoái-lạc bình an và siêu phàm*"; thường được gọi là sự "*an trú*" hay "lạc trú", theo nghĩa nó là "*bình an* và *siêu phàm*".] (247). Chú thích này giải thích nghĩa của câu cuối của thợ mộc Pañcakanga ở mục 3 ở đầu kinh.)

[**MA** chỉ ra rằng bằng cách đề cập tới *cảm-giác không khổ không sướng [trung tính] của tầng thiền định thứ tư* (tứ thiền) là một loại cảm-giác hạnh phúc (sướng, lạc thọ), Đức Phật đã hàm ý ủng hộ quan điểm của người thợ mộc Pañcakanga.] (617)

686 (Về câu kết này, kinh **SN 36:19** có chú thích như vầy: [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: *Yattha yattha āvuso sukhaṃ upalabbhati yamhi yamhi, taṃ taṃtathāgato sukhasmiṃpaññāpeti*. **Spk** diễn dịch: Cho dù *sự hạnh-phúc được cảm nhận* hay *sự hạnh-phúc không được cảm nhận*, Như Lai chỉ mô tả rằng: "*thứ gì không còn khổ là hạnh-phúc!*".] (249).)

- [**MA**: Cả hai *sự sướng* (hạnh phúc, lạc) *được cảm nhận* và *sự sướng không được cảm nhận* đều được thấy có [loại thứ hai là thuộc sự trạng thái '*diệt thọ tưởng*' vì không còn cảm-giác và nhận-thức]. Như Lai đã mô tả cả hai đều là sự *sướng* (lạc, hạnh phúc) theo cái nghĩa là chúng *không còn khổ đau* (*niddukkhabhāva*).] (618)

687 [**MA**: Phật bắt đầu hỏi câu này bởi vì những làng Sālā nằm ngay cổng rừng và có nhiều tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn thuộc những nhánh phái khác nhau nghỉ qua đêm ở làng (trước khi họ đi vô rừng để sống đời tu ẩn sĩ), ở đó họ thường nói ra những quan-điểm của họ và bài bác những quan-điểm của những giáo phái khác. Điều này đã làm những dân làng hoang mang nghi ngờ, họ biết nên quyết định chọn theo một giáo lý nào.] (619)

688 [*Giáo pháp* hay '*giáo lý không thể lầm-lỗi*' là tạm dịch chữ *apaṇṇakadhamma*. **MA** giải nghĩa chữ này có nghĩa là *một giáo lý không thể mâu thuẫn được, không còn sự mơ hồ, nhất định chấp nhận được* (*aviraddho advejjhagāmī ekaṁsagāhiko*). Chữ *apaṇṇaka* này cũng có trong đoạn đầu kinh **AN 3:16** và **AN 4:71** (với nghĩa tương tự là: *không thể lầm-lỗi, không thể sai được, chắc chắn đúng đắn, không thể mâu thuẫn*).] (620)

689 [Tiếp tục bên dưới: Có *03 quan-điểm* (cách-nhìn, kiến) được thảo luận ở mục 5, 13 và 21 được gọi là những *quan-điểm sai lạc* (tà kiến) với *quả dữ cố định* (*niyatā micchā diṭṭhi*). Ai chấp theo chúng bằng một sự cố-chấp thì coi

như đã bít cánh cửa về khả năng (a) có thể được tái sinh trong cõi trời và (b) chứng ngộ sự giải-thoát. Để thảo luận đầy đủ, mời coi thêm bài giảng của TKBĐ được đặt cùng tên với bài kinh mà thầy giảng luận, *Kinh Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Hành* (Kinh Sa-môn Quả), trang 79–83.

- Sự xem xét 03 quan-điểm đó diễn ra theo khuôn-mẫu sau đây: Đức Phật chỉ ra giáo-thuyết và quan-điểm (tà kiến) A và quan-điểm đối ngược với nó (chánh kiến) B. Thứ nhất xem xét A (tà kiến): trong mục A.i Phật chỉ ra tác động *độc hại* của quan-điểm A đối với 03 hành vi thân, lời-nói, và tâm. Trong mục A.ii Phật tiếp tục chỉ ra, nếu quan-điểm đó là sai, những hậu quả càng nguy hại hơn nữa đối với người đó. Rồi trong mục A.iii Phật chỉ ra cách một người có trí biết suy xét và đi đến kết luận quan-điểm đó là đúng hay sai, từ đó có cơ sở để từ chối nó là cách tốt nhất.

- Tiếp theo xem xét B (chánh kiến): trong mục B.i Phật mô tả tác động *thiện lành* của quan-điểm B đối với 03 hành vi thân, lời-nói, và tâm. Trong mục B.ii Phật tiếp tục chỉ ra, nếu quan-điểm đó là đúng, thì những hậu quả tích cực tốt lành hơn nữa khi áp dụng quan-điểm B đó. Rồi trong mục B.iii Phật chỉ ra cách một người có trí biết suy xét và đi đến kết luận, bất kể quan-điểm này là đúng thực hay không, thì sự áp dụng nó vẫn tốt (chắc ăn) cho cả 02 đường: *nếu không thành công thì cũng được tốt như đang tốt [trong kiếp này]*; *nếu thành công thì được tốt nhất [trong kiếp này và cả kiếp sau]*. (Đó là cách chọn một 'giáo lý chắc ăn, không thể bị lầm lỗi, không thể bị chối cãi').

- (Ngay chỗ này quý vị chưa cần đọc chú thích: có thể sau khi đọc hết bài kinh sẽ dễ thấy cái "*khuôn-mẫu phân tích*" mà Phật đã nói ra!)]. (621)

690 [Chỗ này mời coi lại chú thích 425 ở mục 10, kinh **MN 41**, Quyển 1 của bộ kinh này để hiểu rõ một số thuật ngữ đã được dùng trong đoạn mô tả về cách-nhìn (tà kiến) này.] (622)

691 [Nguyên văn hai chữ tạm dịch *đức-hạnh trong sạch* và *đức-hạnh suy đồi* trong tiếng Pāli là *susīlya* và *dusīlya*. Do "*đức-hạnh duy đồi*" nghe có lẽ mâu thuẫn (vì đức-hạnh là trái nghĩa suy đồi), nhưng chữ "*đức-hạnh*" ở đây là cách tôi [TKBĐ] dùng để dịch chữ thứ hai này. **Ñm** thì đã dùng chữ "*vô đức-hạnh*" (thất đức) để dịch chữ thứ hai.] (623)

692 [*Người đó dư sức giữ được bản thân an toàn* (*sotthi*) theo cái nghĩa người đó sẽ không phải bị khổ đau trong kiếp sau (vì đâu có thế giới nào khác để tái sinh về đó mà bị nguy hiểm, khổ đau). Tuy nhiên, người đó vẫn còn phải bị những khổ đau gặp phải ngay trong kiếp này, như Đức Phật đang kể ra tiếp (ví dụ ngay trong kiếp này vẫn bị khổ đau và ưu phiền vì sẽ bị người đời chê cười, chỉ trích, nguyền rủa… vì những việc làm bất thiện theo chủ nghĩa hư vô bất chấp của người đó).] (624)

693 [*Thuyết hư vô* là dịch chữ *natthikavāda*, nghĩa gốc của nó là "*thuyết không hiện-hữu*", được gọi tên như vậy vì nó từ chối sự hiện-hữu của kiếp sau và nghiệp báo.] (625)

694 [Sự nhận lấy '*giáo lý không thể lầm-lỗi*' này của người đó "*chỉ với tới một mặt*" theo cái nghĩa rằng người đó chỉ giữ được bản thân an toàn trong kiếp sau trong trường hợp *không có kiếp sau*; còn nếu *có kiếp sau* thì người đó thua thiệt cả hai kiếp.] (626)

695 [*Thuyết xác-nhận* là dịch chữ *Atthikavāda*: nghĩa là giáo thuyết xác nhận có sự hiện-hữu kiếp sau và có nghiệp báo.] (627)

696 [Có nghĩa là: Sự nhận lấy của người đó "*với được cả hai mặt*" vì người đó thu được những ích-lợi của quan-điểm xác nhận có kiếp sau và có nghiệp báo, cho dù kiếp sau có thực sự có hay không.] (628)

697 [*Thuyết không-làm-gì* (*akiriyavāda*) này (đồng nghĩa là thuyết phi tạo nghiệp, phi tác nghiệp, không nghiệp không quả), trong *kinh Sa-môn Quả* (*Sāmannaphala Sutta*, **DN 2**.17/i.52–53), được gán cho Pūraṇa Kassapa. Mặc dù khi mới thoạt nhìn, quan-điểm này có lẽ dựa trên những cơ sở duy vật, như thuyết hư vô kế trên cũng dựa vào, nhưng có bằng chứng thuộc Kinh Điển cho thấy rằng Pūraṇa Kassapa đã theo thuyết định mệnh…]. (629)

698 [Đây là thuyết phi nhân-duyên (*ahetukavāda*) được chấp giữ bởi giáo chủ Makkhali Gosāla của những Ājīvaka; thuyết này cũng được gọi trong kinh *Sa-môn Quả* (*Sāmannaphala Sutta*) là "*thuyết tự thanh lọc bởi vòng luân-hồi*" [*saṁsārasuddhi*, kinh **DN 2**.21/i.54]. Triết lý của Makkhali Gosāla đã được xem xét một cách chi tiết bởi học giả Basham, trong quyển "*Lịch Sử và Những Học Thuyết của những Ājīvika*", chương 12 và 13. Một bản dịch của phần *Luận giảng Trường Kinh Bộ* nói về học thuyết này có thể được đọc thấy

trong tham luận của TKBĐ mang tên "*Kinh Sa-môn Quả*", trang 70-77.] (630)

699 [*Niyati*: *định mệnh* hay *số phận*, là nguyên lý tiền đề để giải thích trong triết lý của Makkhali; hai chữ "*hoàn cảnh và tự nhiên*" (*sangatibhāva*) có lẽ lần lượt là những phương thức vận hành của những sự kiện bên ngoài và trong sự hình thành cá thể. *Sáu loại* (*abhijāti*) là 06 loại giai-cấp của con người được xếp theo trình độ tâm linh của họ, 03 loại cao nhất được dành cho 03 thầy giáo thọ của những Ājīvaka như đã được nói đến trong kinh **MN 36**.5 và chú thích: 03 người thầy đó là: Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, Makkhali Gosāla. Về *sáu loại giai-cấp*, mời đọc thêm bài tham luận của TKBĐ mang tên "*Kinh Sa-môn Quả*", trang 73-75. Mời coi thêm kinh **AN 6:57** (*Sáu Loại Giai Cấp*).] (631)

700 [Đây là sự từ chối về 04 cõi hiện-hữu vô-sắc giới là những trạng thái tương ứng của 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới.] (632)

701 [Đây là những thiên thần ở những cõi trời tương ứng với 04 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*). Họ có được thân bằng vật chất vi-tế, không giống những thiên thần ở những cõi trời vô-sắc giới chỉ hoàn toàn có-tâm nhưng không có thân vật chất nào.] (633)

702 [**MA** diễn dịch: Cho dù người có trí đang nói ở đây vẫn còn những nghi-ngờ về sự hiện-hữu vô-sắc giới, người đó đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư, và dựa trên cơ sở (tứ thiền) đó người đó cố gắng chứng tới những tầng chứng đắc vô-sắc giới. Nếu không làm được: người đó chắc chắc được tái sinh trong những cõi trời sắc-giới đẹp đẽ; nhưng nếu thành công: người đó sẽ được tái sinh trong những cõi vô-sắc giới. Như vậy đối với người đó sự đánh cuộc này là một "giáo lý không thể chối cãi" (tất đúng, không thể lầm lẫn, không sai trật).] (634)

703 [**MA**: *Sự chấm-dứt sự hiện-hữu* hay *sự diệt-hữu* (*bhavanirodha*) chính là Niết-bàn.] (635)

704 [**MA** chú giải rằng: Mặc dù người có trí này còn những nghi-ngờ về "sự chấm-dứt sự hiện-hữu" (tức nghi ngờ về Niết-bàn), nhưng người đó chứng đắc 08 tầng chứng đắc thiền định (gồm 04 tầng thiền định sắc giới và 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới), và sau đó, dùng một trong những tầng định đó làm cơ-sở, người đó tu tập sự minh-sát (tuệ), nghĩ rằng: "Nếu có

sự diệt-hữu, thì ta sẽ đạt tới thánh quả A-la-hán và chứng ngộ Niết-bàn." Nếu không làm được: người đó chắc chắn được tái sinh trong những cõi vô-sắc giới (như thánh Bất-lai); nếu thành công: người đó đạt tới thánh quả A-la-hán và chứng ngộ Niết-bàn. (Đây là khả năng "không thể chối cãi", chắc đúng, không thể lầm-lỗi, và sẽ diễn ra một trong hai cách như vậy; không thể sai trật).'] (636)

705 [**MA** chú giải: khu tịnh xá này đã được cho xây bởi hoàng hậu Mallikā của vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của vương quốc Kosala (Kiều-tất-la), và nó được làm đẹp bởi nhiều cây hoa và cây ăn trái. Đầu tiên chỉ xây *một hội trường*, như tên gọi của nó, nhưng sau đó xây thêm nhiều hội trường. Nhiều nhóm đoàn những bà-la-môn và những du sĩ hay tụ họp ở đây để diễn thuyết và thảo luận về những giáo thuyết của họ.] (771)

706 [**MA** chú giải: Trước tiên Đức Phật chỉ ra cảnh giới và tình trạng của một A-la-hán, là bậc không còn tu học (vô học nhân) [tức chỉ ra 10 phẩm-chất], rồi sau đó Phật thiết lập một đề-cương áp dụng cho những người đang còn tu học (học-nhân, *sekha*). Chữ được dịch là "*những thói quen*" hay "*những tập quán*" ở đây là chữ *sīla* (giới), chữ *sīla* này thông dụng trong ngữ cảnh nghĩa rộng hơn thì có thể dịch là "*những giới-hạnh*".] (772)

707 [**MA** chú giải chỗ này là đề cập thánh quả Nhập-lưu, vì chính ngay chỗ này phần giới-hạnh kiềm chế bởi Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo) đã được hoàn thiện [và, đối với Phật tử tại gia, đó là sự hoàn thiện Năm Giới]. **MA** cũng tiếp tục chú giải những đoạn sau bằng cách đề cập tới những thánh đạo và thánh quả tiếp theo. Mặc dù lời kinh rõ ràng *không đề cập gì* tới những sự chứng đắc như vậy, nhưng sự diễn dịch của luận giảng **MA** chắc đã được suy luận từ thành ngữ *aparisesā nirujjhanti* (chấm dứt sạch sẽ, không còn tàn dư), bởi vì *chỉ có sự chứng đắc những thánh đạo và thánh quả thì mới xảy ra sự chấm-dứt sạch sẽ một loại ô-nhiễm nào đó*. Cách diễn dịch này của luận giảng cũng được ủng hộ bởi phần chung-kết của bài kinh bằng hình ảnh của A-la-hán.] (773)

708 [**MA** chú giải: Khi còn trong thánh đạo Nhập-lưu, người đó được cho là đang tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những thói quen bất thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả Nhập-lưu, những thói quen bất thiện được cho là đã chấm dứt.] (774)

709 [Chỗ này chỉ A-la-hán, là người duy trì hành vi có đức-hạnh của mình nhưng không còn nhìn nhận 'mình' với đức-hạnh 'của mình' bằng sự nhìn nhận cái 'ta' hay 'của-ta'. Vì những thói quen có đức-hạnh của một A-la-hán không còn tạo nghiệp, nên chúng không thể được mô tả là "thiện" hay gì nữa.] (775)

710 [**MA** chú giải: Khi còn trong thánh đạo A-la-hán, người đó được cho là đang tu tập để dẫn đến sự chấm-dứt những thói quen thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả A-la-hán, những thói quen thiện được cho là đã chấm dứt. (Thánh đạo A-la-hán: đang dẹp bỏ những thói quen thiện; thánh quả A-la-hán: đã diệt sạch những thói quen thiện).] (776)

711 [**MA** chú giải: Chỗ này đề cập tầng thiền định thứ nhất thuộc thánh quả Bất-lai. Thánh đạo Bất-lai bứng bỏ tham-dục và ác-ý, và nhờ vậy ngăn chặn sự tái khởi sinh trong tương lai của 03 ý định bất thiện—ý định tham-dục, ý định ác-ý, và ý định hung-dữ.] (777)

712 [**MA** chú giải: Khi còn trong thánh đạo Bất-lai, người đó được cho là đang tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định bất thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả Bất-lai, những ý định bất thiện được cho là đã chấm dứt. (Thánh đạo Bất-lai: đang dẹp bỏ những ý định thiện; thánh quả Bất-lai: đã diệt sạch những ý định thiện).] (778)

713 [**MA** chú giải: Chỗ này đề cập tầng thiền định thứ hai thuộc thánh quả A-la-hán.] (779)

714 [**MA** chú giải: Khi còn trong thánh đạo A-la-hán, người đó được cho là đang tu tập để dẫn tới sự chấm-dứt những ý định thiện; sau khi người đó đã chứng đắc thánh quả A-la-hán, những ý định thiện được cho là đã chấm dứt. Vì những ý định có đức-hạnh của một A-la-hán không còn tạo nghiệp, nên chúng không thể được mô tả là "thiện" hay gì nữa. (Thánh đạo A-la-hán: đang tu tập để dẹp bỏ những ý định thiện; thánh quả A-la-hán: đã diệt sạch chúng).] (780)

715 [Chỗ này coi lại kinh **MN 65**.34.] (781)

716 [Đến cuối kinh này Phật Thích-Ca đã nói với ngài Ananda rằng Phật Thích-Ca chính là môn sinh Jotipāla trong thời kiếp đó. Trong kinh **SN 1:50**,

thiên thần Ghaṭīkāra đã đến thăm Đức Phật Thích-Ca và nhắc lại tình bạn hữu của họ trong thời kiếp quá khứ.] (790)

717 [Câu này dường như thường được dùng bởi những bà-la-môn để biểu hiện sự bất đồng đối với những người xuất gia, trái với lý tưởng sống tại gia và duy trì dòng dõi của những bà-la-môn.] (791)

718 [Ở phương Đông và Ấn Độ, trong những trường hợp thông thường nếu một người giai cấp thấp hơn mà chạm vào đầu người giai cấp cao hơn thì sẽ bị cho là vô lễ, vi phạm nghi thức lễ nghĩa. **MA** diễn dịch rằng Ghaṭīkāra đã sẵn sàng chấp nhận rủi ro vi phạm đó để cố thuyết phục Jotipāla đến gặp Đức Phật Ca-Diếp.] (792)

719 [**MA** chỉ ra rằng: những vị bồ-tát xuất gia dưới những vị Phật, thanh lọc giới-hạnh, học hiểu những giáo lý của vị Phật, thực hành đời sống thiền định, và tu tập sự minh-sát (thiền quán) cho tới khi đạt được trí-biết phù hợp (*anulomanāṇa*). Nhưng họ không cố gắng để chứng đắc những thánh đạo và thánh quả [vốn sẽ chấm dứt sự nghiệp bồ-tát của họ]. (Nói cách khác: những vị bồ-tát là những người chưa chứng nhập vào dòng thánh đạo, hoặc có thể, cao nhất chỉ là Nhập-lưu hay Nhất-lai để còn có cơ hội quay lại thế gian tiếp tục hạnh nghiệp bồ-tát; nếu họ chứng các thánh quả Bất-lai hay A-la-hán thì họ không còn cơ hội quay lại thế gian nữa).] (793)

720 [Những đức hạnh của người thợ gốm này gần giống của một Tỳ kheo mà một cư sĩ có thể dẫn dắt đời sống của mình như vậy khi sống tại gia. **MA** chú giải rằng anh ta không bán buôn những đồ gốm sứ mình làm ra mà sau khi làm ra anh mang đi trao đổi những thứ cần thiết khác với những người trong làng trong xóm (ví dụ nhu đổi lấy gạo để ăn…).] (794)

721 [**MA** chú giải rằng anh ta từ chối nhận vì bản tính "*ít mong cầu*" (*appicchatā*) (thiểu dục tri túc) của mình. Anh ta nhận biết rằng nhà vua đã gửi chỗ thực phẩm cho anh ta bởi vì nhà vua đã nghe Phật Ca-Diếp kể lại những đức-hạnh của anh ta, nhưng anh ta nghĩ rằng: "Mình không cần phải có những thứ này. Với những thứ mình có thể có được từ công việc làm gốm, mình có thể nuôi dưỡng cha mẹ và cúng dường thức ăn cho Đức Phật".] (795)

722 [Raṭṭhapāla là người đã bỏ ăn thà chết nếu cha mẹ không cho xuất gia đi tu, và nhờ đó cha mẹ đã đồng ý cho thầy ấy đi tu. Sau đó Tỳ kheo Raṭṭhapāla

đã được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những người đã xuất gia vì niềm-tin đối với Phật. Thi kệ của thầy ấy là **Thag 769–93**.] (796)

723 Tôi lược bỏ những hàng chữ bắt đầu là *ehi tvaṁ Raṭṭhapāla*, trong **SBJ** có ghi và trong **PTS** được ghi trong ngoặc […] và trong **BBS** thì được ghi trong phần chú giải. Những hàng chữ này có lẽ phù hợp hơn trong mục 8 bên dưới, với động từ *uṭṭhehi* thay thế cho *ehi*.] (797)

724 [Mặc dù lời kinh gốc đã ghi "*không lâu*", **MA** đã chú giải rằng cũng đã mất 12 năm chuyên-cần tu (tinh cần, phấn đấu) thầy Raṭṭhapāla mới đạt được thánh quả A-la-hán. Lời chú giải này có lẽ chính xác nếu chiếu theo một sự kiện là trong lần thầy ấy trở về thăm cha mẹ của mình, người cha lúc đầu đã không nhận ra con trai mình (nghĩa là thời gian cũng đã qua lâu, sắc diện thầy ấy đã già đi và khác đi nên người cha đã không nhận ra con trai mình).] (798)

725 [**MA** chú giải rằng cha của thầy ấy muốn nói ý là: "Này Raṭṭhapāla, con yêu dấu của ta, có của cải của chúng ta mà—chúng ta đâu bị gọi là nghèo khó—mà sao con lại ngồi ở một nơi như vầy ăn cháo cũ!" Nhưng do ông đã đã đau đớn với nỗi sầu mất con nên lúc này cứ ú ớ và không thể nói ra đủ chữ đủ lời.] (799)

726 [Những dòng thi kệ này rõ ràng là nói về những người vợ cũ của thầy ấy, được trang điểm để quyến rũ thầy ấy quay lại đời sống tại gia. Lạ thay là, trong toàn phần văn xuôi của kinh không thấy nói gì về những người vợ của thầy ấy đã có trước khi xuất gia.] (800)

727 [**MA**: Khi nói tới vị Tỳ kheo trưởng lão này, nhà vua đã nói lời đề cao trước quân đội và hậu cung của ông như vầy: "Người trẻ tuổi đó đã làm xong điều khó làm—sau khi dẹp bỏ tài sản của cải lớn lao, người đó đã xuất gia không bao giờ quay lại hay thay đổi."] (801)

728 [Nguyên văn: *Upanīyati loko addhuvo*. **MA** giải nghĩa là: Nó bị cuốn đi theo hướng già-chết.] (802)

729 [Nguyên văn: *Attāṇo loko anabhissaro*. **MA** giải nghĩa là: Không ai có thể cung cấp cho thế gian nào một nơi trú-ẩn hay có thể an ủi thế gian bằng một chỗ nương-tựa nào cả. Dĩ nhiên ý câu này muốn nói là không có chỗ nương-tựa nào *từ thế gian,* ngoài chỗ nương-tựa là Giáo Pháp (mà Đức Phật đã nói trước khi từ giã trần gian).] (803)

730 [Nguyên văn câu này: *Assako loko sabbaṁ pahāya gamanīyaṁ*.] (804)

731 [Nguyên văn câu này: *Ūno loko atitto taṇhādāso*.] (805)

732 [Về ngài Đại Ca-chiên-diên, mời coi lại chú thích số 230 ở kinh **MN 18**, mục 10.] (814)

733 [Từ đoạn kinh này cho thấy: mặc dù có sự cứng nhắc về giai cấp như vậy nhưng nó vẫn cho thấy rằng hệ thống giai cấp ở Ấn Độ thời đó cũng co giãn (lẫn lộn trên dưới) một cách đáng kể hơn so với hệ thống giai cấp kế thừa sau đó lại rất nghiêm ngặt (giai cấp nào ra giai cấp đó; ví dụ, một bà-la-môn cho dù nghèo hơn cũng không phục tùng một thương buôn giàu có hơn; không lẫn lộn về giai cấp).] (815)

734 [Hoàng tử Bồ-Đề [Bodhi] là con trai của Vua Udena của xứ Kosambī; mẹ của hoàng tử là con gái của Vua Caṇḍappajjota của xứ Avantī. Phần kinh từ mục 2-8 cũng được thấy có ghi trong Luật Tạng **Vin Cv Kh 5/ii**.127–29, là lý do dẫn tới sự ban hành điều giới-luật được nói đến trong chú thích kế tiếp bên dưới.] (816)

735 [**MA** giải thích rằng Hoàng tử Bồ-Đề lúc này chưa có con trai và đang muốn có con trai. Hoàng tử nghe đồn người ta có thể làm được ước muốn của mình bằng cách cúng dường cho Đức Phật, do vậy hoàng tử đã cho phủ vải trắng hết cầu thang với ý nghĩ: "Nếu ta sắp có con trai, Phật sẽ bước lên tấm vải; nếu ta không có con trai, Phật sẽ không bước lên tấm vải." Đức Phật đã biết rằng do nghiệp ác trong quá khứ nên hoàng tử và vợ sẽ vô sinh. Cho nên Phật đã không bước lên tấm vải.

- Và sau sự việc này Đức Phật đã đưa ra điều giới-luật cấm những Tỳ kheo bước lên vải trắng, nhưng về sau điều luật đã được chỉnh sửa lại cho phép những Tỳ kheo được bước lên vải trắng như một điều phúc lành cho những gia chủ.] (817)

736 [Nguyên văn câu này: *Pacchimaṁ janataṁ Tathāgato apaloketi*. Phiên bản Luật Tạng **Vin** thì ghi chữ *anukampati* (*có lòng bi-mẫn*) nghe có vẻ đúng hơn. **MA** chú giải rằng Ngài Ānanda đã nói câu này với ý nghĩ trong tâm là: "Vào những thời sau này người ta sẽ tới tôn vinh những Tỳ kheo như một cách để bảo đảm làm được những ước muốn trần tục của mình; và họ sẽ mất

niềm-tin vào Tăng Đoàn nếu sự tôn vinh cúng dường đó không mang lại thành quả cho ước muốn của họ.”] (818)

737 [Đây là giáo lý căn bản của những người theo đạo Jain (những Ni-kiền-tử), như có nói trong kinh **MN 14**.20.] (819)

738 [Tên gọi “*Angulimāla*” là biệt danh có nghĩa là “*vòng hoa [mālā] làm bằng những ngón tay [anguli]*”. Hắn là con của bà-la-môn Bhaggava, là quan chẩn tế của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của vương quốc Kosala (Kiều-tất-la). Tên thật của hắn là Ahiṁsaka, có nghĩa là “*người vô hại*”. Hắn từng học ở Takkasilā, ở đó hắn trở thành học trò được cưng thích nhất của vị thầy. Những bạn học của hắn, do ghen tỵ với hắn nên đã nói với vị thầy rằng Ahiṁsaka đã phạm tội ngoại tình với vợ của ông. Vị thầy do muốn vùi dập Ahiṁsaka nên đã ra lệnh cho hắn giao nộp cho ông ta 1 ngàn ngón tay từ bàn tay phải để trả học phí cho thầy. Ahiṁsaka đã sống trong rừng Jālinī, tấn công những khách du hành qua lại, cắt một ngón tay trái của họ, và xâu thành vòng hoa để đeo trên cổ. Vào lúc bài kinh bắt đầu hắn vẫn còn chưa đủ 1 ngàn ngón tay và đang quyết định giết người kế tiếp mà hắn gặp. Phật nhìn thấy mẹ của Angulimāla đang trên đường đến thăm hắn (và bà có thể bị hắn giết), và Phật biết rõ Angulimāla lại có những điều-kiện trợ giúp (duyên) để tu thành A-la-hán, Phật đã chặn hắn ngay trước khi mẹ hắn đến. Tội giết mẹ là một trong năm tội trọng đại ác nhất dẫn tới tái sinh lập tức trong địa ngục. Do vậy Phật đã chặn Angulimāla để ngăn không phạm vào tội này để bị đày như vĩnh viễn trong địa ngục.] (820)

739 [**MA** chú giải rằng: ngay lúc này Angulimāla đã nhận ra vị sa-môn trước mặt chính là Đức Phật và rằng Phật đã đến khu rừng để thực hiện mục đích chuyển hóa ‘hắn ta’.] (821)

740 [**MṬ** giải thích lời diễn đạt này là *mūḷhagabbha* có nghĩa là thai nhi trong bụng mẹ chỉ lật được một phần và đang nằm ngang và do vậy kẹt đường ra, nên người mẹ rất đau đớn trong lúc cố sinh con.

- **MA** nói rằng, mặc dù Angulimāla đã giết gần cả ngàn người, trong thời đó ‘hắn’ chẳng bao giờ có ý nghĩ tha-thương nào đối với ai. Nhưng giờ, nhờ sức mạnh của sự thụ giới xuất gia, lòng bi-mẫn đã lập tức dâng trào khi thầy ấy nhìn thấy người phụ nữ đang sinh đẻ khó khăn và đau đớn.] (822)

741 [Cho đến tận ngày nay, câu nói này vẫn thường được đọc tụng với những tu sĩ Phật giáo như lời kinh phòng hộ (*paritta*) cho những phụ nữ đang sinh đẻ.] (823)

742 [**MA** chú giải rằng: mọi hành-động cố ý, tức nghiệp (*kamma*) đều có khả năng tạo ra 03 loại nghiệp quả: (a) nghiệp quả được nếm trải ngay tại đây và bây giờ (nhãn tiền), tức nghiệp và nghiệp quả xảy ra ngay trong kiếp này; (b) nghiệp quả được nếm trải trong kiếp sau; và (c) nghiệp quả được nếm trải trong một hay những kiếp nào sau đó nữa, cho tới khi nào người đó vẫn còn tiếp tục lưu hữu trong vòng luân-hồi (saṁsāra).

- Bởi vì thầy Angulimāla đã chứng thánh quả A-la-hán, nên thầy đã thoát khỏi hai loại nghiệp sau (b) và (c) nhưng không thoát khỏi nghiệp quả nhãn tiền (a) trong kiếp này, bởi vì ngay cả những A-la-hán cũng phải bị nếm trải những nghiệp quả trong kiếp này của những nghiệp mà họ đã từng làm trước khi chứng thánh quả A-la-hán. (Nghĩa là, thầy Angulimāla phải nếm trải những nghiệp quả của những nghiệp ác (giết người) mà thầy ấy đã làm khi còn là tên cướp trước khi thầy ấy là một Tỳ kheo và bây giờ A-la-hán).] (824)

743 [Một số dòng kệ bên dưới cũng có được ghi trong tập kinh Pháp Cú (*Dhammapada*). Tất cả những thi kệ của thầy Angulimāla cũng được ghi đầy đủ trong tập **Thag 866–891**.] (825)

744 [Mặc dù luận giảng **MA** nói rằng Ahiṁsaka (Vô Hại) là tên thật của Angulimāla, nhưng quyển luận giảng tập kinh Theragāthā (Trưởng Lão Kệ) thì nói tên thật của thầy là Hiṁsaka (Nguy Hiểm).] (826)

745 [(Trong các kinh thường nói những người xuất gia ăn thức ăn cúng dường để nuôi thân tu hành mà chưa tu-thành thì coi như mang nợ những thí chủ và những xứ sở mình đã sống tu). [Những Tỳ kheo đức hạnh chưa chứng đắc A-la-hán thì được cho là ăn thức ăn cúng dường của xứ sở như tài sản kế thừa từ Đức Phật, còn những A-la-hán được cho là ăn thức ăn cúng dường "không bị mang nợ" bởi vì họ đã tu thành, đã làm cho bản thân mình hoàn toàn xứng đáng với những thứ cúng dường. Mời coi thêm giảng giải trong **Vsm** I, 125–27.] (827)

746 ['Sự thay đổi và biến đổi' hay 'sự thay đổi và biến cố' là cụm chữ hay được dùng để chỉ "sự bệnh nặng và chết".] (828)

747 [Viḍūḍabha là con trai (thái tử) của nhà vua, là kẻ sau này đã chiếm ngôi và tống nhà vua vào ngục. Kāsi và Kosala là những vương quốc nhà vua đang trị vì.] (829)

748 [**MA** chú giải: Nhà vua dùng nước để rửa tay và chân và rửa miệng để kính lễ Đức Phật.] (830)

749 [**MA** chú giải rằng: Nhà vua hỏi câu này là có ý đề cập tới trường hợp một nữ du sĩ tên Sundarī, là một vụ việc đang điều tra chưa xong vào lúc đó. Vì muốn hạ uy tín của Đức Phật, một số du sĩ đã dụ nữ du Sundarī cố tình đến thăm Khu Vườn Jeta (Tịnh xá Cấp Cô Độc) vào ban đêm và ra về vào buổi sáng, để cho người ta nhìn thấy sẽ nghi ngờ về Đức Phật. Rồi sau đó họ lại giết cô ta và đem chôn ở gần Khu Vườn Jeta, và sau khi phát hiện thi thể của cô ta, họ đã chỉ tay đổ thừa cho Đức Phật. Một tuần sau những lời đồn sai trái đó lan truyền, những quan quân điều tra của nhà vua đã tìm ra sự thật đằng sau vụ giết người đó. Mời coi thêm **Ud 4:8**/42–45.

- Tôi làm theo **BBS** và **SBJ**, có đưa thêm tính từ bổ nghĩa "*có trí*" vào cụm chữ "*những tu sĩ và bà-la-môn*" (*samaṇehi brāhmaṇehi vinnūhi*). Câu trả lời của thầy Ānanda cũng hàm nghĩa là sự chỉ trích của *những tu sĩ và bà-la-môn có trí* chứ không phải những tu sĩ và bà-la-môn bình thường. Cách ghi này là đúng và cũng được ủng hộ bởi những câu nói kế dưới của nhà vua (những câu trong mục 9) rằng Ngài Ānanda đã hoàn thành bằng câu trả lời đầy đủ mà chính nhà vua không thể hoàn thành bằng chính câu hỏi đầy đủ, tức là, trong câu hỏi nhà vua thiếu sự phân biệt giữa người có trí và người vô trí.] (831)

750 [Tóm tắt, đoạn này đã đưa ra năm khía cạnh của những hành động xấu ác: (i) tính *bất-thiện* nhấn mạnh tính chất về mặt tâm lý học của hành-động, (ii) *sự tác-động không lành* của nó đối với cái tâm; (iii) tính *tội-lỗi* của nó nhấn mạnh bản chất tệ hại của nó về mặt đạo đức; (iv) khả năng của nó tạo *những kết quả khổ đau* kêu gọi người nghe chú ý tới tiềm năng nghiệp quả xấu của nó; và (v) câu cuối cùng kêu gọi sự chú ý tới cả *động-cơ* xấu ác của nó và *những hệ-quả* nguy hại về lâu dài mà hành động đó đã gây ra cho chính mình và người khác. Cách giải thích ngược lại đối với hành-động tốt, đã được nói đến ở mục 14.] (832)

751 [**MA** chú giải: Câu trả lời của thầy Ānanda đã vượt trên câu hỏi, vì thầy ấy đã chỉ ra rằng Đức Phật không chỉ nói lời đề cao sự dẹp bỏ tất cả những trạng

thái bất thiện, mà Phật còn hành động theo lời của mình bằng cách đã tự mình tu tập và dẹp bỏ xong tất cả những trạng thái bất thiện.] (833)

752 [**MA** chú giải chữ *bāhitikā*, là tên của bài kinh, là một tấm vải được sản xuất ở ngoại quốc (nước Ma-kiệt-đà của Vua A-xà-thế).] (834)

753 [Dīgha Kārāyaṇa là nguyên soái của quân đội của Vua Pasenadi. Ông ta là cháu của Bandhula, thủ lĩnh của những người Malla và bạn cũ của Vua Pasenadi. Nhà vua đã cho xử tử Bandhula cùng với 32 con trai của ông ta vì họ đã tạo phản thông qua âm mưu tạo phản của những quan thần thượng thư bị tha hóa của ông. Còn Kārāyaṇa là kẻ lúc sau kinh này đã thông đồng với thái tử Viḍūḍabha, con trai của Vua Pasenadi, chiếm đoạt ngai vàng của vua cha. (Hậu quả là Vua Pasenadi đã chết luôn đêm đó sau khi nhà vua đã gặp Đức Phật).] (835)

754 [*03 do-tuần* (*yojana*, dặm Ấn) là khoảng 20 dặm Anh (khoảng hơn 32 km).] (836)

755 [**MA** chú giải: Lúc này tướng Dīgha Kārāyaṇa đã nghĩ: "Trước kia, sau khi hội đàm riêng với sa-môn Cồ-đàm nhà vua đã bắt giam chú của ta và 32 con trai của ông ta. Có lẽ lần này là bắt giam ta." Phù hiệu hoàng gia (lệnh bài của vua) cùng với quạt, dù, và dép của nhà vua đã cho tướng Dīgha Kārāyaṇa toàn quyền điều động mọi việc khi không có mặt nhà vua Pasenadi. Ông ta đã tức tốc chạy về kinh đô với phù hiệu hoàng gia và đưa thái tử Viḍūḍabha lên ngôi thành vua (lật đổ vua cha Pasenadi).] (837)

756 [Coi thêm kinh **MN 13**.11, những sự tranh chấp tranh cãi được cho là phát sinh từ nguyên nhân gốc là vì những khoái-lạc giác quan, (tức vì tranh giành tham muốn có được những dục lạc trên đời nên người ta tranh cãi tranh chấp với nhau, thậm chí xung đột, chiến đấu, chém giết lẫn nhau).] (838)

757 [Nội dung những lời vừa nói ra cũng có trong đoạn cuối của mục 6, kinh **MN 77**.] (839)

758 [Nội dung của các mục 14-17 trong kinh này lần lượt giống nội dung các mục 4-7 trong kinh **MN 27** (Quyển 1).] (840)

759 [Hai người này vào lúc chết đã được Phật tuyên bố cả hai đều là những bậc thánh Nhất-lai. Coi kinh **AN 6:44**.] (841)

760 [Câu này cho thấy rằng kinh này đã xảy ra vào năm cuối đời của Đức Phật.] (842)

761 [Khi vua Pasenadi quay trở lại chỗ nhà vua để Dīgha Kārāyaṇa chờ lúc nảy, nhà vua thấy chỉ còn một cô hầu nữ báo lại sự việc rằng tướng Dīgha Kārāyaṇa đã tức tốc rời khỏi chỗ này sau khi nhà vua đi vào gặp Đức Phật. Nhà vua liền tức tốc lên đường đi đến thành Rājagaha (Vương Xá) để tranh thủ sự trợ giúp của cháu mình là Vua A-xà-thế (Ajātasattu). Nhưng khi nhà vua đến nơi, kinh thành đã đóng cửa. Bị kiệt sức bởi chuyến đi, nhà vua nằm xuống một hành lang bên ngoài kinh thành và chết trong tối đó.] (843)

762 [**MA** chú giải: "*Những bảo tháp/ tượng đài đối với Giáo Pháp*" có nghĩa là những câu chữ diễn đạt sự tôn kính đối với Giáo Pháp. Khi nào sự tôn kính được thể hiện đối với một trong Tam Bảo, thì nó cũng thể hiện sự tôn kính đối với hai bảo còn lại; (tức là, khi một người tôn kính Phật thì người đó cũng tôn kính Giáo Pháp và Tăng Đoàn; tương tự đối với hai bảo còn lại. Nghĩa của câu kinh này là: Vua Pasenadi đã nói ra những lời như lời tuyên ngôn, như lời tuyên thuyết, như những tượng đài, *như những bảo tháp*, *như những đền thờ* đối với Giáo Pháp vậy).] (844)

763 [**MA** chú giải: Hai 'chị em' ở đây là những người vợ của nhà vua [không phải chị hay em gái!]. (845)

764 [**MA** giải nghĩa câu này là: Không có ai có thể biết và thấy tất-cả—quá khứ, hiện tại, và tương lai—bằng một hành-vi hướng tâm (dụng tâm), bằng một hành vi của thức. Như vậy ý nghĩa của vấn đề này được thảo luận theo cơ sở '*một hành vi riêng lẻ của thức*' hay *một nhất-tâm* (*ekacitta*). Về loại toàn-trí này của Đức Phật được giải thích bởi Phật giáo Theravāda, mời coi lại chú giải 714 ở kinh **MN 71**, cuối mục 5.] (846)

765 [Nghĩa là, nhà vua không hỏi về tư cách xã hội của họ mà hỏi về triển vọng có thể tiến bộ và chứng ngộ về tâm linh của họ (và dẫn tới sự tái sinh của họ).] (847)

766 [Đoạn này giống như kinh **MN 85**, mục 58.] (848)

767 [**MA** chú giải: sự quay trở lại (Hữu-lai) hay không quay trở lại (Bất-lai) là chỉ sự tái sinh, rằng những thiên thần không quay trở lại cõi người là những bậc thánh Bất-lai, còn những ai còn quay trở lại cõi người thì vẫn là hạng

"phàm-phu". Sự phân biệt này cũng giống như cách phân biệt trong thảo luận về những vị trời Brahmā (Phạm thiên) ở mục 15. Hai thuật ngữ chỗ này để phân biệt 02 loại thánh đã được ghi trong phiên bản **PTS** là *savyāpajjhā* và *abyāpajjhā*, nghĩa là *còn dính sự ác-ý* và *không còn dính sự ác-ý*; trong **SBJ** thì ghi là *sabyāpajjhā* và *abyāpajjhā*, nghĩa cũng tương tự như vậy; trong khi **BBS** thì ghi là *sabyābajjhā* và *abyābajjhā*, nghĩa là *còn bị khổ* và *không còn bị khổ*."

- Cách ghi cuối của **BBS** có sự ủng hộ từ luận giảng **MA**, nó cũng giải thích sự khác nhau theo cách diễn đạt bằng *sự khổ về tâm*. Trong những bản dịch trước của bộ kinh này tôi đã dịch theo cách ghi của **BBS**, nhưng giờ nhận thấy cách ghi đầu của **PTS** và **SBJ** có vẻ phù hợp hơn. Sau đó, có lẽ hoàng tử (tức tướng quân) Viḍūḍabha đã quan tâm về sự ác-ý của những thiên thần hơn là sự nếm trải khổ đau của họ. Lưu ý rằng: chữ *itthatta*, trong các câu kinh gốc để mô tả thánh quả A-la-hán là chỉ về *một trạng thái hiện-hữu*, mà chữ này ở đây đã được **MA** chú giải là *manussaloka* (cõi người, thế giới con người).

- Học giả K.R. Norman, trong một bài viết rất hay, đã đề xuất một sự biên tập lại làm sáng tỏ đoạn này của bài kinh, vốn đã gây ra những cách dịch nghĩa khác nhau như vậy. Nhưng do lời đề xuất của vị ấy không được ủng hộ hay được dựa trên phiên bản nào (hay luận giảng nào), cho nên tôi vẫn do dự không làm theo vị ấy. Mời đọc thêm bài viết của Norman, trong tập ***Collected Papers*** (*Tuyển Tập Những Bài Viết*), **2:162–71**.] (849)

768 [Đây là một đoạn kinh mẫu thường được dùng để mô tả về một bà-la-môn nhiều học rộng. Theo luận giảng **MA**, Ba Kinh Vệ-đà (Veda) là Iru, Yaju, và Sāma [= Rig, Yajur, và Sāman]. Bộ kinh Vệ-đà thứ tư, Kinh Atharva, không được đề cập ở đây, nhưng **MA** chú giải rằng nó vẫn được bao hàm ở đây vì những môn lịch sử (*Itihāsa*) đã được gọi trong đoạn kinh này là phần "*thứ năm*", tức những tác phẩm được coi là có thẩm quyền của những bà-la-môn.

- Tuy nhiên, dường như đúng hơn là, những môn lịch sử được gọi là phần "*thứ năm*" này là phần kết nối với 04 phần của kinh Vệ-đà đã được nói ra trước phần "*thứ năm*" trong lời kinh mô tả.

- Việc dịch những thuật ngữ ở đây là làm theo luận giảng **MA**, với sự trợ giúp của Tự Điển Phạn-Anh của Monier-William (*Sanskrit-English Dictionary* (Oxford, 1899).

- Về *những tướng số của một bậc Vĩ Nhân*: **MA** chú giải đó là một khoa học dựa trên 12.000 tác phẩm giải thích về những đặc điểm tướng số của những bậc đại nhân, ví dụ như những vị Phật, những Phật duyên giác, những vị đại đệ tử hành đầu, những vị đại đệ tử, những vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe (chuyển luân vương) ... Những tác phẩm này có chứa 16.000 dòng thi kệ được gọi là phần "*The Buddha Mantra*" (Phật Chú).] (850)

769 [32 đặc-điểm tướng số, sẽ được liệt kê trong mục 9 bên dưới, là chủ-đề chính của một bài kinh dài trong *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ), kinh **DN 30**, kinh *Lakkhaṇa Sutta*. Trong đó mỗi đặc-điểm tướng số được giải thích theo hệ quả của nghiệp (nghiệp quả) của mỗi *phẩm chất đức-hạnh* (phẩm hạnh) đã được hoàn thiện (ba-la-mật) bởi Đức Phật trong những kiếp hiện-hữu trước kia là một vị Bồ-tát.] (851)

770 [*Bảy thứ báu* này cũng được thảo luận trong kinh **MN 129**, mục 34–41. Sự có-được *bánh xe báu* giải thích tại sao ông được gọi là một "*Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe*" (chuyển luân vương).] (852)

771 [Nguyên văn câu cuối này: *Loke vivattacchaddo*. Để đọc những giả thuyết về dạng chữ gốc và nghĩa của thành ngữ này, mời coi bài viết *Nhóm Những Bài Kinh II* (*Group of Discourses II*) của Morgan, coi chú thích số 372, trang 217–18. **MA**: thế giới, bị bao phủ bởi bầu tối đen của những ô-nhiễm (lậu hoặc), bị che phủ bởi 07 bức màn: tham, sân, si, sự tự-ta (ngã mạn), những tà-kiến, sự vô-minh, và hành-vi thất đức. Sau khi đã loại bỏ những bức màn, Đức Phật an trú phát quang khắp mọi phương. Do vậy nên nói Phật là người đã vén mở bức màn trong thế gian. Hoặc cách khác, chữ *vivattacchado* có thể được phân giải thành chữ *vivatto* và *vicchaddo*; đó là, bậc ấy không còn vòng luân-hồi (*vaṭṭarahito*) và không còn những bức màn (*chadanarahito*). Nhờ không còn vòng luân-hồi (tức vòng tái-sinh, *saṁsāra*) nên bậc ấy là một bậc A-la-hán; nhờ không còn những bức màn nên bậc ấy là một bậc Toàn Giác.] (853)

772 [**MA** chú giải rằng: Phật đã làm màn thần thông này sau khi đã khẳng định người thầy của Uttara, tức bà-la-môn Brahmāyu, đã có tiềm năng chứng đắc thánh quả Bất-lai, và sự chứng đắc thánh quả này của ông ta phụ thuộc vào sự xua tan những sự nghi-ngờ hiện tại của môn sinh Uttara (vì ông sẽ chờ nghe môn sinh về thuật lại cho ông biết).] (854)

773 [Bảy chỗ vun lồi là nằm sau tứ chi, hai vai, và mình.] (855)

774 [Nguyên văn chữ cuối này là: *rasaggasaggī*. Kinh *Lakkhaṇa Sutta* [**DN 30**.2.7] có giảng thêm: "*Mỗi khi đầu lưỡi chạm đâu thì bậc ấy nếm được vị tận cổ, và vị được phân tán khắp nơi.*"

- Tuy nhiên, rất khó hiểu được làm sao phẩm chất này lại được coi là một đặc điểm của thân, hoặc theo cách nào nó được nhận biết bởi người ngoài như vậy.] (856)

775 [Đặc-điểm cuối cùng này, *uṇhīsa*, là chỉ phần đỉnh đầu nhô cao thường được thấy trong những tranh và tượng của Phật.] (857)

776 [Đây là đoạn mẫu diễn tả về sự suy xét (quán chiếu, tâm niệm) về sự sử dụng thức ăn một cách đúng đắn (nuôi thân để tu), cũng được ghi trong kinh **MN 2**.14 (và một số kinh thuộc các bộ kinh khác).] (858)

777 [Lời chúc phúc hay lời tùy hỷ công đức (*anumodanā*) là đoạn tụng đọc ngắn sau bữa cơm, chỉ dẫn những thí chủ vài khía cạnh của Giáo Pháp và diễn đạt sự cầu ước rằng hành-động công đức (phước nghiệp) của họ sẽ mang lại phước quả dồi dào cho họ.] (859)

778 [Ở đây tôi dịch theo **BBS**, nó ghi đầy đủ hơn **SBJ** và **PTS**. **MA** chú giải rằng: Ý môn sinh bà-la-môn muốn nói là: "Những phẩm chất siêu xuất mà tôi chưa mô tả thì còn nhiều hơn những phẩm chất mà tôi đã mô tả. Những phẩm chất siêu xuất của Thầy Cồ-Đàm giống như đại địa cầu và đại dương vậy; nếu nói ra chi tiết thì chúng là nhiều vô kể và vô lượng, như không gian vậy."] (860)

779 [Chữ Pāli *jivhā* (lưỡi) là thuộc chữ giống cái.] (861)

780 [*Những gì phải được trực-tiếp biết* (*abhinneyya*) là Bốn Diệu Đế, *những gì phải được tu* (*bhāvetabba*) là Bát Thánh Đạo, *và những gì phải được trừ bỏ* (*pahātabba*) là những ô-nhiễm (lậu hoặc) dẫn đầu là dục-vọng (ái). Ở đây ngữ cảnh đòi hỏi rằng chữ Phật [Buddha] nên được hiểu theo nghĩa là một bậc Toàn Giác (hay chánh đẳng chánh giác, *sammāsambuddha*).] (862)

781 [Chữ gốc chỗ này là *vedagū*. Chữ này và 02 chữ kế sau—*tevijja* và *sotthiya*—có lẽ đã đại diện cho những loại thành-tựu lý tưởng trong số những bà-la-môn; mời coi thêm kinh **MN 39**, các mục 24, 26, và 27. Chữ thứ sáu và thứ bảy—*kevalī* và *muni*—có lẽ là những loại lý tưởng trong số những giáo

phái không theo kinh Vệ-đà. Bằng câu trả lời của mình, Đức Phật đã phú cho những chữ này những nghĩ mới có được từ hệ thống tâm linh của Đức Phật.] (863)

782 [Ở đây và trong phần trả lời thì chữ Phật [Buddha] có thể chỉ có nghĩa là người đã giác-ngộ, người tỉnh-thức, theo cái nghĩa dùng để chỉ một A-la-hán, cho dù lời đáp lại của bà-la-môn Brahmāyu cũng gợi ý nó có thể có nghĩa hẹp hơn là chỉ một vị Phật Toàn Giác (chánh đẳng chánh giác).] (864)

783 [**MA** coi những dòng kệ của Đức Phật là đã trả lời tất cả 08 câu hỏi của bà-la-môn Brahmāyu.] (865)

784 [Toàn mục 36 này nội dung giống như mục 18 ở kinh **MN 56** ở trên.] (866)

785 [Lời kinh của kinh này không có ghi trong phiên bản bộ kinh **MN** này của **PTS**, bởi vì nó giống hệt bài kinh cùng tên trong tập *Kinh Tập* (*Sutta Nipāta*, **Sn**), nó đã được xuất bản thành 02 ấn bản khác nhau bởi cùng **PTS**. Do vậy, các số ghi trong ngoặc ở đây như [102], [104] … [112] là chỉ số trang trong ấn bản tập kinh **Sn** thứ hai của **PTS**, được biên tập bởi học giả Dines Anderson và Helmer Smith.] (867)

786 [*Jambu* là chữ tắt của chữ *Jambudīpa* (Diêm-phù-nề), có nghĩa là *Đảo Táo Hồng*, tức chỉ bán đảo lục địa Ấn Độ (kinh văn cổ hay gọi toàn cõi Ấn Độ là cõi Diêm-phù-nề, tức Đảo Táo Hồng).] (868)

787 [Về sự khẳng định này, những luận điểm giải thích về sự khác-nhau giữa các giai-cấp về sự thanh-lọc thân tâm và tâm linh cũng được Phật giải thích trong **MN 90**, mục 10–12.] (869)

788 [**MA** chú giải rằng: Họ nói câu này với ý như là: "Sau khi đã học Ba Kinh Vệ-đà, thầy đã được huấn luyện về những chú thuật (mantra) … Thầy đã thực hành cách cư xử của họ. Do vậy, thầy sẽ không bị đánh bại. Chiến thắng là của thầy."] (870)

789 [Câu nói này được nói ra để cho thấy rằng những bà-la-môn đó được sinh ra từ phụ nữ, và do vậy lời họ nói họ được sinh ra từ miệng của trời Brahmā là không có thực chất gì, (đó chỉ là lời nói sáo rỗng của họ mà thôi).] (871)

790 [*Yona* là tiếng Pāli được quy chuyển từ chữ *Ionia*. Còn *Kamboja* là một vùng nằm ở phía tây bắc của miền "*Trung Phần*" (giữa, trung tâm) của Ấn Độ.] (872)

791 [Những luận điểm từ mục 7–8 ở đây thực chất giống hệt trong kinh **MN 84**.] (873)

792 [**MA** nhận dạng Devala Bóng Tối chính là Asita Devala, đã từng gặp gỡ với Đức Phật trong một kiếp trước. Đức Phật kể lại câu chuyện dưới đây (mục 18 này) như để chỉ ra cho môn sinh bà-la-môn Assalāyana rằng: "Trong quá khứ, khi anh thuộc gia thế thượng đẳng (bà-la-môn) và ta thuộc gia thế hạ đẳng hơn, anh đã không khả năng trả lời câu hỏi ta đã hỏi về một sự khẳng định của những bà-la-môn về phân biệt sinh cảnh (gia thế, giai cấp). Vậy bây giờ làm sao anh có khả năng trả lời câu hỏi đó trong khi anh đang thuộc hạng thấp hơn và ta thì trở thành một vị Phật?"] (874)

793 [Về lời kinh như câu này, coi thêm kinh **MN 38**, mục 26 và chú thích 411 ở đó. Lưu ý rằng lời đối thoại dưới đây đã thiết lập nghĩa của chữ *gandhabba* (tạm dịch là *hương ấm* theo thầy Thích Minh Châu; hay đúng ra là dạng *dòng thức tái sinh*) là một chúng sinh đã chết và sắp được tái sinh.] (875)

794 [**MA** chú giải: Puṇṇa ở đây là tên của một người hầu của bảy vị ẩn sĩ bà-la-môn đó, anh ta cầm một cái muỗng, nấu những lá cây, và phục vụ cho họ.] (876)

795 [**MA** chú giải: Thầy ấy làm vậy sau khi nhận thấy chủ đề mà bà-la-môn đặt ra cần phải có sự đàm đạo dài chứ không thể vừa đi vừa nói vài câu là được.] (877)

796 [Đồng tiền *kahāpaṇa* là đơn vị tiền tệ chính ở Ấn Độ thời đó.] (878)

797 [Vào những ngày cuối cùng của Đức Phật, Pāṭali*putta* (kinh thành Pāṭali, kinh thành Hoa Thị) này vẫn còn là một khu làng nhỏ có tên là Pāṭali*gāma* (làng Pāṭali). Trong kinh dài **DN 16**.1.28, Đức Phật đã dự báo về sự phát triển to lớn sau đó của nó. Và đúng như vậy, về sau nó đã trở thành kinh đô của nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Thời nay, hậu duệ của kinh thành Hoa Thị chính là thành phố Patna, thủ phủ của bang Bihar, Ấn Độ bây giờ.] (879)

798 [Phần mở đầu của bài kinh này, từ đầu cho đến mục 10, là hầu như giống hệt với phần mở đầu của kinh dài *Soṇadaṇḍa Sutta* (**DN 04**).] (880)

799 [**MA**: Chỗ này được gọi tên như vậy vì ở chỗ này người ta từng tổ chức những lễ cúng cho những thiên thần.] (881)

800 [Pokkharasāti là một bà-la-môn giàu có khác cư ngụ ở vùng Ukkaṭṭhā, cũng là một tài sản của hoàng gia được ban cho ông bởi Vua Pasenadi của xứ Kosala. Trong kinh dài **DN 2**.21 ông ta đã nghe một bài thuyết giảng của Phật, ông chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và sau đó ông đã cùng cả gia đình và những tùy tùng đều quy y theo Phật.] (882)

801 [Đó là tên những vị thánh (*rishi*) cổ mà những bà-la-môn cho là những tác giả ứng truyền của các bài kinh kệ Vệ-đà.] (883)

802 [Nguyên văn 05 chữ này là: *saddhā, ruci, anussava, ākāraparivitakka, diṭṭhinijjhānakkhanti*. Đây là 05 loại căn cứ để đi đến một kết luận. Căn cứ đầu tiên có vẻ chỉ dựa vào cảm tính; căn cứ thứ ba là sự chấp nhận truyền thống truyền tụng một cách không nghi vấn, và 02 căn cứ cuối cùng là dựa vào sự lý-giải hoặc sự điều-tra suy xét để nhận biết. Trong 05 loại thì 03 loại căn cứ sau cùng {(iii) *điều do được truyền bá nhiều* … (iv) *điều do được nhận biết nhiều* … và (v) *điều do được xem xét kỹ nhiều*} cũng nằm trong *10 loại căn cứ chưa đầy đủ để kết luận một sự-thật hay niềm-tin*, như đã được nêu ra trong kinh **AN 3:65**, coi chỗ đoạn (I) và chú thích ở đó.

- Còn "*trở thành hai cách khác nhau*" có nghĩa là mỗi điều có thể trở thành (là) đúng hoặc sai.] (884)

803 [Nghĩa là: sẽ không hợp lý hay đúng đắn để một người có trí đi đến kết luận, bởi vì anh ta vẫn chưa tự mình xác thực sự thật đó, bởi anh ta chỉ mới chấp nhận nó dựa trên *căn cứ chưa đầy đủ khả năng xác thực chắc chắn về điều đó*.] (885)

804 ["*Bảo vệ sự thật*" (*saccānurakkhana*): tức sự bảo hộ, duy trì, bảo trì một sự thật hay một điều gì đó (mà mình tin).] (886)

805 ["*Sự khám-phá ra sự thật*" (*saccānubodha*): tức sự nhìn ra, sự nhìn thấy sự thật, sự giác ngộ sự thật.] (887)

806 [Tiến trình khám-phá sự thật được nói ra sau đây trong kinh này có vẻ giống như sự lặp lại cách tiếp cận sự thật được mô tả trong kinh **MN 47**.] (888)

807 ["*Người đó soi-xét kỹ* (*tūleti*). **MA** chú giải nghĩa là: Người đó điều tra xét kỹ các hiện tượng (các pháp) để thấy có đúng là '*vô thường, khổ, và vô ngã*'. Chỗ này có lẽ chỉ người tu đang ở giai đoạn thiền quán minh-sát.] (889)

808 [Mặc dù *sự áp dụng ý-chí* (*ussahati*) ở đây có vẻ là đồng nghĩa với *sự chuyên-cần tu* (tinh cần, phấn đấu; *padahati*), nhưng *sự áp dụng ý-chí* có thể được hiểu là sự cố-gắng được đảm nhận trước khi thiền quán minh-sát (tuệ), còn *sự chuyên-cần tu* là sự cố-gắng để đưa sự minh-sát (tuệ) lên trình độ của (thánh) đạo siêu thế.] (890)

809 [**MA** chú giải là: Người đó chứng ngộ Niết-bàn bằng thân của tâm [của thánh đạo Nhập-lưu], và sau khi đã thâm nhập thấu suốt những ô-nhiễm (lậu hoặc), người đó nhìn thấy Niết-bàn bằng trí-tuệ, làm cho nó rõ ràng và hiển nhiên.] (891)

810 [Trong khi "*sự khám-phá ra sự thật*" (*saccānubodha*) trong văn cảnh này có nghĩa là *sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu*, thì "*sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật*" (*saccānuppatti*) chắc hẳn có nghĩa *là sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán cuối cùng*. [Ghi nhớ rằng "*sự đạt-tới cuối cùng tới sự-thật*" không phải diễn ra bằng những cách tu-tập nào khác nữa, mà đó chỉ là *sự tiếp-tục, sự lặp-lại các bước* [*các chi giác-ngộ*, thất giác chi] *như trước giờ người tu đã tu tập* để dẫn tới "*sự khám-phá sự -thật*".] (Nghĩa là, người tu cứ lặp lại những bước tu-tập cho đến lúc hoàn thiện tất cả *những* (*bảy*) *chi giác-ngộ* đó, cho đến cuối cùng chứng đắc thánh quả cuối cùng là bậc A-la-hán).] (892)

811 [Mời coi lại chú thích số 524 ở mục 13, kinh **MN 50**, (Quyển 1) như vầy: "*Người thân tộc*" (*bandhu*) ở đây là vị trời Brahmā (Phạm thiên), nhưng bà-la-môn gọi trời Brahmā như vậy vì họ coi vị trời đó là tổ tiên nguyên thủy sinh ra họ. **MA** giải thích rằng: đó chỉ là một đức tin của những bà-la-môn (*brahmin*), họ cho rằng họ là dòng dõi được sinh ra từ miệng của Trời Brahmā, những người giai cấp chiến-sĩ (*khattiya*) là từ ngực, những người giai cấp thương-nông (*vessa*) là từ bụng, và những người giai cấp bần-lao hạ tiện (*sudda*) là từ chân, và những tu sĩ sa-môn (*samaṇa*) là từ dưới bàn chân của trời Brahmā."] (893)

812 [**MA** chú giải: Đi khất thực (đi xin bố thí) là sự thực hành từ cổ xưa, những bà-la-môn đi khất thực ngay cả khi họ rất giàu có.] (894)

813 [Mặc dù nông nghiệp là nghề lạ đối với một người được gọi là giai cấp thương-nhân (*vessa*), nhưng nên hiểu rằng những *vessa* không chỉ làm những nghề buôn bán kinh tài ở thành thị mà họ cũng làm chủ, giám sát, và đảm trách những nghề nông nghiệp như đồn điền, ruộng đồng, trồng trọt, và chăn nuôi. (Vì vậy, khi dịch chữ *vessa*, người dịch (và nhiều dịch giả trước đây) đã dịch theo một số giảng luận là *giai cấp thương-nông*, thay vì chỉ là *thương-nhân*).] (895)

814 [Nguyên văn câu này: *Ariyaṁ kho ahaṁ brāhmaṇa lokuttaraṁ dhammaṁ purisassa sandhanaṁ pannāpemi*.] (896)

815 [Nguyên văn cụm chữ này: Attabhāvassa abhinibbatti: nghĩa đen là, "ở đâu xảy ra sự thụ thai của ['cá thể', 'con người' của] người đó (thì tính theo ở đó)".] (897)

816 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Sati uttarakaraṇīye*. Thầy Xá-lợi-phất đã ra về mà không ban cho ông bà-la-môn một giáo lý để ông ta có khả năng đạt tới thánh đạo siêu thế và 'được định xong vận mệnh (như Nhập-lưu vào dòng thánh đạo) với đích-đến là sự giác-ngộ'. So với sự nhập lưu vào dòng thánh đạo thì sự tái sinh trong cõi trời Brahma được coi là "*thấp kém hơn*" (*hīna*).] (898)

817 [Lời nhận xét này của Phật có tác động như một lời quở trách nhẹ. (Chắc do lẽ) Đức Phật đã nhìn thấy rằng bà-la-môn Dhānañjāni có tiềm năng đạt tới thánh đạo siêu thế; bởi vì chúng ta thấy trong những kinh khác [như kinh **MN 99**.24–27] chính Đức Phật chỉ dạy con đường tái sinh trong cõi trời Brahma chỉ khi nào người nghe của Đức Phật thiếu hẳn tiềm năng đó.] (899)

818 [Lời kinh trong bài kinh này không được ghi trong phiên bản Bộ Kinh **MN** này của **PTS**, lý do giống như đã nói trong chú thích 867 ở kinh **MN 92** ở trên. Trong **PTS** có dẫn số trang ghi trong ngoặc như [115], [116] … [123] là chỉ các số trang trong ấn bản tập kinh **Sn** của Anderson-Smith.] (900)

819 [Ở đây, chữ "hành-động" tức "nghiệp" (*kamma*) phải được hiểu là hành-động (nghiệp) hiện tại, không phải chỉ nghiệp quá khứ vốn tạo ra những hệ

quả (nghiệp quả) hiện tại. (Do vậy người dịch Việt dịch là *hành-động* cho khỏi nhầm, cho dù chữ gốc đúng là chữ nghiệp (*kamma*). Ở đây có lẽ những bà-la-môn không chấp nhận tất cả thuyết nghiệp báo của Đức Phật, nên chú giải nói họ đang chỉ hành-động hiện tại mà thôi.)] (901)

820 [*Sāmannā* (nghĩa gốc là danh, danh tính, sự cá biệt, nét riêng). **MA** chú giải: Giữa những sinh vật, sự khác biệt về hình dạng của những bộ phận thân của chúng được quyết định bởi chủng loại (*yoni*), (có thể ví dụ: cùng là loài rắn, nhưng có các chủng loại rắn có nọc độc hay có đuôi và có rắn không nọc độc hay không đuôi), nhưng đâu thấy có sự khác biệt gì về những bộ phận thân thể của những bà-la-môn so với những người khác. Trong trường hợp như vậy, sự khác biệt lẫn nhau giữa những bà-la-môn, những người giai cấp chiến-sĩ, những thương-nông, những bần-lao hạ tiện chỉ là sự khác nhau hay sự cá biệt về *giọng nói* mà thôi; nhưng sự khác nhau này chỉ là sự khác nhau do quy ước của người đời mà thôi, (tức là, nếu để tả sự khác nhau giữa những người trong loài người về số bộ phận thân thể thì không thể, vì gần như tuyệt đại đa số ai cũng có đủ những bộ phận như nhau. Cách người ta phân biệt được sự khác nhau giữa mọi người, ngay cả khi không nhìn thấy họ, đó là giọng nói của mỗi người. Bởi vì giọng nói của mọi người nghe thì giông giống nhau, nhưng nếu nghe riêng một giọng nói nào thì có thể nhận ra được đó là giọng nói của một cá nhân nào đó. Có lẽ ý nghĩa mô tả sự khác biệt duy nhất ở đây nôm na là vậy.)] (902)

821 [**MA**: Từ nảy đến giờ Phật đã phê phán sự khẳng định của môn sinh bà-la-môn Bhāradvāja cho rằng sinh-cảnh (gia thế, giai cấp) làm nên một bà-la-môn. Bây giờ Phật bắt đầu bàn về sự khẳng định của môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha cho rằng hành-động (nghiệp) làm nên một bà-la-môn. Vì những bà-la-môn cổ và những người có trí trong thế gian thời đó sẽ không nhận ra chế độ bà-la-môn là chế độ đầy khuyết điểm về mặt mưu-sinh, đức-hạnh, và hành-vi cư xử.] (903)

822 [Nguyên văn chữ cuối là "*bhovādi*". *Bho* (ngài, quý ông) là chữ những bà-la-môn và môn sinh bà-la-môn dùng để xưng hô lẫn nhau.

- Từ chỗ này trở đi: Đức Phật sẽ lần lượt định nghĩa '*một bà-la-môn đích thực*' là gì, và đó là một A-la-hán.

- Những dòng kệ từ 27–54 ở đây là giống hệt trong tập kinh Pháp Cú [**Dhp** 396–423], ngoại trừ có 02 hai hàng được thêm vào trong thi kệ **Dhp 423**.] (904)

823 [**MA** chú giải ý câu này là: Bằng hành-động cố ý trong hiện tại (là việc làm nông, thủ công …) hình thành nghề nông, nghề thủ công … vân vân.] (905)

824 [Với dòng kệ này, chữ *kamma* (nghiệp, hành-động) bắt đầu một sự chuyển đổi về ý nghĩa, sự chuyển đổi này đã được ra hiệu trước bằng thuật ngữ "*sự khởi-sinh tùy thuộc*".

- Chữ *kamma* không còn có nghĩa chỉ là hành-động hiện tại quyết định giai cấp xã hội của một người, mà ở đây là nghiệp theo một nghĩa đặc biệt là một *thế-lực* trói buộc những chúng sinh trong vòng luân-hồi hiện-hữu. Nghĩa của dòng kệ này sẽ càng rõ hơn trong đoạn thi kệ kế tiếp.] (906)

825 [Đoạn thi kệ 62 và đoạn 63 là chỉ về bậc A-la-hán. Tuy nhiên, ở đây sự tương phản không phải là giữa (a) một bậc A-la-hán là *một người làm cho mình trở thành thánh thiêng bằng những nghiệp* (*tu*) *của mình* so với (b) một bà-la-môn danh nghĩa được gọi theo gia thế giai cấp, mà ở đây là sự tương phản giữa (a) một bậc A-la-hán là *một người được giải-thoát khỏi sự trói-buộc của nghiệp và nghiệp quả* so với (c) tất cả những chúng sinh khác vẫn còn bị trói buộc bởi những nghiệp của mình vào bánh xe sinh-tử.] (907)

826 [Todeyya là một bà-la-môn giàu có, là lãnh chúa vùng Tudigāma, một ngôi làng gần Sāvatthī. Kinh **MN 135** cũng được nói cho môn sinh bà-la-môn Subha này.] (908)

827 [Nguyên văn câu này: *Vibhajjavādo kho aham ettha*. Những tuyên bố như vậy của Phật lời khẳng định như vậy giải thích cho việc sau này Phật giáo được gọi là *vibhajjavāda* (giáo thuyết phân tích). Như ngữ cảnh đã làm rõ, Đức Phật đã từng gọi mình là một *vibhajjavādin* (người theo thuyết phân tích), điều đó không phải vì Phật phân tích mọi sự ra những thành phần của chúng [như đa số người ta đã tin theo nghĩa này] mà bởi vì Phật phân biệt những hàm nghĩa khác nhau của câu hỏi chứ không trả lời theo kiểu một chiều, một phía, phiến diện.] (909)

828 [Rõ ràng vào thời đó nghề buôn bán, thương mại chỉ ở giai đoạn đơn sơ. Nếu câu này mà nói trong thời hiện đại thì không còn đúng, (vì ngành thương mại ngày nay là quá đa dạng, đa chiều và quá lớn và do vậy tốn rất nhiều hoạt động, vai trò, đảm trách …)! (Ý lời kinh có lẽ chỉ những người buôn bán thời đó chỉ ngồi một chỗ trong tiệm hoặc lâu lâu mới đi coi mua sản phẩm gì đó và mua về bán lại, chứ không phải như những nông dân suốt ngày làm quần quật đủ thứ việc như cày cuốc, gieo cấy, tưới bón, chăm sóc … cho cây trồng ngoài đồng ruộng).] (910)

829 [Tiếp theo lời kinh mục này là giống như trong mục 13 kinh **MN 95** ở trên.] (911)

830 [Lời nói này được nói ra chắc hẳn trước khi Pokkharasāti trở thành một đệ tử của Phật, như đã được thấy trong kinh **MN 95**.9.] (912)

831 [Nguyên văn cụm chữ này: *anukampājātika*.] (913)

832 [Loại trí-biết (minh) này thuộc loại thứ ba trong số *những năng-lực của Như Lai*, đó là *biết rõ những cách thức đường lối dẫn tới tất cả mọi nơi-đến* (nơi tái sinh). Coi lại kinh **MN 12**.12.] (914)

833 [**MA** chú giải: "*nghiệp hạn chế*" (*pamāṇakataṃ kammaṃ*) là nghiệp còn thuộc cõi dục-giới (*kāmāvacara*). Nó ngược với loại "*nghiệp không hạn chế*", tức "*nghiệp vô lượng*", tức là sự chứng đắc các tầng thiền định sắc giới và vô sắc giới. Trong trường hợp này, người tu tu tập các tầng thiền định để được tái sinh vào những cảnh giới an trú cõi trời (phạm trú). Khi một tầng thiền định sắc giới hay tầng chứng đắc vô sắc giới được kiểm soát (được thiện thạo, thuần thục, làm chủ, nắm vững bởi người tu) thì một nghiệp thuộc cõi dục-giới không thể có/tìm cơ hội để tạo ra nghiệp quả. Thay vì vậy, nghiệp thuộc cõi sắc-giới hoặc cõi vô-sắc-giới sẽ lấn át nghiệp dục-giới để tạo ra nghiệp quả của chúng. Một *sự an trú cõi trời* (tức phạm trú, tức cảnh giới của một trong bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả) đã được kiểm soát như vậy sẽ dẫn tới sự tái sinh vào cõi trời Brahma.] (915)

834 [Mục 30 này cho tới chỗ "*… được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người.*" có lời kinh giống như mục 2, kinh **MN 27** (Quyển 1).] (916)

[1219] [Dhānañjānī là một thánh Nhập-lưu. **MA** nói rằng bà-la-môn Sangārava được nói bên dưới cho đến hết kinh chính là em chồng của cô.] (917)

[1220] [Nguyên văn cả câu mẫu phức hợp này là: *Diṭṭhadhammābhinnāvosānapāramippattā ādibrahmacariyaṁ paṭijānanti*. **MA** giải nghĩa là: Họ tuyên bố họ là những bậc tổ (nguyên khai), những bậc tạo nhân, những người sản sinh ra một đời sống tâm linh (đời sống thánh thiêng, phạm hạnh), họ nói: "Sau khi đã trực-tiếp biết ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] và sau khi đã đạt tới sự kết-cuộc, chúng tôi đã chứng ngộ Niết-bàn, (đó) được gọi là 'sự hoàn-thiện' bởi vì đó là sự siêu-thoát khỏi tất cả mọi thứ.".] (918)

[1221] [Chỗ này hơi khó hiểu, bởi vì những người lý-giải và những người điều-tra tìm hiểu (*takkī và vīmaṁsī*) ở đây lại được nói là họ *chỉ hoàn toàn dựa trên mỗi đức-tin* (*saddhāmattakena*). Chúng ta thường thấy trong những chỗ khác của các kinh thì *đức-tin* hay *niềm-tin suông* là tương phản với *sự biết lý-giải*, đó là hai nền-tảng khác nhau để quy kết về một điều, chẳng hạn trong kinh **MN 95**, mục 14 đã giảng giải; và sự (i) "*chỉ dựa vào niềm-tin* hay *đức-tin*" dường như gần giống loại với sự (ii) "*chỉ dựa vào sự truyền-thống truyền miệng*" hơn là sự (iii) "*biết lý-giải và điều-tra tiềm hiểu*".] (919)

[1222] [Nguyên văn cụm chữ này: *sāmaṁ yeva dhammaṁ abhinnāya*. Cụm chữ này nhấn mạnh *sự tự mình chứng ngộ* của một người mới là một nền-tảng để công bố (truyền bá, chỉ dạy) một đời sống tâm linh (đời sống thánh thiêng, phạm hạnh).] (920)

[1223] [**MA** nói: Ông ta đã dạy cho Phật về 07 tầng chứng đắc của thiền định cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ, *akiñcaññāyatana*), là tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba trong 04 tầng chứng đắc vô-sắc cao hơn 04 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*). Cho nên nếu tính theo những tầng chứng-định (*samāpatti*) từ thấp lên cao, thì cảnh xứ không-có-gì này là tầng chứng định thứ bảy. Những tầng chứng đắc thiền định, mặc dù rất đáng quý và cao siêu về mặt tâm linh, những chúng vẫn còn thuộc về thế-tục, và chúng chưa chạm tới phần trí-tuệ thấy-biết (minh sát) và không trực tiếp dẫn tới Niết-bàn, sự giải-thoát viên mãn.] (301)

[1224] [Tức là, tầng chứng thiền đó dẫn tới tái sinh trong một cảnh giới hiện-hữu được gọi là "*cảnh xứ không-có-gì*" (cảnh xứ trống không, vô sở hữu xứ), là cảnh giới tương ứng với tầng chứng thiền thứ bảy. Ở đây tuổi thọ được cho là 60.000 đại kiếp, nhưng khi hết tuổi thọ ở đó cũng phải qua đời và quay lại

cảnh giới thấp xấu. Do vậy những người chứng đắc cảnh giới này vẫn chưa thoát khỏi sự già-chết mà 'sẽ còn bị dính bẫy của Ma Vương' [**MA**]. Nữ tiến sĩ Horner của **PTS** đã dịch nhầm rằng lời kinh chỗ này nhấn mạnh sự tái-sinh nên cô đã dịch là "chỉ đạt tới cao nhất là cảnh xứ không-có-gì" [**MLS 1:209**].] (302)

1225 [Nữ tiến sĩ Horner trong **MLS** và **Ñm** trong **Ms** đều bị nhầm trong bản dịch của mình: họ nhầm rằng (con) Uddaka và (cha) Rāma là một. Tuy nhiên, như nghĩa cái tên, Uddaka Rāmaputta là con (putta) của Rāma; người cha chắc hẳn đã qua đời trước khi vị Bồ-tát đến đó. Nên lưu ý rằng mọi sự nói về tên Rāma chỗ này đều thuộc thời quá khứ và ngôi thứ ba, và rằng chính người con Uddaka lúc sau mới đặt vị Bồ-tát ở vị trí của một vị thầy. Mặc dù lời kinh vẫn không rạch ròi đủ để kết luận nhất quyết như vậy, nhưng điều này gợi ý cho thấy bản thân người cha Rāma đã chưa đạt tới tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư. (Do chỗ này dễ làm người đọc có cảm tưởng rằng người cha Rāma đã chứng đắc tầng thiền vô-sắc giới đó chứ không phải người con Uddaka Rāmaputta đang là người đồng tu với Phật; nhưng không phải vậy, chính người con là Uddaka Rāmaputta mới chứng đắc. Có lẽ Phật đã gọi tên họ Rāma theo cách đơn giản và trân trọng dành cho người bạn tu Uddaka Rāmaputta.)] (303)

1226 [Kinh **MN 36** [cũng gồm có phần nói về sự gặp gỡ của vị Bồ-tát với Āḷāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta] *sẽ tiếp tục từ chỗ này* ghi lại (a) những sự hành xác khổ hạnh đã đưa vị Bồ-tát tới bờ vực cái chết và (b) sau đó là sự khám-phá con đường trung-đạo dẫn tới sự giác-ngộ, trước khi vị Bồ-tát đi đến chỗ mục 18 kế dưới đây. (Nghĩa là: kinh **MN 36** sẽ ghi lại những diễn biến xảy ra trong thời gian nằm giữa thời điểm cuối mục 17 này và mục 18 kế dưới. Quý vị đọc kinh **MN 36** sẽ thấy.)] (304)

1227 [**PTS** chắc chắn đã đọc nhầm ở đây thành chữ *avūpakaṭṭho* (không rút lui, không lui về, không thu mình). Trong ấn bản đầu tiên tôi đã dịch đoạn này dựa trên phiên bản của **BBS**, trong đó có ghi là *kāyena c'eva cittena ca*. Nhưng **PTS** và **SBJ** đã bỏ chữ *cittena* và điều này có lẽ đúng, bởi vì rất khó hiểu theo cách nào mà những người tu hành xác khổ hạnh lại được mô tả là "*đã rút lui về tâm*" (*đã thu tâm*) khỏi *những khoái-lạc giác quan* khi họ đã chưa làm lắng lặn tham-dục bên trong họ. Do vậy tôi đã làm theo **PTS** và **SBJ** (tức đọc ở đây là chỉ là *sự tách-ly về thân*).] (386)

1228 [Điều khó hiểu là trong những đoạn kinh tiếp theo lại cho thấy vị Bồ-tát đang thực hiện việc tu hành xác khổ hạnh *sau khi* đã đưa ra những kết luận—trong đoạn kinh này—rằng những cách tu cố chịu đau đớn, nghiến răng … hành xác như vậy là vô dụng và không thể đạt đến trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy), và sự giác-ngộ. Sự bất thường này khởi lên một sự nghi ngờ rằng: '*thứ tự tường thuật của bài kinh có thể đã bị xáo trộn*'! Chẳng hạn, khi nói về các "*ví dụ về que mồi lửa*" trên đây: đó có lẽ là lần cuối cùng của giai đoạn cố gắng tu hành xác khổ hạnh của vị Bồ-tát, là lúc vị Bồ-tát đã có được *cơ-sở đúng đắn* để từ bỏ việc tu hành xác khổ hạnh vì cách đó không dẫn tới sự giác-ngộ.] (387)

1229 [Câu cuối này, cũng được lặp lại ở cuối những mục 21-25 tiếp theo, đã trả lời cho câu hỏi thứ hai [2] trong 02 câu hỏi của *Saccaka* ở mục 11 ở trên.] (388)

1230 [**MA** giải thích rằng khi vị Bồ-tát còn là đứa trẻ, vua cha của Người đã đưa Người tới "*lễ hội cày ruộng*" của những người họ tộc Thích-Ca. Những người hầu giữ trẻ đã vô ý để đứa trẻ thái tử ngồi dưới gốc một mình dưới gốc cây táo-hồng và họ bỏ đi tới chỗ để coi lễ hội cày ruộng. Thấy mình còn lại một mình, vị Bồ-tát đã tự động ngồi thẳng lưng trong tư thế ngồi thiền và đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất bằng "*sự chánh-niệm hơi-thở*". Cho dù mặt trời di chuyển nhưng bóng mát của cây vẫn luôn phủ che cho Bồ-tát. Khi những người hầu quay lại và nhìn thấy đứa trẻ đang ngồi thiền-định, họ đã báo lại cho vua cha. Sau khi nghe vậy, nhà vua đã đến cúi đầu kính lễ đứa con thân yêu của mình. (Đó là lần thứ hai nhà vua đã kính lễ con trai mình; lần thứ nhất là lúc sau khi sinh và gặp những vị thầy tướng mạng trong cung đình dự đoán về tương lai của đứa bé thái tử).] (389)

1231 [Đoạn này đánh dấu một "*sự chuyển-đổi*" về sự đánh giá của vị Bồ-tát về *sự sướng* (khoái-lạc, lạc); kể từ giờ nó không còn được coi là thứ nguy-hại đáng-sợ mà những người tu hành xác khổ hạnh đã tránh né, tẩy chay. Bởi vì đây là loại sự sướng (lạc) *được sinh ra từ sự tách-ly*; và những trạng thái siêu sướng (an lạc, lạc trú) đó là thứ đồng hành quý giá của những chặng cao hơn của thánh đạo dẫn tới sự giác-ngộ (theo nghĩa trạng thái những tầng thiền định *là cơ-sở để thiền quán* và chứng ngộ trí-biết, sự giác-ngộ và sự giải-thoát). (Nói cách khác, những tầng thiền định đó những giai-đoạn bậc cao (của tâm) trên con-đường dẫn tới giác-ngộ). Coi thêm kinh **MN 139**.9 về sự phân chia 02 loại khoái-lạc.] (390)

1232 [Câu này là câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất [1] trong 02 câu hỏi của Sac-caka ở mục 11 ở trên.] (391)

1233 [**MA** nói rằng: bà-la-môn Sangārava có ý tưởng rằng Phật nói kiểu như vậy là Phật không có sự biết thực sự về điều đó, và do vậy ông ta mới quy kết Phật đã nói lời nói dối. Trình tự những ý tưởng trong đoạn đối thoại này là rất khó để dịch theo và nó giống kiểu như lời kinh gốc đã bị hư, thiếu hay đứt đoạn chỗ nào trong đó. Học giả K.R. Norman đã đề nghị khôi phục lại lời kinh gốc của phần đối thoại này, nhưng cũng khó mà làm theo đề nghị của ông một cách (truy nguyên) chi li từng chữ. Mời đọc thêm Norman trong tập *Những Bài Viết Chọn Lọc* (*Collected Papers*), **2:1–8**.] (921)

1234 [Về Sunakkhatta, mời coi lại kinh **MN 12** (Quyển 1) và chú thích 177 ở đầu kinh đó.] (995)

1235 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Adhimānena*. **MA**: Nghĩa là họ tuyên bố vì sự tự-ta (ngã mạn), tự coi mình đã chứng ngộ điều họ thực sự chưa chứng ngộ.] (996)

1236 [**MA** diễn dịch nghĩa là: Nói rõ với họ về trình độ chứng đắc của họ.] (997)

1237 [**MA** diễn dịch nghĩa là: Bởi vì động cơ của họ là sự tham-muốn, nên cái ý định chỉ dạy Giáo Pháp của Như Lai [vốn khởi sinh dành cho những người tu thực sự (chân tu)] đã thay đổi [tức là ý định đó phai biến đi]. (Nghĩa là, Phật có ý chỉ dạy Giáo Pháp cho họ, nhưng nhìn thấy động cơ của họ là sự tham-muốn (tham muốn chứng đắc, thay vì sự từ-bỏ), nên Phật đã đổi ý).] (998)

1238 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Lokāmisa*. Đây là chỉ năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc).] (999)

1239 [Nguyên văn là chữ *ānenja* (**BBS**); *āṇanja* (**PTS**). Trạng thái "bất-động" hay "bất-lay-động" hay "không còn động chuyển" này là thuật ngữ để chỉ những tầng chứng đắc thiền định từ tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) và 04 tầng chứng đắc vô-sắc. Nhưng ở đây, do 02 tầng chứng đắc vô-sắc cao nhất (vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ) đã được nói riêng trong các mục 12-15 bên dưới, cho nên có lẽ lời kinh chỗ này chỉ bao gồm *tầng thiền*

định thứ tư và *02 tầng chứng đắc vô-sắc thấp hơn* (không vô biên xứ và thức vô biên xứ) là "sự bất-động" mà thôi.] (1000)

1240 ['*Bậc Sa-Môn*' ở đây (viết Hoa) chính là Đức Phật.] (1001)

1241 (Câu "*mặc dù trái với sự thật*" nghĩa là: 'mặc dù sự nhìn nhận đó trái với sự thật, mặc dù đó chỉ là sự ngộ nhận; tức là, mặc dù người đó chưa đạt tới như vậy'.)

- [Đọc theo phiên bản **BBS** là: *evaṁmāni assa atathaṁ samānaṁ*. **CPD** nói rằng cụm chữ *atathaṁ samānaṁ* có thể là một thể quy kết tuyệt đối. Đoạn này đề cập lại vấn đề "sự đánh giá quá cao về mình" đã được nói ra ở đầu kinh.] (1002)

1242 [Chỗ này tôi dịch theo phiên bản **PTS**, cách ghi của nó có lẽ được ủng hộ bởi tất cả những phiên bản có trước **BBS**. Bởi vì vị bác sĩ (lương y) sau đó đã được ví như Như Lai, và lời kinh thì không thể gán một sự phán đoán sai lầm (như của vị bác sĩ) cho Đức Phật, nhưng **BBS** vẫn khăng khăng giữ sự áp dụng ví dụ này cho Đức Phật và do vậy nó đã "sửa lại" lời kinh thành *sa-upādiseso ti jānamāno*. Tôi đã dịch theo cách ghi này trong bản dịch đầu tiên trước kia của tôi, nhưng giờ tôi tin đó là một lỗi sai lầm về phần của **BBS** khi đã thay đổi lời kinh; sự so sánh nghiêm ngặt các ví dụ không nhất thiết phải luôn khớp nhau chính xác.

- **SBJ** ghi giống theo **BBS** là *sa-upādiseso*, nhưng vẫn giữ lại chữ *man-namāno*, điều đó gần như là không mạch lạc về ngữ nghĩa.

- Tất cả các phiên bản đều có ghi chữ *janamāno* là một phân từ trong ví dụ đối nghịch bên dưới.

- Chỗ **PTS** ghi chữ *alan* kế bên dưới, chúng ta nên đọc đúng là *analan* như **BBS** và **SBJ** đã ghi, và điều này cũng được ủng hộ bởi **MA**.] (1003)

1243 [*Tội bị ô-nhiễm* là thuộc một trong 02 loại tội nặng là *tội pārājika* (ba-la-di) và *tội sanghādisesa* (tăng tàng); mời coi lại chú thích 987 ở kinh **MN 104**, mục 16.

- Để ý rằng: Ví dụ này khó mà được áp dụng cho tương ứng chính xác toàn bộ, bởi vì nếu dục-vọng và vô-minh đã thực sự được loại bỏ khỏi một Tỳ

kheo chỉ còn sót lại chút xíu tàn dư, thì vị Tỳ kheo đó dù đã ngộ nhận cũng đã là một bậc học-nhân (*sekha*), cho nên không thể nào hình dung được rằng một bậc thánh học-nhân còn có thể bỏ tu hoàn tục hoặc có thể phạm vào một tội ô-nhiễm nặng như vậy.—Có lẽ ở đây ví dụ này đã được dùng *một cách thư lỏng*, và vị Tỳ kheo đó cũng nên được hiểu là một người đã lầm tưởng (ngộ nhận) rằng dục-vọng và vô-minh đã được loại bỏ bên trong mình.] (1004)

1244 [Đồng nghĩa với câu này: mời coi lại thêm kinh **MN 66**, mục 17. **MA** giải nghĩa chỗ này là: Bậc A-la-hán, được giải-thoát trong Niết-bàn, là sự tiêu diệt dục-vọng (diệt ái), [bằng cách lấy nó làm] một đối-tượng, sẽ không bao giờ hướng thân mình hay khởi tâm mình tới sự thích-thú năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục) nữa.]

- (Về chữ *upadhi* (sự thu-nạp; (HV) sanh y): mời coi lại chú thích 654 ở kinh **MN 64**, mục 9 và chú thích 229 ở kinh **MN 26**, mục 11). (1005)

1245 [Ví dụ này giống trong kinh **MN 46**.19. Tôi làm theo **BBS** và **SBJ** có ghi chữ *rasasampanno*, vốn không có ghi trong **PTS**.] (1006)

1246 [**MA** chú giải là: Không thể nào xây dựng một lâu đài 07-tầng trong một ngày. Sau khi chỗ xây đã được dọn sạch, từ lúc làm nền móng cho đến lúc sơn xong lâu đài thì có 07 bước tiến tiến dần.] (1024)

1247 [*Gaṇaka*: kế toán, người tính sổ. Tên của ông *Gaṇaka Moggallāna* có nghĩa là "*Kế toán Mục-kiền-liên*".] (1025)

1248 [Về ví dụ huấn luyện ngựa, coi thêm kinh **MN 65**.33.] (1026)

1249 [Trong khi những bước-tu dẫn trước là những tiêu chuẩn cần thiết đối với những Tỳ kheo đang tu tập để chứng thánh quả A-la-hán, thì những bước-tu đó cũng là ích-lợi cho những A-la-hán bằng cách chúng đưa đến "*một sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này*".

- **MA** nhận định chữ "*sự an trú*" = '*sự chứng đắc thánh quả A-la-hán*' và giải thích rằng: có một số A-la-hán có thể chứng nhập vào thánh quả dễ dàng bất cứ lúc nào, trong khi những A-la-hán khác phải áp dụng bản thân một cách chuyên-chú theo các bước-tu đó để có thể chứng nhập vào thánh quả.] (1027)

[1250] [Nguyên văn câu cuối: *Maggakkhāyī Tathāgato*. Đối chiếu với kinh Pháp Cú, **Dhp 276**: "*Các người phải tự mình chuyên-cần tu; những Như Lai chỉ chỉ ra con-đường.*"] (1028)

[1251] [Tiếp theo là giống nội dung lời kinh ở mục 32, kinh **MN 5**.] (1029)

[1252] [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Paramajjadhammesu*. **MA** giải nghĩa: Giáo thuyết của Cồ-Đàm là tối thượng, cao nhất trong số những giáo lý đương đại—hơn những giáo lý của 06 đạo sư ngoại đạo.] (1030)

[1253] [**MA** nói rằng sau khi xá lợi của Phật đã được phân phát, thầy Ānanda đã đến thành Rājagaha (Vương Xá) để tuyên tụng phần Giáo Pháp (Kinh Tạng) [ở Hội Đồng Kết Tập Kinh Điển Lần 1].] (1031)

[1254] [Vua Pajjota là bạn hữu của Vua Tần-bì-sa-la (Bimbisāra) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), người đã bị giết bởi con trai của mình là Vua A-xà-thế đang được nói đến. Theo **MA**, A-xà-thế nghĩ rằng Vua Pajjota sẽ tìm cách trả thù kẻ đã giết hại bạn hữu của mình.] (1032)

[1255] [Về vị tể tướng này, mời coi kinh dài **DN 16**.1.2–5.] (1033)

[1256] [Việc thêm vào câu này cho thấy rằng Tăng Đoàn không phải được quản trị bằng những phán quyết cá nhân của những thành viên của nó mà bằng Giáo Pháp và những điều giới-luật đã được đặt ra cho Tăng Đoàn bởi Đức Phật. Trong đó các Tỳ kheo làm theo lời chỉ thị cuối cùng của Phật: "*Những gì ta đã chỉ dạy và giảng giải cho các thầy là Giáo Pháp và Giới Luật, khi ta mất đi, đó sẽ là Vị Thầy của các thầy.*" [Kinh **DN 16**.6.1].] (1034)

[1257] [Về các động từ thiền này, mời coi lại chú thích 525 ở kinh **MN 50**.13, Quyển 1).] (1035)

[1258] [Những đoạn "*lời giảng*" đầu của Phật chỉ như đưa ra "*bảng mục lục*" (tóm lược, đề cương, mẫu đề), sau đó thầy Xá-lợi-phất sẽ phân-giải một cách chi tiết và mở rộng phần chính của bài kinh.] (1069)

[1259] [Cụm chữ "*là loại này hoặc loại kia*" nguyên văn là *annamannaṁ*. **MA** chú giải nghĩa là: Hai loại là riêng biệt với nhau, và không cách nào loại này có thể được coi là loại kia.] (1070)

1260 [Mặc dù trong các kinh khác thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thường được bao gồm trong phần "*hành vi tâm*" này {ví dụ như trong kinh **MN 41** thì tà-kiến và chánh-kiến có ghi trong đoạn (3) mục 10 và đoạn (3) mục 14}, nhưng trong kinh này chúng được tách ra và được nói riêng trong mục 10 bên dưới như một phần thuộc "*sự thu nạp quan-điểm*" (kiến sanh y).] (1071)

1261 [Trong khi sự *thèm-muốn* và sự *ác-ý* được mô tả trong mục 7 có sức mạnh của một đường-nghiệp (*kammapatha*) trọn vẹn, nhưng trong phần này nói về "*khuynh-hướng của tâm*" (*cittuppāda*) thì chúng được nói ra chỉ như những khuynh-hướng (tính khí) mới chớm manh nha chứ chưa bung thành những *sự cố-ý* (tư, ý hành) ám muội trong tâm.] (1072)

1262 ["*Sự thu nạp cá-tính*" (ngã tánh sanh y) là tạm dịch chữ *at-tabhāvapaṭilābha*, ở đây chữ này có nghĩa chỉ "*hình thức tái-sinh*" (kiểu tái sinh).] (1073)

1263 [Cụm chữ cuối *apariniṭṭhitabhāvāya* (*ngăn cản người đó đạt tới sự kết-cuộc*). Cách diễn đạt này chỉ có duy nhất trong 01 kinh này!!! **MA** giải nghĩa nó là = *bhavānaṁ apariniṭṭhita bhāvāya*, và giải thích rằng: Có 04 *hình thức hiện-hữu cá thể* (kiểu tái sinh) <u>*còn dính* (*sẽ bị, nối kết, câu hữu*) *khổ đau*</u> (*sabyābajjhattabhāvā*). (i) Thứ nhất là hạng *người phàm phu* không thể đạt tới *sự kết-cuộc của sự hiện-hữu* trong kiếp sống của mình; đối với người đó, từ lúc tái sinh trở đi, những trạng thái bất thiện gia tăng và những trạng thái thiện gia giảm, và người đó phát tạo một cá-tính đi kèm với khổ đau. Cũng giống như vậy đối với (ii) *bậc Nhập-lưu*, (iii) *bậc Nhất-lai*, và (iv) *bậc Bất-lai*. Ngay cả những bậc Bất-lai cũng vẫn chưa diệt sạch *dục-vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái), và do vậy họ chưa đạt đến sự kết-cuộc.

- Còn những cá-thể [được đề cập kế tiếp trong bài kinh] là những người thu nạp *sự hiện-hữu cá thể* <u>*không còn dính* (*hết bị, không nối kết, không câu hữu*) *khổ đau*</u> (*abyābajjhattabhāvā*) là 04 hạng người nhập vào kiếp hiện-hữu cuối cùng và ở đó họ sẽ đạt tới thánh quả A-la-hán (không còn hiện-hữu nữa). Ngay cả *người phàm phu* trong kiếp hiện-hữu cuối cùng cũng có khả năng kết thúc sự hiện-hữu, giống như 'kẻ cướp giết người hàng loạt' như Angulimāla đã làm được. Sự hiện-hữu của họ được cho là "không còn khổ đau", và họ được cho là đã đạt tới sự kết-cuộc.] (1074)

1264 [**MA** chỉ ra rằng mệnh đề "*Những hình-sắc là loại này hoặc loại kia*" đã không được ghi ở đây bởi vì sự phân biệt không nằm ở đối-tượng mà ở sự tiếp cận nó (của người tu). Vì đối với một người, tham-dục và những ô-nhiễm khác khởi sinh tới một hình-sắc A nào đó, nhưng người khác tu tập được sự chán-bỏ và sự tách-ly đối với hình-sắc A đó.] (1075)

1265 [**MA** nói rằng: nhưng ai học hiểu lời kinh và những chú giải luận giảng về kinh này mà không thực hành đúng theo nó thì không thể được cho là "*hiểu được ý nghĩa chi tiết*". Chỉ những ai thực hành đúng theo bài kinh thì mới được mô tả là "*hiểu được ý nghĩa chi tiết*" như vậy.] (1076)

1266 [**MA** nhận diện Hoàng tử Jayasena là con trai của vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), tức là em trai của thái tử Ajātasattu (A-xà-thế) sau này đã cướp ngôi vua cha.] (1174)

1267 [Ví dụ này cũng có trong kinh **MN 90**.11.] (1175)

1268 [Lưu ý: (1) Trong kinh này những mục từ 15. [1] – 21. [7] có nội dung giống hệt những mục 3. [1] – 9. [7] trong kinh **MN 107**. (2) Đến mục 10. [8] trong kinh **MN 107** đã nói về '*04 tầng thiền định*', nhưng chỗ mục 22. [8] này trong kinh này thì thay thế bằng '*bốn nền tảng chánh-niệm*'.] (1176)

1269 [Chỗ này tôi dịch theo cơ sở của phiên bản **BBS** và **SBJ** [được ủng hộ bởi ấn bản tiếng Tích Lan (Sinhala) năm 1937] chứ không theo **PTS**. Cả **BBS** và **SBJ** đều giản lược đoạn này; trong khi **PTS** ghi các chữ là *kāyūpasaṁhitaṁ* và *dhammūpasaṁhitaṁ*, thì **BBS** và **SBJ** chỉ ghi là *kāmūpasaṁhitaṁ* ở cả 02 chỗ: đây là sự khác biệt đáng kể! Tôi được tư vấn rằng bản dịch Hán tạng '*Trung A-hàm*' (*Madhyama Āgama* bằng tiếng Phạn) đã ghi giống như cách ghi của **BBS** và **SBJ**. Và phiên bản Hán tạng ngay chỗ này ghi ra liên tục từ tầng thiền định thứ nhất cho đến thứ tư (*04 tầng thiền định*). Nhưng ngay chỗ này của kinh này thì ghi '*bốn nền tảng chánh-niệm*', sau đó mới tiếp tục ghi tầng thiền định thứ hai, thứ ba, và thứ tư.] (1177)

1270 [**MA** nói rằng Tỳ kheo Bhūmija chính là chú của Hoàng tử Jayasena (tức là em trai của vua Bimbisāra (Tần-bì-sa-la).] (1178)

[1271] [*Āsaṁ karitvā*: *nếu một người có ước nguyện* (phát khởi hạnh nguyện, đề cao một hy vọng hay một sự trông đợi). Những sa-môn và bà-la-môn nắm giữ quan-điểm như vầy chắc hẳn là những người hoài-nghi hoặc những người chủ nghĩa diệt-vong.] (1179)

[1272] [Nguyên văn: *Appamāṇā cetovimutti* (*sự giải-thoát vô lượng của tâm*, hay *sự giải-thoát của tâm vô lượng*) và *mahaggatā cetovimutti* (*sự giải-thoát bao la của tâm*, hay *sự giải-thoát của tâm bao la [đã được khuyếch đại]*).]

- Trong kinh **MN 43**.31, *sự giải-thoát vô lượng của tâm* được giải thích là 04 *sự an-trú cõi trời* hay 04 *phạm trú* (*brahmavihāra*). Bởi vì công thức của mỗi *brahmavihāra* (được mô tả là "*rộng lớn, bao la, vô lượng*") đều gồm có tính từ "*bao la*" [*được khuyếch đại, mở rộng, cao rộng*]. Ở đây người thợ mộc Pañcakanga rõ ràng đã hiểu lầm tính từ này này nên đã coi 02 sự giải-thoát này là giống nhau về ý nghĩa.]

- (Tính từ Pali là *mahag-gatā* (Phạn: *mahaṃgata* hay *mahadgata*) có nghĩa chữ: rộng mở, lớn, khuếch đại, bao la (người dịch Việt dùng chữ '*bao la*' và '*đã được khuếch đại*' để tạm dịch từ này); nó ngược nghĩa với tính từ *paritta*: nhỏ, bé, không đáng kể, thấp bé, nhỏ hẹp).] (1180)

[1273] [**MA** chú giải rằng: Người đó, bằng dấu-hiệu (tướng) *kasiṇa*, bao trùm một diện tích nhỏ bằng cỡ một gốc cây, và người đó an trú quyết tâm vào dấu-hiệu *kasiṇa* đó, bao trùm nó bằng tầng thiền định (jhāna) bao la [bao la, cao rộng, cao vời]. Phương pháp chú giải tương tự cũng được để dùng cho những trường hợp kế tiếp.] (1181)

[1274] [**MA**: Giáo lý này được nói ra để cho thấy những loại sự tái-sinh là quả của sự chứng đắc sự giải-thoát bao la của tâm.] (1182)

[1275] [**MA** chú giải rằng: thực ra không có những cõi riêng biệt nào cho những thiên thần được gọi là cõi trời "Phát Quang Ô Nhiễm" (Bất tịnh quang thiên) và "Phát Quang Tinh Khiết" (Biến tịnh quang thiên). Cả hai chi-loại thiên thần này đều nằm trong 02 cõi—đó là cõi những thiên thần Phát Quang Ít (Thiểu quang thiên) và những thiên thần Phát Quang Vô Lượng (Vô lượng quang thiên).

- Sự tái sinh trong số những thiên thần Phát Quang Ít được quyết định bởi sự chứng đắc tầng thiền định thứ hai bằng *dấu-hiệu kasiṇa hạn chế*; sự tái sinh

trong số những thiên thần Phát Quang Vô Lượng được quyết định bởi sự chứng đắc tầng thiền định thứ hai bằng *dấu-hiệu kasiṇa được khuếch đại.*

- Sự tái sinh với sự phát quang bị ô-nhiễm là cho những người chưa thiện thạo tầng thiền định và chưa thanh lọc nó khỏi những trạng thái chướng ngại; sự tái sinh với sự phát quang tinh khiết là cho những người đã đạt được sự thiện thạo và sự thanh lọc về tầng thiền định.] (1183)

1276 [Ở đây có sự chơi chữ. Trong tiếng Pāli, động từ *jhāyati* có vừa có nghĩa là đốt cháy, vừa có nghĩa là thiền, mặc dù 02 nghĩa đó xuất thân từ 02 động từ tiếng Phạn khác nhau: *kshāyati* là dốt cháy, *dhyāyati* là thiền.] (1184)

1277 [Những lời của thầy Abhiya, như có vẻ, là thiếu lễ độ bởi chúng hỏi một cách thô cùn vào chính sự trải nghiệm cá nhân của thầy A-nậu-lâu-đà. **MA** giải thích rằng, trong khi đang hoàn thành *những phẩm hạnh hoàn-thiện* (*pāramī*, ba-la-mật) trong những kiếp trước, thầy A-nậu-lâu-đà đã xuất gia thành một sa-môn, đã thành tựu tất cả những chứng-đắc thiền định, và đã vượt qua 300 kiếp hiện-hữu một cách không gián đoạn trong cõi trời Brahma (Phạm thiên) (cho nên thầy ấy không cần phải nghe Phật nói mới biết về những thiên thần). Hàm nghĩa câu trả lời của thầy ấy là vậy.] (1185)

1278 [Về môn sinh bà-la-môn này, mời coi thêm kinh **MN 99** (Quyển 2). Theo **MA**, cha của anh ta, bà-la-môn Todeyya, đã tái sinh thành một con chó ngay trong nhà anh ta bởi do bản tính cực kỳ keo kiệt của ông ta khi còn sống là người. Đức Phật đã nhận dạng con chó cho Subha bằng cách làm con chó tìm đào lên kho báu mà cha của anh ta đã chôn giấu nó trước khi ông chết. Điều này đã tạo nên niềm-tin của Subha vào Đức Phật, và điều đó đã khiến anh ta đến gặp và vấn hỏi Phật về sự vận hành của nghiệp và nghiệp quả.] (1223)

1279 [Nếu nghiệp sát-sinh là nghiệp chính trực tiếp quyết định đường tái sinh thì nó sẽ tạo tái sinh vào cảnh giới đày đọa, thống khổ. Nhưng nếu người đó cũng có những nghiệp tốt, và nếu nghiệp tốt đủ mạnh để quyết định được tái sinh làm người—[chỉ có nghiệp đại thiện mới có thể giúp có được sự tái sinh làm người!]—thì lúc đó nghiệp sát-sinh sẽ vận hành theo cách phản nghịch với nghiệp tạo-ra tái-sinh bằng cách gây ra những nghịch-cảnh (những hiệu lực đối nghịch, tiêu cực, xấu) để cuối cùng dẫn tới sự chết-yểu.

- Nguyên lý này cũng tương tự áp dụng cho những trường hợp tiếp theo, trong đó những nghiệp bất thiện sẽ đi đến chín-muồi trong một kiếp người: trong mỗi trường hợp đó nghiệp bất thiện sẽ đối nghịch với nghiệp thiện chịu trách nhiệm cho sự tái-sinh làm người bằng cách gây ra một loại nạn (sự bất hạnh, họa, vận rủi, tai ương, tai nạn) tương ứng với tính chất đặc thù riêng biệt của nghiệp bất thiện đó người đó đã gây ra trước đó.] (1224)

1280 [Trong trường hợp này nghiệp thiện do kiêng cữ sát-sinh có thể trực tiếp chịu trách nhiệm tạo ra sự tái sinh trong cõi trời hoặc sự sống-thọ trong cõi người.

- Nguyên lý này cũng áp dụng cho tất cả những đoạn nói về sự chín-muồi thành quả của những nghiệp thiện.] (1225)

1281 [Mahāpajāpatī Gotamī (Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di) là em của Hoàng Hậu Mahāmāyā (mẹ của Phật), tức là dì ruột của Phật và bà cũng là vợ (thứ hậu) của vua cha Suddhodana (Tịnh Phạn), tức là mẹ kế của Phật. Sau khi hoàng hậu mất, Kiều-đàm-di thay hoàng hậu làm mẹ chăm sóc cho Phật, tức là bảo mẫu của Phật. (Nói gọn, Kiều-đàm-di vừa là dì ruột, mẹ kế, và mẹ nuôi của Phật khi Phật còn nhỏ).

- Sự việc trong kinh này xảy ra vào thời kỳ đầu Phật đi truyền đạo (sau khi giác-ngộ) và là dịp trong chuyến đầu tiên trở lại kinh thành quê nhà của mình. Sau khi vua cha Suddhodana chết, dì Kiều-đàm-di đã xin Phật chấp nhận cho những phụ nữ xuất gia và gia nhập Tăng Đoàn, và sự chấp nhận bà vào Tăng Đoàn đã đánh dấu sự ra đời của Ni Đoàn (của các Tỳ kheo ni). Câu chuyện này đã được ghi trong Luật Tạng **Vin Cv Kh 10**/ii.253–56 [đọc thêm Quyển "*Cuộc Đời Của Đức Phật*" của Tỳ kheo Nāṇamoli, trang 104–107).

- Trong kinh này có một chi tiết mâu thuẫn về thời gian rất đáng quan tâm đã được nhà sư Ajahn Sucitto ở Tu Viện Cittaviveka Monastery gửi cho tôi. Bài kinh mô tả Kiều-đàm-di là một Phật tử tại gia thành tín và đề cập tới những Tỳ kheo ni (trong mục 7 bên dưới) cứ như đã có Ni Đoàn rồi, nhưng thực tế theo các bằng chứng của toàn bộ *Ba Tạng Kinh* cho thấy Kiều-đàm-di là Tỳ kheo ni *đầu tiên* trong lịch sử giáo đoàn Phật giáo. Do vậy Ni Đoàn không thể nào ra đời và có mặt trước thời điểm sự kiện mà bài kinh này đang nói và Kiều-đàm-di đang còn là người tại gia. Chúng ta có thể giải quyết sự sai lệch này [đã không được phát hiện bởi những nhà luận giảng trước giờ] bằng cách

cho rằng bài kinh gốc về sau đã được chỉnh sửa lại vào thời sau khi có Ni Đoàn với mục đích để đưa nó vào chủ đề "*cúng dường cho Tăng Đoàn*".] (1292)

1282 [**MA**: Phật đã yêu cầu bà cúng dường cho Tăng Đoàn vì Phật muốn *sự cố-ý* (tư, ý hành) *của việc bố-thí* được hướng về cả Tăng Đoàn và Phật, vì *ý-hành kết hợp* đó sẽ tạo ra công-đức đưa đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho bà. Phật nói điều này là cũng để khích lệ những thế hệ sau này biết thể hiện sự tôn trọng đối với Tăng Đoàn, và bằng cách hỗ trợ cho Tăng Đoàn 04 thứ cúng dường thiết yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh) sẽ góp phần vào sự trường tồn của giáo đoàn và Giáo Pháp.] (1292)

1283 [Đây là 04 yếu-tố để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu theo định nghĩa của Phật giáo. Như vậy đã rõ rằng vào thời điểm được nói đến trong kinh này, Kiều-đàm-di đã là một bậc thánh Nhập-lưu.] (1293)

1284 [**MA** chú giải: Đức Phật đã đưa ra giáo lý này bởi vì bài kinh đã bắt đầu bằng món quà cho cá nhân được cúng dường cho Phật, và Phật muốn làm rõ những giá trị so sánh của một món quà cho cá nhân và một món quà được cúng dường cho Tăng Đoàn.] (1294)

1285 [**MA** và **MṬ** đều giải thích rằng: cụm chữ này có thể được mở rộng ra để bao gồm thêm cả (1) những người tại gia đã quy y Tam Bảo cũng như (2) những người tại gia và những Tỳ kheo có ý chí hoàn thiện sự tu tập giới-hạnh và tu tập sự định-tâm và sự minh-sát (trong số những Tỳ kheo chưa nhứng nhập hay thánh quả Nhập-lưu). Tuy nhiên, theo nghĩa thuật ngữ nghiêm ngặt của cụm chữ này thì nó chỉ đang đề cập tới những người đã có-được thánh đạo siêu thế Nhập-lưu mà thôi (tức là người đã chứng nhập trong thánh đạo Nhập-lưu và đang tu tập để dẫn đến thánh quả Nhập-lưu).] (1295)

1286 [Đây là chỉ những người thiền phi Phật giáo, họ chứng đắc những tầng thiền định và nhiều loại trí-biết trực tiếp thế tục.] (1296)

1287 [**MA** chú giải nghĩa là: Trong một trăm kiếp nó sẽ mang lại sự sống thọ, vẻ đẹp, hạnh phúc, sức mạnh, và sự thông minh, và nó giúp cho một người không còn sự khích-động (động vọng). Và những bậc chứng đắc tiếp theo sẽ được hiểu theo cách tương tự tương ứng như vậy.] (1297)

1288 [**MA** chú giải rằng: cho dù những quá báo thiện của những sự cúng dường cho (những bậc thánh và những vị Phật) đều là không thể tính được, nhưng trong sự không thể tính được vẫn có thang bậc tiến dần từ người ở thánh đạo Nhập-lưu cho tới Đức Phật toàn giác; giống như số lượng hạt nước không thể tính được trong một ao, hồ, dòng suối, dòng sông … cho tới nước trong đại dương vậy.

- Có lẽ giá trị "*không thể tính được, vô lượng*" của những thứ món quà cúng dường nằm ở chỗ chúng trở thành *một điều-kiện trợ giúp* (trợ duyên) để chứng đắc những thánh đạo, thánh quả, và Niết-bàn.] (1298)

1289 [**MA** chú giải rằng: Không có món quà (sự bố thí) nào được đo lượng ngang bằng với món quà (sự bố thí) này. Đây là loại món quà mà di mẫu Kiều-đàm-di nên bố thí bằng cách cúng tặng cặp xấp vải cho Tăng Đoàn.] (1299)

1290 [**MA** chú giải rằng: "*Những người [thành viên của] họ tộc*" (*gotrabhuno*) là chỉ những Tỳ kheo giả danh, những tục tăng (sẽ có rất nhiều). Họ sẽ đi đây đi đó với một mảnh vải vàng quấn quanh cổ hay tay (là phục trang biểu tượng của tăng sĩ, của bậc chân tu), trong khi vẫn đang có vợ có con và nuôi vợ con bằng những nghề buôn bán hay nông nghiệp, vân vân.] (1300)

1291 [Sự bố thí này vẫn có giá trị không thể tính được và vô lượng là do căn cứ trên cái *ý-hành bố thí* của người cúng dường, không dựa trên "những người cổ-vàng" là những cá nhân mà dựa trên người nhận là *Tăng Đoàn* như một một tổng thể. Nhờ đó, cái "*người nhận bố thí*" ở đây là gồm có những Tỳ kheo đức-hạnh trong quá khứ, những thánh đệ tử, ngay cả khi họ đã qua đời.]

- (Chỗ này ý nghĩa là: Sự bố thí hay cúng dường sẽ có được quả báo thiện nếu: (i) người bố thí *có ý-hành thiện*, và (ii) người nhận trong ý-hành bố thí đó là *thánh Tăng Đoàn*, bất chấp những người trực tiếp nhận có thể là những ác tăng hay giả tăng, thì sự cúng dường đó vẫn có được quả báo thiện lớn lao, vô lường và vô lượng. ►Như vậy trong đời thực, một người khi cúng dường cho Tăng Đoàn nên nghĩ mình (có tâm tư, ý hành) *cúng dường cho thánh Tăng Đoàn của Đức Phật* để khỏi phân vân hay lo âu vì không biết sự cúng dường của mình là đúng cho người nhận là bậc chân tăng, hiền tăng, thánh tăng hay là sai nhầm cho người nhận là giả tăng, ác tăng, tà tăng). (1301)

1292 [**MA** chỉ ra rằng, một món quà được cúng tặng cho một Tỳ kheo thất đức đại diện *cho toàn thể Tăng Đoàn* vẫn có nhiều phước quả hơn một món quà được cúng tặng *cho một cá nhân ngay* cả là một A-la-hán. Nhưng đối với một món quà được dâng cúng cho Tăng Đoàn một cách đúng đắn, người cúng dường (thí chủ) phải không cần tính những phẩm-chất của người đứng ra nhận mà chỉ coi người đó là đại diện cho toàn thể Tăng Đoàn mà thôi (cho dù người đó là toàn thiện hay không, là chân tăng hay giả tăng cũng không ảnh hưởng sự cúng dường cho Tăng Đoàn và phước quả của nó, bởi vì người đó chỉ là một người đại diện nhận thay cho Tăng Đoàn mà thôi.).] (1302)

1293 [**MA** chú giải: Ở đây chữ "*được thanh lọc*" có nghĩa là "*tạo được phước quả, có phước quả*".] (1303)

1294 [**MA**: "*hết-mê*" (không còn mê, không còn mê đắm, không còn mê muội) là chỉ bậc A-la-hán. Câu cuối cùng này là chỉ một sự bố thí của một A-la-hán cho một A-la-hán khác. Mặc dù A-la-hán tin vào nghiệp quả, nhưng do bậc ấy đã không còn tham-muốn và tham-dục đối với sự hiện-hữu nên hành động sự bố thí của chính bậc ấy không tạo ra phước quả gì. Hành động đó chỉ là nghiệp chức năng (*kiriya*) không để lại dấu vết gì sau khi làm.] (1304)

1295 [**MA** nói rằng: *sự dính-chấp* (chấp thủ) vào mắt xảy ra theo cách của tham-muốn và nhục-dục; *thức* tùy thuộc vào mắt theo cách của dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Tuy nhiên, do ngài Cấp Cô Độc lúc này đã là một bậc thánh Nhập-lưu, nên đối với ngài sự tùy-thuộc có lẽ chỉ dính líu dục-vọng, còn những tà-kiến thì đã được bứng bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu.]

- (Lưu ý: về cách dịch Việt, ở đây chúng ta nên gọi gia chủ Cấp Cô Độc bằng "ngài" bởi vì lúc này ngài đã là bậc thánh Nhập-lưu. Còn các thầy Xá-lợi-phất và Ānanda có lẽ gọi gia chủ Cấp Cô Độc là 'ông' như ngôi thứ ba khi thuật lại bài kinh, và gọi 'chú" hay 'bác' khi xưng hô nhã nhặn với vị đại thí chủ, như cách những người xuất gia thường gọi những người tại gia một cách thân mến.) (1305)

1296 [Lời tuyên bố này của thầy Ananda không phải có ý cho rằng có sự dành-riêng hay sự phân-biệt đối xử một cách độc đoán trong cách Đức Phật truyền dạy những giáo lý của mình. Nhưng do là, những người sống đời tại gia còn phải lo cho gia đình, của cải, và nghề nghiệp thì bài giảng giáo pháp như vậy

để dẫn tới sự tách-ly hoàn toàn (thoát phàm, viễn ly, xuất thế gian) sẽ không phù hợp cho hoàn cảnh của họ.] (1306)

1297 [Cụm chữ "*sự tu-tập các căn*" (*indriyabhāvanā*) ở đây nói đúng hơn là sự tu-tập *cái tâm* trong sự đối ứng với những đối-tượng được trải nghiệm thông qua các căn cảm-nhận (các giác quan). Phương diện thô sơ hơn của sự tu-tập này, là *sự kiềm-chế các căn cảm-nhận* (*indriyasaṁvara*), là liên quan đến sự kiểm soát làm chủ cái tâm theo cách để người tu không nắm giữ "*những dấu-hiệu và đặc-điểm* (tướng và nét; tướng chung và tướng riêng) của những sự vật hay sự việc, những nét riêng hấp-dẫn (tạo tham) và đáng-ghét (tạo sân). *Sự tu-tập các căn* mang (dẫn dắt) cái tiến trình kiểm soát đi suốt tới mức độ ở đó, bằng hành-động cố-ý, một người lập tức thiết lập sự minh-sát ngay cả khi đang trong dòng nhận-thức giác quan. (Tức là, ngay cả khi tâm *đang trong* dòng nhận-thức một đối-tượng là như hấp-dẫn hay đáng-ghét, người tu vẫn lập tức thiết lập sự minh-sát ngay đó). Ở mức độ (trình độ) cao nhất người tu đạt được năng-lực để chuyển hóa tận gốc cái ý nghĩa chủ-quan về những đối tượng được nhận-thức là này hay nọ, làm cho chúng hiện ra theo một kiểu thật sự trái với cách mà chúng thường được hiểu (ví dụ làm cho năm uẩn được nhìn thấy là 'vô-thường, khổ, vô-ngã', trái với cách người ta thường hiểu lầm nó là 'thường, lạc, hữu ngã').] (1352)

1298 [**MA** chú giải rằng: khi một hình-sắc đáng thích đi vào tầm của mắt, thì một trạng thái dễ chịu (*manāpa*) khởi sinh; khi một hình-sắc không đáng thích xuất hiện, thì một trạng thái khó chịu (*amanāpa*) khởi sinh; và khi một hình-sắc trung tính xuất hiện, thì một trạng thái vừa dễ chịu và khó chịu khởi sinh. Nên lưu ý rằng, mặc dù 03 cách này thường được dùng để phẩm định những đối-tượng giác quan, nhưng ở đây chúng có lẽ cũng chỉ luôn những trạng thái thích (tham), ghét (sân), và thờ ơ (si) khởi sinh từ sự tác động của những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). **MṬ** nhận dạng "*điều dễ chịu*" là những trạng thái thiện hay bất thiện của tâm có kết nối (câu hữu) sự vui (hỷ), còn "*điều khó chịu*" là những trạng thái bất thiện của tâm có kết nối sự buồn (ưu; phiền, bực), và "*điều vừa dễ chịu và khó chịu*" là những trạng thái của tâm có kết nối cảm-giác buông-xả.] (1353)

1299 [**MA** chú giải: Sự buông-xả này là *sự buông-xả của sự minh-sát* (*vipassan'upekkhā*). Tỳ kheo này không để cho tâm mình bị chi phối bởi tham, sân, si mà người đó thấu hiểu đối-tượng và thiết lập sự minh-sát trong trạng thái trung tính. **MṬ** thì chú giải câu này có nghĩa rằng người đó chứng nhập trong

sự buông-xả đối với những sự tạo-tác (*sankhār'upekkhā*; hành xả), là một giai-đoạn đặc biệt của trí-biết minh-sát [coi **Vsm** XXI, 61–66].] (1354)

1300 [**MṬ** chú giải: '*Sự tu-tập cao nhất về các căn*' = *sự tu-tập thánh thiện về các căn*, là sự trấn áp tham, sân, si đã khởi sinh thông qua mắt, và '*sự thiết lập sự buông-xả*' = *sự thiết lập sự buông-xả của sự minh-sát*.] (1355)

1301 [Ví dụ này cũng có trong kinh **MN 66**, mục 16.] (1356)

1302 [Mặc dù những học-nhân (*sekha*) đã chứng nhập vào dòng thánh đạo dẫn tới sự giải-thoát cuối cùng, nhưng họ vẫn còn bị dính (nghiêng, thiên về) những trạng thái vi tế như thích, ghét, hay thờ ơ ngu mờ đối với những đối-tượng giác quan. Tuy nhiên, họ trải nghiệm (coi) những trạng thái vi tế đó như *những cản-trở* cho sự tu tiến của mình, và do vậy người đó trở nên thấy ghê-sợ, nhục-ngã, và ghê-tởm bởi chúng.] (1357)

1303 [Một thánh nhân với các căn đã được tu tập (*ariya bhāvitindriya*): ở đây là chỉ một A-la-hán.] (1358)

1304 [Vì những A-la-hán đã tẩy sạch tất cả ô-nhiễm (lậu hoặc) cùng với những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên), nên trong đoạn này thì ba chữ "*điều dễ chịu, điều khó chịu,* và *điều vừa dễ chịu và khó chịu*" được hiểu đơn giản chỉ là những cảm-giác khởi sinh thông qua sự tiếp-xúc với những đối-tượng giác quan, và không phải là những hơi hướng vi tế còn bị dính sự thích, ghét, và thờ ơ ngu mờ như đã được nói trong đoạn kế trước.] (1359)

1305 [Trong bộ *Paṭisambhidāmagga* (*Phân Tích Đạo*, thuộc *Vi Diệu Pháp Tạng*) gọi sự tu-tập này là "*thánh thần thông*" (*ariya iddhi*) và chú giải nó như vầy [**ii.212**]: (i) An trú nhận-thức sự ghê-tởm (sự xấu xa, sự đáng ghét, sự ghê sợ) trong những thứ ghê-tởm là: (a) một người bao trùm một chúng sinh ghê-tởm bằng tâm-từ hoặc (b) một người chú-tâm (để tâm, tác ý) tới một đối-tượng ghê-tởm đó [sinh động hay vô tri] chỉ là một sự lắp-ghép của những yếu tố phi nhân (vô ngã) mà thôi. (ii) An trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm là: (a) một người bao trùm một người hấp dẫn (gợi dục) bằng ý nghĩ về sự ô-uế không sạch của thân, hoặc (b) người đó chú-tâm tới một đối tượng hấp dẫn [sinh động hay vô tri] chỉ là vô-thường. (iii) và (iv) Những phương pháp thứ ba và thứ tư áp dụng theo cách sự quán chiếu (i) và (ii) đối với những đối-tượng ghê-tởm và cả những đối-tượng không ghê-tởm, một cách không phân biệt. (v) Phương pháp thứ năm thì liên

quan *sự không còn vui* (*thích*) *và buồn* (*bực*) (hết hỷ hết ưu), và do vậy làm cho người tu có thể an trú trong sự *buông-xả, có sự chánh-niệm và rõ-biết* (tỉnh giác).

- Mặc dù 05 cách quán-xét này được gán cho những A-la-hán (vô học nhân) như một năng-lực hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của họ, nhưng trong kinh khác Phật đã dạy nó cho những Tỳ kheo vẫn còn tu-học (học nhân) như một phương pháp để chinh phục những gốc-rễ bất thiện. Mời coi thêm kinh **AN 5:144** và chú thích trong đó; và một bài luận giảng đầy suy xét về kinh này bởi Trưởng lão Nyanaponika có tên là "*Những Gốc Rễ của Thiện và Ác*" (*The Roots of Good and Evil*), trang 73–78.] (1360)

+++++

TÓM TẮT CÁC KINH NÓI CHO NGƯỜI TẠI GIA
TRONG BỘ KINH TRUNG (MN)

(QUYỂN 1)

1. (MN 04). *Bhayabherava Sutta*: [Kinh Sự Sợ Hãi và Khiếp Đảm]. Đức Phật đã mô tả cho một bà-la-môn những phẩm-chất cần có bởi một Tỳ kheo muốn sống tu một mình trong rừng. Phật đã liên hệ với sự trải nghiệm trong đời tu của mình Phật cũng đã từng cố gắng chinh phục sự sợ-hãi khi sống tu một mình ở những nơi hẻo lánh trong thời gian Phật đã chuyên-cần tu tu để đạt tới sự giác-ngộ.

2. (MN 14). *Cūḷadukkhakkhandha Sutta*: [Tiểu Kinh Khổ Uẩn]. Bài thuyết giảng ngắn về đống khổ đau. Đây là bài biến tấu từ bài kinh kế trên, kết thúc bằng cuộc thảo luận với những khổ sĩ đạo Jain (những Ni-kiền-tử) về bản chất của sự sướng và sự khổ.

3. (MN 18). *Madhupiṇḍika Sutta*: [Kinh Hòn Mật]. Đức Phật đã thốt ra một câu tuyên bố sâu sắc nhưng bí ẩn (ẩn ý, khó nhìn ra ngay) về "*cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người*". Lời tuyên bố này đã được phân-giải rõ nghĩa bởi thầy Đại Ca-chiên-diên (vị đệ tử đệ nhất về phân-giải những giáo lý được Phật nói ra một cách tóm lược), và sự giảng giải đó của thầy đã được Phật khen ngợi.

4. (MN 27). *Cūḷahatthipadopama Sutta*: [Tiểu Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi]. Bằng cách dùng ví dụ một người đi rừng truy theo dấu chân voi để tìm và quả quyết đó là một con voi đực to, Đức Phật đã giảng giải cách một đệ tử đi đến sự chắc-chắn về sự-thật trong giáo lý của Phật. Bài kinh trình bày đầy đủ về sự tu-tập từng bước của một tu sĩ Phật giáo.

5. (MN 30). *Cūḷasāropama Sutta*: [Tiểu Kinh Ví Dụ Gỗ Lõi]. Hai bài kinh này nhấn mạnh mục-tiêu đúng đắn của đời sống tâm linh chính là "sự *giải-thoát bất lay chuyển của tâm*", so với nó thì tất cả những ích-lợi khác trong tiến trình tu hành chỉ là những phần phụ trợ.

6. (MN 35). *Cūḷasaccaka Sutta*: [Tiểu Kinh Nói Cho Saccaka]. Một môn sinh bà-la-môn giỏi tranh biện tên là Saccaka đã khoát lác rằng trong cuộc tranh luận anh ta có thể nắm, quay, quần Đức Phật, nhưng sau khi anh ta gặp Phật thì cuộc thảo luận đã bất ngờ đổi chiều so với ý tưởng ban đầu của anh ta. Sauk hi nghe lời giảng của Phật, anh ta đã tâm phục và kính mời Phật và Tăng Đoàn đến nơi ở của mình để anh cúng dường bữa ăn.

7. (MN 41). *Sāleyyaka Sutta*: [Những Bà-la-môn Ở Sālā].

8. (MN 42). *Veranjaka Sutta*: [Những Bà-la-môn Ở Veranja]. Trong hai bài kinh giống hệt nội dung này, Đức Phật đã giảng giải cho những nhóm gia chủ bà-la-môn những đường nghiệp bất thiện (ác hành, ác nghiệp) dẫn tới sự tái sinh trong những cõi thấp xấu đày đọa và những đường nghiệp thiện (thiện

hành, thiện nghiệp) dẫn tới sự tái sinh trong những cõi cao đẹp và dẫn tới sự giải-thoát.

9. (MN 44). *Cūḷavedalla Sutta*: [Tiểu Kinh Vấn Đáp]. Hai kinh này được trình bày dưới dạng thảo luận về những điểm (những điều) của Giáo Pháp; đại kinh trước là vấn-đáp giữa ngài Đại Câu-hi-la và ngài Xá-lợi-phất, tiểu kinh sau là giữa Tỳ kheo ni Dhammadinnā và đệ tử tại gia nam Visākha (hai người đã từng là vợ chồng trước khi cô Dhammadinnā xuất gia).

(QUYỂN 2)

10. (MN 51). *Kandaraka Sutta*: [Kinh Nói Cho Kandaraka]. Đức Phật đã thảo luận về *04 loại người được thấy có trong thế gian*—(i) loại người hành khổ bản thân mình, (ii) loại người hành khổ người khác, (iii) loại người hành khổ bản thân mình và hành khổ chúng sinh khác; và (iv) loại người không hành khổ mình cũng không hành khổ chúng sinh khác, chính là loại người có thể sống đời sống tâm linh thánh thiện, và đi tới sự giác-ngộ, sự giải-thoát. Những định nghĩa về mỗi loại người là rất hay và chúng ta sẽ dễ dàng nhìn thấy mỗi loại người đó trong đời sống.

11. (MN 52). *Aṭṭhakanāgara Sutta*: [Kinh Về Người Đến Từ Aṭṭhakanagara]. Ngài Ānanda đã chỉ dạy về "*11 cửa dẫn tới sự Bất-tử*", nhờ đó một Tỳ kheo có thể chứng đắc tới "*sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc*" (tức sự giải-thoát khỏi sự hiện hữu và ràng buộc ở thế gian).

12. (MN 53). *Sekha Sutta*: [Kinh Về Bậc Học-Nhân] (Người đang trong giai đoạn tu học bậc cao, tức 07 hạng thánh nhân từ thánh đạo Nhập-lưu đến thánh đạo A-la-hán, trừ bậc A-la-hán). Theo yêu cầu của Đức Phật, Ngài Ānanda nói bài thuyết giảng cho những người dân Thích-Ca ở gần kinh thành Ca-tỳ-la-vệ về *những sự tu-tập của một học-nhân* mà một đệ tử là bậc học-nhân đảm nhận tu học.

13. (MN 54). *Potaliya Sutta*: [Kinh Nói Cho Gia Chủ Potaliya]. Gia chủ Potaliya tự đại đã tuyên bố rằng ông ta đã *từ bỏ mọi công việc, sự việc, sự ràng buộc dính líu trong đời sống thế tục*. Nhưng Đức Phật đã chỉ dạy cho ông ta ý nghĩa thực thụ của sự "*cắt bỏ mọi sự đời*" đúng theo Giới-luật Thánh nhân là

gồm những điều gì. Và ông ta đã học được điều đó một cách rốt ráo. Đặc biệt, bài kinh đã đưa ra *một loạt những ví dụ* rất hay *về những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan* (dục lạc).

14. (MN 55). *Jīvaka Sutta*: [Kinh Nói Cho (lương y) Jīvaka]. Đức Phật đã giảng giải *những quy định mà Phật đã đặt ra về việc ăn mặn* (thịt, cá) và giảng giải cách lý giải để những đệ tử khỏi bị những người khác kết tội 'ác và bất thiện' (khi họ kết tội Phật và các Tỳ kheo đã dính vào sự việc sát-sinh hay cố ý ăn thịt con vật đã bị giết thịt vì mình). Đây là kinh nói về *03 loại thịt có thể được ăn* bởi các Tỳ kheo (trong bối cảnh thời Phật) nếu chúng đáp ứng *03 yêu cầu về sự trong-sạch của tâm người ăn*; thường được gọi là giới luật về *Tam Tịnh Nhục*. (Bởi vì thời Phật ở Ấn Độ dân chúng nghèo khó, họ không thể gánh thêm gánh nặng nấu thức ăn chay để cúng dường cho các Tỳ kheo khất thực, nên Phật vẫn cho phép các Tỳ kheo có thể nhận thức ăn mặn, với điều kiện là họ "*không biết, không nghe, và không thấy*" rằng những thịt đó đã được lấy từ con vật đã bị cố ý giết để làm thức ăn cho họ. Ngày nay ở những xứ có điều kiện sống tốt hơn, và những thí chủ có thể nấu thức ăn chay để cúng dường cho những Tỳ kheo, thì những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni nên chỉ nhận lấy những thức ăn chay cho đúng chỉ thị và giáo lý *không sát-sinh* của Phật!)

15. (MN 56). *Upāli Sutta*: [Kinh Nói Cho Gia Chủ Upāli]. Gia chủ Upāli giàu có và uy thế, ông là một nhà tài trợ lớn của những Ni-kiền-tử theo đạo Jain, ông đã đề nghị đến gặp Phật để bác bỏ giáo thuyết của Phật theo sự xúi giục của giáo chủ giáo phái đó. Nhưng đến khi gặp Phật và nghe Phật thuyết giảng, ông Upāli đã chuyển đạo theo đạo Phật. Chuyện kinh gắn liền với sự kiện giáo chủ giáo phái Ni-kiền-tử đã qua đời không lâu sau khi ông gặp gia chủ Upāli và biết Upāli đã thực sự chuyển đạo theo đạo Phật.

16. (MN 58). *Abhayarājakumāra Sutta*: [Kinh nói cho Hoàng tử Abhaya]. Giáo chủ đạo Jain, là Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) Nātaputta, đã xúi giục hoàng tử Abhaya đặt câu hỏi "chặn hai đầu" [hai sừng, hai lưỡi] thiến thoái lưỡng nan dùng để bác bỏ giáo thuyết của Đức Phật. Nhưng khi hoàng tử đến gặp Phật để đặt câu hỏi, Phật đã tránh cái 'thế gài' đó, và bắt đầu giảng dạy cho hoàng tử *về những loại lời-nói nào không nên nói ra* (vì không ích lợi cho người

nghe) và *những loại lời-nào nên nói ra* vào những thời lúc thích hợp (vì ích lợi cho người nghe).

17. (MN 59). *Bahuvedanīya Sutta*: [Kinh nói về Nhiều Loại Cảm-Giác]. Tùy theo trường hợp, tùy theo các căn cảm-nhận, các tùy theo phương diện, tùy theo chủ đề… mà Phật đã từng chỉ dạy 2 hay 3, hay 18 hay 108 loại cảm-giác khác nhau. Do vậy, trong kinh Phật đã liệt kê ra *những loại cảm-giác sướng và khổ khác nhau* mà chúng sinh khác nhau có thể nếm trải.

18. (MN 60). *Apaṇṇaka Sutta*: [Kinh thuyết giảng về Giáo Lý Không Thể Lầm Lỗi (không thể sai trật)]. Đức Phật đã giảng giải cho một nhóm gia chủ bà-la-môn một "*giáo lý không thể lầm lỗi*" (tức chắc ăn, chắc chắn hợp lý, an toàn, không thể sai trật, không thể bị thua thiệt, không bị nguy hại, không bị sai lầm nếu áp dụng theo giáo lý đó), để giúp họ chọn thực hành cho an tâm, bởi vì họ đang băn khoăn và không biết chọn giáo lý nào cho đúng để thực hành để mang lại ích lợi và hạnh phúc dài lâu; vì lúc đó ở khu làng của họ là 'trạm dừng chân' của rất nhiều tu sĩ và giáo sĩ đã ghé lại và thuyết giảng nhiều giáo lý khác nhau và bài bác những giáo lý của những người khác.

19. (MN 78). *Samaṇamaṇḍikā Sutta*: [Kinh Nói Cho Samaṇamaṇḍikāputta]. Phật đã giảng giải theo cách nào một người là "*người đã đạt tới sự chứng ngộ tối thượng*".

20. (MN 81). *Ghaṭīkāra Sutta*: [Kinh Nói Về Người Thợ Gốm Ghaṭīkāra]. Bài kinh là câu chuyện Đức Phật Thích-Ca đã kể lại cho Ngài Ananda về người thợ gốm Ghaṭīkāra là một người cúng dường tận tâm nhất của Đức Phật Ca-Diếp trong Phật kiếp đó, trong đó người thợ gốm đã tìm mọi cách để giúp cho người bạn thân, là môn sinh bà-la-môn tên là Jotipāla, gặp được Đức Phật Ca-Diếp để nghe Giáo Pháp và xuất gia. Và Jotipāla đó chính là một kiếp trước của Đức Phật Thích-Ca.

21. (MN 82). *Raṭṭhapāla Sutta*: [Kinh Nói Về Raṭṭhapāla]. Kinh là câu chuyện về một thanh niên trẻ vì niềm-tin vào Đức Phật đã làm mọi cách để xuất gia đi tu mặc dù điều đó trái lại với mong muốn của cha mẹ. Và phần kết là sau khi đã chứng A-la-hán, thầy ấy trở lại nhà để thăm cha mẹ, và ở đó thầy ấy cũng gặp nhà vua của xứ đó và đã giảng giải *những lẽ-thực phũ*

phàng của sự sống và thế gin cho nhà vua nghe. Đây là một bài kinh đáng cảm động về sự chia lìa với gia đình để xuất gi tu hành và đáng nhớ về một tấm gương tu thành.

22. (MN 84). *Madhurā Sutta*: [Kinh Ở Madhurā]. Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã hỏi ý kiến của Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahā Kaccāna] về lời tuyên bố của những bà-la-môn rằng họ là giai cấp thượng đẳng cao nhất. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã suy xét và giảng giải chứng minh cho nhà vua thấy điều đó chỉ là '*lời do họ nói ra*' mà thôi, chỉ là điều sai giả, còn trong hiện thực thì không đúng như vậy. Đây là một bài kinh hay về sự bác bỏ sự phân biệt giai-cấp.

23. (MN 85). *Bodhirājakumāra Sutta*: [Kinh Nói Cho Hoàng Tử Bồ-Đề]. Hoàng tử Bodhi (Bồ-Đề) đã nói với Phật quan-điểm của họ là: "Sự hạnh-phúc (sướng, lạc) sẽ không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc sẽ đạt được thông qua sự đau-khổ." (Đây là một quan-điểm căn bản của những Ni-kiền-tử). Đức Phật đã giải thích về sự sướng (lạc) có được từ sự hành khổ đau đớn trong thời gian Phật đi tìm cầu sự giác-ngộ. Và Phật đã giảng giải thêm cho hoàng tử về sự chuyên-cần tu (tinh cần) tu tập để dẫn tới những sự ac lạc thực sự. Phật đã nói ra *những phẩm-chất cần có của một người bước vào tu tập,* và *những phương pháp tu tập theo đạo Phật* để dẫn tới sự giải-thoát, Niết-bàn.

24. (MN 86). *Angulimāla Sutta*: [Kinh Về Angulimāla]. Bài kinh là câu chuyện về một người từng là một "tên cướp sát nhân tên Angulimāla". Và phần sau là cách Phật đã chinh phục kẻ tội đồ khét tiếng đó và 'hắn' đã quy y theo Phật để trở thành một Tỳ kheo, và Phật đã dẫn dắt Tỳ kheo Angulimāla chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Đây là một trong những bài kinh nổi tiếng về một 'tên cướp sát nhân' nổi tiếng mà giới Phật tử thường hay kể cho nhau.

25. (MN 87). *Piyajātika Sutta*: [Kinh Ái Sinh]. Ý nghĩa là 'sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng' được sinh ra từ những người hay những thứ người ta yêu dấu, ví dụ như sau khi những người thân yêu đau bệnh hay chết đi, hoặc khi những thứ yêu quý mất đi. Và Đức Phật đã giải thích về những sự thật đó. Ý nghĩa bài kinh: những sự yêu dấu, sự luyến ái, tình yêu, tình cảm cũng là những nguyên nhân gây ra sự buồn sầu và khổ đau

(ngoài những nguyên nhân chính đã được nói ra trong phần Nguồn-gốc Khổ của Bốn Diệu Đế).

26. (MN 88). *Bāhitika Sutta*: [Tấm Vải Ngoại Nhập]. Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã cố gặp ngài Ānanda để hỏi những câu hỏi về *những hành-vi của Đức Phật* (còn có khả năng nào là bất thiện hay không), bởi do lúc đó có một vụ án nghiêm trọng về một nữ du sĩ chết do những du sĩ ngoại đạo cố tình dựng ra để vu khống Phật), và thầy Ānanda đã lần lượt trả lời những câu hỏi của Vua Pasenadi về những hành-vi của Phật.

27. (MN 89). *Dhammacetiya Sutta*: [Kinh Những Bảo Tháp Đối Với Giáo Pháp]. Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã đưa ra 10 lý do tại sao ông đã đích thân thể hiện sự tôn kính đới với Đức Phật. (Và 10 điều ông đã trình bày đã được Phật gọi là *những bảo tháp* (như những tượng đài, những tuyên ngôn, những đền thờ) đối với Giáo Pháp). *Bài kinh này cũng đánh dấu lần cuối cùng vị vua Phật tử thành tín và nổi tiếng đã gặp Đức Phật* (vì ông đã chết trong đêm đó), và đây cũng là thời gian trong năm cuối cùng của Đức Phật còn ở tại thế gian này.

28. (MN 90). *Kaṇṇakatthala Sutta*: [Kinh Ở Vườn Nai Kaṇṇakatthala]. Nhà vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã hỏi đức Thế Tôn những câu hỏi về *sự toàn-trí*, về *sự khác-biệt về sự thanh-lọc* (tức sự tu tập và chứng đắc tâm linh) giữa các giai cấp xã hội thời đó, và về những thiên-thần và *cả trời Brahmā* (Phạm thiên) có còn tái sinh xuống cõi người hay không. Đức Phật đã trả lời và làm thỏa mãn nghi vấn của nhà vua.

29. (MN 91). *Brahmāyu Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Brahmāyu]. Bà-la-môn Brahmāyu là một người đã già, 120 tuổi, rất uyên bác; ông nghe tin về Đức Phật nên đã sai một môn sinh bà-la-môn tên Uttara rất thông thái của ông đến gặp Phật để tìm hiểu về *32 đặc điểm tướng tốt của một bậc Đại Nhân* như một điều kiện cần có trước để xác định đó là một vị Phật hay không. Học trò Uttara đã đến gặp Phật, và sau khi nhìn thấy những đặc điểm tướng tốt của Phật, anh ta tiếp tục theo dõi Phật suốt 07 tháng như hình với bóng để coi *tất cả những hành-vi sinh hoạt của Phật*: từ thời lịch đi lại, thuyết pháp … trong một ngày, cho đến: sự đi, đứng, ngồi, nằm, tay, chân … thuyết pháp, giọng nói … cho đến cách ăn uống, cách rửa bình bát … Và anh

ta đã về kể lại với sự ca ngợi cho bà-la-môn Brahmāyu nghe. Rồi bà-la-môn Brahmāyu đã đến gặp Phật, và sau khi nghe Phật trả lời và thuyết giảng, ông đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời, và không lâu sau đó ông mất và được tái sinh thành một bậc thánh Bất-lai.

- (Đây có lẽ là một bài kinh dài và đầy đủ về (i) *32 đặc điểm tướng tốt của Đức Phật*, và (ii) đặc biệt là *một bài chỉ dạy về những hành-vi cử-động sinh-hoạt và cách-sống thường ngày của một vị Phật*, mà những tu sĩ Phật giáo (các Tăng và Ni ở mọi cấp bậc) đều phải học biết và tu tập theo những hành-vi sinh hoạt hàng ngày của Đức Phật, từ việc đi đứng … cho đến ăn uống, thậm chí trong việc rửa tay rửa bình bát … Những hành-vi sinh hoạt giống Phật ít nhiều cũng đã được đưa vào trong các quy định ở các tự viện.)

30. (MN 92). *Sela Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Sela]. Câu chuyện bắt đầu từ chuyện tu sĩ tóc búi tên Keṇiya đã đến gặp Phật, nghe Phật thuyết pháp, và ông đã cố gắng mời Phật và Tăng Đoàn đến dùng bữa cơm ngày hôm sau. Khi ông đang chuẩn bị cho bữa cúng dường lớn đó, bà-la-môn tên Sela là sư thầy của ông đã đến tìm hiểu, và Keṇiya đã kể lại cho ông tin tức lan truyền về Sa-môn Cồ-đàm là một bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, và một vị Phật Toàn Giác. Bà-la-môn Sela ngạc nhiên vì hiếm thay trong thế gian thấy được một vị Phật! Do vậy, ông đã cùng 300 môn sinh bà-la-môn đến trực tiếp gặp Phật cho biết. Đến nơi ông đã tìm thấy *32 đặc điểm tướng tốt của Phật*, nhưng do vẫn chưa tin chắc đó là một vị Phật, ông đã hỏi về những phẩm-chất của một vị Phật bằng cách ca ngợi bằng một bài thi kệ. Sau khi Phật trả lời cho ông, ông đã tin chắc đó là một vị Phật. Và cuối kinh ông đã cùng 300 môn sinh bà-la-môn xin quy y và xuất gia theo Phật. Sau đó ông và tất cả họ đều tu-thành với thánh quả A-la-hán.

31. (MN 93). *Assalāyana Sutta*: [Kinh Nói Cho Môn Sinh Bà-la-môn Assalāyana]. Đây là câu chuyện Phật nói cho môn sinh bà-la-môn nổi tiếng học rộng tên là Assalāyana. Môn sinh bà-la-môn này đã bị những bà-la-môn trưởng lão khác xúi dục và thách thức đi đến gặp Phật để bác bỏ lời nói của Phật là "*Sự thanh-lọc thân tâm là làm được bởi tất cả mọi thành phần giai cấp, chứ không dành riêng cho bà-la-môn*' và để biện luận cho điều khẳng định của những bà-la-môn rằng "*Bà-la-môn là giai cấp cao nhất.*'

- Và Đức Phật đã bác bỏ toàn bộ luận điệu đó của họ bằng một sự thuyết giảng bằng *10 trường hợp phân tích* (kể cả ví dụ) *rất hay* và xác đáng. Đây có thể được gọi là một bài tuyên ngôn tuyệt vời của Đức Phật để bác bỏ mọi luận điệu phân biệt giai cấp trong xã hội. Và theo Đức Phật, chỉ có giới-hạnh, sự tu-dưỡng và chứng-ngộ tâm linh mới thực sự là thước đo phẩm cấp của một người. Và cuối cùng môn sinh bà-la-môn Assalāyana đã hài lòng với lời giảng giải của Phật và đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

32. (MN 94). *Ghoṭamukha Sutta*: [Kinh Nói Cho Ghoṭamukha]. Bài kinh là câu chuyện bà-la-môn Ghoṭamukha đã đến đặt vấn-đề với Tỳ kheo Udena rằng: 'Không có đời sống xuất gia nào đúng theo Giáo Pháp' (chữ 'đời sống xuất gia' ở đây là kể cả những du sĩ, ẩn sĩ, và sa-môn). Thầy Udena đã giải thích chi tiết cho bà-la-môn về những loại người nào (du sĩ, khổ sĩ) đang thực hành không đúng theo Giáo Pháp (tà đạo), và những loại người nào (các Tỳ kheo, sa-môn) đang thực hành đúng theo Giáo Pháp (chánh đạo). Sau khi nghe xong phần giảng giải của thầy Udena, bà-la-môn Ghoṭamukha đã quy y nương tựa Tam Bảo cho đến hết đời. Kết thúc bài kinh, ông muốn xây và cúng dường cho thầy Udena một tịnh xá, nhưng nghe theo lời của thầy ấy, ông đã cho xây một hội trường cúng dường cho Tăng Đoàn ở Kinh Thành Hoa Thị (Pāṭaliputta) mà thời sau nó được gọi tên là Hội Trường Ghoṭamukha.

33. (MN 95). *Cankī Sutta*: [Kinh Có Bà-la-môn Cankī]. Phần đầu mô tả về bối cảnh quen thuộc Phật đến một địa phương bà-la-môn, và về bà-la-môn Cankī đã nói cho đám đông bà-la-môn khác bằng những lời đề cao chi tiết về những phẩm-hạnh của Đức Phật. Sau đó là phần Đức Phật thuyết giảng cho cả hội chúng rất đông bà-la-môn đến gặp Phật ở khu Vườn Cây Sāla, đại diện đặt những câu hỏi là môn sinh bà-la-môn tên Kāpaṭhika, họ là Bhāradvāja. Rồi Phật đã lần lượt giảng giải cho họ về 'sự bảo-vệ một sự thật', 'sự khám-phá sự thật', 'sự đạt-tới cuối cùng tới sự thật' (Niết-bàn, thánh quả bậc A-la-hán), và những điều-kiện để lần lượt đạt được những thành-tựu đó, *từ bước sơ tu cho đến khi chứng đắc thánh quả cuối cùng*.

- (Đây cũng là một cách Phật giảng dạy cho các Tỳ kheo từ bước đầu biết tôn-trọng và gặp-gỡ một vị sư thầy là người thuyết pháp để lắng-nghe, nghe-

được, và xem-xét ý nghĩa của Giáo Pháp, cho đến khi có sự nhiệt-thành, thì có sự áp dụng ý-chí, và sự chuyên-cần tu (tinh cần; lặp lại sự tu tập thường xuyên bảy yếu-tố giúp giác-ngộ hay thất giác chi), và dẫn tới sự chứng-ngộ và sự thâm-nhập sự thật.)

Cuối cùng môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika đã hài lòng và xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

34. (MN 96). *Esukārī Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Esukārī]. Những bà-la-môn quy định về *04 cấp phục-vụ* (phụng sự) và *04 loại tài-sản của 04 giai cấp*. Như trong nhiều kinh khác, Đức Phật đã bác bỏ 'sự tự cho mình là giai cấp thượng đẳng' của những bà-la-môn; trong đó Phật đã trả lời và giảng giải cho bà-la-môn Esukārī về những sự vô-lý trong quan-điểm của những bà-la-môn và những sự hữu-lý trong cách-nhìn phi giai cấp và chánh-kiến của Đức Phật. Cuối cùng bà-la-môn Esukārī đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

35. (MN 97). *Dhānanjāni Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Dhānanjāni]. Ngài Xá-lợi-phất đã giải thích và khuyên bảo một bà-la-môn nổi tiếng khi ông này cố viện lý do mình bận bịu với những bổn phận và công việc làm ăn nên không thể chuyên chú tu tập. Về sau, khi ông bà-la-môn gần chết, thầy Xá-lợi-phất đã đến giảng giải cho ông ta nhiều điều giáo pháp và chỉ dẫn cho ông con đường dẫn đến sự tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên) bởi vì thầy ấy thấy những bà-la-môn đều nhắm tới cõi trời Brahma (do họ nghĩ họ được sinh ra từ những vị trời đó). Cuối cùng Phật đã quở thầy Xá-lợi-phất, vì lẽ ra thầy có thể dẫn dắt ông bà-la-môn đó đi đến những sự chứng-ngộ cao hơn (như thánh đạo dẫn tới sự giải-thoát hơn là sự tu tiên để lên cõi trời như vậy).

36. (MN 98). *Vāseṭṭha Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Vāseṭṭha]. Đức Phật đã giảng giải và giải quyết sự tranh chấp bởi hai bà-la-môn trẻ về những phẩm-chất của một "*bà-la-môn đích thực*" là gì. "*Bà-la-môn đích thực*" là chỉ một bậc chân tu, một bậc giác-ngộ, hoặc A-la-hán. Và Phật đã nói ra hàng loạt phẩm-chất của một 'bà-la-môn đích thực' bằng những dòng thi kệ. Cuối cùng môn sinh bà-la-môn Vāseṭṭha đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

37. (MN 99). *Subha Sutta*: [Kinh Nói Cho Môn Sinh Bà-la-môn Subha]. Môn sinh bà-la-môn này đã hỏi Đức Phật về "*sự thành tựu con đường đích thực*" (chân đạo) bởi người tại gia và người xuất gia; về "*năm điều quy định bởi những bà-la-môn về việc làm có công-đức*", Đức Phật đã giảng giải và chứng minh cho anh ta điều gì là đúng … Và cuối cùng, theo yêu cầu của anh ta, Phật đã chỉ dẫn cho anh ta đường dẫn đến sự tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên).

38. (MN 100). *Sangārava Sutta*: [Kinh Nói Cho Môn Sinh Bà-la-môn Sangārava]. Môn sinh bà-la-môn này đã hỏi Đức Phật về cơ-sở dựa vào đó Phật chỉ dạy những nền-tảng của đời sống tâm linh (tu hành; phạm hạnh). Phật đã trả lời rằng một người chỉ nên tuyên bố và chỉ dạy những nền tảng của đời sống tâm linh sau khi mình đã tự nhìn thấy Giáo Pháp và đã tự mình chứng ngộ những sự chứng ngộ đó. Rồi đã kể lại cho anh ta cả quá trình tu hành của Phật từ khi xuất gia đến khi giác-ngộ. Cuối cùng môn sinh bà-la-môn Sangārava đã xin quy y thành đệ tử tại gia suốt đời.

(QUYỂN 3)

39. (MN 105). *Sunakkhatta Sutta*: [Kinh Nói Cho Sunakkhatta]. Sunakkhatta đã đặt vấn đề có những Tỳ kheo đã tuyên bố *trí-biết cuối cùng* (thánh quả A-la-hán) của mình nhưng thực ra người đó chưa chứng thánh quả đó. Từ vấn đề này, Đức Phật đã nói ra *những lý do người tu chưa chứng đắc sự giải-thoát hoàn toàn*. Đức Phật lần lượt nói ra những hạng người tu: (i) còn chủ tâm tới *những thứ vật chất thế tục* (dục lạc), (ii) *những tầng thiền định sắc giới*, (iii) *những tầng chứng đắc vô-sắc giới*, và (iv) chủ tâm tới *Niết-bàn*. Và cuối cùng Đức Phật đã tuyên thuyết một định nghĩa khác của *sự giải-thoát* là = *sự chấm dứt mọi sự thu-nạp* (sanh y); khi đã tiêu diệt mọi sự thu-nạp (diệt sanh y), người tu không còn bị gông cùm, không còn dính líu gì, và không còn khởi tâm quay lại những trạng thái thấp hơn.

40 (MN 107). *Gaṇakamoggallāna Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna]. (Gaṇaka Moggallāna có nghĩa là: Kế toán Mục-kiền-liên). Đức Phật đã trình bày về "*sự tu-tập tiến dần*" dành cho những tu sĩ Phật giáo. Và Phật đã tự mô tả mình chỉ là "*người chỉ ra con đường*", còn những người tu phải tự mình bước đi trên con đường đó, phải tự mình nỗ-lực (tinh tấn) và chuyên-cần tu (tinh cần) theo phát đồ đó để tự mình giác-ngộ và giải-thoát.

Bài kinh cũng khẳng định một sự thật là: "*Phật chỉ là người chỉ đường*", còn mỗi người phải tự bước đi trên con-đường đó, như trong kinh Pháp Cú 276 cũng đã nói.

41. (MN 108). *Gopakamoggallāna Sutta*: [Kinh Nói Cho Bà-la-môn Gopaka Moggallāna]. Thầy Ānanda đã giải thích về cách mà Tăng Đoàn duy trì sự đoàn-kết và những nguyên-tắc thực hiện của những Tỳ kheo sau khi Phật mất. Đây là kinh nói về một số điều quan trọng xảy ra sau khi Phật mất. Bài kinh cũng khẳng định một sự thật là: "*Không có Tỳ kheo nào là người theo từng cách và mọi cách có-được tất cả những phẩm-chất có-được bởi Phật*", bởi vì Phật là người phát khởi và tạo ra con-đường, còn những Tỳ kheo chỉ là những người tu theo và an trú trong đó sau đó.

42. (MN 114). *Sevitabbāsevitabba Sutta*: [Kinh Tu-Dưỡng và Không Tu-Dưỡng]. Đức Phật đã đưa ra 03 *sự tóm-lược* (đề cương, đại cương, mẫu đề) về '*những điều nên tu dưỡng*' và '*những điều không nên tu dưỡng*', và sau đó thầy Xá-lợi-phất đã *phân-giải* một cách chi tiết, và sau đó sự phân-giải của thầy ấy đã được Phật chấp thuận.

43. (MN 125). *Dantabhūmi Sutta:* [Những Cấp Độ Được Thuần Phục]. Bằng ví dụ về *sự thuần phục một con voi*, Đức Phật đã giảng giải về cách Phật đã *thuần phục chuyển hóa những đệ tử của mình*. Đây là một bài kinh hay và dài, vì có nhiều phần tu-tập đầy đủ như chúng cũng đã được ghi trong các kinh khác trong bộ kinh **MN** này.

44. (MN 126). *Bhūmija Sutta*: [Kinh Nói Bởi Bhūmija]. Đức Phật đã đưa ra một loạt 08 (4x2) ví-dụ đối nhau để mô tả sự thất-bại và kết-quả tự nhiên của Bát Thánh Đạo. Ý nghĩa của kinh này là: (i) cho dù người tu có ước nguyện hay không ước nguyện gì, nếu người đó tu tập theo đường sai (tà đạo) thì sẽ không có quả gì, vì đó là đường sai; (ii) cho dù người tu có ước nguyện hay không ước nguyện gì, nếu người đó tu tập theo đường đúng (chánh đạo) thì sẽ có đạo quả tốt, vì đó là đường đúng. Việc thệ nguyện hay ước nguyện không thực sự là nhân hay duyên tạo ra sự tu-tiến, sự thanh-lọc và sự chứng-ngộ.

45. (MN 127). *Anuruddha Sutta*: [Kinh Nói Bởi A-nậu-lâu-đà]. Thầy A-nậu-lâu-đà đã làm rõ sự khác-nhau giữa *sự giải-thoát vô lượng của tâm* (sự giải-thoát của tâm vô lượng, vô lượng tâm giải-thoát) và *sự giải-thoát bao la của tâm* (sự giải-thoát của tâm được khuếch đại; khuếch đại tâm giải-thoát).

46. (MN 135). *Cūḷakammavibhanga Sutta*: [Tiểu Kinh Phân Giải về Nghiệp]. Đây là bài kinh quan trọng về *nghiệp và nghiệp quả*. Đức Phật đã giảng giải về nghiệp (*kamma*) chịu trách nhiệm dẫn tới sự tái sinh của những chúng sinh hạnh phúc tốt lành và những chúng sinh bất hạnh đày đọa.

47. (MN 142). *Dakkhiṇāvibhanga Sutta*: [Kinh Phân Giải về Sự Cúng-Dường]. Đức Phật đã liệt kê và giảng giải về 14 loại sự cúng dường cho cá-nhân và 07 loại sự cúng dường cho Tăng Đoàn.

48. (MN 143). *Anāthapiṇḍikovāda Sutta*: [Kinh Lời Khuyên Dạy Cấp Cô Độc]. Thầy Xá-lợi-phất, và thầy Ānanda, đã được gia chủ Cấp Cô Độc thỉnh cầu đến gặp ông trên giường bệnh, và thầy đã thuyết giảng cho gia chủ Cấp Cô Độc bài thuyết giảng khởi xướng về *sự không dính-chấp* (vô thủ) *với tất cả mọi thứ*. Mọi thứ bao gồm tất cả: 6 giác-quan (sáu căn), 6 đối-tượng giác quan (sáu trần), 6 thức giác quan (sáu căn thức), 6 tiếp-xúc giác quan (sáu căn xúc), 6 cảm-giác khởi sinh từ 6 tiếp-xúc giác quan (sáu thọ), 6 yếu-tố lớn (sáu giới: đất, nước, gió, lửa, không gian, thức), 5 uẩn, 4 tầng chứng đắc vô-sắc, những thế giới (cõi, cảnh giới), và cuối cùng là "thứ được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận biết, được bắt gặp, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm". (Đây cũng là *bài kinh cuối cùng về gia chủ Cấp Cô Độc*, vị đại thí chủ của Phật, vì sau khi nghe kinh này vị ấy đã qua đời và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất.)

49. (MN 150). *Nagaravindeyya Sutta*: [Kinh Nói Cho Dân Làng Nagaravin-da]. Đức Phật đã giảng giải cho những bà-la-môn ở làng đó: (i) loại tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn không nên được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính; và (ii) loại tu sĩ và bà-la-môn nào một người không nên được tôn vinh … tôn kính; và (iii) những lý do và bằng chứng để biết được những loại tu sĩ và bà-la-môn đã nói trên.

50. (MN 152). *Indriyabhāvanā Sutta*: [Kinh Tu Tập Các Căn]. Đức Phật đã giảng giải (i) về '*sự tu-tập cao nhất* (vô thượng) *về sự kiểm soát các căn cảm-nhận*' (các giác quan), (ii) theo cách nào là '*một đệ tử đang trong sự tu-học bậc cao, là những người đã chứng nhập trong thánh đạo*' (bậc học-nhân), và (iii) theo cách nào là '*một bậc thánh với các căn đã được tu tập*' (bậc vô học nhân, A-la-hán) làm chủ những nhận-thức (tưởng) của họ.

+++++